

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MỘT CUỘC ĐỜI
MỘT VẪNG
NHẬT NGUYỆT

1

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc... một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện công hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mâu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **“Một cuộc đời, một vàng nhật nguyệt”** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vàng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008
Hòa thượng Viên Minh
Phó Ban Thiền Học
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Vương Quốc Cổ Xưa

Truyền thuyết kể rằng, vào một thuở rất xa xưa, từ miền tây bắc Ấn, có một giống dòng dân tộc cao quý, thành lập một quốc độ hùng mạnh. Vị vua đầu tiên chính là tiền thân Phật Sākya Gotama. Trải qua hàng trăm đời vua, họ sống trong cảnh thanh bình, hạnh phúc.

Đến triều đại Okkāka đệ tam thì bắt đầu nảy sinh biến cố. Số là đức vua này có một hoàng hậu là bà Bhattā và bốn hoàng phi là Cittā, Jantū, Jātinī và Visākhā⁽¹⁾. Bà chánh hậu Bhattā sanh được năm công chúa là Piyā, Suppiyā, Ānanda, Vijitā, Vijitasena và bốn hoàng tử là Okkāma, Karakaṇḍa, Hatthhinika, Sīnipura⁽²⁾. Sau khi bà chánh hậu mất, đức vua Okkāka đệ tam lập bà hoàng phi Jantū lên ngôi vị chánh cung. Bà này sanh hạ được một hoàng tử, đức vua vô cùng yêu mến bèn cho bà thực hiện một sở nguyện. Bà này lại chẳng mong ước ngọc ngà, châu báu, chỉ muốn con mình được kế vị ngôi vương mà thôi.

Đức vua Okkāka đệ tam vô cùng khó nghĩ, vì đã hứa thì không thể nuốt lời, vả, nhân cách và trí tài của các hoàng tử

⁽¹⁾ Theo Dictionary of Pāli Proper Names, Vol-1 trang 461- by G.P. Malalasekera - Motilal Banarsidass Publishers Private Limited - Delhi.

⁽²⁾ Như chú thích trên.

đều vô song, lại chẳng có một khuyết điểm nào về đức hạnh. Lập con nhỏ mà bỏ con lớn là mầm mống của tranh chấp, cốt nhục tương tàn còn lưu lại vết máu ô nhục trong các triều đại.

Chẳng biết trả lời sao với bà hoàng hậu được cung chiều, đức vua bèn họp bàn cùng với các con. Sau khi nghe rõ mọi chuyện, vị công chúa lớn tuổi nhất là Piyā, thành thật góp ý:

- Phụ hoàng làm vua một nước, không thể thất tín để thiên hạ chê cười.

Hoàng tử Okkā mukha - người mà đức vua đã nhắm là sẽ cho kế vị trong tương lai - cũng đồng ý với chị, nhưng tiếp lời:

- Nói ra xin vương phụ đừng buồn. Người mà vương phụ sủng ái, có tâm địa sâu xa khó lường. Tuy nhiên, xin vương phụ an tâm, chúng con đã có chủ định.

Đức vua Okkāka đê tam ngạc nhiên:

- Thế ra các con đã biết rõ cả, và các con đã họp bàn cùng nhau rồi?

Năm công chúa và bốn hoàng tử lặng lẽ gật đầu, nhìn vua cha với những tia mắt buồn rười rượi.

Hoàng tử Okkā mukha vòng tay, cúi đầu, cất giọng điềm đạm:

- Chúng con đều đã lớn mà chưa gánh vác được chuyện sơn hà xã tắc, lẽ nào còn để cho vương phụ canh cánh thêm mối ưu tư bên lòng? Vương phụ hãy hứa khả cho hoàng đệ làm thái tử, chúng con chẳng có mối tị hiềm nào. Tuy nhiên, tất cả chúng con sẽ ra đi để xây dựng một vương quốc mới. Chúng con đã quyết chí và chúng con sẽ làm được việc đó.

Công chúa trưởng Piyā cũng đứng dậy tâu:

- Phụ hoàng chớ khá lo lắng. Tổ tiên, dòng họ chúng ta đều là những bậc anh hùng, và dân tộc chúng ta đã từng lập quốc từ những hiểm nguy và gian khổ. Vậy, ngay ngày mai,

chúng con sẽ lên đường; phụ hoàng hãy đổi cái sầu thương mà lấy lại niềm vui của tuổi già mới phải.

Nói vậy chứ trước cuộc chia ly không ai giấu được cảm xúc nên nước mắt họ tuôn chảy đầm đề. Năm vị công chúa và bốn vị hoàng tử anh hùng ra đi khi trời đất còn mờ sương, với xe ngựa, binh lính, kẻ hầu người hạ, lương thực, áo quần, tư trang, tư dụng... như là một cuộc thiên di vĩ đại; gần suốt buổi sáng mà toán quân cuối cùng mới khuất cổng hoàng thành.

Đức vua Okkāka đê tam đứng trên lầu cao, đôi mắt đỏ lệ nhìn theo những vết bụi cuối chân trời xa...

Dưới chân núi Himalaya có khu rừng tên là Hemabāma thâm u, kỳ bí, nổi tiếng là nhiều sư tử, cọp, beo cùng các thú rừng hoang dã khác. Đạo sĩ Kapila dựng một thảo am và ẩn cư ở đây.

Đạo sĩ Kapila đắc bát định và có thần thông. Cả một vùng rừng rộng lớn xanh tươi đầy hoa trái, nước ngọt, cây lành này đều được ngài bảo vệ. Cứ mỗi buổi sáng, trú định..., đi lên, đi xuống từ sơ thiên đến bát thiên, trở lại tứ thiên, xuống tam thiên, nhị thiên, sơ thiên; giữ cận định sơ thiên, ngài phát triển tâm từ vô lượng, như một làn khí mát mẻ, an lành, đổ đầy tràn ra không gian, bao trùm mọi vật. Các loài thú dữ, lúc rượt đuổi các con thú hiền lành, vào đến ranh giới này, chợt dừng, chúng từ từ dừng lại. Những bản tính hung hăng, dữ tợn, khát máu... bỗng lắng dịu xuống và chúng trở nên hiền lành, thuần hậu. Thế là thời gian sau, khu rừng Hemabāma trở thành một vương quốc an lạc và thanh bình.

Hôm kia, ngồi thiền định trên một tảng đá bằng và cao tại một sườn non, giữa sương mù và khí núi bông bênh; lúc đạo sĩ Kapila xả thiền thì sao Mai vừa mọc, vàng trắng hạ tuần lấp ló sau màn mây trắng đục màu sữa; ngài cảm nghe hạnh phúc tuôn tràn thấm đẫm từng chân tơ kẽ tóc, tràn ra cả

không gian yên tĩnh. Những cánh chim đêm bình yên qua lại. Một làn gió mát thổi qua, tóc bạc như tuyết trắng của đạo sĩ rung rinh, bay phơ phất. Dường như có cái gì khác lạ. Đạo sĩ Kapila đứng lên, đôi mắt tinh anh, sáng quắc của ngài nhìn xuyên qua sương mù và thấy từ dưới xa chập chờn những ánh lửa. Ánh lửa đứng yên và ánh lửa di động. Chắc là của một đám dân du mục nào? Không phải! Lửa nhiều quá! Lại còn cả những bó đuốc cháy đỏ rực xung quanh những lều vải!

Bỗng, đạo sĩ Kapila ngồi xuống và định tâm. Lát sau, ngài mỉm cười: “Hóa ra là vậy”. Rồi không quản đêm tối, đạo sĩ rời tảng đá, hướng đến phía những đốm lửa, thoăn thoắt bước đi...

Nhắc đến chuyện năm công chúa và bốn hoàng tử cương quyết ra đi lập quốc. Theo lệnh của đại công chúa và hoàng tử Okkāmukha, họ cứ nhắm ngọn Himalaya mà tiến. Đêm hạ trại, ngày nhỏ lều, hơn tháng ròng rã, họ dừng chân nơi một khu rừng xanh thắm, tươi đẹp.

Suốt quãng đường xa xôi, tuy vẫn nghe theo lời chị và anh, nhưng các hoàng tử trẻ không ngớt càu nhàu. Họ nói:

- Với cái trí và cái tài của chín đầu óc chúng ta, với mười tám cánh tay trẻ trung, sức lực, với số quân tình nguyện mấy ngàn nhân mã thiện chiến, với những viên kiện tướng và dũng tướng vô địch như thế này thì đánh bất kỳ quốc độ nào trong cõi Diêm-phù-đề, chúng ta cũng thắng cả! Vậy tội gì không chiếm một nước giàu mạnh nào mà sinh sống, mà phát triển bản lãnh tài cao; lại đi vào non sâu, tuyết lãnh để đuổi thú, bắt chồn?

Đại công chúa Piyā ôn tồn nói:

- Này em! Chúng ta chưa mất giang sơn mà đã đau khổ như thế này, huống hồ là kẻ bị đánh chiếm sơn hà xã tắc? Hãy đặt mình trong hoàn cảnh của họ, thì em sẽ hiểu tại sao không nên làm việc thất nhân đức ấy.

Hoàng tử Okkā mukha tiếp ý chị, cười cười nói:

- Các em có biết người anh hùng là thế nào chăng?

Hoàng tử trẻ nhất đáp:

- Anh hùng phải là người có chí lập biển vá trời, với hai bàn tay không mà làm nên sự nghiệp.

Hoàng tử Okkā mukha gật đầu tán đồng:

- Đúng thế! Các em đều là những bậc anh hùng. Lẽ nào bậc anh hùng lại đi đánh cướp của người khác? Bậc anh hùng lại ngồi trên đồng sự nghiệp mà người ta đã gầy dựng sẵn cho mình hay sao?

Các hoàng tử trẻ hiếu thắng, hiếu chiến nín lặng, ghen hợm! Bây giờ thì họ hoàn toàn tin phục sự hiểu biết của chị và của anh rồi.

Hôm ấy, vừa hạ trại xong, họ cảm thấy như đã trút hết mọi mệt mỏi đường xa, vì nơi họ tìm được, cảnh trí xinh đẹp quá, tốt tươi quá.

Hoàng tử Okkā mukha lấy gươm xắn một miếng đất, ném, người rồi nói:

- Đất đai như tằm rỉ mật và chất béo. Còn khắp nơi thì trái cây đủ loại chín mọng, lũng lảng trên cành. Vậy sự sống của chúng ta khỏi phải lo rồi.

Ai cũng hớn hở vui cười.

Đêm xuống, cả chín người quây quần bên đồng lửa trại, vừa ăn uống vừa chuyện trò say sưa cho đến gần sáng, không ngủ được. Cái chí lập quốc như nung chín bầu máu nóng của họ. Sau rốt, hoàng tử Okkā mukha kết luận:

- Chắc chắn chúng ta sẽ khai sinh được một quốc độ hùng cường và giàu mạnh ở tại đây, ngay tại khu rừng mênh mông và trù mật này.

Chợt một tiếng nói vẳng lại sau lưng họ:

- Đúng vậy! Nhất định các cháu sẽ làm được điều kỳ diệu và phi thường ấy.

Mọi người quay lại. Một đạo sĩ già như núi tuyết, gầy guộc, xương kính như lão mai; rắn chắc và vững chãi như tòng bách; y áo kết bằng vỏ và lá cây; đôi mắt sáng lấp lánh như hai vì sao; dung nghi tiêu sái, thoát trần dường như đã đứng đó từ lâu lắm, đang nhìn họ, tùm tùm cười. Không hẹn mà cả bọn cùng cúi đầu, chấp tay:

- Chúng con kính chào tiên nơn lão trượng!

Người ấy là đạo sĩ Kapila. Ngài thân mật ngồi xuống bên đồng lửa trại, vui vẻ nói:

- Ủ! Các cháu gọi ta bằng tiên nơn là đúng, vì sau khi từ bỏ xác phàm ở đây, ta sẽ hóa sanh lên một tầng trời cao nhất, cao hơn hết thảy mọi loài trong tam giới. Thế không là tối thắng tiên nơn là gì!

Mọi người không hiểu, lộ vẻ ngờ ngác. Đạo sĩ Kapila không giải thích, lại nói sang chuyện khác:

- Còn một việc rất lạ lùng. Ta chính là tăng tổ của hàng chục, hàng trăm tăng tăng tổ tổ của các cháu. Ta là vị vua đầu tiên, lập ra quốc độ đầu tiên, truyền thừa cho đến những đứa cháu chắt không biết bao nhiêu đời mới đến vua Okkāka⁽¹⁾ đệ tam, là phụ hoàng của các cháu bây giờ đấy!

Ai cũng mở lớn đôi mắt. Thương hại, đạo sĩ Kapila bèn kể cho bọn công chúa và hoàng tử nghe kết quả của khả năng thần thông có thể thấy biết rõ ràng các kiếp sống quá khứ ra sao. Lại còn kể sơ các tiền kiếp của chính đạo sĩ nữa. Ngài mở hé cánh cửa bí mật về các kiếp sống của chúng sanh trong vòng trôi lăn sinh tử nghiệp báo giữa ba cõi sáu đường. Ôi, biết ra thì thật là đáng hổ thẹn. Trong vòng trầm luân sinh tử ấy, chúng sanh đã từng làm chồng, làm cha, làm vợ, làm anh, làm em... của nhau, rồi lại tái đi, diễn lại mãi mãi như thế! Ôi! Cái dòng sinh tử ấy thật là vô luân, bậy bạ

⁽¹⁾ Theo Mahāvamsa - thì hậu duệ của vua Okkāka là Nipuna, Candamukha, Sivisañjaya, Vessantara, Jāli, Sīhavāhana và Sīhasena...

hết sức. Ai không đủ định tâm, định lực, chắc sẽ vì hổ thẹn phải tá hỏa tam tinh mà chết mất thôi!

Bọn công chúa, hoàng tử kính cẩn cúi đầu lắng nghe. Ôi! Quả là những điều quá mới lạ. Họ rùng mình, lạnh gáy. Họ cảm thấy chán nản sự sống, chán nản mọi chuyện được mất, hơn thua, thành bại trong cuộc đời. Chúng chỉ là những cuộc chơi ảo mộng và bi tráng! Lại mang kịch tính dở khóc dở cười...

Vị hoàng tử lớn tuổi nhất, là Okkāmukha chột quỳ xuống:

- Thừa tiên nương! Hãy cho cháu xuất gia làm đạo sĩ. Hãy cho cháu bước ra khỏi vòng tử sinh vô luân kinh khiếp ấy.

Đạo sĩ ái ngại, lắc đầu:

- Vô ích thôi, cháu ạ!

- Tại sao?

- Tại sao ư? Tại vì xuất gia đạo sĩ như ta cũng chưa được kết quả như ý nguyện. Nhờ công phu thiền định, hết kiếp này, ta sẽ hóa sanh lên cõi trời cao nhất. Nhưng khi hết phước báu thiền định rồi, ta cũng phải rơi xuống trở lại thôi. Vẫn còn bị sinh tử, sinh tử mãi mãi. Ta chưa tìm ra con đường thoát ra luân hồi sinh tử, các cháu ạ!

Hoàng tử Okkāmukha ngạc nhiên:

- Vậy ai là người đã vượt thoát ra được?

- Ô, ta cũng không biết. Vả chăng, đây cũng là con đường mà ta đang thao thức, trăn trở. Ta đã tìm kiếm rất lâu, đã trải qua vô lượng vô biên kiếp sống. Nhưng khó khăn như mò kim đáy biển, xem ra, còn dễ dàng hơn là tìm kiếm con đường thoát khổ, các cháu có biết thế không?

Họ lắc đầu thiếu não. Rồi họ thở dài. Chột đạo sĩ Kapila cười lớn:

- Nhưng đây là bổn phận của ta, chứ không phải là trách nhiệm của các cháu. Công việc trước mắt của các cháu là phải hăng say mà lập quốc, các cháu có hiểu thế không?

Hoàng tử Okkāmukha nhú mày:

- Dạ thưa, không hiểu ạ!

Đạo sĩ Kapila lại phải ân cần giải thích:

- Thật khó cho các cháu hiểu ngọn ngành, nhân quả được. Nhưng mà này, không biết các cháu có tin không, ta biết rõ dòng tâm và dòng nghiệp của các cháu. Ta còn biết, các cháu chưa xuất gia được, nhưng các cháu sẽ tạo nên được một dòng tộc anh hùng, mãi còn lưu thanh danh trong lịch sử, ngay tại đây, tại mảnh đất này. Các cháu không thể làm khác được.

Vì tin tưởng đạo sĩ, mọi người quyết tâm cùng xây dựng quốc độ. Tuy nhiên, đạo sĩ lưu ý rằng:

- Nơi đây rất nhiều thú dữ. Ta sẽ cố gắng bảo vệ an toàn cho các cháu, nhưng các cháu phải hứa khả với ta một điều.

- Xin cho nghe!

- Các cháu không được giết bất cứ một con thú nào trong khu rừng Hemabāma này. Chỉ một niệm sát khởi lên trong tâm các cháu, là các cháu đã tự giết hại mình rồi.

Họ không hiểu. Đạo sĩ Kapila, chính là tiền thân Phật Sākya Gotama, bèn bảo mọi người hãy yên lặng, kể cả quân lính, cả những thuộc hạ tùy tùng, phục dịch. Rồi đạo sĩ nhắm mắt, ngồi kiết già, nhiếp tâm, trú định từ vô lượng. Lát sau, một làn khí sung mãn do từ vô lượng định tỏa ra, tràn đầy châu thân, tràn đầy ra bên ngoài, bao trùm cả không gian lớn rộng. Thế rồi, làn khí tâm từ ấy còn len lõi, thấm nhập cả từng mảy chân lông, tế bào của mọi người; lan đến cả đầu cây, ngọn cỏ, sinh vật muôn loài...

Lâu lắm, đạo sĩ xả định, mở mắt nhìn mọi người, tủm tỉm cười:

- Các cháu cảm nhận được điều gì đó chứ?

Họ đáp:

- Thưa, có cái gì đó rất mát mẻ, rất an lành, tâm mát khắp mọi nơi, mọi chỗ.

Đạo sĩ gật đầu:

- Đúng vậy! Cái đó là định của tâm từ. Cái làn khí mát mẻ, an lành ấy là do tâm từ tỏa ra. Ta đã tu tập rất lâu cái tâm từ vô lượng định ấy, các cháu ạ! Bây giờ các cháu hãy lắng nghe ta hỏi đây.

- Thưa vâng!

- Khi nào làn khí từ tâm mát mẻ, an lành ấy len thấm vào trong tâm các cháu rồi thì những trạng thái như nóng nảy, bứt rứt, khó chịu, hung dữ, độc ác... có khởi lên ở trong tâm các cháu không?

- Thưa không!

Đạo sĩ đưa mắt nhìn ra xa:

- Trước đây, khu rừng này nổi tiếng là nhiều thú dữ, nên ta phải tu tập định tâm từ, làm cho tâm từ ấy sung mãn, bao trùm mọi loài, mọi vật. Các loài thú dữ ấy sống ở đây lần hồi được làn khí mát mẻ, an lành ấy nhiếp phục, cảm hóa mà trở nên hiền lành, không còn khởi tâm giết hại nhau nữa. Vì đói quá nên chúng phải đi thật xa nơi này, các cháu có hiểu điều đó không?

- Thưa hiểu ạ!

- Vậy thì khi mà các cháu khởi niệm sân, niệm sát... có phải là các cháu đã làm dấy động niệm sân, niệm sát ở trong tâm các loài thú dữ không?

- Đúng vậy!

- Các cháu giết chúng thì chúng sẽ giết các cháu lại, có đúng thế không?

- Hoàn toàn đúng.

- Vậy thì muốn cho thú dữ đừng giết hại mình, các cháu phải làm sao? Làm sao để các cháu có thể tự bảo vệ mình?

Hoàng tử Okkāmukha nói:

- Thưa, thứ nhất là đừng khởi tâm giết hại, thứ hai là phải tu tập từ tâm như tiên non đạo sĩ đã từng tu tập.

Đạo sĩ Kapila mỉm cười:

- Đúng vậy! Rồi ngài giải thích thêm - Chính sự không giết hại đã là thành trì thứ nhất bảo vệ sanh mạng cho các cháu. Tuy nhiên, thành trì thứ nhất ấy chưa được an toàn, các cháu phải xây dựng thêm thành lũy thứ hai: ấy là tu tập định của tâm từ rồi ban rải làn khí an lành, mát mẻ ấy ra xung quanh! Nếu mọi người ai cũng không giết hại, ai cũng tu tập định từ tâm, ai cũng làm cho lan tỏa sự an lành, mát mẻ... thì nó sẽ tạo nên một cộng lực vĩ đại, một năng lực vĩ đại bao trùm mọi loài, mọi vật. Và chính đấy mới là thành trì kiên cố, vững chắc nhất bảo vệ sanh mạng an toàn cho tất cả mọi người.

Đám đông quan và lính ở xung quanh lao nhao:

- Khó quá! Khó quá!

- Thế là không được ăn thịt rừng rồi!

- Cả gia súc nữa!

- Cả lươn, chạch, cua, cá... cũng cấm luôn!

Đại công chúa Piyā và hoàng tử Okkāmkha cảm thấy rất khó xử. Lời của tiên non đạo sĩ là sự thật, mà ý kiến phân đông cũng là sự thật. Tất cả họ không phải đạo sĩ xuất gia mà là những chiến sĩ can trường nơi trận mạc, vừa quen đời sống chém giết vừa quen ăn thịt, uống rượu...

Đạo sĩ Kapila dĩ nhiên hiểu tâm sự ấy, nên ngài mở lời thoát:

- Ở đây sẽ có một số ít người thọ trì được điều ấy, còn phần đông thì không thọ trì được. Ta hiểu vậy. Nhưng có còn hơn không! Nếu một số ít trong chư vị kiên trì tu tập thì năng lực ấy từ từ sẽ lan tỏa ra xung quanh...

Hoàng tử Okkāmkha gật đầu:

- Vâng! Cháu sẽ là người thứ nhất ấy!

Đại công chúa Piyā cũng đáp:

- Và cháu sẽ là người thứ hai!

Rồi lần lượt có một vài công chúa và hoàng tử khác tự nguyện noi gương anh và chị. Một thanh niên dũng tướng to cao, cất giọng ồm ồm:

- Tôi có một đề nghị. Tất cả tướng lĩnh quân sĩ nếu muốn săn thịt thú rừng thì hãy đi cho thật xa khu rừng Hemabāma này. Ấy cũng là một biện pháp nhỏ đóng góp vào sự bảo vệ an toàn sanh mạng chung cho mọi người.

Đạo sĩ Kapila mỉm cười:

- Được vậy là tốt! Được vậy cũng là quý rồi!

Mấy ngày hôm sau, đạo sĩ Kapila tận tình dẫn bọn công chúa, hoàng tử đi xem một vòng khắp các khu rừng. Do khả năng trí nhớ tiền kiếp, đạo sĩ chỉ bày, giảng nói cặn kẽ cho họ nghe về từng thế núi, từng cuộc đất. Nơi nào nên làm ruộng, làm rẫy, lập vườn. Nơi nào nên xây dựng nhà cửa, làng mạc. Nơi nào nên thiết lập các công xưởng, kho, trạm... Nơi nào hợp phong thủy để xây dựng kinh đô. Ngài lại còn chỉ cách lấy các nguồn nước để ăn uống, sinh hoạt, tăng gia sản xuất... Nguồn thức ăn vô tận của họ là trái cây nên các khu rừng được giữ gìn và bảo vệ chu đáo.

Lương thực của hằng ngàn người mang theo được sử dụng trong sáu tháng, lại có trái cây và thịt thú rừng săn bắt các miền xa nên thời hạn này được kéo dài hơn. Nhờ đất đai màu mỡ, nguồn nước tươi tiêu vô tận... nên mùa màng bội thu; các loại nông sản, thực phẩm, rau trái... sung mãn, dư thừa. Chỉ cần làm một vụ là ăn trọn năm.

Thế rồi, từng xóm nhà, từng thôn làng cứ lần lượt hiện ra. Các cánh đồng, những khu vườn, những con đường, những cây cầu... được tiếp nối từ thung lũng này sang bình nguyên nọ.

Hoàng tử Okkāmukha và đại công chúa đúng là những tay lãnh đạo tài ba, thông suốt và quán xuyến nhiều lãnh vực. Họ bắt đầu lên bản vẽ để xây dựng kinh đô. Ba hoàng tử và bốn công chúa còn lại dẫn tướng sĩ, quân lính thuộc hạ

và người thân tín của mình đi xa hơn, thành lập bảy ấp tụ lạc bao quanh kinh đô, tạo nên thế liên hoàn rất thuận lợi trong việc phòng thủ, ứng cứu lẫn nhau.

Hôm kia, vào lúc rảnh rỗi, khi mà các công việc đã đi vào nề nếp, đại công chúa nói chuyện với hoàng tử Okkāmukha:

- Huyết thống anh hùng của chúng ta cần phải được gìn giữ. Chị là chị trưởng nên có quyền hành quyết định như cha, như mẹ. Các em, nam nữ tám người phải kết hôn với nhau, thành lập gia đình để bảo vệ dòng máu. Chị phải tuyên triệu một cuộc họp để thông báo về điều ấy. Chị nói trước cho em hay để chuẩn bị tâm lý!

Hoàng tử Okkāmukha phản đối:

- Anh em cô cậu lấy nhau thì em đã có nghe, có thấy, nhưng anh em ruột thì ai mà làm thế được? Em nhất định chống đối đến cùng!

Đại công chúa Piyā cảm thấy rất khó xử. Nhưng huyết thống anh hùng không thể để cho chảy loãng sang dòng họ khác; nên đại công chúa đến hỏi ý kiến đạo sĩ Kapila.

Ngài nói:

- Việc này ta không xen vào được.

Đại công chúa Piyā hỏi khó đạo sĩ:

- Nhưng tiên non có bảo, là trong vòng trôi lăn sinh tử, chúng sanh khi làm chồng, làm cha, làm mẹ, làm vợ, hoặc làm con cái của nhau... chẳng có tuân theo một thứ luân lý nào cả?

Đạo sĩ đáp:

- Đúng vậy!

Đại công chúa Piyā bèn họp các em lại nói chuyện rồi cao giọng kết luận:

- Có nghe sự thật ấy không? Luân lý thế gian chỉ là trò áp đặt của con người. Vậy từ rày về sau, ở quốc độ này, chúng ta đưa ra một thứ luân lý mới, cho anh em ruột, được

quyền lấy nhau để bảo vệ huyết thống. Chúng ta sống, làm việc, lập gia đình không phải cho cá nhân mình mà là cho cả dòng họ. Tổ tiên chúng ta quyết định điều ấy chứ không phải chúng ta lựa chọn.

Lý luận lạ đời của đại công chúa không ai cãi lại được. Đại công chúa làm những quẻ thăm để tác hợp tám em trai và gái thành bốn cặp vợ chồng. Uy quyền của đại công chúa như uy quyền của một bà mẹ độc đoán, nên mọi người đành phải cúi đầu tuân thủ.

Thế rồi, mấy chục năm sau, một vương quốc mới được thành lập dưới chân núi Himalaya, lấy tên là Kapilavatthu để nhớ ơn đạo sĩ Kapila! Quốc độ ấy càng ngày càng lớn mạnh, danh tiếng lan xa đến các nước xung quanh. Đức vua Okkāka đê tam nghe tin như thế, hoan hỷ quá, thốt lên:

- Đúng là những đứa trẻ anh hùng! Các con của ta quả thật là dòng dõi anh hùng!⁽¹⁾

“Dòng dõi anh hùng” do nghĩa Phạn ngữ là “Sākya”, nên về sau, chủng tộc ấy được lấy tên là Sākya rồi được truyền ngôi từ đời này sang đời khác. Nếu tính từ đời Okkāmaukha đến đời vua Jayasena là trải qua nhiều hậu duệ truyền ngôi. Sau đức vua Jayasena là đức vua Sīhahanu, rồi đến Suddhodana là phụ vương của hoàng tử Siddhattha vậy.

⁽¹⁾ Nguyên văn: “Sakyā vata bho kumārā, paramasakyā vata bho rājakumārā!”

Tại Cung Trời Tusita

Đạo sĩ Kapila sau kiếp ấy, hóa sanh vào cõi trời sắc giới. Trước đây, xuống lên chìm nổi không biết bao nhiêu kiếp rồi như cát của con sông Gaṅgā, sự tìm kiếm con đường vô thượng quả là xa hút không thấy mé bờ. Từ thời ngài phát nguyện rộng lớn làm bậc đại giác ngộ đến nay đã trải qua gần hai mươi a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Bảy a-tăng-kỳ phát nguyện ở trong tâm, chín a-tăng-kỳ phát nguyện thành lời, bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp được sự thọ ký của hai mươi bốn vị Phật.

Thuở xa xưa ấy, khi đức Chánh Đẳng Giác Dīpaṅkara ra đời, ngài làm một vị đạo sĩ tên là Sumedha, nhờ nằm trải đường, lót thân cho đức Phật Dīpaṅkara mà được thọ ký, rằng là trải qua hai mươi bốn vị Phật, ngài sẽ là vị Phật tổ thứ hai mươi lăm, hiệu là Sākya Gotama.

Thế rồi, biết bao nhiêu ba-la-mật, bậc hạ, bậc trung và bậc thượng ngài đã hành trì rất ráo, viên mãn công hạnh. Kiếp chót ở cõi người, ngài làm thái tử Vessantara, đã thực hiện hạnh bố thí ba-la-mật đến cho vô lượng kẻ đói nghèo, khốn khổ. Với bảy trăm đại thí, ngài làm cho đại địa phải chấn động. Ngài đã bố thí cả linh hồn của quốc độ là con bạch tượng oai hùng. Ngài bố thí luôn cả vợ và con với đại

nguyện vô thượng. Sau kiếp ấy, ngài hóa sinh làm vị thiên tử ở cõi trời Tusita, hiệu là Setaketu; ở đây, ngài chờ đợi nhân duyên đầy đủ hạ sanh xuống cõi người để tu hành thành bậc Chánh Đẳng Giác...

...Đã bốn ngàn năm trôi qua, thiên tử Setaketu thọ hưởng hạnh phúc thiên đường, không một bận như phiền não. Thiên tử ngồi nhớ từ kiếp này sang kiếp kia, thấy mỗi nhân duyên chẳng chịt không có kẻ hở. Ngay tuổi thọ của ngài sắp chấm dứt ở đây nó cũng nằm trong vòng nhân duyên ấy. Và có lẽ không bao lâu nữa, ngài sẽ bỏ đây mà ra đi! Điều này càng ngày càng nhận rõ vì thời gian gần đây có năm hiện tượng phát sanh ở nơi ngài. Thứ nhất là tràng hoa mà thiên nữ đã công phu trang điểm cho ngài chỉ mới buổi sáng là nó bắt đầu khô héo. Ngạc nhiên, thiên nữ kết tràng hoa khác, đến chiều thì nó cũng ử rử. Thứ hai là dù mặc bất kỳ chiếc thiên bào nào, dù tơ lụa hay gấm vóc của cõi trời, được một lát là nó biến mất màu sắc, nhợt nhạt trông đến dị kỳ. Thứ ba là mồ hôi bắt đầu tươm rĩ rất khó chịu, điều mà các vị thiên tử với sắc thân vi tế, tinh sạch và chí mỹ cảm nhận rất rõ ràng. Thứ tư là sự suy nhược của cơ thể; mỗi bước đi, mỗi cử động chân tay, ngài đều cảm thấy không còn tí hơi sức nào. Và sau rốt, điều thứ năm, điều này quan trọng quyết định nhất, là tâm ngài không còn an lạc nữa, đã bắt đầu thấy chán nản những thú vui khoái lạc của ngũ dục.

Nhưng mà hết thọ mạng ở đây thì ngài sẽ giáng sinh ở phương nào, xứ nào? Một vị đại bồ-tát như ngài đâu phải bất kỳ chỗ nào cũng gá thân vào được? Phải giáng sinh ở đâu, mà ở đó tuổi thọ của chúng sinh tối thiểu khoảng chừng một trăm tuổi. Nếu tuổi thọ hằng vạn tuổi thì chúng sanh đâu thấy rõ rệt lý vô thường và khổ não? Nếu tuổi thọ quá ít thì chúng sinh ở đấy nhiều ác căn, ít phước báu, nghiệp dày làm sao giáo hóa được? Thứ đến, địa xứ mà đại bồ-tát chọn chỗ giáng sinh phải là nơi hội tụ tất cả khí linh thiêng của trời

đất. Dòng họ ngài chọn lựa giáng sinh thì phải là vua chúa (hoặc là bà-la-môn có địa vị quốc sư), nhưng phải là người có gieo duyên quyền thuộc từ quá khứ; lại phải có nhiều căn cơ trí tuệ, biết sống đời đạo đức và hiền thiện. Điều kiện thứ năm nữa, đại bồ-tát phải còn biết chọn mẹ. Mẹ mà đại bồ-tát mượn thai bào phải là người đã nhiều kiếp phát lời nguyện làm Phật mẫu, sống đời trong sáng, đức hạnh và giàu tình thương...

Thế đấy, như một đóa kỳ hoa muôn triệu năm mới nở một lần, khi đóa hoa nở, sắc màu kỳ diệu và tỏa hương thơm tối thượng thì nó đã kết tụ trong tự thân mọi tinh hoa của trời đất. Cũng vậy, sự xuất trần của một vị đại bồ-tát phải hội đủ năm điều kiện hy hữu nêu trên; thiếu một điều kiện là thiếu tất cả.

Sau khi dùng thần thông quan sát bốn châu thiên hạ, thiên tử Setaketu thấy rõ chỉ có cõi Nam thiện bộ châu, dưới dãy núi Himalaya, có một vương quốc Kapilavatthu nhỏ bé, thuộc dòng tộc Sākya, có một vị vua là Suddhodana và hoàng hậu Mahāmāyā là hội đủ năm điều kiện nêu trên:

- Châu: Nam thiện bộ châu.
- Tuổi thọ: Trăm tuổi.
- Quốc độ: Bắc Trung Ấn Độ - vương quốc Kapilavatthu
- Dòng dõi: Hoàng tộc Sākya
- Phật mẫu: Hoàng hậu Mahāmāyā

Quan sát và thấy rõ điều đó xong, thiên tử Setaketu chột mím cười. Ngài biết rõ, chính một tiền kiếp xa xôi, ngài đã thành lập vương quốc ấy. Còn nữa, chính vào thời làm đạo sĩ Kapila, ngài đã giúp đỡ năm công chúa và bốn hoàng tử lập nên kinh đô Kapilavatthu này. Lại nghĩ đến câu nói “Tầng tầng tổ tổ” xưa của đạo sĩ Kapila... mà lắc đầu chán ngán, quả thật ta đã sinh tới sinh lui mãi trên cái quả đất chật chội dưới kia!

Trong khi đang suy nghĩ như vậy thì hằng hà sa số chư thiên vương, chư thiên trong rất nhiều thế giới đồng quy hội về, đứng dày đặc cả không gian, xung quanh bảo điện của ngài, đồng thanh cất lời thỉnh nguyện:

“- Thời đã đến! Thời đã đến! Trong tam thiên đại thiên thế giới, chỉ có đại bồ-tát, thiên tử Setaketu là chúng hữu tình duy nhất đã thực hành tròn đủ ba mươi pháp ba-la-mật⁽¹⁾. Nay vì sự lợi ích, sự an vui, vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, chúng tôi thỉnh nguyện thiên tử hãy xuất trần giáng thế để thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề...”

Thiên tử Setaketu cũng biết vậy, thời đã đến rồi, nên ngài nhẹ nhàng gật đầu.

- Thôi được rồi, các vị hãy lui về đi. Ta biết rõ là ta sẽ làm những gì!

Hằng ngàn, hằng ngàn đám mây lành ngũ sắc ở xung quanh rực sáng niềm hoan hỷ; vô số chư thiên vương, chư thiên bay lượn ba vòng về phía hữu, biểu hiện sự tôn kính mà cũng biểu hiện niềm vui và lời từ giả. Thiên tử Setaketu dăm dăm nhìn theo, ngài biết rằng chúng sinh đang chờ đợi ở nơi ngài phương thuốc diệt khổ mà ngài thì đã lặn lội kiếm tìm bằng thời gian của vô lượng hạt vi trần trên thế gian này.

⁽¹⁾ Ba mươi pháp ba-la-mật: Ba-la-mật, Tà âm từ chữ Pāramī, nghĩa là “đến bờ kia”. Pāramī có bậc thượng, bậc trung và bậc hạ, nên 10 Pāramī gồm: bố thí, trì giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, từ, xả trở thành 30 Pāramī.

- 10 Pāramī bậc hạ: Tức là nếu hành 10 Pāramī nói trên ở cấp độ thấp nhất thì qua được bờ kia.

- 10 Pāramī bậc trung: Tức là nếu hành 10 Pāramī nói trên ở cấp độ cao hơn thì qua được bờ trên (Upapāramī – Thượng Pāramī).

- 10 Pāramī bậc thượng: Nếu hành trì 10 Pāramī ở cấp độ tối thắng, viên mãn thì qua được bờ cao thượng (Paramatthapāramī – Thắng Pāramī).

Đại Bồ-Tát Đản Sanh

Dưới chân ngọn Himalaya có vương quốc Kapilavatthu nhỏ bé nhưng núi sông xinh tươi, hùng vĩ, chính là quê hương từ ngàn xưa của dòng giống Sākya anh hùng đã đến đây lập quốc. Đức vua hiện tại là Suddhodana, hoàng hậu là Mahāmāyā. Mahāmāyā là em ruột của đức vua Suppabuddha ở vương quốc Koliya kế cận, cách nhau bởi con sông Rohini. Đức vua Suppabuddha lại kết duyên với bà Amitā Pamitā, là em út của đức vua Suddhodana. Vì vậy tình thân của hai vương quốc này như môi với răng, thiết cốt vô cùng.

Mahāmāyā kết tóc se tơ với vua Suddhodana năm vừa mười sáu tuổi. Bà có năm vẻ đẹp và sáu mươi bốn tướng tốt của người phụ nữ do sự tích lũy công hạnh lâu đời; tính tình mềm mỏng, dịu dàng, đoan trang, phúc hậu lại giàu lòng nhân ái nữa. Em ruột của bà là Pajāpati Gotamī cũng cùng chung mối lương duyên này, làm hoàng phi của vua Suddhodana. Thế nhưng, đã lớn tuổi mà hai bà vẫn không có con, đức vua trông người nối dõi đã mỗi mòn con mắt.

Ngày ấy, theo lệ thường vào mỗi buổi sáng, đức Mahāmāyā thức dậy thật sớm, tắm rửa sạch sẽ, nếu đúng kỳ

đầu và giữa tháng thì bà thọ bát quan trai giới⁽¹⁾. Khi tiếng trống từ lâu thành đã điểm tàn canh ba⁽²⁾ là lệnh bà đã chuẩn bị sẵn sàng cùng với thị nữ thắng kiệu ra ngoại thành, các phường áp xa xôi để làm việc từ thiện. Đây là niềm vui của lệnh bà, mà chính đức vua Suddhodana cũng khuyến khích điều ấy. Nhà vua còn thăm nguyện rằng, biết đâu nhờ vậy mà các vị thượng đẳng thần trên đầu trên cổ thương xót mà ban cho họ một mụn con trai?

Lệnh bà Mahāmāyā bố thí rất nhiều; lúc rau trái, lúc y áo, lúc chăn nệm, lúc thuốc men, lúc lương thực gạo bắp, sắn khoai hoặc tiền bạc... Với tâm bi mẫn, lệnh bà bố thí có đến bốn ức⁽³⁾ đồng tiền vàng vào mỗi ngày như thế. Những giọt sương nhân ái kia đâu không thấm đẫm được sa mạc cuộc đời nhưng cũng mát dạ những loài lau cỏ thân phận thấp hèn, bé mọn!

Hôm kia, sau khi trao tặng hết đồng tiền cuối cùng, như có mối giao cảm linh thiêng nào đó, lệnh bà cảm thấy tâm hồn an vui, khoan khoái lạ lùng, niềm hỷ lạc lâng lâng no đầy suốt cả ngày. Đêm ấy, lệnh bà đi vào giấc ngủ an lành rồi từ từ chìm vào giấc mộng huy hoàng, mát mẻ. Tứ đại Thiên vương cao sang, chói sáng từ hư không hiện xuống, phò long sàng của lệnh bà đi vào những ngọn núi cao trên tuyết lãnh. Với cử chỉ nghiêm cẩn và đầy trân trọng, Tứ đại Thiên vương đặt lệnh bà trên tảng đá cao sáu mươi do-tuần⁽⁴⁾, dưới gốc cây sālā cao một trăm do-tuần, gần ao lưu ly Anotattā, đoạn thỉnh lệnh bà xuống tắm. Các vị thiên nữ

(1) Bát quan trai giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không hành dâm, không nói dối, không dùng các chất say, không ăn quá no, không múa ca hát xướng, trang điểm, phấn son và không nằm chỗ cao đẹp, sang trọng.

(2) Canh ba: Đêm Ân Độ chia làm ba canh.

(3) Úc: 100.000

(4) Do-tuần (yojana): Đơn vị đo chiều dài – chừng 16 km.

kiêu diễm đến nghinh tiếp lệnh bà bước xuống trên vùng hoa sen trắng tỏa hương ngào ngạt. Xong đâu đó, họ mang trân châu, bảo ngọc và hương hoa của cõi trời trang điểm cho lệnh bà rồi thỉnh lệnh bà vào nghỉ trong một tòa lầu bằng bạc.

Phía Bắc có một quả núi bằng vàng long lanh chói mắt, đủng đỉnh bước ra một con voi trắng to lớn, sáu chiếc ngà như sáu cánh tay trân trọng ôm một đài sen trắng tươi thắm còn đọng sương mai. Bạch tượng đi quanh về hướng Đông, tiến xuống phía Nam, rống một tiếng to, nhiễu ba vòng về phía hữu quanh long sàng rồi chui vào hông phải của hoàng hậu.

Đại bồ-tát, thiên tử Setaketu từ cung trời Tusita, thế là đã giáng sanh vào lòng Phật mẫu Mahāmāyā.

Sáng ngày, trong không gian còn tỏa nức mùi hương, lệnh bà cảm thấy tinh thần phơi phới và tâm hồn thanh khiết một cách kỳ lạ. Đức vua Suddhodana được nghe lệnh bà kể lại, lập tức lâm triều, cho vời sáu mươi bốn vị bà-la-môn tinh thông điếm triệu đến bàn về giấc mộng ấy.

Nghe xong, tất cả các thầy bà-la-môn đều phủ phục lay mừng. Một vị cất giọng sang sảng:

- Quả thật là giấc mộng đại cát tường, tâu đại vương! Thế là hoàng hậu đã thọ thai một nhân cách phi phàm, cao cả; là linh khí kết tụ của núi sông, nhật nguyệt muôn triệu năm mới có một lần. Đây chính là một ân sủng thiêng liêng mà đức Brāhman đã ưu ái ban tặng cho đại vương.

Đức vua Suddhodana vô cùng đẹp dạ, ban thưởng trọng hậu cho các thầy bà-la-môn rồi truyền ngự y túc trực sẵn sàng để săn sóc sức khỏe cho hoàng hậu.

Tứ đại Thiên vương nhận được lệnh từ thiên chủ Sakka; thay nhau cầm bửu kiếm hộ trì lệnh bà luôn suốt mười tháng như thế.

Đại bồ-tát từ khi vào lòng Phật mẫu, gá thai bào, lần lần lớn lên, không hề làm cho lệnh bà khó chịu; trái lại, được sức khỏe, an vui và mát mẻ hơn. Thai nhi ngồi an nhiên ở trong bụng như một bức tượng vàng trong động báu, chân xếp kiết già, hướng mặt ra phía trước rất khác với phàm nhân.

Thế rồi... tháng ngày chim ca hoa nở, lá nẩy hương, chồi xanh nẩy ngọc, trăng thanh gió mát, phơi phơi mây lành... khắp nơi cung tía lầu son, nhạc vui thanh thoát, tiếng cười nói dịu dàng... bao quanh hoàng hậu như tạo thêm duyên lành cho đấng Siêu Việt sẽ ra đời.

Đến ngày trăng tròn tháng Vesākha, theo phong tục thời bấy giờ, hoàng hậu xin được phép về kinh đô Devadaha, nước Koliya, là quê của lệnh bà để chờ ngày mãn nguyệt khai hoa. Thế rồi, một toán phi mã cấp tốc mang thông điệp của đức vua Suddhodana sang đức vua Suppabuddha đưa tin ngày lệnh bà lên đường. Dân chúng cả hai nước hớn hờ chào đón ngày vui, họ tự động sửa sang đường sá, cầu cống, khe rạch; nhà nhà treo đèn kết hoa, cờ ngũ sắc... rục rĩ, náo nhiệt, tung bừng...

Hôm ấy, trời thanh, gió nhẹ; lệnh bà bước lên kiệu hoa có cung nga dìu hai bên. Hoàng phi Pajāpati Gotamī cùng thị nữ thân tín bước lên những chiếc kiệu sang trọng khác. Đoàn người rầm rộ lên đường, trước sau có hai đội quân danh dự của hoàng gia nai nịt, yên cương, quân phục, khí giới, giáp bào sáng chói, uy nghi trên thân chiến mã cản trọng hộ giá. Ra khỏi cổng thành kinh đô hoa lệ, đoàn xa giá lần ra ngoại ô. Hai bên đường, dân chúng hò reo, tung hoa, rải nước. Khi tới một rừng cây sālā, thuộc lâm viên Lumbinī, giáp ranh biên địa hai nước, thấy phong cảnh xinh đẹp lạ thường, hoàng hậu Mahāmāyā truyền lệnh dừng lại. Lúc ấy cả rừng hoa sālā trở hoa trái mùa, rục rĩ phô sắc giữa những mảng màu xanh biếc. Hoàng hậu Mahāmāyā thấy

lòng khoan khoái, thanh thản dạo chơi. Sao lạ? Không khí như ướp hương, muôn chim như trỗi nhạc; trời đất, cây lá, cỏ hoa... tất thấy đều xanh trong, mịn màng như nhung, như ngọc... Đến một gốc cây sālā đại thụ, hoa nở từ gốc tới ngọn, kết dẹt như một tấm thảm gấm, Hoàng hậu ngược nhìn. Có một vòi hoa vươn dài ra, hoa to và đậm sắc - Hoàng hậu đưa tay định nếm. Bất chợt, vòi hoa ấy đột nhiên oằn xuống rồi đặt nhẹ lên lòng bàn tay của lệnh bà. Ngay lúc ấy, hoàng hậu Mahāmāyā trở dạ, cung nga thể nữ hồi hả giăng màn. Đại bồ-tát đản sanh trong giờ phút thiêng liêng này. Ngài ra khỏi lòng mẹ nhẹ nhàng như vị pháp sư duỗi chân bước xuống pháp tòa.

Và đồng thời, như va đập vào cánh cửa huyền mật, siêu nhiên; ba tầng trời thấy đều rung động, đại địa chao đảo, nước biển trong bốn đại dương dâng cao, âm ào vỗ giữa hư không. Thiên nhạc trỗi lên, thiên hoa tung bay; phạm thiên, chư thiên trong ba ngàn cõi mở hội vui mừng. Hai con rồng vàng trong mây xanh bay sà xuống, tuôn hai vòi nước nóng và lạnh ngào ngạt hương, tắm cho đại bồ-tát. Bốn vị đại phạm thiên ở cõi trời Tịnh Cư đứng bốn góc, giăng tấm lưới bằng vàng mịn đỡ thân đại bồ-tát không cho rơi xuống đất. Họ nói thoảng vào tai lệnh bà Mahāmāyā rằng:

- Xin hoan hỷ chúc mừng hoàng hậu. Vị ấu nhi này sẽ là một bậc thiên hạ vô song, trí tài và đức hạnh khắp cả ba cõi, sáu đường không ai dám sánh. Ngài chính là một bậc Vô thượng Chí tôn. Lời vừa dứt, Tứ đại Thiên vương đã che chiếc lọng báu và đưa tám nhung mịn tiếp bồng ngài, rồi trao qua cho cung nữ ẵm ngài trên tấm lụa Dukala.

Bồng, đại bồ-tát vùng đứng dậy, đi về hướng Đông bảy bước, dưới đất trỗi lên bảy hoa sen đỡ bước chân ngài, có hai vị thiên bung năm món triều phục của Chuyển luân Thánh vương đi hầu hai bên. Đại bồ-tát một tay chỉ thượng, một tay chỉ hạ, nói lên câu kệ:

“- Aggohamasmi lokasmim
Setṭho jetṭho anuttaro
Ayamantimāme jāti
Natthi dāni punabbhavoti.”

Nghĩa là: “Ta là chúng hữu tình cao quý và lớn hơn tất cả các loài trong tam giới. Đây là kiếp cuối cùng của ta. Ta sẽ không còn luân hồi tái sinh nữa.”

Kinh kể rằng, ngay khi đại bồ-tát đản sanh, vì do túc duyên ba-la-mật từ nhiều a-tăng-kỳ kiếp, lúc ấy cùng có bảy nhân vật đồng sanh để trợ duyên cho quả vị Chánh Đẳng Giác:

- Công chúa Yasodharā
- Ānanda, con hoàng thân Amitodana, em ruột đức vua Suddhodana.
- Channa - người hầu ngựa
- Kāludāyi - con một lão thần lương đồng, sau này thỉnh đức Đại Giác về thăm Kapilavatthu.
- Ngựa Kaṇṭhaka
- Cây Bodhi - nơi Phật ngồi thành đạo.
- Bốn hàm châu ngọc.

Như vậy là nhằm ngày trăng tròn tháng Vesākha, năm sáu trăm hăm ba trước Tây lịch kỷ nguyên, tại kinh thành Kapilavatthu thuộc vương quốc Sākya cổ kính, bên ranh giới tây bắc Ấn Độ thuộc xứ Népal ngày nay, dưới chân ngọn Himalaya hùng vĩ, trong vườn Lumbinī, đã giáng sinh một hoàng tử mà sau này trở thành giáo chủ của những giáo chủ, đạo sư của những đạo sư vĩ đại nhất trên thế gian, trong lịch sử loài người, đó là đức Siddhattha, họ là Gotama, vua cha là Suddhodana, mẫu hậu là Mahāmāyā.

Lời Tiên Tri Của Đạo Sĩ Asita

Toán phi mã cấp tốc mang tin lành về cung, đức vua truyền xa giá cùng toán quân hộ vệ thân tín rước hoàng hậu và hoàng nhi về triều. Tứ đại Thiên vương thâm hào quang, biến thành phàm phu cùng theo đoàn nghinh giá. Nhạc trời bay bổng, du dương và mưa hoa pháp phối tung bay suốt trên lộ trình. Chư thiên dùng phép ẩn thân xuống trần chung vui cùng trăm họ.

Thuở ấy, ở đỉnh cao Himalaya phủ tuyết trắng, có đạo sĩ Asita còn được gọi là Kāladevila đang ẩn cư. Ngài là bậc chân tu, đã đắc bát thiên và ngũ thông, tuổi cao, đức trọng; là bậc thầy của vương triều Sākya, thường được đức vua Suddhodana thỉnh đặt bát. Thỉnh thoảng, sau khi độ ngộ, ngài bay lên cung trời Đao-lợi để nghỉ trưa.

Sớm mai kia, vừa xuất định, đạo sĩ Asita chợt nghe trong hư không, tiếng gió rì rào, trong hương ngàn thoang thoang... niềm hân hoan vui mừng của chư thiên. Đạo sĩ nhiếp tâm lắng nghe. Quả đất rung rinh dao động. Khắp mấy tầng trời nhã nhạc tung bừng. Như viên lục sĩ với thời gian co tay vào hay duỗi tay ra, đạo sĩ Asita ngay tức khắc đã có mặt ở cõi trời Ba Mươi Ba! Thiên chủ Sakka cùng chư thiên

hôm nay phục sức đẹp lộng lẫy chưa hề có; chư thiên nữ kết tràng hoa tươi thắm, vũ ca xướng hát nhí nhảnh và vui tươi như những khúc trường xuân.

Thấy đạo sĩ xuất hiện, đoàn vũ ca ngưng bật. Thiên chủ Sakka cung tay chào.

- Hôm nay đạo sĩ lại quá bộ lên chơi!

Đạo sĩ Asita cười đáp:

- Vâng! Không biết hôm nay có chuyện gì mà cả thiên đình có vẻ vui tươi hơn hờ đến thế?⁽¹⁾

- Đức đại bồ-tát vừa giáng sanh trên trần thế, sau này nhất định sẽ thành bậc Chánh Đẳng Giác không là điều đại hỷ sao, thưa đạo sĩ?

- Vâng! Nhất định vậy rồi, nếu đây là sự thật!

Nói xong, khẽ cúi chào vua trời Sakka (Đế Thích), trong nháy mắt, đạo sĩ đã có mặt ở nhân gian. Thân gầy như hạc, tóc trắng như tuyết, đạo sĩ bước xuống từ đỉnh mây, chống hờ chiếc gậy trúc, thanh thản theo điềm báo triệu hỷ hoan của gió ngàn mà đi. Trước mắt đạo sĩ, đất trời như đổi khác. Nước biếc non xanh như phủ một làn khí nhẹ thanh bình. Vàng thái dương tuôn chảy ấm áp, hắt một thứ ánh sáng dịu dàng, mềm mại. Muôn chim ca hát líu lo, gõ hồi, điềm nhịp, réo rắt một khúc hợp tấu tươi mát lòng người. Đạo sĩ già nua cũng vui lây với vạn vật, máu huyết trong người ông chợt chộn rộn, nôn nao như được tiếp truyền thêm sinh lực. Hai chân của đạo sĩ nhẹ nhàng như sóng gợn trên đầu cỏ, trôi chảy thoăn thoắt dường như không một chút dụng sức nào...

Đến một xóm làng thấy nhân dân mở hội vui chơi, đạo sĩ dừng lại. Ai ai, mặt mày cũng hân hoan, đeo vòng hoa, mặc áo đẹp, nói cười nô nức...

Đạo sĩ hỏi:

⁽¹⁾ Có lẽ đạo sĩ không muốn dùng thần thông để thấy biết mọi chuyện, ngài chỉ muốn nghe sự cảm nhận của người khác.

- Có chuyện gì mà bà con mở hội vui tươi, hí hửng như thế?

Thấy một cụ già tiên phong đạo cốt, mọi người rất kính trọng, trả lời:

- Tiên nơn không biết sao? Lệnh bà, hoàng hậu của đức vua Suddhodana vừa hạ sanh một quý tử. Tin truyền là đức vua sẽ ân xá tội tù, giảm thuế má, xuất của công cho trăm họ tiệc tùng vui chơi trong nửa tuần trăng!

Đạo sĩ gật đầu, tùm tùm cười:

- Vậy là tốt! Vậy là điều đáng hoan hỷ!

Càng gần đến kinh thành Kapilavatthu, khung cảnh khắp nơi dường như càng tưng bừng náo nhiệt hơn. Lần này đạo sĩ không hỏi, mà xen vào đứng trong một đám đông người. Một chàng trai sát-đế-ly, có lẽ là dòng dõi Sākya đang say sưa, ba hoa nói:

- Lúc thọ thai, hoàng hậu tôn quý và nhân đức của chúng ta có một giấc mộng rất lạ lùng, quý bà con cô bác không biết đâu! Và bây giờ sinh ra cũng vậy, lạ lùng lắm! Đúng là con của thần linh!

- Lạ lùng như thế nào, thưa tướng công? Một người cất tiếng hỏi.

Chàng trai sát-đế-ly cười xòa rồi sau đó lui mất. Một đám đông kế cạnh lại có người đang nói lên tấm lòng nhân ái của hoàng hậu Mahāmāyā đã hằng chục năm rộng tay bố thí và cứu vớt những người nghèo khổ. Bà lại tịnh tu trai giới. Quý hơn nữa, bà còn cứu tế thuốc men và tận tụy chăm sóc cho người bệnh neo đơn, cô độc!

- Đúng là vị bồ-tát!

- Chứ sao? Người khác cướp lời, cao giọng tiếp - Vì vậy cho nên thượng đế Indra mới cho người con trai yêu quý của mình giáng phàm, sinh ra đã biết nói, đi bảy bước nở bảy hoa sen? Thế gian này, từ xưa, từ thuở mặt trời, mặt trăng xuất hiện đến nay - có ai được như vậy, phải không?

Người khác phụ họa:

- Đúng vậy! Nghe nói ấu hoàng tuấn mỹ phi phạm, thanh cao, tú lệ...! Rõ không phải là người trần!

Vừa đến ngang đây thì bên kia đường phố có tiếng loa truyền của quân lính hoàng gia:

- Nghe đây! Nghe đây! Đức vua của chúng ta vừa hạ sanh một quý tử nên muốn chia vui cùng với trăm họ. Vậy ngày mai, tất cả tội tù đều được ân xá, các loại thuế má đều được giảm khinh. Riêng thuế nông nghiệp thì hoàn toàn được bãi miễn suốt ba mùa vụ. Khắp nơi, tại các công đường, lệnh đức vua là cho xuất công quỹ để dân chúng mở hội vui chơi! Nghe đây! Nghe đây...!

Đạo sĩ Asita lại gật đầu, tủm tủm cười lần nữa!

Lát sau, ngài đã đứng trước cổng hoàng thành, nói với lính canh:

- Bần đạo là Kāladevila ở Tuyết Sơn, muốn được vào cung để chiêm ngưỡng dung nhan của hoàng tử!

Nghe tin, đức vua Suddhodana cả kinh, hỏi hỏi cho người ra nghinh tiếp, cung kính mời ngồi, sai dâng nước rửa chân tay và nước uống.

Đạo sĩ nói:

- Nhân dân cả nước đang nô nức vui mừng đấy, tâu bệ hạ!

- Trẫm vẫn cầu mong được như vậy! Hạnh phúc của họ chính là hạnh phúc của trẫm!

- Hoàng hậu vốn có tấm lòng nhân đức từ lâu nhưng bệ hạ nào có kém gì!

Đức vua Suddhodana vòng tay khiêm tốn:

- Trẫm không dám!

- Xem ra, vị ấu hoàng này không phải là người thường! Bần đạo muốn chiêm ngưỡng ngài một lát!

Đức vua Suddhodana rất đổi vui mừng, vội truyền cho thị nữ bồng hoàng tử ra đánh lễ đạo sĩ. Trước sự kinh ngạc

của đức vua, hoàng hậu, các vị lão thần, cung nga thể nữ; hoàng tử bỗng nhiên quay về phía đạo sĩ và đặt trọn cả hai chân lên mái đầu bạc phơ của ông!

Đang ngồi trên ghế, vị đạo sĩ già vội vã trỗi dậy, rất lấy làm kinh sợ, nghĩ rằng: “Vị ấu hoàng này oai đức lớn quá, vậy ta không nên tự làm hại mình!”; rồi lật đặt bò sập xuống đất, hết sức thành kính cúi đầu đỡ hai chân của đại bồ-tát. Đức vua Suddhodana thấy vị chân tu, đạo cao, đức trọng làm vậy, cũng đâm ra sợ hãi, quỳ xuống lạy theo⁽¹⁾.

Đạo sĩ Asita vốn là bậc lão thông điềm triệu, tướng pháp, lại có cả bát định và ngũ thông. Riêng túc mạng thông thì ngài có khả năng thấy biết về quá khứ bốn mươi kiếp, thấy biết về vị lai hai mươi kiếp. Nên sau khi chăm chú quan sát bồ-tát một hồi, đạo sĩ khẳng định rằng: “Đức ấu nhi này, ba mươi lăm năm sau sẽ đắc quả vị Chánh Đẳng Giác không sai!”

Nghĩ vậy, đạo sĩ mỉm cười, niềm vui bùng bùng như một làn nắng hồng ửng trên khuôn mặt già nua. Ông cảm thấy mừng cho chư thiên và nhân loại. Bậc Đại Giác mà ra đời là kết tụ tất cả tinh hoa và linh khí của trời đất, kết tụ của vô lượng a-tăng-kỳ công đức và phước báu. Thế gian này sẽ nhờ trí tuệ của đức Đại Giác mà thoát được cảnh tối tăm của đêm đen sinh tử. Còn bản thân ông, đạo sĩ biết rõ rằng, sau khi thân hoại mạng chung ở đây, ông sẽ hóa sanh tức khắc vào cõi trời phạm thiên Vô Sắc⁽²⁾. Ở đấy thì cả ngàn đức Đại Giác ra đời cũng không cứu độ ông được. Nếu như thế thì thật là đau thương, vô phúc và bất hạnh cho ông! Chẳng thể nào ông có được duyên lành để nghe chánh pháp từ kim khẩu của đức Đại Giác Vô thượng Chí tôn này! Nghĩ đến

(1) Đây là lần thứ nhất vua cha Suddhodana lạy Bồ-tát.

(2) Đạo sĩ Asita đắc định “Phi tướng phi phi tướng” - tức là tầng định cao nhất của Vô sắc giới, có tuổi thọ 84 ngàn đại a-tăng-kỳ.

ngang đây, vô cùng thương cảm cho chính bản thân mình, đạo sĩ không thể làm chủ được cảm xúc, òa khóc nức nở!

Đức vua Suddhodana thấy vậy, lo sợ hỏi:

- Thưa đạo sĩ quý kính! Chẳng hay ngài xem tướng của hoàng nhi như thế nào mà thần sắc thay đổi đột ngột đến vậy? Trước thì ngài mỉm cười, vui sướng; sau thì ngài khóc lóc, sầu tủi! Có điểm bất tường nào về tướng mạo của hoàng nhi chăng?

Đạo sĩ Asita ngược mắt lên, cất giọng điềm đạm:

- Không phải thế đâu, bệ hạ! Tất cả mọi quý cách của cô thư tướng pháp đều hội tụ đầy đủ nơi vị hoàng nhi phi phàm này. Sở dĩ có buồn vui lẫn lộn, cười rồi lại khóc của bản đạo, nguyên do là vì như thế này đây: “Bệ hạ và mọi người hãy nhìn mà xem. Dung nhan và thần sắc của ấu hoàng vừa sáng tỏ vừa dịu dàng như mặt trời và mặt trăng cùng hòa hợp. Ánh mắt của ấu hoàng vừa nghiêm vừa dung, vừa bao la như biển lớn, vừa mát mẻ vừa xanh trong như nước hồ thu... Nói tóm lại, toàn thân ngài đầy đủ toàn bích ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp của bậc Tối Thượng Nhân⁽¹⁾ không biết mấy chục quả đất sinh diệt mới

⁽¹⁾ 32 tướng quý của bậc Đại nhân (trích từ Mahāvagga, Mahāpadānasutta, Pātikavagga lakkhaṇasutta):

- 1- Lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn.
- 2- Hai lòng bàn chân có hình bánh xe, mỗi bánh có 108 ô, mỗi ô có 1000 hình ảnh tượng trưng khác nhau
- 3- Gót chân thon dài
- 4- Ngón tay, ngón chân dài
- 5- Tay chân mềm mại
- 6- Giữa các ngón chân có màng da lưới như chân vịt; 5 ngón chân dài bằng nhau; 2 bàn tay, trừ 2 ngón cái, 4 ngón còn lại dài bằng nhau
- 7- Mắt cá tròn như con sò và nằm cao
- 8- Hai ống chân có thịt đầy đặn như ống chân con sơn dương
- 9- Hai cánh tay dài quá đầu gối
- 10- Tướng mã âm tàng

hình thành nên được một ưu vật cổ kim hy hữu như vậy. Tướng cách của ấu hoàng vượt xa tướng cách của các bậc Đế vương, vượt xa cả Chuyển luân Thánh vương. Là đóa hoa Ưu Đàm kỳ diệu muôn triệu năm mới nở một lần, và thảy cả vũ trụ này đều được thơm hương!

Tâu bệ hạ! Trong tương lai, ấu hoàng sẽ đắc thành quả Phật, một vị đại A-la-hán toàn bích. Chúng sanh vạn loài sẽ nương nhờ giáo pháp của đức Đại Giác ấy mà thoát khổ được vui, được đến cõi miền chân phúc và tự do!

Tâu bệ hạ! Bản đạo cười vui là cười vui cho chúng sanh như vậy đó!”

- 11- Màu da vàng sáng như màu vàng ròng
- 12- Da mịn màng, trơn mượt, bụi không thể dính
- 13- Mỗi lỗ chân lông chỉ có 1 sợi lông
- 14- Lông mọc xoáy tròn 3 vòng về phía phải, màu xanh đen mượt
- 15- Có thân hình cao thẳng
- 16- Bảy chỗ tròn đầy, không lộ gân và xương: 2 sống bàn tay, 2 sống bàn chân, 2 đầu bả vai và cổ
- 17- Nửa mình trước đầy đặn như thân sư tử chúa
- 18- Giữa 2 vai không lõm khuyết
- 19- Thân cao cân đối như cây bàng, bề cao của thân bằng bề dài 1 sải tay
- 20- Cổ tròn đầy đặn
- 21- Cằm và quai hàm đầy đặn như cằm và quai hàm của sư tử chúa
- 22- Có nhiều dây thần kinh lưỡi nên vị giác hết sức bén nhạy
- 23- Có 40 cái răng
- 24- Răng đều đặn
- 25- Răng không khuyết hở
- 26- Có 4 răng nhọn phát hào quang sáng ngời. Răng trơn láng, bóng loáng, sạch sẽ, thơm tho
- 27- Lưỡi mềm mại, rộng dài – le đến 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai và lên đến vầng trán
- 28- Giọng nói êm ả như giọng phạm thiên, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già
- 29- Mắt xanh đen lánh
- 30- Lông mi mềm và đẹp như lông mi con bò con
- 31- Có sợi lông trắng cong vòng bên phải như hình bán nguyệt mọc giữa hai chân mày
- 32- Có tướng nhục kê trên đầu

Đạo sĩ Asita ngừng một lát, đưa đôi mắt mờ đục, mệt mỏi nhìn ra xa rồi nói tiếp:

- Còn bản đạo khóc là khóc cho tự thân, sâu tủi, thương cảm cho bản thân mình. Bản đạo tiếc cho mình sẽ không kéo dài tuổi thọ chừng nửa thế kỷ nữa để được nghe chân lý từ kim khẩu của đấng Pháp vương. Vì khi ngài thành đạo, ba mươi lăm năm sau, và chuyển bánh xe pháp thì bản đạo đã lìa bỏ cõi đời này mà hóa sanh vào cõi trời Vô sắc bất định mất rồi! Thảm thương thay cho bản đạo phải sống ở đó quá lâu, nếu có trở lại trần gian thì đức Đại Giác đã an nghỉ trong cõi Niết-bàn thường tịch; và giáo pháp chơn chánh ấy đã theo mấy lần quả đất mà thành tro tàn hủy diệt còn đâu!

Tất cả mọi người có mặt như cùng chìm sâu với tâm sự, với nỗi niềm bi thương của vị đạo sĩ già nua. Lâu lắm, đạo sĩ mới quay qua hoàng hậu Mahāmāyādevī:

- Tâu lệnh bà! Chư thiên và nhân loại rất cảm kích và tri ân lệnh bà đã cứu mang một bậc Vĩ Nhân, một hiện thân Siêu Phàm. Lệnh bà sẽ trở thành một vị Phật mẫu đúng theo đại nguyện của lệnh bà nhiều kiếp trước. Ân đức và phước báu của lệnh bà quá lớn, hàm tàng một năng lực quá mạnh, sợ rằng thân thể nặng nề của thế gian tứ đại kia không đủ sức chở mang được nữa. Bảy ngày sau, lệnh bà sẽ từ bỏ nhục thân ấy, hóa sanh làm một vị thiên nam ở cung trời Tusita (Đầu-suất)! Hơn bốn mươi năm sau, khi nhân duyên tròn đủ, chính đức Chánh Đẳng Giác - con trai vĩ đại của lệnh bà, sẽ lên cõi trời Ba Mươi Ba thuyết pháp để trả nợ ân huyết sữa; và lệnh bà sẽ đắc quả Thánh ở đấy, vĩnh viễn sẽ không còn trở lại chốn trần gian đầy thống khổ này nữa!

Thật quả như lời tiên tri của đạo sĩ Asita, bảy ngày sau, hoàng hậu Mahāmāyādevī không bệnh, mỉm cười lìa trần, tức khắc hóa sanh vào cung trời Tusita. Hoàng phi Mahā Pajāpati Gotamī, em ruột của lệnh bà, cùng kết duyên với đức vua Suddhodana, thay thế chị để săn sóc cho hoàng tử

với vô vàn tình cảm thiết tha và trù mến. Mấy năm sau, bà được đức vua Suddhodana phong làm hoàng hậu, sanh được một con trai là hoàng tử Nanda, một gái là công chúa Sundarī Nandā nhưng bà cũng giao hai con mình cho mấy người nữ mẫu chăm sóc. Bà muốn dành trọn vẹn tâm huyết và thì giờ để lo lắng cho người con sớm mất mẹ. Bà thương quý trẻ còn hơn cả hai đứa con được sinh ra từ núm ruột của mình!

Lễ Quán Đính

Khi hoàng tử chào đời được năm ngày, đức vua Suddhodana truyền làm lễ Quán đính⁽¹⁾ tức là lễ rưới nước lên đỉnh đầu và đặt tên, đồng thời phong hoàng tử làm Đông cung thái tử. Muốn bố cáo cho mọi người trong hoàng tộc, bên ngoài cùng toàn dân biết cuộc lễ trọng đại này, đức vua Suddhodana phát thiệp mời đức vua Suppabuddha, hoàng hậu Amitā Pamitā, các vị thân vương, lão thần quốc độ Koliya; các vị hoàng thân và phu nhân dòng tộc Sākya, các quan đại thần, các vị bô lão, thương gia, triệu phú... đại diện toàn dân cùng tham dự. Đặc biệt, đức vua cho mời thỉnh một trăm lễ tám vị bà-la-môn hữu danh, trưởng lão và vai vế ở trong kinh đô để thiết lễ cúng dường.

Hoàng tử được đặt ngồi trên chiếc ngai nhỏ, được tắm bằng khăn tẩm nước thơm của trăm hoa, khoác hoàng bào được dệt bởi những sợi chỉ vàng, lấp lánh từng hạt trân châu. Sau đó, đức vua làm lễ đăng quang, phong ngôi thái tử. Một chiếc bình bằng vàng được một cung nữ quý dâng, đức vua Suddhodana cầm lên, đổ nước xuống đầu hoàng tử, lấy khăn

⁽¹⁾ Đổ nước lên đầu, theo tục lệ thời bấy giờ để làm lễ đăng quang phong thái tử hoặc phong vương

lau sạch rồi đội lên một chiếc mũ ngũ long đính kim cương và bảo ngọc. Cuộc lễ tắm rửa và đăng quang đã xong, giữa tiếng vỗ tay hoan hô vang rền của mọi người, thái tử vẫn ngồi điềm nhiên, bất động, trông uy nghi như một bức tượng vàng chói lọi.

Đến lễ xem tướng và đặt tên, một trăm lễ tám vị bà-la-môn tiến cử lên đức vua tám người đại diện⁽¹⁾: đây là tám vị bà-la-môn thông thái, đức hạnh và nổi danh nhất. Người ta rất ngạc nhiên là giữa các bậc bà-la-môn trưởng thượng, bệ vệ, đỉnh đạc, râu tóc bạc phơ có lần một vị bà-la-môn rất trẻ⁽²⁾, nước da trong sáng, dáng dấp quý phái, thần sắc quang minh chính đại.

Bảy vị trưởng lão bà-la-môn lần lượt được phép bước lên xem. Họ quỳ xuống bên cạnh thái tử, cẩn trọng nhìn ngắm rất lâu, vạch chân, vạch hoàng bào, xem lưng, xem bụng... Rồi họ đứng dậy, lùi ra xa, ngắm phải, ngắm trái, ngắm sau lưng... Ai cũng có vẻ thành kính, trang nghiêm và trân trọng.

Đến lượt vị bà-la-môn trẻ nhất, bước lên, chỉ chăm chú nhìn xem một vài điểm rồi lặng lẽ bước xuống, thần sắc vừa trang trọng, vừa hân hoan.

Đức vua Suddhodana và mọi người lặng lẽ theo dõi, quan sát thần sắc của từng vị. Thấy chẳng ai nói gì, đức vua bèn hỏi:

- Thừa chur vị bà-la-môn đáng kính! Tướng mạo của hoàng nhi như thế nào, có đủ trí tài để bảo vệ non sông xinh tươi giàu đẹp của các vị tiên đế không?

⁽¹⁾ Tên 8 vị bà-la-môn: Rāma, Yanna, Bhoja, Suyāma, Lakkhana, Dhoja, Sudatta, Koṇḍañña.

⁽²⁾ Bà-la-môn trẻ là Koṇḍañña (Kiều-trần-như), sau này tu theo giáo pháp của Đức Thế Tôn, là người đắc quả đầu tiên trong giáo pháp của Đức Tôn Sư (trong nhóm 5 ông Kiều-trần-như).

Bất chợt, cả bảy vị bà-la-môn già đồng đưa lên hai ngón tay. Đức vua ngạc nhiên hỏi:

- Thế là sao?

Vị bà-la-môn lão niên, quốc sư nhất trả lời:

- Tâu đại vương! Chúng tôi đồng đưa lên hai ngón tay, như vậy chứng tỏ chúng tôi đã cùng một quan điểm về tướng pháp học, đều cùng một tiên đoán về vận mệnh tương lai của thái tử.

Tâu đại vương! Thái tử sau này chỉ có hai con đường. Nếu ở tại gia, thái tử sẽ trở thành một vị hoàng đế vĩ đại nhất trên thế gian; một vị Chuyển luân Thánh vương vô tiền khoáng hậu. Còn nếu xuất gia, thái tử sẽ đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, cứu độ muôn loài chúng sanh đang chìm đắm, khổ đau nơi ba cõi, sáu đường.

Đến phiên vị bà-la-môn trẻ tuổi nhất, ông ta chỉ đưa lên một ngón tay, rồi nói:

- Tâu đại vương! Theo thiên ý của tiên thần, không có hai con đường ấy đâu, chỉ có một con đường duy nhất mà thôi! Với ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp của thái tử, sẽ xác định chắc chắn một điều: Ngài không muốn trị vì thiên hạ, mà ngài sẽ sống đời xuất gia thoát tục, sẽ đắc thành quả Phật!

Lời tâu với giọng lời tự tin, vang ngân trầm hùng như tiếng chuông đồng của bà-la-môn trẻ làm cho cả cung triều lặng ngắt.

Một lo lắng xôn xao mơ hồ gợn lên trong tâm trí của đức vua Suddhodana, ngài quay sang bà-la-môn trẻ:

- Thừa đạo trưởng kính mến! Vậy sau này có điềm triệu gì, nguyên do gì mà con trai của trăm sẽ từ bỏ ngài vàng điện ngọc để ra đi?

Vị bà-la-môn trẻ, tên là Koṇḍañña cung kính đáp:

- Khi nào có bốn vị sứ giả lần lượt xuất hiện!

- Cái gì là bốn sứ giả ấy?

- Già là sứ giả thứ nhất, bệnh là sứ giả thứ hai, chết là sứ giả thứ ba, và người xuất gia là sứ giả thứ tư đấy, tâu đại vương!

Đức vua Suddhodana trầm ngâm một hồi rồi hỏi tiếp:

- Ở đâu cũng có thể gặp bốn sứ giả ấy, đâu phải đợi đến lúc nào, thưa đạo trưởng?

Bà-la-môn Koṇḍañña đáp:

- Có cái già, cái bệnh, cái chết và người xuất gia rất bình thường, không làm ra ấn tượng nào, chẳng tạo nên cảm xúc gì! Nhưng có cái già, cái bệnh, cái chết và người xuất gia gây ra những xúc động rất mãnh liệt, tâu đại vương!

Đức vua Suddhodana chợt hiểu. Vậy thì sau này những người già nua tiều tụy, hình dong quá kinh khiếp thì đừng nên cho thái tử tiếp xúc. Những căn bệnh vật vã đau đớn, phong hủi gớm ghiếc, lở loét hôi hám thì phải cho về ở một nơi ngoại ô xa xôi nào đó. Và cái chết? Cái chết nào tạo ấn tượng và cái chết nào trông có vẻ bình thường? Có lẽ là những cái chết nhắm mắt, lặng lẽ xuôi tay, như một giấc ngủ là bình thường; còn những cái chết do đau đớn quằn quại, rên la, thất khiếu chảy máu, thân thể đứt khúc là những cái chết tạo nên sự xúc động cho con người. Còn người xuất gia? Đức vua Suddhodana không hiểu nên hỏi:

- Cả ba sứ giả trên thì trầm biết, nhưng trầm không hiểu về vị sứ giả thứ tư. Chẳng lẽ nào trầm sẽ đuổi tất cả những người xuất gia dù là sa-môn, bà-la-môn... ra khỏi kinh thành, để sau này thái tử khỏi tiếp xúc với họ?

Bà-la-môn Koṇḍañña chợt mỉm cười:

- Chẳng phải người xuất gia nào cũng có được hình dong, tướng mạo, phong thái thanh cao, thoát tục đâu, tâu đại vương!

Vậy là đức vua Suddhodana đã hiểu tất cả. Sau này, ngài sẽ có biện pháp ngăn chặn bốn vị sứ giả kia là xong. Thái tử sẽ nối ngôi thiên hạ, sẽ trở thành một vị minh quân. Thái tử

không còn là niềm vui của ta, của hoàng tộc Sākya nữa, mà còn là niềm vui của cả nước.

Một ý nghĩ vừa nảy sinh, đức vua đảo mắt một vòng khắp cả triều thần và quan khách, hớn hờ nói:

- Bây giờ đây, trẫm xin được trân trọng đặt tên cho thái tử. Vì sự xuất hiện của thái tử là Niềm Vui, là sự Toại Nguyện cho cả nước nên tên của thái tử là Siddhattha, họ là Gotama!

Mọi người thấy đức vua đặt tên quá hay nên đều vui mừng.

Một vị bà-la-môn già gật gù, lẩm bẩm:

- Siddhattha còn có nghĩa là Vạn sự Như ý, vị thái tử này phước báu sang cả, sau này ngài muốn gì thì được nấy!

Chợt một tiếng nói ở đâu đó vẳng ra, ai cũng nghe rõ mồn mồn:

- Siddhattha là Niềm Vui, đúng thế! Nhưng là Niềm Vui chung của chư thiên và loài người!

Lễ Hạ Điền⁽¹⁾

Sākya là dòng họ cai trị một vương quốc cổ xưa, nhỏ bé, tuy không hùng cường giàu mạnh bằng các nước kế cận như Kosala, xa hơn là Māgadha nhưng nếp sống của người dân tương đối tươi đẹp và ổn định. Kapilavatthu là một kinh đô chính trị, văn hóa, thương mại, kinh tế... phát triển đủ mọi ngành nghề, nhưng nông nghiệp vẫn là huyết mạch của xã hội.

Xa phía Bắc là những đỉnh núi quanh năm tuyết phủ, xuống phía Nam là những cánh rừng trù mật, rất nhiều lâm sản quý hiếm. Ở đây là miền ôn đới, khí hậu điều hòa. Con sông Rohini trước khi về biển đã để lại những cánh đồng mênh mông bát ngát giàu phù sa và khoáng chất. Bình nguyên này chính là vựa lúa nuôi sống mọi người, nên nghề nông được sự khuyến khích của nhiều triều đại.

Đức vua Suddhodana từ khi lên ngôi kế vị vua cha là Sīhahanu đã có con mắt nhìn xa trông rộng; chính đức vua Sīhahanu đã khai mở kiến thức cho con trai, liên kết với vương quốc Koliya, tạo thế “môi không hở thì răng không

⁽¹⁾ Lễ Hạ điền: Lễ xuống ruộng. Đây dường như là tập tục của tất cả các nước Đông phương, các xứ sở lấy nông nghiệp làm trọng.

lạnh”, để đương đầu với đế quốc Kosala to lớn bên cạnh. Vị vua này lấy em gái của vị vua kia, kết nên mối thân thiết để tương trợ lẫn nhau. Vô yên về mặt chính trị, vua quay sang phát triển kinh tế, dân có giàu thì nước mới mạnh. Chính sách khuyến nông hiệu quả nhất là giảm thuế nông nghiệp, cấp phân giống và người cày thì phải có ruộng! Thế vẫn chưa đủ, hằng năm đức vua cao cả chí tôn còn cho tổ chức lễ “hạ điền” để đức vua, bá quan xuống ruộng cùng cày với dân! Chính hành động tế nhị và khôn khéo này mà nhân dân rất tri ân và thương kính đức vua hết mực!

Những cuộc lễ “hạ điền” ban đầu chỉ mang ý nghĩa khuyến nông mà thôi, nhưng dần dà nó biến thành ngày lễ vui của toàn xã hội. Bây giờ đã trở thành thông lệ cổ truyền...

Hằng năm, cứ vào tiết xuân bắt đầu có nắng ấm, đuổi đi cơn rét lạnh đông dài, là toàn dân xôn xao, nô nức chuẩn bị nông vụ. Trước đó ba ngày, đức vua cho dân chúng vui chơi. Đây là cơ hội cho tất cả mọi người, già trẻ, sang hèn, giàu nghèo đều được ăn mặc tươi tắn, chung diện tốt đẹp, đi đến những bãi vui chơi công cộng do triều đình đứng ra tổ chức.

Dịp này, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī dẫn thái tử Siddhattha cùng vài người tùy tùng lên chiếc xe tứ mã đi ngoạn du đây đó. Toàn thể kinh đô được trang thiết cực kỳ mỹ lệ, dân chúng ăn mặc đẹp đẽ, rực rỡ trăm màu như đàn bướm ngày xuân. Đức vua vén rèm cho thái tử, lúc ấy mới bảy tuổi xem quang cảnh rồi nói:

- Con thấy không! Kinh đô hoa lệ này mai sau là của con đấy! Muôn dân hạnh phúc ấm no, ăn mặc cao sang, tươi thắm kia chính là thần dân trung thành của con đấy!

Thái tử Siddhattha hân hoan, vỗ tay reo rồi quay sang bá cô hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī:

- Mẹ! Mẹ! Hãy cho con ra vui chơi với họ!

Lệnh bà Gotamī mỉm cười, âu yếm:

- Chúng ta còn phải đi xem nhiều nơi nữa con ạ, sợ không đủ thì giờ đâu!

Chiếc xe tứ mã từ từ đi ra phía ngoại ô, đường sá phong quang, sạch sẽ, nhà nhà tỏa khói bình yên. Đức vua bảo xa phu ngừng lại, ngài dẫn thái tử leo lên một ngọn đồi nhỏ, đưa tay chỉ ra xa:

- Con thấy không! Từ những dãy núi trùng điệp, xanh thẳm kia cho đến những bình nguyên chạy dài xa hút đến tận phía chân trời này là giang sơn cẩm tú trù mật do tiên đế để lại. Mai này cũng là của con tất cả.

Cùng ngồi xuống thấp cho vừa tầm với thái tử, đức vua nhẹ vỗ vai con, giảng giải:

- Những vùng rừng xanh biếc dưới chân những dãy núi kia cho ta biết bao loại gỗ quý để làm cung điện, làm nhà cửa, bàn ghế, vật dụng cùng các loại hương liệu. Nó cũng hào phóng ban phát cho ta những lâm sản có giá trị khác như ngà voi, nhung, cao hổ cốt, trầm, quế... Bình nguyên này là kho gạo, nếp vĩ đại. Còn trong lòng đất này có biết bao nhiêu là vàng, ngọc... trên châu cùng các kim loại có giá trị khác. Sau này, con tha hồ mà sống một đời vinh hoa phú quý trong một quốc độ hùng cường và giàu đẹp.

Đến sáng ngày thứ ba, đức vua cùng quần thần, ngựa xe tấp nập, áo mũ chỉnh tề ngự ra nơi đám ruộng thượng đẳng điền để cử hành cuộc lễ. Đoàn quân hộ giá dàn chào. Tốp lính nghi lễ và khánh tiết trần thiết bàn thờ và cử hành nhạc lễ. Một đoàn các thầy bà-la-môn ăn mặc sang trọng nhiều quanh khu đất, khai kinh cầu thần linh phò hộ cho quốc thái, dân an. Đức vua Suddhodana quỳ bái vọng, cầu nguyện cho triều đại được trường tồn, muôn dân bá tánh cơm no, áo ấm.

Xa xa, dân chúng chen nhau lớp lớp, đứng đầy đặc, tung hoa, rải nước...

Lễ hạ điền bắt đầu. Trống, kiền chùy, thanh la, nã bạt... rộn ràng theo mỗi bước chân của đức vua lần lần đi xuống

ruộng. Vị quan phụ trách nông nghiệp châu sấn, nghiêng mình trao cho vua một cái cày. Con trâu to lớn, ngoan hiền, thuần thục nhất đã được chuẩn bị. Thế rồi, vài nhát roi nhẹ nhàng của bậc vương giả, con trâu đứng đĩnh kéo những đường cày, xẻ từng luống đất ngọt mềm.

Sau khi cày xong ba đường tượng trưng, các vị trọng thần kế tục cày thêm mỗi vị chín đường. Thế là, nhân dân các đám ruộng kế cận, và nhân dân cả nước, noi gương đức vua, bắt đầu nông vụ.

Trong khi ấy, rải rác khắp nơi, các bãi đất trống, dưới những tàn cỏ thụ, dân chúng tổ chức những cuộc vui chơi như hát kịch, diễn trò, hò đố, xúc xắc, đô vật... Thật là cảnh thái bình, thịnh trị.

Thái tử Siddhattha cũng được phép vua và hoàng hậu, theo thị nữ đi chơi trên cái kiệu vàng, rèm che, sáo phủ. Đến nơi, họ khiêng kiệu thái tử để trong bóng mát cây hồng táo bên cạnh bờ ruộng, rồi rủ nhau đi chơi dây đó.

Thái tử Siddhattha không mấy khi mà được ở một mình tự do như thế. Ngài sung sướng bước xuống kiệu, cởi đôi hài vương giả, thò hai bàn chân đặt xuống đám cỏ mềm, mát lạnh. Nắng nhẹ long lanh trải tấm lụa vàng, gió thoảng hiu hiu, xôn xao, vui tươi cành lá. Thái tử ngồi xuống, tâm hồn yên ả, đưa mắt ngậy thơ, trong sáng, nhìn gần rồi lại nhìn xa... Những luống đất mới cày phơi dưới ánh nắng mặt trời, lộ ra những thân giun quằn quại, đứt lìa. Một đàn chim nhỏ tự trời cao sà xuống, cắn mổ nhau chí chóc rồi cặp những thân giun đầm đìa máu, bay đi...

Thái tử Siddhattha cảm xúc mạnh. Một va động mơ hồ như gõ lên vùng tâm thức tuổi thơ; những liên tưởng với những hình ảnh không biết từ đâu lần lượt hiện về. Thế rồi, trong đầu óc non trẻ tiềm tàng trí tuệ siêu đẳng ấy hẳn lên nét suy tư về sự tranh sống tàn khốc của muôn loài... Lũ chim nhỏ kia, sau khi tha những con giun bay đi, nó có được

bình yên chẳng? Một con chồn rình sẵn ở đâu đó sẽ nhảy ra vồ chụp, cắn xé rồi nhai nuốt ngấu nghiến. Rồi con chồn kia có được bình yên chẳng? Một con beo, con cọp... sẽ nuốt tươi xác chúng. Rồi một gã thợ săn thiện xảo sẽ bắn hạ cọp, beo bằng những mũi tên tẩm độc... cũng vì sự sống của mình. Đôi bò, đôi trâu kia oằn lưng kéo cày dưới cơn nắng thiêu đốt, dưới làn roi vọt mới có được nắm cỏ, nắm rơm! Những bác nông phu kia, vất kiệt sức lực, mồ hôi nhễ nhại may ra mới đổi được bát cháo, bát cơm! Con vật này ăn thịt con vật kia để duy trì mạng sống; và ngay mạng sống của chúng cũng đang bị đe dọa xé xác bởi những con vật lớn hơn. Rồi con vật lớn hơn kia cũng chỉ làm tấm bia thịt cho những cánh cung đang giương sẵn! Ôi! Lễ sinh tồn mạnh được yếu thua là một cái gì thật tàn khốc và nghiệt ngã. Chẳng lẽ muôn đời, mọi loài, mọi vật cứ tương tàn, tương sát như vậy sao?

Đối với thái tử, vậy là vạn vật với khung cảnh êm đềm không còn nữa. Một đám mây xám đã bay qua vòm trời xanh biếc. Thái tử ngồi bắt tréo chân theo thể hoa sen, nhắm mắt lại, trầm ngâm, lặng lẽ. Trái tim xao xuyến. Da thịt rung nhẹ. Lát sau, những âm thanh lao xao ở xung quanh chìm vào cõi mơ hồ, xa vắng. Thái tử để tâm thư thái, hồn nhiên của trẻ thơ - lắng nghe hơi thở, khí an tĩnh dần dần tỏa ra, ngoại giới vong bật. Thái tử đạt được tâm phi, tâm an rồi dễ dàng trú vào định sơ thiền⁽¹⁾.

Cung nga thị nữ có bốn phận trông nom thái tử, lén chạy đi xem cuộc vui, rất lâu sự nhớ lại, hốt hoảng chạy về nơi để kiệu. Kỳ lạ làm sao, mặc dầu mặt trời đã ngả xế, bóng đại thụ của cội hồng táo vẫn đứng yên, phủ bóng mát bao trùm thái tử như một tàn lọng vĩ đại. Thấy thái tử ngồi nhắm mắt

⁽¹⁾ Sơ thiền: Là định có tầm, tứ, phi, lạc, nhất tâm. (Định ngàn xưa của bà-la-môn.)

bình lặng, cốt cách uy nghi như một tiểu đạo sĩ, cung nga thị nữ vội vã đến tâu lại tự sự cho đức vua Suddhodana hay.

Đức vua hồi hải tới nơi, thấy thái tử thân sắc an nhiên tự tại, ngòì tham thiền vững chắc như một ngọn núi, sinh lòng kính trọng, quỳ xuống chấp tay xá rồi nói:

- Hỡi này con yêu quý! Đây là lần thứ nhì, phụ vương đánh lễ con đây!

Con Đường Học Vấn

Hôm kia, đức vua Suddhodana nói chuyện với hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī:

- Hậu có thấy không! Trẫm cảm thấy rất lo ngại vì trẻ Siddhattha không giống với mọi trẻ con khác. Nó lúc nào cũng lặng lẽ, ít nói. Giữa cuộc vui không bao giờ nó cười nói quá lớn tiếng. Nó thích ngồi một mình. Khó ai có thể biết được trong đầu óc nhỏ bé, xinh xắn ấy đang suy nghĩ chuyện gì?

Hoàng hậu Gotamī góp ý:

- Siddhattha đã tám tuổi mà hoàng thượng vẫn không cho nó gặp gỡ, chơi đùa với bọn trẻ con các vị hoàng thân. Nó cô độc, nó buồn là phải.

Đức vua Suddhodana lắc đầu:

- Ta lại nghĩ khác. Giữa bọn trẻ cùng lứa, nó như là một con phượng hoàng. Cốt cách của nó quý phái và cao sang quá. Nó sau này xứng đáng làm một vị Chuyển luân Thánh vương; và đây cũng là mơ ước của các vị tiên đế dòng Sākya hùng mạnh.

Hoàng hậu Gotamī cất giọng nhu thuận:

- Siddhattha đã đến tuổi học võ lòng.

- Đúng vậy! Đức vua gật đầu - Ta đang nghĩ đến một sự giáo dục riêng biệt, độc lập! Nó phải được một sự giáo dục đặc biệt để chuyên hóa nhân cách, thăng hoa phẩm chất. Giáo dục cũng có thể thay tâm đổi tánh, thay đổi cả định mạng con người, hà hưởng một vài cá tính lạng lẽ, trầm mặc không đáng kể?

Hẳn nhiên, khi nói như vậy là đức vua đang bị ám ảnh bởi lời tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña. Nên giáo dục mà theo đức vua nghĩ, là làm sao cho thái tử biết mến trọng ngôi cao, biết yêu quý sơn hà xã tắc để từ bỏ ý định nông cuồng xuất gia tìm đạo. Bà Gotamī lại nghĩ khác. Thái tử còn thơ nên phải cho sống như tuổi thơ. Phải cho thái tử cùng đi chơi đùa với bọn trẻ, cho thái tử được sống đời hồn nhiên nô đùa, chạy nhảy, ca hát, cười reo. Chính ghép mình vào đời sống không giao tiếp với ai thì Siddhattha càng hun đúc thêm cá tính trầm mặc, càng thu rút mình lại; vừa đánh mất sự hồn nhiên của tuổi thơ, vừa đẩy Siddhattha xa rời ngại vàng hơn nữa. Nhưng bà không dám nói. Ý của vua là vô thượng chí tôn!

Sáng ngày, trong buổi thiết triều, đức vua Suddhodana nói với bá quan:

- Nay Siddhattha đã lên tám, quả nhân muốn chọn một vị phụ đạo để chăm lo giáo dục cho thái tử, vậy chư khanh hãy tiến cử cho quả nhân một vị bác học hiền tài.

Sau một hồi thảo luận, bá quan đồng thanh kết luận:

- Tâu đại vương! Trong quốc độ chỉ có bà-la-môn Svāmitta mới xứng đáng nhận lãnh trọng trách này. Vị ấy tài cao bác học, văn võ tinh thông, kinh điển nằm lòng, còn là nhà ngôn ngữ, đo lường, thiên văn, địa lý, y thuật... nữa. Điều đáng quý hơn, vị ấy đạo đức nghiêm minh, sống đời không nhiễm thế tục, khiêm nhu, hiền thiện... mà danh thơm, tiếng tốt như hoa mạn-đà-la dịu dàng lan tỏa ra khắp muôn phương.

Đức vua Suddhodana gật đầu hài lòng:

- Được rồi, thật là quý báu. Hoàng nhi của trẫm phải có được bậc thầy lỗi lạc như vậy. Cả đức và tài phải bao trùm thiên hạ như vậy.

Một vị lão thần chột đứng dậy tâu:

- Bà-la-môn Svāmitta là bác học của những nhà bác học. Nhưng giáo dục cho thái tử tôn quý sau này trở thành một đấng Minh vương thì phải cần có một hội đồng giáo sư, đại vương mới yên tâm được.

- Đúng thế! Đức Suddhodana tỏ lời khen ngợi - khanh thật là chu đáo, quả là kiến thức của một bề tôi lương đống. Thôi, các khanh hãy cứ thế mà làm!

Sớm mai kia, một bà-la-môn quắc thước, tinh anh, tóc bông như mây, ăn mặc giản dị, thơm tất xuất hiện trước vương cung. Đức vua Suddhodana cho người cung đón vào triều, nói rõ mục đích của học vấn và những yêu cầu nghiêm túc khác. Bà-la-môn kính cẩn lắng nghe rồi khẽ cúi đầu khiêm tốn:

- Hạ thần sẽ cố gắng hết sức mình, tâu đại vương!

- Còn việc bổng lộc thì khanh chớ lo. Trẫm cũng khá chu đáo và rộng rãi về điều ấy, miễn là thái tử trở nên người xuất chúng về mọi lãnh vực.

- Hạ thần không dám!

Ngay lúc ấy, thân vương Amitodana dẫn vào ra mắt tám thầy bà-la-môn khác, trình với đức vua đây là những phụ tá, mỗi vị uyên bác, sở trường từng môn học khác nhau.

Ngắm nhìn các thầy bà-la-môn, vị nào trán cũng rộng phẳng, mắt sáng có thần, phong thái, cử chỉ đều thanh nhã, cái nhìn vững chắc và trầm lặng, biểu hiện một học vấn uyên thâm; đức vua vô cùng đẹp dạ. Ngài phán lệnh truyền cho làm ngay một bữa tiệc nhẹ để thết đãi hội đồng giáo sư rồi phó thác thái tử Siddhattha cho các thầy trông nom. Đức vua

gọi thị nữ thỉnh lệnh bà Gotamī mang thái tử ra mắt các thầy dạy học.

Svāmitta và tám thầy bà-la-môn mấy năm gần đây đã nghe tin đồn như sấm dộng bên tai về vị thái tử này, họ đã nắm những thông tin rất đầy đủ về sự xuất hiện của một nhân cách phi phàm nhưng chưa được diện kiến. Bây giờ tha hồ cho họ chiêm ngưỡng dung nhan vị thái tử nhỏ bé. Đây là lần thứ nhất trong đời, họ thấy được một người, như là một cái gì toàn bích, chí thiện và chí mỹ mà tạo hóa đã dày công kiến tạo nên! Dường như là mọi tinh hoa cao quý, mọi phẩm chất tối thượng của vũ trụ đều đã được chất lọc để kết dệt nên một con người!

Svāmitta thấy rõ điều ấy mà tám thầy bà-la-môn cũng thấy được điều ấy, nên sau buổi ra mắt, họ đã cùng ngồi với nhau soạn thảo một chương trình giáo dục không phải để cho những đứa trẻ thông minh, lanh lợi - mà chỉ để dành cho những trẻ thần đồng, thiên tài bẩm sinh!

Đức vua Suddhodana, các vị thân vương như đức Dhotodana, đức Sakkedana, đức Sakkodana, đức Amitodana, đều là anh em ruột của vua, sau khi xem chương trình giáo dục mà các thầy bà-la-môn đệ trình, họ thảng thốt kêu lên rồi nói:

- Chưa một đứa trẻ nào trên thế gian này mà có thể theo đuổi được một chương trình nặng nề như vậy.

Svāmitta kính cẩn tâu:

- Xin đại vương hãy an tâm, chúng hạ thần đã được hân hạnh xem tướng mạo thái tử, đúng là một nhân cách ưu việt, muôn triệu năm mới có được một người! Chương trình này được soạn thảo sau khi chúng hạ thần đã thảo luận, bàn bạc, nghiên cứu rất kỹ càng. Trong buổi khai giảng đầu tiên, xin mời đức vua, các đức thân vương cùng các vị lão thần đến chứng minh ngày khai giảng buổi học.

Đức vua vô cùng hồ hởi chọn ngày lành tháng tốt để thái tử học lớp khai tâm.

Sáng hôm ấy, thái tử áo mảo chỉnh tề, ngồi ngay ngắn, trước mặt là tám bảng gỗ hồng đàn hương cẩn ngọc quý trên rải lớp cát trắng mịn. Thái tử tay cầm cây cọ nhỏ ngược mắt ngây thơ, thản nhiên nhìn mọi người xung quanh.

Svāmitta cung bảm đức vua là giờ học bắt đầu. Ông ta ngắm nghía thái tử như ước lượng sự thông minh của ngài rồi trầm ngâm, lặng lẽ. Đức vua và mọi người hồi hộp chờ đợi.

Bất đồ, Svāmitta cất giọng ngâm lớn:

“- Án,

Nhập định tham thiền quán thái dương
Linh quang rõ rõi chiếu muôn phương
Thành tâm khẩn nguyện ơn trên xuống
Mở thức, nghe kinh hiểu tỏ tường”.

Rồi ông ta đột ngột nói:

- Tâu thái tử! Xin ngài hãy đọc lại bốn câu kệ ấy xem thử thế nào?

Đức vua và mọi người đưa mắt nhìn thái tử ra chiều lo lắng. Thái tử khẽ đứng dậy, vòng tay kính cẩn nói:

- Thưa vâng, bạch thầy A-đồ-lê!⁽¹⁾

Rồi thái tử đọc bốn câu kệ ấy một cách lưu loát, dễ dàng. Bất giác mọi người vỗ tay hoan hô, tán thán vui mừng.

Svāmitta dáng điệu nghiêm cẩn, thò tay cầm cây cọ viết rất nhanh và đẹp bốn câu ấy lên bảng cát trắng, rồi khẽ cúi đầu:

- Điện hạ hãy xem qua cho kỹ, sau đó hạ thân sẽ xóa đi. Và bốn câu kệ ấy, hy vọng rằng điện hạ sẽ viết lại được!

⁽¹⁾ Ācariya: Đọc âm là A-xà-lê hay A-đồ-lê - thầy giáo, giáo thọ.

- Thừa vâng! Bạch thầy A-đô-lê! Xin thầy hãy an tâm, đệ tử sẽ tuân lệnh và cố gắng làm như vậy.

Xong, thái tử mỉm cười, cây cọ chọt bay loang loáng trên bảng cát đã bị xóa, nét chữ vui tươi, nhí nhảnh, nhảy nhót rất linh động, thoáng là xong ngay.

Đức vua và mọi người tròn mắt, sửng sờ trước trí nhớ phi thường của thái tử. Riêng Svāmitta không có vẻ ngạc nhiên gì lắm, ông khải tâu:

- Tâu đại vương! Đây là điều mà hạ thần tiên lương được khi trông thấy dung mạo của thái tử. Vậy thì chương trình học như vậy, xin đại vương hãy chuẩn y cho!

Đức Suddhodana mỉm cười:

- Ta đồng ý. Vậy xin các khanh hãy chăm lo phận sự của mình, đừng phụ lòng trẫm.

Svāmitta và tám vị bà-la-môn đồng đứng dậy, cúi đầu. Đức vua, các vị thân vương, các vị lão thần rời phòng học với sự hân hoan chưa từng có: rằng là đất nước Sākya anh hùng đúng là vừa sanh ra được một đấng minh quân. Trong tương lai không xa, hy vọng rằng, Kapilavatthu sẽ thoát khỏi thân phận của một nước chư hầu, biết bao đời nay đã chịu lệ thuộc đế quốc Kosala hùng mạnh ở bên cạnh.

Thái tử Siddhattha thế là bắt đầu ghép mình vào một chương trình học vấn đầy khó khăn và nghiêm túc. Bà-la-môn Svāmitta phân chia môn học cho tám thầy bà-la-môn đảm trách, còn mình thì phụ trách tổng quát, theo dõi, hướng dẫn và hầu hạ thái tử trong sinh hoạt hằng ngày.

Mỗi ngày, khi trống hoàng thành vừa báo hiệu hết canh ba là thái tử đã được Svāmitta lễ độ đứng bên cửa rung chuông thức dậy. Việc đầu tiên là Svāmitta hướng dẫn nghi thức làm vệ sinh buổi sớm theo cung cách của một “tiểu hoàng đế”. Svāmitta hướng dẫn cách ngồi, cách chà răng và lưỡi, súc miệng bằng nước thơm soma. Hai thị nữ được lệnh bà Gotamī khiêng thùng nước ấm tắm hương tắm cho thái

tử, lau sạch thân thể, rửa thuốc vào mắt. Thái tử được thay áo mới, hài và mũ mới, trang điểm bằng trân bảo và những đóa hoa tươi. Bà-la-môn Svāmitta thỉnh thái tử sang phòng tĩnh tâm, học cách điều tâm điều tức, học hattha-yoga...

Đến giờ điếm tâm, hai người thị nữ khác mời thái tử sang phòng ăn được trang trí vui tươi, mát mẻ. Những thức ăn thượng vị bày trên những đĩa vàng, đĩa bạc, hương thơm ngát và màu sắc rất gọi cảm. Svāmitta vừa định hướng dẫn cách ngồi, cách ăn của bậc vương giả thì thái tử đã chậm rãi ngồi xuống thảm, xếp bằng thế liên hoa, hai tay chấp lại. Rồi với cử chỉ từ tốn, chậm rãi, thái tử ăn từng chút một, ăn cẩn trọng, nhai nuốt cũng rất cẩn trọng. Svāmitta cảm phục quá, thốt lên:

- Cách ngồi, cách ăn của điện hạ còn linh động hơn, nghiêm túc hơn cả kinh sách từ ngàn xưa để lại!

Hoàng hậu Gotamī mỉm cười, hãnh diện:

- Tất cả đều như có sẵn từ bẩm sinh, hoàng nhi dường như không cần ai chỉ dạy điều gì cả, từ việc ngủ nghỉ, nằm, ngồi, đi, đứng...

Svāmitta nói:

- Đúng thế, thưa lệnh bà! Ngay chính những nghi thức được hướng dẫn sáng nay, thái tử cũng nắm rất rõ, thực hành rất thuần thục. Vậy, từ nay, chỉ xin lệnh bà cho thị nữ rung chuông nhắc nhở về giờ giấc mà thôi. Đúng giờ, các thầy bà-la-môn sẽ gặp thái tử ở phòng học.

Svāmitta cung kính chào lệnh bà Gotamī và thái tử rồi lui ra.

Khi ánh bình minh vừa ló dạng ở chân trời là thái tử bước vào phòng học, theo một chương trình học vấn rất nặng nề. Thời gian đầu, thái tử được học về văn chương, ngôn ngữ cùng văn phạm, cú pháp. Xen kẽ giữa chúng là các bộ môn về nghệ thuật: Thi ca, hội họa, cách sử dụng các loại đàn, xướng âm, thẩm âm... Nhưng nhận thấy sự tiếp thu dễ

dàng của thái tử, Svāmitta mở rộng một chương trình thăm dò thiên tài bẩm sinh của thái tử, bằng cách cho học thêm, khái quát về các bộ môn lịch sử, tư tưởng triết học Vệ-đà, thiên văn, địa lý, y thuật, toán học, đo lường, võ học...

Thấy thầy dạy như thế nào, thái tử học chùng đó, rất thoải mái, không quên điều gì, không hỏi điều gì; lạ lùng quá, bà-la-môn Svāmitta bèn hỏi:

- Điện hạ có thấy khó khăn không?
- Dạ không, thưa thầy A-đồ-lê!
- Đêm về, điện hạ có học lại bài không?
- Dạ không, thưa thầy A-đồ-lê!

Nhăn mày khó hiểu, Svāmitta hỏi tiếp:

- Vậy thì điện hạ học xong là thuộc ngay ư?
- Thưa đúng vậy!

Svāmitta nhìn người học trò bé nhỏ lúc nào trả lời cũng vòng tay, cúi đầu, thưa gởi rất lễ độ - mà không hiểu ra làm sao cả!

Chợt thái tử hỏi:

- Tại sao các thầy A-đồ-lê lại dạy một chương trình quá ít ỏi mà không dạy cho nhiều hơn?

- Ý điện hạ muốn nói về môn học nào?

- Dạ thưa, về tất cả các môn! Dường như các thầy còn muốn giấu tài, không muốn dạy hết cho đệ tử!

- Điện hạ có thể lấy ví dụ được không?

- Dạ được - Thái tử gật đầu rồi nói tiếp - Ngay bài kệ đầu tiên mà thầy A-đồ-lê đọc, thầy A-đồ-lê chỉ đọc một bài, trong khi đó, còn không biết bao nhiêu bài kệ nổi tiếng khác ở trong cổ thư, cổ kinh... tại sao các thầy không đọc hết cho đệ tử nghe?

Nói xong, trước đôi mắt kinh dị của Svāmitta, thái tử cầm cọ viết lên bảng cát từ bài kệ này sang bài kệ khác. Viết xong lại xóa, xóa xong lại viết, liên miên bất tận trước đôi mắt càng ngày càng mở lớn của Svāmitta. Chừng năm bảy

bài đầu tiên, Svāmitta còn biết, còn nhớ... nhưng càng về sau, Svāmitta càng mơ hồ và mù tịt.

Svāmitta đứng sững như trời trồng. Thái tử Siddhattha hồn nhiên nói tiếp:

- Ngay chữ viết cũng vậy, các thầy A-đồ-lê cũng giấu tài! Còn nhiều thứ chữ, cách viết rất lạ lùng nữa kia, sao các thầy không dạy?

Nói xong, thái tử thò tay lên bảng cát. Rồi lần lượt các thứ chữ Nāgari, Daksina, Nī, Maṅgola, Parusā, Yava, Tirthi, Ūka, Tarat, Sikhayanī, Manā, Madhayācārā... lần lượt hiện ra... Không dừng tay lại được, thái tử còn viết các thứ chữ như ký hiệu, chữ của cổ nhân còn lưu trong các thạch động; chữ của thổ dân miền duyên hải, miền núi; thứ chữ của những người thờ thần lửa, thần rắn, thần mặt trời; chữ của những chiêm tinh gia ở những lâu đài cổ kính trên sa mạc...

Như trên đà hưng phấn, tiếp nối được kiến thức uyên thâm từ nhiều đời kiếp, thái tử lần lượt viết lên bảng cát tất cả cổ ngữ, ngâm nga các mật kệ của rất nhiều chân sư trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề!

Svāmitta quỳ mọp xuống, chắp tay kính cẩn thốt lên:

- Kính lạy thái tử! Ngài chính là vị Thánh Tổ của ngôn ngữ và văn học. Hạ thần dù có thụ giáo suốt đời cũng chưa hết, thì đâu còn dám dạy thái tử về môn học này?

Thái tử Siddhattha nâng vị thầy già đứng dậy:

- Nhưng mà các ngôn ngữ hiện nay của các nước, của các bộ tộc, các thổ dân thì đệ tử đâu có biết? Xin thầy A-đồ-lê đừng tự hạ mình như thế. Đệ tử còn phải học nhiều mà!

Kinh nghiệm về môn ngôn ngữ và văn học, tức tốc, Svāmitta cho triệu tập ngay hội đồng giáo sư, nói rằng:

- Trong thời gian các ngài phụ trách về môn học của mình, có ai phát hiện điều gì lạ lùng về sở học của thái tử không?

Tất cả như đồng thanh đáp: “Thưa có”. Rồi một vị bà-la-môn đứng dậy nói:

- Tôi phụ trách toán học và đo lường. Mới đây tôi mới phát hiện được rằng, về môn học này, thái tử đúng là một vị Thánh Tử!

Hồi hộp, Svāmitta bèn nhướng mắt hỏi:

- Ngài hãy kể lại những chi tiết cụ thể để hội đồng cùng thẩm định.

- Đầu tiên, tôi dạy thái tử cách đếm từ một, hai, ba. Tôi đếm trước, thái tử đếm sau. Tôi đếm đến mười ngàn, thái tử đọc lại một cách vanh vách. Tôi dừng lại ngang đó rồi bảo rằng, phải đọc đi đọc lại mãi cho thuộc chớ đừng y y trí trí nhờ phi thường của mình. Thái tử vâng dạ rất lễ độ. Những giờ tiếp theo tôi dò bài rồi học tiếp, cũng là cách đếm, cho đến một trăm ngàn (một lakh).

Hôm kia, chợt thái tử nói:

-“Sao thầy A-đồ-lê không dạy cách đếm đến một koti (một triệu), mười koti, trăm koti, ngàn koti, trăm ngàn koti, triệu koti, triệu triệu koti?”

Ngạc nhiên quá, tôi hỏi:

-“Vậy thái tử đếm được chừng nào?”

Thái tử nói:

- “Đệ tử sẽ đếm, nhưng có chỗ nào sai, xin thầy A-đồ-lê chỉ giáo cho!”

Vị giáo sư bà-la-môn toán học và đo lường ngưng nói, mọi người đổ dồn đôi mắt, chăm chú... Ông chậm rãi tiếp:

- Thật là không thể tưởng tượng được. Thái tử đếm. Thái tử đã tự đếm đến con số tỷ tỷ. Thái tử đếm tới con số dùng tính các phân tử của quả địa cầu, đếm đến các con số dùng tính các vì sao, đếm đến các con số dùng tính những giọt nước trong biển cả, đếm đến các con số dùng tính các loại vòng, đếm các con số để tính những hạt cát sông Gaṅgā, đếm đến con số mười triệu hạt cát sông Gaṅgā làm một đơn

vị để từ đó tính đếm con số a-tăng-kỳ (asaṅkheyya), lấy con số a-tăng-kỳ làm đơn vị để tính những giọt mưa trên thế giới rơi luôn luôn đêm ngày không ngớt trong mười ngàn năm! Sau cùng là tính đếm con số một đại kiếp (Mahākappa), đếm đến con số của các vì linh thần dùng để tính quá khứ, vị lai...

Hội đồng giáo sư ngồi im phăng phắc. Tiếng con thằn lằn chắt lưỡi thở dài ở đâu đó. Mọi người đều lạnh mình.

Vị giáo sư nói tiếp:

- Chưa hết. Về đo lường, thái tử có thể có những con số tính toán lạ lùng như sau: mười pa-ra-ma-nút bằng một pa-ra-xúc-ma. Mười pa-ra-xúc-ma bằng một tờ-ra-xa-ren. Bảy tờ-ra-xa-ren bằng một vi trần trôi theo ánh sáng mặt trời. Bảy vi trần bằng một lông mép của con chuột nhắt. Mười sợi lông mép của con chuột nhắt bằng một li-khi-a. Mười li-khi-a bằng một duka. Mười duka bằng một ngòi của hột lúa mạch. Bảy ngòi của hột lúa mạch bằng một hạt mè. Mười hột mè bằng một đốt tay. Chín đốt tay bằng một gang tay. Hai gang tay bằng một thước mộc. Năm thước mộc bằng chiều dài ngọn giáo. Mười chiều dài ngọn giáo bằng một hơi thở. Bốn mươi hơi thở bằng một “gao”. Bốn mươi “gao” bằng một do-tuần (yojana).

Ngoài ra, thái tử còn tính được tổng số vi trần trong một do-tuần vuông vức!

Vị giáo sư nói xong, lẳng lặng ngồi xuống. Thế rồi, sau đó, các thầy bà-la-môn khác cũng đứng dậy trình bày kiến thức bẩm sinh của thái tử về các bộ môn Lịch sử dân tộc, Lịch sử châu Diêm-phù-đề, các tư tưởng triết học tiền Vệ-đà và Vệ-đà, Thiên văn, Địa lý, Y thuật, Võ học, Binh pháp, Hội họa, Thi ca, Tự nhiên học... Có môn thì thái tử hiểu biết rất sâu rộng. Có môn thì thái tử học một mà biết mười.

Bà-la-môn Svāmitta cũng trình bày cho cả hội đồng nghe về khả năng văn chương, ngôn ngữ của thái tử. Đến đây thì họ đồng một quan điểm: “Chỉ những môn học nào

hiện đang có mặt trên thế gian, có tính hiện đại, hoặc kế thừa quá khứ với những phát kiến mới mẻ thì may ra thái tử chưa biết mà thôi.” Thế rồi, họ cùng bàn bạc đề thảo luận một chương trình học khác, vừa ôn lại kiến thức quá khứ, vừa kịp thời bổ sung kiến thức hiện đại.

Hội đồng A-đô-lê, một lần nữa, đến gặp đức vua Suddhodana, trình bày tự sự cho ngài nghe rồi nói:

- Thái tử là một thần đồng bác học. Không có môn học nào mà thái tử không tỏ ra ưu việt và thông thái, là bậc thầy của những bậc thầy; sợ rằng chúng hạ thần chưa xứng đáng làm học trò của thái tử nữa. Sở học thì như vậy nhưng chính đức hạnh, nét khiêm cung của thái tử càng làm cho chúng hạ thần kính trọng và ngưỡng mộ hơn. Thái tử chính là hiện thân cho cái gì cao quý và tốt đẹp nhất trên đời này.

Đức Suddhodana vốn đã biết thái tử là một người khác thường nhưng ngài cũng không ngờ thái tử còn hơn cái gọi là khác thường kia nữa. Quả đúng là một siêu nhân vô tiền khoáng hậu trên đời này. Thái tử phải là chân mệnh của một vị Chuyển luân Thánh vương mà đức vua chỉ mới được nghe qua sử sách, qua những lời truyền thuyết. Vậy qua lời của các thầy bà-la-môn uyên bác này thì thái tử chỉ thiếu sót về những kiến thức hiện đại. Thái tử chỉ “bác cổ” chứ chưa “thông kim”. Chương trình mà các vị bà-la-môn vừa đệ trình đúng là đã đáp ứng yêu cầu ấy.

Nghĩ thế, đức Suddhodana phủ dụ, trấn an:

- Các khanh vậy là đã suy nghĩ thật chu đáo và đã làm việc hết mình. Trẫm sẽ trọng thưởng. Sở học của thái tử còn thiếu sót nhiều, mong các khanh đừng tự hạ mình nữa, hãy tiếp tục công việc theo chương trình mà các khanh đã vạch. Trẫm hoàn toàn tin tưởng vào sự nghiêm túc và lỗi lạc của chư khanh!

Thế là từ tám tuổi đến mười lăm tuổi, thái tử lo trau dồi con đường học vấn mà từ cổ chí kim chưa có ai học nổi:

Tóm thâu sở học của thiên hạ về tất cả các bộ môn, từ xưa đến nay, mà không có một môn học nào không là bậc thầy của loài người!

Tuổi Thơ Và Tình Thương Của Thái Tử

Rừng cây ở nơi vườn Ngự đã mấy mùa thay lá, thái tử lớn lên như nụ măng, như sắc hoa ngày càng mუმ mုံm và tươi thắm. Lệnh bà Gotamī vô cùng dẫu yêu, cung chiều hơn ngọc hơn ngà. Thấy thái tử từ lúc sáng tinh mơ, ngày này sang ngày khác, chuyên cần, đều đặn bước vào phòng tịnh tâm, vào phòng học... lòng lệnh bà dậy lên mối thương cảm vô hạn. Ngoài kia bướm bay, chim hót, hoa nở. Bên kia tường thành, chóc chóc vắng lại tiếng reo cười nô đùa của bọn trẻ. Lệnh bà Gotamī chạnh nghĩ đến thái tử, lại thở dài.

Hôm kia, không dẫn lòng được, bà thưa với đức vua Suddhodana:

- Có lẽ bệ hạ nên cho trẻ học ít lại, thỉnh thoảng cho nó vui chơi chút đỉnh. Nó là trẻ con mà!

Thấy thái tử suốt bao nhiêu năm chăm chuyên vào sự học, chưa có lúc nào cần phải nhắc nhở; lại nữa, tư cách và phẩm chất của thái tử càng lúc càng hiển lộ như viên ngọc manī không tì vết, không dễ dàng nhiễm được tính tình của một ai khác nên đức vua mỉm cười bằng lòng:

- Ủ! Cũng được! Con cái của các đức thân vương, con cái của các đại thần đồng trang lứa với nó cũng nhiều đấy!

Thế là bắt đầu từ hôm ấy, con trai của các đức thân vương, của các lão thần được phép cùng chơi với thái tử.

Trong số ấy có ba trẻ là thái tử thân thiết nhất, đó là Ānanda, Mahānāma và Kāḷudāyi.

Ānanda là con trai của đức thân vương Amitodana, sinh cùng một năm, một tháng, một ngày, một giờ với thái tử, tướng mạo xinh đẹp và có một trí nhớ phi thường. Khi làm lễ tắm rửa và đặt tên, các thầy bà-la-môn rành thông tướng pháp khen ngợi, tán dương không hết lời. Họ nói rằng, vương tử có một đầu óc siêu phàm, bất cứ môn học nào, chỉ cần liếc mắt qua hoặc thoáng nghe qua là nhớ, là thuộc lòng tức khắc. Ngoài ra, vương tử còn có sức khỏe không ai bì nổi; theo tướng số thì ngài suốt đời không bệnh tật, và tuổi thọ có thể vượt quá giới hạn trăm năm của đời người. Tuy nhiên, có điều rất kỳ lạ mà các thầy bà-la-môn không hiểu, là Ānanda không có số làm vua, không có số lập gia đình, tướng đại phú quý mà không hưởng, chỉ thành công xán lạn ở địa vị của người phụ tá!

Mahānāma là con trai của đức thân vương Sukkodana, cũng là hòn ngọc quý của hoàng gia. Khi sinh ra, các thầy bà-la-môn nói nhỏ với đức thân vương Sukkodana là Mahānāma có số làm vua! Chính bí mật này làm cho đức thân vương nuôi tham vọng ngôi vị chí tôn của Kapilavatthu sau này! Mahānāma có người em là Anuruddha, đáng người nhỏ nhỏ, thông minh, phúc hậu; cũng thường hay theo anh dự cuộc vui chung với thái tử.

Kāḷudāyi là con một lão thần lương đồng, tướng uy nghi đường bệ, chững chạc, trung hậu; tính tình lúc cứng rắn, lúc dịu dàng, tương lai có thể là một vị đại thần mẫu mực cho triều đình.

Người nhỏ tuổi nhất là Nanda, con của hoàng hậu Gotamī, em cùng cha khác mẹ với thái tử, tướng mạo cũng rất đẹp, đại phú quý nhưng cũng không có số làm vua... Đức Suddhodana rất lấy làm lo lắng về những lời tiên tri, trước đây là thái tử và sau này là Nanda! Nếu ai cũng xuất gia làm

sa-môn cả thì sơn hà xã tắc này để lại cho ai? Vì lo sợ chuyện bốn sứ giả một lúc nào đó đến báo triệu nên nhà vua đã ra lệnh âm thầm cho những người già lão, lợm khòm, xấu xí; những người mắc bệnh trông lở loét, hôi hám, ghê tởm lần hồi ra khỏi kinh thành; an trí cho họ ở những nơi xa xôi, hẻo lánh. Vẫn chưa yên tâm, đức vua còn cho người theo dõi những người thái tử tiếp xúc ở những nơi chốn thái tử thường hay lui tới vui chơi.

Thời gian sau, đức vua Suddhodana cảm thấy yên tâm. Thái tử thường cùng với Ānanda, Mahānāma, Kāḷudāyi dạo chơi loanh quanh trong vườn Ngự, bao giờ cũng có Nanda chập chững theo sau. Và những trò vui chơi của bọn trẻ thấy đều hồn nhiên và vô hại. Đó là những trò chơi thông dụng thời bấy giờ: làm người bù nhìn, đấu gậy, chơi xe ngựa và các cung tên tí hon; đấu trí với nhau trên tấm ván chia tám hay mười ô vuông (Cờ tướng hay cờ vua thuở xưa?) Khi mệt, chúng nằm dài trên cỏ xanh rồi lú lo nói chuyện với nhau. Thái tử lấy cái kèn nhỏ thường mang theo bên mình để thổi một khúc nhạc cổ xưa, man mác buồn. Kāḷudāyi và Mahānāma thảo luận vài điểm về văn chương hay triết học Vệ-đà, sau đó họ nhờ thái tử giảng rộng thêm. Kiến thức của thái tử quá uyên bác. Ānanda say sưa lắng nghe. Nanda đùa nghịch với tràng hoa trên cổ mình, sau đó lén mang tràng hoa ấy quàng cho thái tử.

Thái tử nói với cả bọn:

- Lần sau, các bạn đừng nên kết tràng hoa như vậy nữa. Hoa để tự nhiên trên cây, trên cành trông tươi thắm và đẹp dễ hơn.

Lệnh bà Gotamī từ sau lùm cây bước ra cùng với hai người thị nữ mang bánh trái trên tay.

- Cây, cỏ, hoa, lá đều có sự sống đấy các bạn! Thái tử tiếp lời - Hãy thương yêu chúng như chúng ta đã từng

thương yêu chim, cá, dế mèn, châu chấu, bướm, ong... trong khu vườn này vậy.

Ānanda mỉm cười:

- Chưa có điểm nào, điều gì mà thái tử nói sai cả, phải không các bạn?

- Đúng vậy! Mahānāma gặt đầu - Tràng hoa trên cổ thái tử giờ trông xấu xí một cách thảm hại, nó mất sự sống rồi đấy!

Lệnh bà Gotamī góp lời:

- Nhận xét ấy thật là chính xác. Các con hãy cùng nhau ăn bánh trái rồi xem chuyện lạ lùng này.

Nói xong, bà lấy tràng hoa khỏi cổ thái tử rồi thay vào một chuỗi bích ngọc. Cả bọn chăm chú quan sát. Chợt Ānanda phát biểu:

- Xâu bích ngọc trên cổ thái tử, trông hoài vẫn không thấy đẹp, ấy mới kỳ!

Lệnh bà Gotamī tiếp tục thay bằng chuỗi hồng ngọc, chuỗi ngọc trai, chuỗi kim cương... Ānanda thì vẫn tiếp tục chê xấu, không đẹp!

- Chưa có một loại trang sức nào tôn thêm vẻ đẹp cho thái tử cả, điều ấy làm ta ngạc nhiên từ lâu lắm rồi! Bà Gotamī nói rồi tiếp tục ngắm nghía - nước da của thái tử sáng và trong quá, tất thấy trên châu, bảo ngọc trên thế gian đều phải bị lu mờ.

Thái tử mỉm cười:

- Mẹ! Cái gì nếu để tự nhiên đều đẹp cả, chẳng riêng gì trường hợp của con đâu! Và, khi trang điểm thêm cái gì đó, con cảm thấy vương vịu khó chịu thế nào!

Mọi người cùng cười xòa khi thấy thái tử nhú mày! Ôi! Ngay chính cái nhú mày của thái tử cũng làm cho biết bao nhiêu người phải yêu mến!

Hôm kia, thái tử cùng với bọn trẻ đi chơi xa, sau khi thoát khỏi những đôi mắt giám sát của thị nữ, họ lạc vào một

trại nuôi ngựa rộng mênh mông. Những chuồng ngựa nối tiếp những chuồng ngựa chạy dài đến hút mắt. Hàng trăm người đang làm việc trong chuồng ngựa và trên những bãi chăn. Ôi! Ngựa quá nhiều và quá nhiều loại ngựa màu sắc và hình dáng khác nhau. Cả bọn chui hàng rào lên vào một chuồng ngựa gần nhất.

Một đứa trẻ ăn mặc dơ dáy vừa từ trong cỏ chui ra, thấy “những người sang trọng” ở đâu chợt hiện đến, hấn sợ hãi quỳ mọp xuống. Thái tử bước tới, dịu dàng nắm tay, cất giọng nhỏ nhẹ:

- Đừng sợ! Không ai làm gì đâu mà sợ! Chúng ta là bạn mà!

Đứa trẻ vẫn không dám ngược đầu lên.

Thái tử lấy tay phủi những cọng rơm trên đầu, lấy khăn lau những cái bẩn trên mặt, vuốt lại mái tóc bù xù của trẻ rồi ân cần nói:

- Bạn tên chi? Đã mấy tuổi rồi? Hiện làm gì, ở đâu?

Đứa trẻ như cảm nhận được tấm lòng dịu dàng, nhân hậu của thái tử qua cử chỉ thân thiện, qua giọng nói ấm áp của chàng nên đã mạnh dạn ngược đầu nhìn lên. Trước mắt hấn chợt sáng rực. Đúng là trước mặt hấn xuất hiện những vị con trời, quý phái quá, cao sang quá, đẹp đẽ quá!

- Ta là Siddhattha, đây là Mahānāma, đây là Kāludāyi, đây là Ānanda, còn đây là Nanda. Chúng ta đều là bạn tốt. Hãy đứng dậy chơi, ông bạn!

Ôi! Cái giọng nói và nụ cười của họ! Đứa trẻ như mê đi!

Sau đó, nó cho biết nó tên là Channa, đã mười lăm tuổi, con của một vị tướng sát-đế-ly, bị thất sủng của triều đình, trông coi trại ngựa. Từ khi cha mẹ Channa mất, không còn ai nuôi nấng nên nó sống lang thang ở trại ngựa này. Những người chăn coi trại ngựa vì biết rõ gốc tích của Channa, lại đã từng kính trọng vị tướng - nên họ để cho Channa sống tự do, muốn làm gì thì làm. Phần vật thực hằng ngày thì ai

cũng có thể cho nó ăn no. Ngoài ra, Channa có tài đặc biệt về trị ngựa và xem tướng ngựa nên cả trại rất nể trọng, ưu ái nó.

Thấy tình cảnh và bộ dạng của Channa rất đáng thương, thái tử hỏi:

- Bạn không có đủ áo quần để mặc sao? Và chui rúc làm gì nơi đông cỏ khô ấy?

Channa cười bẽn lễn:

- Em có một ngôi nhà do cha mẹ để lại, nhà đã cũ xưa, đổ nát rồi nhưng còn ở được. Sở dĩ em đến sống đây là vì em “mê” một con ngựa! Nó đây...!

Channa dẫn thái tử đến xem con ngựa ở phía trái chuồng. Dáng ngựa thon thả, mảnh khảnh, dọc sống lưng và sống chân chạy dài một đường chỉ đỏ nổi bật giữa sắc lông màu ngà, trông rất cao sang, quý phái. Thái tử tò mò xem mắt, xem chân, sờ bụng chú ngựa ấy, bất giác thốt lên:

- Đúng là vua của loài ngựa.

Channa hớn hờ nói như reo:

- Đúng vậy! Và hơn cả vua của loài ngựa nữa vì nó nghe được cả tiếng người, ngoan ngoãn, dễ dạy - rồi Channa tới vuốt ve bờm ngựa, nói - nằm xuống đi, bạn thân mến!

Ngựa ngoan ngoãn nằm xuống, gối đầu trên chân Channa ra chiều thân thiết.

- Nó bao nhiêu tuổi rồi hử Channa?

- Nó cùng tuổi với em, ba em bảo thế. Ba em lại còn nói rằng, nó sinh ra cùng một ngày, một giờ với em!

Thái tử chột nhú mày:

- Bạn sinh ngày nào, giờ nào hử Channa?

- Thưa, ngày trăng tròn tháng Vesākha, khi mặt trời lên chùng mây cái đòn gánh!

Bất giác, thái tử đưa mắt nhìn Ānanda. Ānanda đưa mắt nhìn thái tử. Ānanda nói:

- Thật kỳ diệu. Thế là tất cả chúng ta: Hoàng huynh, đệ, Channa và con ngựa này cùng một tuổi, cùng sinh một ngày, một giờ!

Rất lấy làm thú vị, thái tử hỏi:

- Nó tên gì hở Channa?

- Tên nó là Kaṇṭhaka!

Bắt đầu từ hôm ấy, thái tử và Ānanda thường lui tới thăm viếng Channa và ngựa Kaṇṭhaka. Channa đã biết người đến thăm mình chính là hai ông hoàng cao sang của vương quốc Kapilavatthu nên càng sinh tâm kính trọng.

Thái tử và Ānanda mang cho Channa y phục, vật dụng, tiền bạc; ngược lại Channa chỉ cho hai người cách chăm sóc ngựa, cách cỡi ngựa, điều phục ngựa. Không lâu sau, thái tử rất giỏi cỡi ngựa và rất thân thiết với Channa. Còn Channa thì rất mực trung thành, hết lòng hầu hạ thái tử.

Lệnh bà Gotamī, qua những người thị nữ, biết việc ấy nên bà đã tâu lại cho đức vua hay. Nghĩ cũng không có hại gì, vả, thái tử cũng đã là một thiếu niên trưởng thành, cần những thú vui lành mạnh, đức Suddhodana bèn cho Channa vào ở cạnh ngôi vườn gần cung điện, làm riêng cho một cái chuồng đẹp để cho ngựa Kaṇṭhaka ở để làm vui lòng thái tử.

Phía tây hoàng thành có một tòa lâu đài, nơi mà đức vua Suddhodana để dành nghinh tiếp đức vua Suppabuddha cùng hoàng hậu Amitā Pamitā - là em ruột của ngài. Tháp tùng đức vua và hoàng hậu nước Koliya bao giờ cũng có thái tử Devadatta, công chúa Yasodharā cùng khá nhiều vương tôn, công tử trong hoàng tộc.

Thế là, bọn thiếu niên, thiếu nữ cành vàng lá ngọc của hai quốc độ có dịp gặp gỡ, chuyện trò, trao đổi kiến thức lẫn những cuộc du ngoạn, vui chơi đây đó.

Yasodharā (sau này còn có những tên khác: Bhaddakaccāna, Bimbadevī, Gopā, Rāhulamātā) mang sắc đẹp cao sang, quý phái và e ấp, kín đáo của một đóa cúc

trắng trên đầu núi. Chính lệnh bà Gotamī đặc biệt để ý đến vị công nương diễm kiều có cá tính dịu dàng trầm mặc này. Cả hai lại rất hợp chuyện với nhau.

Devadatta kiến thức uyên bác nhiều lĩnh vực. Trong những cuộc luận đàm về triết học, văn chương... với chúng bạn, bao giờ Devadatta cũng nổi trội hẳn lên. Riêng thái tử thì chỉ biết ngồi nghe, lắng nghe chăm chú, nhưng sau rốt lại mỉm cười yên lặng.

- Hoàng huynh - Devadatta nói - Đệ nghe danh về sở học uyên bác của hoàng huynh, nhưng tại sao hoàng huynh không tham dự để cho chúng đệ được mở rộng kiến văn?

Thái tử đặt nhẹ tay lên vai Devadatta:

- Chính hoàng đệ đã là bậc đệ nhất, xứng đáng cầm cây cọ danh dự trên các chiếu tranh luận. Ai còn dám so tài với hoàng đệ nữa?

Devadatta nắm tay thái tử hát ra:

- Đệ không dám tin như thế. Chính hoàng huynh là người khôn ngoan nhất: Chỉ muốn đứng ngoài mọi cuộc tranh luận để hưởng phần “ngư ông đắc lợi!”

Thái tử rất mực nhũn nhặn:

- Ta nào có dám thế. Chỉ có điều ta biết rất rõ: mọi cuộc tranh luận rồi không đưa đến đâu cả. Nó vô nghĩa và phù phiếm thế nào!

Devadatta phát tay bỏ đi, cười lạt:

- Thấy chưa! Hoàng huynh bao giờ cũng là bậc minh triết giữa đám nhân loại tép riu này!

Thái tử tự nghĩ:

“- Cái hiệu chiến hiệu thắng ẩn chứa nét hung dữ của Devadatta là yếu tố bất lợi cho cuộc đời của y sau này!”

Ngày kia, vào mùa xuân, một đàn hạc lông trắng như tuyết, đầu và chân đỏ như son (sếu đầu đỏ) từ phương nam, bay ngang qua bầu trời Thượng Uyển để về Himalaya. Devadatta trông thấy liền giương cung nhắm bắn. Mũi tên

hung tàn xé gió bay vút lên không trung. Cả đàn chim chợt rối loạn. Một cánh chim nhỏ lao đảo sa xuống đất, máu đào nơi vết thương nhuộm thẫm cả lông.

Thái tử Siddhattha lúc ấy đang ngồi chơi nơi vườn hoa, trông thấy, vội vàng chạy đến, đưa nhẹ tay nâng chim trời thọ nạn. Ngài ngồi xếp bằng, ôm sát chim vào lòng, sửa tỉ mỉ lông cánh lại cho thẳng thớm, mơn trớn cho quả tim hạc bớt đập mạnh. Thái tử sè bàn tay mịn màng như đọt chuối non vừa hé lá, vuốt ve chim âu yếm bằng tình thương dịu dàng của người mẹ. Tay trái ngài ôm chim với cử chỉ trấn an, tay mặt nhẹ nhẹ rút mũi tên ác nghiệt, đoạn hái lá cây tươi hòa với mật ong đắp lên vết thương.

Từ thuở nhỏ đến giờ, thái tử chưa hề biết đau đớn là gì! Vô tình bàn tay mềm dịu của ngài chạm phải đầu mũi tên bén nhọn làm cho ngài cảm thấy nhức buốt, khó chịu vô cùng. Do vậy, thái tử cảm thông sâu sắc vết thương trầm trọng của chim nên hết lòng tự tay chăm sóc không chút nề hà!

Một lát sau, tốp thị vệ của Devadatta từ bên ngoài chạy đến, kính cẩn tâu:

- Thưa thái tử điện hạ! Thái tử vương quốc Koliya là Devadatta vừa mới bắt được một con chim hạc, rơi vào vườn này. Kính lạy thái tử! Xin ngài vui lòng trao con chim hạc ấy cho thái tử chúng con!

Thái tử Siddhattha đáp:

- Không thể được! Các người hãy về nói lại với hoàng đế rằng: Nếu chim hạc chết rồi thì ta có thể trao cho, nhưng nay nó còn sống thì ta phải giữ lại để săn sóc vết thương!

Devadatta nóng nảy phi ngựa đến, chống tay sừng sộ:

- Hạc bay lượn trên trời là vô chủ, nhưng khi ta đã bắt rơi, dầu sống hay chết, nó thuộc quyền sở hữu của ta. Hoàng huynh phải trao chim hạc lại cho ta mới hợp lý!

Thái tử Siddhattha áp cổ hạc vào má, thốt lời ôn tồn nhưng nghiêm nghị:

- Nay hoàng đệ! Chẳng những con chim hạc bị thương tội nghiệp này thuộc về ta, cần ta che chở, bảo bọc; mà tất cả những loài vật yếu đuối thiếu khả năng tự vệ, ta đều có bổn phận phải đùm bọc, nâng đỡ. Ta ước nguyện rằng, tình thương của ta phải được san sát đồng đều đến cho tất cả chúng sanh. Ta còn muốn rằng, lòng từ tâm ấy phải là tiếng nói mát mẻ, êm dịu giữa thế giới xấu xa, độc ác của loài người. Phải làm thế nào để lòng từ tâm kia xoa dịu, an ủi được mọi niềm bi thương, thống khổ trên trần thế. Ý nghĩ ấy là ước nguyện khôn nguôi của ta. Hoàng đệ phải hiểu như vậy!

Devadatta lắc đầu, cười lạt:

- Thưa hoàng huynh kính mến! Chẳng ai hiểu được lý luận “người vật đồng đẳng” đạo đức giả ấy cả!

Thái tử Siddhattha ôm chim rất trìu mến, đứng dậy:

- Chẳng có giả trá nào ở đây khi ta thương mến con chim tội nghiệp này. Nhược bằng hoàng đệ không thể hiểu, hoặc không muốn hiểu - thì chúng ta hãy đem việc này ra giữa hội đồng dòng tộc, nhờ các bậc hiền lão, trưởng thượng phân xử.

Thế là câu chuyện được đem ra giải quyết giữa triều đình có hội đồng trưởng lão dòng họ đại diện cho cả hai quốc độ Kapilavtthu và Koliya. Rất nhiều lý lẽ được đem ra bàn cãi, mổ xẻ khá khách quan, không ai thiên vị ai. Tuy nhiên, giữa thái tử Siddhattha và Devadatta ai cũng có lý. Rốt lại, phải trái không biết thuộc phần ai!

Trong lúc mọi người đang phân vân khó xử, bỗng một giọng nói hùng hồn từ phía sau vang lại:

- Từ xưa đến nay, thiên lý vạn lý trên đời không ra ngoài “sự sống”. Nếu tại vương quốc này, sự sống còn có chút giá trị thì người “bảo vệ sự sống” được quyền giữ chim hơn là

người “hủy diệt sự sống”. Kẻ hủy diệt sự sống thì hung dữ, ác độc, đồng nghĩa với bạo tàn và phá hoại. Người bảo vệ sự sống thì hiền hòa, thiện lương, đồng nghĩa với bảo tồn và xây dựng. Một bên là hận thù và bóng tối, một bên là tình thương và ánh sáng. Cả hai có hai ý nghĩa tương biệt rất minh bạch, sáng rõ như nhật nguyệt, ai phải ai trái không cần phải bàn cãi nữa. Hãy giao con chim hạc đáng thương cho vị thái tử nhân đức!

Cả triều thần và hội đồng trưởng lão như trút được gánh nặng, thở dài nhẹ nhõm. Họ hoan hỷ nhìn nhận sự phân xử ấy là sáng suốt, cao minh, công bằng, hợp lý, hợp với đạo sống muôn đời.

Đức vua Suddhodana rất lấy làm cảm kích, quay nhìn người phát biểu thông minh, sâu sắc, nhưng lạ lùng làm sao, đằng sau ấy không có một ai! Một quan đại thần bảo là thấy một tu sĩ lạ mặt hiện đến, nói những điều cần nói rồi biến đi như phép lạ!

Thế là thái tử Siddhattha được cuộc, hớn hờ mang chim về, sau đó bỏ công chăm sóc chim một cách rất tận tình, với tất cả tấm lòng. Không lâu sau, chim hạc lành hẳn vết thương. Giữa người và chim như có một mối giao cảm vô hình, nên thái tử đi đâu, hạc đi liền bên hoặc nép dựa mình vào ngài với tất cả sự an tâm và lòng tin cẩn.

Vào mùa thu, khi đàn hạc di trú, trốn lạnh, rời Himalaya tìm nắng ấm phương Nam, chúng lại vầy đoàn từ bỏ phương Bắc. Thái tử mang chim ra Thượng Uyển, vuốt ve âu yếm hạc, nhìn đàn chim trên trời rồi nói rằng:

- Hỡi con! Có hội ngộ tất có biệt ly. Tháng ngày nương náu bên ta, con đã có đủ sức khỏe để hôm nay trở về với bầy bạn. Tình thương của ta thì chắc con đã hiểu, nhưng ta không thể nào vì tình thương ấy mà buộc ràng con ở nơi khu vườn chật chội này. Ta sẽ trả cho con về với bầu trời cao

rộng, trả con lại với tháng ngày tự do, với quyền thuộc xa cách bấy lâu!

Thái tử tung chim lên không. Hạc chóp chóp đôi mắt, lượn quanh ba vòng, kêu to lời từ biệt rồi vỗ cánh theo đàn bay về phương trời xa tít.

Thái tử đăm đăm nhìn theo chim cho đến khi mất dạng; vừa sung sướng, vừa buồn ngủi: Một nỗi niềm khôn tả!

Ngục Vàng

Đức Suddhodana trầm ngâm suy nghĩ, trán ngài cau lại thành những vết hằn rất sâu. Bao nhiêu năm mơ ước mới có được một mụn con trai, một thái tử dung nghi, cốt cách phi phàm, có căn cơ sở học sâu dày từ tiền kiếp. Nó tài cao mà nhũn nhặn, khiêm tốn. Nó trang nghiêm mà đôn hậu, từ hòa. Nơi cái vóc dáng trẻ thơ ấy - có trái tim nhân ái và khối óc tinh minh - còn ẩn chứa biết bao tư tưởng thanh khiết, bao đức tính cao cả chưa lộ diện? Tình thương của con ta nó dịu dàng, êm ái và mông mênh như biển cả. Nó thương người, thương vật, thương cả những sinh thể li ti bé mọn; và thương cả những cánh hoa rụng, những chiếc lá rơi... Nó thương yêu sự sống của muôn loài như thương yêu chính bản thân mình. Nó dường như muốn tìm sự đồng đẳng giữa con người và vạn vật ở xung quanh. Cá tính lại ít nói, trầm mặc, lúc nào cũng như đang chìm sâu vào thế giới tâm tư ẩn mật, chẳng hiểu trong cái đầu óc xinh xinh nhỏ bé kia suy nghĩ điều gì?

Ôi! Con phượng hoàng kia đã trở lông, sắc màu rực rỡ vương giả, quý phái. Nó đang đứng giữa, đứng cao hơn nhân quần và đồng loại rất nhiều cái đầu. Những đứa trẻ con em hoàng tộc thường thân cận với nó như Mahānāma, Bhaddiya, Devadatta, Kimbila, Kāludāyi, Anuruddha, Ānanda... đâu phải không tài cao học rộng; nhưng so với nó thì còn cách một trời, một vực. Trong các cuộc tranh luận,

gia dĩ bắt buộc phải góp ý thì nhận thức của nó bao giờ cũng có vẻ thâm trầm, lạ đời, khác thường. Nó hoài nghi cả trí khôn của cổ nhân, của thánh thư Vệ-đà và Áo-nghĩa-thư. Trong vài lần được dự bàn hội nghị ở triều đình, mọi người tích cực đưa ra những biện pháp cải tạo xã hội, hoạch định chính sách về giáo dục, phát triển kinh tế, tăng cường võ bị hoặc tìm cho ra đường hướng ngoại giao đúng đắn, khôn ngoan... thì lúc nào nó cũng im lặng như cái tịnh bình! Lúc bãi triều, nếu có gặng hỏi thì bao giờ nó cũng có vẻ bi quan, bảo rằng, tất cả ý kiến của các đức thân vương, lão thần... chỉ là biện pháp nửa vời. Chúng chỉ đáp ứng tình thế nhất thời, giải quyết phần ngọn chứ chưa phải là phần gốc. Lại nữa, chính quyền lợi của hoàng tộc, tham muốn, danh vọng riêng tư của các quan là những trở ngại lớn - là bức bình phong ngăn bít, là cánh cửa đóng chặt - khó thể đem đến hạnh phúc, an bình thật sự cho muôn dân đói khổ. Nó đòi hỏi phải chấm dứt sự bất công, bất bình đẳng trong toàn xã hội. Nó muốn tước bỏ cả lợi quyền của cả chính nó. Thật là hảo huyền, hư tưởng làm sao!

Chẳng lẽ nào lời tiên tri năm xưa của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña sẽ trở thành hiện thực? Con đường đi và chí hướng của nó không ai hiểu thấu. Nếu mà con ta nói được chí ta và chí của tổ tiên, biết tôn trọng, giữ gìn tông miếu, xã tắc - thì với sức học ấy, sức tài ấy, trí thông minh xuất chúng ấy, không mấy lúc sẽ trở thành một hoàng đế vĩ đại nhất trên thế gian. Có lẽ nó cũng hiểu rằng, Kapilavatthu là một vương quốc nhỏ bé, bao đời nay đã chịu sự khống chế và lệ thuộc đế quốc Kosala ở bên cạnh. Rồi còn cường quốc Māgadha nữa, bao giờ cũng với ý đồ xâm lấn các tiểu quốc lân bang, tạo thế mạnh để tranh hùng, xưng bá với Kosala? Ta nay tuổi đã già, sức đã kiệt, tài trí đã hao mòn thì mong gì bảo vệ được non sông gấm vóc, nói gì đến phát triển, giàu mạnh, hùng cường!

Ôi! Chẳng lẽ nào nó sẽ từ bỏ tất cả để xuất gia sống đời đạo sĩ? Và như thế thì vương quốc này sẽ ra sao? Biết bao máu xương của tiền liệt tổ tông, con cháu của thần Thái Dương bao đời sẽ trở nên uổng phí hay sao? Và ngay chính niềm vui nhỏ bé nhưng chính đáng là có cháu chắt để nâng niu, triu mến bé bỏng cũng không được nữa hay sao?

Càng suy nghĩ, càng sâu não. Phải tìm cách ngăn chặn hiểm họa từ bốn vị sứ giả, đừng để cho con ta gặp mặt. Phải nhốt con chim phượng hoàng kia trong chôn cung điện hoa lệ với những thú vui ngũ dục của cõi trời, may ra mới cùm chân và cột cánh nó được.

Thế rồi, lệnh được ban ra. Một tốp quan và lính thân tín, lại một lần nữa, âm thầm đi lùng sục các sứ giả già, bệnh, chết... đi an trí ở nơi xa, có phụ cấp chỗ ở, lương thực và thuốc men. Đó là những người già lão với thân hình xương xẩu khó coi, những người nhăn nheo, lụm cùm, run rẩy với gậy chống, với lưng cong gập hình cái đòn xoay... Đó là những kẻ tật nguyên đui què mẽ sứt...; các bệnh phong hủi, lở loét gớm ghiếc... mà đôi khi trước đây đã bỏ sót. Và ngay chính những kẻ lang thang ăn xin lòi thoi léch thếch cũng được mời ra khỏi kinh đô. Nhà vua còn khuyến khích nhà nhà trồng cây xanh, nhà nhà trồng hoa cảnh và nhà nhà sống lịch sự, văn hóa, văn minh... Cứ một cụm dân cư mười ngàn người phải có một vườn hoa công cộng, một hí trường lộ thiên và một căn nhà để tổ chức các lễ hội, ca vũ nhạc... cho mọi người có chỗ giải trí, vui chơi...

Riêng các tu sĩ, đạo sĩ có dung mạo trang nghiêm, phong cách thoát tục... thì đức vua khỏi lo; vì tìm khắp Kapilavatthu, họ đều xấu xí, tóc râu bù xù, ăn mặc dơ bẩn... chỉ hơn hạng ăn xin chút đỉnh mà thôi!

Song song với việc trang hoàng, tô điểm cho kinh đô được xanh, sạch, đẹp... nhà vua cho mời những kiến trúc sư tài danh khắp các nước, những họa sĩ tầm cỡ, những thợ

thầy lão thành và kinh nghiệm... để kiến tạo ba tòa cung điện hiện đại, sang trọng và tiện nghi nhất châu Diêm-phù-đề. Đây là cung điện Ramma, cao chín tầng, dành cho mùa đông; cung điện Subha, cao bảy tầng, dành cho mùa mưa; cung điện Suramma, cao năm tầng, dành cho mùa hè. Điểm đặc biệt của ba tòa cung điện này là tuy bố cục, cấu trúc, hình dáng khác nhau; nhưng bề dài, bề rộng và bề cao phải bằng nhau!⁽¹⁾ Về mùa đông, các căn phòng đều có lò sưởi được đốt bằng củi thơm, các bức bích họa trên tường, trần là những ngọn lửa ấm hoặc được phối hòa bởi những màu sắc ấm cúng, rực rỡ. Y phục và trang sức của các nhạc công, ca nhi, vũ nữ... đều là màu hồng, đỏ, da cam, vàng sáng... Thức ăn, thức uống không những ngon lành, bổ dưỡng mà còn phải đẹp tươi, vui mắt; chú trọng các loại gia vị cay, nóng, ấm... để chống lạnh.

Về mùa hè, nơi nào cũng mát mẻ, tươi xanh, gợi cảm. Nội thất được thiết kế đặc biệt: Các cửa sổ có rèm và lưới che bằng sợi vàng, sợi bạc mềm mượt có chức năng thoáng gió lại ngăn được gió lộng; các bức tường vẽ cây cỏ hoa lá với các tông màu xanh trong, xanh da trời, xanh ngọc non, xanh nước biển... trông tựa mùa xuân và thiên nhiên tươi thắm, trong lành. Y phục và trang điểm của các ca nhi, vũ nữ, nhạc công, kẻ hầu hạ... cũng phải lấy tông màu xanh làm chủ đạo. Những ngày nóng bức trong năm, mái diềm xung quanh được thiết kế rất lạ lùng: Nước từ hồ được bơm lên, rỉ xuống, phun sương tỏa mát; lúc cần thiết có thể tạo nên những cơn mưa nhỏ, âm thanh rơi tí tách hoặc phát ra tiếng đàn, khúc nhạc diệu kỳ. Cạnh những cửa sổ lớn, những chiếc chậu vàng, bạc, pha lê đựng đầy nước hòa với bùn và

⁽¹⁾ Ba tòa cung điện tráng lệ, nguy nga hy hữu này, được mô tả chi tiết trong các kinh Sukhumāla sutta, Māgandiya sutta... và những bộ chú giải, phụ chú giải...

bột thơm để trồng năm loại sen, luôn luôn nở hoa năm sắc. Chim đủ loại, nhiều giọng, nhiều sắc màu ca hát líu lo, vui tươi, nhí nhảnh. Những bình hương liệu được giấu kín từ trong cánh, bụng phượng, loan, công, sư tử, rồng... nhân tạo tỏa mùi thơm kỳ thú. Những ngày có gió, hằng trăm kiêu đàn gió lan canh, long cong điem nhịp, hòa tấu với âm thanh trong trẻo như những khúc nhạc thần tiên... Ngoài vườn, bốn hồ nước bốn phía trong xanh màu lục bảo, nở sen năm sắc; cá lớn, cá nhỏ đủ màu bơi lội yên ả, thanh bình. Rồi nào là cầu kiều, đình tạ, cây cảnh quý hiếm, giả sơn, thảm cỏ, đèn đá, tượng mỹ thuật... được phối trí hài hòa, công phu, mỹ lệ. Nhìn đâu cũng đẹp mắt, nhìn đâu cũng giống như hoa viên của cõi trời... Thức ăn, thức uống luôn luôn dự bị sẵn, mang từ các nơi xa xôi đến; sơn hào, hải vị... phải bảo đảm tươi ngon, bổ mát, nhuận trường; trái cây và rau cải đều phải được khử trùng, rửa bằng nước tinh khiết...

Còn đặc trưng của cung điện mùa mưa là làm sao tạo cảm giác thanh sạch, khô ráo; nên nó có đủ tính chất của hai cung điện mùa đông và mùa hè.

Sau khi thiết lập ba tòa cung điện, đức vua cho tuyển chọn ca nhi, vũ nữ, nhạc công cùng thị nữ lo việc hầu hạ, chăm sóc thái tử. Thế rồi, ngày cũng như đêm, nơi đây là mùa xuân bất tận, thiên cung bất tận. Đức vua cũng cho phép con em trong hoàng tộc như Mahānāma, Devadatta, Ānanda, Anuruddha... được lui tới vui chơi và cùng tham dự các buổi thảo luận về văn chương, triết học, chính trị... Về các sinh hoạt dân gian - nói chung là về cuộc sống bên ngoài cung điện - các vương tử, các ông hoàng này rất ngây thơ, nhưng về kiến thức kinh điển, từ chương... họ lại rất uyên bác. Họ có thể không biết hạt cơm từ đâu có, nhưng lại biết rất rõ bao nhiêu hóa thân của thần bảo tòn Viṣṇu và thần hủy diệt Śiva. Họ có thể không hiểu tại sao con người lại bị phong cùi lở loét, dịch tả, dịch hạch... nhưng lại rất am

tường các thể thức cúng tế, lễ nghi phức tạp của những giáo phái truyền thống bà-la-môn. Và các cuộc thảo luận lúc đề cập đến lãnh vực siêu hình, đến thượng đế, đến định mạng con người, đến sống chết... thì họ chỉ việc dẫn chứng kinh điển. Một vài vị hoài nghi thực thể tối cao điều hành vũ trụ. Một vài vị muốn tước bỏ cho kỳ hết quyền lợi của giới cấp tu sĩ bà-la-môn bao đời nay đã ăn trên ngồi tróc và bóc lột dân đen trong các buổi tế đàn, lễ cúng, quan hôn tang tế... Sôi nổi nhất là khi nói về đạo đức con người; có con người tốt quản lý và điều hành xã hội thì muôn dân mới được hạnh phúc, ấm no... Dường như thái tử vui vẻ nhất khi thấy các vương tử, các ông hoàng biết nghĩ đến người khác, đến các tầng lớp dân chúng mà họ sẽ lãnh đạo sau này. Những khi như vậy, thái tử sai thị nữ châm thêm trà, lấy thêm bánh trái, gầy thêm mấy lò trầm đã lụn...

Cuộc vui nào rồi cũng sẽ tàn. Lúc kẻ hầu người hạ yên ngủ cả, thái tử lại ra ngồi bên hiên, lặng ngắm trăng sao, đăm đăm như nhìn vào vô tận. Ở đây như còn những bí mật trùng trùng. Ở đây như là những câu hỏi chìm khuất giữa hư vô mà thái tử đã vô phương giải đáp. Thế rồi, tiếng tiêu thay cho nỗi lòng, thái tử lại đắm chìm trong thế giới âm thanh mênh mông và man mác buồn...

Đức vua âm thầm cho người theo dõi, biết được những gì xảy ra trong ba tòa Cung Vui. Hóa ra, thái tử cũng không để tâm đến những mỹ nữ xinh như mộng, yêu kiều, tha thướt, lả lướt ở xung quanh. Yên tiệc lớn, yên tiệc nhỏ, đám ca công này, tốp vũ nữ khác... chỉ tạo cho thái tử sự ngạc nhiên, thích thú vào buổi đầu, sau đó, thái tử cho nghỉ dân. Thái tử chỉ thường xuyên duy trì các buổi tiệc trà nhẹ, mời thêm đám thiếu niên nội ngoại dòng Sākya đến tham dự hội thảo.

Đức vua Suddhodana cảm thấy lo lắng. Hôm kia, vào lúc lâm triều, ngài đem điều ấy ra bàn với đình thần:

- Này chư khanh! Thái tử quả thật là đóa kỳ hoa giữa nhân thế; nếu mà thái tử khứng chịu, chấp nhận trị vì vương quốc thì sau này chẳng có cường quốc nào phải làm cho chúng ta sợ hãi. Nhưng ba tòa cung điện diễm lệ kia với ca nhi, mỹ nữ, với thức ăn, thức uống mỹ vị hiếm có trên đời... vẫn không đem đến kết quả như trẫm mong đợi. Con kinh ngư kia dường như vẫn không chịu dính câu. Con phượng hoàng kia vẫn lặng lẽ dạo gót ở ngoài lồng. Quả thật là trẫm rất lấy làm lo ngại lời tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Kondañña. Vậy chư khanh có kế gì hay góp ý cùng trẫm xem sao.

Một lão thần tâu:

- Thưa đại vương! Anh hùng xưa nay không ai qua khỏi ải mỹ nhân. Thái tử năm nay tuổi vừa mười sáu, là một trang thiếu niên anh tuấn, huyết khí phương cương; sao đại vương không dùng sợi tóc của mỹ nhân mà buộc chân thái tử lại? Chỉ có kế ấy là thượng sách.

Đức vua Suddhodana thở dài:

- Nơi ba tòa Cung Vui có biết bao nhiêu mỹ nữ tuổi độ trăng tròn, xuân xanh hơ hớ mà thái tử có thèm để mắt đến đâu! Cái sợi tóc của khanh xem chừng vô dụng rồi!

- Thưa, đây là mỹ nhân do hoàng cung tuyển chọn. Phải có một cuộc tuyển lựa mỹ nhân do chính thái tử đứng ra làm chủ trì mới là đặc sách. Phải là một trang giai nhân tuyệt thế, mang vẻ đẹp thanh khiết, cao nhã may ra mới cầm chân thái tử ở lại được nơi cung vàng hoa lệ ấy. Trái tim của mỗi người có ngôn ngữ riêng của nó, tâu đại vương!

Đức vua Suddhodana nghe có lý quá, vuốt râu cười, hài lòng.

Thế rồi, một cuộc bố cáo rộng rãi được truyền đi khắp trong dân gian, đặc biệt ưu tiên cho giới giàu sang, quý tộc, con cái các đại thần và quan lại trong triều đình. Với loa truyền, trống đánh, phi mã đưa tin, thông điệp trao tay đến

các phố phường, thị trấn... Không mấy chốc, cả nước xôn xao, bàn tán về việc thái tử đứng ra lựa chọn mỹ nhân. Ai rồi cũng được trọng thưởng, riêng người đẹp nhất thiên hạ, lọt vào mắt xanh của thái tử sẽ được dành tặng phần thưởng quý báu nhất của thành Kapilavatthu. Phần thưởng quý nhất quốc độ, ấy là gì? Các cô gái trong thiên hạ đều ngầm hiểu đấy chính là làm kẻ sửa túi nâng khăn cho chàng trai được tiếng là tuấn mỹ, phi phạm nhất thành Kapilavatthu! Những cô gái dầu đẹp nhưng thân phận thấp hèn thì không dám mơ tưởng đến; nhưng những công nương danh gia vọng tộc thì trái tim lại rung động, bồi hồi... Những đôi má của họ chợt ửng hồng như màu phấn nhan; những đôi mắt e lệ, bẽn lẽn núp sau rèm lụa với những ước mơ thơ mộng nhất; những cái nhìn mơ màng, bản thân vào cõi lâu son, gác tía xa xăm...

Ngày mở cuộc thi tuyển đã đến. Kinh đô Kapilavatthu như bừng sáng lên, rực rỡ thêm lên với hàng trăm mỹ nữ yêu điệu, thướt tha trên những cỗ xe hai ngựa, bốn ngựa bước xuống. Những đóa hoa vương giả, quý phái; những cô gái tuổi độ trăng tròn, má xuân phơi phới, trang điểm lộng lẫy, đặt dìu gót ngọc bước vào vương cung. Những cô gái các gia đình danh giá, giàu sang tuổi vừa hàm tiếu, e ấp, nồn nà... theo tiếng gọi con tim mà tìm đến...

Người con trai ưu tú của thành Kapilavatthu ngồi làm chủ tọa kiêm giám khảo cho cuộc thi hoa hậu này - theo sự sắp xếp của đức vua và hoàng hậu - mà chàng thì không dám để cho hai vị phiến lòng.

Mỹ nữ lần lượt chậm rãi, nhẹ nhàng đi qua, lướt qua. Những gót sen ngập ngừng, xao xuyến... Những tấm khăn lụa kāsī quý giá, thơm ngào ngạt, đủ loại sắc màu rực rỡ như hoa mùa xuân, như làn sóng gợn dập dìu, uyển chuyển... Tất cả trôi qua, lướt qua... Người con trai anh tuấn với đôi mắt xanh trong như mặt nước hồ thu không gợn. Ngài nhìn từng

mỹ nữ một, khẽ cúi đầu, khẽ mỉm cười, cung cách nhã nhặn và lịch thiệp rồi trang trọng trao những phần thưởng châu báu cho mỗi nàng...

Tiếng nhạc đệm dặt dìu, hương muôn hoa tỏa ngát. Làn sóng người đẹp tuần tự chảy qua. Những đôi mắt tròn to đen láy liếc nhìn thái tử với nỗi sợ hãi mơ hồ. Họ cảm thấy mình bé nhỏ và tầm thường quá. Có một cái gì tôn nghiêm, uy nghi và sang trọng quá toát ra nơi con người tuần tú kia. Trước khi tới đây, họ đã xây dựng trong trí tưởng bao nhiêu mộng đẹp; nhưng khi chờ đợi đến lượt mình, nhiều tình cảm xen lộn phức tạp, nửa muốn bước tới, nửa muốn thối lui. Và rõ ràng, khó có một hình bóng mỹ nhân nào khả dĩ mở được cửa để bước vào trái tim của người vương giả!

Đức Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, các đức thân vương, các lão thần... ngồi sau những tấm rèm kín đáo đưa mắt theo dõi. Những mâm vàng, mâm bạc chất đầy châu báu, ngọc ngà cứ vui dân, vui dân... nhưng dường như trái tim thái tử vẫn chưa hề rung động. Đôi mắt trong xanh tĩnh lặng kia chưa một lần dừng lại có vẻ chăm chú, có vẻ ngạc nhiên trước một mỹ nữ nào...

Khi viên trân châu cuối cùng vừa theo người đẹp cuối cùng rời đi, sau những bức rèm vừa buông tiếng thở dài chưa dứt thì cung điện chợt như rực sáng lên. Những tiếng trầm trồ xung quanh, không hẹn mà cùng thốt lên, ca ngợi, xuýt xoa... Thái tử lặng người, nghe trái tim mình rung lên nhẹ nhẹ, đưa mắt nhìn người mỹ nữ vừa bước đến. Nàng đẹp quá! Đúng là mỹ nhân của những mỹ nhân! Dường như tất cả nét yêu kiều, diễm lệ, cao sang, quý phái, dịu dàng, thanh khiết của mỹ nữ trên thế gian đã kết dệt nên nàng: một tạo phẩm giai nhân tuyệt tác của hóa công! Đến trước thái tử, nàng khẽ cúi đầu chào các, nở nụ cười tự tin, hàm răng như hạt lựu nảy mầm, sáng như ngọc chuốt, cất giọng thanh tao như tiếng chim Ca-lăng-tần-già:

- Hồi thái tử anh tuấn! Chẳng hay thái tử còn có vật gì để dành tặng cho thiếp chăng?

- Có, có! Thái tử đáp rồi mỉm cười, chậm rãi nói - Nhưng tất cả những châu báu kia thì đâu có xứng đáng với trang tuyệt thế giai nhân? Ta còn một vật quý hộ thân đây!

Nói thế xong, thái tử thò tay lần vào bên trong cổ áo, lấy chuỗi trân châu quý giá nhất mà chàng không mấy khi để lộ ra ngoài, trịnh trọng đeo cho người đẹp trước häng trăm đôi mắt đăm đăm ngưỡng mộ.

Mỹ nữ mỉm cười, nhỏ nhẹ lên tiếng cảm ơn, lời trong như con oanh thỏ thẻ, như hạt pha lê reo. Thái tử cảm thấy người nhẹ nhàng, lâng lâng; một cái gì rất lạ lùng, rất kỳ diệu lần đầu tiên nó len lén đi vào tâm hồn chàng, rất êm ái và rất ấm áp...

Ngày hôm sau, kết quả cuộc tuyển lựa mỹ nhân, như một tin lành lan truyền khắp quốc độ. Đức Suddhodana thấy lòng hồ hởi, vui sướng vô cùng, nói với lệnh bà Gotamī rằng:

- Hậu ơi! Chúng ta đã nhốt được con chim phượng hoàng ấy ở trong lồng rồi!

Thi Tài Võ Nghệ

Mỹ nhân đoạt giải hoa khôi ấy, chinh phục được trái tim của thái tử Siddhattha chính là nàng Yasodharā, công chúa cung của vua Suppabuddha và hoàng hậu Amitā Pamitā. Đức Suddhodana đã vài lần thấy cô bé xinh đẹp ấy khi theo mẹ đến trình diện ông. Hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī, từ lâu đã đặc biệt yêu mến cô cháu gái đoan trang, nhân hậu rất hợp với tính cách của bà.

Dòng Sākya từ thuở xa xưa lập quốc, do muốn gìn giữ huyết thống anh hùng nên anh em ruột được phép lấy nhau. Đây là điều biệt lệ. Sau đấy, dòng nối dòng, để cho huyết thống khỏi nhạt phai, anh em con cô cậu còn được phép kết hôn. Trường hợp hai trẻ bây giờ là như vậy nên đức vua Suddhodana tức tốc cử đoàn sứ giả do đức thân vương Amitodana làm trưởng đoàn; với những cỗ xe sang trọng mang phẩm vật quý giá sang Koliya cầu thân.

Mấy hôm sau, phái đoàn trở về với khuôn mặt rầu rĩ, cúi đầu, lặng lẽ thờ dài. Đức vua Suddhodana ngạc nhiên, nóng nảy hỏi:

- Sao thế? Con trai ta không xứng đáng chăng?
- Tâu đại vương! Amitodana nói - Đức vua Suppabuddha khen thái tử của chúng ta cốt cách phi phạm.
- Thế sao các người lại âu sầu, ủ rũ như vậy.

- Đức Suppabuddha gân như thách thức, phán rằng: “Tiền liệt tổ tông ta đâu kém gì Sākya, đều lập quốc trên yên ngựa, trải qua nhiều đời vẫn lấy võ công làm trọng. Con gái ta tài sắc vẹn toàn, biết bao nhiêu là vương tôn công tử đưa mắt dòm ngó. Ta không dám chê thái tử của các người một điểm nào cả. Nhưng để khỏi mất lòng với anh hùng trong thiên hạ, ta phải giữ lễ công bằng, không thiên vị bằng một cuộc thi tài võ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung, đô vật, cử tạ, đao kiếm, quyền thuật... Tất cả thái tử, hoàng tử, vương tôn, công tử... trong các nước lân bang kể cả cháu ta là Siddhattha tuổi vừa niên thiếu đều có thể ghi danh tham dự. Ai là người trở tài vô địch trong đám quần hùng, phần thưởng quý giá nhất, ấy là con gái cung của ta. Các phần thưởng thứ đệ khác cũng đều là vật trân quý...”

Nghe thế xong, đức Suddhodana lấy làm buồn lòng, tự nghĩ: “Siddhattha đáng người nho nhã, văn nhược. Nếu thi tất cả các môn như văn chương, từ khúc, thiên văn, địa lý, thuật số, tự nhiên học, y dược, ngôn ngữ, triết học, luận lý, toán học, đo lường... thì vị tất trên thế gian này có người sánh được. Nhưng còn võ công thì...” Đức vua lắc đầu như cố xua đi một sự thật đau lòng. Nước Koliya, ngài biết rằng, có rất nhiều trang dũng sĩ, từ nhỏ đã khổ luyện bắn cung, cỡi ngựa, đao kiếm, quyền thuật... Mà vượt trội nhất là Devadatta. Nhưng Devadatta với Yasodharā là anh em khác mẹ, tuy nó không dự thi chính thức, nhưng ai cấm nó ra oai trấn áp quần hùng, nhất là làm nhụt chí thiếu niên dòng Sākya? Tính khí ương bướng với bộ dạng kiêu hùng của Devadatta không hứa hẹn một sự khả toàn nào cả. Chắc chắn là nhóm vương tôn, công tử Koliya sẽ bảo vệ đóa hoa quốc sắc thiên hương của mình... Riêng Kapilavatthu thì có những ai nào? Bọn thiếu niên vương tử dòng Sākya cùng con cháu các lão thân... đứa nào cũng vạm vỡ, khỏe mạnh; võ nghệ của chúng đều xứng tài làm tướng cả...; nhưng nổi trội nhất,

có lẽ là Kāḷudāyi, Mahānāma, Bhaddiya, Bhagu, Kimbila... Với tình hình như vậy thì con trai ta sẽ thua, và sợi dây tơ hồng ràng buộc con ta ở lại với vương vị, với cuộc đời nhưng gắm cũng đứt khúc theo...

Sự ưu tư và lo nghĩ của đức vua Suddhodana lộ rõ trên nét mặt. Hôm kia, sau khi quan sát thần sắc nhợt nhạt của đức vua, biết được sự bất an của người, thái tử tâu:

- Xin vương phụ hãy an tâm. Người hãy chấp nhận lời thử thách của quốc vương Koliya. Và chẳng, sự công bằng ấy cũng hợp lý. Về các môn võ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung, đao kiếm... thì hoàng nhi dẫu bất tài, nhưng Devadatta chưa phải là tay thần tiên, Kāḷudāyi chưa phải là tay kiếm thần, Mahānāma, Kimbila chưa phải là những kỵ sĩ ưu hạng...

Đức vua Suddhodana tưởng tai mình nghe lầm:

- Con nói sao? Con cũng tài giỏi về võ nghệ à? Con học từ bao giờ?

- Thưa, từ lúc tám tuổi do các giáo sư dạy chương trình ngoại khóa. Đặc biệt, môn cỡi ngựa, điều phục huấn luyện ngựa, con học được từ Channa. Bao nhiêu năm qua, con vẫn thường xuyên luyện tập; nhưng thấy những môn học ấy dễ đem đến sự đắc chí của kẻ vũ phu nên con chẳng dám múa may cho mọi người biết đấy thôi.

Thấy thần sắc, ngôn ngữ, thái độ của thái tử rất an nhiên, tự tin, đức vua thở phào, nhẹ nhõm, vững dạ vô cùng. Sau đó, vua tức tốc cho sứ giả với sức phi mã đến báo tin cho vua Suppabuddha, chấp nhận một cuộc thi tài võ nghệ, được thông tin rộng rãi cho cả hai quốc độ.

Đức vua Suppabuddha vuốt râu cười ha hả:

- Được. Được. Tốt lắm. Vậy một tuần sau, hãy tổ chức cuộc thi tại đại võ trường kinh đô Kapilavatthu, chính ta sẽ làm giám khảo. Hãy bố cáo tin này ra khắp bàng dân thiên hạ. Các vương tôn công tử, con cháu các danh gia vọng tộc

tuổi vừa niên thiếu cả hai quốc độ, đều có quyền tham dự một cách bình đẳng.

Đến ngày, kinh đô Kapilavatthu như thay khuôn mặt mới để bước vào ngày hội lớn. Khắp các đường phố, công ngõ, nhà nhà... đèn treo, cờ bay, hoa kết... rực rỡ, rộn ràng. Bốn cổng thành Đông, Tây, Nam, Bắc đều được mở rộng để cho muôn dân đến xem cuộc thi thố tài năng lần đầu tiên trong lịch sử. Có người thì muốn xem cho mãn nhãn tài nghệ siêu quần bạt tụy của giới quý tộc, các ông hoàng. Có người thì tò mò pha lẫn ngưỡng mộ muốn thấy tận mắt vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành của công chúa Yasodharā...

Tại kinh đô Devadeha nước Koliya, sự náo nức cũng không kém gì. Nhóm thiếu niên hoàng gia, quý tộc ở đây cũng đã tấp nập xe ngựa đến Kapilavatthu từ mấy hôm trước. Trước khi lên đường, Devadatta tâm với vua cha:

- Thưa vương phụ! Hai con trai tài giỏi của hai đức hoàng thân là Anudāma và Virulhāka đã xe ngựa đi rồi, vì từ lâu, họ cũng gắm ghé Yasodharā. Với bản lĩnh của chúng, tuy rất vững vàng, nhưng con vẫn cảm thấy e ngại...

Đức Suppabuddha chăm chăm nhìn con trai, lạnh lùng nói:

- Ý ngươi là thế nào?

- Thưa, cha hãy cho con được tham dự để bảo vệ uy tín cho Koliya. Bên Sākya, thái tử Siddhattha không biết thế nào, hẳn như con rồng thần luôn giấu cái đầu cái đuôi rất kỹ, một đối thủ vô danh mà con luôn luôn cảm thấy lo ngại mơ hồ. Ngoài ra, Kāludāyi, Mahānāma... đều là những địch thủ đáng gờm; Anudāma và Virulhāka của chúng ta tuy võ nghệ sáng giá nhất trong đám thiếu niên hoàng tộc, nhưng vị tất đã tranh nổi võ khôi nguyên lưỡng quốc.

Trầm ngâm một lát, Suppabuddha dịu dàng nói:

- Con ạ! Ta rất mến Siddhattha, nhất là cái nhũn nhặn, lễ độ, từ hòa của y. Đức tính ấy con kém xa. Lại nữa, ta đâu

tuyên bố hùng hổ nhưng cả hai nước đều là người một nhà. Cuộc biểu dương võ nghệ lần này, bên ngoài thì chọn rể mà bên trong là sự liên kết, thắt chặt sức mạnh võ lực theo chiến lược lâu dài, đã trở thành quốc sách để tránh sự dòm ngó, xâm lược của các cường quốc. Con hãy hiểu như vậy để xử sự cho đúng đắn. Con đã là thái tử rồi, việc nước trong mai hậu, con sẽ lo toan, đảm nhận đấy!

- Con hiểu, thưa vương phụ! Nhưng ý con chỉ muốn làm nhụt bớt sự kiêu căng, ngã mạn của dòng Sākya, từ lâu, họ coi thường chúng ta lắm. Con chỉ xin được tham dự như góp vui vậy mà!

- Con hiểu thẳng cũng không thua kém ai đâu. Ta cho con tham dự, nhưng mà phải biết điều, lịch sự đấy! Quyết định cuối cùng là do ta, tự ta!

Số người ghi danh rất đông, nhưng khi nghe tin nước Devadaha có Devadatta, Anudāma, Virulhāka...; nước Kapilavatthu có Siddhattha Mahānāma, Kāḷudāyi, Bhaddiya, Kimbila... nhiều người đã tự động rút lui, vì họ biết chẳng thể nào tranh nổi với những thiếu niên kỳ danh ấy.

Trên khán đài danh dự đầy đủ các đức vua, các hoàng hậu, hoàng phi, các hoàng thân, vương tử, công nương, các vị lão thần, đại thần của hai quốc độ. Hai khán đài cánh gà hai bên dành cho các danh gia vọng tộc, những khách mời danh dự đại diện các nghiệp đoàn uy tín như ngân khố (chủ cho vay), vàng bạc, thợ thủ công, các thương gia đồng sắt, hương liệu, áo quần, lúa gạo, gia vị, bánh kẹo... Còn dân chúng thì đầy đặc khắp nơi...

Công chúa Yasodharā ngồi sau lưng hoàng hậu Amīta Pamitā đưa mắt đăm chiêu không nhìn vào đâu cả vì nàng đang lo lắng, sợ rằng Siddhattha sẽ thua cuộc trước những trang nam nhi lực lưỡng, tướng mạo oai hùng dưới võ trường.

Devadatta oai vệ trong bộ võ phục gọn ghẽ, giáp bào, mũ, hia, đai... cần ngọc, nạm vàng; thân cao lớn, bó cung tên vàng đeo sau lưng, trên thân con chiến mã cũng oai hùng không khác gì chủ tướng. Bên cạnh Devadatta là Virulhāka và Anudāma là hai vị vương tử rất có tiền đồ của Koliya; võ phục sang trọng và sáng ngời châu báu không kém gì Devadatta...

Mahānāma phục sức nho nhã, thanh lịch; nhưng thanh bảo đao nạm ngọc vắt chéo qua lưng, ngòi trên lưng chú ngựa hung đỏ, trông thần uy hiên ngang lẫm lẫm. Kāḷudāyi trong bộ võ phục hoàng kim sáng ngời, đao kiếm cung tên đầy đủ cả; ngòi trên con ngựa ô nhàn nhã nước kiệu đi tới. Kimbila với bộ võ phục nâu đỏ như mặt trời chiều, cao lớn trên lưng con ngựa nòi, cung tên, bảo đao... đều đã sẵn sàng xuất trận!

Ngoài ra, còn có năm trang dũng sĩ, con cháu của các lão thần và các đại thần khác, võ phục và võ khí cũng sáng ngời ngời, cũng quyết so tài một phen, không được phần thưởng này thì được phần thưởng khác.

- Thế thái tử Siddhattha đâu?

Công chúa Yasodharā hỏi thăm. Đức vua Suddhodana cũng đưa mắt tìm kiếm; mà những người đã từng hâm mộ thái tử cũng có vẻ nóng lòng mong đợi.

Lúc ấy, từ vòm cửa đông, một bóng ngựa nhàn nhã, chậm rãi bước nước kiệu đi tới, nhẹ như hơi gió, không một chút bụi cuốn theo... Trên lưng ngựa, một chàng trai thanh lịch, trang sức dị giản trong bộ võ phục màu trắng, thần sắc an tĩnh đến trước khán đài, dừng cương, nhẹ nhàng bước xuống. Thái tử khẽ nghiêng mình cúi chào hàng ghé danh dự, mà ở đây là các bậc trưởng thượng, cha chú của hai dòng tộc. Và cũng ở đây, có một công nương đang hồi hộp, thẹn thù nép sau lưng mẹ...

Giữa đại võ trường, một viên võ tướng xuất hiện, với loa phóng thanh trên tay, cất giọng lớn tuyên bố thể lệ cuộc thi, tuần tự từng môn thi như thế nào, có đức vua Suppabuddha làm chủ khảo. Các vị giám quan cũng được đề cử nhanh chóng, mỗi nước bốn người.

Đức vua Suppabuddha bước xuống ngồi ở bàn giám khảo, tuyên bố vài lời, lấy tinh thần thượng võ làm trọng, giao đấu thân hữu, vũ khí không đụng nhau... Có ba môn thi chính là bắn cung, múa đao và cỡi ngựa... Mọi người vỗ tay hoan hô như sấm dội... Cuộc thi bắt đầu...

Môn bắn cung. Mười hai xạ thủ đứng hàng ngang, cầm sẵn cung tên. Mười hai cái trống có vẽ hồng tâm đậm nét đặt sẵn ở xạ trường. Móc đầu tiên, trống đặt xa sáu govo (chừng 434m). Đã sẵn sàng, cờ phát; như đồng loạt, mười hai mũi tên vàng lao đi. Giám quan tuyên bố: tất cả đều trúng hồng tâm. Tiếng vỗ tay rào rạt như sóng dội. Tầm thứ hai, bảy govo, mười xạ thủ bắn trúng hồng tâm, hai bị loại. Tầm thứ ba, tám govo, ba xạ thủ rút đài. Tầm thứ tư, chín govo, cả bảy xạ thủ đều bắn trúng hồng tâm, đó là Siddhattha, Devadatta, Anudāma, Virulhāka, Kimbila, Mahānāma, Kāludāyi. Đến đây thì ai nấy đều rõ tài của con cháu hoàng gia, có danh có thực vậy. Khi thị vệ di chuyển trống đến tầm mười govo thì các khán đài xôn xao vì nó xa quá. Thế rồi năm người bắn trúng. Anudāma và Virulhāka bắn lệch. Dòng Sākya còn bốn và Koliya chỉ còn một. Khi trống chuyển đến tầm mười một govo thì ba người nữa bỏ cuộc, chỉ còn Siddhattha và Devadatta. Cả hai đức vua khẽ đưa mắt nhìn nhau, mỉm cười mãn nguyện.

Devadatta nhìn Siddhattha, ngạc nhiên nói:

- Đệ không ngờ hoàng huynh cũng là tay cự phách.
- Hoàng đệ cũng chẳng kém gì. Thôi, chúng ta huề nhé?
- Không, không! Đệ phải chứng tỏ là Koliya cũng có kẻ anh hùng...

Nói xong, Devadatta hô thị vệ đặt trống xa mười bốn govo, tức là hồng tâm chỉ còn như đầu cây nhang cháy đỏ; nói giọng thách thức:

- Hoàng huynh có dám bắn không?
- Hoàng đệ hãy bắn đi!

Devadatta nghiêng mình đảo cánh cung, từ từ kéo dây, nhắm mục tiêu, thả dây... Mũi tên xé gió, lao vút đi, ghim đúng hồng tâm không sai lệch một ly nào. Tiếng hoan hô như làm vỡ cả võ trường.

Siddhattha vui mừng vỗ vai Devadatta:

- Với cung ấy, tên ấy, mục tiêu ấy thì trên thế gian này chẳng có ai bắn giỏi hơn hoàng đệ.

- Vậy hoàng huynh bỏ cuộc sao? Devadatta hí hửng nói.

- Không phải vậy! Thái tử sai thị vệ đặt trống xa hai mươi govo, tức là không còn thấy mục tiêu nữa, rồi tiếp - Ta muốn hỏi ngược lại, đệ có dám bắn mục tiêu ấy không?

- Hoang đường! Devadatta nói như quát - Không thấy mục tiêu mà bắn được ư?

- Phải! Siddhattha cất giọng chậm rãi - Đệ bắn bằng mắt, ta thì bắn bằng tâm!

Sự việc xảy ra làm cho võ trường im lặng như tờ.

Thái tử Siddhattha cất giọng đồng dục:

- Ta xin thử dây cung.

Nói xong, thái tử giương cung, kéo mạnh, cung gãy. Thị vệ mang đến cung khác, gãy nữa; cái cung khác, bằng đồng, lại gãy nữa do sức tay của thái tử quá mạnh.

Quãng cung, thái tử nói với viên võ tướng:

- Tại đền thiêng Simhābanu có một cây cung thần, thờ đã tự nghìn xưa. Nó bằng đồng, nặng lắm. Vậy cảm phiền cho mười lực sĩ mang đến đây cho ta.

Lát sau, mười lực sĩ dòng Sākya hi hục mang cung đến. Nó đen tuyền, bóng loáng. Thái tử một tay đỡ cây cung đưa thẳng tới trước, tay kia kéo thử dây đồng rồi thả ra. Một

tiếng ngân trầm hùng lan dần, lan ra xa như tiếng chuông đồng vang động trong không gian không ngớt.

Trên các khán đài, mọi người đứng cả dậy, dân chúng xông xao ùn ùn xô đẩy về phía trước, thần lực của thái tử đã áp đảo quân hùng, đã làm cho mọi người sửng sốt, kinh hãi. Trong lúc ấy, thái tử bình tĩnh, lấp một mũi tên đồng, đứng bất động như nhập định, nhẹ nhàng kéo dây, mắt nhắm, nín thở... Mũi tên vàng vọt khỏi dây cung, chỉ thấy lằn chớp cháy không gian... rồi mất tích... Các vị giám quan chạy đến mục tiêu. Mũi tên thần không những xuyên đúng hồng tâm, đi qua hai mặt trống, mà còn chưa hết đà, bay xa chừng một phần hai govo nữa rồi ghim vào một gốc cây đại thọ, chuỗi tên không ngớt rung rinh... Bốn tên lực sĩ, nhanh như chim cắt, chạy bung chiếc trống, đem đặt trước khán đài cho đức vua Suppabuddha nhìn ngắm. Ngài bước xuống, sẫm soi nhìn, đưa tay sờ... Lát sau, ngài khẽ thốt:

- Cung thần nơi đền thiêng Simhābanu không phải là hoang truyền. Mà tài thần tiền của thái tử Siddhattha, ta vẫn không dám tin là chuyện có thật.

Cả đại võ trường như vỡ ra với tiếng la, tiếng hét, tiếng hoan hô ca tụng tài thần tiền của thái tử Siddhattha...

Ngày thứ hai, thi đao kiếm. Thử lệ cuộc thi về đao hay kiếm là phải nhanh, bén và chuẩn xác. Múa kiếm nhanh nhưng còn thấy kiếm là bậc hạ. Múa kiếm nhanh, không thấy kiếm, nhưng chỉ ngăn được ba phần nước bên ngoài phun vào, là bậc trung. Kiếm nhanh đến độ nước phun không dính võ phục, mới là bậc thượng.

Phần thi kiếm nhanh, tám võ sinh còn thấy kiếm, đạt bậc hạ. Qua bậc trung, chỉ còn sáu người múa kiếm quanh mình mà không thấy kiếm, đây là Siddhattha, Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka, Bhaddiya, Kāḷudāyi; nhưng khi múa nhanh, chỉ có Siddhattha và Devadatta là không dính nước; đạt bậc thượng.

Phần thi đao bén và chuẩn, đối tượng là những khúc gỗ được dựng sẵn trước mặt, đường kính chừng một gang tay, có kẻ chỉ đỏ mười hàng đều đặn. Sau một bài quyền múa đao, mỗi võ sinh phải ra đao bổ dọc, lấy đi một thanh gỗ mà khúc gỗ vẫn đứng yên. Đề thi quá khó, nó đòi hỏi cả ba yếu tố: nhanh, bén và chuẩn. Thế là có kẻ qua được nhất thứ ba, nhất thứ tư... là khúc gỗ ngã đổ. Devadatta, Virulhāka, Bhaddiya qua được nhất thứ sáu...

Thái tử Siddhattha đứng quan sát, chưa ra tay vội, nói với các bạn:

- Qua nhất thứ sáu, mặt bằng chân đế quá nhỏ, sẽ không giữ yên được trọng khối còn lại. Sáu nhất quá nhanh lấy ra sáu thanh gỗ, vậy là các bạn đã khá giỏi...

Devadatta hãnh diện cướp lời:

- Vậy là hoàng huynh bỏ cuộc rồi!

Thái tử Siddhattha mỉm cười:

- Không phải vậy! Hãy xem đây!

Nói xong, Thái tử định thần giây lát, hít một hơi chân khí, ánh sáng trắng nháng lên, mười lần chớp như mười con giao long lượn xuống khúc gỗ. Mười thanh gỗ trước sau nằm ngã xuống mà tưởng như đồng loạt sắp xếp đều đặn... vì thái tử đã xuống đao nhanh quá, quá sức tưởng tượng của mọi người. Devadatta khâm phục quá, thốt lên:

- Đúng là tay đao đệ nhất thiên hạ, thật là không ai chịu nổi, xin bái phục!

Thái tử nói với các bạn:

- Với thanh bảo đao, chém sắt như cắt bùn, việc ấy không khó. Dùng thanh bảo đao, đoạn lìa hai ba thân cây cùng một lúc mà cành lá không rung động, lại khó hơn; nhưng ta cũng có thể làm được.

Họ đến rừng cây. Thái tử đứng nhắm hai thân cây đứng song song cách nhau chừng một đòn gánh, chàng yên lặng như trú định; thế rồi, một chiếc bóng nháng lên như cánh

chim ưng, bảo đao nằm ngang với thân mình, một luồng ánh sáng xẹt qua... Mọi người chưa thấy thái tử ra tay như thế nào, đã hoành thân trở về chỗ cũ, thần sắc tươi tỉnh. Hai thân cây không đổ, cành lá vẫn bất động... Thái tử tùm tùm cười.

Mọi người nhao nhao, tiếng lời bàn luận chưa dứt thì một ngọn gió thổi qua, “rắc rắc”, hai thân cây đồng ngã xuống một lượt. Như vậy là vì thế đao đi quá nhanh, nhát cắt quá phẳng, chuyện tưởng không thể mà thành có thể. Tất cả võ sinh đều tâm phục, khẩu phục...

Cả đại võ trường rào rào vỗ tay, trống đánh, kèn thổi, thùng đập... âm thanh dậy lên như một cơn địa chấn; khi viên võ tướng tuyên bố kết quả thi đao kiếm: Thái tử Siddhattha giải đặc biệt, ngoại hạng; Devadatta, Bhaddiya, Virulhāka giải nhất đồng hạng.

Thái tử thế là đã thắng vượt xa hai trận, lý ra không cần phải thi nữa; nhưng theo yêu cầu của mọi người, cuộc hội thao nên tiếp diễn để cho ngày vui của hai quốc độ được trọn vẹn. Cả hai vị quốc vương đều đồng ý. Thế là cuộc thi cỡi ngựa được tổ chức vào ngày hôm sau.

Đêm vừa rồi, kinh thành Kapilavatthu như thức ngủ, đèn đuốc sáng choang phố này, phường kia... để ăn uống, chuyện trò, bàn luận về tài kiếm đao của các vương tử, các ông hoàng... quả thật là chưa từng thấy. Lác đác đây đó nơi các góc phố, đám đông tụ lại, há miệng lắng nghe những gã lang thang kể chuyện với cử chỉ, điệu bộ, thêu dệt hay ho như diễn trò... Tại các cung điện hoàng gia cũng thế, được vui chơi tiệc tùng cho đến khuya. Đêm đó, có lẽ đức vua Suddhodana và công chúa Yasodharā là vui nhất.

Sáng ngày, mây lành, gió nhẹ, nắng vàng như lụa mỏng nhẹ phủ khắp kinh thành. Mọi người đây đặc võ trường hớn hờ chờ đợi cuộc thi cỡi ngựa...

Người và chiến mã đã sẵn sàng ở điểm xuất phát. Ai ai cũng chăm chăm nhìn Kāḷudāyi vì chàng có nước da đen lại

ngồi trên lưng chú ngựa ô! Mahānāma oai vệ và nhàn nhã trên lưng con ngựa hung hung đỏ, ai cũng tin chắc chàng sẽ thắng. Kimbila với võ phục màu sáng, nước da trắng trẻo, lại ngồi trên lưng con bạch mã, trông đẹp vô cùng. Bhaddiya thì có vẻ tự tin, chủ nhân con ngựa hoàng kim nổi tiếng bấy lâu nay. Devadatta tướng người cao lớn, phương phi, hùng dũng với chú chiến mã lai giống Sindhu uy danh vô địch. Siddhattha, võ phục màu trắng thanh lịch, lúc nào cũng với chú ngựa Kaṇṭhaka màu ngà voi, mảnh mai, thon nhỏ... hiền lành và ngoan ngoãn hết mực...

Trống đánh, cờ phát... đoàn ngựa vọt đi. Cái bóng ngựa cao lớn của Devadatta không mấy chốc đã dễ dàng dẫn đầu. Cái bóng đen của Kāḷudāyi bám riết theo sau... Nhưng mà ô kìa, cái vệt trắng của Kimbila đã bứt lên, bứt lên; và chỉ vài hơi thở sau là Kimbila đã cho các bạn hít bụi... Cái vệt hung hung đỏ của Mahānāma cũng không dễ dàng bỏ cuộc, đang cùng với Viruḷhāka, Anudāma, Bhaddiya... phi bên nhau như đang còn giữ sức ngựa. Còn thái tử Siddhattha và ngựa Kaṇṭhaka đâu rồi? A, con ngựa Kaṇṭhaka đang nhàn nhã gõ vó ở sau cùng, nhưng khi mà Kimbila đã vượt khỏi Devadatta chừng mười đầu ngựa thì Kaṇṭhaka mới bắt đầu ra oai. Nó bắt chợt dựng bờm, hí một tràng dài rồi lao đi như ánh sao băng. Nó lần lượt bỏ năm bảy chú ngựa sau cùng, bỏ vệt hoàng kim, bỏ vệt hung đỏ... rồi nó bỏ luôn vệt trắng! Chưa thôi, đến ngang đây, Kaṇṭhaka mới bắt đầu trở uy thần mã, nó không chạy nữa, mà nó bay. Nó bay nhẹ nhàng, chập chờn, như mây, như sóng... Nó lướt êm ru như lướt trên một tấm thảm nhung... Khi Kimbila, Mahānāma, Devadatta, Kāḷudāyi, Viruḷhāka, Bhaddiya, Anudāma... trước sau vừa qua khỏi vòng đua thứ nhất, thì nó đã ở cuối vòng đua thứ hai! Từ đây, biết chắc mình đã thắng rồi, Kaṇṭhaka bắt đầu biểu diễn. Nó phi kiêu lượn sóng, người ta chỉ thấy những lượn sóng trắng ngà nhấp nhô, nhấp nhô đều đặn, mềm mại,

uyên chuyên... Nó phi kiêu lẩn chớp, cả người và ngựa chỉ còn thấy một luồng ánh sáng bay ngang... Cả võ trường đồng lúc như đứng cả dậy, dường như họ không còn thấy chú ngựa nào nữa cả, chỉ có Kaṇṭhaka... với những pha biểu diễn ngoạn mục! Tiếng hoan hô, ca ngợi, vỗ tay, đập trống, gõ chiêng... như trời long, đất lở...

Kaṇṭhaka đã dựng đứng hai chân, tại đích đến, cuối vòng thứ ba; nó hí một tràng rất dài như tự thưởng cho mình đã chiến thắng một cách oanh liệt! Channa, người hầu ngựa, la hét đã khản giọng, bây giờ đến bên Kaṇṭhaka, vuốt ve, âu yếm, sung sướng nói lớn:

- Đối với Kaṇṭhaka, tất cả ngựa trên thế gian đều là ngựa què!

Kimbila thật lâu sau đó mới về nhì, tiếp đến Mahānāma, Kāḷudāyi, Viruḷhāka, Anudāma, Bhaddiya, Devadatta... về ba, tư, năm, sáu, bảy, tám... còn các ngựa khác thì có vẻ uể oải bỏ cuộc. Devadatta lững thững dắt ngựa đến khiếu nại với giám quan và giám khảo:

- Nếu có con ngựa Kaṇṭhaka thì ai cũng có thể thắng trận một cách dễ dàng! Cuộc thi này không công bằng. Ngựa giỏi chứ không phải người giỏi. Ai có gan cỡi con Ngựa Sư Tử trong hoàng cung mới là tay bản lĩnh!

Vua Suppabuddha tận mắt chứng kiến các cuộc thi, ngài thấy rõ ở bộ môn nào, thái tử Siddhattha cũng vượt trội. Vượt trội trên cả sự tưởng tượng của mọi người. Vị thế vô địch ấy có khoảng cách trời vực, không thể so sánh nổi... Devadatta, con ta, có quá đáng không, còn gì nữa mà không phục? Tuy nhiên, cha nào mà không thương con, không có chút thiên vị? Siddhattha thắng thì đã thắng rồi, nhưng hãy cho chúng thử xem, để cho con ta gỡ gạc một chút thể diện, đức Suppabuddha bèn nói với vua Suddhodana:

- Phiền hoàng huynh hãy ra lệnh cho mang con Ngựa Sư Tử ấy ra đây!

- Nó dữ lắm! Đức Suddhodana dè dặt nói - Nó là một con ngựa chướng, thường khóa mấy vòng xích sắt mà cột nó lại!

Vì cuộc vui đang trên đà hưng phấn, nên ai cũng khẩn cầu cho mang Ngựa Sư Tử ra. Đức vua Suddhodana ngần ngại, nhưng thái tử Siddhattha đã mỉm cười nói:

- Xin vương phụ hãy an tâm. Hãy để cho tất cả mọi người được mãn nguyện.

Thế rồi, bốn lực sĩ đã dẫn Ngựa Sư Tử đến. Nó có sắc màu đỏ nâu vàng, vằn vện và cao lớn dị thường. Nó đưa mắt khinh thị nhìn mọi người và đồng loại. Một vài chú ngựa thấy oai của nó, vội thụt lui... Mahānāma, Kāludāyi, Bhaddiya... đồng đến ngăn cản:

- Không được đâu, hãy bãi bỏ cuộc so tài này. Thái tử Siddhattha đã mười phần thắng cuộc, mà chúng ta, giỏi lắm cũng mới chỉ hai, ba là cùng!

Thái tử đến vỗ vai các bạn, trấn an. Devadatta ý sức mạnh, hô quân hầu dạt ra rồi hăm hở bước tới, nhảy vút lên. Con ngựa đứng im. Nhưng khi Devadatta vừa kéo cương, là nó đã gầm lên một tiếng, rồi nó nhảy sóng, nó hất sóng, nó dựng bờm, nó dựng đứng hai chân... bất chợt, nó lao nhanh... dừng phắt lại! Devadatta đã giữ cương, nắm bờm, ôm cổ... rất chắc, rất vững, rất giỏi... nhưng với thủ đoạn quá quắt như thế, Devadatta đã bị bắn về phía trước như bao giẻ rách, may mắn là chưa gãy tay, gãy chân... Đến phiên Kimbila, chàng rất tự tin, hai chân quặp vào lưng ngựa như hai móc sắt. Tha hồ cho ngựa dòn tới, hất lui, dợn sóng... chàng vẫn trụ vững. Nhưng sau đó, một cú nhảy ngược, phi, đập, lắc... bất ngờ của chú ngựa hoang dại, Kimbila phải té nằm chổng gọng... Con ngựa bất trị, hung dữ có lẽ tức giận người đã ở lâu trên lưng mình, quay lui định giẫm đạp Kimbila; nhưng bốn tên lực sĩ vốn dày dặn kinh nghiệm, đã kịp thời chạy đến ứng cứu...

Ở các khán đài danh dự, mọi người cả kinh, thất sắc. Vua Suddhodana hô lớn:

- Quân bây đầu! Hãy nhốt nó vào chuồng!

Thái tử bình tĩnh bước ra, nói lớn:

- Xin vương phụ chuân tấu! Hoàng nhi cũng phải cỡi con ngựa ấy mới công bằng!

Channa chột mỉm cười, đến nói nhỏ gì đấy với thái tử, người ta chỉ thấy thái tử gật gật đầu. Xong, chàng an nhiên với nụ cười bước đến, dịu dàng đặt tay lên bờm ngựa, vuốt ve ra chiều thân thiết. Lát sau, thái tử ôm đầu ngựa, cúi sát vào tai nó, nói những lời từ ái, không ai nghe cả:

“- Con thân mến! Ta không có làm hại con đâu! Ta đến với con không phải để hống hách, để làm ông chủ; mà ta đến với con như đến với một người bạn, một người bạn thân ấy mà!”

Nói xong, rất tự tin, ngài thò tay tháo gỡ mấy sợi xích sắt còn buộc trên cổ, chân và bụng nó. Con Ngựa Sư Tử đứng im như lặng lẽ quan sát “địch thủ” làm gì! Đôi mắt của nó thường đỏ như máu, thường ửng lên sòng sọc... đã bắt đầu dịu lại. Nó nhìn thái tử. Thái tử nhìn nó. Bốn con mắt gặp nhau. Một năng lượng từ hòa, mát mẻ... từ thái tử như được tuôn tràn qua “tâm hồn” con ngựa dữ. Chột nó đưa cái đầu “gạ gạ” nhẹ vào tay thái tử như quen thân nhau đã lâu rồi! Đưa tay đặt nhẹ lên lưng ngựa, thái tử nhảy lên. Bây giờ, con Ngựa Sư Tử đã trở nên ngoan ngoãn, thuần thực, hiền lành; nó cất từng bước nhịp nhàng, chậm rãi... trước những tiếng reo hò của muôn vạn người ngưỡng mộ...

Devadatta cùng các vị vương tôn, công tử... cả hai quốc độ, đồng chạy lại, khoanh chéo hai tay trước ngực, cúi đầu xuống trước thái tử:

- Chúng đệ hoàn toàn tâm phục, khẩu phục. Chúng đệ vô cùng vinh hạnh được thất bại trước bậc đại anh hùng “Thần võ khôi nguyên lưỡng quốc”

Đức vua Suppabuddha hớn hở bước đến vỗ vai thái tử, nói lớn:

- Con đã trở tài vô địch một cách rất oanh liệt, rất từ tốn mà cũng rất khiêm cung. Ta thật rất sung sướng mà ban viên trân châu vô giá này cho con đây!

Yasodharā đã nép mình sau lưng cha. Vua Suppabuddha cười ha hả, nắm bàn tay của con gái mình, đặt vào bàn tay của thái tử Siddhattha trước sự chứng kiến của hai dòng tộc, trước sự hò reo như động đất, như vỡ núi của muôn người...

**Trong Cung Vui
Và Những Dự Thảo
Phát Triển Đất Nước**

Tìm được ngày lành tháng tốt, hai vị quốc vương cử hành hôn lễ cho con trai và con gái yêu quý của mình. Và đây cũng là dịp để đức vua Suddhodana bố cáo với muôn dân, trao quyền phụ tá vương quốc cho thái tử Siddhattha để chàng có trách nhiệm với sơn hà xã tắc.

Thật là những ngày tháng đáng ghi nhớ của muôn dân dòng tộc Sākya và Koliya. Cả hai vị vua đều ra lệnh ân xá tội tù và giảm thuế má cho dân. Các cuộc lễ hội, giải trí được mở ra khắp nơi. Dân chúng quanh năm lam lũ vì cái ăn, cái mặc, bây giờ được vui chơi, ăn uống, tiệc tùng, đàn ca, xướng hát để cùng chung vui với thái tử và công chúa yêu quý của mình.

Kinh đô Kapilavatthu được trần thiết huy hoàng, tráng lệ, xa hoa hết mực. Đèn kết, phướn bay, cờ treo như sao sa. Dân chúng lũ lượt chảy thành dòng trên các đường lớn. Màu sắc áo quần rực rỡ như dạ hội bướm trăm màu. Hoa và hương phô thắm và thơm ngào ngạt trên những tràng hoa trên cổ, kết trên mũ, đính trên áo của các vương tôn, công tử, mỹ nữ, giai nhân... Tại cung điện thì được trang hoàng mỹ lệ, cao sang như thiên đường hạ giới. Vua Suddhodana rộng tay mở kho tàng chi phí cho cuộc lễ không tiếc tiền, vì ngài

nghĩ rằng phải mang đến một niềm vui lớn để xóa tan những nếp gợn ưu tư trên vầng trán của người con trai.

Ngày đón dâu đã đến. Từ cổng thành, đèn cò và hoa vui mắt, hai hàng quân cấm vệ ngồi trên những chú ngựa sắc hung đỏ chuẩn bị xuất phát. Họ đội mũ sắt, áo giáp sắt, yên nhung đỏ lộng lẫy, cương mạ bạc lóng lánh... chậm rãi ra khỏi hoàng thành nhắm hướng Đông nam thẳng tiến. Theo sau họ là những cỗ xe hai ngựa, bốn ngựa kéo theo những kiệu hoa vương giả. Đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, các đức thân vương, các trưởng lão dòng tộc Sākya, các vị lão thần, đại thần cùng cung nga thể nữ... đại diện cho nhà trai đi sang nước Koliya. Thái tử được ngồi riêng nơi cỗ xe hai ngựa màu trắng sang trọng và thanh lịch, khẽ vén rèm nhung nhìn sang vệ đường. Thấy dân chúng hớn hờ mừng vui chào đón, chàng mỉm cười, nghe tâm hồn nhẹ lâng lâng... Từ khi gặp được công nương Yasodharā, thái tử thấy rõ rằng đây là mối duyên tiền kiếp, một tâm hồn đồng điệu, có thể trao gửi tâm sự cùng chia sẻ những niềm vui nỗi buồn trên cuộc đời này... Chàng chưa biết gì nhiều về bên ngoài cung điện, nên nhân dịp này đã cố ý quan sát tất cả, ghi nhận tất cả cái gì lọt vào tầm mắt... Càng ra xa thành phố, xóm làng càng thưa thớt, những đám đất xanh và vàng, những bóng người lom khom trên rẫy, dưới đồng. Đâu đâu cũng núi rừng xanh hút mắt... Sông và suối, những trâu và bò gặm cỏ, những đàn cò bay lượn nhón nhơ...

Đến Devadaha, các trưởng lão hoàng gia, trọng thần, lão thần, binh lính... nghênh đón ở cổng thành. Họ đi giữa tiếng trống, tiếng kèn, cờ xí rợp trời... Đức vua Suppabuddha tiếp đón nhà trai rất mực trân trọng... Rồi những cuộc lễ, những cuộc lễ... theo phong tục tập quán... cứ trôi đi, cứ chảy đi... Cô dâu, chú rể mệt lả người. Những lời chúc tụng, mừng vui... luôn luôn đả bôi, khách sáo... cũng phải nghe, phải cười, phải vâng, phải dạ, phải đứng lên, quỳ xuống...

Trở về nhà trai, lễ lượt lại tái diễn... Cuối buổi lễ, đức vua Suddhodana nắm tay thái tử đến cạnh ngai vàng, trịnh trọng tuyên bố trước đại diện hai nước cộng hòa:

- Siddhattha tuổi tuy còn trẻ nhưng có trí, có đức, có tài; từ nay, sẽ phụ tá vương vị, chính thức được nghị bàn quốc sự, thay mặt ta trách nhiệm trước hội đồng trưởng lão về mọi chính sách của nước cộng hòa dòng tộc Sākya...

Mọi cuộc lễ rồi cũng qua đi... Bây giờ, họ đang sống trong Cung điện mùa hè, được quyền vui chơi trong tổ ấm của mình trước khi tập sự việc nước. Thật ra, thái tử không còn cảm thấy thích thú những buổi yến tiệc linh đình, những cuộc rượu chè thâu đêm suốt sáng của bạn bè nữa. Có Yasodharā và một số ít ca nhi, vũ nữ, nhạc công là đã đầy đủ cho tháng ngày hạnh phúc, an lạc. Càng sống với Yasodharā, thái tử càng thấy nàng hiển lộ nhiều đức tính quý báu khác. Trong các buổi tiệc tùng, ca vũ... chàng vui vẻ chùng mực thì nàng cũng vậy. Khi thân hữu trong hoàng tộc như Mahānāma, Bhaddiya, Kāludāyi... ép chàng với những tách rượu say, chàng mỉm cười, cạn vài chung lấy lệ... thì nàng cũng thế. Ôi! Đóa hoa ấy sao mà e ấp và dịu dàng đến vậy. Thái tử nao nao lòng khi nàng nhìn chàng với đôi mắt trong xanh vời vợi, biểu hiện cả một trời thương yêu và tin cậy. Bên những chùm đèn cây, chùm đèn dầu lạc thấp sáng mơ màng, huyền ảo; khi đã vắng lặng tiếng đàn hát vui cười, Cung Vui mùa hè chìm trong giấc ngủ thanh bình - họ trân trọng nhau, thương yêu nhau và cùng nhau tâm sự. Hương chiên-đàn, hương trăm hoa, hương xiêm y mỹ nữ như còn đọng giữa loan phòng... Thái tử thở dài rất nhẹ... đêm sâu cũng dường như xao xuyến theo:

- Gopā yêu quý! Nàng cảm nhận như thế nào về những cuộc vui này? Nhất là sau những tiệc vắng, canh tàn?

Yasodharā trầm ngâm giây lát:

- Có cái gì đó trông như một đóa hoa đã tàn. Có cái gì đó như mùa của lá vàng rụng rơi lả tả! Có cái gì đó như nhạt nhẽo, trống không, vô vị! Thiếp không thích lắm! Ở bên chàng, được nói chuyện với chàng, thiếp thấy bình yên và hạnh phúc hơn!

- Ta cũng thế đó, này Gopā! Ta chưa biết gì hết ở cuộc đời bên ngoài, nhưng ta cũng có thể suy luận một vài điều từ kinh điển hoặc từ lời giảng của các thầy phụ đạo. Rằng là mùa xuân rồi sẽ qua đi, mái tóc xanh của chúng ta sẽ không còn xanh nữa. Có cái gì đó không trọn vẹn trên thế gian hữu hạn này. Sự bất lực của số phận con người. Có lẽ nào tất cả đã được định đoạt bởi một đấng vô hình nào đó? Rồi còn những giới hạn của khoái lạc, của niềm vui? Và đâu là sự an bình thật sự của con người? Ôi! Ta có quá nhiều ưu tư và trăn trở. Nàng hãy thông cảm cho ta về điều đó nhé!

- Thiếp biết! Yasodharā cất giọng nhu thuận - Và chẳng thiếp cũng có một vài ưu tư và trăn trở! Rồi nàng đưa mắt nhìn ra xa - Bên kia, bên ngoài xa kia, thiếp đã một vài lần đi theo di mẫu để đến những xóm nhà nghèo khổ. Đám bản dân ở đấy họ có đời sống gàn như súc vật. Họ không có được tấm vải che thân lạnh lặn, kể cả những ngày đông giá. Họ bệnh tật, ghẻ lở, hôi hám. Họ sống trong những ổ chuột với gián, với muỗi mòng, nơi những ao, những vũng bùn tù đọng. Trẻ con thì trần truồng, đen đui như củ sừng. Những người già là những bộ xương khô nhích tới, bước lui... Siddhattha ạ! Thiếp đã chảy nước mắt. Di mẫu cũng chảy nước mắt. Chúng ta không làm được gì cho họ cả!

Yasodharā gục khóc. Thái tử khẽ ôm bờ vai của nàng, chia sẻ với trái tim quá mẫn cảm của nàng:

- Ta hiểu. Ta biết.

- Những cỗ xe chở đầy thực phẩm, áo quần, thuốc men... của di mẫu chỉ như xoa dịu những vết thương đã quá trầm trọng. Không ý nghĩa gì cả, không đủ thiếu vào đâu cả...

- Ta hiểu. Ta biết.

- Chỉ như muối bỏ biển mà thôi, Siddhattha!

- Ta hiểu. Ta biết.

Yasodharā ngạc nhiên:

- Thái tử làm sao hiểu được khi chàng ở trong ba tòa cung điện nguy nga, tráng lệ này?

Thái tử mỉm cười:

- Mặc dầu phụ hoàng muốn che giấu ta về mọi thứ, nhưng ta cũng biết được do đời sống của hoàng gia, của giới quý tộc quá xa xỉ. Lại nữa, kinh thành Kapilavatthu được trang hoàng, trần thiết có cái gì đó như kiểu cách và phô trương quá... Càng đi xa các thành phố, thị trấn thì thôn làng càng tiêu điều, xác xơ; nhà cửa với mái lá, vách đất nghiêng lệch, chông chơ... Rất ít ruộng xanh mà chỉ thấy những đám đất vàng với trâu bò lang thang giữa đồng cỏ hoang vu... Dường như dân chúng đói rách, nghèo khổ ở hai bên vệ đường, phụ hoàng cũng “an trí” họ ở một nơi nào đó! Do suy luận từ những điều ấy mà ta hiểu, mà ta biết, này Gopā!

Họ không nói gì với nhau nữa. Yasodharā nằm xuống, khẽ kéo tấm chăn lụa mỏng đắp cho thái tử, đưa cánh tay phải cho chàng gối đầu, còn tay trái của nàng thì đặt nhẹ vào trái tim chàng! Ôi! Cái đầu ấy sao mà sắc bén, tinh minh đến thế; còn trái tim này, dường như bao giờ cũng cùng một nhịp đập với nàng!

Đêm kinh thành Kapilavatthu và không gian bên ngoài Cung Vui trắng trong như dát bạc, vài cánh hoa rơi khẽ, vài ngọn gió xao xuyên rung nhẹ... rồi thì thào ở rất xa...

Thời gian trăng mật rồi cũng qua đi. Câu chuyện đêm khuya giữa chàng và Yasodharā về sự đói khổ của dân chúng cứ canh cánh mãi bên lòng. Hết dự hội nghị ở triều đình, thái tử lại đi thăm viếng các đức thân vương, các vị trọng thần. Cỗ xe hai ngựa màu trắng sang trọng với Channa

cứ đi đi, về về, phía này, phía kia trong thành, chưa được phép ra khỏi thành, luôn luôn phủ đầy bụi...

Trời đã trưa, thái tử cũng chưa về. Cây kadamba với những chùm hoa màu vàng nghệ rực rỡ kia không biết khoe sắc với ai? Mùi hương nồng nàn dịu ngọt tỏa ra từ cây hoa campaka, cũng thế! Bên kia hồ, cây hoa hình lồng đèn màu xanh nhạt nằm chen giữa cây hoa san hô đỏ thắm, lấp lánh dưới hồ nước trong vắt... trông cũng vô duyên làm sao! Yasodharā chột mím cười, nhủ thầm: Thái tử ở đâu là dường như có linh hồn và sự sống ở đây!

Bóng hai chú ngựa trắng xuất hiện ở cổng xanh. Hai thị nữ cầm ô chạy ra. Thái tử khoác tay, chàng muốn đi một mình. Yasodharā đợi chàng ở bên hiên.

- Cây hoa saraca hình cầu đôi màu đã nở hoa chưa, Gopā! Chàng nói rồi ôm nhẹ bờ vai Yasodharā - Thôi vào đi, trời bắt đầu có nắng hanh...

Tiếng nhạc nhẹ trôi lên theo bước chân của hai người. Máy con chim trên lan can cất tiếng hót vang rân. Thái tử nói với Yasodharā:

- Trưa nay ta có khách đấy, Gopā! Buổi chiều và đêm nay, chúng ta sẽ vui chơi với mấy ông hoàng. Bhaddiya có mời được đám nhạc công và vũ nữ chuyên nghiệp từ Kosala sang giúp vui!

Yasodharā chột nhíu cặp mày xinh xinh, quay lại nhìn Thái tử:

- Chàng có chuyện gì trọng đại phải không? Tiệc rượu và cuộc vui, chỉ là cái có, có phải thế không, Siddhattha?

Biết là không thể giấu được sự cảm nhận tinh tế của Yasodharā, đến bên cửa sổ, nhìn ngắm hoa cảnh một lát, chàng tâm sự:

- Ta đã nắm rõ và nắm vững toàn bộ tình hình đất nước về ngoại giao, chính trị, quân sự, kinh tế... Ta cũng đã phác thảo một chương trình cải cách khá quy mô, và theo đó,

dường như mọi chính sách từ trước đến nay của triều đình, đều phải thay đổi hết... Nhưng qua nhiều lần đàm đạo, có tính thăm dò với các đức thân vương, các trọng thần, các quan tổng trấn, ta thấy họ trịch thượng, bảo thủ và kiêu căng quá! Nhiệt huyết của ta chột như giọt nước trượt trên lá sen! Khó quá, Gopā! Sẽ không thay đổi được gì hết!...

- Thiếp hiểu! Yasodharā gật đầu - Và bây giờ chàng muốn liên minh với các ông hoàng trẻ tuổi, trí tài; họ sẽ nắm vận mệnh Sākya và Koliya trong mai hậu?

- Phải! Sau này họ đều là các trọng thần, các quan tổng trấn. Họ trẻ tuổi, thông thoáng, có đầu óc và có nhiệt huyết... Cũng như ta, đa phần, các ông hoàng đều không được phép đi ra khỏi thành, không được phép tiếp xúc với dân chúng; do vậy, cái biết của họ rất giới hạn. Tuy nhiên, ta sẽ thảo luận với họ từng điểm một, tìm cách bổ sung kiến thức cho họ từng điểm một...

Niềm vui của thái tử cũng chính là niềm vui của nàng, Yasodharā đứng dậy, sai bảo những chuyên gia bếp núc, thị nữ... chuẩn bị mấy bàn tiệc lớn. Nơi Cung Vui mùa hè có hầm lạnh dự trữ đủ loại thức ăn, đủ loại thực phẩm rau trái hạt củ tươi xanh, đủ loại rượu hảo hạng của những thương gia biếu tặng... Chén bát, ly tách được mang về từ Trung Hoa, Ba Tư, Ả Rập...

Lát sau, các rèm cửa sổ được kéo xuống, những chùm đèn cây, dầu lạc tỏa ánh sáng mơ màng... Yasodharā không quên cho vận hành cỗ máy bơm nước, bánh xe gỗ, phun sương ở bên ngoài cho không gian được mát mẻ... Đây là mùa hè, nhưng ở đây lại như mùa xuân của thiên đường...

Xe ngựa xôn xao ở bên ngoài. Lần lượt trước sau các ông hoàng, các công tử hào hoa của Sākya và Koliya xuất hiện, theo sau họ là gánh hát chuyên nghiệp với các cô nàng lộng lẫy, cao sang hết mực. Bhaddiya cất giọng oang oang:

- Hôm nay chúng tôi đến quây phá một trận cái tổ uyên ương của quý vị đây!

Thái tử mỉm cười vui vẻ. Họ đã đến đủ cả: Bhaddiya, Mahānāma, Kāḷudāyi, Anuruddha, Kimbila, Ānanda, Bhagu, Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka... Và ngạc nhiên làm sao có cả lệnh bà Gotamī, cậu bé Nanda và cô bé Sundarī Nandā nữa!...

Buổi tiệc và các mục biểu diễn của nghệ nhân kéo dài cho đến chiều tối. Đêm, các ông hoàng bên cỗ tiệc nhẹ, họ sôi nổi thảo luận cho đến khuya... Yasodharā như chiếc bóng điem kiêu nhẹ nhàng lui tới, sai bảo chăm sóc trà bánh, khơi thêm lò trầm rồi sau đó đến vui chuyện, tâm sự với lệnh bà Gotamī và cô bé Sundarī Nandā...

Devadatta đã tâm phục khẩu phục thái tử sau lần thi tài võ nghệ nên đồng thuận liên minh với Sākya. Viruḷhāka và Anudāma cũng kính trọng và mến yêu thái tử không khác gì, góp ý là nên cải cách cả hai nước, làm thế nào cho hùng cường và giàu mạnh, thoát khỏi cái ách lệ thuộc Kosala. Đại hội kín này, trên nguyên tắc, họ đã nhất trí với nhau, nhưng các chi tiết đề cương còn cần nghiên cứu sâu rộng mới có biện pháp thích hợp. Cuối buổi họp, thái tử đề nghị Devadatta về Koliya tập hợp lực lượng trẻ tuổi, lấy nội dung cuộc họp hôm nay để thảo luận. Riêng tại Sākya, thái tử phân công từng người với những trách nhiệm cụ thể như sau:

- Về ngoại giao: Mahānāma nghiên cứu một chính sách đối ngoại ưu thắng đối với Kosala, tránh bớt sự lệ thuộc chính trị và giảm bớt số tiền thuế triều cống hằng năm. Giao hảo thân thiện với các nước cộng hòa Malla và Vajjī, lôi kéo họ về với mình, tạo thế mạnh liên minh mai hậu...

- Về đất đai, lãnh thổ: Ānanda điều tra, nghiên cứu trong diện tích một ngàn rưỡi dặm vuông của lãnh địa Sākya, có bao nhiêu đất đai đã được canh tác, bao nhiêu đất đai bị bỏ

hoang, bao nhiêu rừng, bình nguyên, sông ngòi... bao nhiêu diện tích các cổ thành, thị trấn và các làng mạc...

- Về tài nguyên, môi trường: Kāḷudāyi nghiên cứu các sản vật rừng như các loại gỗ quý, trầm... có thể khai thác được. Các loại thảo dược có thể chế biến để phục vụ y dược. Trong lòng đất, ở đâu có thể khai thác các quặng mỏ để lấy vàng, bạc, đồng, chì, kẽm, sắt... Tình trạng rừng nào cần bảo vệ, chăm sóc; rừng nào đã quá hoang hóa, cần trồng lại. Cũng nên nghiên cứu loại cây nông nghiệp nào hợp thổ nhưỡng, có năng suất cao để chống đói nghèo...

- Về quân sự, võ bị: Bhaddiya nghiên cứu xem trong mười ngàn chiến sĩ tại Kapilavatthu cùng chín cổ thành, thị trấn... có thể chia hai, thay phiên nhau, một nửa ở quân ngũ, một nửa về làm ruộng được chăng? Tình trạng khí giới, quân nhu, lương thực... mỗi năm tiêu tốn hết bao nhiêu? Quân, cốt yếu là phải tinh nhuệ, khổ luyện chứ không phải là số lượng. Cũng nên xem lại tình trạng các trại nuôi voi, ngựa; mã xa, mũ sắt, giáp sắt, đao kiếm, cung tên... đã hoàn bị chưa hay cần nên trang bị thêm cho được hùng mạnh và hiện đại...

- Về dân số và thành phần các giai cấp: Kimbila điều nghiên số dân hai trăm ngàn của chúng ta có chính xác không? Trong đó, bao nhiêu là hoàng gia, quý tộc? Bao nhiêu dân ở trong các thành phố, thị trấn, bao nhiêu dân ở các thôn làng? Còn nữa, có bao nhiêu nghiệp đoàn thương mại, kinh tế; theo đó, giới thợ thuyền phụ trách các ngành nghề là bao nhiêu? Ngoại trừ người già lão, ốm đau, tật nguyền, trẻ em... thì cả nước có chừng bao nhiêu nông dân lao động chính, tạo ra của cải?

- Về tín ngưỡng, tôn giáo: Anuruddha nghiên cứu xem trong giới bà-la-môn, tu sĩ, đạo sĩ các giáo phái... chừng bao nhiêu người thật sự sống đời sa-môn, y bát khổ hạnh lang thang tầm cầu Phạm Thế? Bao nhiêu người trong họ, có gia

đình, sống đời thế tục, tài giỏi, đang làm thầy giáo, y sĩ, thiên văn, toán học... Cũng phải tìm hiểu cho rõ, giới bà-la-môn phụ trách tư tế ở các đền miếu, các người phúng tụng, bùa chú... giữ độc quyền liên hệ với thần linh; họ đã bóc lột dân đen trong các buổi tế đàn, quan hôn tang tế, cầu phúc, cầu thọ... cụ thể là hiện vật hay tiền bạc như thế nào?

- Về y tế, từ thiện xã hội: Bhagu phụ trách, xem thử...

Thái tử nói ngang đây, lệnh bà Gotamī xen lời:

- Cái đó để phân ta, ta biết rất rõ con à!

Thái tử ngạc nhiên quay lại, hóa ra không những lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Sundarī Nandā... mà còn rất nhiều người khác nữa cũng đang lặng lẽ ngồi đầy đặc ở xung quanh... Thái tử đâu có biết rằng, chương trình phác thảo, phân công công tác của thái tử không những làm cho các ông hoàng kinh sợ, thán phục cái tầm vĩ mô, toàn diện vấn đề của đại sự quốc gia - mà còn làm cho các nhạc công, thị nữ kính trọng, ngạc nhiên vô cùng. Từ lâu, họ cứ tưởng rằng, thái tử và các ông hoàng chỉ biết ăn chơi, tiệc tùng xa xỉ... làm gì biết đến đời sống của muôn dân, trong đó có thân phận của họ! Lệnh bà Gotamī và Yasodharā cũng thế, kế hoạch của thái tử đưa ra quả là cao xa và sâu rộng, tuy mới chỉ là điều tra và nghiên cứu nhưng đã vượt tầm hiểu biết của họ; chỉ riêng vấn đề y tế và từ thiện xã hội là họ hiểu và rất phù hợp với ước muốn của hai người mà thôi. Hóa ra ai cũng có tấm lòng, ai cũng dễ dàng đồng cảm nếu có người biết khơi gợi, biết quy tụ sức mạnh, “chung lưng đấu cật” với nhau... Thái tử đưa ánh mắt triu mến nhìn các ông hoàng huynh đệ, cất giọng dè dặt:

- Các bạn phải thật khôn khéo khi tìm hiểu các số liệu nơi các trọng thần, nơi các hàng trưởng lão. Đừng để cho họ nghi ngờ chúng ta xen sâu vào công việc của triều đình... Ta tin là các bạn đủ thận trọng và đủ tế nhị khi làm công việc

khó khăn này... Tương lai cả hai quốc độ, sau này ở trong tay chúng ta!

Đêm đã khuya mọi người mới từ giã ra về, họ ôm chặt vai nhau và hứa hẹn bắt tay hành động, từng bước một, sau khi đã nắm vững những con số cần thiết. Các ông hoàng, từ đây, đã bắt đầu từ bỏ đời sống hưởng thụ vị kỷ, hướng tâm và trí đến những công việc có ý nghĩa hơn.

Thái tử rất vui sướng, người nhẹ lâng lâng, nói với Yasodharā:

- Cái điều canh cánh bên lòng của chúng ta đã được các ông hoàng chia nhau gánh vác. Ôi, họ dễ thương làm sao!

- Cái chuyện đói khổ ấy à?

- Phải! Cái việc làm cao đẹp của nàng và mẫu hậu như kéo một tấm chăn mà đi đắp chỗ này và chỗ kia. Vấn đề là ai cũng phải có tấm chăn ấy, Yasodharā!

- Thiếp chưa hiểu rõ lắm!

- Tài sản, của cải xã hội có được rất hữu hạn, và là do các giới lao động nông dân, thợ thuyền làm ra... mà phi lý thay, họ lại nghèo đói! Còn chúng ta, giới hoàng gia, quý tộc không làm gì, thì lại giàu sang, sống đời hưởng thụ. Cũng ví như cái chăn này, ta kéo về phần mình nhiều thì bên nàng lại thiếu, có phải thế không? Xã hội phải được phân công trách nhiệm. Phải có một biện pháp toàn diện chứ không phải sót chỗ này chia cho chỗ kia! Chúng ta phải giải quyết nhân chứ không phải chữa trị quả, Gopā!

Sáng nào họ cũng ngồi uống trà ở hiên sương. Khi những cây hoa vàng nghệ, đỏ rực đã tàn thì cây hoa hình cầu đổi màu lại nở. Nó chuyển từ màu cam sang màu đỏ, cho đến lúc nào hương sắc nhạt phai là báo hiệu sự thay tiết, đổi mùa..

Tiếp sau cảnh sắc rực rỡ là nắng nóng đến khô người, cây lá sẽ không còn sương đêm, mặt đất sẽ nứt nẻ, xám ngắt dưới bầu trời chói chang, không một gợn mây. Đôi nơi, khi

khí nóng nở ra, cuộn lên, tạo thành luồng gió xoáy, hình dáng giống như cái phễu, la đà, quần quai, nghễ nghện hút tất cả lá rác, bụi bặm tung thả lên không... Cuối mùa hè, tất cả cỏ hoa đều tàn tạ, những cành cây khẳng khiu rụng lá, như những bộ xương khô, chơ vơ giữa nền trời xanh ngắt. Khi có những dấu hiệu như vậy, thái tử lại chuyển qua cung điện mùa mưa; vì ít hôm nữa thôi, trên bầu trời, những đàn quạ, chim ưng lượn bay táo tác, tìm ẩn trốn nơi nào đó thích hợp; chúng biết những cơn bão lớn sắp bùng qua nơi đây... Rồi sau những cơn bão phá hại nhà cửa tróc nóc tróc mái, cây cối gãy đổ ngổn ngang, ruộng vườn xơ xác... là mùa mưa sẽ bắt đầu...

Mấy lúc này, thái tử của chúng ta chăm chuyên đọc sách, những quyển cổ thư bụi bặm trong đền thiêng Simhābanu và trên bàn thờ của hoàng gia có thể là đã lâu lắm chưa ai sờ tới. Tất cả đều được khắc chạm trên những thẻ gỗ, thẻ đồng những hình tượng, những ký hiệu rất khó hiểu. Chàng triệu thỉnh các thầy phụ đạo cũ đến nghiên cứu giúp nhưng không ai đọc được. Bà-la-môn Svāmitta suy đoán, có thể là di huấn của các hoàng triều từ thuở lập quốc đến nay; mà cũng có thể là những kinh văn ngàn xưa thuộc nền văn minh Mohenjo-Daro cách đây trên dưới vài ngàn năm đã mất tích hẳn. Thái tử đã hỏi phụ hoàng cùng các trưởng lão trong dòng tộc, nhưng không ai biết, chỉ xem như vật thờ cúng kể thế các hoàng triều. Nhờ có kiến thức ngôn ngữ sâu rộng tiếp nối từ tiền kiếp, thái tử đã đọc được, nội dung ở đây là tập đại thành khôn ngoan nhiều ngàn năm trước của dòng giống Aryan lúc họ từ miền Tây bắc tràn xuống xâm lăng Ấn độ. Tổ tiên của thái tử, hóa ra là Aryan? Một dân tộc thông minh thượng đẳng? Tuy nhiên, chẳng ai hiểu rõ, nguồn gốc họ là nông dân, họ sử dụng vũ lực xâm lăng Ấn Độ vì họ cần ruộng đất để canh tác, cần bình nguyên để nuôi cho thật nhiều bò! Bồi hồi, vui sướng, thái

tử nghiên ngẫm thấu đáo từng thẻ gỗ, từng thẻ đồng một. Ôi! Lại còn kinh Vệ-đà khởi từ nguyên thủy của Aryan nữa, nó mới hay, mới đẹp làm sao; bây giờ nó đã thoái hóa, mất gốc quá nhiều, pha trộn hình thức tẻ lẽ, bừa chú... để ru ngủ tín đồ cũng quá nhiều! Còn nữa, Áo-nghĩa-thư với những luận giải bác học là sự ngụy tạo của các thời đi sau! Và đây nữa là các công nghệ, những môn học thiết thực, cụ thể để phát triển xã hội... Sau nhiều đêm, nhiều ngày tư duy, chiêm nghiệm, thái tử thấy rằng, ở trong đồng thẻ này, có nhiều kiến thức đã lỗi thời, chúng chỉ giúp được cho thái tử cái phổ quát, còn để đáp ứng cụ thể cho nhu cầu xã hội hiện nay... thì cần phải... bổ sung và đổi mới nhiều hơn nữa!

Hôm kia, đang ở trong cung điện mùa mưa thì vài ông hoàng tìm đến, đó là Ānanda và Kāḷudāyi. Trông hình dong, biết họ khá vất vả trong công việc của mình, thái tử ân cần tiếp đón, sai thị nữ hầu khăn, nước, dọn tiệc rượu nhẹ để tẩy trần... Ānanda vẫn giữ nụ cười tươi đẹp như hoa, nhưng giọng nói đã nhuốm vẻ ưu tư:

- Đệ đã khôn khéo xin được đi thăm các quan tổng trấn, thế rồi đệ xuôi ngược đó đây như đi ngoạn du nên không ai để ý. Và đây là những con số đệ đã nghiên cứu cẩn kẽ, ôi, những con số khá bi quan! Hóa ra, trong một ngàn rười do-tuần vương của Sākya: Năm phần mười là rừng, hai phần mười là sông ngòi, bình nguyên, thị trấn, làng mạc, hai phần mười bị bỏ hoang và chỉ có một phần mười là canh tác ruộng rẫy cùng các cây ăn trái... Ānanda thở dài - Tuy đệ không hiểu gì nhiều, ruộng lúa và nương rẫy làm ăn ra sao, nhưng dường như chúng ta còn bỏ hoang phế quá nhiều.

Thái tử mỉm cười, trấn an:

- Đệ nhận xét rất đúng. Chúng ta mới chỉ đang nghiên cứu những con số, chừng ấy thôi đã tốt lắm rồi.

Kāḷudāyi tiếp lời:

- Ở lãnh vực của đệ không những bi quan mà còn sinh ra lắm điều rắc rối. Các số liệu về tài nguyên đệ đã có, nhờ các lão thần và các quan tổng trấn cung cấp. Nhưng ta lại thiếu các người am tường công việc. Ai là người giỏi về rừng để nghiên cứu thấu đáo về lâm sản? Ai là người giỏi về y dược để biết các loại cây cỏ có công năng dược liệu? Ai là người giỏi về đất, nhìn ngắm trong đất để biết nơi nào có vàng, đồng, sắt...? Còn kiến thức về cây trồng trong nông, lâm... đất đai, thổ nhưỡng, năng suất, lợi ích... cũng cần có những người rất chuyên môn mới làm được! Nói tóm lại, Kāḷudāyi thở ra - Có biết đấy, nhưng biết cũng bằng không, phức tạp và nhiều khê lắm!

Thái tử cười nhẹ, nắm chặt tay cả hai bạn, giải thích:

- Hoàn toàn đúng! Đây là vấn đề mới mẻ đối với tất cả chúng ta. Từ từ chúng ta sẽ học hỏi. Ví như người am tường công việc của mình thì gọi là người chuyên môn. Người chuyên môn ấy nghiên cứu về lãnh vực chuyên biệt ấy một cách cặn kẽ, thấu đáo, có số liệu cụ thể chứng minh thì họ được gọi là chuyên gia. Về rừng, về y dược, về đất đai, về nông nghiệp... tất thảy đều phải cần có chuyên gia cả. Các nền văn minh xưa và các đế quốc giàu mạnh họ đều có kế hoạch để đào tạo chuyên gia. Xa về phía Tây bắc, cách nước ta chừng hơn trăm do-tuần, có nước Gandhāra có trường đại học bách khoa Takkasilā là đào tạo chuyên gia, nhân tài cho cả châu Diêm-phù-đề.

Thấy Ānanda và Kāḷudāyi chưa hiểu lắm, thái tử tiếp lời:

- Chúng ta nắm số liệu chắc chắn mới có thể phác thảo đề cương về một chính sách toàn diện... Sau công trình của các bạn, chúng ta mới biết cụ thể rằng, chúng ta cần đào tạo chuyên gia về mọi lãnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, y học, dược thảo, khoáng sản, địa chất... cùng đầu tư về phương tiện, công cụ sản xuất... Nói ngắn gọn, chúng ta phải

có một trường đại học bách khoa... tương tự như trường đại học nổi tiếng ở Takkasilā, may ra mới nói đến sự phát triển đất nước, may ra mới nói đến manh áo chén cơm cho lê dân đói khổ...

Một tháng, hai tháng sau, lần lượt các ông hoàng khÁc Mang đến cho thái tử những kết quả của họ. Thái tử mừng vui, khuyến khích, sau đó, góp ý với từng trường hợp một.

- Này bạn Bhaddiya! Bạn hãy nói đi! Trường hợp bạn là một viên đại tướng, thống lĩnh quân đội, bạn có kế hoạch nào để tự trang bị khí giới, quân nhu, lương lương... mà không cần sự tài trợ của hoàng gia, tức là thuế má của quốc dân?

- Được chứ! Bhaddiya tự tin nói - Như thái tử đã gợi ý, ta sẽ cho năm ngàn lính thay nhau lao động sản xuất. Họ không những làm ruộng, mà còn khai thác gỗ, làm thợ cưa xẻ, thợ mộc cùng các nghề khác thích hợp. Nếu quân đội chưa tự nuôi sống được mình thì cũng đỡ được một kinh phí khổng lồ. Từ lâu, họ là tập cận chiến sĩ nên đã hưởng thụ quá nhiều ưu đãi...

- Cụ thể là thế nào hở Bhaddiya?

- Một người lính tiêu tốn bằng mười người nông dân, bằng ba thị dân trung lưu, bằng một người khá giả...

Kimbila tiếp lời:

- Thừa thái tử! Nhưng giới hoàng gia và quý tộc có ba ngàn người nhưng họ tiêu tốn sản phẩm còn gấp mấy lần quân đội. Nói là dân số cả nước có hai trăm ngàn, nhưng chúng ta chỉ thật sự có bốn mươi một ngàn nông dân và mười bảy ngàn thợ thuyền trực tiếp lao động, tạo ra của cải xã hội mà thôi!

Thái tử nhíu mày:

- Thế số còn lại?

- Bi quan lắm, thái tử! Chừng năm sáu mươi ngàn lao động gián tiếp ở các thị trấn, thành phố gồm các nghề

ngiệp và những dịch vụ khác nhau trong các nghiệp đoàn kinh tế và thương mại. Chừng hai ba ngàn người là các ông chủ lớn, ông chủ nhỏ các tiệm vàng, bạc, bánh kẹo, vải vóc, lúa gạo, nhuộm, dao kéo, mỹ phẩm, ăn uống... Giới bà-la-môn tu sĩ và tại gia các loại cũng trên mười ngàn. Chừng ba bốn mươi ngàn không lao động được, gồm những người già lão, ốm đau, tật nguyền, trẻ em...

Anuruddha tiếp lời sau cái thở dài thườn thọt:

- Hiện có ba bốn giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà đang sinh hoạt. Số bà-la-môn thật sự sống đời sa-môn, đạo sĩ xuất gia chưa tới một ngàn. Trong số chừng chín ngàn còn lại, có khoảng năm ngàn người làm ruộng cùng với gia đình của họ trong những điền trang lớn và nhỏ, giàu có, nghèo có. Khoảng một trăm bà-la-môn học thức, họ mở lớp dạy riêng, làm gia sư hoặc cố vấn cho các quan tổng trấn. Chừng hơn hai trăm bà-la-môn tư tế tại các đền miếu và lác đác trong các thôn làng. Dân chúng cần lễ lượt gì phải nhờ vả đến họ, phí tổn rất lớn...

Sau khi tiếp thu các công trình nghiên cứu tỉ mỉ của các ông hoàng, thái tử kết luận:

- Nước ta nghèo đói là phải, do người làm ít mà người ăn thì nhiều. Chúng ta sẽ có biện pháp chấn chỉnh...

- Còn điều này nữa! Kimbila xen lời - Ở kinh thành và các thị trấn các ông chủ cho vay quá nặng lãi. Vay bình thường là mười lăm đến mười tám phần trăm, nếu vay nợ lâu chừng một năm là sáu mươi phần trăm, vay buôn đường dài là một trăm hai mươi, vay buôn đường biển là hai trăm bốn mươi! Lợi tức của ông chủ nghiệp đoàn bằng một trăm lần người lao động. Lợi tức của ông thống đốc nghiệp đoàn còn thêm mấy lần nhiều hơn... Vậy thái tử làm thế nào ngăn bớt sự bóc lột ấy nữa!

- Cảm ơn, Kimbila! Ta sẽ cố gắng!

Mahānāma bây giờ mới trình bày công việc của mình:

- Đầu tiên nói về Kosala! Đức vua Pāsenadi hiện nay tuổi trẻ, tài cao và rất nhân hậu, chỉ ít trong thời gian ngài tại ngôi, chúng ta sẽ rất yên ổn, không ngại có chuyện hạch sách về vấn đề triều cống đâu. Ngài không cần lắm tiền bạc của chúng ta, cái ngài cần là sự thuận phục, tuân phục...

- Đúng! Đúng! Thái tử gật đầu - Bạn tiếp đi!

- Vậy ta nên giữ lễ, biết kính trọng và biết nghe lời đại vương Pāsenadi là yên. Hằng năm, chỉ nên dâng biếu những sản vật mà Kosala cần, khan hiếm; đó là sừng tê giác, trầm chiên đàn, mật ong và xạ chồn hương!

Thái tử lại gật đầu nữa:

- Thật là giỏi! Bạn sẽ là một vị vua giỏi, này Mahānāma quý mến! Vậy tình hình các nước cộng hòa ra sao?

- Cộng hòa Malla với đê có chỗ thâm tình, dễ thuyết phục, không lo gì, nhưng các cộng hòa kia thì đang có sự cố... Nó như thế này: Cộng hòa Licchavī, thủ đô là Vesālī, cộng hòa Videha, thủ đô là Mithilā cùng một số bộ tộc khác, trước đây liên minh với nhau, trở thành liên bang Vajjī. Sau khi thống nhất một thời gian, họ muốn lấy tên một thủ đô chung cho liên bang; nhưng cả ba bên cùng kiêu ngạo như nhau, ai cũng muốn dành cái tên thủ đô về phần mình... Hiện họ đang xục xịch, chưa yên... Các nước cộng hòa này có luật pháp nghiêm minh, quân đội trật tự, kỷ cương... Hội đồng tướng lĩnh ở đây, họ rất giỏi nhưng cứng đầu và kiêu ngạo. Thuyết phục được họ, thật không thể ngày một, ngày hai. Đê sẽ tìm hiểu thêm để tìm ra biện pháp ngoại giao khả toàn. Đôi khi Sākya và Koliya của chúng ta liên minh thành một liên bang, may ra mới giữ được thế quân bình trong khu vực...

- Đê rất có tầm nhìn, thật may mắn cho vương quốc chúng ta. Chuyện liên minh là một ý tưởng tốt, một thái độ chính trị khôn ngoan. Chúng ta sẽ học hỏi ở họ! Thái tử nói

rồi quay qua nhìn Bhagu - Còn việc y tế và từ thiện xã hội thì thế nào rồi hở bạn?

- Cũng đa đoan lắm! Bhagu nói- Nhưng lệnh bà Gotamī bảo là sẽ nghiên cứu kỹ biện pháp khả thi rồi sẽ trình bày sau...

- Thế là tốt! Cảm ơn tất cả các bạn. Ai cũng đã vất vả quá nhiều... Chỉ với tâm huyết này thôi đã rất xứng đáng làm một thanh niên trí thức trên cuộc đời này rồi...

- Chúng ta sẽ đệ trình tất cả điều ấy lên đức vua và hội đồng trưởng lão chứ? Anuruddha nóng lòng hỏi.

- Khoan đã! Thái tử trả lời - Chỉ khi nào chúng ta tìm ra biện pháp chấn chỉnh hoặc cải cách từng điểm một, cụ thể, có tính thuyết phục cao... bằng không...

Thái tử chột im lặng, dăm chiêu... Thấy mọi người chưa hiểu câu nói bỏ lửng ấy, Mahānāma và Kāḷudāyi như đồng nói lên một lúc:

- Đụng chạm quá nhiều đến quyền lợi của hoàng gia đấy, các bạn!

Đêm Khuya Nghe Gió Thở Dài

Mưa cuồng, gió quật, sấm chớp ùng ùng... Từng đám mây qua mùa nắng nóng dường như được rang cho khô quánh lại, bây giờ thấm ướt, nở phình ra, no ứ nước rồi đổ tràn trề, đổ xối xả xuống núi rừng, thảo nguyên, đồng ruộng, làng mạc...miền trung bắc Ấn. Những cơn mưa này mọi người chờ đợi đã lâu, từ sau tháng Vesākha, cây cối chổng chơ, đất đai khô nẻ... đang muốn được hồi sinh! Từ từ, chậm chậm, không vội vã gì, từng cơn gió mùa xào xạc thổi qua, rồi từng cơn mưa chọt như nhẹ nhàng hơn, đều đặn hơn rơi xuống liên tục từ ngày này sang ngày khác...

Những tháng ngày khô nóng như rang người đã qua rồi. Cũng qua rồi thời kỳ mọi người chỉ muốn ngồi yên một chỗ, không động đậy, không nhích chân, nhích tay hằng giờ liền: họ muốn tiết kiệm năng lượng! Trước các sân nhà, ngoài đường, mưa đọng thành vũng, trẻ con trần truồng chạy nhảy, nghịch té nước, cười vang, nô đùa hồn nhiên. Các cụ già, bà lão, vươn vai, đứng bên ngưỡng cửa hoặc chường ra hiên chốc lát, nhìn ngắm mưa, hít thở bầu không khí trong lành, mát rượi...

Phong cảnh, sau đó, không mấy chốc thay đổi mau chóng, lạ thường. Như tay họa sĩ đại tài hoặc như tên phù thủy nhiều bùa phép, chúng biến những dòng sông lờ đờ, uể

oải, nhác nhóm... thành những dòng chảy màu nâu, đỏ đục, lầu ngầu rác rưởi thành những chàng thanh niên mạnh khỏe, lao như điên, tràn sông, tràn bờ, tràn ao hồ... ô ạt đe dọa làng mạc, cư dân, ruộng vườn... Mưa vùng này thì ít mà nước thì dâng rất nhanh, do các sườn núi từ Himalaya tràn xuống. Biết bao nhiêu là nhà cửa và đường sá bị ngập chìm. Ở đâu cũng bùn lầy, rác rến lều phều, cành củi lênh phênh, cây gãy, giậu đổ, nhà xiêu... Mọi người không đi đâu được. Thế giới loài vật bắt đầu lộng hành vì thiên nhiên tự do đã được trả lại. Một cảnh tượng hoang dã đổ tràn ra các ngã đường: Tha hồ là rắn, rít, bò cạp... bò ra khỏi những nơi ngập nước, lồn ngồn trườn trên những đám đất cao ráo; những chú ếch, nhái, ễnh ương... nhảy lóc chóc, kêu ồm ộp, oàm oạp bát nháo... bất kỳ chỗ nào, bất kể nơi đâu thuận lợi. Dường như chúng không còn sợ con người nữa. Ngay trong các tường nhà, thiên hô vạn hát là tắc kè, thạch sùng đua nhau chắt lưỡi, kêu réo, ngang dọc vô tư, ăn muỗi mòng, sâu kiến đến căng cả da bụng... Còn chuột đồng, chuột cống, chuột nhà... thản nhiên kiếm ăn bất kỳ đâu có củ thối, xác sinh...

Theo chu kỳ thời gian, mùa tiết diễn ra đều đặn. Trong Cung Vui, thái tử chẳng đi đâu được. Và trong Cung Vui, chàng có hay biết gì chuyện mưa gió quấy nhiễu đất trời. Những bức tường dày ngăn cách âm thanh. Một lò sưởi lớn được thiết kế chĩnh chu, dẫn hơi ấm qua những ống đồng nhỏ len lõi qua các phòng nên nơi đâu cũng khô ráo dễ chịu. Những bức tường là các họa phẩm thiên tài, màu sắc mùa xuân và mùa hạ đan xen hài hòa, cây lá, cỏ hoa... trông thật dịu dàng và mát mẻ. Âm thanh cuồng nộ của đất trời ở bên ngoài không lấn át được giai điệu nhẹ nhàng, yên tĩnh của nhạc công, ca nhi ở bên trong...

Thái tử của chúng ta bước lui, bước tới, bước ngẩn, bước dài... Các ông hoàng đang chăm lo mọi công việc, chắc cũng kẹt ở đâu đó giữa mùa mưa của miền Trung bắc Ấn

quý quái này. Tỉnh thoảng, Ānanda, Anuruddha, cậu bé Nanda... trùm mưa vượt ngựa sang chơi. Họ lại vầy những cuộc vui tao nhã, thanh lịch với trà bánh dị giản... Nhưng thái tử cũng không được vui, tâm trí của chàng dường như để ở đâu đâu.

Yasodharā từ đâu đó bước ra, khẽ khoát tay, đàn sáo ca ngưng bật; nàng nói nhỏ với ba vị hoàng đệ:

- Hôm thái tử vào cung gặp phụ hoàng cùng các đức thân vương, bàn thử hai việc: Thứ nhất là mở trường đại học bách khoa tương tự như ở Takkasilā để đào tạo chuyên gia... Thứ hai là giảm một nửa lực lượng chiến sĩ, thay nhau làm ruộng cùng các ngành nghề khác... thì gặp sự im lặng đáng sợ...

- Rồi sau đó thì sao? Anuruddha vội hỏi.

- Đức thân vương Dhotodana, thân phụ của Bhaddiya nói là mở trường đại học, con cháu hoàng gia đâu có mấy người; chẳng lẽ cho cả thứ dân vào học ư? Lại nữa, nó sẽ rút cạn kiệt ngân khố của vương quốc! Thật là hoang tưởng!

Thái tử bước đến bàn sách, lựa lấy mấy tấm thẻ đồng rồi lặng lẽ ngồi xuống một bên, chàng nói:

- Kể nữa đi, Gopā! Nàng kể đúng y như nguyên văn vậy!

- Đức thân vương Sakkodana, thân phụ của Kimbila thì nói giọng hững hờ nhưng khá cay độc: Đây đúng là thời kỳ tiến bộ của dòng Sākya anh hùng, tập cấp chiến sĩ suy thoái xuống hai bậc, tình nguyện đứng sau cả bọn thương buôn! Đúng là một trang sử huy hoàng!

- Thôi, hết! Anuruddha thở hắt ra rồi quay sang thái tử - Còn thân phụ của đệ có ý kiến gì không?

- Thúc vương thì dè dặt, thận trọng hơn, ngài lặng lẽ rất lâu rồi mới phát biểu: Đào tạo chuyên gia là điều kiện tất yếu để phát triển đất nước. Đó là con đường duy nhất. Chúng ta nên hỏi ý hội đồng trưởng lão trong nay mai, chờ các ngài biểu quyết. Gia dĩ không mở trường đại học được

thì tại sao chúng ta không thể cho con em hoàng gia đi du học ở Takkasilā?

- Tuyệt vời! Ānanda vỗ tay tán thưởng rồi hỏi tiếp - Thế còn thân phụ của đệ, có một câu góp ý nào nghe lọt lỗ tai không?

Thái tử mỉm cười:

- Thúc vương cũng tuyệt lắm, ngài nói rằng: Chúng ta đã từng phá lệ, mời ông chủ ngân hàng và mời thống đốc nghiệp đoàn làm quan đại thần để cố vấn kinh tế cho triều đình. Vậy tại sao thứ dân không thể trở thành người tài? Tập cấp chiến sĩ mà biết tiết kiệm ngân sách quốc gia, tự mưu sinh... thì quả là điều đáng mừng cho triều đại... Ô! Đúng là tư tưởng của một vị Chuyên luân Thánh vương!

Ānanda sung sướng quá:

- Đệ phải chạy về ôm hôn thân phụ mới được...

Nandā hỏi nãy giờ cũng lắng nghe câu chuyện của người lớn, đến đây, cậu nhướng mắt hỏi thái tử:

- Thế còn phụ hoàng của chúng ta?

- Vương phụ không quyết định được...

- Có phải là do hai thuận, hai chống?

- Ủ! Hoàng đệ giỏi lắm! Phải đợi hôm nào hội đồng trưởng lão cho ý kiến...

- Nhưng sao hoàng huynh lại buồn? Phần thắng sẽ về với chúng ta đấy!

- Không đâu, Nanda tiểu thúc! Yasodharā nói - Thái tử biết rõ chín phần mười là mình thua... Bảo vệ quyền lợi của tập cấp Sát-đế-ly là chiến lược hàng đầu của đa phần chư vị trong hội đồng trưởng lão!

Mọi người đều có vẻ đăm chiêu, nghĩ ngợi... Thái tử đưa những thẻ đồng đến cạnh ánh đèn, đọc cho mọi người nghe vài đoạn rồi nói rằng:

- Trí khôn của người xưa phối hợp uyển chuyển với những điều nghiên, nghị bàn của chúng ta bấy lâu nay, ắt sẽ

có một chính sách khả toàn; tuy nhiên, có một cái gì đó ta linh cảm sẽ bị trở ngại...

Đêm. Không gian chìm vào yên lặng. Có tiếng gió nào đó thổi dài từ rất xa... Chỉ có thái tử là nghe được âm thanh vô hình ấy:

- Ta đã bay đi từ muôn trùng hư ảo
để đến với muôn trùng hư ảo
Ta đã bay đi từ những đở vỡ bất toàn
Để đến với những đở vỡ bất toàn
Hỡi trăng! Hỡi sao!
Sự lấp lánh chiếu soi của người
Hư vô không hề biết
Mà người mẹ đất cũng không hề biết
Rồi mây đen lại ùn ùn kéo tới
Rồi ngã mạn, kiêu căng ùn ùn kéo tới
Rồi thời gian sẽ nghiền nát người
Rồi thời gian cũng sẽ chẻ vụn đôi cánh của ta
Có những cỗ thành đã đi vào hoang phế
Có những lịch sử liệt oanh
được xây dựng bởi xương trắng và sọ người
Bởi sự ngu si, bạo tàn và hủy diệt
Ta không có vinh quang
Mà người cũng không có vinh quang
Đều là sự hiện hữu rỗng không
Có đó và mất đó
Đều là trò chơi ảo hóa
Của thần sinh và thần tử
Chúng hý lộng và cười cợt
Sự khôn ngoan của đất trời từ sơ thủy
Rồi hang thẳm Rāgu nuốt chửng
Rồi nhiệt huyết của nắng ấm và mưa lành
Cũng bị bất toàn nuốt chửng
Cũng bị đở vỡ nuốt chửng

Cũng bị hư vô nuốt chửng
Còn lại những ký hiệu vô nghĩa
Còn lại những ẩn số tối tăm và khó hiểu
Còn lại hạt bụi, sương hay giọt lệ
Nó lăn tròn và tan đi
Ta tan đi và người cũng tan đi
Vô tâm vô tích...
Đêm ấy.

- Hãy ngủ đi, Gopā! Hãy ngủ một giấc cho ngon! Đừng thấy gì cả, đừng nghe gì cả! Đêm đã sâu lắm rồi!

Thái tử lắm nhảm không rõ mình đang chiêm bao mơ màng hay là đang tỉnh thức!

Hôm nay là một hội nghị đột xuất, đặc biệt. Mặc dầu mưa gió, sự đi lại khó khăn, nhưng đức vua Suddhodana vẫn triệu tập các đức thân vương và hội đồng trưởng lão để lắng nghe ý kiến của thái tử và các ông hoàng trẻ tuổi về kế hoạch phát triển đất nước. Chỉ một số ít vắng mặt không đáng kể, những nhân vật quan trọng đều hiện diện tương đối đầy đủ.

Với những chứng liệu cụ thể, xác thực, thái tử trình bày những nguyên nhân làm cho vương quốc không thể thịnh cường. Khái quát là bởi những lý do chính:

- Đất đai mười phần mà diện tích canh tác chỉ một phần, đa phần đã bị bỏ hoang.

- Rừng chiếm một nửa đất nước nhưng khai thác củi gỗ than một cách bừa bãi làm cho hoang hóa nhiều.

- Bốn mươi một ngàn nông dân và mười bảy ngàn thợ thuyền trực tiếp tạo ra của cải xã hội với kỹ thuật lạc hậu, dụng cụ thô sơ không đủ sức nuôi hơn một trăm ngàn dân mà mức sống cao hơn họ một lần, hai lần, mười lần cho chỉ một trăm lần! Ngoài ra, người già cả, ốm đau, bệnh hoạn, tật nguyền, trẻ em là gánh nặng xã hội lại chiếm đến hơn ba mươi ngàn!

- Các buổi lễ tế đàn, súc vật như cừ, dê... bị giết để lấy máu tế thần, mỗi năm có đến năm bảy trăm ngàn con. Nhân dân tiêu tốn cho các thầy bà-la-môn tư tế ở các đền miếu, thị trấn, làng xã... về hàng chục loại lễ khác nhau có thể lên đến cả từng thúng vàng, thúng bạc...

- Chi phí hằng năm cho mười ngàn chiến sĩ Sát-đế-ly về lương lương, khí giới, quân nhu... chiếm dụng hết một phần năm tài sản quốc gia.

- Các ông chủ ngân hàng cho vay quá nặng lãi. Các chủ nghiệp đoàn vắt kiệt sức lao động của thợ thuyền nhưng cho họ hưởng một đồng lương quá thê thảm để tồn tại chứ không phải để sống!

- Không có trường học nào cho con em các giai cấp. Chỉ có hoàng gia, quý tộc, các gia đình giàu có mới nuôi nôi các thầy bà-la-môn học thức làm gia sư. Tình trạng này làm cho đất nước ta thiếu nhân tài để phục vụ dân sinh...

Thái tử trình bày xong, khiêm cung cúi chào các bậc trưởng thượng rồi ngồi xuống. Các ông hoàng, bạn bè thân hữu của thái tử, những đồng chí, đồng sự cùng một tâm cổ vũ, tán thưởng, vỗ tay bôm bốp... Riêng hội đồng trưởng lão thì ngồi yên, im, lặng ngắt. Họ thấy rõ thái tử đã chẩn đúng căn bệnh. Đã ngạc nhiên đến lạnh người khi thái tử chỉ ngồi một chỗ mà thấy được toàn cục của quốc gia... Ô, nó đúng như vậy thì phải làm sao? Ô, nguy hiểm đến thế, nhưng từ lâu, tại sao không ai hay biết? Hằng chục, hằng trăm cuộc họp của hội đồng, bấy lâu chỉ bàn việc tế trời, tế đất, tế thần; chỉ để phân chia quyền lợi cho dòng trưởng, dòng thứ...; chuyện quan hôn, tang tế... hoặc chuyện tranh chấp đất đai của hoàng gia, quý tộc... Cho chí việc nhỏ mọn như con chim hạc thuở xưa hội đồng trưởng lão cũng phải họp bàn...

Một vị trưởng lão quát thước đứng lên:

- Thái tử đã đưa ngón tay chỉ đúng vào huyết đạo của sự đói nghèo, hội đồng nguyên lão rất cảm ơn. Nhưng biện

pháp? Tức là đơn thuốc để chữa trị căn bệnh ấy? Hội đồng rất muốn được nghe qua.

Thái tử và các ông hoàng đã họp bàn từ trước. Chính thái tử đã đưa ra từng biện pháp, đã hướng dẫn cách phát biểu và đã phân công trách nhiệm cho từng người. Nên sau khi được hội đồng trưởng lão chất vấn, các ông hoàng, thay mặt thái tử, lần lượt đứng lên, trình bày từng điểm một.

Ānanda phụ trách ruộng đất, đã trình bày rất rõ ràng toàn bộ diện tích đất đai trong lãnh thổ; về rừng, về sông ngòi, thành phố, thị trấn, làng mạc, ruộng vườn... chiếm bao nhiêu diện tích; bao nhiêu đất hiện đang canh tác và bao nhiêu đất hoang phế, cỗi cằn... rồi kết luận:

- Xin thưa, là phải canh tác cho hết trên dưới chín trăm do-tuần vuông (mỗi bề ba mươi do-tuần) ruộng đất bị bỏ hoang. Nhà nước phải cung cấp dụng cụ sản xuất, phân giống; ngoài ra phải tuyển cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cho nông dân cách ươm trồng, chăm sóc, gieo gặt... bảo đảm năng suất cho được cao hơn. Phải cần có chuyên gia phụ trách nông nghiệp... Đây là điều quan trọng nhất cần đưa lên chính sách ưu tiên một để cải thiện dân sinh!

Ānanda có biết gì về lãnh vực ruộng đất? Hội đồng trưởng lão đã đưa mắt nhìn nhau... ngạc nhiên! Rồi còn kỹ thuật, chuyên gia? Cái gì thế? Họ đâu có biết rằng, các ông hoàng ham chơi của họ, nhờ sống gần thái tử, họ không còn ngây thơ nữa, đã có tâm nghĩ đến người khác rồi. Và những hiểu biết về nhiều lãnh vực, chúng nằm trong những ký tự khó hiểu thuộc truyền thừa của dòng giống Aryan, thái tử học được rồi trao truyền cho huynh đệ kiến thức ấy.

Vì hội đồng muốn nghe tất cả nên đến phiên Kāludāyi, phụ trách về tài nguyên, môi trường; chàng nói những điểm chính yếu nhất.

- Rừng chúng ta hiện có hơn bảy trăm do-tuần vuông, nhưng đã hơn hai trăm do-tuần vuông mọi người khai thác

củi gỗ và săn bắn bừa bãi. Phải đầu tư trồng rừng mới, phải nghiên cứu cây trồng thích hợp, lãnh vực này cần có chuyên gia... Các loại gỗ quý phải biết cách khai thác, sử dụng. Các loại trầm chiên-đàn là tài nguyên phong phú của đất nước, phải cần có một bộ phận chuyên môn nghiên cứu khai thác và tiêu thụ. Rừng chúng ta cũng hàm tàng những dược thảo quý hiếm, vừa khai thác, chế biến để chữa bệnh cho hoàng gia, dân chúng, đồng thời còn có khả năng bán sang các nước lân cận. Việc này cần nhiều nhà chuyên môn, lương y. Săn bắt động vật rừng cũng phải có kế hoạch, phải có giấy phép của hoàng gia. Ngoài ra, cần đào tạo chuyên gia nông nghiệp, chuyên gia khai thác khoáng sản như vàng, bạc, đồng, chì, sắt...; chuyên gia về đất đai, thổ nhưỡng... tất tần tật. Nói tóm lại là phải cần có trường đại học bách khoa... mới mong nói đến việc dân giàu, nước mạnh...

Kāḷudāyi ngưng nói đã lâu mà hội đồng trưởng lão vẫn im lặng. Họ không biết tại sao bọn trẻ lại biết rõ ràng nhiều lãnh vực mà từ lâu tuy họ quan tâm nhưng đã không giải quyết được... Chưa thôi, bây giờ lại đến phiên Bhaddiya, Kimbila, Anuruddha, Bhagu, Mahānāma; họ lần lượt trình bày về vấn đề giải thể bớt một phần hai quân số chiến sĩ để giảm bớt gánh nặng ngân sách; quan đại thần phụ trách kinh tế, thương mại phải nắm các ngân hàng tư nhân để ấn định, chế tài giá cả cho vay, điều chỉnh lương hướng thợ thuyền cho hợp lý tại tất cả các nghiệp đoàn; nâng đỡ nông dân bằng cách giảm thuế má nông nghiệp nhưng lại cung cấp phân, giống, dụng cụ sản xuất... Muốn có người tài giúp nước phải khuyến khích con em các giới theo học các trường học của vương quốc - bắt buộc phải mở trong tương lai; con em hoàng gia, quý tộc phải tự túc để đi học đại học Takkaṣilā. Hoàng gia, quý tộc phải tiết kiệm trong ăn tiêu, chi dùng... Phải kiểm soát các cuộc tế đàn, lễ lạt tốn kém sức người, sức của... Phải ra lệnh cấm giết hại súc vật để tế thần

lửa và các vị thần mơ hồ chẳng ích dụng gì cho cuộc đời... Phải thẳng tay trừng trị bọn bù phếp ru ngủ ngu dân... Giảm thiểu chi phí ngân sách quân đội mà tăng cường ngoại giao hòa bình mới là khôn ngoan. Nên có chính sách liên minh với Koliya tương tự sự liên minh của liên bang Vajjī để tạo sức mạnh và ổn định lâu dài... Bỏ bớt các cuộc họp vô ích, phù phiếm giải quyết các công việc nhỏ nhen hoặc sự tranh tụng, kiện cáo của hoàng gia. Phải giải phóng nô lệ, cho họ một số quyền lợi để họ tăng gia sản xuất. Khuyến khích tất cả các giới lao động sản xuất, làm ruộng để tăng thêm của cải cho xã hội. Phải có bệnh viện miễn phí để chăm sóc sức khỏe cho lê dân. Phải có chính sách hợp lý để săn sóc người khuyết tật, già cả, trẻ em... Nói tóm lại là tất cả giới lãnh đạo phải biết hy sinh quyền lợi của mình, đồng cam, cộng khổ để đưa đất nước đi lên... Phải dũng cảm đứng thẳng dậy, phải thức tỉnh... tất cả chúng ta đã ngủ gục quá lâu, ngủ gục trên vinh hoa, tự mãn và biếng nhác - thì làm sao thoát khỏi thân phận đói nghèo, lệ thuộc...!

Các ông hoàng trẻ say sưa nói, nhiệt huyết bừng bừng mà không hề để ý phản ứng của hội đồng trưởng lão. Thái tử không ngăn được. Lúc nói xong thì nghị trường đã trống vắng hơn một nửa... Thái tử biết mình đã thất bại. Đức vua Suddhodana triu mến nhìn các ông hoàng, thở dài, nói:

- Chính sách hay, rất thuyết phục... nhưng do nóng vội thành ra hỏng cả. Quyền hạn của ông vua bộ tộc rất nhỏ, các con ạ! Trong lúc này, ta mà theo các con thì ít hôm nữa sẽ có người trình tấu lên đại vương Kosala, chưa chừng, ngay ta cũng bị bãi nhiệm!

Đêm về, đã khuya, thái tử trần trọc không ngủ được, lại nghe tiếng gió thì thảo ở bên tai:

Ta đã đi qua bao cuộc phé hưng

Ta đã lang thang qua biết bao nhiêu thời đại và lòng người tối tăm và vị kỷ.

Ánh sáng không thể đến được hang sâu
Chân lý không giải quyết bằng miếng cơm và manh áo
Thế gian quay cuồng ngược xuôi, tự mãn bởi kiêu căng
và dục vọng.

Ai cắn xé nhau cứ mặc
Ai điên cuồng cướp giật lẽ công bằng và sự sống thì kẻ
đó là anh hùng.

Có quý ma cài vương miện
Có ngu si đồng lõa
Và ngục tù tối đen khóa chặt trái tim người.
Ta là lang thang gió
Ta đã đi qua sa mạc, đồng bằng, núi lửa.
Ta đã cùng với hư vô đào huyết thế gian này
Khá thương cho những ai loay hoay với kế hoạch đại
toàn.

Thành công cũng rộng không
Mà thất bại cũng rộng không
Nước mắt, niềm vui cũng chỉ là cuộc đánh đố của con
xúc xắc.

Rồi ai cũng cháy túi ra về
Rồi tử ma đợi chờ bên ngưỡng cửa
Rồi thống khổ điêu tàn
Rồi tàn tro đóm lửa
Cháy bập bùng.
Và ta quạt gió lên
Đã muôn triệu kiếp rồi
Người có nghe chăng?

Tâm Lòng Với Cuộc Đời

Tuyết băng và mây mù như trùm lấp những dãy núi phương bắc, chẳng còn nhìn thấy Himalaya là đâu. Nơi nào cũng là tuyết, nơi nào cũng từng trận gió rét buốt thổi tràn qua các vương quốc nhỏ bé nằm nép mình bất an đã mấy ngàn đời dưới cái khắc nghiệt của thiên nhiên. Ánh nắng mặt trời trốn lạnh trong đám mây đục đục màu sữa. Không có một tiếng chim hót. Không có một màu xanh. Không còn nhìn thấy một con đường. Tuyết, tuyết tràn lấp tất thảy. Sông suối đều bị đóng băng. Vạn vật như chìm trong cái chết vĩnh cửu. Những bộ xương khô của cây cối đứng tro mình khổ hạnh, thi gan với trời đất... Chừng mười ngày, nửa tháng sau, trời ấm lên một chút, một vài ánh nắng nhợt nhạt như da người bệnh, hắt cái vàng ửng lên đầu cây. Băng tan từng phân tử nhỏ, tuyết lại nhẹ nhàng bay như mưa hoa. Vạn vật tựa mình hé hé mở mắt. Vài bóng người trùm kín áo bông, áo da xuất hiện đó đây... Sự sống dần dần cử tay, động chân...

Trong Cung Vui mùa đông, mọi người không biết cái lạnh là gì. Từng bức tường với màu sắc rực lửa, đỏ ngọn. Khí ấm của củi thơm len lõi khắp mọi nơi. Nhạc ca vẫn dặt dìu. Các buổi tiệc nhẹ vẫn tiếp diễn. Các ông hoàng vẫn đập tuyết sang chuyện trò, vui chơi cùng thái tử. Có họ thì Cung Vui đỡ hiu quạnh. Họ thảo luận nhiều vấn đề. Thái tử bàn

với họ rằng, cải cách toàn diện thì thất bại, tại sao chúng ta không đánh từng điểm một, nghĩa là triển khai lãnh vực nào mà không đụng chạm đến hoàng gia? Điểm nào dễ thực hiện nhất trong tầm tay của mình? Kết quả cuộc hội thảo nhất trí bắt tay việc tương tế, các ông hoàng tình nguyện hùn góp tài sản của mình; và công việc này phải cậy nhờ lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Sundarī Nandā và một số thị nữ trong Cung Vui đảm trách. Việc này nên tiến hành lặng lẽ, không phải xin phép. Việc thứ hai quy mô hơn một tí, tức là vận động mở trường, mời các giáo sư bà-la-môn trong nước và cả nước ngoài dạy dỗ con em sát-đế-ly, ra tay đào tạo nhân tài...

Hôm ấy trời còn lạnh căm căm, tuyết đã tan, đất trời khô ráo, thái tử và những ông hoàng, con các đức thân vương, vào cung, xin đức Suddhodana cho họ được thực hiện ước muốn của mình, bảo đảm không sử dụng chi phí ngân sách của vương quốc. Đức vua ngạc nhiên hỏi:

- Việc này không đụng chạm đến ai, có thể thực hiện được; nhưng ngân sách lấy ở đâu ra?

Mahānāma cười đáp:

- Thưa, cho chúng con được giữ bí mật!

- Được! Đức vua cười hỷ xả - Có công việc làm hữu ích, các con sẽ vui mà trăm cũng vui!

Thái tử và các ông hoàng rất phấn khích. Thời tiết bắt đầu dễ chịu vào cỡ tháng giêng, ban ngày khí hậu lạnh mát là họ bắt tay vào việc.

Lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Sundarī Nandā sau nhiều đêm, nhiều ngày thảo luận với nhau, và đã trình bày trước ban chỉ huy một kế hoạch như sau:

- Đã cho người đi nghiên cứu để xác định những nơi nào là trọng điểm cần ưu tiên một.

- Thứ tự tương tế là đói, bệnh sau đó mới đến nghèo.

- Cấp vốn liếng, thuê thợ thầy dạy công ăn việc làm cho họ.

Các ông hoàng vui vẻ vỗ tay. Ānanda nói:

- Con xin góp vốn từ thiện là một ngàn đồng tiền vàng kahāpana (khoảng chừng 100 con bò sữa).

Sau đó, Mahānāma, Bhaddiya, Kāḷudāyi... cũng đều ủng hộ mỗi người một ngàn đồng tiền vàng. Mọi người đều nhất trí con số khởi đầu đó. Thái tử chột nhú mày, hỏi mọi người:

- Trong chúng ta, ai biết, một ngày của người dân nghèo, chi phí ăn uống hết bao nhiêu māsaka?

- Chừng hai māsaka! Lệnh bà Gotamī trả lời.

- Vậy thì, Thái tử tính nhằm - Một đồng tiền vàng ăn được bốn đồng pāda, một đồng pāda ăn được năm đồng māsaka; nói cách khác, một đồng kahāpana nuôi được mười người trong một ngày.

Nanda sung sướng xen vào:

- Vậy thì em cũng xin nuôi mười ngàn người trong một ngày.

- Đúng, chính xác! Thái tử nói - Vậy thì chúng ta hãy vận động trong hoàng tộc, thân hữu... mọi người hãy cùng hào phóng biếu tặng một ngàn đồng tiền vàng kahāpana; chừng năm mươi người, ta sẽ có số tiền năm trăm ngàn, đủ chi phí cho bước đầu về tất cả các khoản từ ưu tiên một đến ưu tiên ba của mẫu hậu rồi! Thái tử nhìn Bhagu - Còn đệ lo giúp những việc khó khăn bên ngoài, sẽ phối hợp để tổ chức, sắp xếp trình tự các công đoạn cho chu đáo. Việc chi phí cho công ăn việc làm, chúng ta sẽ tính sau.

Thấy mọi người ai cũng hoan hỷ, thái tử rất sung sướng.

- Còn việc trường học, chúng ta sẽ bắt đầu từ đâu? Bhaddiya lo lắng hỏi - Hay chỉ việc góp gió thành bão?

- Chúng ta sẽ quyên góp rộng rãi, có chiến lược hơn. Này nhé! Thái tử nói - Chúng ta hãy đi du thuyết các quan

tổng trấn, nói rằng sẽ có chương trình đào tạo con em giai cấp chiến sĩ thành tài, sau đó sẽ trở về địa phương, ra tay góp sức cho thành phố, thị trấn của mình. Chúng ta hãy thuyết phục họ rằng, muốn cho xứ sở bản hạt có một tương lai sáng sủa thì phải biết đầu tư nhân tài ngay từ bây giờ!

- Hay lắm! Thuyết phục lắm! Bhaddiya nói - Theo đệ biết, chúng ta có chín thành phố, thị trấn; thành phần chiến sĩ mỗi nơi có từ năm đến tám trăm người; tối thiểu mỗi trấn thành, chúng ta chiêu sinh được con em có khả năng theo học cũng từ hai đến ba mươi người. Cái trường học của chúng ta trong tương lai có thể lên đến hai trăm năm mươi sinh viên đấy.

- Nói tóm lại, Thái tử lạc quan nói - Trấn thành nào thì tự lo cho trấn thành nấy, từ việc đóng góp cơ sở vật chất cho đến chi phí học hành. Còn riêng tại kinh thành Kapilavatthu thì chúng ta phải tự lo.

Mahānāma chợt nói:

- Chúng ta tự lo, nhưng chỉ bao chót. Đệ có kế hoạch là đi quyên tài các ông chủ ngân hàng, ông chủ các nghiệp đoàn; nói tóm gọn là sẽ nói như thế nào để cho các ông nhà giàu phải mở hầu bao!

Kāḷudāyi thủng thỉnh mở lời, phân nhiệm vụ:

- Đệ, Kimbila... sẽ cùng làm nhà du thuyết các ông nhà giàu. Huynh, Bhaddiya đều là người có uy tín lớn với các trấn thành, hãy đi thuyết phục các quan tổng trấn!

- Hay lắm! Có vẻ thuận buồm xuôi gió rồi! Thái tử bèn phân công thêm - Bây giờ, Ānanda và Anuruddha tìm kiếm địa điểm xây dựng; còn ta phụ trách phác thảo ngôi trường cùng dự toán ngân khoản. Nếu không có gì trở ngại, một tháng nữa, thời tiết thuận lợi, chúng ta sẽ khởi công...

Mọi người chia tay, từ ngày mai ai cũng có công việc. Niềm hy vọng lóe sáng trong từng ánh mắt...

Mùa xuân, tháng giêng, thời tiết Kapilavatthu rất đẹp. Khắp nơi, cây lá ươm lộc xanh, trăm hoa khoe nụ búp, gió phoi phới mát lành. Sự sống rì rào, xôn xao trong làn nắng nhẹ, trong từng tế bào non của người và vật...

Yasodharā mấy lúc này má đỏ hây hây, dáng dấp nhanh nhẹn, gót sen thoăn thoắt đi về; mọi công việc tương tế rất thuận lợi. Tuy nhiên, tối về, lúc nào nàng cũng có tâm sự. Lúc thì, “Thái tử ạ! Đa phần họ không cần phân biệt nước sạch, nước dơ; khe rãnh hang hố nào cũng múc nước ăn uống, tắm giặt được. Họ không có một ý niệm nào về vệ sinh! Lần khác, thì, thái tử ơi! Họ biếng nhác quá. Họ lười thành tinh rồi. Họ thích ngồi một chỗ. Họ thích đưa cái ăn tới tận miệng. Họ ưa nhịn ăn hơn là làm việc. Chẳng biết giáo dục họ ra làm sao nữa!” Chưa thôi, nàng còn có những nhận xét rất tinh tế khác nữa, “Thái tử à! Cái nguy hiểm nhất là cái tâm của họ. Dường như mọi tính xấu như ham ăn, mê ngủ, ích kỷ, tham lam, cộc cằn, thô lỗ... là bản chất cố hữu, đã thành tật, đã mọc rễ ở trong họ từ đời nào đời nao rồi! Thiếp có cảm giác cái việc làm từ thiện này không mang đến hiệu quả như chúng ta mong đợi...”

- Này Gopā! Thái tử nói - Ta hiểu, ta biết. Nàng đã có tấm lòng. Nàng đã vất vả nhiều!

- Thái tử đâu có tiếp xúc với họ mà nói biết?

- Hằng đêm, ta nghe tiếng gió. Gió nó nói rất nhiều bên tai ta. Nó nói những điều như nàng vừa tâm sự. Nó còn nói rất nhiều nữa, rất nhiều nữa...

- Rất nhiều nữa ư? Là gì vậy, thái tử?

- Từ từ thôi mà, Gopā! Vả chẳng, ta cũng còn đang suy tư về những điều ấy. Là những cơn gió hư vô rất lạnh lùng, Gopā! Một lúc nào đó, ta sẽ nói! Hãy ngủ đi! Hãy ngủ đi nào...

Đêm nào cũng vậy. Lúc Yasodharā dần dần chìm vào giấc ngủ là lúc thái tử gác tay lên trán, trăn trở, thao thức...

“Cái ăn, cái mặc, cái đói, cái nghèo... kể cả tham lam, biếng nhác, ích kỷ... chúng từ đâu có? Dầu cho ăn, cho mặc thì tham lam, ích kỷ... có vì vậy mà giảm đi? Ồ, không thể nữa rồi! Những người giàu sang, ăn sung mặc sướng dường như tâm tham lam, ích kỷ lại nhiều hơn... Bằng chứng là dòng tộc Sākya của chúng ta đây!” Thái tử lại thở dài... “Nếu chưa tìm ra lời giải này, thì ta cứ hãy làm việc gì nghĩ là có ích cho đời!”

Hôm ấy, Ānanda và Anuruddha tìm đến nói là đã chọn lựa được hai khu đất rất đẹp, đẹp vô cùng, tùy nghi thái tử chọn lựa. Thái tử nhìn sắc mặt hí hửng của hai người, cười cười nói:

- Vậy là khu đất ấy chắc không ở xa điện trang của quý đệ chứ?

Cả hai ngạc nhiên, đồng nói một lượt:

- Sao hoàng huynh biết?

- Chỉ là suy đoán thôi mà! Quý đệ có tài ngoại giao nên đã thuyết phục chư vị thúc vương hiến tặng đất, có phải không?

- Đúng thế! Họ mở tròn mắt chăm nhìn thái tử.

- Còn nữa! Thái tử chậm rãi nói tiếp - Biết đâu, quý đệ còn vận động được hơn cả trăm ngàn đồng tiền vàng ấy chứ!

- Đúng thế! Đúng là trăm ngàn, không trật một xu! Tài thiệt! Hoàng huynh có thần thông rồi!

Thái tử mỉm cười, giải thích:

- Thật ra, cũng dễ thôi! Cả hai vị thúc vương đều có ý ủng hộ kế hoạch cải cách của chúng ta ngay từ đầu. Tám lòng của hai vị lại rộng rãi nữa, nên con số một trăm ngàn, đoán đại mà lại trúng!

Cả hai cười xòa. Thái tử trải tám giấy ép vỏ cây, trên đó vẽ phác thảo ngôi trường, chàng nói:

- Hai trăm rưỡi học viên thì chỉ cần hai dãy lâu khá dài và rộng, cỡ bằng kích thước gấp đôi hội trường của hoàng

gia. Nhưng cơ sở nội trú thì lớn hơn, phải đầy đủ tiện nghi ăn ở, sinh hoạt, các công trình vệ sinh. Phía bên phải này là dãy lầu dành cho giáo sư ăn ở. Căn nhà trệt rộng lớn này là nơi phục vụ bếp núc cùng nhà ăn cho học viên. Ngôi nhà nhỏ xinh xinh này là nơi tiếp khách, cũng là chỗ cho các giáo sư lui tới bàn bạc công việc... Công trình này khá quy mô, chúng ta còn cần gặp gỡ các thầy bà-la-môn đã từng du học ở Takkasilā để nhờ bổ túc thêm ý kiến. Bản vẽ này chỉ là phác thảo sơ bộ, còn cần kỹ sư chuyên môn thiết kế, điều chỉnh lại. Tuy vậy, theo chiết tính ban đầu, tốn kém sẽ rất lớn, ước chừng bốn triệu đồng tiền vàng kahāpana cơ đấy!

Ai nấy đều cả kinh, thất sắc. Thái tử còn tiếp:

- Chi phí trang bị nội thất, học cụ, học liệu... cũng mất khoảng một triệu. Tốn kém trồng cây, vườn cảnh cho đẹp cũng phải mất hết hơn nửa triệu. Nhưng đáng ngại nhất là chi phí lương hưởng hằng năm cho chừng hai mươi giáo sư tài giỏi. Bộ phận phục vụ bếp núc, một số nhân viên phụ tá chúng ta cũng phải thuê mướn. Vậy thì khi nào chúng ta có chừng khoảng sáu triệu đồng tiền vàng mới dám bắt đầu khởi công! Sau đó, phải chuẩn bị chừng bốn triệu đồng nữa cho chi phí điều hành, quản lý...

Con số tiền vàng ấy không phải nhỏ, không biết các ông hoàng đi du thuyết có mang lại kết quả nào không? Họ đã biết rõ không phải công việc hay đẹp nào cũng có người ủng hộ, nhất là những người lớn tuổi, có danh vọng, địa vị và nhiều tham vọng; trường hợp hai đức thân vương vừa rồi là một biệt lệ...

Đúng như nỗi lo của thái tử, ít hôm sau, Kāḷudāyi, Kimbila mặt mày ủ rũ, đến thông báo là kế hoạch vận động thất bại; cả kinh đô mà chỉ được năm ngàn đồng tiền vàng thì làm được gì! Rồi lần lượt Mahānāma, Bhaddiya với những cỗ xe ngựa lấm bụi, từ xa về, buồn bã nói, là đã khô nước bọt nhưng cũng chỉ thuyết phục được ba vị tổng trấn.

Trong lúc mọi người nhìn nhau thở vắn than dài thì lệnh bà Gotamī cho thị nữ tìm đến, báo một tin vui là đức vua Suddhodana ủng hộ một triệu đồng tiền vàng...

Niềm vui nhỏ không khóa lấp nỗi nỗi buồn lớn. Lâu lắm, thái tử chợt hỏi Mahānāma và Bhaddiya:

- Thế còn việc chiêu sinh?

- Không lạc quan lắm! Mahānāma nói - Bình quân mỗi trấn thành có chừng sáu trăm người thuộc tập cấp chiến sĩ; gia đình nào con cháu cũng đông từ tám đến mười hai người. Vậy chúng ta chỉ nhằm tính, sẽ biết rằng, trong tám mươi gia đình có được mấy người con trai có khả năng theo học đại học? Ngay kinh thành Kapilavatthu cũng chỉ có chừng mười chàng trai thuộc gia đình chiến sĩ giàu có hoặc con các vị tướng sát-đế-ly là có khả năng, vì họ đều thuê các thầy giáo bà-la-môn dạy học từ nhỏ.

Bhaddiya tiếp lời:

- Nếu tập trung hết, nhiều nhất cũng chỉ có chừng ba bốn chục học viên! Vậy thì không gọi là trường mà gọi là lớp!

- Là lớp, cũng được chứ sao! Thái tử gật đầu - Chúng ta không có quyền bỏ cuộc! Đừng nản chí, đừng đầu hàng, các bạn! Hãy nỗ lực hết sức mình, “không thành công thì cũng thành người”! Các ông hoàng đều nhất trí, xem câu nói ấy là châm ngôn hành động.

Ba Giác Mộng Của Nàng Yasodharā

Những chùm hoa vàng nghệ đã mấy lần nở, mấy lần tàn? Cây hoa hình cầu đổi màu đã bao mùa thay sắc, thay lá? Thời gian trôi đi, chảy đi... Những đám mây trên trời vẫn cứ tiếp tục lang thang vô định... Còn ta? Thái tử nghĩ, lang thang từ tư tưởng này sang tư tưởng khác. Những tư tưởng đứt khúc, gãy vụn... Tư tưởng nào cũng trùng trùng câu hỏi. Mọi dự định tươi mới, thoáng khắc sau là cũ kỹ, ít hôm sau là đối diện với cái bất toàn! Lời gió còn nói với ta rằng, những việc làm từ thiện dẫn cho với bàn tay dịu dàng và tấm lòng nhân ái cũng không làm dịu mát được lòng người, cũng không làm cho nhẹ bớt sự tham lam và ích kỷ của thế gian... Di mẫu và Yasodharā đã nhiều năm miệt mài công việc tương tế giúp đời bằng trái tim của người mẹ, rốt lại cũng vô ích mà thôi. Lòng tham của lớp người bất hạnh ấy nó lớn quá. Biếng nhác và ích kỷ nữa. Lúc nào cũng chờ đợi của bố thí. Lúc nào cũng khát thèm. Lúc nào cũng không biết đủ. Điều nguy hiểm hơn, là họ không chịu thay đổi hoàn cảnh, không chịu thay đổi nguyên nhân. Họ ngồi mà nhẫn chịu, mà im lặng như triết nhân hoặc than van số phận, định mệnh đã an bài! Bát cơm và manh áo phải từ bàn tay làm ra chứ? Ngôi nhà, các tiện nghi sinh sống... phải sửa sang, dọn dẹp, vá vúi chỗ này, chỗ kia chứ! Thế mà họ không làm!

Yasodharā nói rằng, dầu nhẫn nại vô cùng, dầu lòng bi mẫn cũng lớn lắm, nhưng đến một lúc nào đó cũng phải thui chột đi... Người ta giúp đỡ thì cũng có hạn. Ai dường như cũng mệt mỏi cả rồi! Thuở xưa, mẹ ta thuở sinh tiền, cứ đến kỳ đầu và giữa tháng là bố thí bốn ức đồng tiền vàng (bốn trăm ngàn), cuối đời cũng cạn kiệt, phụ vương bực lắm nhưng cũng phải mỉm cười. Bây giờ, tiền bạc dành dụm của ai cũng hết sạch cả mà họ vẫn không chịu khó rèn tập các công việc làm ăn... Ngôi trường, à lớp học, lớp học của ta cũng thất bại từ lâu rồi! Bao nhiêu tâm huyết bỏ ra, lớp học hình thành, mời thầy giáo giỏi khắp nơi về giảng dạy. Đầu niên khóa hai bảy người, cuối niên khóa chỉ còn mười! Vẫn dạy, vẫn học, vẫn duy trì, vẫn lương hưởng hậu hĩ cho giáo sư, nhưng qua năm hai chỉ còn bốn! Rồi cứ thế nó tan dần, tan dần như hạt tuyết dưới ánh mặt trời. Thế nhưng ta vẫn chưa chịu thua, ta quy tụ con em trong hoàng gia, quý tộc để giúp họ một căn bản tri thức vững vàng, nhưng rồi cũng lụi tàn. Người chịu khó học hỏi như thấp đuốc ban ngày để đi tìm trăng sao! Con người không chịu tiến hóa, không chịu động não để tìm cầu kiến thức, hiểu biết... Thôi, đành vậy, chứ biết sao! Ta học được hai bài học làm người. Thứ nhất, có cái gì đó như đã mọc rễ lưu niên, lưu cữu trong tâm địa của chúng sanh; cả một hàm thói hư tật xấu, không thể trong một sớm một chiều mà cải hóa được. Thứ hai, có cái gì đó như lực cản, như ngăn bít trí óc nên chúng không chịu thăng hoa, hướng đến các giá trị cao hơn; chúng luôn bằng lòng với đời sống thụ hưởng nhờ tập cấp truyền đời trao lại. Nói tóm lại, tuổi thanh niên của ta và của các ông hoàng bạn hữu đã hoang phí sức lực để đi theo một lộ trình vô vọng. Và, nếu có thành công thì thành công ấy cũng chỉ là cơ hội tốt cho giới cấp lãnh đạo tăng trưởng lòng tham, tăng trưởng sự hưởng thụ, tăng trưởng sự tranh giành địa vị và quyền lợi mà thôi!

Không có một ánh sáng nào, không có một lối thoát nào trong các giá trị tại thế... trên con đường xuôi theo dòng đời!

Buồn quá, thái tử muốn đi du ngoạn đây đó nhưng phụ vương không cho. Ngài chỉ nói nhẹ nhàng rằng:

-“Một vương tử Sākya, theo truyền thống, không được phép phiêu bạt giang hồ như một khát sĩ, như một gã chăn cừu lang thang, hoặc như một thương nhân với đoàn lạc đà lếch thếch, ì ạch từ phương này sang xứ khác”

Thái tử hỏi lại:

-“Vậy bốn phận và trách nhiệm của hoàng nhi phải là như thế nào hử phụ vương?”

-“Là luyện tập võ nghệ, coi binh pháp, tập điều hành và quản lý bộ máy vương quốc để cai trị muôn dân như trẫm vậy”

-“Võ nghệ, binh pháp hoàng nhi không biết còn ai là thầy nữa, không biết tâm học ở đâu nữa gần mười năm qua rồi. Còn điều hành và quản lý bộ máy, hoàng nhi cũng đã từng tập sự, nhưng sự cải cách, đổi mới dầu tốt đẹp thế nào cũng bị cản trở - thì hoàng nhi biết làm gì nữa?”

Đức vua Suddhodana nín lặng, không mở lời được, ngài cũng bất lực. Tất cả họ đều là con người cũ, tư duy cũ, truyền thống cũ; đã an toàn, đã định vị trên tập cấp thượng đẳng... thì đại gì đi theo cái mới, khi biết rõ cái mới ấy sẽ dần dần tước mất uy thế và lợi quyền của họ! Hóa ra họ cũng không sai! Họ không sai thì tư duy, việc làm của thái tử chưa chắc đã đúng!? Ôi! Cái đúng, cái sai trên cuộc đời này quả là lạ lùng!?

Từng buổi sáng, từng buổi sáng... Thái tử ngồi lặng ở hiên sau nhìn lên đỉnh Himalaya; tâm trí chàng thường lìa cái giới hạn chật hẹp của cung đình để phiêu diêu vào những thế giới xa xăm chưa hề thấy, chưa hề biết. Học lịch sử dân tộc, chàng biết rằng, dòng dõi huyết thống của chàng khởi nguyên từ hướng Tây bắc xa xôi, điệp trùng sông núi mà

tràn xuống đây, chiếm lấy những bình nguyên màu mỡ để làm ruộng và chăn bò. Nơi ấy là đâu? Rồi dòng giống Aryan của chúng ta còn tìm đến những phương trời nào khác nữa? Còn từ đây đến đỉnh tuyết trắng ấy là xa hay gần? Theo sách học địa lý thì từ Kapilavatthu đến đó chỉ có vài trăm yojana (do-tuần) nhưng rất khó đến. Vì sao vậy? Vì sau lưng kinh thành có xóm làng, đi mãi sẽ đến một cổ trấn; nếu đi nữa thì sẽ gặp những cánh rừng bạt ngàn lau sậy, rừng nguyên sinh thâm u; và ở đây vô vàn là hổ, báo, voi, tê giác, rắn vua, rắn chúa đủ loại... Nhiều người mạo hiểm đến đây đã bỏ mạng bởi thú dữ và sốt rét. Nếu ai may mắn đi qua hết những chướng ngại ấy thì sẽ bắt gặp một đồng cỏ bằng phẳng, cây cối thưa thớt... Cứ đi nữa thì sẽ gặp những ngọn đồi, những thung lũng xinh tươi hoa cỏ. Bây giờ, ngược mắt lên sẽ bắt gặp rặng núi Mahābhārata hùng vĩ như cắt ngang chân trời... Đứng từ đây, thái tử nghĩ, sách bảo là có thể nhìn thấy nó; nhưng chàng không thấy. Có lẽ là do khí đá và sương mù. Sau dãy núi ấy còn trùng trùng dãy núi, lên cao dần, lên cao dần... và cái đỉnh cao nhất kia chính là Himalaya mà ai cũng nhìn thấy được! Kinh sách ngàn xưa nói rằng, nơi ấy, lúc nào cũng có những vị tiên ẩn tu đắc đạo! Đắc đạo là trở về với Phạm Thế? Và con đường ấy chỉ có cách là tìm trốn giữa rừng sâu, giữa non cao tuyết lạnh? Ôi, kiến thức của ta quá hữu hạn, ta không biết gì đến đời sống cũng như cứu cánh của những ẩn sĩ ấy!

Những hôm khác, thái tử lại ngồi tư lự nhìn về hướng Đông. Chàng đã một lần sang quê ngoại. Nhưng xa tí từ Devadaha trở đi, chỉ cần vài ba ngày đường thì có thể đến bao nhiêu quốc độ ở phương mặt trời mọc? Nhưng chệnh về hướng Đông bắc thì nguy hiểm lắm, nên dừng lại, không nên đi. Vì đây là rừng rậm tiếp rừng rậm. Đây lại là quê hương của một loại thổ dân da đen, rất hung dữ, chuyên nghề săn bắn để giết thịt, và họ cũng đã từng giết bộ hành lai

vãng để nướng thui! Ngôn ngữ của họ không ai phiên dịch được, có lẽ là một bộ lạc cổ sơ còn sót lại!

Hướng Tây và Tây bắc, Thái tử cũng đã từng ngồi đăm chiêu. Từ lãnh thổ của Sākya có một con đường lớn, theo ngựa hoặc theo lạc đà đi mãi, chừng năm, sáu ngày đường là đến trấn thành đầu tiên của đế quốc Kosala tên là Setaya. Từ đó, làng mạc tiếp làng mạc, đi mãi, xa khá nhiều ngày đường nữa sẽ đến kinh đô Sāvatti, có vị đại vương oai hùng mà ai cũng phải cúi đầu kể cả đức vua Suddhodana. Đây là xứ sở của quân hùng tướng mạnh. Khắp các nẻo đường từ thành thị đến thôn quê, quân đội nhà vua thay phiên nhau canh phòng cẩn mật tại các điểm gác. Đồng thời, còn có những chiến sĩ trên lưng những chiến mã oai hùng, giáp bào, vũ khí cùng mình, tuần hành ngày đêm trên các con lộ huyết mạch. Họ cẩn trọng giữ gìn an ninh cho các đoàn xe thương mại lữ hành, kiosk hàng hóa vào kinh thành cũng như rải ra các thị trấn. Bọn đạo tặc vũ trang thường không dám đụng độ với đội quân chuyên nghiệp thiện chiến này. Cũng từ đây, đoàn xe thương buôn khởi hành đi xa, ít khi họ dừng lại Kapilavattu, mà đi mãi, đi mãi nhiều chục ngày đường để đến Kusinārā, đến Vesālī. Hàng hóa được trao đổi ở nơi này. Nhưng có đoàn lại theo phà vượt qua sông Gaṅgā, đến Pāṭaligāma... rồi tiếp tục hành trình thiên lý đến kinh đô Rājagaha - để trao đổi hàng hóa với một đế quốc giàu mạnh khác, là Māgadha. Tại Pāṭaligāma, học địa lý ta còn biết được rằng, mọi người có thể theo thuyền, dong buồm lên hướng thượng lưu sông Gaṅgā, chỉ vài ba ngày là đến hai thành phố lớn là Bārāṇasī và Payāga trù phú, thanh mậu và sâm uất...

-“Ôi, là những đất nước mênh mông, chỉ với trí tưởng thôi, ta đã không thể đi cho hết. Ngay bốn bức tường thành nơi này mà ta cũng chưa được phép bước ra, dạo chơi để

thấy, để nghe và để tư duy, để chiêm nghiệm về bí mật của cuộc sống!”

Đôi khi, Yasodharā muốn cùng chia sẻ trầm tư với thái tử, lặng lẽ như cánh bướm, đến gần bên, hỏi:

- Bên kia những phương trời có cái gì, thái tử học hỏi nhiều, kiến văn cũng lắm, có thể cho thiếp hiểu một phần nhỏ, được chăng?

Thái tử lắc đầu, mỉm cười:

- Thật ra, có thấy tận mắt mới biết được. Lịch sử châu Diêm-phù-đề đầy những huyền thoại và truyền thuyết không vội tin mà cũng không vội phủ nhận. Lịch sử dòng tộc ta có một khoảng trống về tổ tiên phát nguyên từ vùng Tây bắc. Họ là những ai? Họ ở đâu? Các quốc độ ở phía sa mạc, ở phía chân trời mù mịt với những đoàn lạc đà lâm lũi công hàng... để đi về những đâu nữa? Rồi trước đó nữa, bao nhiêu nền văn minh mà nay đã hủy diệt? Con người tồn tại để làm gì? Hay là xây dựng để rồi hủy nát, vô căn nguyên, vô mục đích? Cứu cánh của cuộc đời là gì? Tại sao ai cũng lo lắng, bất an và sợ hãi? Có nụ cười và có nước mắt thật, nhưng thế gian có hạnh phúc không? Hạnh phúc ấy nằm ở đâu? Gopā! Ở nơi ta lúc nào cũng trùng trùng câu hỏi như vậy đó. Tâm trí ta cứ lang thang mãi, không được yên, hãy thông cảm cho ta nhé! Tâm trí ta cứ bay lượn tận đâu đâu ngoài bốn hướng mây trời chưa được thấy, chưa được biết, hãy hiểu cho lòng ta nhé, Gopā!

Hôm kia, như đã quyết định, thái tử tìm gặp đức vua, lại xin:

- Hoàng nhi buồn quá, phụ vương! Hãy cho hoàng nhi đi chơi đâu đó một thời gian cho khuây khỏa!

Đức Suddhodana trầm ngâm giây lát:

- Con năm nay đã bao nhiêu xuân thu rồi, Siddhattha?

- Dạ, đã hai mươi lăm tuổi, thưa vương phụ!

- Ta già rồi, Siddhattha, ta muốn có đứa cháu trai mà trông đã mỗi mòn con mắt. Vợ chồng con đang còn tuổi thanh xuân, con không thể để cho Yasodharā ở cùng một mình mà đi đây đi đó được. Và lại, dòng tộc Sākya của chúng ta chưa có kẻ ngao du lang thang!

Thái tử cúi đầu, nghĩ thầm: “Phụ hoàng mong ta có đứa con trai, điều ấy cũng có cái lý của người! Nhưng kiếp sống của chính ta cũng bế tắc, tăm tối; không biết mục đích của đời người là gì? Hạnh phúc ở đâu? Ta sao đành tạo thêm một sinh linh trôi nổi giữa biển khổ này nữa! Và, Yasodharā cũng chưa muốn có con! Như vậy, nếu chưa có con thì ta không thể đi đâu được cả.”

Tối về, thái tử đem chuyện ấy tâm sự với Yasodharā, nàng nói xa xôi:

- Thời gian gần đây, thiếp đều nằm mộng thấy những điềm triệu bất tường...

- Hãy kể đi, Gopā! Xem thử ta có thể chia sẻ với nàng được chăng?

- Vâng! Thiếp nằm mộng thấy một con voi trắng với hai chiếc ngà vàng chói lọi, trên lưng là một chiếc ngai được trang trí châu báu sáng ngời... Chiếc ngai trống không! Con voi lừng lững, khoan thai bước ra khỏi cổng thành hướng Đông nam, nó đi không ngoảnh lại. Trong lúc ấy, giữa hư không hiện ra những vị thiên thần, phục sức giống thiên binh, thiên tướng, cất tiếng hót hãi: “Hãy giữ con voi thần ấy lại! Nó là linh hồn của quốc độ. Nó mà bỏ đi thì kinh thành Kapilavatthu sẽ trống không!” Trong lúc ấy, thiếp chơi vơi, chạy theo, vấp té rồi tỉnh dậy, trán đổ mồ hôi, tim đập như trống chầu... Thái tử ơi! Thiếp sợ quá! Con voi kiêu hùng ấy là chàng chăng?

Thái tử an ủi:

- Ô, hoàn toàn là do nàng tưởng tượng! Ta có đi đâu, ta vẫn ở bên nàng hằng đêm, hằng ngày đây mà!

Yasodharā kể tiếp:

- Giác mộng thứ hai. Thiếp thấy bốn vị trời, thân thể to lớn, đứng chập cả hư không, oai hùng hết mực; họ thò tay nhắc bốn cổng thành quăng ra biển xa. Lát sau mây trắng vùn vùn, hiện ra một con đường lên cao, lên cao mãi giữa trời xanh. Con đường càng lên cao thì ngọc ngà, châu báu, ngai vàng, vương miện, mỹ nữ... rơi xuống... Trên đỉnh của con đường, có một chiếc bóng, trông rất giống thái tử... cứ lướt cao, lướt cao mãi... mờ dần, mờ dần rồi tan nhòa giữa trăng sao... Thái tử ơi, khi trông lại, mỹ nữ ấy chính là thiếp, một mình, cô đơn, hiu quạnh... Thái tử đừng bỏ thiếp bơ vơ giữa cuộc đời mà ra đi nhé!

- Chiếc bóng mờ dần giữa trăng sao, đẹp đấy chứ, Gopā!

Yasodharā giận dỗi:

- Đẹp! Đẹp! Thiếp quạnh quẽ ngồi khóc một mình mà đẹp à?

- Vì nàng mộng寐 đó thôi! Nào, còn giấc mộng nào nữa không? Cứ kể đi rồi ta sẽ đoán cho!

- Lần thứ ba! Yasodharā sụt sùi kể tiếp - Lần này thì đẹp thật, có hai con chim hạc màu hoàng kim, tha một bông sen trắng từ trên mây xanh bay xuống; chúng bay, bay chập chờn giữa trăm hoa, trăm sắc, giữa hàng chục tiếng đàn, tiếng sáo âm thanh trầm bổng, du dương... Hai con chim hạc càng bay xuống gần thiếp chừng nào thì chúng càng lớn lên chừng ấy. Bông sen cũng vậy, nó cứ to lớn, lừng lững... nó phủ trùm thiếp rồi tan mất, chỉ còn lại hương thơm ngào ngạt... Trong cơn mơ, thiếp nhìn lại chỗ chàng nằm, không thấy chàng đâu, ở đấy chỉ có một vầng trăng!

Thái tử chợt cau mày:

- Những giấc mộng của nàng đều kỳ lạ lắm, Gopā! Bông sen trắng tan mất, chỉ còn một vầng trăng! Đẹp lắm nhưng cũng kỳ lạ lắm. Ta không nói là điềm triệu ấy vui hay buồn, mà nó thật là kỳ lạ! Trong một lúc, ta chưa đoán nổi đâu....

Có điều, ta thấy rất rõ, biết rất rõ, nó liên hệ thiết cốt đến rất nhiều kiếp sống trước đây của chúng ta. Gopā biết không, từ tám tuổi, ta đã đọc những câu kệ của nhiều chân sư trên thế giới, ta biết cả cách tính toán những phân tử của quả địa cầu, ta rất rành về ngôn ngữ của rất nhiều bộ tộc hiện đã mất tích trên thế giới... Các thầy phụ đạo của ta dầu thông kim, bác cổ nhưng họ cũng đành chịu vì cái biết của ta thuộc về thế giới khác, những thế giới đã khuất chìm vào quá khứ xa xăm. Vậy, cái biết ấy từ đâu ra? Lại nữa, giữa hằng trăm mỹ nữ đẹp đến chim sa cá lặn mà ta vẫn thờ ơ; nhưng khi gặp nàng, trái tim ta lại rung động? Đấy không là điều kỳ diệu sao? Đấy không là điều làm ta ngạc nhiên sao? Ta và nàng, có lẽ đã có nhân duyên từ nhiều đời kiếp trước, chúng ta đến với nhau, xây dựng gia đình, vui vầy tổ ấm có lẽ là cùng chí hướng, cùng tâm nguyện để thực hiện một cái gì đó rất cao cả - mà ta chưa nhớ đấy thôi, Gopā!

- Điều đó thì đúng! Yasodharā gật đầu - Vì thiếp cũng có cảm nhận tương tự. Thiếp không phải gặp chàng lần đầu trong cuộc thi sắc đẹp, mà trước đó nữa, năm thiếp mười hai tuổi, lần đầu theo mẫu hậu sang thăm Kapilavatthu! Hôm đó, thiếp thấy chàng đang từ hoàng cung đi ra! Thoáng thấy gương mặt của chàng, dáng dấp của chàng... thì trái tim thiếp nó nhảy loạn trong lồng ngực... Quả thật là đáng xấu hổ! Một cô bé mười hai tuổi mà đỏ mặt bởi một chàng trai đồng lứa, không biết dấu mặt đâu cho đỡ thẹn!

Thái tử cười vui:

- Thú vị lắm, rồi sau đó ra sao?

- Còn ra sao nữa! Thấy thiếp như vậy, mẫu hậu quay lại, ân cần hỏi: Sao vậy, Gopā! Con cảm nắng à? Sao mặt con lại đỏ au như thế? Có sao không con?

- Chuyện kỳ diệu đấy, Gopā! Vậy thì ta quả quyết rằng, ta với nàng kết duyên phu thê trải qua rất nhiều kiếp sống rồi. Gặp nàng, ta cảm giác một mối thân quen lạ lùng. Lại

nữa, sống với nàng, những cử chỉ, thái độ ta vừa khởi ý là nàng đã hiểu rồi, đã biết rồi. Đây chính là dòng tâm quen thuộc từ quá khứ, chứ không thể là kiếp này, Gopā! Có một cái gì đó vô danh, ẩn mật đã khuất chìm... ta phải có bản phận phải tìm cho ra, Gopā!

Yasodharā có vẻ lo lắng:

- Đó có thể là cái gì, thái tử!

- Ta chưa rõ lắm, nhưng mà này, Gopā! Chắc nàng cũng rõ, các thú vui ngũ dục, ta không mê luyện; đời sống đế vương ta cũng cảm thấy tầm thường; danh vọng và quyền lực ta cũng không tham muốn. Tất cả cái vị ngọt ấy, thế gian khát khao, mơ ước mà sinh ra tranh giành, thủ đoạn, chiến tranh... Còn ta thì lại muốn đi tìm cái gì khác, mà cái khác đó hiện nó chưa hề có mặt trên cuộc đời này...! Trong ta đang có ý tưởng mơ hồ như vậy đó!

Yasodharā tròn mắt:

- Chưa hề có mặt trên cuộc đời?

- Đúng vậy, Gopā! Vì trên cuộc đời, cái gì ta cũng cảm giác bất toàn, đồ vỡ, bất toại nguyện!

Cả hai chìm vào yên lặng. Cuộc đối thoại không biết bao nhiêu lần tương tự như thế đã đi vào chỗ bế tắc.

Yasodharā thầm nghĩ: “Chính những ý nghĩ như thế, một lúc nào đó, thái tử sẽ đi tìm một thế giới khác chăng? Rồi chàng sẽ rời xa ta chăng? Ba giấc mộng, ta đã lo sợ, đã cảm giác là những điềm bất tường! Biết đâu có một đứa con, nó sẽ ràng buộc được chàng ở lại với ta mãi?”

Ý Nghĩa Và Giá Trị Cuộc Sống

Thấy thái tử lúc nào cũng chìm ngập vào những suy tư không lối thoát, Yasodharā cùng với lệnh bà Gotamī đến xin phép đức vua hãy để cho thái tử dạo chơi ngoài thành cho khuây khỏa.

Đức Suddhodana nhíu mày:

- Ta chỉ sợ thái tử sinh ra động tâm...

Bà Gotamī mỉm cười:

- Nhiều năm nay tuy ngồi một chỗ mà dường như không chuyện gì ngoài thế gian mà thái tử không hiểu, không biết! Sự lo ngại của đại vương không có cơ sở nữa rồi!

Yasodharā còn thuyết minh thêm:

- Nhìn mái tóc của phụ vương, mỗi năm lấm tẩm thêm nhiều sợi bạc; nhìn đuôi mắt của phụ vương, mỗi năm lại xuất hiện thêm vài nếp nhăn; rồi từng bước đi của phụ vương không còn nhanh nhẹn như hồi thanh xuân nữa, chẳng lẽ nào thái tử lại không hiểu là rồi mình cũng sẽ nhuốm màu thời gian như thế? Chẳng lẽ nào thái tử ngây thơ đến độ không thấy sứ giả già ở khắp mọi nơi?

- Con nói có lý! Đức vua gật đầu, mỉm cười rộng lượng.

- Còn bệnh? Ai mà không bệnh? Ngay chính con trong mười mấy năm nay đã từng có vài lần bị bệnh thống phong

hành hạ; vài lần như vậy, con bị những cơn đau đớn không chịu đựng nổi, phải quần quai, phải rên la trước mặt thái tử. Vậy thừa vương phụ, sứ giả bệnh cũng không còn là cái gì làm cho thái tử động tâm nữa rồi, vì thái tử cũng đã biết rồi!

Đức vua lại một lần nữa mỉm cười rồi chậm rãi nói:

- Hay lắm, con thuyết phục hay lắm đấy! Còn sứ giả chết thì sao? Có lẽ con sẽ nói với ta rằng, thái tử là người am tường các tư tưởng triết học Vệ-đà và tiền Vệ-đà, chắc thái tử không ngại thơ đến nổi, tưởng mình sẽ sống hoài không chết? Nếu sống hoài không chết sao lại có thần Sáng Tạo Brāhmā, thần Bảo Tồn Viṣṇu và thần Hủy Diệt Śiva? Còn nữa, khi nghiên cứu một chính sách toàn diện để cải cách đất nước, lẽ nào thái tử không nắm tình hình dân số, lẽ nào không biết đến số sinh và số tử mỗi năm? Vậy, tất cả chúng ta rồi ai cũng phải chết, đó là điều bình thường; lẽ nào một bậc trí tuệ như thái tử lại không hiểu một điều bình thường giản dị như thế?

Lệnh bà Gotamī và công nương Yasodharā mới nghe tưởng mình đã thuyết phục được đức vua, nào ngờ, ngài thờ dài nói tiếp:

- Có cái gì đó dường như vô hình, bí mật mà nó không chịu lộ diện. Biết bao nhiêu năm qua ta đã từng tư duy, trăn trở về sự có mặt của bốn vị sứ giả này. Ta đã ngăn chặn đủ mọi cách. Cái già, sẽ có đấy, cái già nào đó, với hình thái thế nào đó mà ai nhìn thấy cũng phải bàng hoàng, lo lắng, ấy mới thật là sứ giả! Cái bệnh, sẽ có đấy, cái bệnh thế nào đó, với hình thù gớm ghiếc thế nào đó mà ai nhìn thấy cũng phải rùng mình, sợ hãi - ấy mới thật là sứ giả! Cái chết cũng tương tự vậy, phải là cái chết kinh khiếp, vật vã, quần quai, thống khổ cùng cực... mới xứng đáng gọi tên là sứ giả! Còn về sứ giả sa-môn phạm hạnh thanh tịnh, biết đâu một lúc nào đó sẽ xuất hiện trước mắt thái tử? Ai bảo đảm điều ấy là

không? Cho nên, hai người là người ta yêu mến; dầu trái tim ta gặt đầu, nhưng khối óc ta vẫn từ chối như thường. Thái tử chưa được phép ta thì chưa thể dạo chơi đâu hết, kể cả bên ngoài các cổng thành.

Cuộc thuyết phục thất bại, thái tử biết được, nói với Yasodharā rằng:

- Phụ hoàng chỉ muốn chúng ta có con để nối dõi dòng tộc, ấy là việc thứ nhất. Muốn ta đăng quang lên ngôi vua để cai trị quốc độ, chăm lo cho bá tánh, ấy là việc thứ hai. Bao giờ ta làm được hai yêu cầu đó, phụ hoàng mới an tâm, còn bây giờ, nói gì cũng vô ích. Người kiên định lắm!

- Vậy ý thái tử thế nào?

- Bây giờ chưa phải lúc. Hiện tại ta muốn gặp gỡ các ông hoàng để nghe ý kiến của họ.

Yasodharā ngạc nhiên:

-Việc gì thế, thái tử?

-Về cuộc đời thôi mà, Gopā!

Bây giờ họ đang ở cung điện mùa xuân, trời đang còn se lạnh. Thái tử đã có chủ ý, định lưu giữ các ông hoàng ở lại vui chơi nhiều ngày nên đã bàn với Yasodharā và lệnh bà Gotamī là phải tổ chức tiệc tùng chu đáo để cho họ được thanh thản vui chơi... Để tạo niềm vui mới, Yasodharā chịu khó cho người lặn lội đến tận nước Māgadha để mời cho bằng được một gánh hát nổi danh gồm những nhạc công, ca nhi, vũ nữ đang là ngôi sao tại kinh đô Rājagaha hoa lệ ấy.

Đến ngày, các ông hoàng tề tựu đủ cả, không sót một ai. Devadatta, Anudāma, Viruḥhāka từ Koliya nghe tin cũng xe ngựa tìm sang... Lâu quá, họ mới được gặp gỡ nhau đông đủ như thế này, kể từ độ thiếu niên với ước mơ cháy bỏng cải cách đất nước. Cũng vì đang băn khoăn trước ý nghĩa của cuộc sống nên chưa ai lập gia đình. Họ đã thất bại trước kế hoạch này sang kế hoạch khác. Một số bị cha mẹ ràng buộc, chỉ cho vui chơi trong điền trang của mình hoặc làm một

tiêu chủ để kiểm tra, đôn đốc các công việc. Một số phụ tá với cha tập sự vai trò, chức năng của một quan đại thần hay quan tổng trấn...

Devadatta hằng say trình bày sự thất bại trước công cuộc cải cách do đụng phải một lực cản vô hình tương tự Sākya vậy. Ai cũng hiểu lực cản vô hình ấy là những tham vọng, địa vị, danh lợi và quyền lực. Devadatta có tham dự một số phiên tòa như trại chủ đánh chết nông nô; các ông chủ ngân hàng xiết nợ, bắt luôn cả vợ con người ta mà đánh đập, hăm hiếp rồi cho sống đời nô lệ... Đây là những tội lỗi đặc trưng của bất công xã hội cần phải trừng trị nghiêm khắc. Tuy nhiên, cán cân của công lý không phải lúc nào cũng trung chính, nghiêm minh vì đằng sau bao giờ cũng có nhiều bóng tối khuất lấp, che phủ! Tất cả các ông hoàng dường như ai cũng đã nếm trải ít nhiều kinh nghiệm đắng cay về điều ấy!

Các cuộc tiệc tùng, ca nhạc vũ... dù mới mẻ, hấp dẫn... nhưng ai cũng giữ niềm vui chừng mực, vì thật ra, các ông hoàng đâu có thiếu thốn món dục lạc nào. Giờ đây, tâm trí của họ đang hướng đến cái gì khác, cái gì khác đó làm cho mục đích cuộc sống này có ý nghĩa hơn, có giá trị hơn!

Thái tử Siddhattha rất vui mừng khi thấy các bạn đã chững chạc, đã trưởng thành trong nhận thức, bèn thân thiết nói:

- Đây cũng là trần trở của ta đây, các bạn! Muốn tìm cho ra ý nghĩa cuộc sống, giá trị cuộc sống - thì đó có thể là chủ đề để cho chúng ta cùng thảo luận hôm nay, được chăng?

Mọi người vỗ tay tán đồng. Devadatta chột đưa mắt nhìn mọi người rồi dừng lại nơi thái tử, chậm rãi nói:

- Khi thấy mình bất lực trong việc cải cách đất nước, bất lực khi tham dự việc xử án ở pháp đình... hoàng huynh có biết đệ đã làm việc gì sau đó không?

Thái tử mỉm cười lắc đầu, Devadatta nói tiếp:

- Đệ đã cùng với thân hữu tìm niềm vui trong việc xây dựng các trại tế bần, các trạm xá công cộng, làm đường sá, cầu cống, trồng cây xanh và khuyến khích mọi người chôn lấp xác súc vật, rác rưởi ô ứ, nạo vét các mương cống tù đọng... Khi làm các công việc ấy, chúng đệ bị hoàng gia, quý tộc la rầy, trách mắng thậm tệ; họ bảo đấy là công việc của bọn thủ-đà-la và chiên-đà-la. Nhưng chúng đệ bất cần. Thấy nhân dân vui vẻ, sung sướng, chúng đệ cảm thấy việc làm của mình dù sao cũng có chút ý nghĩa, cũng có chút giá trị!

- Hay lắm! Lệnh bà Gotamī và Yasodharā khi làm các công việc tương tế, chôn bần, lúc trở về cũng có chung một ý nghĩa như vương đệ vậy.

Ānanda chợt nói:

- Vậy ý nghĩa và giá trị cuộc sống là hãy làm cho mọi người được vui vẻ, được sung sướng?

- Chưa chắc đâu, hoàng đệ! Devadatta nói - những việc làm ấy giống như đi vá lại những tấm áo đã rách nát; rồi người ta lại sử dụng một cách cầu thả, một vài ngày sau đã rách nát, hư mục... mà thôi!

- Đúng thế! Anudāma nói tiếp - Bên Koliya, thật ít người hưởng ứng việc làm có ý nghĩa ấy, họ dè bủ, ỉ ôi; người trí thức thì họ nói một câu đáng cho ta suy gẫm hơn: Lại muốn dùng bàn tay không mà múc cạn nước sông Gaṅgā!

Virulhāka thở dài:

- Nói tóm lại, những việc làm ấy rất là tốt, các bạn, nhưng nó là cái tạm thời, rất tạm thời...

Mahānāma cất giọng đồng dục:

- Cả hai nước chúng ta đều trị trệ, bảo thủ, tình trạng dân trí lại thấp; đa phần mọi người sống đời cầu an, tiêu cực; việc làm đâu tốt, đúng, có ý nghĩa, có giá trị, nhưng nếu không có một cuộc chuyển hóa từ trong lòng của mọi người

- một cuộc chuyển hóa lương thiện và tích cực - thì tất cả sẽ trở nên vô nghĩa, vô ích. Là đã tràng xe cát biển Đông mà thôi!

Kāḷudāyi bồng thờ dài rồi nói:

- Chúng ta lại trở lại với vấn đề giáo dục, vấn đề con người... đã thất bại hơn mười năm rồi, các bạn!

Bhaddiya xin được phát biểu:

- Tất cả những ý kiến của các bạn đều rất quý báu, nhưng chưa đi sát sao với chủ đề nên sinh ra tản mạn, càng lúc càng đi xa, sẽ rơi vào mộng lung. Trọng tâm thảo luận của chúng ta hôm nay xoay quanh cụm từ: Ý nghĩa cuộc sống, giá trị cuộc sống! Thế nhưng, chúng ta chưa định danh thế nào là ý nghĩa? Thế nào là giá trị? Thế nào là cuộc sống? Mượn ngôn ngữ pháp đình, muốn xử tội, xử án, trước tiên phải nêu ra tội danh, tội chứng trước đã. Nếu chúng ta chưa đồng quan điểm, ý nghĩa là ý nghĩa gì? Giá trị là giá trị gì, vật chất hay tinh thần? Cuộc sống là gì, cuộc sống của ai, của tôi, của anh, của giai cấp nào hay của tất cả mọi người? Phải đã thông, phải định danh tiền đề trước đã, các bạn!

Đúng là khẩu khí của một vị chánh án pháp đình tương lai nên phát biểu của Bhaddiya rất có trọng lượng, đã điếm đúng huyết đạo của vấn đề. Và tầm vóc của vấn đề chợt trở nên rõ ràng nhưng cũng lớn lao hơn nhiều. Mọi người yên lặng khá lâu.

Devadatta chậm rãi nói:

- Đúng! Hoàn toàn đúng! Và nếu vậy, chúng ta đụng đến lãnh vực triết học rồi!

- Cả tôn giáo nữa! Kimbila xen lời - Rồi nào là ý nghĩa, giá trị của cuộc sống phù du này hay là ý nghĩa, giá trị linh thiêng, vĩnh cửu?

Thái tử thờ dài, cất giọng buồn buồn:

- Đã hết đâu, Kimbila! Vấn đề của chúng ta bây giờ đã trở nên mênh mông như biển cả! Đã từ khởi thủy, khi có con người trên trái đất, người ta đã đi tìm rồi. Các bộ tộc thời còn săn bắt hái lượm, qua các thời đại lấy đá, lửa, sắt; họ đã tìm cách phục vụ cho nhu cầu đời sống. Và bây giờ, các bộ lạc có tộc trưởng, các nước cộng hòa có luật pháp, có hội đồng nguyên lão... tất thấy đều hướng đến phục vụ nhân sinh, đều đáp ứng ý nghĩa và giá trị cuộc sống. Song song với mục đích tại thế ấy, đã nhiều ngàn năm nay, tôn giáo, triết học đều đã đi tìm ý nghĩa, giá trị thiêng liêng hơn; họ đã để lại biết bao kinh văn cổ thư đã ám khói, mà ngôn ngữ ấy bây giờ không còn ai đọc được. Tuy nhiên, từ thời tiền Vệ-đà đến Vệ-đà, hiện giờ người ta vẫn còn đi tìm đấy thôi! Họ đi tìm qua các cuộc tế lễ, cầu nguyện, bùa chú, nước thánh, trầm tư, khát sĩ lang thang, tu khổ hạnh ép xác... Như vậy, vấn đề của chúng ta đặt ra cũng không mới mẻ gì!

Cuộc thảo luận chợt rơi vào hố thẳm.

Devadatta lâu lắm mới thốt lên:

- Rồi mỗi người mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Rồi mỗi gia đình mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Rồi mỗi tập cấp mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị. Rồi mỗi bộ tộc mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Rồi mỗi tôn giáo mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Có ai đồng ý với ai? Rồi chuyện gì sẽ xảy ra, hoàng huynh?

- Chuyện đã xảy ra rồi, vương đệ! Đó là giạt giành, tranh chấp, xung đột, chiến tranh; ở tất cả mọi nơi, ở bên trong lòng người, ở trên tất cả mọi sinh hoạt xã hội, ở trong lịch sử ngàn năm trước đến ngàn năm sau... cho đến vô tận!

Nhìn sự im lặng của mọi người, thái tử kết luận:

- Toàn bộ ý kiến, ý tưởng của các bạn, nó như ngọn gió lạnh đã đi qua, đã thổi buốt qua tâm não ta bao năm, bao tháng, bao ngày... mà ta không thể giải đáp. Ta như đang đối diện với bóng đêm trùng trùng. Có lẽ lời giải đáp tối hậu, rất

ráo, tận căn của vấn đề... nó chưa thật sự có mặt trên cuộc đời này. Vậy chúng ta có nên đi tìm không, các bạn?

Ai cũng đáp là “nên lắm”, nhưng nhìn trên sắc mặt của mọi người, dường như lại nổi bật lên câu hỏi khác: “Đi tìm ở đâu bây giờ, nếu nó không có mặt trên cuộc đời?” Bế tắc!

Bốn Vị Sứ Giả

Theo truyền thống tôn nghiêm của các gia đình bà-la-môn cổ xưa, người con trai ưu tú của tập cấp này lúc nhỏ phải chăm lo học hành, rành thông Vệ-đà, ngữ ngôn, văn phạm, võ nghệ, binh pháp, căn bản các học nghệ... Giai đoạn hai là phải lập gia đình; nếu chưa có gia đình, chưa có con trai nối dõi thì vẫn chưa được gọi là trưởng thành; từ đây phải chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục con cái; đồng thời phục vụ xã hội theo khả năng và trí tài của mình. Giai đoạn ba của đời người, lúc đã già là rút lui, về vườn để tu tâm dưỡng tánh. Có thể có thêm giai đoạn bốn đối với một số người, là vào rừng sống đời đạo sĩ xuất thế. Thái tử thuộc giai cấp sát-đế-ly nhưng toàn bộ nếp sống, nếp nghĩ đều sử dụng văn hóa bà-la-môn từ nhiều đời. Bốn giai đoạn ấy, như là sản phẩm văn hóa tốt đẹp, cần thiết phải duy trì để đem đến các giá trị đạo đức tại thế, tạo nền tảng tâm linh cho thế gian nung tựa. Nhưng đối với thái tử, sự tu tập mà để dành cho tuổi già là không thích hợp. Sự tu tập, muốn thành tựu, đòi hỏi khả năng, ý chí và sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần của tuổi thanh xuân. Chàng nghi ngờ bốn giai đoạn của người con trai bà-la-môn hiện nay chỉ còn là công thức, nhãn hiệu không còn sức sống.

Bắt đầu từ hôm thảo luận với các huynh đệ về ý nghĩa và giá trị cuộc sống, thái tử tự nguyện với lòng mình là phải tìm

cho ra lời giải. Thế rồi, thời gian sau, chàng cùng Channa giả trang làm người khách thương tìm đến những công viên có bóng mát rải rác trong kinh thành tìm gặp những sa-môn, đạo sĩ, du sĩ lang thang... Thái tử muốn học hỏi ở nơi họ những tri kiến mà chàng chưa được biết. Tuy nhiên, chàng hoàn toàn thất vọng. Ngay cả triết lý Vệ-đà mà họ cũng mù mờ. Có kẻ khá hơn một tí thì nói “muốn thể nhập với Thượng Đế chí tôn thì có ba con đường: một là cúng tế, cầu nguyện; hai là khổ hạnh diệt dục; ba là trầm tư và thiền định”. Nói như thế cũng bằng không, vì các điểm đó, chàng còn biết nhiều hơn họ nữa. Phải là cái gì khác kia. Đa phần, thái tử chỉ gặp những khát sĩ lang thang dơ dáy, dường như kiếm ăn là chính mà hình thức bên ngoài có vẻ rất khổ hạnh. Chưa có ai toát ra sự sắc sảo của một tri thức đáng kính.

Hôm nào nghe Channa báo tin có một đoàn đạo sĩ lạ mặt xuất hiện là thái tử lại giả trang tìm đến. Lúc thì các vị du sĩ từ nước Kosala, khi thì đoàn khát sĩ từ Kosambī; từ Vesāli, từ Rājagaha hoặc từ Bārāṇasī (Ba-la-nại) và ấn tượng nhất là nhóm đạo sĩ đến từ Himalaya, có tướng mạo rất uy nghi, đường bệ; cử chỉ, thái độ, nói năng rất điềm đạm, trầm tĩnh. Họ đều có vẻ sở đắc thiền định. Thái tử đã đặt những câu hỏi mà chàng đã thắc mắc bấy lâu:

- Xin đạo sĩ cho biết mục đích của đời sống xuất gia thoát tục?

- Là trở về với Brāhman, đạo hữu!

- Nghĩa là bằng cách thiền định để thể nhập với ngài, phải vậy không thưa đạo sĩ?

- Đúng vậy!

- Thưa, đây là cái biết của kiến thức! Học nhân chỉ muốn ngài chỉ bày cho là khi thể nhập như vậy thì cái hữu thức của Atman này nó tồn tại hay không tồn tại?

- Tồn tại và không tồn tại đều không thể là lập ngôn chính xác để nói về Đấng Ấy, đạo hữu!

- Vậy Đấng Ấy là gì? Là ai?

- Là Chân Phúc, đạo hữu!

- Lúc hữu thức của Atman đã thể nhập vào Brāhman, nghĩa là không còn cảm thọ, tri giác, ý thức - thì lấy cái gì để cảm nhận Chân Phúc, thưa đạo sĩ?

Thấy vị đạo sĩ già nua, quắc thước có vẻ lúng túng trước câu hỏi ấy, chàng bèn mở một hướng khác:

- Ý học nhân muốn nói là: Cái ấy, cái Chân Phúc ấy có phải là ý nghĩa và giá trị vĩnh cửu của cuộc sống không, thưa đạo sĩ?

- Đúng vậy, nó Bất Tử, đạo hữu!

Thái tử trân trọng đánh lễ vị đạo sĩ già. Sau đó, như thường lệ, Channa mang đến vải vóc, dầu, muối, các loại thực phẩm, cơm bánh, rau trái, thuốc trị bệnh... để thái tử tự tay dâng cúng đến tất cả các bậc xuất gia có mặt hôm ấy. Ra về, thái tử cứ mang mãi niềm vui trong lòng. Tuy chưa được thỏa mãn, nhưng thái tử đã xác định được một điều: Các đạo sĩ tại Tuyết Sơn, quả thật là họ đã có tu, có chứng được cái gì đó; họ toát ra sự trầm tĩnh, ổn định đáng trọng!

Hôm ấy, thái tử khoe với Yasodharā:

- Không phải là hoàn toàn bết tắc đâu, Gopā! Có những đạo sĩ từ Himalaya xuống, họ đã tìm thấy một vài ý nghĩa và giá trị nào đó trong đời sống khổ hạnh ở sơn lâm!

Yasodharā chẳng lẽ không chia vui, nhưng nàng nói một câu hàm tàng nhiều ý nghĩa:

- Thái tử vui thì thiếp cũng vui, nhưng ý nghĩa và giá trị cuộc sống nó ở xa quá, ở đâu tận Tuyết Sơn nhỉ, chàng nhỉ?

- Thôi mà, Gopā!

Lúc này, thái tử vẫn thường xuyên vào triều, kề cạnh phụ vương, tham mưu nhiều việc mà không để lộ một dấu hiệu nào về chuyện gặp gỡ các đạo sĩ. Nhờ để tâm theo dõi,

biết lắng nghe, biết cách nói, thái tử đã thuyết phục hội đồng trưởng lão, ít nhất cũng được ba việc làm chàng hài lòng:

- Các ông chủ nghiệp đoàn, tiêu chủ các nhóm thợ trên từng dãy phố đã chịu nâng mức lương cho các nghề thủ công, buôn bán nhỏ... như thợ mộc, ráp cửa, đóng xe, khắc gỗ, làm dụng cụ, đúc kim khí, nề, vải vóc, dệt, nhuộm, may, gôm, thuộc da, vẽ, bán hoa, làm vòng hoa, bán gia súc, đồ tế, đánh cá, bán cá, đầu bếp, cắt tóc, tắm rửa, giặt giũ, người đi ở làm nô tì hay gia nhân... Tùy theo giá trị của công việc, nghề nặng nhẹ khác nhau mà lương họ được tăng từ hai đến năm māsaka mỗi ngày.

- Các ông chủ ngân hàng lớn và nhỏ đã chịu giảm lãi suất, từ mười lăm, mười tám phần trăm xuống còn mười hai, mười lăm phần trăm để khuyến khích mọi giới kinh doanh buôn bán làm ăn. Buôn đường dài giảm xuống còn tám mươi, buôn đường biển giảm xuống còn một trăm tám mươi. Đây là một thành công lớn. Chàng còn đề nghị một nghiệp đoàn lớn mở một cách làm ăn mới: nghề bảo hiểm rủi ro!

- Đã mời được một số bà-la-môn chuyên gia nông lâm nghiệp từ Kosala sang, đã tốt nghiệp đại học Takkasilā, mở lớp huấn luyện cán bộ chuyên môn. Song song với lãnh vực đào tạo, các trấn, thành phải có chính sách khuyến nông cụ thể như giảm tô, thuế, cung cấp phân, giống và dụng cụ sản xuất. Các giống cây trồng và khai thác lâm, khoáng sản cũng đang được nghiên cứu...

Thái tử còn nhận thêm hai tin vui nữa:

- Bhagu phụ tá công việc cho lệnh bà Gotamī và Yasodharā đã hoàn tất bốn trại phước xá ở ngoài bốn cổng thành làm nơi phát chẩn cho những kẻ đói nghèo vào các kỳ đầu và giữa tháng.

- Các ông hoàng đã tự nguyện hùn góp công sức và tiền của, kiến tạo bốn hoa viên, cũng ở ngoài thành để dân chúng

có nơi vui chơi, giải trí. Nơi này cũng là nơi sinh hoạt văn hóa cổ truyền, tổ chức các lễ hội dân gian...

Không báo với ai, hôm kia, thái tử sai Channa thặng ngựa; chàng muốn xem tận mắt các công trình ở ngoại thành có đẹp như lời các ông hoàng tô vẽ không. Đầu tiên, thái tử dạo chơi cửa thành Đông...

Đây là một ngày nắng nhẹ, vạn vật tràn trề sức sống. Hai bên đường, nhà cửa và các hoa viên đều xanh sạch đẹp; chàng biết đây là công sức của phụ vương và các ông hoàng. Bộ mặt kinh thành hiện lên rất sáng sủa, tươi mới; những cửa hàng đầy ắp hàng hóa, người người ăn bận tươm tất tới lui tấp nập... Có vài người khẽ cúi đầu hoặc đứng nép ra xa khi thấy cỗ xe sang trọng của thái tử chậm rãi đi qua...

Đây là cửa thành Đông với vòm gạch cao dày mà thái tử chỉ mới một lần bước qua; chàng cũng chỉ mới thấy thấp thoáng sinh hoạt và quang cảnh ngoại thành, chưa thật sự biết rõ phía ngoài kia dân gian sinh sống ra sao. Channa khẽ nói:

- Đời sống ngoại thành nó không giàu có, sung túc giống như trong nội thành đâu, thái tử!

- Ủ, ta biết! Thái tử khẽ gật.

Cỗ xe hai ngựa trắng đang nhàn nhã, thì trước mặt, một đoàn người ăn vận lam lũ, đầu đội những thúng, những bịch, những bao, những ghè... có vẻ rất nặng nề... bước đi hàng một bên vệ đường. Thái tử cho dừng xe lại, bước xuống. Chàng biết đây là những người dân quê mang hàng ra bán ở thành phố.

- Cho ta được nói chuyện một lát! Chàng nói với người đàn ông đi đầu - Dừng ngại ngần gì cả.

Người đàn ông da ngăm đen, râu rậm, quàng tấm áo màu xám tro... ngược mắt nhìn thái tử; nhận ra là một ông hoàng sang trọng nên sợ hãi dừng lại, thúng hàng vẫn để yên trên

đầu. Channa tinh ý, bảo mọi người đặt hàng xuống, nghỉ ngơi một lát.

- Ông bán hàng gì đấy?

Người đàn ông trả lời rất lưu loát:

- Đa phần là nông sản như gạo, bắp, sắn, khoai; số khác là cây nhà lá vườn như chuối, đu đủ, các loại rau - Người đàn ông nhìn về cuối hàng - Sau rốt là đinh hương, hồi hương, quế, tiêu... cùng một số củ, cây thuốc chữa bệnh, thưa ngài!

Thái tử gật đầu mỉm cười:

- Những nông sản này, bà con ta ở quê sao không để dùng mà lại đem bán?

- Thưa, chỉ khi có phương việc như tế lễ, cưới hỏi... hoặc cần mua sắm vật dụng gia đình... mới để dành đem bán lấy tiền; còn thường thường thì chỉ trao qua đổi lại loanh quanh trong xóm làng mà thôi.

- Vậy đời sống của bà con, những người đói khổ có nhiều lắm không?

- Thưa, chúng tôi không đói, nhưng các tháng rét thì khá cơ cực. Hễ ai có làm thì có ăn. Mấy năm nay nhờ đức vua nhân từ biết thương dân nên kẻ làm nông cũng đỡ khổ ít nhiều...

Thái tử mỉm cười, mở lời cảm ơn, sau đó sai Channa biểu tặng cả đoàn người, chừng hai mươi người, mỗi người mười māsaka, rồi lên xe tiếp tục lộ trình. Có lẽ do Channa tiết lộ thân phận của thái tử, nên khi cỗ song mã vừa chuyển bánh, đoàn dân quê đồng hô lớn:

- Cảm ân thái tử nhân đức!

Thái tử trừng mắt cảnh cáo Channa: “Lần sau đừng có lảm chuyện”. Lát sau, cỗ xe dừng lại ở trại phước xá. Bên ngoài cây cảnh xanh tươi, mát mẻ; những cây cao có bóng mát, điểm lờ thơ những chùm hoa đỏ, hoa trắng, hoa tím

trông rất thơ mộng. Chàng trầm trồ khen. Vào bên trong, tường gạch kết hợp với gỗ ván tạo một không gian thoáng đãng... Thái tử đang dợm bước lên bục, sàn gỗ làm nơi phát chẩn, ăn thông một nhà kho trữ hàng thì phía trước, xe ngựa xông xáo: Các ông hoàng hay tin thái tử xuất cung đi xem công trình nên lũ lượt tìm đến! Và thôi thì rôm rả chuyện trò, rôm rả quảng cáo công trình của lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Bhagu... Thái tử thấy lòng mình vui lâng lâng... Bất chợt, trước tầm mắt thái tử, ngay sát bên cửa, một bộ xương còm cõi, đen đúa từ mép đường lao đảo bước qua. Đây là một người già, quàng khổ bằng tám giẻ rách, tóc tai bù xù rối bời nửa đen nửa trắng xám, chiếc lưng cong gập như cái giàn xay, tựa trên cây gậy, lắc lư chao qua đảo lại. Đôi mắt đục sâu như một chiếc hồ đọng nước...⁽¹⁾

- Cái gì vậy? Thái tử bàng hoàng hỏi - Một con người à? Sao y lại ra nông nổi?

- Là một người già, đã quá già, thừa thái tử!

- Vâng, ta biết, ta biết rồi ai cũng phải già. Nhưng già như vừa rồi thì kinh khiếp quá!

- Cũng thường thôi, thái tử! Nếu ai mà sống quá lâu thì đều tương tự như vậy cả. Nhất là những người quá đói khổ, neo đơn!

Thái tử im lặng, trầm ngâm. Rồi ra ta, Yasodharā... nếu mà trường thọ thì đều có cái hình thù kỳ dị, góm ghiếc trông như quái vật kia! Chàng thở dài, nhìn các ông hoàng, nhìn Channa... rồi liên tưởng tất cả, mai này, đều như vậy cả. Thái tử lại rùng mình, đưa mắt nhìn người già, nhưng không ai còn thấy bóng dáng ông ta ở đâu! Thái tử không còn

⁽¹⁾ Theo chú giải và phụ chú giải, tướng người già này - như là vị sứ giả đầu tiên đến báo hiệu cho thái tử - là do chư thiên hóa hình nên xuất hiện đột ngột và biến mất cũng đột ngột như thế.

muốn xem hoa viên nữa, tất tả lên ngựa bảo Channa đánh xe ra về, chỉ kịp gật đầu chào vội mấy ông hoàng.

Từ khi nhìn thấy người già sứ giả, nỗi buồn của thái tử càng sâu sắc hơn. Tuổi trẻ, sinh lực, mái tóc thanh xuân chẳng có gì để tự hào nữa. Bây giờ, thái tử mới cảm nghe buốt lạnh lời gió nói hôm nào: “Đồ vỡ, bất toàn, thời gian; hư vô nuốt chửng, hư vô đào huyết thế gian này!” Ôi! Con người, dù danh vọng, quyền lực đầy mình cũng bị đoanh vây trong hữu hạn. Mọi người sống làm gì, ta sống làm gì khi cuối đời chỉ còn một nắm xương nhả nhúm, cái lưng cong gập như cái giàn xay? Thời gian tàn phá và hủy diệt không chừa một ai cả.

Thấy thái tử chỉ dùng chùng một nửa nắm cơm rồi đứng dậy, Yasodharā ân cần hỏi:

- Từ khi đi ngoại thành về đến giờ, dường như thái tử buồn lắm?

- Ừ, ta gặp một người già, Gopā! Hình dong người già này kinh khiếp lắm! Ta nghĩ, rồi ta cũng như thế, nàng cũng như thế, quả thật ta rất sợ hãi. Tuổi thanh xuân rồi chóng qua đi, mọi niềm vui đều chóng tàn; bây giờ ta mới cảm nghiệm thấm thía hơn cái điều mà trước đây ta với nàng thường hay tâm sự.

Đêm đó, thái tử lại nằm mộng. Thấy mình nằm trên đám mây trắng, cứ trôi đi, cứ lướt đi... qua núi đồi, thung lũng, sông suối, biển hồ. Từng quốc độ, từng quốc độ... trải dài dưới lưng; rồi bất chợt, đám mây rơi xuống một vực sâu hun hút, vô tận... Một đám lửa hùng hực tự lòng đất bốc lên, nóng quá, tan chảy tất cả. Thái tử lắng nghe sự tan chảy. Lâu lắm, lâu lắm, đám mây trắng chợt hiện thành một đóa sen hồng, đỡ lưng thái tử. Một làn khí mát lạnh phủ trùm cả châu thân. Thái tử được nâng bổng lên, ngồi tọa thị điềm nhiên trong miền hư tĩnh, an lạc tuyệt đối. Lúc ấy, giữa thình

không, có vô số chư thiên hiện ra. Hoa trời rơi xuống như mưa tuyết. Đàn sáo ca đâu đó trỗi lên, vang cả hư không, tấu lên một khúc hát, lời rằng:

-“ Giờ đã đến rồi, vị bồ-tát tối thắng!

Hãy lên đường đi thôi, vị bồ-tát tròn đầy ba-la-mật!

Hãy ra đi đi thôi, hãy lựa chọn con đường bất tử!

Hãy đi theo lộ trình mà ngài đã chọn tự ngàn xưa!

Giờ đã đến rồi, hãy tỉnh thức đi thôi, Thái tử!

Một **sứ giả già nua** đã hiện ra rồi đây, thái tử!”

Ngơ ngác, thái tử ngồi dậy, âm thanh kia dường như còn văng vẳng bên tai. Mùi hương của hoa trời như còn ngậy ngát ở xung quanh! Giờ đã đến rồi sao? Thiên thần đã nhắc nhở ta sao? Tự ngồi, tự gẫm một mình, thái tử không muốn làm kinh động Yasodharā, dù sao, trái tim kia cũng rất mềm yếu!

Tin thái tử kinh cảm khi thấy một người già đến tai đức vua Suddhodana làm ngài cũng xúc động theo! Thế là một sứ giả đã xuất hiện rồi sao? Đức vua chặn kẻ hỏi tả hữu, sau đó, triệu mấy ông hoàng có mặt lúc đó vào triều. Anuruddha và Ānanda tức tốc đến ngay.

- Hình dong, tướng mạo người già ấy như thế nào, tả lại cho trăm nghe? Vua gấp gấp hỏi.

- Kinh khiếp lắm! Anuruddha nói - Người già này già tận cùng của cái già, ghê gớm, xấu xí như quỷ, râu đại vương!

- Nói thế cũng bằng không! Đức vua gắt - Hãy tả cho rõ kìa?

- Râu đại vương! Ānanda rành rẽ tả - Người già này rất là đặc biệt. Dường như tất cả cái xấu xí, lụi tàn, già úa... của tất cả mọi cái già đều hội tụ lại nơi một con người. Để hoàng nhi tả từng chi tiết một. Về bộ xương già thì đen điu, cong gập như cái giàn xay, bước đi chao đảo, lắc lư, như dồn hết sức tàn để dềnh tới, hất lui, tựa mình trên cái gậy.

Làn da không còn là làn da nữa, mà như người ta lột da con gà cháy thui rồi đem phơi năm bảy nắng; nó nhăn nheo như miếng cau khô, từng tấm, từng mảng, cảm giác như đụng đến là nó sẽ rơi ra! Tóc râu không biết có phải là tóc râu không, hay là tổ chim, tổ quạ vô trật tự; màu tóc, không biết là màu gì; cảm giác như phân gà, phân bò câu, ỉa từng đồng lâu ngày nửa đen, nửa trắng, bốc mùi tanh tưởi của xác thối.. Hai hốc mắt thì là hai cái hố đen, sâu, đọng nước phèn...

- Thôi, thôi! Đức vua khoát tay - Đủ rồi, trăm hiểu rồi!

Nhưng mà từ trước đến nay! Đức vua nghĩ - Những người già nua xấu xí như thế ta đã tận xuất đi xa rồi còn gì? Cũng lạ! Rồi nghe nói người đó biến đi đâu mất như phép lạ? Như cái thườ phân xử con chim hạc đầu đỏ? Hay có vị thần nhân nào xen dự vào chuyện này? Người già, già như kiểu Ānanda đặc tả thì có lẽ cũng kinh khiếp thật. Nhưng có lẽ do thái tử mới ra cửa thành lần đầu nên cảm xúc đang còn mới mẻ, lâu ngày chắc cũng trơ lì đi. Và khi đã quen mắt thì cái gì cũng trở nên bình thường!

Hôm sau, gọi thái tử vào, đức vua hỏi:

- Con kinh cảm lắm sao, khi thấy người già ấy?

- Vâng, thưa vương phụ! Nó đã tác động khôn cùng đến tâm não của hoàng nhi. Cuộc sống của con người rất là bi thảm, ai rồi cũng như thế, thì tích lũy, thu góp, giật giành, chiến tranh để mà làm gì, thưa vương phụ?

- Cái già nó bình thường thôi con! Xúc cảm cũng vô ích thôi con! Từ rày ta cho phép con được đi đây đi đó cho khuây khỏa!

Nói thì nói thế, nhưng khi thái tử vừa rời khỏi cung, đức vua ngầm lệnh cho mấy trăm quân cấm vệ đi tảo thanh cả ba cửa Nam, Tây, Bắc để ngăn chặn người bệnh, người chết. Đồng thời ra lệnh cho đội nhân công tạp dịch, vệ sinh thành

phố... đi làm xanh, sạch, đẹp những lộ trình mà thái tử sẽ đi qua...

Nhưng mờ sáng hôm sau, thái tử không đi ngựa, mà lầm lũi cùng với Channa trong vóc dáng một khách thương buôn đi ra cửa thành Nam...

Thái tử nói với Channa:

- Chúng ta giả vờ không biết đến việc làm của vương phụ! Ta chỉ muốn quan sát dân tình. Ta chỉ muốn tìm hiểu đời sống thật sự của muôn dân đằng sau cái gì mà phụ vương muốn che lấp!

Thế rồi, thái tử tìm đến một khu lao động nghèo nàn. Đây là xóm cư dân thủ-đà-la. Họ chuyên nghề tạp dịch nặng nhọc và dơ ứ như khuân đá, đào đất, đắp đường, nạo vét ống cống, dọn rửa các công trình vệ sinh, dọn xác sinh vật thối, người chết vất vờ trong thành phố...

Đã từng nghe Yasodharā nói về số người bất hạnh này, nhưng thái tử cũng không ngờ sự đói nghèo và cơ cực của họ vượt quá sức tưởng tượng của chàng. Thái tử đứng bàng hoàng trước những cái lều rách nát, tối tăm còn tệ hơn cả những chuồng ngựa, chuồng bò của cư dân thành phố... Thái tử đứng nhìn những bóng người vật vờ vào ra; người lớn thì đờ đẫn, đen đui, xương xẩu; trẻ nhỏ thì trần truồng, bụng ỏng, da chì, ghẻ lở... Và đâu đâu cũng rác bần và ruồi nhặng...

Channa nói nhỏ bên tai thái tử:

- Đa phần, người mạnh khỏe họ được làm việc trong những đội phu tạp dịch, dầu sao cũng có cái ăn. Nhưng còn có những người chiêm-đà-la, đời sống của họ còn tệ hơn; họ không có chỗ ở, không có việc làm, họ sống trong những ống cống, những am miếu bỏ hoang... Mọi người đều xa lánh họ. Và họ cũng không dám đến gần một ai, người giai cấp khác.

- Thế họ làm sao để sống, Channa?

- Khi nào công việc quá dơ ứ, quá nặng nhọc mà người thủ-đà-la khinh chê hoặc làm không nổi thì mới đến phiên họ, thái tử!

Có tiếng rên la từ trong một chiếc lều vọng lại. Tiếng rên la có vẻ rất đau đớn. Một người đàn ông đóng khóa trần vòng tay đứng nhìn thái tử không biểu lộ một cảm xúc nào. Một em bé ngồi dựa vách đất đưa mắt tho lỗ nhìn khách lạ. Thái tử mở lời thân thiện:

- Ta không có ý gì xấu! Tiếng ai rên la như thế?

Người đàn ông đưa tay chỉ vào đồng chăn nơi xó vách, cũng không nói gì. Thái tử cúi đầu bước vào, một mùi hôi thối xộc vào mũi. Trên tấm ván trần, một tấm chăn rách nát vắt hờ hững trên một xác người queo quắp; người ấy không ngớt co giật và rên la như một con thú bị tử thương! Thái tử động lòng, bước nhanh lại. Người bệnh tròng mắt trắng dã, cái miệng méo xệch, sủi bọt nhờn; từng giọt mồ hôi tươm ra trên làn da vàng ửng, meo mốc. Thái tử khẽ nâng đầu người ấy đặt nhẹ lên cánh tay mình, cất tiếng hỏi, vô cùng quan tâm:

- Người đau làm sao, đau chỗ nào, cần ta giúp đỡ gì thì cứ nói!

Chợt một giọng nói ồm ồm cất lên phía bên sau:

- Bệnh dịch hạch đó, cứu chi được, đợi chết thôi!

Giọng Channa đầy vẻ sợ hãi:

- Bệnh này lây nhiễm đó, thái tử! Hãy tránh cho xa! Hãy đi thôi, thái tử!

Thái tử thẳng thốt nhìn người bệnh. Y khoảng chừng trên dưới ba mươi tuổi, hai tay run rẩy cứ búi chặt tấm áo bào của chàng, hơi thở càng lúc càng gấp gáp, mồ hôi tuôn đổ, bọt mép lại trào ra. Thái tử nhẹ nhàng lấy khăn sạch lau khuôn mặt cho người bệnh, thần thờ nói:

- Không thể cứu được sao, Channa?

- Không thể, bệnh này vô phương cứu chữa, tất cả mọi thầy thuốc đều bất lực!

- Y còn trẻ quá, Channa!

Người bệnh trên tay thái tử chợt co giật một hồi, kêu la không ngớt rồi ngoẹo đầu, tắt thở...

Bệnh rồi chết, nhanh thế sao? Thái tử như không tin vào mắt mình? Ta rồi cũng vậy sao, cái bệnh và cái chết sẽ lôi kéo ta đi, thành linh, đột ngột, chẳng biết là lúc nào? Ôi! Con người, con người, hoàn toàn bất lực trước cái già, cái bệnh, cái chết; chẳng thể trốn đâu cho thoát!

Thái tử đứng dậy, thần thờ. Lát sau, thăm hỏi người đàn ông gia chủ mới biết rằng, người bệnh là con trai của ông và đứa bé kia là cháu. Vợ người bệnh và mấy người con lớn đã đi làm tạp dịch ở thành phố từ lúc mờ sương... Thái tử đưa mắt nhìn quanh, căn nhà tuềnh toàng, xơ xác, trống rỗng, không có gì cả; và có lẽ họ cũng không có cái ăn, cái mặc... Thái tử sai Channa biểu tặng gia đình một khoản tiền đủ để chi dụng trong một thời gian, đồng thời, lo cho người chết.

Người đàn ông chợt quỳ xuống, lắp bắp:

- Con không biết là ngài, con không biết đây là thái tử nhân đức, hãy bỏ lỗi cho con!

Nói xong, y khóc, những giọt nước mắt sụt sùi, lặng lẽ... Thái tử dịu dàng nâng tay người đàn ông đứng dậy, ân cần nói:

- Ta không giúp được gì nhiều đâu! Cái đói, cái nghèo của muôn dân là lỗi ở nơi ta, lỗi ở nơi các giới cấp lãnh đạo. Ta vô cùng xin lỗi. Hãy chuẩn bị lo hậu sự cho người chết, ta đi đây!

Lúc rời khỏi căn nhà một khoảng đường, thái tử mới nói:

- Đúng là những giọt nước không thể cứu khổ cả sa mạc! Lệnh bà Gotamī đã mõi mòn mà Yasodharā cũng đã có dấu hiệu mệt mỏi. Tuy nhiên, họ vẫn còn đủ tâm, đủ trí để hoàn thành thêm bốn trại phước xá thì quả thật là đáng phục!

Tối về, thái tử kể lại mọi chuyện cho Yasodharā nghe mà lòng còn kinh cảm, chàng cũng không quên thốt lời kính phục về bốn trại phước xá.

- Thiếp thì đã quen với điều ấy, chuyện ấy, cảnh ấy! Còn có những cái bệnh trông còn kinh khủng hơn là bệnh dịch hạch. Đây là bệnh phong cùi. Có người chỉ còn hai cái hốc mắt hoặc hốc miệng sâu hoắm. Họ rụng ngón tay, rụng ngón chân, rụng đến cả cái cùi tay. Cơ thể chỗ nào cũng lở loét, mủ máu bầy nhầy, hôi hám, trông vô cùng kinh tởm. Mọi người đều tìm cách tránh xa. Họ như là một động vật quái dị sống vất vưởng bên lề xã hội. Vậy mà chàng biết không, khi lòng bi mẫn khởi lên thì nó chiến thắng cả cái sợ; đã vài lần thiếp gàn họ, an ủi họ, không những phân phát cơm bánh, vật thực, áo quần... mà còn đút cho họ ăn nữa đấy, vì có kẻ không còn một ngón tay nào!

- Vô cùng kính phục! Thái tử thốt lên tiếng nói tận đáy lòng, đưa mắt âu yếm nhìn Yasodharā rồi tiếp - Hóa ra nàng biết nhiều quá mà từ lâu đã giấu ta!

- Phải rồi, phải giấu chứ! Nàng buồn bã nói - Ai ở quốc độ này mà không biết chuyện tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña? Nếu chàng kinh cảm bốn vị sứ giả thì chàng bỏ thiếp mà đi làm đạo sĩ xuất gia rồi!

Thái tử chợt đứng dậy bước ra hiên, đêm, trăng sáng nhờ nhờ,朦胧 lung; chàng tỳ tay lên lan can ngắm nhìn một vài vì sao xa nhập nhòa không ánh sáng. Ôi, lòng ta cũng nhờ nhờ,朦胧 lung, không có một ánh sáng nào! Cái già, cái bệnh, cái chết chi phối đời người một cách tất định! Làm sao để thoát ra? Mà thoát ra là thoát ra đâu? Kinh điển Vệ-đà cũng nói sinh tử, luân hồi, nghiệp báo... nhưng hơi mơ hồ; đặc biệt, con đường thể nhập là đáng lưu ý: Trở về với ngài, với Đấng Ấy là hết sinh tử, hết trầm luân?

Sương đêm xuống lạnh, Yasodharā dịu dàng quàng cho thái tử một tấm nhung mỏng và mịn để choàng vai. Thái tử nghiêng người, nắm cả hai tay Yasodharā rồi nói:

- Những bàn tay của chúng ta thì quá nhỏ mà sự đau khổ của cuộc đời thì vô tận, biết làm sao bây giờ hử Gopā!

Đêm kia, thái tử thấy mình chìm vào một giấc mộng khác nữa. Chàng thấy mình vụng vẫy giữa dòng nước xoáy rồi bị hất ra, va đập vào một vách đá cao sừng sững. Giữa vùng đen ngòm, bọt tung trắng xóa, dòng nước lại cuộn đi, trôi phẳng, trôi xuống một vực sâu hun hút, tấp vào một bãi cát, gờn gợn lân tinh của xương cốt và sọ người. Ôi! Một biển cả mênh mông không một bóng người, không một chiếc thuyền, không một tiếng sóng vỗ, không một âm thanh của sự sống. Không gian quanh vắng, hoang vu đến ghê rợn. Bỗng nhiên, mặt biển bị tách rời làm đôi, vạt nước hai bên cuộn lên như cuộn tấm thảm, dạt về hai hướng khác nhau; chính giữa hiện ra một con đường bằng phẳng, phong quang. Những giọt nước lấm tẩm đột ngột nở thành hoa, bung xòe ra như nấm, trải dài đến vô tận. Thái tử bước đi, nhẹ nhàng, không trọng lượng, như không dính vào đâu cả.

Từ hư không, tiếng nói của thiên thần vọng rõ ràng, mồn mồn vào tai chàng:

“- Giờ đã đến rồi! Giờ đã đến rồi!

Hãy ra đi thôi, Bồ-tát!

Ngài hãy ra đi, hãy lướt đi

Hãy lướt qua si mê, bóng đêm, lầm than và khổ nạn.

Hãy lướt đi như chiếc bóng giữa hư không

Hãy khinh bỉ quyền lực của ma vương

Và khinh bỉ ngũ dục tầm thường

Ấy là con đường “xuất trần thượng sĩ”

Hãy từ bỏ vinh quang của vương vị

Vinh quang của ánh nắng sớm

Của làn mây chiều

Chỉ khoảnh khắc là thoáng mắt
Vinh quang ấy chính là giấc mộng của Māyā
Là trò ảo thuật quý quýệt của Yakka
Là lưới võng, là xích xiềng
Là nỗi khổ, là niềm đau vô tận
Thế giới ba ngàn lửa cháy và hủy diệt
Lửa cháy và hủy diệt ở trong lòng người
Hãy ra đi tìm phương thuốc cứu độ
Hãy gỡ thoát đêm đen sinh tử
Đêm đen mịt mù
Của cái già, cái bệnh, cái chết
Hãy dũng cảm như con mãnh sư
Hãy cất cánh thênh thang như chúa thiên nga
Đừng dễ dãi cúi đầu
Và an phận trong cái dung tục, bình phàm
Hãy tầm cầu vô thượng
Hãy treo cao ngọn cờ chiến thắng trên đỉnh Sineru
Hãy mang khối óc mặt trời và trái tim mặt trăng
Bởi trí tuệ kiêu hùng và tình yêu dịu dàng rộng lớn
Không thể dừng lại
Không thể chần chừ
Không thể lưỡng lự
Hãy ra đi
Hãy chày trôi
Hãy ca lên bài ca tự do
Bài ca giải thoát tối thắng
Giờ đã đến rồi
Giờ đã đến rồi, Bò-tát!

“**Giờ đã đến rồi!**” Thái tử bàng hoàng, trán tươm rỉ mồ hôi, chàng lảo bầm... Phải! Phải ra đi thôi! Ôi! Tiếng gọi kia sao mà thông thiết, giục giã đến thế! Ta đã hứa với các bạn là sẽ ra đi tìm “cái gì chưa thật sự có mặt trên cuộc đời”. Cái

ấy mới thật sự có ý nghĩa, là giá trị vĩnh cửu cho cuộc sống này! Lạ lùng làm sao! Tiếng gọi kêu ấy là của thiên thần hay là của chính ta - được trào vọt ra từ vô thức?

Chiêm nghiệm về giấc mộng và ý nghĩa của lời ca, thái tử thần thờ suốt mấy ngày. Nhai cơm như nhai những cọng rơm, uống nước như uống chén thuốc đắng. Hoa không còn hương và kể cả những lò trầm chiên-đàn cũng thoảng mùi khói bụi. Tiếng nhạc lời ca của vũ nữ, ca nhi, nhạc công là những âm thanh the thé, khó chịu đâm sâu vào màng nhĩ... Ngày vật vờ, đêm mộng mị.

Yasodharā cảm thấy sợ hãi, đến bên, ân cần xoa lưng, han hỏi. Thái tử trầm ngâm một lát rồi nói:

- Không sao đâu, Gopā! Và khoan đã! Ta chưa thể nói vội. Có cái gì đó ở nơi ta chưa yên, chưa định hình. Lúc nào cảm thấy điều đó là rõ ràng, là cụ thể, là hiện thực... ta sẽ nói. Đợi chúng chín muồi đã.

Mấy hôm sau, thái tử lại cùng với Channa trong dáng thương buồn tâm thường, bộ hành ra cửa thành Tây.

Đây là con lộ rộng rãi, thái tử biết là nếu cứ đi mãi sẽ bắt gặp một xa lộ thênh thang dẫn đến nước Kosala giàu mạnh. Và nếu cứ theo chân những đoàn ngựa thồ, đoàn lạc đà ngồn ngộn hàng hóa... sẽ đến Takkasilā và những vương quốc nào đó ở phương mặt trời lặn.

Lối đi về cửa thành Tây rất nhộn nhịp. Thái tử và Channa cùng chen chúc với đám bộ hành. Hai bên đường, hàng quán la liệt tràn ra tận đường cái. Xe hai ngựa, xe bốn ngựa của các vị tướng sát-đế-ly, của các tiểu thư con nhà quyền quý hoặc của các nhà thương buôn giàu có rộn ràng tới lui. Những cỗ xe bò công kênh hàng hóa ịch hướng về Kapilavatthu hoặc hướng về Kosala xa xăm. Lòng thái tử cảm thấy vui vẻ trước cảnh sinh hoạt rộn rịp, đông vui ấy. Có vài gánh kiệu đặc biệt đi ngang, hai bên kiệu có kẻ thổi sáo, có kẻ hát lên một âm khúc hoan lạc, thanh bình. Hai chú

lạc đà to lớn với những kiện hàng cao nghều nghện có hai chú nai quần khăn rằn trên đầu, râu ria um tùm... kẻ gõ trống, người đánh chiêng, miệng la hét mọi người tránh chỗ...

Thái tử và Channa dừng lại nơi một đám đất bằng. Một nhóm người chen chúc quanh một người đàn ông xiếc rằn. Hai con rắn hổ mang to lớn, dựng đứng thân trước, hai cái mang to phành ra, thè lưỡi đỏ rất ghê sợ. Người đàn ông đóng khố, mình trần, phết trên mặt, ngực, lưng, bụng những sắc màu kỳ dị. Đây là màu vàng tươi của nghệ, màu vàng sậm của thổ hoàng, màu đỏ của son và màu trắng của vôi trầu: trông giống như một lá bùa trấn ma, yểm quỷ. Chợt... y hô “aum, aum”, một hồi, mắt lim dim, miệng lâm râm như đọc bùa chú... rồi hai tay nâng cái kèn đồng lên miệng, phồng má, trợn mắt thổi một bản nhạc nghe rất hoang dã, rất rùng rú... Hai con rắn đứng yên, lắng nghe, lắc đầu bên này, lắc đầu bên kia... Lát sau, chúng nhảy một vũ điệu rằn, trườn tới, trườn lui, uốn qua, uốn lại rất nhịp nhàng, điêu luyện. Sau đó, người đàn ông ngồi chồm hồm, vừa thổi vừa nhảy; sau lưng hai con rắn nhảy theo. Người nhảy thì rắn nhảy. Người dừng thì rắn dừng... Mọi người vỗ tay tán thưởng rồi quăng những đồng tiền xu, bạc cắc xuống cái khay của người xiếc rằn. Thái tử mỉm cười, đưa mắt nhìn Channa. Channa hiểu ý, bóc một nắm tiền trong đây, thưởng hậu hĩ cho người làm xiếc.

Họ bước đến một đám đông khác. Ở đây có một người đàn ông vận khố đỏ, đầu quần khăn đỏ... đang đi chân không qua đám than lửa cháy hừng hực. Người ta lại cho tiền. Một đám khác, một người đàn ông to lớn, lực lưỡng, tấm thân loang loáng màu đen nâu đang nằm trên một bàn chông sắt, phơi ngực trần được ngăn bằng một tấm đá dày cỡ ba lóng tay. Một người đàn ông cao, to hơn nữa, cầm búa sắt rất lớn,

gồng mình, cơ bắp cuộn cuộn, trụ tắn rồi nện cật lực xuống tấm đá. Đá vỡ mà người vô sự. Người ta lại cho tiền rào rào... Một đám đông, chỗ khác nữa. Một người đàn ông gầy guộc, dáng dấp như một đạo sĩ khổ hạnh... đang ngồi tọa thiền trên một bàn chông tua tủa những lưỡi dao nhọn hoắt. Ông ngồi kiết già, lưng dựng thẳng, hai tay bỏ lên bắp vế... đã an nhiên, tự tại suốt mấy canh giờ... Trước mặt cũng là cái khay đã khá nhiều tiền xu!

- Người kia làm thế nào lại ngồi lâu trên dao nhọn thế, Channa?

- Chưa ăn thua gì đâu, thái tử! Có kẻ cũng ngồi trên dao nhọn như thế... nhưng thỉnh thoảng còn bay bổng lên cao nữa kia!

- Ô! Thật lạ lùng!

- Có đạo sĩ trông giống như bộ xương khô, nằm trong thùng đồng, thùng sắt... rồi khóa lại. Lát sau, mở ra... không thấy gì cả. Hóa ra ông ta đang đứng vòng tay, mỉm cười ở phía sau!

- Lạ lùng!

- Chỉ kiếm tiền ăn thôi, thái tử! Là nghề sinh sống của họ. Nhẹ nhàng hơn cuộc đất, làm ruộng...

Đang nói chuyện với Channa, thái tử chợt nghe bên tai thoảng tiếng trống, tiếng kèn... dặt dìu, rộn rã... cùng với lời ca, tiếng hát vui tươi. Một đoàn người sắc phục lòe loẹt đi bên cạnh hai chiếc kiệu được trang hoàng đẹp đẽ bằng vải, lụa và hoa tươi. Hóa ra là một đám rước dâu về nhà chồng...

Thái tử mỉm cười nhìn theo như thầm chúc phúc cho đôi tân lang, tân nương... thì bên tai, đâu đó vọng lại tiếng kinh của các thầy bà-la-môn. Bốn người đàn ông khiêng một giàn tre, bên trên có một xác người. Đến gần thì thấy một thanh nữ, mái tóc xanh đen, khuôn mặt vàng võ, hốc hác, mắt khép lại. Một tấm chăn bông đắp ngang qua bụng, hai chân trắng xanh, gầy thò ra ngoài. Trước là hai thầy bà-la-môn đi chân

đất, vận tám y trắng đã ngả màu, tụng những lời kinh cầu nguyện. Thái tử lắng nghe, biết là từ kinh Rig-veda, nhưng đã được biến cải, thay đổi chút ít trong nhân gian.

“- Hồi đấng Hằng Sinh

Hồi đấng Rāma linh thiêng, cao cả

Người là chúa tể của thiên giới

Là cha sinh của muôn loài

Đôi mắt của người là mặt trời và mặt trăng

Linh hồn của Người là muôn sao rạng rỡ

Cánh tay của Người là núi là sông

Thân thể của người là bình nguyên và biển cả

Người là sức sống của vạn vật

Là vinh quang và chân phúc

Hãy thương xót chúng con

Những hạt cải, hạt mè

Với linh hồn bụi bặm

Hãy tiếp độ chúng con

Hồi đấng Rāma tối thắng!”

Giọng tụng đọc đều đều, ngôn từ có vẻ tha thiết nhưng nghe sao chẳng xúc động chút nào. Đi phía bên sau có lẽ là thân nhân, bà con, quyến thuộc. Họ bước đi, cũng lặng lẽ, không một lời than, không một tiếng khóc...

Thái tử ra dấu, cùng với Channa tháp tùng, đi sau cùng, theo đám tang đến sườn đồi. Ở đây là nghĩa địa lộ thiên. Mùi xú uế bốc lên nồng nặc. La liệt đây đó là xương trắng, là sọ người... và còn những xác chết quăng bỏ bừa bộn trông không còn nhân dạng. Những chú quạ, ó, kèn kèn, điều hâu... thấy người nên bay lượn táo tác...

Một giàn củi cao được chất sẵn, xác cô gái được đặt lên trên. Các thầy bà-la-môn lại tụng kinh, rải nước thiêng soma. Một bó đuốc to được châm vào đồng củi. Nhờ có bụi nhùi và gỗ dẫn cháy nên lửa tấp nhanh, bốc rần rật. Lát sau,

lửa liếm quanh, rục lên, khói tỏa mịt mù lẫn mùi khen khét của thịt cháy...

Nhìn ngọn lửa bốc cao, các thầy bà-la-môn lại tụng kinh cầu nguyện thần lửa, thần Agni để thiêu cái xác bất tịnh:

“- Hỡi đáng thần Agni uy nghi, hiền hách
Ngài là linh hồn của vũ trụ
Nhờ ngài mà mọi loài được sinh ra
Được lớn lên và tăng trưởng
Nhờ ngài mà những sinh linh được hóa thân
Nhờ ngài mà xác thân trần tục được thiêu hủy
Được lọc sạch nhiễm ô và bụi bặm
Nhờ ngài mà năng lượng thiêng liêng
Được nhen nhúm giữa trần gian
Nhờ ngài mà ngu si và bất tịnh không còn nữa
Lửa thần sẽ cháy mãi, sáng mãi
Giữa đêm tối xấu xa
Chúng con cầu nguyện ngài
Quy kính và tín thành
Xin ngài hãy tiếp độ sinh linh này
Và đưa hồn lên thiên giới
Cháy mãi, sáng mãi
Hỡi thần Agni vinh hiển!
Hỡi thần Agni bất tử!”

Lời kinh dứt. Thái tử nói nhỏ, thoáng bên tay Channa:

- Hay lắm! Ý nghĩa lắm, Channa! Thật ra, có một vài đoạn còn hay hơn thế nhiều, có lẽ những ông thầy tụng tư tế này chưa được học chăng?

- Thái tử thật là thông kim bác cổ... Thái tử có thể đọc nhỏ cho kẻ nô tì ngu si này nghe với không?

- Ô! Được chứ! Rồi thái tử đọc:

“- Ôi! tàn tro, cháy hết chỉ còn tàn tro!

Nào sâu muộn, nào khổ đau, nào niềm vui, nước mắt...
hãy cháy hết, chỉ còn tàn tro!

Hỡi thần Agni!

Xác thân này đã hủy diệt

Đã đi qua lần mức cuối cùng

Bên này tử, bên kia sinh!

Hỡi tàn tro! Cháy hết chỉ còn tàn tro!

Đời người bi thương, hoạn nạn quá nhiều!

Hãy cháy đi! Hãy đốt đi!

Hỡi thần Agni!

Mọi vinh nhục, được thua, khen chê, khổ lạc...

Chỉ còn tàn tro!

Rồi tan vào mây xanh vô tận!

Hỡi thần Agni bắt tử!”

- Hay lắm! Ý nghĩa lắm! Thật không uổng phí một đời khi được hầu cận một bậc thầy vĩ đại!

- Bẻm mép! Thái tử gắt.

Channa chột bần khoăn:

- Nhưng mà thần Agni có đưa linh hồn lên thiên giới được không, thái tử?

Thái tử chột trầm ngâm:

- Quả thật, ta cũng không biết, Channa! Người chết có kẻ xấu, người tốt. Chẳng lẽ thần Agni không biết phân biệt trắng đen, tốt xấu, cứ hễ ai cầu nguyện, dâng lễ phẩm cho ngài thì ngài đưa lên thiên giới cả hay sao? Ta nghi ngờ lắm!

Channa gật đầu:

- Đúng vậy! Thái tử còn sáng suốt hơn cả thần Agni!

Thái tử cất giọng buồn:

- Ta chưa sáng suốt đâu, Channa! Ta còn tối tăm lắm! Ta đang bất lực. Rồi ta, rồi người, rồi phụ hoàng, rồi di mẫu, rồi Yasodharā cuối cùng thì số phận cũng nằm trên giàn hỏa... Rồi tất cả chỉ còn tàn tro... thì cuộc đời này phỏng có ý nghĩa gì, giá trị gì? Rốt lại chỉ còn tàn tro thôi sao?

Channa im lặng, thở dài. Thái tử cũng im lặng, thở dài.

Lát sau, thái tử lại hỏi:

- Channa, người đã thấy nhiều người chết chưa?

- Dạ, thấy nhiều. Mà nghe cũng nhiều.

- Kinh Vệ-đà còn nói đến “không táng” và “thủy táng” nữa. Nó ra sao?

Channa đưa tay chỉ một giàn giá cao, đứng chông chơ phía sườn đồi, cạnh mấy gốc cổ thụ, giải thích:

- Cái giàn cây kia trước đây người ta từng đặt xác chết, đặt như vậy chứ không hỏa thiêu. Họ cứ để như vậy cho quạ, kên kên, ó, điều hâu... tự do cắn mổ, tự do rửa rúc, tranh giành; và như thế vài ba hôm là xác chết chỉ còn là bộ xương tro ra...

- Ủ, ta hiểu! Thái tử nói - Đây là “không táng”, còn được gọi là “điều táng”, vì kinh cổ xưa nói là để bố thí cho những loài có cánh.

- Có đôi lúc, đôi nơi có những xác chết không biết là... cái gì táng! Channa tiếp lời - Khi người chết đã được mang đến nghĩa địa, đợi tang quyến ra về hết, người đồ tể ở lại, lấy dao chặt từng khúc tay, khúc chân, từng khúc xương... rồi quăng cho các loài chim... Và lúc ấy đúng là mùa hội chim, chúng mở một cuộc đại tiệc.

- Thật là kinh khiếp! Đây là “đoạn nhục táng”. Vậy còn “thủy táng”, người đã thấy chưa?

Channa có vẻ rành rõi:

- Ở tại sông Banganan phía Tây bắc kinh thành và sông Rohini nằm giữa biên địa, giáp giới Koliya thì thỉnh thoảng có “thủy táng”. Tại sông Gaṅgā thuộc địa phận Bārānasī thì “thủy táng” xảy ra hằng ngày. Người giàu có thì mới đủ tiền mua củi để hỏa thiêu, sau đó, tàn tro được rải xuống sông. Nếu củi ít, tử thi không cháy hết thì cũng cứ để vậy mà quăng cho thần nước... Riêng người nghèo không có tiền mua củi thì cứ thả tử thi xuống sông là xong. Đa phần họ là

giai cấp thủ-đà-la cùng bọn chiêm-đà-la hạ liệt. Lâu lâu lại có xác một vị thánh.

- Vị thánh?

- Phải! Nhất là đoạn sông Gaṅgā đi qua sông Ba-la-nại. Đây là xứ sở của đạo bà-la-môn truyền thống, đã lập căn cứ địa ở đây rất lâu đời. Lâu lâu xuất hiện một vị đạo sĩ khổ hạnh hoặc một đạo sĩ tu lửa thể có công phu đặc dị được mọi người kính ngưỡng, suy tôn, xem như là một vị thánh. Trường hợp này, họ làm lễ rất lớn nơi bờ sông, sau đó kết một bè chuối, bè cây rồi thả trôi lênh bênh trên sông nước, hoa tươi phủ đầy, lời cầu nguyện lan đến mây xanh...

Thái tử nhíu mày:

- Sao người biết nhiều thế, Channa?

- Dạ thưa, con nghe người ta kể. Những chuyện ấy thì ai cũng biết, thái tử.

Thái tử tự nghĩ: “Ừ, những chuyện ấy thì ai cũng biết, cũng thấy còn riêng ta thì không. Rồi còn biết bao nhiêu chuyện xảy ra ở ngoài cổng kinh thành này nữa, từ lâu ta đã như người mù, người điếc...”

- Thôi, ta hãy về, Channa!

Thái tử trầm ngâm cất bước. Do thói quen sống nhiều với nội tâm, đêm ấy thái tử cứ trăn trở, thao thức không ngủ được. Khuya, quá mệt mỏi, thái tử thiếp đi, lại chìm vào một giấc mộng khác. Thái tử thấy mình nằm trên một tấm thảm được dệt từ mọi loại tơ tằm mịn, cực mỏng và cực nhẹ, dính hàng hà sa số châu ngọc li ti. Rồi hàng hà sa số châu ngọc li ti ấy chợt nhúc nhích rồi hiện thành rắn mẹ, rắn con trơn láng trườn tới trườn lui, thò nọc độc châm chích da thịt đến tê nhức, đau điếng. Lát sau, bốn phía xuất hiện bốn con quỷ mặt xanh, nanh vàng, lưỡi đỏ, đầu đội sừng trâu, sừng nai, sừng hươu, sừng tê giác. Hai con quỷ nắm hai tay, hai con quỷ nắm hai chân, chúng lôi kéo về bốn phía khác nhau.

Chàng đau đớn, vẫy vùng hoài cũng không thoát được những bàn tay như những móc sắt của chúng. Chúng cười hô hô, hích hích có vẻ thích thú. Bỗng một tiếng nổ tự lưng chừng trời, vũ trụ đang tối đen chợt sáng bừng. Bốn con quỷ buông tay, sợ hãi, đứng sững. Giữa hư không, mặt trời từ hướng đông, mặt trăng từ hướng tây từ từ chuyển động, lưng lửng xích lại gần nhau rồi khép lại thành một. Ánh sáng vừa rực rỡ vừa dịu dàng đổ tràn ra không gian yên tĩnh, ấm mát. Thái tử cảm nghe một sự an lạc lạ lùng chưa từng có ở trong đời. Lát sau, khối mặt trời mặt trăng đứng yên, chỉ mấy chớp mắt rồi rơi xuống, to dần, to dần rồi phủ trùm xuống chàng. Bây giờ, thái tử lại thấy mình ngồi trong lòng mặt trời, mặt trăng như một quả cầu trong suốt, như bọt bóng xà-phòng vĩ đại bay lơ lửng, bay cao, bay xa, bay lên mãi cho đến tận miền thượng giới nào đó. Rồi mây lại hiện thành hoa, sương mù tấu nhạc và gió chuyển vi vu một lời ca rộn rã, hồi thúc, dập dồn:

“Giờ đã đến rồi, thái tử!

Giờ đã đến rồi, hồi bồ-tát vô thượng!

Ngài đã phát nguyện trong tâm

Suốt bảy a-tăng-kỳ

Ngài đã phát nguyện thành lời

Suốt chín a-tăng-kỳ

Ngài đã tự thành ba-la-mật trải qua hai mươi bốn vị

Chánh Đẳng Giác

Suốt bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp

Vậy còn chờ gì nữa

Mà chưa lên đường

Vậy còn nuối tiếc gì

Mà chưa đi theo con đường vô thượng

Sanh lão bệnh tử lôi kéo chúng sanh vào hang thẳm

Quảng chúng sanh vào bánh xe luân hồi vô tận

Chỉ có bồ-tát thượng đẳng

Mới có đủ sức uy dũng của trí tuệ
Để xé toang màn đêm ngu si tối ám
Để thức tỉnh chúng sanh
Ngồi dậy giữa bóng đêm trường mộng
Giờ đã đến rồi, bồ-tát!
Hãy ra đi theo tiếng gọi thiêng liêng
Hãy mở ra lộ trình bất tử!”

Sáng ngày, tuy đang còn mệt, nhưng thái tử lại cùng Channa bộ hành theo cửa Bắc. Có cái gì đó trong thái tử gần như đã chín muồi.

Phổ xá, nhà cửa lồi ra cửa thành này càng lúc càng thưa thớt. Xe ngựa và bộ hành cũng chỉ lác đác. Và đây cũng là lối đi về của những đạo sĩ từ Himalaya. Thái tử kinh cảm sẽ gặp cái gì đó, một báo triệu gì đó chưa hiện rõ nét.

Channa nói:

- Phía này buồn lắm, thái tử! Chẳng có cái gì để xem đâu.

- Ừ, ta biết! Thái tử đáp - Đi là cơ hội để thấy, để nghe và để chiêm nghiệm. Không ở đâu là “không có cái gì”, Channa!

Channa nhăn mày, không hiểu. Khi họ ra khỏi cổng thành Bắc chừng nửa do-tuần thì gặp một người. Đây là một sa-môn mặc y vàng màu sáng, mắt thì nhìn xuống, tĩnh lặng, bình bát trên tay đang nhàn nhã, thong dong trên từng bước đi...

Thái tử lặng người. Chàng chưa bao giờ gặp một tu sĩ có tướng mạo uy nghi thoát phàm như thế. Từ khuôn mặt, sắc áo, bước đi... như tỏa hào quang. Sự yên ổn, vắng lặng của vị sa-môn như thể tràn ra không gian ở xung quanh.

Thái tử đứng lại. Đợi cho đạo sĩ đến vừa tầm, chàng khẽ lên tiếng:

- Xin ngài cho học nhân được thưa hỏi một đôi điều.

Vị sa-môn dùng chân, cất giọng dịu dàng:

- Cứ hỏi, cứ hỏi... người vương giả!

Thái tử lạnh người. lát sau mới ập ứng hỏi:

- Thưa, có phải ngài từ Tuyết Sơn xuống?

- Phải! Vị sa-môn gật - Cứ hỏi những câu hỏi chính, người trẻ tuổi!

- Dạ thưa, học nhân khá tò mò, xin người miễn chấp. Học nhân muốn biết lý do sự xuất gia của ngài?

Vị sa-môn khẽ ngược đầu lên, trông mắt xanh đen phản chiếu cả một khoảng trời bình lặng, nhẹ nhàng nói:

- Đạo hữu! Ta cảm nhận cái già, cái bệnh, cái chết thúc bách, xiềng xích, trói chặt trong vòng vây của hữu hạn. Trong cái tất hữu nghịet ngã ấy, biết bao nhiêu là khổ đau, phiền não chi phối sinh mệnh bé nhỏ của muôn loài. Mà, con người là chúng hữu tình duy nhất cảm nhận được sự thống khổ của thân phận. Lửa từ đâu mà thiêu đốt mãi trong lòng ta, trong lòng người, đạo hữu? Tất cả đây là lý do để ta đi tìm con đường giải thoát, toàn diện và viên mãn, thưa đạo hữu!

Thái tử rùng mình, lại hỏi tiếp:

- Vậy mục đích ấy, ngài đã gặp chưa? Hay là ngài đang tìm con đường đến với Phạm Thế?

- Không! Vị sa-môn lắc đầu, mỉm cười - Ta không tầm cầu Phạm Thế như truyền thống tu sĩ bà-la-môn. Và chẳng, nếu có Đấng Ấy thì Đấng Ấy cũng bị sinh tử chi phối, thưa đạo hữu! Ta đi theo con đường của ta, con đường soi rọi vô minh tăm tối của kiếp người. Và ta cũng phải tìm cho ra phương thuốc cứu độ thế gian đang trùng trùng khổ nạn này nữa, đạo hữu!

Những tiếng, những ý lời, những ngữ nghĩa của vị sa-môn... như được tuôn phát ra từ trí não của chàng, từ tiềm thức của chàng. Những ý tưởng ấy đã cựa quậy từ lâu trong

lớp vỏ trứng, bây giờ đã trở thành chú gà con tinh khôi mở mắt chào đời. Thái tử bàng hoàng. lát sau, chàng hỏi tiếp:

- Thưa, học nhân hiền. Và ngài cảm thấy ra sao trong đời sống khổ hạnh khước từ ấy?

- Ta an bình, đạo hữu. Và ta không còn một câu hỏi nào nữa về cuộc đời, về tử sinh và phiền não, đạo hữu! Ta hoàn toàn minh nhiên và vắng lặng...

Vị sa-môn bước đi đã lâu mà thái tử còn chôn chân tại chỗ. Con đường này, phải rồi, chỉ có con đường này là con đường duy nhất và tối thượng. Những gì chưa rõ ràng, chưa định hình bấy lâu nay đã bắt đầu lộ diện...

- Thái tử! Thái tử!

Thấy thái tử đứng bất động quá lâu, Channa cất tiếng gọi rồi đưa tay lay tỉnh.

- Gì? Gì thế?

Channa đưa tay chỉ cuối đường mòn... ngạc nhiên, hốt hã nói:

- Vị sa-môn ấy...

- Sao?

- Ông ấy... ông ấy đi cuối con đường mòn xa dần, mờ dần rồi mất hẳn! Rõ ràng là ông ấy biến, ông biến mất, thái tử!⁽¹⁾

- Ô!

Đêm ấy, sau khi đã quyết định, thái tử tâm sự với Yasodharā:

- Trước sau gì ta cũng ra đi, Gopā ạ! Đây là điều mà ta đã xác định. Chúng đã định hình dần dần ở trong ta qua các giấc mộng gần đây. Biết bao đêm trường, tiếng gọi ra đi ấy cứ giục giã, thúc hối bên tai ta... như lời nguyện từ muôn

⁽¹⁾ Cũng như các sứ giả khác, sa-môn sứ giả này do chư thiên hóa hiện ra để nhắc nhở Thái tử.

thuở... Rồi mấy tuần nay, cái già, cái bệnh, cái chết và ngài sa-môn là bốn vị sứ giả đã hiện ra đúng như lời tiên tri của các đạo sĩ năm xưa. Chí ta đã quyết, hãy thông cảm cho ta, Gopā!

Yasodharā với nước mắt tuôn chảy lặng lẽ:

- Thiếp biết! Thiếp biết trước sau gì chàng cũng ra đi. Cái giọt máu, cái thai nhi, là đứa trẻ sắp chào đời này - chẳng thể giữ chân chàng được đâu. Nhưng ra đi trong lúc này thì thiếp chưa chuẩn bị đủ tâm lý để chịu đựng một sự ly cách. Hiện nay, thiếp rất cần chàng.

Thái tử vỗ về, an ủi:

- Cảm ơn Gopā! Ta biết! Và ta cũng hiểu là nàng phải tránh sự xúc động thái quá trước thời gian lâm bồn. Nàng là người đã linh thông với tư tưởng của ta. Và có lẽ nàng cũng đã từng tương trợ cho chí nguyện của ta trong nhiều kiếp quá khứ. Ta đọc được điều ấy trong mắt nàng, trong trái tim nhân hậu, dịu dàng và cả trong vầng trán thanh mảnh, cao sáng và rạng ngời kia nữa. Ta chưa ra đi lúc này đâu. Tuy thế, cũng không còn bao lâu nữa. Ta ra đi nhưng ta sẽ trở về, chừng nào chấm dứt mọi trần trở của đời người...

Yasodharā thở ra:

- Kể từ khi mà chàng thảo luận với chúng bạn về ý nghĩa và giá trị cuộc sống: Thế nào là phù du, thế nào là vĩnh cửu...; và cũng từ khi ba giấc mộng kia đến với thiếp, thiếp biết là vòng tay và tình yêu thương của thiếp quá nhỏ bé, chẳng thể nào níu giữ cánh chim hồng. Con voi trắng trước sau gì nó cũng ra đi không ngoảnh đầu lại. Vậy nên thiếp trân trọng đứa bé này - có nghĩa là linh hồn, là sự sống, là hơi thở của chàng luôn ở bên cạnh thiếp...

Im lặng giây lâu cho nỗi niềm tâm sự của Yasodharā lắng xuống, thái tử mới nói:

- Thế giới vật chất phù du, bọt bèo... kể cả những vị ngọt của chúng đến một lúc nào đó sẽ làm tê đầu lưỡi, làm khô

cạn mọi giá trị cao vời. Nỗi khổ của nàng, của ta, của cuộc đời, của chúng sanh là vô tận. Phải tìm cho ra phương thuốc diệt khổ toàn diện, ở tận căn nguồn mới được, Gopā ạ!

Thái tử dịu dàng đặt Yasodharā xuống gối, cố ý nâng niu giấc ngủ cho nàng.

- Hãy ngủ đi, Gopā ạ!

- Sau này, thiếp thương con, chăm lo cho con là niềm vui sau cùng, là hạnh phúc duy nhất của thiếp đấy, thái tử!

Chợt thái tử hỏi:

- Đứa trẻ có vùng vẫy, có giẫm đạp làm cho nàng phải đau đớn không, Gopā?

- Không nhiều lắm, chỉ thỉnh thoảng thôi. Có lẽ nó là đứa con trai ngoan hiền và hiếu thảo.

- Con trai?

- Phải, di mẫu xem thai rồi đoán. Thai nhỏ, gọn gàng là con trai; to lớn, dềnh dàng là con gái.

Thái tử mỉm cười, nói:

- Vậy nàng thích con trai hay con gái?

- Con trai, thiếp thích một đứa con trai y đúc như chàng vậy.

Thái tử thấy lòng lâng lâng, nhẹ nhàng. Chàng không ngờ chuyện khó nói nhất đã nói ra được. Yasodharā quả thật là một kỳ nữ thế gian hiếm có, tâm và trí đều tuyệt vời vậy!

Giác Mơng Của Đức Vua Suddhodāna

Cuộc sống cứ vẫn diễn ra đều đặn với những sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, trong Cung Vui không còn những cuộc vui rộn rã như thuở nào. Các ông hoàng sau khi buồn chán các công việc cải cách, họ cũng lắng xuống các buổi thảo luận sôi nổi với nhiệt huyết của tuổi thanh xuân. Nếu có gặp nhau trong một vài tiệc vui nho nhỏ thì ai cũng có vẻ trầm ngâm. Họ đang bế tắc trước ý nghĩa và giá trị cuộc sống.

Thái tử đã nhiều lần vào xin phép đức vua Suddhodana để đi xuất gia tầm đạo nhưng lần nào cũng bị từ chối. Thái tử lại thất thểu trở về, cố giấu giếm tâm sự trước lệnh bà Mahā Pajāpati Gotamī hoặc Amitā Pamitā - cả hai thường thay phiên nhau đến săn sóc Yasodharā.

Đức vua Suddhodana thì rất đau lòng khi thấy lời tiên tri năm xưa đã trở thành hiện thực. Bao nhiêu biện pháp ngăn cản đều vô ích. Tâm và trí của thái tử cao vời quá. Những chương trình, kế hoạch cải tạo đất nước của thái tử và các ông hoàng thì táo bạo quá, công minh, liêm khiết và chính trực quá... làm sao mà khế hợp được với tâm địa tham lam, ích kỷ của bọn quý tộc lãnh đạo ở đất nước này... và cả Koliya nữa!

Tuy ngăn cản quyết liệt như thế nhưng tự thâm tâm, đức vua biết, chẳng còn lý do nào nữa để lưu giữ con phượng

hoàng ở trong lồng son, gác tía. Thái tử đã từng phụ tá đắc lực cho đức vua các công việc triều chính không chê vào đâu được. Việc gì cũng đâu ra đó, phân minh, khúc chiết, rạch ròi bởi trí tuệ quán thông và trái tim mẫn cảm. Thái tử đã lần dò tận cùng nguyên nhân của đói nghèo và lạc hậu để tìm ra kế sách tuyệt hảo cho sự thịnh cường đất nước. Một bức tranh toàn thiện, toàn mỹ chỉ mới phác thảo mà ai cũng có thể hình dung, thấy rõ trước mắt; nhưng hội đồng trưởng lão đa phiếu chống thì biết làm thế nào? Họ chống nhưng chẳng có lời phản vấn nào là có thực chất, có trọng lượng. Khôn ngoan hơn thì họ im lặng bỏ về. Có đau lòng không chứ? Đau lòng cho cái tâm địa con người. Trách thái tử ở điểm nào? Đức vua Suddhodana rất tiếc, là biết đâu nhờ đam mê vào công cuộc cải cách, thái tử phải ở lại vương vị để lo cho dân cho nước. Ôi! Người tính không bằng Thượng đế tính... Còn một lý do sau cùng nữa, là đức vua muốn có một đứa cháu trai nối dõi - thì nay cũng đã vô hiệu hóa mất rồi: Yasodharā sắp sinh, mà bà Gotamī tiên đoán là con trai! Vậy ta còn hy vọng gì mà níu kéo thái tử ở lại với cuộc đời này nữa. Đức vua Suddhodana vô cùng sầu não...

Đêm ấy, đức vua chìm vào một giấc mộng dài; trong giấc mộng ấy, bảy hiện tượng lạ lùng, cái nọ tiếp cái kia xảy ra như một dòng chảy không gián đoạn.

Hiện tượng thứ nhất, vua trông thấy một lá cờ to lớn, sắc màu chói sáng, treo trên cái cột cao tại hoàng cung. Hào quang của trời Sakka từ thiên cung rọi xuống, sáng lấp lánh... Chợt có một cơn gió thổi qua, lá cờ bị cuốn phăng, rơi ra xa. Lát sau, có một vị thiên bay đến, lượm lá cờ ấy lên đem treo ở cửa thành Đông.

Hiện tượng thứ hai, vua trông thấy mười thớt tượng to lớn, uy nghi, đỉnh đạc từ phía Nam đi đến làm rung động, chao đảo cả mặt đất. Trên thớt tượng đi đầu có bóng một người ngồi: Ấy là thái tử Siddhattha!

Hiện tượng thứ ba, vua trông thấy một cỗ xe dát châu báu, sáng ngời hào quang, thắng bốn con ngựa trắng đẹp đẽ, sang trọng; mũi ngựa thở ra lửa và khói. Người ngự trên cỗ xe ấy là thái tử Siddhattha!

Hiện tượng thứ tư, vua thấy có một bánh xe rất to, nạm ngọc, nạm vàng tỏa ngời hào quang. Bánh xe lăn không ngừng, vừa lăn vừa nháng lửa.

Hiện tượng thứ năm, vua thấy một chiếc trống rất to đặt giữa con đường từ hoàng cung lên núi. Thái tử Siddhattha nắm cái dùi sắt để đánh trống. Tiếng trống vang như sấm động, vang cả chín tầng mây.

Hiện tượng thứ sáu, vua thấy một pháo đài uy nghi vừa cổ kính vừa mới mẻ đột ngột từ đất mọc lên. Rồi nó cao lên, vươn cao lên mãi tận hư không, có mây lành ngũ sắc bao phủ xung quanh. Thái tử Siddhattha đứng trên pháo đài ấy, hào quang xung quanh như mặt trời, mặt trăng; chàng rải hoa Biruṇa và ngọc lựu, hương thơm ngào ngạt. Muôn triệu bóng người lô nhô, chen chúc nhau để lượm hoa... và ai cũng hát ca, tươi vui, sung sướng...

Hiện tượng thứ bảy, vua nghe tiếng người khóc la thảm thiết, nhìn lại thì thấy sáu người trong phục sức đạo sĩ - đang khóc nức nở, vừa khóc vừa đưa hai tay bụm miệng lại.

Đức vua Suddhodana rất lo sợ. Bình thường, những giấc mộng trong đêm, sáng ngày đã quên hay chỉ còn nhớ mường tượng; nhưng bảy hiện tượng của giấc mộng dài đêm qua, đức vua lại nhớ rõ mồn một, nhớ rõ từng chi tiết. Năm nay, đức vua đã tám mươi sáu tuổi rồi, có chết cũng phải lẽ. Mọi vinh quang, hạnh phúc hay niềm đau, nỗi khổ của đời người, đức vua cũng đã từng nếm trải - có ra đi trong lúc này cũng vừa đủ, chẳng còn chi phải ân hận, tiếc nuối. Nhưng còn thái tử? Đức vua lại lo sợ có điềm triệu nào chẳng lành xảy đến cho chàng chăng?

Bình minh vừa rạng, đức vua đã cho bố cáo khắp kinh thành, ai là người đoán mộng giỏi, hãy vào cung đoán mộng cho đức vua, sẽ được trọng thưởng. Có một số thầy bà-la-môn tìm đến. Vua kể lại giấc mộng, họ dăm chiêu suy nghĩ, sau đó cúi đầu lạng lẽ xin rút lui. Họ không đoán được những hiện tượng lạ lùng ấy, chúng chưa hề có trong sách vở. Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa có một số thầy bà-la-môn lác đác tìm đến; nhưng nghe xong họ cũng cung kính lắc đầu, từ giã... Đức vua cảm thấy bất an, càng ngày như càng nghe lửa cháy thiêu đốt ở trong lòng. Chợt, linh cảm mách bảo, đức vua đến điện thờ Simhābanu, đốt đèn, xông trầm rồi quỳ xuống, chấp tay khẩn nguyện:

“- Đây có lẽ là những điềm triệu phi thường mà người trần mắt thịt không thể nào đoán được. Vậy xin thiên thần tiên tổ ở trên cao rủ lòng thương xót, hiện xuống để giải giấc mộng này cho trẫm. Dù sự thật có thể nào chẳng nữa, trẫm hoàn toàn chấp nhận...”

Lời nguyện vừa dứt thì ở ngoài cung xuất hiện một đạo sĩ cao lớn, râu tóc như tuyết, mặc áo da cạp oai phong lẫm lẫm... không biết từ đâu đến, chẳng xưng tên họ, nói với thị vệ:

- Hãy đưa ta vào cung triệu kiến đức vua, ta sẽ giải cho ngài nghe bầy hiện tượng của giấc mộng.

Đức vua Suddhodana vừa thoáng thấy vóc dáng oai phong, đỉnh đạc nhưng toát ra vẻ thanh cao, thoát phàm, đoán là thần nhân - nên vội bước ra, ân cần mời ngồi... rồi kể tự sự từng chi tiết một cho đạo sĩ nghe.

Chuyện vừa chấm dứt, đạo sĩ cung tay xá rồi thốt lên:

- Bần đạo xin có lời chúc mừng đến đại vương! Giấc mộng với bầy hiện tượng kia đều là điềm lành tất thắng!

Đức vua thở ra, nhẹ nhõm.

Đạo sĩ tiếp lời:

- Điềm thứ nhất. Lá cờ hào quang chiếu sáng của trời Sakka tượng trưng cho lý tưởng tôn giáo mấy ngàn năm nay ở quốc độ này - mà, vị chúa chư thiên của chúng ta hằng kính ngưỡng, tôn thờ; nhân gian hằng cung kính, lễ bái, cầu nguyện... Nói rõ hơn, đây là kinh điển Vệ-đà, đạo bà-la-môn với tín ngưỡng Phạm thiên. Lá cờ thiêng liêng ấy lại rơi đi, có nghĩa là mai này, lý tưởng tôn giáo cũ sẽ mất hết giá trị, mất hết mọi uy lực. Lá cờ rơi đi, lại được chư thiên đem cắm vào một nơi khác - ý nghĩa biểu tượng muốn nói rằng, sẽ có một lý tưởng khác, tín ngưỡng khác, tôn giáo khác... thay cho truyền thống cũ. Người mà làm được việc ấy phải có trí tuệ vô song, cao viễn; muôn triệu năm mới xuất hiện một lần. Người ấy đang ở tại quốc độ này, kinh thành này. Và chính là thái tử Siddhattha, chứ không phải ai khác.

Điềm thứ hai. Mười thốt tượng cao sang, đẹp đẽ, tỏa rạng hào quang, với từng bước đi làm rung động cả quả đất - là tượng trưng cho mười pháp ba-la-mật mà thái tử đã tu tập từ vô lượng kiếp trước đến nay đã hoàn tất, đã viên mãn. Thái tử ngồi trên thốt tượng đi đầu, uy nghi, hùng dũng... chúng tỏ là nhờ năng lượng mười ba-la-mật ấy, ngài sẽ đắc quả Vô thượng Chánh Đẳng Giác; không những quả địa cầu rung động mà rung động cả ba ngàn thế giới...

Điềm thứ ba. Thái tử trấn ngự trên cỗ xe đẹp đẽ, có bốn thốt ngựa kéo, mũi chúng phun lửa và khói: Đây tượng trưng cho giáo pháp Tứ Diệu Đế mà thái tử sẽ chứng ngộ sau này. Sự chứng ngộ ấy không phải đơn giản, phải trải qua trường kỳ khổ hạnh, ném mật, nắm gai, cam go, nghiệt ngã... mới thành tựu được (Mũi phun lửa và khói).

Điềm thứ tư. Một bánh xe lớn có hào quang, lăn đi, xẹt lửa: Đây là tượng trưng cho giới luật được đức Phật vị lai chế định. Giới luật ấy, tùy lúc, tùy nghi, tùy từng giới phạm, tùy từng quốc độ... trên bước đường hoằng hóa mà thiết lập ra nhằm đối trị những hiện tượng xấu ác (lăn đi, xẹt lửa) xảy

ra trong Tăng chúng. Bánh xe có hào quang hàm chỉ giới luật ấy sáng rõ, nghiêm minh... để cho muôn phương tứ chúng y chỉ, nương nhờ...

Điềm thứ năm. Thái tử lấy cái dùi sắt đánh cái trống lớn - tượng trưng cho đức Phật sau này sẽ đóng tiếng trống Chánh pháp vang động khắp các cõi.

Điềm thứ sáu. Pháo đài từ lòng đất mọc ra rồi cao lớn, lừng lững giữa hư không - tượng trưng cho tính chất vừa tại thế vừa xuất thế của tòa nhà giác ngộ. Sự giác ngộ ấy phải được mọc từ đất, từ lòng người, từ thế gian, từ khổ đế của trần gian mà vươn lên... như hoa sen mọc từ đáy bùn nhơ. Tòa tháp giác ngộ vươn thẳng lên giữa hư không, lồng lộng giữa mây trời... tượng trưng cho sự chứng ngộ của đức Phật đã vượt khỏi trời người, là thầy của họ. Tại chỗ ấy, trên đỉnh tháp ấy, đức Phật sẽ tuyên giảng giáo pháp, ban bố châu ngọc đến cho tất cả chúng sanh (Thái tử rải hoa thơm đến cho muôn triệu người).

Điềm thứ bảy. Sáu người khóc la và bụm miệng lại - đó chính là lục sư ngoại đạo. Khi giáo pháp đã được đức Phật tuyên thuyết rồi, như mặt trời soi rọi vô minh đêm tối thì mọi tà giáo trên thế gian sẽ không còn có đất dụng võ nữa...

Giải mộng cho đức vua xong, đạo sĩ tùm tùm cười, cất giọng ôn nhu, điềm đạm:

- Tâu đại vương! Như dòng nước tự nguồn cao đổ về, chúng là sự kết tụ của biết bao nhiêu là giọt nước từ khắp các khe rãnh, hang hốc, suối ngàn... Dòng tâm của thái tử từ vô lượng kiếp trước đã kết tụ mười năng lực ba-la-mật vĩ đại... nên sẽ không có một sức mạnh nào trên thế gian có thể ngăn chặn được. Nước sẽ tìm về biển lớn, ấy là điều chắc thật. Dòng tâm kết tụ mười năng lực ba-la-mật sẽ trôi chảy về biển giác, ấy là điều chắc thật. Thái tử của chúng ta, mai sau, sẽ là đức Chánh Đẳng Giác cứu độ muôn loài. Đại vương nên vui đi mới phải!

Nói xong những điều cần nói, đạo sĩ từ từ thụt lùi, cái bóng của ông ta nhòa dần rồi mất hẳn.

Đức vua Suddhodana chột dụi mắt, rùng mình. Không biết điều vừa xảy ra là thật hay chiêm bao? Nghĩ lại lời giải mộng, đức vua lẩm bẩm: “Ông đạo sĩ đã nói rất đúng. Nếu quả thật dòng tâm với mười sức mạnh ba-la-mật ấy thì chẳng ai có khả năng ngăn cản được. Nó sẽ về biển giác! Ôi, trước sau gì con ta cũng sẽ ra đi thôi!”

Tuy nhiên, lát sau, đức vua lại nghĩ: “Hơn nửa thế kỷ làm vua, ta chưa hề đầu hàng, bỏ cuộc, chưa hề yếu đuối trước bất kỳ ý chí của một ai khác. Chính hoàng đế Kosala cũng phải nể trọng ta về điều ấy. Điềm triệu chứ chưa phải là hiện thực. Vậy ta phải phản kháng điềm triệu ấy, đánh bại ý chí xuất gia của thái tử dù sức cùng, lực tận.”

Về phần thái tử, suốt thời gian ấy, chàng luôn kề cận, chăm sóc Yasodharā cho nàng yên tâm dưỡng thai. Có lẽ đây là những ngày tháng cuối cùng chàng biểu lộ thâm tình với một người - mà chàng biết đã cùng kết tóc se tơ, cùng chung niềm vui, nước mắt, đã cùng thương yêu dúi dất nhau qua bao kiếp luân hồi, sinh tử. Cái đẹp tuyệt vời ở nơi nàng không chỉ ở ngoại hình tuyệt mỹ mà còn ở nơi tâm hồn, cá tính và cả hiểu biết nữa. Nhưng trước sau gì cũng phải từ giã. Tiếng gọi sâu thẳm từ kiếp nào đã hiện về trong ba giấc mộng của chàng. Chúng như lời cảnh tỉnh, bảo với chàng rằng là đừng có chần chừ, lẩn lữa mãi trong vòng vây của hữu hạn, của sinh già bệnh chết nữa....

Trong tháng cuối, trước khi sinh, theo phong tục truyền thống thì Yasodharā phải về quê mẹ; nhưng bà Amitā Pamitā nói là đường xa sợ động thai nên thuyết phục hai đức vua là nên phá bỏ cô lệ ấy. Quyết định đúng đắn đó được hoàng tộc hai bên tán thành. Thế là bà Amitā Pamitā yên tâm ở hẳn Kapilavatthu để chăm sóc con gái. Cả hai bà mẹ bấy giờ dường như ở hẳn trong Cung Vui; hằng ngày hướng

dẫn thị nữ chăm lo thức ăn, vật uống tránh những gì quá cay, quá nóng hoặc quá mát lạnh ảnh hưởng thai nhi. Đặc biệt là giữ không khí tươi vui, yên bình; không để cho bất kỳ chuyện trái ý, nghịch lòng nào xảy đến cho Yasodharā.

Mấy ngày trước lúc lâm bồn, hai viên ngự y tài giỏi được đức vua Suddhodana cử sang cũng phải túc trực ở bên cạnh. Một bà mụ mát tay nhất của cung đình cũng nhận nhiệm vụ như vậy.

Yasodharā rất tươi tỉnh, không biểu hiện một lo lắng, sợ hãi nào làm ai cũng yên tâm. Đức vua Suddhodana cũng không ngồi yên được, đi tới đi lui mãi. Cái cảm giác sẽ có một đứa cháu nội, niềm mơ ước bấy lâu, làm cho lòng đức vua bồi hồi, bồi hồi. Không đành được, vua bảo quân hầu cho thắng xe để ngài sang thăm cô con dâu.

Thái tử ân cần đón đức vua từ ngoài sân. Đức vua cao lớn, phương phi, mạnh khỏe - nhưng thái tử còn cao hơn cả nửa cái đầu. Dấu ấn của dòng giống Aryan hiện rõ nơi vóc dáng, nước da, sống mũi, màu mắt xanh của thái tử đậm nét hơn đức vua.

Sau khi ghé thăm Yasodharā một lát, quan sát thấy mọi sự được chuẩn bị chu đáo, đức vua hài lòng, tỏ ra khen ngợi hai bà mẹ không hết lời.

Khi chuẩn bị về cung, đức vua nói với thái tử:

- Con sắp có một bồn phận mới, bồn phận làm cha; ấy là bồn phận thiêng liêng nhất, con nhớ đấy!

- Dạ, con hiểu.

- Là dòng giống thượng đẳng, nó cần có một chương trình giáo dục tốt, xứng đáng - để khỏi hổ thẹn với tổ tông.

- Dạ, con hiểu.

Trầm ngâm một lát, như đã quyết định, đức vua lại phán:

- Sau khi đứa trẻ ra đời, ta sẽ chọn ngày giờ hoàng đạo để con chính chức đăng quang vương vị, không thể chậm trễ hơn nữa... - Giọng ngài như chột chùng xuống - Ta đã già

quá rồi, lực đã suy, trí đã giảm. Con phải biết thương yêu gia đình, vợ con, cha mẹ, huyết thống và cả giang sơn này nữa chứ!

Đức vua không tỏ ra quyết liệt đề cập đến chuyện xuất gia của thái tử là “chuyện trái đạo”, là “ý tưởng lãng mạn siêu hình” như vài hôm trước đây; mà ngài đã khôn khéo sử dụng tình cảm! Thái tử cũng biết giấc mộng của đức vua và lời giải của vị đạo sĩ lạ mặt. Như vậy, sử dụng tình cảm là biện pháp cuối cùng, đức vua muốn làm mềm yếu ý chí của chàng đây!

Hôm ấy, một bầu không khí yên lặng bao phủ Cung Vui. Mọi người đi vào đi ra đều cẩn trọng, nhẹ nhàng. Yasodharā vừa kêu bụng đau dữ dội thì viên quan ngự y liền xem mạch và thông báo giờ sanh...

Bà mẹ, hai bà mẹ và mấy thị nữ ở phòng trong. Hai viên ngự y và một số thị nữ khác túc trực ở phòng ngoài. Thái tử ngồi cách xa mấy liếp cửa, tuy không nghe gì nhưng cũng cảm thấy nôn nao khó tả. Trái tim chàng như chùng xuống. Thái tử đi lui đi tới nghe lòng mình như lửa đốt. Một sự lo lắng, bất an mơ hồ nào đó như từng lớp sóng trào lên, trào xuống, không chịu ở yên. Ôi, mẹ chàng, bà Mahāmāyā, lúc sinh chàng, nghe nói là nhẹ nhàng lắm. Tuy nhiên, sinh đẻ, đẻ sinh là cửa ải mà bất cứ chúng sanh nào cũng phải bước qua. Riêng người mẹ thì phải vượt biển một mình với biết bao nhiêu là phong ba, bão táp. Vượt qua được là sống, không vượt qua được thì đành giao phó sinh mạng cho tử thần. Lắm lúc được mẹ lại mất con. Nhiều khi được con thì mất mẹ. Có trường hợp thì mất cả mẹ lẫn con. Ôi! Thật kinh khiếp thay là sự sinh! Sự sinh này cũng là một sứ giả mang đến sự kinh hoàng cho nhân thế. Cũng là động lực cuối cùng giúp ta xuất gia, giúp ta dũng mãnh thực hiện con đường vô thượng. Ta phải tìm cho ra lộ trình bất tử...

Lúc thái tử cố điều hòa hơi thở để trấn áp cảm xúc thì phía bên trong chợt im lặng dị kỳ. Yasodharā ra sao rồi? Nàng có mệnh hệ gì không? Chàng lắng tai nghe, vừa lo lắng vừa sợ hãi xen lẫn. Bỗng nghe tiếng khóc của em bé vọng lại...

Lệnh bà Gotamī mở cửa bước ra, nhìn chàng mỉm cười:

- Mẹ tròn con vuông đấy, hoàng nhi! Nó bước ra chỉ như duỗi tay, duỗi chân vậy đó! Một cậu con trai thật kháu khỉnh.

Thái tử lau mồ trán, thở dài, nhẹ nhõm:

- Con rất cảm ơn mẹ!

Thái tử cúi đầu tưởng tượng hình bóng đứa con trai trong tâm tưởng. Chàng không biết mình có vui hay không, nhưng đây là cả một việc trọng đại. Nhất là đối với chàng, có một đứa con sẽ có một ràng buộc. Có một đứa con, phụ hoàng sẽ làm lễ đăng quang cho chàng lên ngôi vua, sẽ là sự ràng buộc thứ hai... Bất chợt, thái tử thốt lên: “Rāhulo jāto bandhanam jātan ti āha”⁽¹⁾ (Con trai ra đời, sự ràng buộc cũng sanh đến cho ta).

Tiếng của lệnh bà Gotamī thoảng bên tai thái tử:

- Hoàng nhi sẽ đặt tên cho nó chứ?

- Phải, thưa mẹ! Hoàng nhi sẽ hội ý với Gopā.

Lát sau, thái tử được phép vào thăm hai mẹ con. Niềm vui nào đó sáng ngời trong đôi mắt của Yasodharā. Đứa bé nằm một bên, được bọc trong tấm lụa màu hồng điều trông xinh xắn, bụ bẫm, đôi mắt tròn to, xanh đen, đẹp như một tiểu thiên thần.

Thái tử bước đến, mỉm cười nhìn Yasodharā rồi cúi xuống, đưa tay vuốt nhẹ lên má đứa con của mình với một tình cảm dạt dào.

⁽¹⁾ Buddhavaṃsaṭṭhakathā - trang 280

- Nàng có khỏe không, Gopā?
- Vâng, thiếp khỏe. Và thiếp sung sướng lắm!
- Ta cũng vậy. Có cái gì đó lâng lâng ở trong ta. Đây là cảm giác lạ lùng đầu tiên trong đời, Gopā.

Thái tử nhẹ nhàng bế đứa trẻ vào trong vòng tay của mình với cả sự nâng niu và trân trọng. Ôi, cái sự sống này sao mà mong manh quá! Một mầm sống đang nứt lên, nảy mầm và hiện thành một chúng sanh. Đằng sau mầm sống này là gì? Nó ở đâu mà đến cuộc đời này? Rồi phải chịu già, bệnh, chết... niềm vui, nước mắt... để lại ra đi nữa? Trong cuộc tử sinh chìm nổi vô định ấy bao giờ khổ cũng nhiều hơn vui? Rồi còn những thống khổ, đọa đày khi lỡ tạo những ác nghiệp rồi chịu đặng quả báo khốc liệt trong các con đường dữ? Nhưng mà, dầu thế nào chăng nữa, tình cảm huyết thống thiêng liêng này, quả thật, nó như là sợi giây cột buộc, trói chặt ta ở lại mãi trong cuộc luân hồi tử sinh vô tận này hay sao? Ôi! Thế là những đám mây ưu tư lại u ám, nặng trĩu trong lòng chàng.

- Có thể đặt tên cho nó là Rāhula được không, Gopā?
- Rāhula? Yasodharā mở lớn mắt - Rāhula! Ồ được lắm chứ! Nàng im lặng một lát - Chàng đặt tên cho con trai là “Ràng buộc” nhưng thiếp biết chẳng có gì trên đời này ràng buộc chàng được cả!

Nghe giọng của Yasodharā có vẻ hờn dỗi, thái tử dịu dàng:

- Thôi mà, Gopā! Nàng hiểu ta quá mà.
- Im lặng khá lâu giữa hai người. Yasodharā nín hơi nhẹ, thở dài:
- Thái tử yên trí, thiếp đã chuẩn bị tâm lý rồi. Có Rāhula, thiếp không còn sợ cô đơn nữa đâu.
 - Nàng rất tuyệt vời, rất kỳ diệu, Gopā! Ta biết nàng đã thông cảm cho ta từ lâu rồi mà.

Thái tử đã quyết định xuất gia. Năm ấy chàng vừa đúng hai mươi chín tuổi.

Ra Đi Lúc Hoàng Thành Say Ngủ

Cổ thành Kapilavatthu đêm nay thật là huy hoàng, tráng lệ. Để mừng cho mình đã có một đứa cháu nội, một hoàng tôn đẹp đẽ, đức vua cho cả kinh thành yến tiệc trong ba ngày. Sau ba ngày, đức vua sẽ bố cáo rộng rãi ngày lễ đăng quang cho thái tử chính thức trị vì ngôi báu. Dịp này không những muôn dân được giảm thuế mà tội tử tù sẽ được giảm khinh, tội nhẹ thì được tha bổng. Cả nước được vui chơi thêm bảy ngày, có ngân quỹ của hoàng gia và các trấn thành đài thọ...

Hằng đêm như thế, tòa thành cung điện sáng lung linh diễm ảo như một viên kim cương vĩ đại. Trên tường thành, các tháp canh cao lớn được trang điểm như một cây hoa đăng, ngoài ra, cách khoảng đều đặn chừng vài chục sải tay còn dựng những bó đuốc khổng lồ rực sáng giữa nền trời. Khắp các đường phố, vua cũng ra lệnh trang hoàng như các ngày lễ hội; các loại đèn nhựa thông, dầu mù u, dầu lạc... được quân canh thay nhau canh lửa suốt đêm.

Tại công viên của Cung Vui, thái tử đã cho chuẩn bị đâu đó xong xuôi một buổi dạ tiệc. Chàng muốn chung vui với các ông hoàng - như là sự gặp mặt cuối cùng trước khi âm thầm ra đi, sống cuộc đời lang thang sương gió. Yasodharā chỉ mấy ngày đã lấy lại được sức khỏe bình thường nhờ thuốc quý của hoàng gia và sự tận tình chăm sóc của hai

viên quan ngự y; nhưng thái tử khuyên nàng nên nghỉ ngơi, lại còn tiếp chuyện với hai bà mẹ cùng cô em Sundarī Nandā nữa. Họ đến từ sớm. Có lẽ mãi chuyện vui nên chốc chốc tiếng cười khe khẽ vẳng ra. Thái tử cảm thấy yên tâm. Đứa bé đã cho họ niềm vui quý hiếm.

Khi tòa thành phía Tây che giấu những vạt nắng cuối cùng thì hoàng hôn cũng vừa buông xuống, nhường chỗ cho ánh sáng lửa bùng lên. Những chùm đèn sáng rực đó đây giữa lối đi, giữa các hàng cây, vườn cảnh... soi tỏ những chiếc bàn sang trọng đã được thị nữ chuẩn bị chu đáo thức ăn, vật uống. Đêm nay, thị nữ, vũ nữ, ca nhi được phục sức và trang điểm như ngọc nữ. Nhạc công, vũ công... thì trông tựa như tiên đồng. Tất cả xà-rông, xiêm y, khăn, đai... của họ đều lấy màu xanh làm nền: Xanh da trời, xanh nước biển, xanh lá cây, xanh nõn chuối... nên trông dịu dàng mát mẻ như một bài thơ mùa xuân của thi sĩ thiên nhiên.

Một khán đài lộ thiên được dựng công phu giữa hai cội hồng táo cũng được trang điểm gấm lụa nhiều màu sắc, điểm hoa thêu. Hoa sứ, hoa lài, hoa cúc, hoa vạn thọ, hoa kadamba, hoa campaka, hoa saraca... được kết thành từng tràng, từng chuỗi từ diềm cao rủ xuống trông vô cùng duyên dáng và gợi cảm. Không gian thơm nức mùi hương.

Thái tử ngồi trầm ngâm bên lò trầm, đưa mắt nhìn lên nền trời xanh có mảnh trăng như dát bạc. Vô vàn vì sao mờ tỏ lấp láy. Phương Nam sao mờ. Chùm sao ở phương Bắc như từng hạt kim cương đứt nối kết chuỗi. Ô! Chúng treo ở đâu giữa nền trời xanh thẳm và vô tận ấy?

Ngựa hí, những tiếng nhạc ngựa leng keng, những bánh xe dừng lại ken két ở ngoài ngõ. Các ông hoàng, trước sau, lần lượt xuất hiện. Đầy đủ cả. Đầy đủ tất cả những nhân vật tài hoa của cả hai cố thành. Thái tử mỉm cười ôm vai nhau vui mừng với từng người một, trong thâm tâm lại nghĩ, họ sẽ

là những phụ tá đắc lực mai hậu cho chàng khi tìm ra được đạo lớn - con đường bất tử.

Đêm ấy thật là đặc biệt. Đã quá lâu họ mới có cuộc gặp mặt đông vui như thế này. Từ độ hợp tác cải cách, canh tân đất nước thất bại, họ xa nhau, ai cũng trở về với bản phận và trách nhiệm của mình. Đa phần họ được thay thế lớp già lão để làm các quan tổng trấn, đại thần hoặc phụ tá các các vị trong hội đồng nguyên lão. Con đường làm quan thì giàu sang, vinh hiển. Có kẻ bệ vệ, chững chạc nhưng cũng có kẻ đã có vài nếp nhăn nơi đuôi mắt, vầng trán. Thái tử quan sát từng người và chàng cảm nhận một cách minh nhiên rằng là, chẳng có ai hạnh phúc cả! Họ cười nói ha hả, hào sảng, vô tư... nhưng ai cũng muốn giấu đằng sau những lo nghĩ, phiền muộn. Nhất là Mahānāma, người đã có gia đình, lúc nhúc vợ con. Kế đến là Bhaddiya, một vị minh quan được triều đình nể trọng. Chỉ còn có Ānanda và Anuruddha, cả hai đều một mực từ chối làm quan, từ chối lập gia đình... là còn vui tươi, hồn nhiên, trong sáng.

Trên khán đài lộ thiên, tốp vũ nữ và đám ca nhi thay nhau những tiết mục đặc sắc. Họ vào tiệc, ăn uống, chúc vui, chúc mừng nhau... mạnh khỏe, sống lâu, công thành, danh toại... Ai nấy đều học rộng, biết nhiều, có đời sống tinh thần vững mạnh, có chiều sâu tâm hồn; họ đều biết những lời chúc tụng đầy đũa đưa ấy là khách sáo, nhưng nếu không có những lời đầu môi chót lưỡi ấy thì họ không biết nói gì! Họ bất lực trước cái hữu hạn, trước cái ràng buộc của ngôn lời, của xã giao đời thường mà chẳng biết làm sao!

Họ ăn uống chùng mực. Nghe xem cũng chùng mực. Thái tử sai thị nữ mang thêm thức ăn, thức uống rồi muốn phá vỡ không khí im lặng ấy, chàng nói:

- Công việc tại các trấn thành như thế nào, các bạn?

Bhaddiya nói oang oang:

- Đệ không muốn làm quan tổng trấn, chỉ xin chức phụ tá để xem công việc như thế nào, xem mình sẽ làm được những gì cho mọi người... Nhưng rốt lại, vô ích thôi, thái tử ạ!

- Đệ hãy nói cụ thể hơn. Ở đây sẽ có được ý kiến của nhiều người - Thái tử quan tâm hỏi.

Bhaddiya thở dài:

- Chưa nói đến bảy mươi ba ngàn dân lao động cực nhọc, khốn khổ, nghèo nàn... trong một trấn thành một trăm mười ngàn dân, như ở Kapilavatthu này, là khó giải quyết! Chưa nói đến tệ nạn quan liêu, tham nhũng, hối lộ... của các quan chức điều hành các cơ sở nghiệp vụ chuyên môn... tại thị trấn, làng xã, phường xóm... là những căn bệnh lâu ngày khó chữa trị. Chỉ mới một việc nhỏ thôi, tại trấn thành của đệ, chỉ có mấy chục ngàn dân, muốn đưa số dân nghèo ra khỏi đời sống của động vật, sống cho ra con người mà cũng không làm được!

Thái tử hiểu Bhaddiya muốn nói gì. Chàng đã từng đi quan sát nhiều ngôi làng của cư dân thủ-đà-la. Họ chưa có một ngôi nhà đúng nghĩa là một ngôi nhà: Tất cả chỉ là những cái chòi, những cái hang, những mái che tạm bợ, sơ sài. Chỗ ngủ nghỉ của họ là những sạp cây, sạp nứa đóng ghép cầu thả, đỉnh đoảng, ọp ẹp, hư mục... Đôi nơi họ nằm cả trên nền đất bản. Chưa thôi. Trước cửa ra vào xiêu vẹo, bên trái là năm bảy con dê, bên phải là vài ba con bò...; máng ăn cho súc vật quăng bỏ bừa bãi trên đồng rác xả thải đủ loại... Phân dê, phân bò cùng nước tiểu của chúng, lâu ngày tẩm lên đất một mùi xú uế nồng nặc, đứng xa hai mươi sải vẫn ngạt ngào mùi hôi đến lợm giọng, nôn mửa. Thế nhưng, đám dân thủ-đà-la ấy cùng sống chung, sống với dê, bò, với hôi hám bản thủ ấy một cách an nhiên, tự tại! Sự rách rưới, đói nghèo, bệnh tật, ghẻ lở... của họ quả là không

còn thuốc trị, quả không còn khả năng để cứu giúp nữa... Ôi! Thái tử hiểu rất rõ, rất rõ...

Kimbila xen lời có vẻ vừa mỉa mai vừa tâm sự:

- Cứ cái cách đi, cứ canh tân đi! Rồi biện pháp này lại đụng đến người này, biện pháp kia thì đụng đến người khác. Nuốt chén cơm quý tộc mà nghe đặng chát như trái bồ hòn.

Anuruddha cười ha hả:

- Cái vỏ đao chặt quá! Dụng sức rút hoài chưa ra khỏi vỏ thì nói gì đến chuyện rút đao tương trợ, cứu khốn, phò nguy, giúp dân, giúp nước...

Ānanda đồng tình nhưng lại nói nhạo:

- Vậy thì hoàng huynh bỏ vũ khí ra! Xem đệ đây, không có đao mà cũng chẳng có kiếm!

Mọi người đồng cười rộ.

Mahānāma cất giọng điềm đạm:

- Tâm sự của Bhaddiya là của tất cả chúng ta. Ở trần của đệ cũng tương trợ thế, là bài toán ngàn đời nan giải... Ông cúi đầu xuống, im lặng một lát rồi nói tiếp - Anuruddha và Ānanda thế mà sững, thế mà khôn... vừa thoát được cái tròng hoạn lộ, vừa thoát được cái tròng vợ con! Xin chúc mừng, chúc mừng...

Mahānāma cầm ly rượu chanh chưa kịp cụng ly với mọi người thì Anuruddha đã chọc gheo:

- Khôn thì nhất định chúng đệ khôn rồi. Nhưng sung sướng thì còn cần phải xét lại! Huynh hai vợ, bốn con, chưa đủ; còn đào hoa gán thêm một kiều nữ kiều diễm nữa. Kết quả mối tình mặn nồng thơ mộng này cho huynh thêm cô bé Vāsabha-khattiyā xinh đẹp như tiểu tiên nữ không là món quà hạnh phúc là gì!

Mahānāma cúi đầu rầu rĩ.

Anuruddha cụng ly với Ānanda:

- Chúng mình một phe, chúc mừng! Đồng thời ủng hộ cuộc nhân duyên lai huyết thống mà ai cũng phản đối ấy!

Thái tử biết chuyện ấy, cả hội đồng trưởng lão Sākya lên án, làm cho ưu tư của Mahānāma càng thêm ngổn ngang, rồi bời nên mở lời chia sẻ, thông cảm:

- Máu thì ai cũng đỏ. Mồ hôi, nước mắt thì ai cũng mặn. Phân biệt huyết thống mà làm gì! Tất cả chúng ta đều ủng hộ phải không?

Mọi người đồng vỗ tay tán thành:

- Vương huynh nói phải!

Devadatta bây giờ mới từ từ cất tiếng:

- Đệ quyết liệt từ chối lập gia đình nhưng phụ tá vương vị thì không thể giao phó cho ai. Tình trạng Koliya chẳng khác gì Sākya. Cũng như Bhaddiya, Mahānāma đã nói, là không làm được việc gì ra trò, ra trống cả. Việc gì cũng nửa vời. Việc gì cũng đáp đối tình thế đầu ngọn, ngoài da cả. Ý nghĩa và giá trị cuộc sống càng ngày càng mù mịt. Tâm không yên. Trí không yên. Sau những cuộc vui chốc lát như thế này, bên huynh đệ tâm sự như thế này; có lẽ là những kỷ niệm đáng nhớ nhất, hạnh phúc nhất của đệ đấy! Rồi khi trở về, lại với công việc bộn bề, phía này thì va đụng phải bức tường thành truyền thống, phía kia thì húc phải hư vô, rỗng không cùng với những tri kiến rồi bời! Đệ biết sống để làm gì? Niềm vui ngũ dục thì tầm thường quá mà khát vọng tâm linh thì chỉ có nỗi đau và vực thẳm. Ở đâu cũng nỗi đau và vực thẳm cả...

Sau lời tâm sự của Devadatta, không khí cuộc vui như chùng xuống. Dường như đây cũng là nỗi niềm chung của các ông hoàng nên ai cũng trầm ngâm, lặng lẽ. Các chương trình, tiết mục biểu diễn trên sân khấu lộ thiên ai cũng hững hờ. Trời về khuya trăng càng sáng tỏ. Đêm mênh mông và yên tĩnh. Vài cơn gió mát lạnh từ phương Bắc tràn xuống. Cây cỏ lao xao. Chợt tiếng nói bên hiên vọng ra:

- Con đừng tiến nữa, Gopā! Hơi sương đêm không tốt đâu đấy.

Thái tử đứng dậy, bước nhanh lại:

- Để hoàng nhi tiễn hai mẹ về nhé!

- Không! Lệnh bà Gotamī nhìn về phía các ông hoàng - Con hãy chung vui với các bạn một lúc nữa.

Lát sau, ca nhi, vũ nữ được cho nghỉ ngơi. Các ông hoàng cũng lần lượt từ giã. Trong lúc thị nữ và gia nhân thu dọn bữa tiệc tàn thì thái tử chậm rãi tản bộ đến phía cuối vườn. Đèn đuốc vẫn sáng lung linh. Thái tử ngồi bất động trên một tảng đá, rất lâu, không để ý lúc ấy sương xuống đã nặng hạt.

Yasodharā liếc nhìn bóng dáng thái tử khuất sau hàng cây, nằng đội khăn, trùm đầu, đi quanh ra phía góc vườn đối diện, tầng hắt, gõ cửa căn lều nhỏ:

- Channa... Channa...

Ngọn đèn được vặn sáng lên. Hóa ra Channa còn thức. Thấy lệnh bà Yasodharā, Channa nói lấp bắp:

- Thừa lệnh bà... chẳng hay...

- “Suyt!” Công chúa khẽ nói - Đừng cho thái tử biết. Con hãy chuẩn bị yên cương, áo mũ dạ hành, kể cả thức ăn ngon cho ngựa. Đêm nay, thái tử rất cần con với Kanṭhaka đấy!

Yasodharā đi rồi mà Channa còn há hốc nhìn theo...

Và quả thật đúng như vậy, đêm ấy thái tử quyết định ra đi. Đợi lúc mọi người yên ngủ cả, chàng dạo một vòng quanh công viên, nhìn những hồ nước, những cây cảnh, những ngọn đèn đá, những bồn hoa, những đường đi lồi lõm... suốt bao nhiêu năm qua đã trở nên quen thuộc. Chàng nói thầm trong tâm rằng: “Cảm ơn các bạn, những người bạn cỏ hoa vô tình đã cho ta những phút giây an bình, thư thái. Hôm nay, ta chào từ giã các bạn.”

Sau đó, thái tử rảo bước một vòng quanh hành lang cung điện mùa hè. Đâu đó đều vắng lặng như tờ, thỉnh thoảng, tiếng nghiền răng, tiếng ngáy của gia nhân, người hầu vọng

lai. Trăng sáng vằng vặc dội chiếu vào các cửa sổ mở rộng. Những chùm đèn vẫn còn sáng tỏ lác đác đó đây. Thái tử muôn vào nhìn mặt Yasodharā và Rāhula lần cuối cùng. Khi đi ngang qua căn phòng sang trọng dành cho ca nhi, vũ nữ, bất giác chàng dừng lại. Sau buổi biểu diễn mệt mỏi, các cô nàng nằm ngủ la liệt, buông lơi, trẽ tràng... Họ là những mỹ nữ đã được tuyển chọn, đẹp như tiên nữ nhà trời mà bây giờ trông như những xác chết. Có cô tróc váy, hở hang, nằm soãi dài, thản nhiên cất tiếng ngáy. Có cô phấn son nhòe nhoẹt, da trắng bệch, miệng há ra, nước bọt sùi ra bên mép. Có mấy cô nằm gác chân lên nhau ngang dọc, để lộ tro trên những bộ phận cơ thể lỏa lồ. Mùi phấn, mùi son, mùi nước dãi, mùi mồ hôi, mùi hơi thở, mùi da thịt... quyen lẫn trong nhau tỏa ra cái mùi tổng hợp ngậy ngậy, lợm giọng... Ô! Hóa ra đây là sự thật đằng sau cái gọi là sắc đẹp, âm thanh, hương vị mỹ diệu của cuộc đời mà vô lượng kiếp, chúng đã đưa ta và chúng sanh vào các cõi dục đắm say. Quả đúng là một bãi tha ma, mộ địa bốc mùi xú ối, là cái mà chúng đã quyen rũ ta và chúng sanh quần quanh hoài trong sinh tử rồi trầm luân vạn kiếp?

Thái tử đứng bất động.

“- Ta đã thấy người rồi, sắc đẹp! Ta đã thấy rồi những tô vẽ diễm lệ ở bên ngoài cái xác thân hôi hám kia! Rồi lại còn âm thanh du dương, trầm bổng? Mùi hương thơm tho, quyen rũ? Mỹ vị ngon béo ngọt ngào? Xúc chạm mịn màng, êm ái...? Tất cả, chúng cảm dỗ thế gian đến say mê điên đảo. Nhưng sự thật, bản chất của chúng là rỗng không, ghê tởm.”

Trước mắt thái tử chợt hiện ra những ý nghĩ so sánh với những hình ảnh, kế tục những hình ảnh:

“- Sự cảm dỗ ấy ví như như cục xương khô mà đàn chó nhà đang nhe nanh vuốt cầu xé, giành giật lẫn nhau. Chúng bán sống bán chết để tranh cho được cục xương. Nhưng rồi

chúng có làm được gì?! Chúng chỉ nuốt được bọt nước miếng của mình thôi!”

“- Sự cảm dỗ ấy giống như miếng thịt thối mà điều, quạ, kên kên... đồng lao xuống cướp giết. Con này cắn được, mang đi, con khác rượt theo, mổ, tranh chí chóc. Cuối cùng, có con nào được cái gì đâu! Chỉ có trầy da, tróc lông, tươm máu là có thật!”

“- Sự cảm dỗ ấy ví như người cầm bó đuốc cỏ khô đang cháy, đi ngược chiều gió. Ngọn lửa tấp vào tay... cũng không chịu vứt bỏ! Cuối cùng bị cháy bỏng, đau đớn đến gần như chết.”

“- Sự cảm dỗ ấy giống như hầm than hồng, ngậm cháy, bên trên có lớp tro trắng che phủ. Trên ấy, có người vẫn vô tư, hồn nhiên đi lui đi tới, vui tươi hí hửng, nhảy múa, hát ca... Đùng một cái, bị rớt xuống hầm, bị thiêu đốt quằn quại, đau đớn...”

“- Sự cảm dỗ ấy ví như có người nằm mộng thấy phú quý, vinh hoa tột bực, thọ hưởng dục lạc trăm phần thỏa mãn. Khi tỉnh lại, hóa ra không có gì cả. Chỉ có xương cốt rã rời, thân tâm mệt mỏi là có thật!”

“- Sự cảm dỗ ấy giống như đồ mượn dùng trong chốc lát! Chốc lát thôi - vì không thể thọ hưởng được lâu dài. Khi trả lại cho vô thường thì hóa ra tay trắng vẫn hoàn tay trắng! Chỉ có tiếc rẻ, ngán ngơ, sầu muộn là còn lại.”

“- Sự cảm dỗ ấy giống như trái cây chín có thuốc độc. Thấy trái cây chín có màu da đẹp, láng lẩy, mịn màng, mọng đỏ, thơm lừng lừng... bèn hái ăn! Ôi, quả là tuyệt vời... trái chín ngọt tươm mật, tươm hương. Nhưng khi ăn xong, chất độc ngấm vào bao tử, ngấm vào ruột non, ngấm vào máu... người ấy quằn quại la hét, mắt trợn ngược, trắng dã, da tím tái, mồ hôi nhòe tuôn đổ... là dấu hiệu của tử vong.”

“- Những sự cảm dỗ ấy chúng không chỉ mê hoặc một người, vài người... mà chúng đầu độc cả thế gian. Vợ chồng,

con cái, anh em, bạn bè, quyền thuộc... cũng vì chúng mà sinh ra không biết bao nhiêu cảnh huống thương tâm, ly tán, đoạn trường. Rồi nào là dòng họ, tập cấp, làng xã, bộ tộc... cũng vì chúng mà sinh ra xung đột, bạo lực, thù hận, chiến tranh... tương tàn tương sát, máu chảy thành sông, xương chất cao như núi...!”

Thái tử thở dài một lượt nữa. Ý chí xuất gia thêm một lần nữa, càng trở nên kiên định...

Thái tử vén rèm, nhìn vào phòng Yasodharā. Nàng và con đang yên giấc. Thái tử bước gần lại. Qua ánh đèn, thái tử thấy khuôn mặt của Rāhula bị che khuất sau mảnh vải lụa từ cánh tay trái của nàng Yasodharā. Thái tử muốn ôm con, muốn thấy mặt con lần cuối cùng. Vừa thò tay xuống, thái tử chợt dừng lại, chàng sợ lay động giấc ngủ của công chúa. Nàng thường ngủ rất tỉnh. Và như vậy thì sự ra đi của chàng càng trở nên khó khăn. Thái tử sợ giọt nước mắt của nàng. Giọt nước mắt của người nữ có thể làm tê liệt, làm cho bủn rủn ý chí của tất cả các trang nam nhi! Thái tử đứng nhìn ngắm Yasodharā. Nàng đúng là một người đàn bà vẹn toàn năm vẻ đẹp, chưa kể vẻ đẹp tâm hồn thế gian khó tìm. Cho chí trong giấc ngủ vẫn tỏa ra nét đoan trang, kín đáo... như một nụ hoa hàm tiếu! Dáng nằm nghiêng về bên phải, chân co, chân duỗi - đúng là cách nằm của bậc mẫu nghi thiên hạ! Ôi, nàng đã cùng ta đi suốt một chặng đường dài, ngoại trừ bản chất mềm yếu đương nhiên của nữ tính, thái tử thấy nàng như một viên ngọc manī không tỳ vết, chẳng khiếm khuyết nào về mỹ dung cũng như đức hạnh... Mà thôi! Dù sao thì mọi chuyện, thái tử đã nói hết rồi. Đừng nên quyến luyến, bịn rịn nữa. Ngay cả sự cảm dỗ ngọt ngào này... ta cũng phải cắt đứt.

Chàng bước ra, nhè nhẹ, sau đó lại trở vô, vén rèm nhìn hai mẹ con một lượt nữa. Cuối cùng, thái tử quay lưng, cắt

bước đi nhanh. Trăng sáng vằng vặc. Sương đêm lấp lánh. Thái tử đến cuối vườn. Channa còn thức.

- Channa! Thái tử gọi - Đem ngựa Kanṭhaka với đầy đủ yên cương cho ta!

Tuy đã được Yasodharā báo trước, nhưng Channa cũng hỏi:

- Thái tử đi đâu khuya vậy?

Không đáp thẳng vào câu hỏi của Channa, thái tử nói:

- Nhớ kiểm tra lại vó ngựa. Cho nó ăn uống đầy đủ trước khi lên đường.

Sau khi đã thực hiện đầu đó xong xuôi, Channa dẫn Kanṭhaka với đầy đủ yên cương, áo dạ hành, kể cả nước uống, thức ăn cho người và ngựa. Thái tử hơi ngạc nhiên trước sự mau mắn, nhậm lẹ của Channa; sợ không còn thời giờ, chàng đến bên ngựa vuốt ve, vỗ về:

- Đây là một chuyến đi xa, Kanṭhaka! Chuyến đi rất quan trọng với ta! Chuyến đi quyết định cả một đời người! Con hãy ra sức hết lòng nhé!

Kanṭhaka dậm chân, hí một tràng dài như vui mừng, như sung sướng. Sợ mọi người thức dậy, nhất là sợ Yasodharā tỉnh ngủ, Thái tử vuốt ve đầu ngựa... Channa nói:

- Con có đi cùng không, thái tử?

Chàng gật đầu rồi hỏi:

- Nó có đủ sức chở hai người không, Channa?

- Dư sức, thái tử! Một ngày đi ngàn dặm mà còn dẻo dai, sung sức.

Thái tử leo lên ngựa. Channa cũng nhẹ nhàng nhảy lên ngồi ở phía sau. Ra khỏi cổng Cung Vui, nhắm cửa thành Đông Nam, thái tử cho ngựa đi nước kiệu, thong dong, nhàn nhã. Kinh thành đang say ngủ, đèn đuốc vẫn còn cháy đỏ bập bùng ở nơi này, nơi khác.

Cổng thành Đông Nam mọi khi đóng chặt, nhưng hôm nay sao được mở rộng? Quân canh mọi lúc canh gác nghiêm

ngặt nhưng bây giờ họ đi đâu vắng cả, có lẽ yến tiệc say sưa ngủ mê mệt hết rồi chẳng? Ngừng nhìn trời sáng rực hào quang, thái tử biết sự ra đi của mình hôm nay được thiên thần hỗ trợ, nên ý chí xuất gia như được tiếp thêm sức mạnh.

Ra khỏi cổng, ngựa Kanṭhaka như muốn khoe tài, nó hí một tràng dài rồi tung vó, lướt đi nhẹ nhàng như làn gió mát. Chừng hơn nửa dặm đường, thái tử dừng ngựa, quay lại nhìn kinh thành lần cuối cùng. Kapilavatthu nằm im lìm giữa trời trăng và giữa những đóm lửa bập bùng. Những tháp hoa đăng và những bó đuốc khổng lồ trên bốn bức tường thành như vạch giữa đêm đen một hình chữ nhật lửa vĩ đại. Thái tử mang một cảm giác kỳ lạ, bồi hồi khó tả. Nơi đây, nơi cổ thành hoa lệ ấy, chàng đã được sinh ra, được lớn lên, được học hành, được nuông chiều trong ba tòa Cung Vui. Cũng tại đây, một tuổi thơ hồn nhiên, vô tư vui chơi cùng chúng bạn... Và rồi cũng từ đó mà cùng thao thức và trở trăn. Nơi ấy có người vợ đầu yêu từ nhiều kiếp trước, đã hiểu chàng, đã thông cảm cho chàng, đã biết chàng từ chân tơ kẽ tóc của ý tình và tâm sự. Có đứa con thơ với mầm sống bé nhỏ vừa ra đời được mấy ngày. Rồi phụ hoàng, một người cha vừa nghiêm khắc vừa nhân từ, tuy già lão mà còn cứng cáp như tùng, như bách. Rồi di mẫu Gotamī nữa, người đã thương yêu chàng như mẹ thương con, quan tâm và lo lắng cho chàng còn hơn cả Nanda và Sundarī Nandā - là con ruột của người. Rồi còn các ông hoàng huynh đệ nữa. Đã hằng chục buổi hội thảo lớn, hằng trăm cuộc đàm đạo nhỏ... vẫn không thể tìm ra kế sách đem đến hạnh phúc, an vui cho nhiều người. Vẫn bế tắc, vẫn mịt mù trước ý nghĩa cuộc sống.

Tất cả họ, có phải thế chẳng, hiện giờ đều đang say ngủ? Có phải thế chẳng, họ không biết gì đến cái vòng quay nghiệt ngã của luân hồi tử sanh tất định? Có phải thế chẳng, họ đang an phận muôn đời trong cái giới hạn vô lượng của đau thương và khổ nạn? Thái tử tự hứa với lòng là phải tìm

cho ra con đường bất tử, nếu không, quyết không trở lại kinh thành Kapilavatthu nữa.

Khi thái tử quay ngựa dóm bước đi thì trên hư không, trước mặt, xuất hiện một đài mây sáng. Một vị thiên thần phục sức cao sang, mỹ lệ hiện ra, có vẻ chặn đường.

- Ngài là ai? Thái tử hỏi.

- Ta là vua cõi trời Tha hóa tự tại, thừa thái tử!

- Ngài đến đây có việc gì?

Vị ấy là thiên vương cõi trời Vassavati, chúa cõi trời Dục giới thứ sáu, thế gian thường gọi là Ma ba tuần. Nó chính là vị Đại ma vương nhiều phước báu và nhiều quyền lực. Tất cả mọi chúng sanh, trừ phạm thiên giới đều ở trong sự chi phối của y. Ngay cả Đạo-lợi, Đâu-xuất cũng không biệt lệ. Thời gian gần đây, Đại ma vương nghe tất cả các cõi thiên giới đều xôn xao; nhất là từ khi chúng chư thiên, phạm thiên đến thỉnh bồ-tát Setaketu giáng sanh cõi trần để tiếp nối con đường bất tử của mình, sẽ đắc quả Chánh Đẳng Giác để cứu độ chúng sanh. Mới vừa rồi, chư thiên hiện ra trong cung điện kinh thành Kapilavatthu để phân xử con chim hạc, Đại ma vương cũng có nghe. Rồi chư thiên hiện thân sứ giả người già, người bệnh, người chết, vị sa-môn... để kinh cảm đến thái tử cũng không thoát khỏi được đôi mắt thiên nhãn của Đại ma vương. Đặc biệt, đêm nay, giữa hư không, thiên chúng mừng vui, tấu nhạc trời, mở hội hoan ca để cung tiễn thái tử xuất gia tầm đạo. Kinh thành Kapilavatthu sáng rỡ hào quang. Công thành Đông nam chư thiên mở rộng ra, cho quân binh say ngủ, để tạo sự thuận lợi cho thái tử xuất hành. Đại ma vương biết cả, thấy cả. Ông ta mang nỗi niềm khó tả, vừa tự ái vừa lo sợ. Đại ma vương vốn là chúa của bóng tối và vô minh, quyền lực của nó chỉ có giá trị khi thế gian sống say mê trong dục lạc ngũ trần. Những chúng sanh tu tập thiên định để lên cõi trời Sắc và Vô sắc, viễn ly dục lạc vật chất là đã thoát khỏi quyền lực của Đại ma vương rồi.

Nhưng nó không lo, khi hết phước báu và năng lực thiên định thì cũng phải rơi trở vào tròng như cũ. Đại ma vương lo ngại nhất là vị thái tử này. Vì dục lạc tối thượng tại ba tòa Cung Vui cũng không giữ chân chàng được. Thái tử muốn thoát khỏi quyền lực của Đại ma vương. Thái tử dám đi tìm ánh sáng và con đường bất tử sao? Quyết không thể được!

Do vậy, khi được thái tử hỏi, Đại ma vương cất giọng ngọt ngào:

- Ta đến đây hoàn toàn với thiện ý. Ta báo cho thái tử một tin mừng là trong vòng bảy ngày nữa, thì bảy báu⁽¹⁾ sẽ xuất hiện. Và như vậy thái tử sẽ là vị Chuyển luân Thánh vương, cai trị bốn châu thiên hạ, giàu sang tột bậc, phú quý vô cùng và quyền uy tối thượng.

Thái tử mỉm cười:

- Người dụ dỗ ta ấy à?

- Không, không phải dụ dỗ. Mà đó là sự thật. Ta chỉ nói sự thật. Với thần lực biết quá khứ, vị lai - ta chỉ mách cho thái tử hay đó thôi.

- Thế à! Thái tử thản nhiên nói - Vậy thì ta xin cảm ơn hảo ý của người. Bây giờ thì hãy tránh đường cho ta đi.

- Thái tử đi đâu? Sao không ở lại hoàng thành để đợi chờ bảy báu của Chuyển luân Thánh vương xuất hiện?

- Nay, ta báo cho người hay. Ta từ chối mọi vinh quang của thế gian. Ta khước từ mọi chạm bẩy ngọt ngào của ngũ dục. Ta sẽ bước ra khỏi quyền lực của người, này ma vương! Rồi ta sẽ xóa tan bóng tối của vô minh. Ta sẽ không cam chịu đời sống thấp hèn, si mê và nô lệ. Ta sẽ tìm cho ra ánh sáng của đạo bất tử. Ta sẽ lặn lội kiếm phương thuốc cứu khổ cho muôn triệu sanh linh. Dù chông gai, trở ngại cũng không làm cho gót chân ta lùi bước. Dù bão cuồng, gió

⁽¹⁾ Xa luân báu, ngọc báu (mani), hoàng hậu báu, bá hộ báu (triệu phú), voi báu, ngựa báu, tướng quân báu (đại thần).

giật cũng không lay động được ý chí của ta. Hỏa diệm sơn hoặc hổ than hồng hùng hực cũng không đốt cháy được quyết định của ta. Lựa chọn con đường xuất gia là một lựa chọn bất thối. Chẳng ai trên thế gian này cản trở được ta đâu. Người hãy đi đi thôi! Đừng hòng giở trò dối lừa, phỉnh gạt quý quyết nữa. Người là bóng tối thì hãy tan theo bóng tối. Tức khắc tan ngay!

Đại ma vương biết không dễ gì lung lạc thái tử được nữa, một chúng sanh vĩ đại đã từng tu tập ba-la-mật trong vô lượng kiếp, nhưng rồi y sẽ chờ đợi. Thái tử, khi đang còn thân xác trần tục của một con người, chắc một lúc nào đó ông ta sẽ có một vài lỗi lầm, sẽ có một vài tư tưởng xấu, sẽ có một vài khoảnh khắc mềm yếu; và những khi như vậy, ta sẽ tức khắc xuất hiện, tìm cách cảm dỗ trở lại trong vòng quyền lực của ta... Nghĩ thế xong, Đại ma vương biến mất giữa hư không... Và cũng từ giây phút đó, Đại ma vương theo dõi từng bước chân, từng tâm niệm của thái tử... dường như suốt cả cuộc đời!

Channa cứ há hốc mồm... mà nghe thái tử nói giữa hư không! Y ngạc nhiên là phải vì cuộc đối thoại vừa rồi chỉ xảy ra trong một không gian riêng giữa Đại ma vương và thái tử. Chỉ có thái tử thấy và nghe - còn ai khác đều không thể.

Đại ma vương đi rồi, thái tử thản nhiên như không có chuyện gì, cúi xuống khẽ vuốt ve bờm ngựa:

- Bắt đầu từ đây, con sẽ ra oai, con nhé! Con sẽ cố gắng hết sức mình. Với sức thần mã vô địch, trong vòng nửa đêm, con sẽ đưa ta vượt Sākya, vượt Koliya để đến bên kia quốc độ Malla con nhé!

Kaṇṭhaka như hiểu được tiếng người, dựng bờm, dậm vó, hí vang rồi lao đi. Từ nước kiệu, đổi sang phi nước đại; sau đó Kaṇṭhaka trở uy thần mã trên dặm dài thiên lý. Thế rồi, nhà cửa, cây cối, ruộng vườn, núi đồi... chợt lùi ra phía

sau, lười xa ra mãi. Kaṇṭhaka phi nhẹ nhàng như một lần sáng trắng, nhưng ngồi trên yên, thái tử vẫn cứ cảm giác như ngồi trên tấm thảm nhung, êm ái, không lay xóc. Theo mãi hướng Đông Nam, một đôi sau, bắt gặp một xa lộ rộng rãi là con đường giao thông huyết mạch của thương nhân từ phía Kosala đến Sākya, Koliya, Malla, Vajjī, Licchavī... tiếp giáp sông Gaṅgā... và qua bên kia là quốc độ Māgadha rộng lớn. Thái tử nhẩm tính từ kiến thức địa lý đã học được. Từ Kapilavatthu đến Lumbinī, nơi chàng chào đời, khoảng chừng sáu do-tuần (khoảng bảy mươi hai km). Từ Lumbinī đến Koliya chỉ vài ba do-tuần, nhưng có con sông Rohini phải vượt qua, mới vào được kinh đô Devadaha của nước Koliya. Từ đây, chỉ bốn năm do-tuần nữa là đến quốc độ Malla rồi. Nơi nào có con sông rộng ấy là sông Anomā... Như vậy, tổng cộng lộ trình trên dưới mười bốn do-tuần (trên một trăm sáu mươi km) với sức ngựa như thế này, ta sẽ vượt qua được bên kia Anomā lúc trời rạng sáng, gặp khu rừng dự định.

Đúng như thái tử phỏng đoán, đầu canh ba, ngựa Kaṇṭhaka đã vượt qua sông Rohini, khúc sông cạn, sau đó, tiếp tục đến Koliya. Không theo lối vào kinh thành Devadaha, theo xa lộ của thương buôn, ngựa vẫn phi nhẹ nhàng, lâu lâu húng thú, nó hí lên một tiếng, âm thanh như phá vỡ sự yên lặng của đêm sâu.

Có lẽ là bắt đầu ra khỏi địa giới Koliya, thái tử cho ngựa dừng chân bên một hồ nước ven đường để nghỉ sức. Sao mai sáng trong lấp lánh như một hạt kim cương. Gió mát thổi rì rào. Thái tử bước xuống. Kaṇṭhaka rịn mồ hôi. Channa cho ngựa uống nước, cho ăn đậu xanh, đường và mật... đã cụp bị đầy đủ trong tay nải.

Họ lại lên đường. Lúc sao mai mờ, trời rạng sáng, họ đã đến được một dòng sông khá rộng. Nhìn dãy núi và khu rừng bên kia bờ, thái tử biết mình đã đến nơi. Như vậy, con

thần câu vô địch chỉ trong thời gian một canh rượu đã đưa thái tử và Channa vượt một chặng đường dài trên mười mấy do-tuần mà dường như nó vẫn còn sung sức.

Dòng sông Anomā nước xanh trong, mênh mông. Đưa mắt nhìn phía thượng lưu đến hạ lưu, thấy khó hy vọng gặp đoạn sông cạn, thái tử phân vân... Thường ở đây có những chiếc bè lớn cho thương buôn và khách bộ hành sang sông, nhưng nhìn quanh chẳng thấy.

Thái tử nói:

- Có lần, Bhaddiya kể rằng, ở đây có ba hay bốn bến sông do nhu cầu của thương buôn từ nhiều hướng khác nhau. Vậy, ở đâu đó sẽ có bè, ta đi trật lồi rồi, Channa, phải tìm bến mới có bè sang sông được.

- Hóa ra là chuyện qua sông! Channa hăm hờ nói - Chẳng cần thế, thái tử. Kanṭhaka dư sức bay qua khúc sông này mà!

- Chẳng lẽ nào? Người nói chắc đấy chứ?

- Chắc chắn! Channa gật - Thuở nhỏ, ở trại nuôi ngựa, con đã từng huấn luyện cho Kanṭhaka bay qua một cái đầm rộng, có lẽ còn rộng hơn đoạn sông trước mặt. Nó khoái lắm! Phải vậy không, Kanṭhaka?

Như hiểu ý, Kanṭhaka lại dựng bồm, dậm chân lịch bạch, hí vang.

Thái tử và Channa lại lên ngựa, đi trở lui một khoảng xa để lấy trớn. Thái tử tin lời của Channa và còn tin vào khả năng thần kỳ của Kanṭhaka nữa. Vì suốt quãng đường dài, nhiều khi Kanṭhaka phi rất nhanh mà bốn vó dường như không dính đất. Và quả thật như vậy, sau khi lấy đà, Kanṭhaka bay nhanh đến gần mép sông, nó uốn mình tạo lực đẩy; rồi như một mũi tên thoát khỏi dây cung, nó băng băng bay qua dòng sông như một luồng sáng. Kanṭhaka bay nhanh quá, thái tử nắm xuống ôm sát cổ ngựa, bám chặt thân mình để tránh sức cản của gió. Channa cũng thế, nhưng do

đà lao nhanh, hai tay ôm chặt hông ngựa nhưng hai chân phải soãi dài ra sau... trông như bám vào đuôi ngựa vậy...

Gió thổi lồng lộng bên tai. Bờ đất hiện ra. Kaṇṭhaka hét đà, dừng chân hí vang vì nó biết rằng nó đã chiến thắng. Channa rơi, té sấp. Thái tử bước xuống, chậm rãi đến bên Kaṇṭhaka, ôm đầu nó rồi nói rằng:

- Ta vô cùng cảm ơn con, Kaṇṭhaka! Con đã đưa ta qua sông một cách uy dũng và ngoạn mục. Còn cả chuyến đi nữa. Đây là chuyến đi hệ trọng, chuyến đi định hướng cuộc đời của ta đó. Con đã nhiệt tình giúp ta trong bước đầu trên lộ trình bất tử. Một lần nữa, ta cảm ơn con! Phước báu và công đức của con cao thượng lắm, con biết không?

Kaṇṭhaka dường như nó hiểu. Nó đưa đôi mắt buồn buồn nhìn thái tử, rồi nó lại đưa lưỡi liếm liếm vào bàn tay chàng.

Thái tử quay sang nói với Channa:

- Ta ra đi, ta xuất gia, lìa khỏi tất cả, Channa ạ! Ta cũng rất cảm ơn con đã hết lòng hầu hạ ta bấy lâu mà lúc nào cũng nhiệt tình, vui vẻ. Cái đức tính ấy rất quý hiếm đấy, Channa!

Channa chỉ biết nhỏ lệ, nghẹn ngào.

Thái tử quay lại nhìn dòng sông, nói tiếp:

- Sở dĩ ta chọn con sông này là có lý do! Nếu kiến thức về địa lý của ta không lầm thì nó đúng là sông Anomā, không thể là con sông khác được. Anomā với nghĩa cổ xưa là cao thượng, cao quý tột cùng. Từ đây, từ Anomā, ta sẽ đi theo lộ trình cao thượng, cao quý tột cùng: Ấy là lộ trình xuất thế vậy.

Lại quay nhìn trước mặt, núi tiếp núi, rừng tiếp rừng, cây xanh phơ phới, những cụm đá trầm mặc mà lòng dâng lên một cảm giác rất kỳ lạ, một cảm giác chưa hề có trong đời!

Giọng bùi ngùi của Channa thoảng bên tai thái tử:

- Thái tử đi hẳn, không trở về sao?

- Ta sẽ trở về khi nào tìm ra Đạo lớn, Channa!

Channa xót xa:

- Mọi người sẽ buồn lắm, thái tử! Ngài là ngôi sao sáng, là linh hồn của Kapilavatthu. Ngài còn là mặt trời, mặt trăng của muôn dân bá tánh nữa! Ôi, công chúa Yasodharā sẽ sầu khổ biết bao nhiêu! Rồi còn đức vua, lệnh bà Gotamī cùng các ông hoàng cũng vậy nữa. Ai cũng nhớ thương thái tử như trái tim của mình!

- Ta biết, Channa! Thái tử nói như phân trần - Ta phải hy sinh tình thương nhỏ hẹp để hướng đến tình thương cao cả, rộng lớn hơn, Channa! Ta phải tìm cho ra con đường cứu khổ tất cả chúng sanh.

Channa cúi đầu, những giọt lệ tuôn chảy lặng lẽ. Kaṇṭhaka đưa đôi mắt đỏ lệ nhìn thái tử. Nó cũng đứng im, bất động.

Thái tử chột cất những bước dài, đến đứng trên một tảng đá tại một mô đất cao. Với một cử chỉ dứt khoát, cạo bộ râu lún phún, sau đó, tay trái nắm búi tóc, tay phải đưa cao gươm báu, đoạn lìa mái tóc xanh. Thái tử ngược nhìn lên hư không, phát lời đại nguyện:

“- Nếu quả thật, ta tu hành đắc quả Chánh Đẳng Giác - thì nắm tóc này xin nằm lại giữa hư không. Nếu không phải thế, nghĩa là chẳng thành tựu Phật quả - thì cho nắm tóc này rơi trở lại xuống đất”.

Nói xong, thái tử quăng nắm tóc lên hư không... rồi nó cứ lên cao mãi, lên cao mãi rồi biến mất giữa mây xanh. Lý do là, lời phát nguyện vô thượng của thái tử làm cho ngai vàng của Đế-thích (Sakka) chột trở nên nóng bỏng. Ông ta hồi hã dùng oai lực hút nắm tóc lên tận cõi trời Ba Mươi Ba, hứng bằng chiếc khay vàng, sau đó đem tôn thờ tại bảo tháp

Cūlāmāṇi⁽¹⁾. Channa thấy hiện tượng lạ lùng quá, chắp hai tay lên trời vái mãi. Thái tử biết là mình sẽ thành Phật, hoan hỷ trong lòng, lấy kiếm, xâu chuỗi ngọc, cái đai bào đính bảo ngọc lưu ly... ân cần trao cho Channa rồi nói rằng:

- Bảo kiếm, đai bào lưu ly này là vật hộ thân của ta, luôn ở bên ta chưa hề rời xa; ngươi hãy mang chúng về trình lên phụ vương, nói rõ chí nguyện bất thối của ta, đánh lễ người giữ gìn ta và nói rằng: “Siddhattha bất hiếu, chưa báo đáp ân sâu, chưa xin phép người mà đã ra đi xuất gia tầm đạo. Nguyện đắc thành Phật quả, Siddhattha sẽ về tạ tội với phụ hoàng sau”.

Channa tay nắm di vật, đở lẹ, gật đầu.

Thái tử tiếp:

- Còn chuỗi ngọc này chính là chuỗi ngọc ân tình, trong cuộc thi sắc đẹp năm xưa, ta đã ưu ái ban tặng cho Yasodharā... Nhưng năm sau, Yasodharā lại đeo lại cho ta, nói rằng: “Thiếp ở bên chàng nhưng không bao giờ gần chàng được, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Trí óc và tâm hồn thái tử luôn ở cảnh giới nào đó rất xa xăm. Vậy chàng hãy mang lại xâu chuỗi ngọc này để thiếp cảm thấy ấm áp vì nó luôn tiếp xúc với hơi ấm và sự sống của chàng”. Vậy, này Channa, hãy mang xâu chuỗi ngọc này về giao tận tay công nương Yasodharā, và nói rằng: “Thái tử luôn yêu thương công chúa cùng đưa con trai bé bỏng. Công chúa là người nữ duy nhất trên thế gian đã cảm thông, đã âm thầm nâng đỡ cho chí nguyện tối thượng của ta. Bao giờ thành đạo, ta sẽ trở về gặp lại hai mẹ con nàng”.

⁽¹⁾ Kinh sử nói rằng, sau khi cạo râu và cắt tóc xong, cho đến trọn đời, râu của ngài không bao giờ mọc nữa. Còn tóc, sau khi cắt xong, chừa khoảng hai lông tay - thì tất cả chúng đồng xoắn lại về phía bên phải như hình xoắn ốc; và giữ nguyên hình dáng ấy cho đến lúc Nhập diệt. Đức Phật suốt đời không cạo râu tóc lần nào nữa.

Thái tử chột vỗ vai Channa:

- Ta biết, Channa! Chỉ cần để tâm một chút là ta biết Yasodharā đã tiên liệu giờ giấc ra đi của ta. Có phải nàng đã lén gặp người, bảo người chuẩn bị yên cương, nước uống, kê cả đậu xanh, đường, mật cho Kaṇṭhaka?

- Dạ... dạ phải!

Thái tử lại thở ra:

- Thôi, người đừng bịn rịn nữa! Sự giác ngộ của ta sau này có công đức của người dự phần!

- Dạ... Dạ!

Channa nước mắt rơi lã chã. Hai con mắt của Kaṇṭhaka cũng đầm ướt như chủ của nó. Thái tử bước tới lại một lần nữa vuốt ve, vỗ về. Nó cúi xuống, liếm tay thái tử và với nước mắt tuôn chảy thành dòng.

Thái tử cảm động, cất giọng dịu dàng:

- Con cũng vậy, hãy về đi, Kaṇṭhaka! Công đức của con cũng không thua gì Channa đâu. Sau này ta cũng sẽ cứu độ cho con!

Channa nghẹn ngào không nói được một lời nào, cúi đầu, nắm cương Kaṇṭhaka, kéo đi... Cuộc chia tay nào cũng bịn rịn, xót xa...

(Kinh và chú giải kể rằng, ngựa Kaṇṭhaka quay lưng đi vừa được bảy bước, nó liền đứt ruột, vỡ tim mà chết. Chỗ khác giải thích, do tận dụng toàn vẹn sức lực để bay qua sông - nên ruột nó đã đứt từng đoạn rồi - tuy nhiên, đợi già từ thái tử xong, nó mới chết; sau đó, Kaṇṭhaka tức khắc hóa sanh lên cõi trời Tāvātimsa, làm một vị thiên nam, có tên là Kaṇḍaka. Một nơi khác, bảo Kaṇṭhaka đưa Channa về đến khu vườn cũ, nó nhịn ăn suốt một tuần lễ ở trong chuồng, sau đó mới thanh thản chấm dứt hơi thở. Kaṇṭhaka cũng hóa sanh lên cõi trời Tāvātimsa, làm vị thiên nam có tên là Kaṇḍaka như trên).

Gót Khát Sĩ Lang Thang

Mặt trời đã lên cao, nắng vàng long lanh như ánh mặt. Chim bay lượn nhón nhơ giữa hư không thoáng rạng. Chim ca hát râm ran trên những tàn cây rậm. Gió mát thổi rì rào. Dòng sông xanh in bóng mây trời thanh thang, nhẹ hẫng. Thiên nhiên cây cỏ yên ổn, vắng lặng làm cho bao mối ưu tư, phiền não của Siddhattha chợt như tan biến mất cả.

Siddhattha quay lưng lại bờ sông, nhìn vào khu rừng già trước mặt. Từ đây, không cửa không nhà, không hành trang, tư lương, sở hữu... Hộc đá, cội cây, non cao, động vắng... là quê hương! Trăng sao khói mây, gió sương... là bạn lũ. Phải lầy lội khổ chung của sanh loại làm mục đích kiếm tìm. Phải đào bới tận nguyên nhân, gốc rễ của tử sanh và luân hồi vô tận. Từ đây, ta không còn thao thức, trăn trở... chuyện tế thế an bang; chuyện quốc gia chủng tộc; chuyện miếng cơm manh áo đời thường. Hãy để cho các ông vua làm việc ấy. Hãy để cho kẻ chạy theo danh lợi thế phàm quần quanh với đủ mọi danh nghĩa hay ho “sặc mùi chân lý” tha hồ cho họ dựng cờ mùa kiếm. Ta đã chán mứa mọi thứ vinh quang mà bên sau ngầy ngật xú khí hão huyền, rỗng không và hạ liệt. Ta đi. Phải xé bức màn hư vô ngàn đời để tìm cho ra sự thật...

Một tiếng động. Hóa ra một chú nai tơ làm gãy cành khô đang đưa mắt trẻ con nhìn chàng. Siddhattha ngồi xuống. Ôi! Chú nai có đôi mắt tròn xanh, ngây thơ, hồn nhiên, đáng

yêu vô cùng. Chàng nhìn quanh, có bầy sập hoặc chú thợ săn nào độc ác ở đây chăng? Quạnh vắng. Chàng cảm giác như mình vừa được thoát nạn, được bình yên chứ không phải là chú nai con đại khờ này. Sột soạt. Hai chú sóc rượt đuổi nhau chạy lên vòm cây cổ thụ, cái đuôi xòe nở ra trông giống cái chổi lông! Ô! Thiên nhiên bình yên quá. Sự sống yên bình đang diễn khắp mọi nơi! Ừ! Siddhattha ngẫm nghĩ, bạn bè ta còn nhiều lắm, còn biết bao nhiêu là động vật hiền lành...

Siddhattha đứng dậy, nhắm hướng Đông Nam, đi theo mé rừng cây cối thưa thớt. Hoa nở từng chùm, từng khóm đủ sắc màu rực rỡ. Hương rừng thơm quá, cái thơm tinh lặng, dịu dàng, lan tỏa... mà không phô trương, kiêu kì, gượng gạo... như tại chôn cung đình...

Đây là khu rừng Anupiyāvara, chàng biết, thế là đã đi vào địa phận của vương quốc Malla trù phú. Khu rừng này chạy dài nhiều dặm, sau đó là đồng bằng và thảo nguyên. Anupiyāvara không có nhiều lâm sản quý hiếm nhưng có nhiều voi, báo, sư tử, cọp, nai, hươu, linh dương, ngựa vằn... Có lẽ có ít người khai thác gỗ nên còn nét nguyên sinh, nhưng thợ săn thì chắc nhiều.

Vừa đi, vừa suy nghĩ miên man, lúc ngừng lên thì Siddhattha trông thấy một đạo sĩ! Ô! đạo sĩ mà tay sao lại cầm cung và sau lưng đeo một bó tên sắt? Chàng dừng lại.

- Xin hỏi, ông là thợ săn, phải không?

Người đàn ông tóc râu xồm xoàm, gật đầu “phải phải”, rồi tò mò nhìn ngắm Siddhattha từ đầu đến chân.

- Đúng là một bậc vương giả, quý tộc! Mà sao lại đi lang thang nơi xó rừng hẻo lánh này? Ác thú nhiều lắm đó nghe!

Siddhattha lại chăm chú nhìn tấm áo màu vàng đất của người thợ săn, ngạc nhiên, nói:

- Ủ! Ta từ chôn kinh thành đến đây, muốn tập tành đời sống sa-môn, đạo sĩ. Nhưng còn ông, là thợ săn sao lại khoác chiếc áo của kẻ tu hành?

Người đàn ông cười ha hả, vô tư nói:

- Khu rừng này nhiều ông sa-môn, đạo sĩ mặc tấm áo như thế này; không biết sao mà họ không sợ thú rừng và thú rừng không hề sợ họ. Đôi khi lại có những chú hươu, chú nai, thỏ, linh dương... thân nhiên lui tới gần bên họ nữa mới kì chứ!

Siddhattha nhú mày:

- Vậy là ông đã giả trang làm đạo sĩ để giết chúng?

- Ô! Đúng vậy! Kiếm cái ăn thôi mà, công tử! Khổ quá, đói quá mà!

Siddhattha cởi chiếc hoàng bào có đính kim cương, có dệt những sợi chỉ vàng lóng lánh rồi trao cho người thợ săn:

- Thôi! Ông đổi cái áo ấy cho ta. Ta cần có nó hơn là ông. Còn chiếc hoàng bào này cũng khá đắt giá, cỡ mấy trăm đồng tiền vàng đấy. Ông có thể bán nó, lấy tiền để mở một cửa tiệm nhỏ hoặc làm vốn liếng mưu sinh. Hãy kiếm một nghề nghiệp chơn chánh, lương thiện. Là thợ săn, nghiệp sát đã nặng rồi mà ông còn cái nghiệp giả mạo làm đạo sĩ để giết vật nữa, tội càng lớn hơn, ông biết không?

Người đàn ông mừng quá, lấp bắp:

- Đổi thật à? Công tử có giỡn không đây?

Siddhattha không nói gì, cúi xuống cởi luôn đôi giày vương giả, cũng đính trân châu, bảo ngọc rồi nói:

- Đôi giày này cũng vậy. Nó cũng là nửa gia tài của ông đấy. Ta đôi luôn đôi dép da trâu của ông. Nhớ nghe lời ta, hãy sống một đời hiền lương, vô hại!

Người đàn ông “dạ dạ” rồi rít, cứ tưởng mình nằm mơ! Trong một lúc mà được đổi đời, sung sướng quá, ông hối hả bước đi như sợ chàng đổi ý.

Siddhattha nhìn lại mình. Ô! Trông giống một sa-môn thật sự rồi! Chàng ngồi lại dưới bóng cây mát mẻ, lắng dứt mọi ý nghĩ, lắng nghe hơi thở để nghỉ ngơi... lần đầu tiên sống đời lang thang không cửa không nhà.

Lúc Siddhattha mở mắt ra, không biết thời gian trải qua bao lâu, chàng đã chìm sâu vào cảnh giới nào đó, thâm sâu lạ lùng, yên tĩnh lạ lùng. Siddhattha cảm nghe cả thân tâm đều khỏe khoắn, no đầy. Từng chân tơ kẽ tóc dường như cũng an lạc. Nửa cuộc đời vương giả, với ngũ dục tối thượng, chàng chưa bao giờ hưởng được cảm giác an lạc, thanh thoát, êm đềm như thế này. Sau các cuộc hưởng thụ ngũ dục là chán nản, mệt mỏi, ngao ngán. Nhưng sau sự phúc lạc, an bình của nội tâm thì nó còn lan tỏa năng lượng mát mẻ, vui tươi, dịu dàng và yên ổn.

Siddhattha đứng dậy, khẽ vươn vai rồi bước đi. Năng chảy tràn trên thung lũng xanh, trên đọt cây, đầu lá. Đến một gốc cổ thụ, thấy trái chín rơi rụng đầy do chim chóc ăn rơi vãi, chàng cảm thấy đói bụng, bèn cúi xuống lượm ăn. Trái ngọt như mật ong. Cũng thú vị, chàng nghĩ. Từ đây, ta không còn sơn hào hải vị, chẳng còn thực phẩm cứng mềm thượng vị nữa. Các sa-môn, đạo sĩ ở Tuyết Sơn, lâu lâu về thành, họ chỉ cần dầu và muối; còn thức ăn có lẽ chỉ có lá, rễ, củ và trái cây. Bắt đầu từ nay, ta cũng phải sống như vậy. Ô! Nhưng ta nào biết là rễ, củ, lá, trái nào ăn được và thứ nào không ăn được? Vậy phải học hỏi từ từ. Học hỏi trên con đường từ đây...

Đến một vũng nước nhỏ, trong như mắt mèo, Siddhattha đứng lại, nhìn mình trong vùng nước lặng.

Chàng nhìn không ra, đúng là của một sa-môn nào! Chàng chăm chú nhìn kỹ, lại có một vị đạo sĩ lạ mặt đứng sau lưng chàng nữa. Siddhattha quay lại. Khuôn mặt vị đạo sĩ gầy gò, khắc khổ, da sạm đen phong trần, tấm áo vá nhiều

mảnh, một bình bát nhỏ bên hông, một ấm nước, tay cầm chiếc gậy trúc.

- Hiền hữu! Vị đạo sĩ gọi chàng - Hiền hữu vừa mới xuất gia làm đạo sĩ phải chăng?

Siddhattha chấp tay xá chào rồi đáp:

- Phải, thế còn tôn huynh? Trông dáng dấp phong sương, y áo bạc màu thời gian; chắc xuất gia đã lâu lắm rồi nhỉ?

Đôi mắt vị đạo sĩ sâu hoắm, tóc râu xanh, đậm, thân thiện nói:

- Cũng chưa lâu lắm! Nhưng đời lang thang sương gió nó như vậy đấy!

Họ cùng ngồi xuống bên một tảng đá, đàm đạo.

- Tôn huynh tu học theo ai? Siddhattha hỏi - Và pháp môn tu đó ra sao?

- Trước đây, tôi ở đạo tràng của đạo sư Ālāra, dòng dõi Kālāma. Pháp môn tu là các tầng thiền định cổ truyền. Nhưng tôi tu hoài cũng không chứng đắc được gì cả, bèn tìm đến ngôi rừng vắng lặng này cùng mấy bạn đồng tu - Vị đạo sĩ chỉ tay ra phía sau góc rừng - Ở trong đó, trong đó có nhiều hang động mát mẻ và thanh tịnh.

Siddhattha nói:

- Trước đây, tôi có nghe danh đạo sư Ālāra Kālāma từ các phái đoàn khát sĩ. Họ coi vị ấy như một vị thánh sống. Tôi có thể đến đó để học hỏi được không, hã tôn huynh?

- Được thôi! Đạo sư Ālāra bây giờ đang ở trong một ngôi rừng phía bắc thành phố Vesālī, hiền hữu! Vượt qua khu rừng Anupiyāvara này, cứ nhắm hướng Đông nam mà tiến. Đi hết mấy cánh đồng, mấy thôn làng sẽ gặp một xa lộ của khách thương, khoảng chừng trên mười do-tuần (trên một trăm hai mươi km) là đến thành phố Vesālī trù phú và thanh mậu. Nếu đi chậm, mất trên mười ngày, tức là vừa đi vừa khát thực, nghỉ ngơi, tọa thiền... Có thể dừng chân ở thành phố ấy mấy ngày nếu hiền hữu thích. Tại đây có nhiều

giáo phái trong và ngoài truyền thống. Một kinh thành nổi tiếng có thành phần giai cấp chiến sĩ phục sức và khí giới chói lòa, đẹp như thiên binh nhà trời. Sa-môn, đạo sĩ được tự do hành đạo. Quần chúng hoan hỉ cúng dường và khoái thích các cuộc luận tranh, đấu khẩu của các luận sư, lang thang sư, ngụ biện sư! Thật là hoạt náo, ồn ỉ và yên bình của tự do tư tưởng! Tuy nhiên, đây là mặt nổi của hiện tượng, còn các nhóm tu hành chân chính đều rút vào rừng sâu cả. Từ Vesāli, đạp về hướng Đông nam, chừng hơn ba do-tuần sẽ gặp những quả đồi và những cánh rừng già. Đạo tràng của đạo sư Ālāra ở đây. Là địa chỉ mà hiền hữu muốn tìm. Hỏi bất cứ ai, người ta đều biết và sẵn sàng chỉ đường! Ngài có năm trăm đệ tử ở lác đác các vùng đồi và những ngọn núi kề cận... Hiền hữu nên đi ngay, vì nghe nói đạo tràng của đạo sư Ālāra sắp dời về Māgadha, phía Tây ngoại thành Rājagaha!

Đạo sĩ say sưa nói, rõ ràng, phân minh từng chi tiết một. Tuy chỉ là bản phác thảo sơ lược nhưng đã giúp cho Siddhattha khái quát toàn bộ những điều cần biết. Vị này tiềm tàng học vấn thâm sâu, quảng bác chứ không đơn giản đâu, Siddhattha thâm nghĩ.

- Thật vô cùng cảm ơn tôn huynh! Siddhattha nói.

Vị đạo sĩ quan sát chàng một hồi rồi nói:

- Hiền hữu có nước da sáng như mạ vàng ròng, tướng mạo uy nghi như chúa sư tử. Đôi mắt của hiền hữu xanh trong như mặt nước hồ thu không gợn. Vùng trán của hiền hữu nhẵn bóng như vách đá cẩm thạch. Hiền hữu lại cao lớn, phương phi, cốt cách cao nhã như quý tộc của giống dòng Aryan thượng đẳng từ ngàn xưa còn lại. Tôi không dám hỏi gốc gác của hiền hữu, nhưng rõ ràng hiền hữu không phải kẻ tầm thường. Cả hiện tại cũng như tương lai, hiền hữu là bậc phi phàm không ai dám sánh. Nhưng mà nắng gió, tuyết

sương, giường cây, gôi đất... cỏ lá, rễ, củ, trái cây... lột da qua ngày... ngại rằng hiền hữu chịu đựng không nổi chăng?

Siddhattha thâm nghĩ rằng: “Anh chàng đạo sĩ này nhìn ta rất kỹ, nói năng giống y nhà nhân tướng học. Tuy nhiên, ngôn ngữ lưu loát, lời ý chí tình... thật đáng trân trọng vậy thay!” Bèn cung tay, lễ độ:

- Rất cảm ơn tôn huynh những lời chỉ dạy quý báu. Tôi sẽ chịu đựng được, thừa tôn huynh!

Vị đạo sĩ cười ha hả, gật đầu:

- Đúng vậy! Đôi mắt, vùng trán, cặp chân mày của hiền hữu đã nói lên điều ấy. Tôi đọc được. Có một cái gì đó bất khuất, kiên định và dũng cảm tốt bụng ở đây.

Nói xong, đạo sĩ tháo dây buộc vai, trao cho Siddhattha chiếc bình bát:

- Áo nhuộm màu vàng đất kia là đôi cánh, còn chiếc bình bát tầm thường này là chiếc mỏ của con chim. Tôi tặng hiền hữu như một món quà tri ngộ. Cầu nguyện cho hiền hữu bay qua biển rộng, sông dài, bay qua muôn dặm trường gian lao, khổ ải trước mặt...

- Thế còn...?

- Không sao! Vị đạo sĩ cất tiếng cười hào sảng - Tôi có người bạn đồng tu, bị bệnh thương hàn chết thánh trước, sau khi hỏa thiêu, còn thừa một chiếc bát ở trong hang động.

Khi từ già, vị đạo sĩ còn quay lại dặn dò thêm:

- Hãy kiếm thêm một cây gậy, hiền hữu, khi đi trong núi rừng hoặc qua miền cỏ rậm! Là sa-môn thì không đao, không gậy⁽¹⁾ nhưng qua suối thì ngại đá trơn, qua lau lách thì có nhiều rắn độc. Gót chân sa-môn thì vô hại nhưng da thịt thì mềm yếu lắm... phải tập qua lần lần, từ từ... rồi hiền hữu sẽ vượt qua tất cả.

⁽¹⁾ Cây, gậy thuở đó được xem như khí giới.

- Một lần nữa tôi rất cảm ơn. Tôn huynh tên là gì, để tôi còn ghi khắc vào lòng.

- Thật không đáng gì! Tôi là Vappa, dòng dõi bà-la-môn, còn tôn huynh?

- Tôi là Siddhattha, dòng dõi sát-đế-ly!

Chợt Vappa reo lên:

- Ô, đúng rồi, tôi đã ngờ ngợ. Đúng là vị thái tử tài đức, văn võ song toàn ở kinh thành cổ kính của dòng dõi Sākya anh hùng mà chúng tôi đã nghe danh thơm tràn qua tai, tràn qua cả trong những giấc ngủ! Ôi! Thật là nhiệm mầu! Nhưng mà thôi, hiền hữu nên đi theo con đường của mình. Chúng ta còn gặp lại, chắc chắn là vậy, bắt buộc, nhất định là vậy!

Siddhattha ngờ ngẩn một lúc. Tuy nhiên sau giây phút ngẫm ngợi, thái tử đã đoán ra. Chàng nhớ, lúc chàng vừa sinh được năm ngày, đạo sĩ Asita tiên đoán quả quyết, sau này, chàng sẽ đắc quả Phật. Trong tám thầy bà-la-môn thì có bảy người đưa lên hai ngón tay, ý nói, một, ở tại vương vị thì làm Chuyển luân Thánh vương, hai, nếu xuất gia thì đắc quả Phật. Riêng bà-la-môn Koṇḍañña, rất trẻ, chỉ đưa lên một ngón tay, khẳng định thái tử chỉ chọn một con đường và chắc chắn đắc quả Chánh Đẳng Giác. Mấy năm trước đây, trong giới bà-la-môn ở kinh thành, có tin đồn, Koṇḍañña đã rủ bốn người con của bảy vị bà-la-môn năm xưa đi xuất gia, tập sống đời phong sương khổ hạnh để sau này gặp lại thái tử. Như vậy, họ có cả thầy năm người. Koṇḍañña bây giờ có lẽ đã lớn tuổi, tối thiểu là đã gần sáu mươi, bốn vị còn lại có thể đều trên dưới năm mươi tuổi cả. Đạo sĩ Vappa là một trong bốn vị còn lại.

Đội sương, đội nắng, đạp núi, đạp rừng, dầm qua suối khe, triền non, vực thẳm... lòng thái tử vô cùng thanh thản, cứ nhàn hạ bước đi, không nôn nóng, không vội vã. Lâu lâu, Siddhattha gặp một đạo sĩ. Có vài đạo sĩ mình gầy trơ xương

ngồi dưới gốc cây hoặc cạnh một hang đá. Một vài vị khác đang kiểm trái cây rừng qua bữa. Siddhattha đến làm quen, học cách quan sát màu sắc thân, lá, trái... Loại này ăn được, loại kia thì không. Có đạo sĩ ân cần chỉ cho chàng các loại củ ăn vào sẽ tăng thêm sức lực. Loại lá này ăn vào sẽ nhuận trường, khí huyết mát mẻ. Lại còn có loại chống tháo dạ, giải độc hoặc tiêu trừ nhức đầu, cảm sốt. Đến đây thì kho tàng kiến thức y học cổ truyền mà Siddhattha đã học từ nhỏ, được dịp khai thông. Siddhattha vô cùng sung sướng. Có lẽ đây là bài học thú vị nhất trong cuộc đời chàng: Bài học tự mưu sinh để tồn tại!

Siddhattha cứ đi mãi. Chàng còn học được trên đường những loại cây có nước ngọt. Có những đọt cây có chất béo bở. Có những thân cây, bẻ ra, nước nhỏ giọt, có tính năng giải khát, tăng năng lực. Có những dây leo bền chắc có thể kết thành võng nằm, làm dây buộc lều, dây đi qua vực thẳm. Các loại lá có thể kết lại, che mưa đỡ nắng nhiều tháng dài mà không hư mục! Ô! Là cả một thế giới đang trùng trùng bí mật, với thời gian, chúng hé lộ dần dần. Dường như khởi nguyên của các bộ tộc, người ta sống như thế này đây, chẳng ai tranh chấp ai. Thiên nhiên hào phóng đã ban tặng cho con người tất cả. Nhưng từ khi khám phá ra sắt và đá lửa thì đời sống đã khác đi. Có vũ khí, người ta làm tên, giáo mác... để săn bắn và cũng để giết nhau, tranh rừng, tranh đất. Có lửa để nấu chín thịt, để chống cơn lạnh giá mùa đông và cũng để tế thần! Các bộ lạc phát triển, sinh sôi các nhu cầu về tư hữu, của cải tài sản, đòi hỏi họ phân chia nhiệm vụ lao động, sản xuất. Nhu cầu vật chất cùng nhiều thứ tham muốn càng tăng... và thế là, càng văn minh, tiến bộ... thì nhu cầu thỏa mãn dục lạc càng là cái mục đích hướng đến của con người. Từ đây mà sinh ra cướp bóc, giật giành, bạo lực, đàn áp, bóc lột, chiến tranh, đau khổ, phiền não! Sắc tộc Aryan, dòng dõi của Siddhattha đã không từ miền Tây Bắc xa xôi,

xâm chiếm bình nguyên xứ này để chặn thả cừu, dê, bò đó sao? Chúng đẻ ra các giai cấp, ưu đãi giới cầm quyền có học, để áp bức đám tiện dân nô lệ cùng khổ đó sao?

Siddhattha trầm tư nhiều đêm vì lẽ công bằng trên trần thế, cũng không có lời giải. Có một đêm nọ, trời đổ cơn mưa rừng lạnh lẽo, Siddhattha tìm ẩn tại một hang động có một đạo sĩ tu khổ hạnh. Tấm áo của chàng mong manh, ướt át... cộng thêm khí đá khiến chàng lạnh quá, run cầm cập. Lại nữa, nhiều ngày ăn trái, lá, chưa quen... đã nhiều lần bị tháo dạ... nên sức khỏe sa sút rất nhanh. Vị đạo sĩ thấy vậy, bước đến vách đá, lấy hai viên đá lửa cọ xát vào một chất dẫn cháy. Góc động có sẵn củi, đạo sĩ lấy từng thanh dựng lên. Lát sau lửa tỏa bập bùng, ấm nóng, reo vui tí tách... Siddhattha học thêm cách lấy lửa.

Bên lửa ấm, chàng hỏi đạo sĩ cách tu. Đạo sĩ hỏi chàng lý do xuất gia, xuất thân, dòng dõi. Siddhattha kể thật, và rồi chàng nói ra luôn tình trạng sức khỏe sau mấy ngày ăn cây trái chưa quen của mình. Đạo sĩ mỉm cười, có vẻ thông cảm, sau đó chỉ chàng một số cách thức bấm huyệt trên cơ thể, nhất là xoa ấm vùng bụng dưới, xoa thật lâu, một trăm lẻ tám lần.

Siddhattha thấy người khỏe hẳn.

Đạo sĩ nói:

- Đi khất thực ở các thôn làng thì tương đối đủ chất nuôi cơ thể, nhưng ở rừng thì thường thiếu tinh bột, đường, chất béo, muối... Ta tu khổ hạnh, lại có thiên định nên dễ dàng vượt qua. Lại nữa, cái cơ thể chúng ta nó cũng sống bằng thói quen. Cái gì cũng tập cả. Từ từ mà tập. Lâu dần thì nó tự thích ứng lấy.

Đạo sĩ thò tay vào hốc đá, lấy ra một nắm củ, củ tròn, dài cỡ bằng ngón chân cái, khều một đồng than, bỏ vào... Lát sau, củ chín, thơm lừng lụng. Đạo sĩ nói:

- Đây là củ thuốc (hoài sơn) có tính năng tăng lực và điều hòa khí huyết cơ thể. Hiền hữu bị tháo dạ, nên dùng chúng để mai có sức mà lên đường...

Khẽ tri tạ tấm lòng tốt của đạo sĩ, Siddhattha ăn từng củ một. Ngon, thơm, bùi béo quá! Còn hơn tất cả thượng vị trên đời... Siddhattha hỏi tên củ, đạo sĩ đáp:

- Ta không biết tên, mà cũng chẳng ai biết tên cả! Các đạo sĩ ở rừng đều gọi là “củ thuốc” vậy thôi!

Một đêm yên tĩnh trôi qua. Siddhattha cảm thấy cơ thể khỏe khoắn như vừa được uống một liều thần dược. Khi từ già, đạo sĩ tặng chàng hai viên đá lửa, một ít chất dẫn cháy. Chàng cũng không khách sáo gì, thọ nhận bằng đôi mắt biết ơn, thâm lặng.

Đi thêm nhiều ngày qua những đồng ruộng những làng mạc đến biên địa Malla; lại thêm chín mươi ngày đường nữa thì thành phố Vesāli đã hiện ra. Trên đường, đều thấy những đạo sĩ đi chân không, không có gậy nên Siddhattha cũng bắt chước y như thế. Chàng cũng tập sự đi khát thực khi đi qua những xóm nhà, nhận được cơm vắt, cơm sữa, xôi, ca-ri, khoai, chuối... vật thực đủ dùng. Lựa một góc cây, một lùm cây hoặc một cái hang nào đó, bất kỳ, chàng ngồi xuống, quán tưởng rồi chánh niệm, bốc ăn ngon lành. Từ lúc rời vương cung đến nay, ngoại trừ mấy củ thuốc kỳ diệu thì những ngày qua xóm làng mới thật sự có được bữa ăn đúng nghĩa, của nhân gian. Đêm, chàng ngồi thiền chừng một canh, sau đó, nằm nghiêng đi vào giấc ngủ. Tuy nhiên có đêm ngủ được, có đêm thao thức, trần trọc. Vì chưa quen nằm đất, gói sương... nên sức khỏe sa sút, đã thế, cơ thể rất nóng, tấm áo tắm mồ hôi, nhớp nháp khó chịu. Vài ba hôm, Siddhattha trốn vào một góc suối, nương nào đó vắng người để tắm giặt, phơi khô rồi mặc lại. Chỉ với hai manh áo, tắm trong và tắm ngoài, cứ thế đắp đổi qua ngày... cũng là vấn đề lớn mà chàng tâm niệm phải vượt qua, phải chịu đựng. Và

quả thật, “cơ thể cũng có thói quen thích ứng của nó”, gần một tháng sau, chàng mới thấy quen, mới thấy tạm thời dễ chịu!

Đúng như lời tả của Vappa, Vesāli đông đúc, thanh mậu quá, nhưng thơm mát và sạch sẽ thì không bằng Kapilavatthu của chàng. Vài ngôi làng gần Vesāli, đời sống no đủ nhưng ở đâu cũng thấy dê, bò và nước tiểu, phân của chúng. Súc vật sống cùng người, ở luôn với người, tương tự các thôn xóm nghèo nàn của Sākya. Ở đâu cũng rác và xú khí. Tại thành phố thì khá hơn nhưng bụi rác dơ bẩn thì còn nhiều. Ở đâu, đường nào, góc nào, phố nào cũng gặp đạo sĩ... nhưng trông chẳng ra hồn, ra dạng. Chỉ thấy tóc râu và lếch thếch, dơ dáy... Nhìn họ, chàng chưa dám đi chung. Họ giống với kẻ lang thang, hành khất xin ăn hơn là một đạo sĩ chân chánh. Các vị đạo sĩ gặp ở các hang động thì có cốt cách, phong thái chững chạc, thanh cao hoàn toàn khác biệt nơi này.

Ở Vesāli chỉ hai hôm là Siddhattha lại lên đường. Buổi cuối cùng, chàng nhận được thực phẩm thượng vị của hai vị chiến sĩ xuống ngựa đặt bát. Đúng là như thiên binh, thiên tướng với quân bào, nai nịt, gươm giáo chói lòa. Họ tò mò, nhìn ngắm rồi cúng dường cho chàng. Họ thưa:

- Đạo sĩ có phải từ phương Bắc xuống?

- Vâng!

- Ngài đẹp quá! Ngài khác xa đạo sĩ ở xứ này! Chẳng hay đạo sĩ thường lưu trú ở đâu để chúng tôi còn có dịp cúng dường?

Siddhattha mỉm cười, từ tốn đáp:

- Tôi chỉ mới là kẻ sơ tu, đang lang thang tầm đạo; mai tôi đã xuôi về Đông nam, đến đạo tràng của đạo sư Ālāra. Xin cảm ơn lòng tốt của quý vị.

Hôm ấy, ngay lúc ấy, lại có thêm một kỹ nữ từ kiệu bước xuống, đẹp lộng lẫy, phục sức sang trọng, xa hoa,

trang điêm sáng ngời châu báu... Cô ta cũng muốn đặt bát, nhìn Siddhattha rất lâu, thỏ thẻ nói:

- Tiện thiếp cũng muốn cúng dường!

Hai vị chiến sĩ sát-đế-ly bước lui, vòng tay mỉm cười.

Siddhattha lấy tay ngăn bình bát, đầu cúi xuống, nghiêm trang:

- Hôm nay vật thực tôi đã đủ dùng, xin cảm ơn thí chủ.

Người kỹ nữ nói tiếp:

- Thỉnh đạo sĩ một tháng đặt bát cúng dường tại biệt điện tư gia, xin ngài chấp nhận cho!

Siddhattha nghĩ là nên nói vài lời, không những với nàng kỹ nữ xinh đẹp mà còn với hai chiến sĩ sát-đế-ly:

- Tôi đã từ phú quý, vinh hoa mà từ bỏ. Tôi đã từ ngũ dục tối thượng mà từ bỏ... Vậy chẳng lẽ nào, hôm nay, ở đây, tôi lại loanh quanh, luẩn quẩn với những chuyện tương tự như thế này. Xin cảm ơn sự chân tình của quý vị.

Nói xong, chàng chậm rãi bước đi. Mọi người tò mò trông theo. Chàng suy nghĩ suốt mấy hôm. Cạm bẫy, chông gai trên đường trường, trên từng bước chân thì dễ; nhưng cạm bẫy chông gai nơi sự cung kính, trọng vọng, mến thích... thì nguy hiểm hơn nhiều. Siddhattha hiểu thêm điều đó, và chàng biết mình chỉ cần tỉnh niệm, trực thức là có thể dễ dàng vượt qua được...

Siddhattha với gót chân khát sĩ còn phải lang thang nhiều giữa gió sương và cát bụi...

Vị Đạo Sư Đầu Tiên

Vẫn nhắm hướng đông nam, theo con đường của khách thương, bộ hành đầy bụi bặm, Siddhattha đi mãi. Cứ khoảng xế trưa là chàng đi khát thực ở những xóm nhà. Lại thấy dê và bò. Ở đâu cũng dê và bò, phân và rác. Ngoài những cánh đồng lúa bạt ngàn, ngoại ô Vesāli còn có nhiều khu vườn trồng ớt, rau cải, xoài cùng các loại cây ăn trái khác. Đời sống muôn dân tương đối no ấm. Thực phẩm họ cúng dường cũng đa dạng, đầy đủ chất, bảo đảm dinh dưỡng cho các samôn, đạo sĩ. Tuy nhiên, giới cấp lao động vẫn đầu tắt mặt tối, còn giới quý tộc, thương gia lại phồn phơ, sung mãn, lợi dưỡng. Ấy là hai cực đoan mà Siddhattha thấy rất rõ. Còn quần chúng chung chung thì thất học, nghèo nàn và cuồng tín. Chỉ thấy lạ một điều: Ai cũng vui vẻ, rộng rãi, cung kính các bậc tu hành! Quả thật là một điểm son đáng tự hào!

Theo chân các đạo sĩ, ba hôm sau, Siddhattha tìm được ngôi rừng như dự kiến. Đây là khu rừng trăn ngự phía bắc thành phố Vesāli, có ba hướng đến, từ những thôn làng nhà cửa san sát có vẻ sầm uất, thịnh vượng. Sự thuận lợi ấy có lẽ là điều kiện mà đạo sư Ālāra chọn lựa để thiết lập đạo tràng: Các đệ tử của ông dễ dàng trong việc khát thực.

Len lỏi trong rừng cây rậm rạp, qua mấy ngọn đồi, lơ thơ đá tảng xanh rêu, vài ba con suối nước trong vắt, Siddhattha thấy hiện ra một thung lũng tươi mát, khí hậu trong lành. Chòi lá của đạo sĩ Ālāra nằm trên một ngọn đồi

thoai thoải, dưới mấy cội cây cổ thụ tàn lá che phủ sum sê. Ông chùng trên bảy mươi tuổi, răn rỏi, quắc thước, đang ngồi trên tấm nệm cỏ. Xung quanh ông, ước chừng mấy chục đạo sĩ đang nghe pháp. Yên lặng như tờ. Chỉ có giọng trầm ấm của đạo sư là vang vang giữa núi rừng.

Buổi giảng pháp chấm dứt. Các vị đạo sĩ đánh lễ thầy rồi chậm rãi đứng dậy, tản mác ra các hướng ở trong khu rừng để tu tập.

Siddhattha bước lại, cung kính lễ bái theo cung cách của một môn sinh đến yết kiến bậc thầy rồi chàng nói:

- Thưa đức đạo sư! Xin cho phép đệ tử gia nhập hội chúng để tu tập dưới sự dìu dắt của ngài.

Lặng lẽ nhìn vị sa-môn trẻ, thật ra không còn trẻ nữa, có tướng mạo đàng hoàng, ăn nói lễ độ, toát ra một cái gì rất thoát tục, đạo sĩ Ālāra cất giọng trầm ấm, chan hòa, thân thiện:

- Ủ, con cứ tu! Ta chấp nhận con. Nhưng con tên gì? Đã từng tu học với ai chưa?

- Thưa, con tên Siddhattha, họ Gotama. Con chưa tu tập dưới sự lãnh đạo của ai cả.

Đạo sư Ālāra vui vẻ gật gật:

- Ủ! Tốt, tốt lắm! Vậy hãy cố gắng tu tập nhé! Pháp và luật của ta cũng khá nghiêm túc đấy. Tuy nhiên ai chịu khó hành trì đều có chỗ an trú cả.

Siddhattha thành kính đánh lễ rồi lui ra. Lúc ấy trời đã xế chiều, im mát, gió thổi hiu hiu, chàng lần đến một cội cây, kiếm tạm lá cỏ làm chỗ ngồi. Thế là bây giờ Siddhattha mới tìm ra chỗ dừng chân cho mình trên bước lang thang tìm đạo. Vị đạo sư này nổi danh nhiều phương; và chỉ cần nhìn thân thái, phong cách, giọng nói tự tin, chàng biết đây là bậc chân tu có sở đắc. Siddhattha cảm thấy yên trí. Chàng ngồi thiền một thời như lệ thường, sau đó đi vào một giấc ngủ khá sâu.

Sáng ngày, chim hót râm ran bên tai. Siddhattha mở bừng mắt dậy thì mọi người đã đi đến các thôn làng để khát thực cả rồi. Có một đạo sĩ từ chiếc lều bên kia con suối bước sang, nhìn chàng, tỏ mối quan tâm:

- Mới đến tu hả? Vậy hiền hữu hãy ôm bát đi theo tôi. Ở đây thì không lo cái ăn. Các thôn làng quanh đây đa phần đều là đệ tử của đạo sư chúng ta cả. Chỉ cần gắng tu cho tốt thôi.

Họ đi vào làng. Siddhattha cũng đã khá quen việc trì bình khát thực nên cách ôm bát, cách đi đứng... có vẻ thuần thục.

Vị đạo sĩ bắt chuyện:

- Có vẻ hiền hữu xuất gia đã nhiều năm. Vậy chẳng hay đạo hữu đã từ đạo tràng nào mà đến đây?

Siddhattha thật tình kể lại một vài chi tiết cần thiết, vừa đủ. Vị đạo sĩ có vẻ mến chàng nên tận tình hướng dẫn. Ông ta vui vẻ cho biết, nếu cần các loại trái cây thì nên đến miền nào, thôn nào. Các loại chất ngọt như đường cục, mật ong, mật mía, đường thốt nốt thì ghé chỗ nào, làng nào. Quả là lời chỉ dẫn quý báu. Tuy nhiên Siddhattha lại nghĩ khác, chàng chỉ muốn đi xin ăn bình đẳng và không chọn lựa. Chàng chỉ thầm cảm ơn người bạn có bụng tốt...

Lúc ôm bát vật thực vừa đủ dùng trở về rừng thì mặt trời đã gần đỉnh đầu. Mọi người đang lặng lẽ ngồi thọ thực nơi này nơi khác. Siddhattha trở về cội cây của mình, ngồi xuống, nghĩ tưởng ân đức của thí chủ, cầu nguyện cho họ; đồng thời, tự khuyên mình đừng nên mê đắm cái ăn, chỉ nên xem đây là năng lượng vật chất để duy trì mạng sống mà thôi. Độ thực xong, chàng đến bên suối, rửa bát rồi tìm đồ nước nơi không có cỏ xanh. Điều này chàng làm tự nhiên thôi, nghĩ là phải làm như thế chứ chưa có ai chỉ dạy cả. Vị đạo sĩ bên kia suối quan sát việc làm của chàng, gật gật đầu, mỉm cười.

Sau khi đi tản bộ kinh hành năm bảy vòng, Siddhattha trở lại gốc cây ngồi thiền định. Khi xả thiền thì đứng vào giờ đạo sư Ālāra giảng pháp và dạy cận kề pháp môn tu cho từng người.

Đến bên đạo sư, chàng được ông ta dạy:

- Này, người bạn trẻ! Thứ nhất là phải có lòng tin đối với thầy, lòng tin đối với bạn đạo, lòng tin đối với các giá trị tinh thần thiêng liêng. Thứ hai là phải hành trì học giới. Học giới có nhiều lắm. Cuối mỗi nửa tháng sẽ có một vị luật sư tuyên đọc cho hội chúng nghe. Nhưng có những học giới quan trọng, có lẽ người bạn trẻ cũng hiểu rồi, đó là không được giết hại sinh mạng chúng hữu tình, không được dâm dục, không được trộm cắp và không được tà mạng... Thứ ba là cách đi đứng, ăn nói khi giao tiếp với bạn đạo, khi vào trong các xóm làng... Và cuối cùng là phải nghiêm túc trong hành trì, tu tập thiền định ngày đêm không được lơ là, ngoại trừ lúc đi khát thực, tắm giặt, vệ sinh thân thể và ngủ nghỉ. Nên ngủ rất ít. Đêm ba canh chỉ nên ngủ một, hai canh... Sau đó, đạo sư Ālāra ân cần hướng dẫn cách theo dõi hơi thở, chú niệm vào hơi thở như thế nào...

Siddhattha kính cẩn lui ra. Việc trước nhất là phải làm một cái chòi lá. Chàng đi vào rừng, lát sau mang về một vác nặng. Nhờ đã học hỏi trên đường nên Siddhattha dễ dàng tìm cây và lá cần thiết. Rồi vác thứ hai, vác thứ ba. Siddhattha thú vị, say mê công việc mới của mình. Đến chiều tối thì mái vòm lá của chàng khá đẹp, khá tiện nghi. Ông bạn đạo sĩ bên kia suối đứng ngắm nhìn, cứ tấm tắc khen ngợi mãi.

Việc tọa thiền điều hòa hơi thở, chú niệm vào hơi thở thì Siddhattha đã quen. Khuya, chàng xả thiền và nằm nghiêng lưng trên đám lá. Ngày mai phải làm một sạp cây ngăn khí đất để giữ gìn sức khỏe, chàng thầm nghĩ.

Khoảng đầu canh ba, Siddhattha thức dậy, tọa thiền rồi đi kinh hành, chú niệm vào từng bước chân, trời sáng hoi nào không hay. Buổi sáng, Siddhattha đi khất thực rồi với những công việc như lệ thường. Buổi chiều, Siddhattha lại vào rừng, lấy cây kết làm giường nằm, cùng vài đồ dùng cần thiết khác. Lúc tắm giặt, người bạn đạo sĩ tặng chàng một tấm vải cũ, có lẽ là tấm vải bó tử thi đã giặt sạch. Siddhattha hoan hỷ, cảm ơn - vì quả thật, chàng cần một tấm để mặc trong mỗi khi giặt giũ. Và cứ thế, Siddhattha quen dần với đời sống tại nơi này. Vài ba ngày, chàng tìm đến đạo sư trình pháp một lần.

Đạo tràng của đạo sư Ālāra vào các ngày giữa và cuối tháng, cư sĩ nam nữ các thôn làng đến rất đông. Những khi như vậy thì đạo sư Ālāra thuyết pháp, giảng đạo suốt ngày. Thịnh thoảng, có vài vị đệ tử lớn tuổi thay thầy vài thời pháp. Họ nói nhân quả, thiện ác, nghiệp báo, luân hồi tử sanh, phước báu, các cảnh trời... Nói tóm lại Siddhattha nghe rất thuận tai. Có điều chàng thấy giáo lý tuy đúng nhưng có nhiều kẽ hở, nhiều chỗ còn mù mờ, chưa được rõ ràng, chưa được sâu sắc. Nó không được minh nhiên cho lắm. Siddhattha chỉ thầm nghĩ như thế, chẳng dám nói với ai. Mỗi tháng có hai buổi tối, mấy trăm đạo sĩ tập trung lại, dưới trăng, những bó đuốc cháy bập bùng nghe các vị luật sư thay phiên nhau tuyên đọc học giới. Ô! Hóa ra cũng hay lắm. Cách đi đứng, ăn nói, ngủ nghỉ, nằm ngồi... đều có học giới cả. Rồi còn cách giao tiếp, ứng xử đối với mọi người, từ vua chúa, quý tộc, các giới cấp xã hội phải như thế nào cũng có những chế định. Khá toàn hảo, chàng nghĩ, nhưng dường như muốn cho toàn thiện, toàn mỹ hơn thì còn cần nhiều và nhiều nữa. Như cách mặc y, mang bát, cách giữ tâm bình đẳng, mắt phải cúi xuống nhìn phía trước một đòn gánh, hai đòn gánh. Bạn đạo thì phải sống với nhau như thế nào, ví dụ như thân cần phải hòa hợp, lời nói cần phải hòa hợp, ý nghĩ

cần phải hòa hợp, tri kiến cần phải hòa hợp... Nếu đi sâu hơn nữa, muốn giáo pháp được hưng thịnh thì phải như thế nào nữa; cả thầy và trò còn cần phải có những quy định cho người sống ở rừng, ở thành phố, làng xã nữa. Mà thôi, chàng nghĩ, tìm được một đạo tràng chân chính như thế này là quý lắm rồi.

Hôm kia, Siddhattha đến gặp đạo sư Ālāra để trình pháp:

- Đệ tử theo sự chỉ dạy của thầy để điều tức. Ban đầu, đệ tử theo dõi hơi thở, sau đó, bám sát, dính chặt vào hơi thở một cách liên tục, không gián đoạn. Khi đã an trú được rồi thì tất cả mọi tạp niệm lao xao đều lắng dứt. Theo đó, hơi thở của đệ tử càng lúc càng nhẹ nhàng, chỉ còn như làn khí mỏng manh tới lui. Kiên định theo dõi làn khí ấy thì thấy nó càng lúc càng trong và sáng ra. Cứ chú mục mãi vào cái trong và cái sáng ấy thì lát sau, ngoại giới vong bật, cái “tướng sáng” của hơi thở càng lúc càng trong. Trú tâm, an trú tâm vào cái tướng sáng trong ấy, giây khắc sau, đệ tử cảm nhận một trạng thái tịnh định với phúc lạc chưa từng có trong đời. Đệ tử có thể ngồi một canh, hai canh với niềm tịnh định, phúc lạc ấy. Đó là cái gì, thưa đạo sư?

- Hoàn toàn đúng, này người bạn trẻ! Đây là tầng thiền thứ nhất. Bây giờ con vẫn cứ vào ra tầng thiền ấy cho thuần thục. Vài ba hôm nữa, con hãy đến trình ta, thử xem thế nào!

Y lời thầy, Siddhattha đi vào, đi ra thiền ấy. Hôm sau, chỉ cần chú tâm vào hơi thở là chàng đi vào định với thời gian rất ngắn. Rồi chàng muốn trú vào phúc lạc, tức khắc có ngay phúc lạc và giữ nguyên trạng thái an tĩnh thâm sâu ấy đôi khi cả đêm. Sáng ngày, tinh thần phơi phới, an lành, như qua một giấc ngủ ngon không mộng mị.

- Con đã qua tầng thiền thứ hai, tầng thứ ba của thiền định. Tuy nhiên, này người bạn trẻ, trạng thái phúc lạc của định tam thiền, đã rất thâm sâu, nhưng vẫn còn thô tháo; con hãy bỏ nó để bước lên một cảnh giới cao hơn: ấy là thâm sâu

vào trạng thái thanh tịnh, yên ổn, trầm lặng cùng sự quân bình tâm hồn một cách tuyệt hảo. Con đã tiến bộ vượt bậc chưa từng thấy, nhưng còn phải nỗ lực tinh cần nữa.

Chỉ một hôm sau là Siddhattha đến trình pháp và đây thiền chứng thứ tư.

Đạo sư Ālāra nói:

- Thật là tuyệt vời, người bạn trẻ! Bây giờ, con hãy từ bỏ hơi thở, chỉ chú tâm vào cái tướng sáng tròn lặng ban đầu. Chỉ chú tâm miên tục vào nó thôi, đến lúc nào con thấy mọi vật chất, mọi hình sắc đều tan biến, chỉ duy trì cái tướng hư không rộng lớn, mênh mông, vô biên. Tất cả con, vũ trụ, vạn hữu không còn nữa. Tất cả chỉ còn “hư không vô biên” mà thôi.

Chỉ ít hôm sau là Siddhattha đạt được tầng thiền ấy. Ở đây mọi cảm giác không còn nữa, mọi ý niệm khổ và lạc trong tâm cũng vắng bóng, chỉ còn hư không vô biên, vô hạn là tồn tại. Càng chú mục vào thêm nữa thì nội tâm và ngoại giới càng vong bật, không còn ý thức ngã và ngã sở, chúng chìm mất vào miền hư tĩnh của “hư không vô biên” ấy. Lúc xả thiền, cái “tướng” ấy vẫn còn mạnh, mọi hiện tượng xung quanh như người, vật, cây cối... thấy đều mơ hồ. Siddhattha lắng nghe hơi thở, nhịp đập của tim... thì mọi cảm giác, ý thức mới bắt đầu hoạt động trở lại. Lúc đi vào xóm làng khát thực, Siddhattha lắng nghe mình có thay đổi gì không, qua mắt nhìn, qua tai nghe... Rồi mọi ký ức, hồi tưởng, suy nghĩ có sự chuyển hóa nào chăng? Chúng vẫn vậy. Chúng vẫn lảng xãng, lao xao qua lại, tuy có yên lặng, trong sáng hơn - nhưng tâm trí vẫn còn nguyên những câu hỏi, những khát vọng gì đó chưa thỏa mãn... Trên lối mòn về rừng, Siddhattha chợt đứng lại, chú tâm vào tướng định đã đạt, một lát “hư không vô biên” lại hiện ra, chàng và mọi hiện hữu không còn nữa. Xả thiền, Siddhattha chậm rãi bước đi, lắng nghe... thì cảm giác, ý thức, tâm trí trở lại như cũ...

Giờ trình pháp, Siddhattha nói ra tất cả mọi cảm nhận của mình, kể cả hoài nghi các ý thức thường nghiệm:

“- Không ai có sự cảm nhận sâu sắc, diễn đạt trạng thái trong định, ngoài định rõ ràng, chân xác, như chàng trẻ tuổi này.” Đạo sư Ālāra thâm nghĩ. Tuy thế, ông nói:

- Không sao đâu con. Đây là tầng thiên vượt qua mọi sắc tướng. Khi ở trong định ấy thì thế gian, vạn hữu, tất cả mọi sắc pháp không tồn tại. Con đã tiến bộ một cách phi thường. Nhưng bây giờ, con phải rời “tướng hư không” ấy. Đúng, con nói đúng. Hư không ấy có được là do “tướng” của ta cảm nhận, do “tướng” của ta biến hiện ra. Tầng thiên cao hơn mà con phải bước lên là chỉ có thức, chỉ có ý thức. Thức vẫn là nền tảng của mọi hiện tượng, đồng với vạn hữu. Thức tràn ngập, châu biến, không có ngăn mé...

Lại chỉ vào hôm sau, Siddhattha đạt tầng thiên “thức vô biên” ấy. Chỉ có thức, thức vô biên, vô tận. Vậy nó là kinh nghiệm, là trạng thái? Nếu rời bỏ kinh nghiệm và trạng thái ấy, toàn bộ cảm giác và tri giác của ta ra sao? Siddhattha suy nghĩ. Lúc xả thiên, chàng lại tập nhìn, lắng nghe. Do năng lực của thiên còn được duy trì, Siddhattha tiếp đối ngoại cảnh, chàng thấy rằng ở đâu cũng có thức, do thức, không có thức thì không có gì cả. Một hạt cát, một làn gió, một tiếng chim, một chiếc lá rơi, một giọt sương... cũng do thức cảm nhận. Một ý tưởng nhỏ nhiệm, vi tế... cũng như vậy. Cả sơn hà, đại địa, nhật nguyệt, thiên hà... cũng bởi thức mà hiện hữu. Tuy nhiên, nếu thức là vô biên, nền tảng như thế, thì vui buồn, khổ lạc, tham sân, những vương kẹt tri kiến của ta ra sao? Ô, chúng có thay đổi do tâm và trí được trong sáng, thanh lặng hơn; nhưng ta vẫn là con người cũ, mọi căn đê phiền não vẫn chưa được xa lìa. Có thể nó yên lặng nhưng chưa thật sự đoạn trừ được.

Siddhattha lại đến trình pháp với những cảm nhận riêng tư cùng thắc mắc của mình. Đạo sư Ālāra vô cùng khen

ngợi, gặt đầu lia lịa. Rồi bậc thầy khả kính ấy lại hướng dẫn chàng một loại định cao hơn. Ông nói:

- Khi nghĩ là “không vô biên” thì chỉ có “không vô biên” là nền tảng của vạn hữu. Khi nghĩ “thức vô biên” thì “thức vô biên” là nền tảng của mọi hiện tượng. Con biết sao không? Định trước thì ta vướng “đối tượng không vô biên ngoại giới”, định sau thì ta kẹt “năng tri thức vô biên nội tâm”. Vậy thì phải xả bỏ đối tượng, xả bỏ năng tri, là “không vô biên” bên ngoài, “thức vô biên” bên trong để bước đến một cảnh giới cao hơn: “Không có gì cả”. “Không có gì cả” là không còn năng sở, chủ khách, trong ngoài, đối tượng và nhận thức.

Thật là quá rõ ràng, Siddhattha nghĩ, chàng bái tạ đạo sư. Ālāra rộng mở thêm cho chàng một chân trời mới. Và lộ trình tu tập từ bước đầu cho đến bây giờ, chàng thấy thật là chặt chẽ, minh nhiên; là sự viển ly từng bước một, từ cạn vào sâu, từ trạng thái thô tháo đến vi tế, từ cảm giác, tri giác... nó lộ ra từng nấc, từng nấc trên chiếc thang bước đến giải thoát... Siddhattha có lòng tin đối với đạo sư, trở về góc lều của mình, chàng lại công phu tinh cần, miên mật.

Trong thời gian tu tập ở đây, lần hồi có khá nhiều đạo sĩ tìm đến làm quen với chàng. Nhìn vóc dáng cao lớn, uy nghi, đường bệ của Siddhattha thì ai cũng ngán ngại, nhưng khi trao đổi chuyện, họ không ngờ chàng vui vẻ, hòa nhã, lịch thiệp... rất dễ thân cận. Nhất là ông bạn ở bên kia suối. Thấy chàng tiến bộ quá nhanh chóng; và sự ổn định, trầm tĩnh thanh thoát ở nơi chàng, cuốn hút mãnh liệt nên ông ta thường tìm đến học hỏi. Siddhattha ngoài thời gian công phu tọa thiền hay kinh hành, hễ rảnh rỗi là chàng tận tình hướng dẫn người bạn đồng tu. Nhờ kiến thức uyên bác từ quá khứ, nhờ lộ trình, bước đi thật sự vững chắc, nhờ nghiêm túc hành trì lần chiêm nghiệm cá nhân, Siddhattha đã cạn kẽ hướng dẫn với lời giải thích rõ ràng, khúc chiết... dễ nghe,

dễ hiểu, dễ hành trì. Vị đạo sĩ sung sướng, hân hoan vô cùng. Đúng là “học thầy không tày học bạn”. Siddhattha có kiến thức như biển rộng, trời cao; lại có cách nói bằng lời, bằng ánh mắt, bằng nụ cười, bằng cử chỉ... giúp cho đạo sĩ lãnh hội rất nhanh chóng hơn cả đạo sư Ālāra của ông. Nhờ vậy, đạo sĩ hành trì có hiệu quả trông thấy.

Chỉ non tuần lễ, Siddhattha đã đi vào định “vô sở hữu xứ” là định không còn dính mắc bên trong, bên ngoài khi khởi lên tưởng “không có gì cả”. Siddhattha chưa đến trình pháp vội, chàng cần có thời gian đi vào, đi ra định ấy cho thuần thục, đồng thời chiêm nghiệm nó, giác tri nó ra sao. Vị đạo sĩ bạn đã vào được tầng thiền thứ hai, hoan hỷ lắm, lúc này thường cận kề Siddhattha, tìm cách giúp đỡ việc này việc kia, tự coi mình như đệ tử, phải quan tâm hầu hạ “thầy”.

- Tôi là Pukkusa. Hôm kia, đạo sĩ nói - Đạo sư Ālāra Kālāma đạt được sở đắc rất cao. Một lần nọ, ngài ngồi dưới gốc cây bên cạnh đường, lúc ấy có mấy trăm cỗ xe bò đi ngang mà đạo sư không hề nghe biết. Thật là hy hữu! Thật là vĩ đại!

Siddhattha mỉm cười:

- Ủ, đúng vậy, ông bạn. Đạo sư của chúng ta trú định rất sâu nên mới làm được vậy. Cả tôi, cả bạn, ai cũng có thể bước vào cảnh giới mà bạn gọi là hy hữu, là vĩ đại ấy!

Pukkusa tròn mắt:

- Thật thế sao?

Siddhattha giải thích:

- Đây là định “vô sở hữu xứ”. Tôi đã kinh qua định ấy. Và khi trú thâm sâu thì có lẽ năm trăm cỗ xe đi qua vẫn không hay biết - là chuyện bình thường. Vào định ấy, ta dường như đóng cửa tắt thảy mọi cảm giác, tri giác, tâm hành, ông bạn ạ!

Vị đạo sĩ há hốc miệng.

Siddhattha lại thở dài:

- Tôi đã rà soát, xem xét, chiêm nghiệm định ấy và thấy rõ rằng: Khi ở trong định ấy thì ta an ổn, vắng lặng, trong sáng, vô nhiễm; nhưng khi rời nó, trong tôi, vẫn ray rứt những câu hỏi, những nhức đau về lẽ tử sinh, về sự giới hạn của đời người. Trong ta, xung quanh ta, vạn hữu vẫn tồn tại sự bất toàn, đổ vỡ, trống không... chẳng có cách gì vượt qua, giải thoát chúng được, ông bạn thân mến ạ!

Vị đạo sĩ sững sờ. Quả thật ông ta không ngờ vị sa-môn đáng dập rỗng phượng, quý tộc, vương giả ấy, trong thời gian chỉ hơn tháng đã có những sở đắc ngang với đạo sư của y. Và bây giờ lại còn tỏ vẻ hoài nghi, còn tìm cách vượt qua đạo sư Ālāra nữa chứ!

Hôm ấy là đêm rằm, trăng trong vàng vạc, sau khi hàng cư sĩ đến cúng dường, thỉnh pháp ra về hết, Siddhattha vào gặp đạo sư Ālāra Kālāma, trình bày thiền chứng của mình, rồi mong ngài hướng dẫn cho một sự tu tập cao hơn.

Nỗi vui mừng rạng rỡ trên khuôn mặt già nua, đạo sư tán thán:

- Thật là hy hữu thay, Siddhattha! Thật là vĩ đại thay, Siddhattha! Cái mà ta tu tập một đời, hành trì một đời, người bạn trẻ chỉ hơn một tháng công phu! Trong số đệ tử của ta, chưa ai được như thế!

Siddhattha cúi đầu, nhũn nhặn:

- Xin thầy mở lượng quảng đại đưa đệ tử bước lên một cảnh giới quang rạng hơn nữa. Thiền định “vô sở hữu xứ” này tuy tròn trặn, sáng trong như lưu ly nhưng lúc trở về với cảm thức thường niệm thì mọi lộn cợn, vẫn đục, mọi thao thức, trăn trở về chuyện sống chết, nguyên nhân tối hậu của trầm luân... trong đệ tử vẫn còn y như cũ.

Đạo sư Ālāra Kālāma nhìn Siddhattha, trầm ngâm giây lâu rồi với giọng rất chân tình:

- Này Siddhattha! Nói thật, ta cũng chỉ có chùng ấy. Ta cũng chỉ có được chùng ấy. Ta chẳng có gì phải giấu giếm người bạn trẻ. Cái mà ta chứng đạt thì Siddhattha cũng đã chứng đạt, không hơn ta mà cũng không thua ta.

Chợt ông hỏi han, thân mật:

- Vậy xuất thân, dòng dõi thế nào, hỡi Siddhattha?

- Đệ tử thuộc giòng dõi sát-đế-ly, vương triều Sākya, là thái tử con vua Suddhodana, mẹ là hoàng hậu Mahāmāyā. Sắp đến ngày đăng quang vương vị, đệ tử từ bỏ tất cả để xuất gia tầm đạo, thừa đức đạo sư!

- Ô, thật là đáng kính phục! Đạo sư Ālāra tám tấc khen ngợi - Tất cả những gì toát ra nơi người bạn trẻ đều phi phạm. Muôn triệu năm may ra mới có một. Bây giờ, cái gì ta thành tựu thì Siddhattha cũng đã thành tựu rồi. Vậy, hãy ở lại đây, Siddhattha, con rồng vương giả! Hãy ở lại đây để cùng ta chăm sóc hội chúng này. Ta sẽ xem Siddhattha như một người bạn vong niên. Ta già rồi. Và dưới ta, kể cả đệ tử lâu năm, chẳng ai có thể ngang bằng Siddhattha để có thể kế thừa sự nghiệp được cả.

Siddhattha chưa dám trả lời thẳng thắn, là không thể, sợ đạo sư Ālāra buồn. Chàng cúi đầu, lặng lẽ. Nhưng khi thấy đạo sư muốn triệu tập hội chúng để tuyên bố sở đắc của chàng, cùng tư cách kế thừa bậc đạo sư, chàng nghĩ là nên nói thật, tốt hơn. Nghĩa là chàng đã từ chối rất lễ độ:

- Rất tri ân đạo sư! Siddhattha nói - Đệ tử không thể kế thừa sự nghiệp vinh quang mà đạo sư đã hứa khả. Đệ tử chưa đủ đức, đủ trí, đủ tuổi tác, đủ kinh nghiệm, đủ kiến thức, đủ sở hành để hướng dẫn hội chúng đông đúc này. Đệ tử còn trẻ quá về mọi phương diện. Lại nữa, đệ tử còn cần phải hành trì, phải tu tập, phải tìm cho ra lộ trình bất tử, giải thoát toàn vẹn và toàn mãn mọi khổ đau sinh tử và của rồi bởi tri kiến. Đệ tử còn cần phải lên đường. Xin đánh lễ từ tạ

đức đạo sư, người đã quan tâm, ưu ái, chiếu cố đệ tử bấy lâu nay.

Tuy rất buồn vì sự ra đi của người học trò ưu tú nhưng đạo sĩ Ālāra biết là sự chứng đắc của mình còn nhỏ bé, trí tuệ của mình còn giới hạn, quả thật không thể giữ cánh chim bằng đang khao khát tuyệt đối.

Cả đạo tràng hay tin, ai cũng bàng hoàng, sững sờ: Hóa ra Siddhattha mới đó mà sở đắc đã bằng đạo sư Ālāra nổi danh, lại còn hướng đến chân trời khác nữa. Bốn, năm mươi năm nay mới có một người, một nhân cách siêu việt.

Trăng đã về khuya, cả mấy cánh rừng dường như không ngủ: Máy trăm đạo sĩ còn thăm thỉ nói chuyện về một sự kiện hy hữu, phi thường cùng nhân cách cao diệu của Siddhattha khi chàng từ chối chức vị lãnh đạo hội chúng.

Gặp Gỡ Đức Vua Seniya Bimbisāra

Mờ sáng hôm sau, Siddhattha lên đường. Các đạo sĩ đã đứng lố nhố nơi này, nơi khác. Một vài vị đứng xa, lặng lẽ nhìn. Những đôi mắt thân thiện. Vài đạo sĩ khác quỳn luyến đến gần, ôm vai, buồn bã. Đạo sĩ Pukkusa cù bị y bát muốn đi theo nhưng Siddhattha bảo không nên, hẹn lúc nào tìm được đạo lớn, giải thoát trọn vẹn sinh tử khổ đau, lúc ấy hãy hay.

Len lỏi giữa mấy khu rừng, Siddhattha nhắm hướng đông nam. Sương mai lành lạnh bờ vai. Nắng nhẹ, mỏng đã hừng lên từ phương đông. Lâu sau, Siddhattha đã bước vào xa lộ, bỏ bắc Vesāli đạp xuống sông Gaṅgā. Nhìn xóm làng, sinh hoạt, người và cảnh, Siddhattha thấy đây đúng là một quốc độ giàu mạnh. Chốc chốc, Siddhattha bắt gặp một vài đoàn thương buôn, hoặc xe ngựa, xe bò hoặc lạc đà... chất đầy hàng hóa đổ xuống Māgadha. Chốc chốc có vài toán kỵ mã lướt qua, phục sức giáp bào, đai hia, mũ miện, vũ khí chói ngời, Siddhattha biết rằng đây là giai cấp chiến sĩ oai hùng của dòng dõi Licchavī. Họ có từng toán mặc toàn xanh, toàn đỏ, toàn vàng... trông đẹp đẽ, quý củ... và nghe đâu quân đội của họ rất nghiêm minh, kỷ cương.

Trưa, Siddhattha đi bát ven một xóm chợ. Dân chúng đặt bát rất tôn kính và thân thiện. Một, có lẽ là nhờ đức cảm hóa

của đạo sư Ālāra, hai là nhờ truyền thống giáo dục tâm linh của vương triều. Lúc dùng chân độ thực hoặc nghỉ ngơi tại các lùm cây mát mẻ bên vệ đường, Siddhattha gặp các đạo sĩ khổ hạnh. Họ vẫn có bát xin ăn nhưng chỉ cần một vá, một muống... mà thôi! Với hình hài khô gầy, đôi mắt sâu hoắm, râu ria xồm xoàm, tóc tai như tổ quạ, với tấm y dơ dáy, rách nát, họ dường như chỉ chú trọng vào việc làm cho khô kiệt nhu cầu thân xác. Một vài góc rừng, Siddhattha gặp mấy đạo sĩ lỏa thể, họ cố tránh nơi làng xóm hoặc có người qua lại, chỉ dùng củ, trái, lá cây qua ngày... để tu hành ép xác, hành thân hoại thể.

Một vài lần đàm đạo xảy ra trên đường. Siddhattha biết rằng, dân chúng các nơi rất kính trọng các bậc tu khổ hạnh. Và quan điểm chung chung của các đạo sĩ này tương tự nhau. Thân xác nhiều tham muốn quá cho nên khổ. Vậy muốn chấm dứt khổ thì phải triệt tiêu nhu cầu của thân xác, làm cho mọi cảm giác đều phải trơ lì, yên ngủ. Khi mà tinh thần con người không còn nô lệ thân xác nữa, nó sẽ thăng hoa, nó sẽ giải thoát, nó sẽ thể nhập làm một với đấng Tuyệt đối, với Phạm Thể vô biên! Siddhattha không góp ý, không tranh luận, chàng chỉ lắng nghe, học hỏi, chiêm nghiệm. Có rất nhiều pháp môn lạ lùng, Siddhattha đã gặp gỡ trên đường, nói không hết, kể không hết; chàng tự nghĩ, chưa vội tin mà cũng chưa vội bỏ, phải nghiên cứu toàn bộ, sau này.

Do chẳng có gì phải vội vã nên chỉ sáu do-tuần mà Siddhattha đi mất mười hôm mới đến được bên này sông Gaṅgā. Tại một bến thuyền, Siddhattha chứng kiến một cảnh tượng huyền ảo, lạ lùng chưa hề thấy ở trong đời. Không biết bao nhiêu là đạo sĩ, tu sĩ phục sức, y áo khác nhau, với những sinh hoạt khác nhau. Có nhóm đứng bên sông lăm thăm chấp tay cầu nguyện. Có nhóm xuống tắm nước sông thiêng để rửa sạch cho kỳ hết bao nhiêu tội lỗi, nghiệp chướng tiền khiên. Có nhóm người nhập định, phơi xác trần

dưới sự nung nấu của mặt trời. Siddhattha thanh toán dạo gót ven bờ nước đục đỏ ngầu, trên bãi cát vàng mênh mông, vô tận... Đâu cũng là người, đủ mọi màu da, mọi giai cấp, mọi tuổi tác. Tất cả là đàn ông. Đàn bà chỉ lác đác một vài. Ai nấy đều thản nhiên. Dường như chẳng ai chú ý đến ai. Ai có công việc nấy. Một số đàn ông đang sắp xếp một giàn hỏa thiêu. Vài ba đám ma đang đặt xác tử thi trên một bãi đất trống. Từng đàn bò, ngựa, lạc đà xuống sông uống nước. Những sạp hàng lớn, nghêu ngặn hàng hóa đang rục rịch chuẩn bị xuống thuyền sang sông. Có năm, bảy người đàn ông phục sức y áo lòa lợt, diện mạo lạ hoắc... đang cân đo đong đếm bên những kiện hàng. Họ có thể là từ các xứ Ba Tư, Ả Rập sang đây giao thương, buôn bán làm ăn.

Đây đúng là một xứ sở năng động, phồn vinh với những sinh hoạt phong phú, đa diện, còn Kapilavatthu chỉ như là một quận huyện nhỏ bé. Siddhattha nhờ một thuyền buôn sang sông. Ôi, sông rộng mênh mông, lênh bênh xác tử thi và rác rưởi. Thuyền qua, thuyền về tấp nập. Có những chiếc thuyền lớn chở luôn cả cừu, dê, bò, ngựa, lạc đà... cùng với hàng hóa nặng trĩu...

Phía Nam sông Gaṅgā trông nhộn nhịp, tấp nập hơn cả bờ Bắc. Siddhattha dừng chân giây lát nơi bến sông để chứng kiến một cảnh hỏa thiêu, chứng kiến một xác người chưa cháy hết được thả trôi. Cũng giống như ở Kapilavatthu, chẳng ai khóc lóc, tiếc thương những người thân thuộc. Ai cũng quen với sự sống, sự chết. Là lẽ thường. Thần Agni sẽ đưa linh hồn lên mây xanh. Thần Rāma sẽ cho hóa sanh một kiếp khác hay cho về ở với người. Niềm tin ấy cho họ sự bình thản, an nhiên. Chết đi, nghĩa là từ bỏ thân xác bệnh tật, già nua, hủy hoại, tan rã... để mượn lại một thân xác mới trẻ trung hơn, tràn trề sinh lực và sự sống hơn. Quan niệm chung của tôn giáo ngàn đời hóa ra cũng giải tỏa được nỗi khổ trước lưỡi hái của tử thần.

Dừng chân tại thị trấn Pāṭaligāma thương mãi phồn vinh vài hôm, Siddhattha quan sát, ngắm nhìn, lắng nghe mọi sự. Nhất là dân tình, quan niệm sống của họ cùng sinh hoạt các tôn giáo. Qua tiếp xúc với một số đạo sĩ, Siddhattha biết rằng, tại quốc độ Māgadha tồn tại nhiều giáo phái, cả trong và ngoài truyền thống. Hóa ra đạo sư Ālāra thuộc một phái nhỏ, Sāṅkhya, một trong sáu phái bà-la-môn hưng thịnh ở đây. Có một số giáo phái không chấp nhận quyền uy của thánh kinh Vệ-đà, của Áo-ngiã-thư, họ tự lập ra từng nhóm riêng, có quan niệm và cách thức tu tập riêng. Tuy nhiên, bất kể sa-môn, bà-la-môn, đạo sĩ nào thì dân chúng đều ủng hộ, đều đặt bát cúng dường. Đây là xứ sở tự do tôn giáo, tín ngưỡng đúng nghĩa; nhờ mưa thuận gió hòa dân chúng an cư lạc nghiệp, theo đó, các giáo phái phát triển khắp mọi nơi.

Vật thực của cư dân mộ đạo xứ này còn phong phú hơn cả Vesāli. Cứ vừa khát thực vừa nghỉ ngơi, Siddhattha lại xuôi theo xa lộ thương mãi về thủ đô Rājagaha (Vương Xá). Chàng nghe đồn phương Nam Rājagaha có đạo tràng của đạo sư Uddaka Rāmaputta nổi danh nhiều phương. Ông ta có bảy trăm đồ chúng doanh vậy tu học. Chàng phải đến đấy để chiêm bái và học hỏi.

Bảy, tám hôm sau, Siddhattha đã đi vào thủ đô của nước Māgadha (Ma-kiệt-đà), một kinh đô hoa lệ, giàu sang, cực thịnh nhất thời bấy giờ. Dù kiến thức địa lý của Siddhattha có sâu rộng cũng không hình dung được thế núi, thế sông hùng vĩ như thế này. Hóa ra kinh thành Rājagaha nằm giữa một thung lũng mênh mông được bao quanh bởi nhiều dãy núi. Kéo chênh từ hướng tây nam lên hướng đông bắc là hai dãy núi Vaibhāra và Virgāla như một bức tường thành. Phía cuối của núi Virgāla lại mọc ra dãy núi Rāma đâm thẳng góc xuống hướng nam. Sau đó, dãy núi Chattha lại đâm thẳng góc với Rāma rồi đổ về hướng đông. Xa về phía nam là dãy núi Udāya, đổ xuôi về tây nam lại bắt gặp núi Sona hùng vĩ.

Cả hai dãy núi này dường như song song với hai dãy núi Vaibhāra và Virgāla - nghĩa là kéo dài từ đông bắc xuống tây nam.

Vậy là kinh thành Rājagaha nằm trong một thung lũng hình chữ Z, được bao bọc bởi hai bức tường thành. Bức tường ngoại thành là vành đai khổng lồ, đá dựng lô nhô cùng với rừng xanh mát mẻ. Với sức người, sức của, thời gian, công phu xây dựng bức tường đá vĩ đại như thế quả thật chỉ có ý chí của một đế quốc mới làm nổi. Nó bao liệt cắt ngang núi Sona, chạy dài qua sông suối, bình nguyên, vượt lên núi Vaibhāra, chạy theo đường “đông” của núi này, đến hết núi Virgāla. Từ đây, đổ về nam, nó xuôi mãi, trượt lên núi Udāya, rồi theo đường “đông” của núi này xuôi về tây nam. Chu vi bức tường ngoại thành nghe đâu không lớn lắm, chỉ độ chừng ba bốn do-tuần nhưng có lẽ là công trình vĩ đại thời bấy giờ.

Bức tường nội thành bao quanh cổ thành Giribbāya, là nơi biệt lập của hoàng cung, kế đó là dinh cơ của hoàng gia, quý tộc, các đại thần, quan lại, võ tướng... Từ đó, các con đường lát đá, xa rộng ra là phố phường sầm uất của giai cấp Vệ-xá, quý tộc làm thương mãi, thị dân giàu có với hàng trăm, hàng ngàn tiệm tạp hóa. Rồi còn xưởng rèn đúc vũ khí, dinh xưởng quân trang, quân dụng của hoàng gia, chiến sĩ. Cung vua được xây dựng bằng nền đá, tường đá; nhưng kết cấu các tòa nhà, dinh thự, lầu đài lại bằng gỗ quý.

Vùng thung lũng trải rộng giữa nội ngoại thành là làng xóm, nhà cửa của giới trung lưu, gồm tất cả mọi ngành nghề khác. Đây là vừa lúa, vừa trái cây, rau cải... cũng là nơi chăn thả gia súc như dê, bò, cừu... Có cả những trại nuôi ngựa, voi cho hoàng gia và chiến sĩ. Điềm xuyết giữa thung lũng này là trang trại lớn của một số đại thần, quý tộc, kỹ nữ, võ tướng... Nhiều nhất là những vườn xoài, vườn cây thuốc, vườn đình hương, hồi hương, chà là, các loại đậu, củ...

Riêng cây thốt nốt làm đường, mật thì ở đâu cũng có, hàng hàng lớp lớp bao quanh xóm nhà, quanh công viên, dọc theo xa lộ thương mại...

Giữa khoảng hở của các ngọn núi là những cổng thành cao lớn, kiên cố. Cổng đi lên phía bắc được gọi là Cổng Bắc. Tương tự thế, Cổng Đông, Cổng Nam...

Như vậy, địa thế của Rājagaha được phòng thủ một cách kiên cố và vững mạnh, không có quân đội nước nào xâm nhập nổi nên tạo được thế hùng cường và giàu mạnh dài lâu⁽¹⁾.

Nhờ giàu sang và thịnh vượng như vậy nên đất nước này là nơi hội tụ nhiều sắc màu của các giáo phái khác nhau. Cứ hễ nghe đâu có các nhóm tu tập là Siddhattha tìm đến. Quả thật là nơi này quyền uy của thánh kinh Vệ-đà và Áo-nghĩa-thư đã bị lung lay. Có những phong trào muốn đi tìm những giá trị tâm linh mới, con đường mới. Một số đã đi quá đà, rơi vào duy vật luận thô thiển, nguy hiểm, hý luận, đoạn diệt kiến trở thành tà đạo nhưng vẫn tồn tại, vẫn được rao giảng đó đây. Ai nghe thì nghe. Ai tin thì tin. Ai không nghe, không tin thì thôi, chẳng đụng chạm đến ai cả. Đúng là trăm hoa đua nở, nên kinh thành này, thời này được xem là đỉnh cao của triết đạo học.

Siddhattha đã đến nhiều nơi để nghe các đạo sĩ trong truyền thống rao giảng. Gọi là truyền thống nhưng họ đã giảng giải lại Vệ-đà nên được gọi là Vedantā cho phù hợp với thời đại mới. Một số trong các vị này muốn giữ lại một ít “mật truyền” có lợi cho các tế sư để họ độc quyền liên hệ với thần linh. Nói chung, họ cũng tìm về Nhất thể nhưng do lý luận dài dòng, úp mở, mâu thuẫn, nhiều kẽ hở... nên chẳng giúp gì thêm cho kiến thức của chàng cả. Và lại, kể cả

⁽¹⁾ Chừng 168 - 180 năm sau Phật nhập diệt, quân đội A-lich-son đại đế ba lần tấn công ba lần bị đẩy lui, thất bại, phải rút về.

Vệ-đà, kể cả những quyền kinh cổ xưa của dòng dõi Aryan, Siddhattha đã thông thuộc nên chàng thấy kiến thức của bọn họ chấp vá, đứt nối, nghèo nàn... chẳng có giá trị gì. Nếu nghe ai nói đến Brāhman, Ātman... những cái ngã thường tại, bất tử... đồng với hư không, đồng một với hạt cải, hạt sung, hạt mè gì gì đó thì chàng không muốn nghe nữa. Siddhattha đã đầy mứa, no ứ loại kiến thức cũ xưa ấy. Một vài nơi nói về nghiệp, tham dục, vô minh... là công của các nhà luận giải đi sau Vệ-đà, thì nghe được, nhưng vẫn còn nông cạn, mù mờ.

Siddhattha chán nản nhất là miệng lưỡi của một số đạo sĩ duy vật luận, đoạn kiến, hư vô chủ nghĩa... Họ phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế, linh hồn, chủ trương không có thiện ác, khi thân xác thiêu ròi thì chẳng còn gì nữa. Vậy hãy hưởng thụ dục lạc cho sung sướng. Họ chỉ trích các đạo sĩ khổ hạnh diệt dục: “Này bạn! Bạn muốn quăng bỏ cả hạt thóc vì bên ngoài bao bọc vỏ trấu chẳng? Hành hạ thân xác quả là đồ khùng, đồ điên!” Lạ lùng làm sao, là với chủ trương như vậy họ vẫn không được mọi người xem là đối kháng xã hội, hoặc “phi đạo đức”, có hại cho nhân sinh. Một số khác tuyên bố xanh rờn về học thuyết “hoài nghi chủ nghĩa”. Họ hoài nghi linh hồn, Thượng Đế, thánh thần, thiện ác, các giá trị đức lý, định mạng... Họ hoài nghi tất tần tật. Chúng hung nhúc, nhan nhản, mọc lên tươi tốt như nấm sau vài trận mưa cuối mùa hè. Họ đi từng đoàn, từng lũ, đá phá giáo phái truyền thống, đền miếu, tập cấp bà-la-môn và các tế sư. Nhưng quả lạ lùng làm sao, dân chúng lại thích nghe họ nói, khoái chí cúng dường, cung cấp tứ sự đầy đủ. Có lẽ đây là phản ứng nghịch để tạo sự quân bình cho xã hội. Các ông bà-la-môn trịnh trọng, đạo mạo, nghiêm trang từ lâu đã bóc lột họ quá nhiều trong các cuộc tế lễ, ma chay; chủ ruộng đất, chủ các trang trại của các bà-la-môn lại sử

dụng sức lao động của nông nô với giá chết đói, cũng tương tự thế.

Còn ta-bà khổ hạnh sư thì quá nhiều, từ khổ hạnh thô tháo đến khổ hạnh cực đoan nhất. Và nói chung, mọi hình thức khổ hạnh đều được dân chúng trọng vọng, sùng mộ. Dấu hiệu chung của các đạo sĩ khổ hạnh là từ bỏ gia đình, vợ con, tài sản, tự do để râu tóc, tự do mặc nhiều kiểu y áo khác nhau, hoặc tự do chỉ che chút ít cho có lệ! Tùy. Riêng có nhóm cứ để trần truồng, lỏa thể, thì họ thường ẩn dật trong rừng rậm hoặc nơi xa xóm làng để khỏi quấy rầy mọi người, nhất là đàn bà, con gái. Vị nào khổ hạnh kỳ quái nhất, dị hợm nhất thì được mọi người nể trọng nhất. Làng xóm sẽ tự hào về họ, xem họ như bậc thánh.

Có vị tu khổ hạnh với mục đích chẳng tốt đẹp gì: Chỉ để cho oai, cho ghê gớm một cách hiếu danh, một cách phô trương bản ngã.

Có vị tu khổ hạnh với mục đích mong cầu đánh đổi phúc lạc ở đời sau, sung sướng gấp trăm ngàn lần bây giờ.

Có vị tu khổ hạnh thiên định để sau này bay được như chim, qua sông không cần đò, thuyền. Hoặc đi xuyên tường, độn thổ, biết rõ chuyện quá khứ, vị lai.

Có những vị cao thượng hơn, là khổ hạnh để diệt dục, để giải thoát kiếp người, mong sau này cộng trú với chư thiên, phạm thiên hay thể nhập với Thượng Đế.

Tất cả họ có nhiều cách hành hạ thân xác thật khủng khiếp. Khổ hạnh như bò thì làm hai cái sừng bò trên đầu, cột đuôi bò phía sau, sống giữa bầy bò, ăn như bò, đi như bò, ngủ như bò. Khổ hạnh như chó thì sống như chó, đi như chó, ăn dưới đất, sủa hâu hâu và nằm ngủ cũng cuộn mình như chó. Khổ hạnh kiểu nhịn ăn thì nhịn ăn cho tới chết. Có vị nửa tuần trắng mới ăn một lần. Có vị chỉ ăn một lần vào cuối mùa trắng. Có vị ngâm dưới nước suốt ngày. Có vị tự treo chân, treo tay lên trên cây cho đến khi teo chân, teo tay luôn!

Có người cột mình lên cây bằng một sợi dây, mỗi ngày vài khắc như thế. Có vị luôn luôn ngồi chồm hồm và chỉ ăn cái gì rơi vãi xung quanh. Có kẻ đứng một chân, đứng mãi đứng hoài mặc cho cây leo mọc xung quanh, chim làm tổ trên đầu. Có kẻ suốt đời không ngủ. Có người nằm trên giường đình hoặc nằm trên đống gai tua tủa. Có vị tự cắt bớt một tay, cắt bớt một chân. Có kẻ bẻ gãy nó rồi lấy dây cột lại mặc cho nó thối rữa với dòi bọ đục khoét... Tuy nhiên, đa phần các khổ hạnh sư này có tu tập thiền định, họ có tự chủ - nên sự đau đớn về thể xác họ chịu đựng được. Người ta nể sợ họ về khả năng đó.

Khắp xứ Māgadha, các đạo sĩ lang thang với cái bát xin ăn đã trở thành hình ảnh quen thuộc. Thịnh thoàng, vì tranh danh, đoạt lợi lại có vài ba cuộc đụng độ. Hãy lắng nghe họ nói, họ ngụy biện, họ bài bác, xách mé người khác mà chẳng đưa ra một ý tưởng khả dĩ là có kiến thức. Có kẻ say sưa nói về định mệnh thuyết. Theo đó, cái ăn, cái mặc, ngủ nghỉ, tư duy, vui khổ... không thể cải biến, không thể thay đổi được. Tuy nhiên, chẳng ai trung thành với ai cả. Họ tùy nghi gia nhập nhóm này, một thời gian lại chạy sang nhóm khác. Họ thay đổi “guru” (bậc thầy) như thay đổi món ăn. Tại kinh thành Rājagaha và các thị trấn thường có những căn nhà hội, là tụ điểm để cho muôn phương du sĩ, khất sĩ lang thang trú mưa nắng. Và thường là nơi xảy ra các cuộc tranh luận. Ai nói hay, thắng cuộc thì được vua chúa, các triệu phú gia, chủ ngân hàng, đại thương gia tặng nhiều vàng bạc, gia súc...

Siddhattha lắc đầu, vừa ngao ngán vừa mỉm cười. Quả là “đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Chỉ mới non nửa tháng ở đây, kinh thành tâm linh này mà Siddhattha đã có thể khái quát, hình dung toàn bộ sinh hoạt tôn giáo, chí hướng, mục đích, con đường của giới xuất gia đạo sĩ.

Hôm kia, nghỉ ngơi trên núi Paṇḍavā, không xa kinh thành Rājagaha bao nhiêu, Siddhattha ngồi thiền nhưng tâm

không an trú. Do kinh thành Rājagaha với những sinh hoạt của nó nên hình ảnh Kapilavatthu hiện ra. Rồi hình sương bóng khói quê nhà, phụ vương, di mẫu, Yasodharā, Rāhula... từ chập chờn đi đến rõ nét. Một dòng xúc cảm khởi sanh làm cho Siddhattha lao chao, không yên lắng được... Đã suốt đêm như thế.

Nắng sớm đã lên. Siddhattha ôm bát, thông thả đi theo con đường ruột dê xuống chân núi. Vừa đi chàng vừa trú niệm hơi thở để tìm lại sự thanh thản tâm hồn. Phải đi con đường mới, tức là con đường dẫn đến cỗ thành Giribbāja có hoàng thành, cung điện của đức vua Seniya Bimbisāra nổi danh. Ở đây, dinh thự tiếp dinh thự, lâu đài tiếp lâu đài. Hình ảnh mấy tòa Cung Vui lại hiện ra nhưng Siddhattha an trú niệm được ngay.

Dáng dấp Siddhattha cao to, sang trọng, nước da như mạ vàng ròng, lại với bước đi trầm tĩnh, uy nghi... làm cho ai cũng phải chú ý, ngược đầu lên nhìn. Ở kinh thành này chưa có bóng dáng vị đạo sĩ nào khả dĩ thu hút mọi người đến thế! Là một vị xuất gia với giống dòng thượng đẳng, với bước đi khoan thai, ổn định, kiêu hùng như chúa sơn lâm... thế kia thì mọi người mới thấy lần đầu.

Siddhattha dừng lại, tầm mắt nhìn xuống, nghiêng người, đứng trước một ngôi nhà, không phân biệt họ giàu nghèo ra sao. Chàng trú niệm, không gian xung quanh bỗng yên lặng. Dường như những giọng nói, tiếng cười từ đâu đó cũng ngưng dứt. Một người, hai người, ba người rồi bốn người lặng lẽ ra đặt bát. Có lẽ là những món thượng vị đầy trân trọng. Thấy đã vừa đủ, Siddhattha lấy tay ngăn lại, thềm đọc vài ba lời quán tưởng và chú nguyện rồi quay lưng, bước đi, trở về bằng lối khác.

Siddhattha thoáng nghe từ sau gáy, từ bên tai... những cái nhìn, những lời bàn tán, xầm xì nhỏ nhỏ: “Vị sa-môn này có lẽ không phải người mà là thiên thần.”

Đúng vậy! Cỗ xe bốn ngựa trắng đang chậm rãi đi ngang, đức vua Seniya Bimbisāra vén rèm, chăm chú nhìn tướng mạo, phong thái, bước đi của Siddhattha cũng tưởng là vị thiên thần nào. Ông ngẩn ngơ. Sao trên đời lại có vị đạo sĩ đẹp đến thế! Như sực tỉnh, đức vua Seniya Bimbisāra sai một tên quân hầu bí mật theo dõi Siddhattha xem chàng về đâu, nghỉ ở đền miếu, quán xá nào... rồi về tâu lại cho đức vua hay.

Xế chiều hôm đó, đức vua Seniya Bimbisāra thăng cỗ xe bốn ngựa trắng, dừng lại dưới chân đồi Paṇḍavā. Đức vua chậm rãi leo lên núi cùng với một tên thị vệ.

Siddhattha đang ngồi thiền trong bóng râm, hào quang như tỏa sáng từ khuôn mặt. Có một cái gì tôn nghiêm, tĩnh lặng tỏa ra xung quanh làm cho đức vua không dám cất tiếng. Ông đứng vòng tay tỏ vẻ kính cẩn. lát sau, như có con mắt thứ ba, Siddhattha biết có khách nên chàng xả thiền. Nhìn vóc dáng bệ vệ, oai nghiêm, trang phục sáng ngời châu báu như... mình thuở nào, Siddhattha biết đây là đức vua Seniya Bimbisāra nổi tiếng châu Diêm-phù-đề.

Rất tự nhiên, Siddhattha gật đầu chào, mỉm cười, chỉ cho đức vua chỗ ngồi trên phiến đá phẳng, còn chàng thì tìm chỗ ngồi đối diện.

Siddhattha điềm đạm nói:

- Phải chăng điện hạ là quốc vương Māgadha nổi danh đương đại? Xin ngài bỏ lỗi, là sa-môn nên tôi không thể làm lễ ra mắt như kiểu quân thần.

Đức vua gật đầu:

- Phải vậy. Trẫm là Seniya Bimbisāra, hôm nay đến đây rất lấy làm vinh hạnh được thăm viếng ngài sa-môn. Chẳng hay, ngài là ai? Là thọ thần? Là chư thiên? Là phạm thiên? Tướng mạo của ngài rất phi phàm, rất khác tục vậy.

Siddhattha cười nhẹ:

- Tôi là người phạm tục, tâu đại vương. Lại nữa, lộ trình tầm đạo còn nhiều khô, tối tăm, đâu xứng đáng để đức vua oai hùng coi trọng đến thế!

Thấy lời lẽ thanh cao, ngôn ngữ lưu loát, lịch thiệp, đức vua đoán đây không phải là kẻ tầm thường, bèn tâm sự:

- Ôi! Trẫm lên ngôi từ tám bé, lúc phụ hoàng của trẫm mất. Mới mười bốn tuổi mà phải làm người lớn, phải chính đĩnh, trang nghiêm, mẫu mực để cầm quyền trị nước. Năm nay trẫm hai mươi bốn tuổi. Vậy là đã suốt mười năm, trẫm không có tuổi thơ, không có sự hồn nhiên; lúc nào cũng phải lo nghĩ, tính toán trăm việc, không có niềm vui, không có nụ cười! Bao nhiêu năm qua, trẫm không hề có một người bạn để hàn huyên tâm sự. Xung quanh hàng trăm người, lúc nào cũng khúm núm, chào thưa, tuân phục, bách tuế, vạn tuế... Cũng chẳng trách họ được vì đó là luật lệ của triều đình, vì quyền uy của trẫm là tuyệt đối. Nhưng mà kỳ lạ làm sao, sáng nay, vừa thoáng thấy sa-môn, trẫm liền có cảm giác như là một người bạn thân lưu lạc từ kiếp nào. Trẫm ước ao rằng, sa-môn hãy cùng về với trẫm, làm bạn với trẫm. Với vùng trán, đôi mắt, ngôn ngữ, nụ cười... ở nơi sa-môn - trẫm biết chắc sa-môn là người ưu việt, thông tuệ, trí tài, đức hạnh đều vượt bậc, vượt xa con người. Nếu có sa-môn bên cạnh tham mưu, cố vấn, trẫm biết chắc nước nhà sẽ hùng cường và muôn dân sẽ ấm no, hạnh phúc hơn nữa.

Siddhattha quan sát đức vua, thấy ông ta có vẻ chí tình, lại có phong độ của bậc minh quân, chàng dịu dàng nói:

- Cảm ơn những lời vàng ngọc của đại vương! Nhưng tôi đã quen đời sống độc cư, thích chỗ hoang vu, u tĩnh của núi rừng mát rười. Chốn hoàng thành hoa lệ không còn thích hợp với tôi nữa đâu.

- Đời sống sa-môn không cửa, không nhà cực khổ quá. Vật thực xin ăn tùy thí chủ, đâu có đủ dưỡng chất cần thiết cho cơ thể. Mặc thì chỉ có một manh áo mỏng. Nằm ngủ thì

chẳng có giường chiếu, chăn màn. Thôi, hãy về thành với trăm đi, trăm sẽ tặng một cung điện cao sang và tiện nghi nhất. Trăm lại còn lựa chọn cho vài chục mỹ nữ xinh đẹp nhất thành Rājagaha làm kẻ hầu người hạ xung quanh. Họ sẽ nâng khăn, sửa túi, xếp gối, giăng màn...

Siddhattha cúi đầu, nhũn nhặn:

- Xin trân trọng tâm lòng và thiện ý của đại vương. Quả thật đây là đặc ân tối thượng của đại vương. Nhưng tôi không quen với đời sống ấy. Tôi đang đi tìm ý nghĩa và giá trị vĩnh hằng của đời sống con người. Tôi sẽ tìm cho ra đạo lộ bất tử để cứu khổ cho muôn sinh. Đây mới là mục đích của tôi, tâu đại vương!

Đức vua Seniya Bimbisāra vẫn chưa chịu thua, muốn thuyết phục nữa, nhưng chậm rãi hỏi:

- Sa-môn năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Thưa, hai mươi chín tuổi.

- Ô, vậy là còn trẻ quá. Chỉ lớn hơn trăm có năm tuổi. Thôi, thế này vậy. Cùng về với trăm đi, trăm sẽ chia cho sa-môn một nửa giang sơn, cả hai ta sẽ cùng nhau cai trị và hưởng phúc. Ít chục năm sau, khi tuổi già, sức yếu, mọi lạc thú trên đời đều đã nhàm chán thì cứ giao lại hết cho trăm, rồi đi xuất gia cũng chưa muộn gì.

Siddhattha mỉm cười nụ, phê bình nhẹ nhàng:

- Đại vương nói không được đúng rồi! Con đường tu tập không đơn giản. Là lộ trình của chông gai, khổ luyện. Cần phải có sức vóc, ý chí, nghị lực... mới đi được tới nơi, tới chốn. Vậy đi xuất gia phải cần có nhiệt huyết và sức thanh xuân của tuổi trẻ. Nếu để già mới đi xuất gia, sẽ không thành tựu được gì, chỉ tìm được chút nhàn cư và bình an, tĩnh tại bên ngoài mà thôi. Còn khó khăn hơn nữa là hiện nay, sự tìm kiếm của tôi: Mục đích, con đường chưa hề có trên thế gian này, nên hành trang, tư lương lên đường cần có ý chí và nghị lực bất thối. Còn khó khăn vạn trùng. Và chỉ có tuổi trẻ

mới làm được. Xin bệ hạ hãy tha thứ cho tôi, hãy cho tôi đi theo con đường mà mình đã chọn.

Đức vua Seniya Bimbisāra gật gù:

- Quả là hùng biện! Quả là hay! Thật là ngôn lời kiên định như đá tảng! Trẫm mới nghe lần thứ nhất trong đời. Và cũng là lần thứ nhất trong đời, có người được chia cho nửa giang sơn, cung điện, mỹ nữ, quyền uy mà không hề động tâm.

Nghĩ ngợi một lát, đức vua tiếp:

- Với con người như sa-môn, lập luận đanh thép, ý chí đanh thép, vùng trán cao phẳng, đôi mắt xanh trong thế kia thì chẳng có khó khăn nào mà sa-môn không thành tựu được kể cả là làm Chuyển luân Thánh vương toàn cõi châu Diêm-phù-đề này. Trẫm không bắt lỗi đâu, trẫm kính trọng và sự ngưỡng mộ được nhân lên nhiều lần nữa là khác.

Nhìn thần sắc an nhiên, trầm tĩnh của Siddhattha, đức vua chợt hỏi:

- Trẫm hơi tò mò, vậy chẳng hay sa-môn là người xứ nào, xuất thân, dòng dõi như thế nào, có thể cho trẫm biết với chăng?

- Dạ được, không sao! Siddhattha nói - Xa về hướng tây bắc, dưới chân Himalaya hùng vĩ, có một gia tộc Sākya cổ kính, dòng dõi Thái Dương anh hùng, kinh thành Kapilavatthu nhỏ bé, hiền hòa, là quê hương của tôi đấy!

- Ô!

- Tên tôi là Siddhattha, họ Gotama, là thái tử con vua Suddhodana còn tại tiền, mẹ là hoàng hậu Mahāmāyā đã mất sớm. Tôi lập gia đình lúc mười sáu tuổi, có được một con trai nối dõi...

- Cứ kể tiếp đi, sa-môn, trẫm muốn nghe!

- Từ lâu, tôi đã chán nản xa hoa ngũ dục ở ba tòa Cung Vui; lại còn sợ buộc ràng lúc phụ hoàng chọn ngày đăng quang vương vị nên đã trốn mọi người, rời khỏi kinh thành,

xuất gia tầm đạo lúc nửa đêm, cách đây non vài tháng thôi, tâu đại vương!

Vua ngạc nhiên quá, thốt lên:

- Hóa ra sa-môn là một vị vua! Một vị vua đã khăng khái phát tay từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh! Vậy là trẫm đã thất lễ. Trẫm đã lấy lợi danh, quyền uy, ngũ dục để quyến rũ người đã từ bỏ ngũ dục, danh lợi và quyền uy.

Đức vua lại xuống giọng, thân thiện:

- Vương quốc Sākya hiền hòa với Māgadha của trẫm là chỗ thân quen từ nhiều đời. Từ đây đến đó chừng sáu bảy mươi do-tuần, không xa lắm. Vị đại vương Kosala oai hùng kề cạnh, đức vua Pāsenadi, cũng là chỗ thâm giao. Không giấu gì sa-môn, hoàng hậu của trẫm là em ruột của đức vua Pāsenadi. Lại nữa, trẫm sẽ có một chính sách ngoại giao với Kosala để cho Kapilavatthu được yên bình. Sa-môn đừng ngại gì cả. Hãy đi theo con đường của mình. Nhưng trẫm mong rằng, sa-môn hãy xem trẫm là bạn. Sau này, lúc nào tìm ra đạo lớn, sa-môn hãy ghé thăm quốc độ của trẫm, thăm trẫm và để cho trẫm được cúng dường tứ sự. Trẫm sẵn sàng cất lời hứa thiêng liêng, là sẽ ở bên cạnh, làm cánh tay phải, hộ trì “cái đạo bất tử” của sa-môn, được phát triển mạnh mẽ trong quốc độ này.

Siddhattha thấy vị vua trẻ tuổi, đầy quyền uy hiển hách mà hạ mình như vậy, bèn vô cùng trân trọng hứa khả, sau này đấng đạo sẽ trở lại xứ sở phồn vinh này.

Đức vua Seniya Bimbisāra cúi chào, từ giã, xuống núi. Siddhattha cũng chuẩn bị rời chỗ, chàng không muốn nhận thêm một ân sủng nào nữa của đức vua cũng như hoàng gia của xứ sở này. Biết chỗ, họ sẽ thăm viếng, tới lui. Rồi phải nói chuyện, chào hỏi, lắng nghe... làm mắt của chàng biết bao thì giờ quý báu.

Chàng bước đi, lại theo đường mòn ruột dê, đến cổng thành phía đông nam, từ già Rājagaha, đến núi khác: Có một đạo sư ở không xa đây lắm, chàng phải tìm đến.

Vị Đạo Sư Thứ Hai

Khu rừng của đạo sư Uddaka Rāmaputta trải dài ở sườn núi phía nam thuộc dãy núi Udāya, nằm ngoài bức tường thành thứ hai của kinh đô Rājagaha. Rừng cây với những gốc cổ thụ to lớn, mật độ thưa thớt, có vẻ nóng bức, vì thời tiết đang đi vào cuối hạ. Thỉnh thoảng, có vài cơn gió mang hơi lửa từ phương nam thổi tràn lên, lá vàng rụng xào xạc. Vài con suối đã cạn khô, nước chảy róc rách len lỏi giữa các lèn đá, tụ thành từng vũng xanh trong đủ nước dùng cho người và vật. Đây đó từng cộc lá che dưng tạm thời lấp ló sau các hàng cây. Vài bóng đạo sĩ tới lui, tọa thiền hoặc kinh hành trông thanh bình và yên ổn.

Đạo sư Uddaka năm nay chừng tám mươi tuổi, quắc thước, rắn rỏi, vàng trán cao rộng. Đặc biệt có đôi mắt sâu hoắm, nhãn quan lóng lánh có thần, biểu hiện một sức sống nội tâm có tu chứng, có sở đắc. Giáo pháp của đạo sư ảnh hưởng một vùng lớn rộng. Hội chúng có chừng bảy tám trăm người, kể cả xuất gia và tại gia.

Ông tiếp Siddhattha như một người học đạo bình thường, không hỏi xứ sở, gốc gác, dòng họ; chỉ hướng dẫn những pháp sơ cơ. Siddhattha chưa muốn đi sâu, nghĩ là thời gian còn nhiều, chàng dự định xem xét một vài vấn đề nội tâm đang còn máy động, lao xao. Cũng giống như ở khu rừng của đạo sư Ālāra, Siddhattha phải tự mình làm một lều

cây để che sương, đỡ gió. Sau đó, nhìn quanh bạn đồng đạo, ai làm gì thì chàng làm nấy, tìm cách hòa nhập với học chúng. Siddhattha lúc này đã thuần thục mọi sự nên thấy cái gì cũng dễ dàng thông thuận, khế hợp.

Đạo sư Uddaka Rāmaputta, nghe nói không phải tự tu, tự chứng như đạo sư Ālāra Kālāma mà được học hỏi từ cố đạo sư Rāma các thiền phi tưởng, phi phi tưởng, là đỉnh cao nhất, lôi cuốn rất nhiều đạo sĩ tìm đến tu học.

Chương trình trong ngày, Siddhattha sử dụng giờ giấc tương tự trước đây. Đêm, hành thiền hai canh, nghỉ một canh. Ngày, theo bạn đạo đi khát thực các thôn làng ngoại ô Rājagaha; chiều, nếu rảnh rỗi chút ít, tìm khe suối xa vắng để tắm giặt, nằm nhìn ngắm mây trời, lắng nghe sự va động, các cảm giác tương giao phát sanh. Tất cả đều bình hòa, lắng trong, yên tĩnh. Đôi khi, sự an lạc kéo dài, thấm đẫm từ chân tơ kẽ tóc. Nhưng thỉnh thoảng, những câu hỏi, lẽ tử sinh, giá trị nền tảng của cuộc sống lại trở về như một đám mây u ám đi qua vùng trời tâm thức. Dù trú các định, xuống lên các định khá thuần thục nhưng khi trở lại với ý thức thường nghiệm, Siddhattha thấy mình vẫn còn bất an, vẫn còn những phiền não vi tế.

Nửa tháng trôi qua lặng lẽ, hôm kia Siddhattha tìm gặp đạo sư Uddaka, chàng căn kẽ trình bày lộ trình tu tập bấy lâu của mình, các tầng thiền, an trú và chứng nghiệm những mong sự chỉ dẫn đúng đắn và cao minh hơn.

- Sao? Đạo sư Uddaka ngạc nhiên - Trong vòng nửa tháng mà chàng trai trẻ đã lên đến thiền “vô sở hữu” à?

- Dạ thưa không! Siddhattha đáp - Tất cả các tầng thiền ấy, đệ tử đã học được từ đạo tràng của đạo sư Ālāra; và đệ tử đã đi xuống, đi lên, vào ra khá thuần thục.

Vị đạo sư già nua bấy giờ mới chăm chú quan sát tướng mạo của chàng trai đối diện. Ồ, tướng mạo đẹp đẽ, tỏa ra sự trang nghiêm, chững chạc. Lại nữa, chàng ta có giọng trầm

âm, có ngôn ngữ trôi chảy lưu loát, có cách diễn đạt ý tưởng chân xác, sâu sắc. Đây là người có học vấn uyên bác, thâm sâu, không phải là kẻ tầm thường.

Thế là đạo sư ân cần trao đổi:

- Này, người bạn trẻ! Cái định “vô sở hữu” mà bạn chứng đạt từ đạo sư Ālāra khả kính là một loại định bậc cao. Tuy nhiên, cái “vô sở hữu” ấy là một loại tri giác, một loại tưởng, chính xác là “tưởng không” đấy thôi. Lúc nào còn “tri giác”, còn “tưởng” thì vẫn còn năng tri và sở tri. Muốn bước lên một loại định cao hơn thế nữa thì người bạn trẻ cần phải rời luôn cái tưởng ấy, cái tri giác ấy.

Siddhattha nhíu mày:

- Phải rời luôn? Phải rời luôn, phải lìa bỏ tri giác - nghĩa là “không còn tri giác” thì có đồng nghĩa với gỗ đá không, thừa đức đạo sư?

- Hay, câu hỏi hay! Lìa tri giác, lìa tưởng nhưng không phải là “không có tri giác”, “không có tưởng” như gỗ đá vô tri!

Siddhattha nói:

- Nhưng có một đạo sư khá nổi danh nói rằng: Gỗ đá vô tri cũng không phải là không có tri giác, vẫn là tri giác! Điều ấy phải được hiểu như thế nào?

- Đừng có tin vào những phát ngôn ngốc nghếch! Đây là hý luận. Là mép rìa của duy tâm, duy vật cực đoan. Ngay cõi “vô tưởng” của chúng sanh “không có tưởng”, chỉ còn sự diễn tiến của sắc uẩn, vẫn không đồng với gỗ đá vô tri vì bên trong nó vẫn tiềm miên danh uẩn.

- Nhưng lìa tri giác, lìa “tưởng không” mà “không phải vô tưởng”, không phải gỗ đá vô tri, thì nó là cái gì, thừa đức đạo sư?

- Điều ấy không nói được, này người bạn trẻ! Ngôn ngữ bất lực. Phải cần sự thực nghiệm, chứng nghiệm, nóng lạnh khắc biết!

Siddhattha lĩnh ý, rút về lều của mình. Vậy là phải là “vô sở hữu”, phải là “ý niệm không có gì cả”.

Chỉ mười hôm sau, Siddhattha đến trình pháp:

- Đệ tử đã viễn ly được “tưởng không” ấy. Bây giờ đệ tử đã an trú vào một trạng thái mà không biết nó là cái gì. Nói “có tưởng”, không đúng; nói “không tưởng”, cũng không đúng. Cả hữu lẫn vô đều bất xác. Cũng không phải phủ định hay xác lập hai mặt nhị nguyên “có - không” của tưởng... mà là cái gì đó, đệ tử không nhìn rõ mặt!

Đạo sư Uddaka chăm chú hỏi:

- Vậy, người bạn trẻ đã trú vào cái gì?

- Thưa, có lẽ cũng là “tri giác”, cũng là “tưởng” thôi. Nhưng cái này nó vi tế quá, chẳng xác định được là nó có hay không.

- Đúng vậy! Đạo sư Uddaka gật đầu - Vì đây là định phi tưởng, phi phi tưởng (nevasaññānāsaññā), là bậc thiền cuối cùng trên lộ trình tu tập. Ở châu Diêm-phù-đề này, đó là thành tựu cao nhất, xứng đáng cho những ai cần cầu xuất gia phạm hạnh.

Siddhattha cúi đầu.

Đạo sư Uddaka chột đứng dậy, ưu ái nắm tay Siddhattha, bảo chàng ngồi vào bồ đoàn bên cạnh, rồi mở lời khen ngợi:

- Người bạn trẻ đã tiến bộ phi thường, vượt bậc, không thể có người thứ hai trên đời này. Công phu tu tập hơn nửa thế kỷ của ta cũng chỉ có chừng ấy, chỉ có định ấy. Ta có tín, tấn, niệm, định, tuệ như vậy thì người bạn trẻ cũng có tín, tấn, niệm, định, tuệ như vậy. Không hơn, không khác.

Siddhattha lắng tai nghe, nghiêm cẩn.

Đạo sư Uddaka chăm chú quan sát Siddhattha một hồi nữa rồi cặn cặn kể hỏi tên họ, dòng dõi, quê quán, xuất thân... Siddhattha tình thật trả lời, ngắn gọn nhưng đầy đủ. Nghe xong, đạo sư có vẻ vui mừng:

- Ô, có thể chứ! Phải là dòng dõi thượng đẳng mới xuất sanh được một nhân cách phi phạm như thế chứ! Đúng là rồng phượng giữa loài người!

Chợt đạo sư Uddaka xuống giọng:

- Này người bạn trẻ, này Siddhattha! Ta đã già rồi. Sự sống của ta chỉ còn đếm trên từng hơi thở. Đệ tử dưới trướng, kể cả người cao niên, hạ lap lớn - kiến thức thì nông cạn, sở chứng thì giới hạn, nhân cách thì tầm thường. Chẳng có ai để sở cậy cả. Chẳng có ai có đủ khả năng, bản lãnh, trí tài, sở học, sở tu... để ta có thể giao phó kế thừa sự nghiệp. Vậy, bắt đầu hôm nay, Siddhattha hãy ở lại đây, hãy ngồi ở chỗ này để dẫn dắt hội chúng. Đạo tràng này là của bạn, này Siddhattha! Hãy vì ta mà phát triển giáo pháp cao thượng để lợi lạc cho phần đông...

Lúc hai người nói chuyện, ban đầu, chỉ vài người nghe, lát sau, cả hội chúng đều hay tin. Thế rồi, miệng truyền miệng, tai truyền tai, bây giờ, các đạo sĩ đã đứng ló nhỏ vòng trong, vòng ngoài để chứng kiến sự việc hy hữu. Họ yên lặng như tờ. Hình ảnh một đức đạo sư, tám mươi tuổi, đáng kính của họ - mà lại ân cần nắm tay một người trai trẻ, xem là bạn, lại giao phó toàn bộ đạo tràng cho chàng nữa - làm cho hội chúng bàng hoàng. Trình độ tu tập của chàng đã ngang hàng với sư phụ họ. Nhân cách, kiến thức và trí tài cũng được đạo sư trân trọng, ưu ái đặc biệt như thế kia...

Chợt, Siddhattha bái tạ đạo sư Uddaka, rồi thành khẩn nói:

- Tri ân sự tin cậy đầy nồng hậu của đức đạo sư. Đệ tử dù được đức đạo sư dẫn dắt tu tập đến đỉnh cao nhất - nhưng sau khi rời đỉnh, tâm đệ tử vẫn có cái gì đó còn lao xao, bất an. Dường như mọi tham sân, phiền não tế vi vẫn còn nằm ở đâu đấy, lúc duyên cảnh, chúng sẽ phát sanh trở lại...

Nghỉ hơi một lát, chàng tiếp:

- Thừa đức đạo sư tôn kính! Được đức đạo sư giao phó trọng trách hướng dẫn đạo tràng là một đặc ân, một nghĩa cử thiêng liêng, đệ tử xin ghi khắc tận đáy lòng, nhưng không thể thọ lãnh. Đệ tử còn cần phải ra đi, còn cần phải tìm kiếm. Cứu cánh của lộ trình phải là bất tử, phải bước ra khỏi vòng trầm luân, sinh diệt; phải đoạn tận tham sân si ở ẩn trong vô thức tối tăm. Dù còn hơi thở cuối cùng, đệ tử quyết không thối thất con đường mà mình đã chọn lựa.

Sau vài lần thuyết phục nữa, Siddhattha vẫn một mực lễ độ từ chối, đạo sư Uddaka biết là không thể giữ chân được chàng trai trẻ, một nhân cách siêu việt, ông thở dài. Hơn ai hết, đạo sư Uddaka biết là Siddhattha nói đúng, cái gì gọi là lộ trình bất tử vẫn nằm đâu đó ở phía trước, chàng ta ra đi là phải. Chính ông, ông vẫn còn nhiều hoài nghi và nhiều câu hỏi. Sau này, Siddhattha chắc hẳn sẽ tìm ra lời giải cuối cùng, sẽ thành tựu cái gì đó rất phi thường, chưa hề có trên thế gian. Riêng hội chúng của đạo sư Uddaka đã kính trọng lại tỏ ra càng kính trọng Siddhattha hơn khi chàng từ chối chức vụ lãnh đạo, kế thừa sự nghiệp. Rõ ràng người bạn trẻ này đã không màng địa vị, quyền uy và danh vọng. Một vài vị phàm tâm nổi lên, lấy bụng ta suy bụng người, bây giờ mới vỡ lẽ ra Siddhattha không tranh giành với ai cái gì cả, họ lại càng kính yêu và ngưỡng mộ chàng hơn.

Lúc trở về lều, người này người kia nắm tay chàng ra chiều bịn rịn. Nhiều đạo sĩ đến ngồi quanh lều của Siddhattha, họ muốn hiểu sự hoài nghi của chàng và lộ trình mai sau. Chàng tâm sự:

- Này các bạn! Siddhattha ôn tồn nói - Tôi không tỏ vẻ cao đạo khi từ bỏ sự kế thừa một gia sản tinh thần cao quý ấy. Quả thật, tâm tôi chưa yên, trí tôi chưa thông dù đã đắc được định cao nhất. Tôi phải ra đi. Đây là tiếng gọi thiêng liêng và vô thượng của đời mình. Tôi phải gỡ thoát tuyệt đối và trọn vẹn mọi ràng buộc ngoại giới cũng như nội tâm. Tôi

phải tìm cho ra đáp số chung cùng của mọi định phận tất hữu. Sự giải thoát tối hậu mới là mục đích rốt ráo của tôi, thưa các bạn!

Khi Siddhattha thu xếp y bát và một vài dụng cụ lật vật, chuẩn bị lên đường thì đạo sĩ Vappa tìm đến, đi theo sau còn bốn đạo sĩ khác nữa. Có một đạo sĩ lớn tuổi, tuy gầy gò nhưng dáng dấp nhanh nhẹn bước tới, chăm chú quan sát Siddhattha từ đầu đến chân rồi mừng rỡ thốt lên:

- Đúng rồi! Đúng là thái tử Siddhattha của chúng ta rồi! Ôi! Lạy đức Rāma! Chúng ta đã gặp, chúng ta đã gặp người xưa ở đây rồi!

Họ cùng ngồi xuống, hàn huyên tâm sự.

Hóa ra Siddhattha đã nghĩ đúng. Đạo sĩ lớn tuổi chính là Koṇḍañña, vị bà-la-môn trẻ tuổi thông thái thuở nào. Người đã quyết chắc chàng sẽ trở thành Phật Chánh Đẳng Giác. Bốn vị còn lại là Bhaddiya, Vappa, Mahānāma⁽¹⁾ và Assaji chính là con của các thầy bà-la-môn tướng pháp. Họ đã cùng rủ nhau xuất gia làm đạo sĩ, hy vọng sẽ gặp được Siddhattha trên lộ trình này khi nhân duyên chín muồi. Và họ đã nghĩ đúng.

Đạo sĩ Vappa sau khi gặp Siddhattha tại khu rừng Anupiyāvāra, về sơn động, kể chuyện lại. Cả nhóm rất vui nhưng họ chưa lên đường được vì Bhaddiya đang cảm sốt. Hơn nửa tháng sau, cả năm người lại tìm đến đạo tràng của đạo sư Ālāra thì Siddhattha đã rời khỏi đấy nhiều ngày trước. Qua đàm đạo, đạo sĩ Koṇḍañña được nghe thầy và bạn tán thán, khen ngợi Siddhattha không hết lời. Ngoài thời gian ngắn nhất, Siddhattha đã chứng thiên ngang bằng với đạo sư Ālāra, chàng lại còn biểu hiện rạng rỡ về tư cách,

⁽¹⁾ Bhaddiya và Mahānāma này không phải là bạn từ nhỏ của Siddhattha.

phẩm hạnh và trí tuệ nữa. Việc từ chối kế thừa lãnh đạo không phải ai cũng làm được.

Koṇḍañña rất hân hoan, rạng rỡ:

- Này chư hiền giả! Ông nói với bốn đạo sĩ đồng tu - Thuở xưa ta đã không sai lầm, và bây giờ ta cũng không sai lầm! Chỉ nhìn thấy dấu chân to lớn của Siddhattha ở nơi này, ở nơi kia, ta biết rằng đây là dấu chân voi của đức Chánh Đẳng Giác.

Đội nắng, dầm sương, năm vị đạo sĩ tìm đến khu rừng Udāya thì hay tin Siddhattha đã đắc định cao nhất, lại vừa từ chối kế nghiệp đạo sư Uddaka. Danh thơm của Siddhattha tràn qua tai mọi người, thơm ngát cả khu rừng tĩnh mịch.

Vì biết cả năm vị đạo sĩ đều đặt đẽ lòng tin nơi mình nên Siddhattha đã không quản ngại nói chuyện lâu; trình bày hết những sở đắc, sở kiến, những câu hỏi, những hoài nghi; sau rốt là dự định khai mở con đường của chính mình như thế nào. Phải tự bước đi bằng đôi chân đất rướm máu, hằn đau hữu hạn của chính mình như thế nào. Phải kinh nghiệm chúng, phải cùng với nhịp đập, hơi thở và trái tim trên từng bước đi sáng tạo của đời mình.

Các đạo sĩ há hốc lắng nghe. Tất cả đều là những điều họ chưa biết. Kinh điển và tôn giáo truyền thống chưa ai nói như vậy. Có cái gì rất mới mẻ, rất sáng sủa - dù lộ trình chưa được phong quang.

Đạo sĩ Koṇḍañña dè dặt hỏi:

- Tôi hiểu. Ồ, không phải hiểu mà mơ hồ tôi cảm nhận được. Nhưng bây giờ, ngài sẽ đi đâu?

Siddhattha thở dài:

- Chính tôi, tôi cũng chưa biết, chưa rõ. Nhưng tôi sẽ đi, thừa chư tôn giả!

Đạo sĩ Koṇḍañña chột cát tiếng to:

- Đứng, đứng nên như thế! Đứng gọi chúng tôi là chư tôn giả! Ngay cả một vài tầng thiên tháp nhất của đạo sư

Ālāra mà chúng tôi, do ngu muội, vẫn đang còn lảm ca lảm cẩm. Rõ ràng, chúng tôi tu tập vài năm vẫn không bằng ngài tu tập mấy ngày. Rồi còn thiên định bậc cao của đạo sư Uddaka nữa, cả một thế giới mênh mông ấy, chúng tôi chưa héo lánh tới nơi mà ngài đã vượt qua rồi. Trong tương lai không xa lắm, ngài sẽ đắc quả Phật, chắc chắn như thế. Vậy từ nay chúng tôi nguyện đi theo ngài như là những đệ tử, như là những người hầu cận. Xin sa-môn Siddhattha Gotama chấp thuận cho!

Siddhattha nhăn mày nói:

- Tôi biết con đường của tôi còn nhiều chông gai, gian khổ lắm. Sợ rằng tôi chưa xứng đáng với sự mong mỏi của quý vị, sự kỳ vọng của quý vị; và ngay chính tôi, tôi cũng chưa rõ lộ trình mai sau ấy nó sẽ như thế nào! Còn rất mơ hồ và vô định vậy.

Đạo sĩ Koṇḍañña đáp:

- Không sao! Sa-môn Siddhattha Gotama đừng quá tự khiêm như thế. Ngài đi đâu cứ mặc, chúng tôi đi theo mà không hề nghi hoặc, đắn đo. Chúng tôi phó thác toàn bộ đời sống tâm linh này cho sa-môn Gotama định đoạt. Ôi, chỉ riêng cái bóng của sa-môn Siddhattha Gotama thôi là chúng tôi đã có đủ niềm tin, an tâm và mát mẻ rồi! Chúng tôi không ngại bất cứ một khó khăn, gian khổ nào.

Siddhattha vui vẻ nói:

- Ô, vậy thì tốt! Vậy thì chúng ta sẽ cùng ra đi!

Họ từ giã khu rừng Udāya. Và lên đường.

Mùa mưa cay nghiệt lại sắp đến rồi.

Rừng Khổ Hạnh

Từ ngoại ô Rājagaha, đi chên về hướng tây nam, sáu bảy hôm sau là họ gặp dòng sông Nerañjarā. Đây là cả vùng đồng ruộng, ao hồ, đầm lầy nên sự bộ hành khá vất vả. Lác đác đó đây là xóm làng, cư dân khá đông đúc mà đời sống có vẻ no đủ hơn miền quê bên ngoài Kapilavatthu của chàng.

Siddhattha đã đi tham vấn nhiều nơi, đại biểu cho nhiều học phái, nhóm tu khác nhau; nhất là vừa bước qua hai thiền chứng cao nhất đương thời - thế mà vẫn chưa giải quyết được những vấn đề sâu thẳm nhất của nội tâm. Có lẽ học hỏi ở đâu cũng thế thôi, sao không tự tìm kiếm nơi chính mình, khai phá con đường bằng nỗ lực của chính mình?

Chỉ thời gian mấy ngày, như chiếc bóng theo chân Siddhattha Gotama, năm người bạn đồng tu cảm thấy bị cuốn hút mãnh liệt bởi ngôn ngữ, cử chỉ, phong thái của chàng. Chỉ riêng Koṇḍañña đã an trú được nấc thiền thứ ba, bốn người còn lại mới đi vào được nấc thiền một, hai nên họ muốn chàng dẫn lên những cấp độ cao hơn. Siddhattha hoan hỷ chỉ bày.

Thế là cứ mỗi độ đêm về, trong miếu hoang, dưới những lùm cây, Siddhattha Gotama hướng dẫn bạn hữu một cách tận tình, lại còn giảng giải rất chi li, khúc chiết, còn dễ dàng nắm bắt hơn các bậc thầy của họ.

Tìm một đoạn sông cạn, họ vượt qua sông Nerañjarā, đi một đôi đường nữa, họ đến một dãy núi thuộc tụ lạc Uruvelā. Phía xa dưới chân núi là một thị trấn sầm uất có thành lũy của quân đội thuộc đế quốc Māgadha, trấn giữ phía tây nam kinh đô. Đưa mắt nhìn tổng quát địa thế sông núi, những sườn đá chón chở, có lẽ là có nhiều hang động thiên nhiên, Siddhattha Gotama nói với các bạn:

- Sắp đến thời kỳ gió mùa, mưa bão. Có lẽ đây là nơi thuận lợi nhất cho chúng ta dừng chân. Vừa có thể tu tập vừa có thể đi khát thực để nuôi mạng.

Chỉ một ngày sau là mọi người đã thu xếp ổn định chỗ ở tu của mình. Ai cũng có hang động riêng không xa nhau lắm. Riêng Siddhattha Gotama thì được Koṇḍañña nhường cho một cái hang tốt nhất. Nó có một mái vòm dây leo hoa nở, trong động là một tảng đá bằng. Vất vả một chút là phải lo quét dọn phân dơi.

Ngày thứ nhất họ đi khát thực. Thấy thức ăn nhiều quá, nào cơm, bánh, chuối, xôi, nước sốt cà-ri... ăn không hết, phải đặt trên tảng đá ngoài sơn động để bồ thí cho khỉ, sóc, chim... Siddhattha đề nghị ăn ít lại; từ nay, thay phiên nhau, chỉ đi khát thực hai người là có thể tạm thời đủ cho sáu miệng ăn. Nên tiết kiệm thì giờ để tu tập. Ai cũng đồng ý như thế. Họ coi Siddhattha như bậc thầy nên muốn chàng chỉ việc ngồi mà tu thôi.

Thế là ngồi tĩnh lặng trong sơn cốc tương đối mát mẻ, suốt mấy ngày đêm liên tiếp, Siddhattha Gotama ôn lại tất cả mọi kiến thức cũng như rà soát toàn bộ sự thực nghiệm tâm linh. Chàng thấy rằng, tư tưởng Vệ-đà, thành tựu cao nhất là ở bộ Vệ-đàn-đà vẫn còn nhiều thiếu sót ở lãnh vực tu chứng bản thân. Áo-nghĩa-thư rõ ràng là sự bổ túc của người sau nên hệ thống triết lý có vẻ hoàn chỉnh hơn. Các giáo phái thuộc truyền thống bị quy định bởi một Atman bất tử nên không thể giải thích cho rốt ráo những thiện ác, phải trái, tốt

xấu... trên đời này. Riêng sự lập luận từ hệ thống tư tưởng của các học phái con đẻ của Vệ-đà thì tương tự những người mù sờ voi, chúng chỉ là sự manh mún, chấp vá của thực tại chứ chưa phải là thực tại. Đôi nơi cục bộ, áp đặt, một chiều. Ngoài truyền thống, do phản ứng cực đoan nên nảy sinh quá nhiều biện thuyết ngông cuồng. Chỉ có những kẻ ngu si mới tin vào các thuyết bất khả tri, hoài nghi, định mệnh, hư vô, nguy biện của họ. Và tệ nhất là anh chàng duy vật luận thô thiển, máy móc... nhan nhản ở kinh thành Rājagaha.

Riêng sự thực nghiệm, Siddhattha thấy rõ một điều: Tư tưởng, nhận thức là cái dòng chảy trùng trùng, kế tục trùng trùng giọt nước sinh và diệt. Từ chúng mà khởi sinh bất an, xao xuyến, lo âu, phiền não, sợ hãi... Lúc đi vào các tầng thiền là các dòng nước cảm giác, tri giác, tư tưởng lần hồi được yên lắng, yên lắng rồi ngưng dứt. Do ngưng dứt nên được thanh tĩnh và phúc lạc. Nhưng khi rời thiền chứng thì các dòng nước kia lại trôi chảy trở lại, chúng phan duyên với các đối tượng ngoại giới... rồi tình trạng vẫn y hệt như cũ. Có lắng, có trong thật sự, nhưng cái bọt vẫn còn dưới đáy sâu tâm hồn.

Thế rồi Siddhattha Gotama vào ra, lên xuống các tầng thiền để ngắm xem, một lượt, hai lượt nữa. Do khá thuần thục nên bây giờ, chàng chỉ cần khởi tâm rồi trú tâm là có thể đi vào định dễ dàng. Tại đây, chàng rút ra một kết luận: “Đây chỉ là trạng thái an định tạm thời chứ chưa phải là cái rốt ráo, toàn diện. Ta phải thực tập nhiều cách khác nhau để chiêm nghiệm xem thử cái gì là đúng, cái gì là sai, cái nào giải quyết nội tâm rốt ráo và cái nào không rốt ráo?”

Siddhattha tiếp tục suy nghĩ: “Pháp môn khổ hạnh chắc phải có một giá trị nào đó chứ? Nếu không có giá trị gì, tại sao nó lại được duy trì, tồn tại, phổ biến trên thế gian như thế? Nó có dựa trên một sự thực khả dĩ nào chăng?” Trong

đầu óc Siddhattha Gotama chợt hiện lên ba hình ảnh như ba tỷ dụ:

“-Thứ nhất là, như một cây còn tươi xanh, ngâm trong nước thì ta không thể nào cọ xát, để phát sinh ra lửa được. Tương tự thế, người nào tự ngâm mình trong nước của dục lạc ngũ trần thì tinh thần người ấy không thể thăng hoa, nói gì chứng đắc những pháp cao thượng.

Thứ hai là, như một cái cây còn tươi xanh, nằm trên bờ nước thì cũng đừng hy vọng, đừng nỗ lực vô ích muốn cọ xát để lấy lửa. Tương tự thế, có những sa-môn, bà-la-môn xuất gia, muốn thoát ly thế tục; nhưng lại thường hay nằm gần dục lạc ngũ trần, khao khát dục lạc ngũ trần thì khó có thể đạt được những cảnh giới cao thượng.

Thứ ba là, như một thân cây khô, hoàn toàn không còn nhựa, lại ở cao xa trên bờ nước; nếu muốn có lửa, người ta có thể cọ xát mà mất rất ít công sức, chẳng mấy khó khăn. Cũng vậy, những sa-môn, bà-la-môn đã lìa xa dục lạc ngũ trần, không còn bị chi phối của dục lạc ngũ trần, lại còn muốn làm cho khô cạn nước dục lạc ngũ trần thì người ấy sẽ chứng đắc những pháp tối thắng, giải thoát toàn mãn.”

Sau rốt, Siddhattha Gotama lại nghĩ: “Ta đã lìa xa dục lạc ngũ trần rồi. Xa nhưng chưa diệt. Vậy ta hãy thử công phu tu tập rút cho cạn kiệt nước dục lạc ngũ trần xem sao! Phải thực tập ngay chính nơi bản thân mình, sau đó mới biết là nó đúng hay sai!”

Siddhattha Gotama bèn tìm gặp các bạn, trình bày mọi lý lẽ, nhận thức cùng kinh nghiệm tu chứng của mình, rồi kết luận:

- Ta muốn thực tập con đường điều phục thân xác, chế ngự toàn vẹn mọi cảm giác theo truyền thống khổ hạnh tự ngàn xưa. Các bạn nghĩ thế nào?

Vì tin tưởng vào thầy của mình nên những người bạn đồng tu đều gật đầu đồng ý.

Là khu rừng nhiệt đới vào cuối mùa khô hạn nên cây cối bắt đầu rụng lá. Đây đó, từng cụm, từng vùng là những thân cây sālā cao lớn sừng sững là còn hiên ngang xanh lá. Ven khu rừng thưa, áp sát chân đồi ra tận bờ sông Nerañjarā là những thảm thực vật lổ chỗ xanh vàng. Những cụm cây thân thảo, cây hoa... còn thưa thớt lá. Riêng các loại tre trúc thì sâm si rậm rạp, mọc tràn lan, vô trật tự nhưng chúng lại rất xanh mát ở ven sông.

Khái quát rừng cảnh như thế thì cũng chẳng có gì là đẹp đẽ, hữu tình cho lắm; còn sự yên tĩnh thì cũng tương đối vì động vật các loại lui tới, thăm viếng khá nhiều. Trên các hang động, trên các kẽ đá, vòm cây... các chú dơi treo lủng lẳng như những túi đen nhung, tối tối là chúng bay tản mác, bay rần rật giữa không gian để săn mồi, chụp bọ, ăn trái... Thỉnh thoảng các loại chồn bay, bay từ cây này sang cây khác. Sóc thì đủ loại, đủ sắc nhơn nhơ chạy nhảy, leo chuyền hoặc túc tặc ăn hạt, cắn củ. Lâu lâu lại xuất hiện một bầy khí đen, bầy khí nâu đỏ, bầy khí vàng xám đến phá phách, la hét chí chóc... Chúng cũng con, dắt cái đùa giỡn khắp nơi. Chúng đến như một cơn bão và ra đi, trả lại sự yên tĩnh cho rừng lặng. Trên đám đất bằng, cỏ vàng úa, bầy linh dương ghé ngang, màu sắc rất đẹp, thanh thảo gặm những chòm lá còn sót lại. Mấy đàn nai cũng thế, hồn nhiên rảo qua, thân hình gầy khô vì khan hiếm cái ăn. Chim chóc thì muôn loại, hót lưu liên, tấu nhạc từng khúc, từng hồi; một vài giọng lanh lảnh, cao vút, réo rắt... rồi bay về phương khác.

Siddhattha Gotama ở riết trong hang suốt thời gian gió bão và những trận mưa đầu mùa. Ngoại cảnh không dao động được chàng. Lúc này, chỉ còn một người đi khất thực, họ giới hạn thức ăn nên khẩu phần của mỗi người chỉ bằng nắm tay.

Mặc cho mưa gió gầm gào, Siddhattha tiếp tục kiên trì cách điều phục xác thân. Chàng ngậm cứng hai hàm răng lại, chặn lưỡi trên nóc họng, để đè nén tâm. Ví như một lực sĩ dùng toàn bộ sức mạnh đè đầu đè cổ một người yếu đuối, không cho vẫy vùng, không cho nhúc nhích. Cũng vậy, chàng đè tâm, nén tâm, không cho bất cứ một tư tưởng lao xao nào khởi lên. Khi làm như thế, do tổn hao quá nhiều sức lực nên cơ thể nóng ran lên, mồ hôi tuôn chảy ra hai bên nách. Tuy nhiên, dù quyết chí có dũng mãnh, nghị lực có phi thường nhưng tâm niệm lao xao vẫn không lắng dứt, sự an tĩnh tâm hồn cũng không tìm thấy.

Siddhattha Gotama lại chuyển qua cách điều phục xác thân bằng cách nín thở, nín thở càng lâu càng tốt. Khi thực tập như thế, chàng nghe cơn đau khủng khiếp từ trong đầu, vì âm thanh của tiếng gió thoát qua hai lỗ tai, giống như ống bẹ thợ rèn thụt lên thụt xuống...

Lại nín thở nữa, trong đầu chàng, một cơn gió hung dữ thốc lên, đâm sâu, khoét sâu vào óc như ai đó lấy lưỡi búa bửa cái đầu ra làm nhiều mảnh. Và hai lỗ tai máu rỉ ra, khốc liệt đau đớn! Tuy nhiên, kiên trì, tăng thêm sức mạnh ý chí, chàng nín thở với thời gian lâu hơn nữa. Và cái đầu của chàng nhức nhối như bị người ta lấy cái niềng sắt nung đỏ niềng lại, siết chặt.

Tuy nhiên, Siddhattha Gotama vẫn kiên cường chịu đựng, tìm cách nín thở lâu hơn thế nữa. Bây giờ, có lẽ cái đầu đã tê liệt cảm giác, cơn đau chọt thọc sâu vào bụng. Như một tay đồ tể thiện xảo mổ bò, y thọc lưỡi dao bén vào bụng, sau đó lách lưỡi dao đi sang hai mạng sườn. Sự đau đớn tưởng như cùng độ rồi. Lại nín thở thêm nữa, từ bụng, cơn đau kinh khiếp lan truyền ra cả toàn thân; y hết như người ta túm lấy cái thân của chàng, đem đặt trên một lò than hồng, quay lui quay tới để nướng trui. Mọi cảm giác ở nơi thân, có lẽ đã quá sức chịu đựng của nó. Siddhattha thấy mình vẫn

còn bất khuất, nhưng chàng chỉ buồn là sự an tịnh tâm hồn vẫn không tìm thấy.

Sau hơn bốn tháng thực hành hạnh nín thở, Siddhattha ngồi trơ bất động như tượng đá. Có một số chư thiên ở gần đây nói chuyện với nhau:

- Có lẽ sa-môn Gotama chết rồi chẳng?
- Không phải là chết rồi mà là đang chết.
- Chẳng phải chết rồi, chẳng phải đang chết; là pháp hành của bậc A-la-hán đấy!

Riêng năm người bạn đồng tu, cũng thực hành nín thở như vậy nhưng rất giới hạn, họ không thể đi đến tận cùng như Siddhattha Gotama; do vậy sự kính trọng chàng trong lòng họ lại được tăng thêm một bậc.

Thấy thực hành phép nín thở không mang lại hiệu quả mong muốn, chàng từ bỏ hang động, tìm đến những chỗ hoang vắng, heo hút trong rừng sâu. Bây giờ mùa mưa qua rồi, qua thật nhanh do chàng trú sâu trong phép tu, không có ý niệm về thời gian nên chàng muốn ngồi ở ngoài trời, dưới cái lạnh đã gần đóng băng! Siddhattha Gotama nghĩ rằng, giữa quạnh hiu của rừng già có cái gì đó làm người ta khiếp đảm, dựng cả tóc gáy. Phải đến ngồi tại đó để xem sự sợ hãi nó đến như thế nào, nó đe dọa như thế nào, nó khủng bố như thế nào. Phải vượt thoát tất cả mọi sự sợ hãi bất cứ từ đâu đến, khi ấy mới nói đến chuyện tu tập để đạt được những thành tựu cao hơn.

Thế rồi chàng ngồi, trong đêm sâu mù mịt, không trăng không sao, chỉ có những tiếng gió thổi rì rào và hơi lạnh càng khuya càng buốt giá.

Một cành cây gãy lác cắc... chàng lại tưởng một con da-xoa hung dữ khua hai hàm răng đang từ từ, rón rén bước đến sau lưng chàng. Sự sợ hãi ủa đến, lạnh buốt sống lưng rồi rần rần chạy khắp cơ thể, lên đến đỉnh đầu, và hai hàm răng chàng tự dưng cứng lại. Siddhattha ngồi yên, ý chí kiên

định, vững vàng, nhất tâm ngồi yên... để lắng nghe sự sợ hãi ấy... Lát sau, sự sợ hãi tan dần, nóng ấm trở lại với cơ thể, sự sợ hãi đã ra đi...

Trong đêm tối đen, bóng con gù trườn xào xạc trong lau lách! Con trăn chằng? Phải rồi, một con trăn to lớn làm cho những cành cây, bóng lá lung lay... định đến nuốt chàng đây. Thế rồi một mùi nồng nặc tanh tươi lan tỏa... Sự sợ hãi ập đến chàng như cơn gió thốc mạnh, lát sau làm cho chàng bủn rủn, tê liệt cả người. Bủn rủn, tê liệt... chàng kiên định lắng nghe, sự sợ hãi đã đồng hóa cả thân tâm, chỉ còn một khối duy nhất. Lắng nghe, lắng nghe, bất động, kiên trì... lát sau, sự sợ hãi giãn ra, như tự cởi nút thắt buộc... từ giã chàng và ra đi không dấu tích.

Thế rồi, đêm này sang đêm khác, có những đêm nhợt nhạt ánh sao trời... tiếng cú rúc, bóng một con nai đi ngang qua, tiếng một con dơi vút qua đầu, tiếng hú của vượn, tiếng cộp “bép bep” đầu đó bên tai...; chúng đều đem đến sự sợ hãi cho chàng. Lúc thì thót bụng. Lúc thì quả tim đập thình thịch. Lúc thì toát mồ hôi. Lúc thì cứng như đá cả toàn thân. Siddhattha Gotama ghi nhận hết, cảm giác toàn bộ chúng; và dấu sự sợ hãi có đến tột cùng, chàng vẫn ngồi yên lặng, không nhúc nhích.

“- Ô - Chàng nghĩ - Khi sợ hãi tác động tâm lý, nếu tâm lý yếu đuối, bạc nhược... thì thân thể sẽ bị cuốn theo. Như vậy, thân tâm nằm trong định luật tương quan. Trường hợp khác, tuy thân tâm tương quan, tâm sợ, thân ảnh hưởng; nhưng nếu ý chí kiên định thì sự sợ hãi sẽ được giải tỏa; cả thân và tâm đều được giải thoát xích xiềng. Như vậy, có cái gì đó ở trong tương quan mà nhìn ngắm tương quan?”

Một chút tư duy lóe sáng lạ lùng ấy đã làm cho Siddhattha mỉm cười. Quả thật, núi rừng quanh hiu thật khó kham nhẫn, thật khó chịu đựng... nhưng nó cũng là nơi tối

thăng để trầm tư, chiêm nghiệm những máy động ẩn mật, sâu hút trong lòng ta.

Mùa lạnh đã đến rồi, chỉ một manh áo mỏng, Siddhattha Gotama vẫn dễ dàng duy trì khổ hạnh. Năm người bạn đồng tu đôi khi bất kham, phải đốt một đồng lửa. Họ thú nhận là không thể tinh tấn kiên định như chàng được. Siddhattha Gotama nói với họ rằng, thật là may mắn cho chúng ta tìm được một khu rừng thuộc Trung Bắc Ấn Độ, nếu lên phương Bắc, các đạo sĩ ở Tuyết Sơn còn phải chịu đựng cái rét cay nghiệt hơn nhiều.

Ngày tháng qua đi, thân thể của sáu người chỉ còn là bộ xương còm cõi lui tới. Khi vật thực mỗi ngày chỉ còn bằng quả cam, quả ổi thì năm người bạn, đều đã kiệt sức, lả đi. Riêng Siddhattha Gotama khuyên các bạn, đừng chia phần cho chàng nữa, và chàng muốn chỉ ăn cái gì kiếm được như vài nắm lá, rau hoặc củ trái đậu đó...

Chưa hết mùa lạnh, tấm áo năm xưa của Siddhattha đã rách te tua và cái bát đất của chàng cũng đã bị lũ khỉ quăng vỡ. Hôm kia, từ khu rừng đi ra gần tận mép sông, Siddhattha muốn ngồi thiền giữa bãi nghĩa địa xương trắng, chợt chàng nhìn thấy một tấm vải bó tử thi. Quan sát, đây là xác của một người nữ không còn nhìn rõ khuôn mặt. Xác đã thối rửa. Chàng kéo tấm vải ra, tấm vải còn tốt. Chàng xuống sông tắm, giặt tấm vải, tạm thời vắt cho ráo rồi phơi trên khóm cây. Chỉ với một ít động tác mà chàng đã run rẩy, quờ quạng, nằm lả bên mép bờ... Lúc nắng hanh lên, Siddhattha tỉnh lại, quàng tấm vải vào người rồi thất thểu bước đến một khu rừng xa hơn nữa.

Mùa xuân qua đi, mùa hạ đến... ngày ngày Siddhattha chỉ ăn uống rất ít và ngồi ngoài trời mặc cho nắng nung đốt. Cái lạnh qua được thì cái nóng cũng phải qua được. Chàng thử nghiệm. Bây giờ chỉ duy trì chút nước để xem thử cái đói, cái không ăn nó hành hạ xác thân như thế nào.

Thế rồi, cái thân khô đi, quắt lại. Cơ thể do ăn quá ít nên đưa tay sờ bụng thì đụng lưng. Thò tay đến đầu thì lông rụng từng đám. Tuy nhiên, Siddhattha còn thử nằm trên gai nhọn, còn thử không ngồi mà chỉ đứng, còn thử ngồi chồm hồm trên gót chân nhiều ngày mà không thay đổi oai nghi...

Đến năm ngày sau thì Siddhattha không còn tắm rửa, nhưng có nguyện ăn vật gì trong tầm tay lượm được. Vải bó tử thi đã rách, chàng lấy da cây, rom, cỏ khô, lá... để kết quanh người. Đôi khi chàng ngồi một đồng, một hòn nơi nghĩa địa thiêu xác hay tại bãi cỏ chặn bò. Bọn trẻ nghịch ngợm đến khạc nhổ trên người, tiểu tiện nơi mình chàng hoặc đứng xa để ném đất, ném đá... Thấy hành hạ kiểu gì cái “ông người kia” vẫn bất động, chẳng nói, chẳng la, chẳng phản ứng gì; chúng lại đến gần, lân la lấy cọng cỏ ngoáy vào hai lỗ tai chàng...

Lại có lúc, chàng trốn vào rừng sâu, không còn nghe, không còn muốn thấy bóng dáng của con người. Năm người bạn đồng tu còn duy trì chút ít vật thực nên còn thấy một chút máy động của sự sống. Còn chàng, qua nhiều năm đã khổ hạnh tận cùng, họ không còn nhìn ra Siddhattha năm xưa nữa. Tay và chân của chàng là các lóng tre đen điu, khúc khuỷu nối kết với nhau. Hai bàn tọa của chàng trông giống như hai cái móng trâu. Xương sống và cột tủy của chàng lòi ra trông giống như một cái chuỗi hạt. Xương sườn của chàng lòi ra, lộ rõ như những hanh rui của một ngôi nhà đổ nát. Đồng tử của chàng thụt sâu vào bên trong hồ mắt như cái giếng sâu. Da đầu thì nhăn nheo như trái mướp đắng phơi khô. Lưng và bụng dính làm một. Nếu muốn đại tiện hoặc tiểu tiện thì chàng phải ngã úp mặt xuống đất, lâu lắm mới gượng dậy nổi.

Lúc này, năm người bạn đồng tu đã thán phục tận cùng. Còn chư thiên thì bàn luận với nhau:

- Nước da của sa-môn Gotama màu gì nhỉ?

- Màu xanh!
- Không, màu chàm!
- Không đúng, màu chàm đất!
- Không phải, cả màu đen, màu xanh, màu xám và cả màu chàm đất hòa trộn với nhau!
- Còn thân thể thì sao?
- Là bộ xương khô!
- Bộ xương khô sao lại còn sống?
- Gọi là bộ xương khô sống!

Có một vị thiên lớn hơn, oai đức hơn thì nói:

- Các bạn đừng hý ngôn nữa. Hãy xem ý chí và nghị lực tối thượng của Người. Mai sau, chắc chắn Người sẽ thành tựu Con đường Bất tử.

Từ khi dùng miếng mồi Chuyển luân Thánh vương vẫn không quyến rũ được Siddhattha Gotama ở ngoài cổng thành Kapilavatthu, Ma vương theo dõi ngài từng bước chân, từng hơi thở, từng tâm niệm. Gần suốt sáu năm ròng rã, Ma vương thấy người con trai bất khuất, kiên cường ấy chưa hề có một giây phút ngã lòng hay mềm yếu. Như một cội cây mà bộ rễ đã cắm quá sâu vào lòng đất, khó có cơn gió bão nào lay động được. Rồi thời gian qua, dường như ý chí kiên định, kiêu dũng ấy càng được củng cố chắc khỏe hơn... Hãy nhìn kia! Ma vương tự nói với mình, ngay khi khổ hạnh đã đến giai đoạn cuối cùng, chỉ còn bộ xương khô, chur thiên bàn tán với nhau không biết sống hay chết mà ông ta vẫn khur khur bất động như đỉnh Sineru. Thế là ông ta sẽ thành Phật mất thôi! Bây giờ ta phải lựa lời ngon ngọt để ông từ bỏ khổ hạnh mới được.

- Này ông sa-môn! Ma vương nói - Hãy nhìn xem thân hình tiêu tụy, bạc nhược, còm cõi, xấu xí của ông kia! Ở đấy, chỉ một phần sống lắt leo trong một ngàn phần chết. Hãy tỉnh thức mà đứng lên, này ông sa-môn. Sự sống quý báu vô cùng. Một cọng cỏ cũng muốn sống. Một cái kiến

cũng muốn sống. Có sống thì ta mới làm được việc này việc kia có ích cho mình và có ích cho đời. Ông sa-môn có thể cứ sống đời đạo sĩ, bồi bổ lại thân xác và cúng tế thần lửa. Cúng tế thần lửa là một hành động tín ngưỡng tối thượng đem lại nhiều phúc lạc cao quý cho mai sau...

Chỉ nghe miệng lưỡi, không nhìn, không hướng tâm, Siddhattha Gotama cũng biết đây là Ma vương; ngài muốn dạy cho nó một bài học:

“- Này, Namuci⁽¹⁾, ngươi là kẻ xấu xa, quỷ quyết mà còn bày trò giở giọng tốt lành, thân thiện. Ngươi là đại biểu cho bóng tối, ngu si, độc ác, gian trá và tội lỗi. Ngươi đến đây không phải vì lợi ích cho ta, mà chính vì dục vọng đê hèn và tham vọng quyền lực tối tăm của ngươi. Đừng nói chuyện công đức và phước báu với ta. Ta tu hành như thế nào thì ta tự biết. Đấng thần lửa là trò mê tín của thế gian do các ông thầy tư tế nguỵ tạo ra. Đừng bày trò linh thiêng để mê hoặc quần chúng ngu si. Ta có một đức tin rất vững chắc (saddhā), ta có một sự nỗ lực, tinh cần rất quyết liệt (viriya), ta có một năng lực kiểm soát, chú tâm, theo dõi tâm rất cẩn mật (sati), ta có một bình tĩnh, định tĩnh khó gì có thể xao động nổi (samādhi), ta có một sự tỉnh thức, tỉnh táo, thông tỏ toàn bộ vận hành của thân tâm (paññā). Với năm sức mạnh như vậy mà ngươi còn đến đây muốn lung lạc, đường mật với ta sao?

Có một điều ngươi nói đúng, Ma vương ạ! Gió thổi mãi hoặc lửa đốt mãi thì tứ đại sẽ bất hòa. Gió ngưng thổi, lửa tắt ngúm thì tứ đại sẽ tiêu vong. Hiện tại, ta biết rõ lửa trong ta đã nguội, nước trong ta đã khô. Nước khô, lửa nguội thì máu

⁽¹⁾ Tên khác của Ma vương. Có 5 loại Ma vương: Chư thiên ma vương (devaputta), phiền não ma vương (kilesa), pháp hành ma vương (saṅkhāra), ngũ uẩn ma vương (pañcakhandha), tử thần ma vương (maccu).

ta sẽ cạn. Máu cạn thì mật cũng cạn và thịt cũng theo đó mà teo tóp, nhăn nheo như trái mướp khô. Điều ấy đúng với định luật khi chẳng có gì nuôi dưỡng sắc chất. Tuy nhiên, thể xác được triệt tiêu tham muốn thì tinh thần không còn bị ngục tù, nô lệ nữa. Và như vậy, tinh thần sẽ được thăng hoa, nhẹ nhàng, thanh tịnh, vô nhiễm. Tâm càng thanh tịnh thì định càng an trụ. Định càng an trụ thì tuệ càng sáng suốt. Chắc người cũng biết thế chứ? Ta là một hữu tình bằng xương, bằng thịt, ta cũng biết đau đớn, vật vã, quần quai khi cái đói giày vò, hành hạ. Tuy nhiên, ta sẽ chiến thắng! Ta treo lên ngọn cờ ý chí một chùm cỏ Munja! Ta thà chết giữa chiến trường tâm linh vinh quang còn hơn sống nhục nhã trong thất bại! Người hãy đi đi thôi!”

Thế là Ma vương, một lần nữa, thua cuộc, thất thủ bỏ đi.

Như được rèn thêm ý chí, con người kiên nghị, bất khuất ấy không chịu bỏ cuộc; đôi khi chàng ngồi một chỗ để cho nắng, mưa, gió, sương... hành hạ; chỉ lượm được cái gì trong tầm tay để ăn, kể cả phân bò non. Nếu xung quanh không có gì thì chàng nhịn ăn từ ngày này sang ngày khác.

Siddhattha không ăn không uống gì trong nhiều ngày thì có tiếng nói vọng rõ ràng bên tai:

- Nếu sa-môn Siddhattha không dùng gì thì chư thiên sẽ cho thắm vật thực vào các lỗ chân lông.

- Như thế là không được! Siddhattha đáp - Như thế chẳng khác gì ta là kẻ dối trá.

- Thế thì sa-môn Gotama hãy thọ thực trở lại, nếu không, ba ngày nữa sẽ chết.

- Ta đâu có sợ chết.

- Sa-môn Gotama quả thật không sợ chết, nhưng Con đường Bát tử thì sao? Sa-môn đã chứng đắc quả vị Vô thượng như lời nguyện thưở xưa chưa?

Siddhattha rùng mình, người như tỉnh táo trở lại, một ý nghĩ khởi sanh nơi chàng: “Sự khổ hạnh, ta cũng đã khổ hạnh tận cùng. Ta cũng đã vắt kiệt nước đục lạt ngũ trần ở nơi ta để cho cái thân không còn một chút cảm giác nào - thế nhưng nội tâm ta cũng không an ổn. Trong quá khứ, hiện tại hay vị lai - các sa-môn, bà-la-môn nếu có hành khổ hạnh, chịu mọi sự đau đớn, quần quai, khốc liệt, kinh khủng - thì có lẽ cũng không hơn ta được. Ta đã cảm nghiệm sự tương quan giữa thân và tâm; nó là cái gì không thể tách rời. Hành hạ xác thân, như vậy cũng có nghĩa là hành hạ tâm trí. Khổ hạnh, theo sự thấy biết lẫn sự chiêm nghiệm sâu sắc của ta là một pháp môn sai lầm.”

Như đọc được ý nghĩ của Siddhattha, trời Sakka muốn củng cố nhận thức đúng đắn cho chàng, nên như viên lục sĩ co duỗi cánh tay, đã hiện xuống khu rừng Uruvelā trong dáng dấp một gã chăn bò lang thang ôm cây đàn ba dây.

Chàng nhạc sĩ lang thang như vô tình ngồi nơi tảng đá dưới gốc cây, bắt đầu thử dây đàn. Sợi thứ nhất, quá “chùng” nên âm thanh “bùng bình... bùng bình” không ra gì cả. Chàng nhạc sĩ mỉm cười, qua sợi dây thứ hai, hấn vắn “căng” lên, căng mãi nên sợi dây đứt phụt! Đến sợi dây thứ ba, hấn cẩn thận, từ từ, căng ra nhưng căng từ từ, đến độ chùng mực, vừa phải... rồi hấn gảy một khúc nhạc. Ôi chao! Âm thanh như từng hạt bảo châu thanh trong và động giữa không gian; sau đó, lại du dương, trầm bổng, thánh thót như giọng chim hòa tấu.. như cung đàn muôn điệu của mùa xuân. Thế rồi, gã nhạc sĩ lang thang rời tảng đá, vừa đi vừa gảy vừa hát. Ôi, tiếng đàn, khúc nhạc, lời ca... như quyện lẫn, chan hòa, vui tươi, hoan hỷ... chảy tràn ra, len thấm vào mây trời, len thấm vào từng đầu cây, cọng cỏ... xa dần rồi biến mất.

Siddhattha ngồi lặng. Năng loãng nhẹ và mỏng, hiu hiu, mơn man, vuốt nhẹ lên làn da khô gầy, đen đui. Một cảm

giác dễ chịu, an bình đi sâu vào tâm hồn. “Chùng quá thì không gãy được. Căng quá thì đứt. Khi nào sợi dây đàn căng đúng độ, chùng mực... thì âm thanh mới tuyệt hảo.”

Siddhattha lại nhớ rằng, thuở ấu thơ, lúc đi dự lễ hạ điền với vương phụ, chỉ cần ngồi hít thở thanh thảo là đi được vào định sơ thiền. Trong tháng năm thực tập thiền bốn nấc của đạo sư Ālāra, đôi khi chàng trú tâm sâu vào hỷ lạc. Do thân an vui, tươi mát nên tâm cũng được an vui, tươi mát. Như vậy là có một loại thực phẩm, đó là hỷ lạc, nó nuôi dưỡng tâm nên thân cũng được khỏe khoắn, nhẹ nhàng, dễ chịu.

Và kể từ khi đi lên các tầng thiền vô sắc là ta đã từ bỏ hỷ lạc, chỉ còn cảm giác xả quân bình, và sống trong thế giới của không, của thức, của tưởng vi tế.

Rồi chàng nghĩ tiếp: “Đời sống, cái được gọi là đời sống là cái gì nhỉ? Nếu được gọi là đời sống thì phải là toàn bộ thực tại, toàn bộ thân và tâm, nghĩa là toàn bộ thân sắc, cảm giác, tri giác, ý chí và nhận thức. Vậy tại sao ta muốn từ bỏ cái này, tìm kiếm cái kia? Tại sao ta đã có thời gian muốn từ bỏ cảm giác - chỉ sống với cái “tưởng” mà thôi? Còn khổ hạnh là gì? Triệt tiêu thân xác chẳng? Ta muốn diệt cái thân xác chẳng? Và dẫu ta đã tận trừ cảm giác và thân xác cho đến hồi gần như chết thì ta có được gì? Dây đàn căng thì nó sẽ đứt.”

Như tìm ra đáp số. Chàng chậm rãi đứng dậy, dịu dàng đưa mắt nhìn quanh. Hít một hơi thở đầy, chàng chợt nghe hương rừng thơm ngát. Nhiều sắc hoa nở đẹp mà từ lâu chàng đã không thấy. Một chú sóc vàng chợt xù đuôi trong hốc cây, thò lỗ mắt nhìn chàng. Siddhattha cúi xuống nhìn mình. Thật là không còn nhân dạng gì. Tấm áo vỏ cây, lá cây... đều rách nát tả tơi. Chỉ còn bộ xương khô lủng lẳng đeo dính các đốt xương lại với nhau. Nước da vàng ròn mẩy diệu với sắc tướng phi phạm, bây giờ rõ là bóng ma một con

quý đỏi. “Ta phải tìm một tấm vải bó tử thi nào còn lành lặn, xuống sông tắm rửa sạch sẽ rồi ta sẽ bắt đầu đời sống tu tập theo lời mách bảo của gã nhạc sĩ lang thang, nghĩa là không “chùng” quá mà cũng không “căng” quá!”

Kiểm một cây gậy, chàng chống từ từ và chậm rãi lên từng bước qua bên kia nghĩa địa. Đi năm bảy bước, chàng phải dừng lại để thở. Riết rồi cũng đến nơi. Tìm là có. Ô, một tấm vải màu vàng đất bó gọn một tử thi chẳng rõ nam nữ quãng bỏ đây đã lâu. Chàng nói nhỏ: “Hãy cho ta tấm vải mà người đã không còn sử dụng nữa. Ít hôm nữa thôi là thân xác người cũng trả về cho tứ đại.” Chàng rút tấm vải, phải dùng sức mạnh, thở gấp mới lấy tấm vải ra được. Tấm vải dính máu, dính mũ đã khô.

Siddhattha lần đến bờ sông, dựa bên mép sông có mấy tảng đá, chàng giặt sạch tấm y, phơi trên đá, sau đó tắm rửa, kì cọ rất lâu. Dừng lại, thở một hồi rồi chà xát cho kỹ hết bụi đất, cáu ghét, lớp da chết trên người. Sau đó, do mệt quá, Siddhattha nằm ngủ một giấc vô tư, vô lự. Khi tỉnh dậy, chàng nghe tinh thần sảng khoái, lấy tấm y vàng đất đã khô ráo, quàng vào người rồi cất bước lên hướng rừng. Do sức lực dường như đã sử dụng hết năng lượng cuối cùng, chàng nằm gục trên đám cỏ. Nằm bất tỉnh như thế không biết bao lâu - thì có một bé gái, theo lệ thường mang sữa đê-hồ, bánh, hoa trái đến cúng cho thần linh tại gốc cây gần đó. Trông thấy một vị sa-môn gầy khô, nằm thoi thóp thở, cô bé biết nhà tu khổ hạnh này do đói đã quá lâu ngày nên kiệt lực. Động mỗi từ tâm, cô bé đã tự ý quỳ xuống bên cạnh, lấy ngọn lá làm thìa, đổ chút ít sữa vào miệng. Khi những giọt sữa đầu tiên đi từ môi, chàng nhấp nhấp, qua lưỡi, thấm xuống cổ họng rồi đi vào dạ dày; cảm giác dễ chịu từ từ lan thấm cả châu thân. Cô bé mỉm cười, trao nguyên hũ sữa có nắp đậy cho chàng. Chỉ lát sau là chàng uống hết hũ sữa, người tỉnh táo trở lại.

Chàng nói:

- Cảm ơn cháu gái. Cháu ở đâu? Đến đây có việc gì, mà cho ta một bát sữa kỳ diệu đến thế?

Cô bé mỉm cười, rạng rỡ niềm vui:

- Cháu ở trong làng. Chủ của cháu, một bà chủ tốt bụng thường sai bảo cháu đến gốc cây gần bờ sông để cúng sữa, bánh trái cho vị thần linh.

Siddhattha mỉm cười:

- Rồi cháu thấy ta sắp chết nên đã tự ý dâng hũ sữa cho ta, vậy không sợ bà chủ rầy la sao?

- Không! Cô bé mở tròn mắt đen láy - Bà chủ cháu tốt bụng lắm. Bà chủ không rầy la đâu, mà còn khen ngợi nữa. Bà chủ thường dạy: Giúp một người đói khổ, cứu một người sắp chết là sẽ được phước đức nhiều lắm.

- Ô, tốt lắm! Giỏi lắm! Cháu tên gì thế?

- Dạ, cháu tên Punṇā. Bà chủ của cháu là Sujātā, con gái của ông triệu phú Senānī, ở tại làng Sena cũng gần đây thôi.

Thế rồi, tất cả đê-hồ, bánh trái còn lại, cô bé dâng hết cho Siddhattha Gotama; và nhờ thế mà chàng khôi phục sức khỏe rất nhanh.

Ngày hôm sau, Siddhattha Gotama từ bỏ hang động, xuống sống ở cội cây có tàn xanh bóng mát cạnh bờ sông. Chàng đã quyết định từ bỏ khổ hạnh, sẽ đi theo lộ trình trung đạo.

Tâm Nệm Cỏ Kusa

Đêm rồi, Siddhattha Gotama trải qua một giấc ngủ ngon, sáng ngày chàng thấy sinh lực dồi dào chảy tràn trong cơ thể.

Nắng sớm vàng trong, gió nhẹ lay động cành lá. Với tinh thần phơi phới, chàng đi kinh hành lui tới ven sông. Xế trưa, cô bé Puṇṇā lại tìm tới với sữa, đề hồ và bánh trái.

- Cháu lại đến cúng thần linh nữa à?

- Dạ vâng! Rồi cô bé kể - Bà cháu lúc còn là con gái, thấy cội cây Assattha to lớn, uy nghiêm này, nghĩ chắc là có thần linh nên thường đến đây cầu nguyện “xin cho tôi có được một tấm chồng cùng dòng dõi huyết thống, vừa giàu sang vừa đẹp tính, đẹp người; sau đó cho tôi sinh được một bé trai khôi ngô, kháu khỉnh, dễ dạy, dễ bảo. Tôi sẽ lễ tạ thần linh bằng cơm, sữa, bánh trái trọng hậu nhất”. Thế rồi, nguyện ước xưa giờ đã thành tựu.

Siddhattha Gotama ngồi xuống cho vừa tầm bé gái, mỉm cười. Cô bé Puṇṇā đều đều tiếp:

- Cái cội cây Assattha có thần linh này đã cho bà chủ cháu một tấm chồng như ý, lại còn ban một bé trai đẹp đẽ như con trời. Ngày rằm tháng Vesākha này, bà chủ cháu sẽ đến đây tạ lễ chính. Còn trước ba ngày, cháu đến đây dâng cúng những lễ phụ.

- À ra là vậy.

- Ngài sa-môn biết không! Để chuẩn bị cho vật thực cúng dường đầy trân trọng và đầy thành kính vào ngày trăng tròn này, bà cháu đã vô cùng công phu...

- Ủ cháu kể, ta nghe!

- Bà chủ cháu giàu lắm. Ông chủ cháu lại rất tốt bụng. Ông cười hiền lành khi thấy bà chủ chuẩn bị sữa để cúng tạ thần linh. Bà nuôi mấy chục con bò sữa cao lớn, sung sức nhất; lấy sữa của mấy chục con bò này để nuôi tám con bò sữa mập ú; lấy sữa của tám con bò sữa mập ú này chỉ để nuôi hai con bò sữa đang tơ. Và sữa của hai con bò này chỉ dành riêng để cúng thần. Sữa hôm qua sa-môn dùng là sữa tuyệt vời kia đây!

Nghe đến đây, Siddhattha Gotama không còn ngạc nhiên nữa. Sữa hôm qua đúng là dược phẩm, là thuốc bổ hồi sinh thật sự. Siddhattha Gotama cười nói:

- Nó không những là thuốc bổ, nó còn là thần dược.

- Đúng vậy! Cô bé gặt - Bà chủ cháu còn hòa vào trong biết bao nhiêu là thuốc quý đây!

Bé Puṇṇā lại nói tiếp:

- Đúng ngày lễ chính, bà chủ cháu sẽ lấy sữa kia làm nước để nấu một mâm cơm đặc biệt; và ngay chính hạt gạo để nấu cơm cũng không phải là gạo thường... Triệu phú mới có đây!

Bé Puṇṇā cười vô tư lự. Nó thấy mình kính mến ông sa-môn hiền từ này. Sớm hôm ấy, bé Puṇṇā đã bẻ cây làm chổi, quét dọn sạch sẽ từ trong ra ngoài, sạch từ kẽ đá, từng hang hóc rễ cây cho đến tận bờ sông...

Thế rồi, qua mấy ngày được tắm bổ, Siddhattha Gotama đã có da, có thịt trở lại; ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp lần lần hiện ra.

Trong lúc ấy, năm người bạn đồng tu lặng lẽ bỏ đi mất. Họ rất thất vọng khi thấy Siddhattha Gotama thọ thực đầy đủ, lại còn trò chuyện vui vẻ với một cô bé gái.

“- Ông ta đã từ bỏ con đường tối thượng rồi! Koṇḍañña buồn bã nói với các bạn - Chúng ta không còn trông cậy, tin tưởng gì nơi ông ta được nữa. Siddhattha Gotama của chúng ta đã trở về với đời sống lợi dưỡng, tầm bỏ xác thân một cách dung tục. Chúng ta đi thôi.”

Nhận thấy sự hiểu lầm của họ, nhưng Siddhattha Gotama chưa vội đính chính. Trong những ngày này, chàng đang có cuộc chuyển hóa quan trọng về nhận thức, đã có cái gì đó đang xảy ra trong nội tâm. Siddhattha Gotama đang dần dần hình thành lộ trình tu tập rất mới mẻ. Chàng từ bỏ khổ hạnh, nghĩa là từ bỏ con đường truyền thống. Và chàng sẽ nương tựa các nấc thiền hữu sắc, ở đó có pháp lạc, thanh tịnh, thuần thực và nhu nhuyễn của tâm. Nương tựa vào chúng để bắt đầu nhìn ngắm diễn tiến, vận hành của sự sống. Và sự sống là gì? Sự sống là cái đang diễn ra, tương quan giữa toàn bộ con người mình, thân tâm này cùng với ngoại giới. Đau khổ, phiền não, sầu muộn, tham sân gì gì cũng phát sanh từ đây, thì sự tu tập của ta cũng phải được ngắm nhìn từ đây!

Đêm mười bốn tháng tư Âm lịch (Vesākha), dưới cội cây Assattha hùng vĩ, Siddhattha an trú các định hữu sắc, nuôi dưỡng phỉ lạc, khuya, canh hai, chàng nằm nghỉ. Khoảng giữa canh ba, chàng nằm mộng...

Siddhattha Gotama thấy mình nằm trên mặt đất, đầu gối đỉnh núi Himalaya, tay trái đặt vắt qua phía đông đại dương, tay phải đặt vắt qua phía tây đại dương, hai chân duỗi thẳng, gác qua châu Diêm-phù-đề, thông xuống phía nam đại dương.

Siddhattha Gotama thấy có một cây cỏ, tên gọi tiriyaṃ mọc từ lỗ rún và lớn lên. Nó to dần, cao dần lên một gang, một cùi, một sải... một do-tuần đến trăm do-tuần... rồi đứng chật cả hư không, tỏa tám cành ra tám hướng... xanh um, mát mẻ.

Siddhattha Gotama thấy một đám dòi đầu đen, mình trắng, lũ lượt bò từ đầu đến chân, đến đầu gối rồi bao phủ đầy đặc cả ống chân.

Siddhattha Gotama thấy bốn loài chim có bốn màu xanh, đỏ, vàng, đen từ bốn hướng cùng bay đậu nơi chân mình; bỗng nhiên, chúng hóa thành màu trắng hết.

Siddhattha Gotama thấy mình đi qua đi lại, đi lên đi xuống trên đồng phẳng cao to như ngọn núi; nhưng hai chân không hề dính một chút dơ bẩn, không lay một chút xú uế nào cả.

Lúc sao mai vừa mọc, Siddhattha Gotama tỉnh dậy, giấc mộng đang còn mới mẻ, chàng tự đoán ngay rằng:

“- Điềm triệu thứ nhất: Ta sẽ thành bậc Chánh Đẳng Giác, trở thành vị Phật trên quả đất này.

Điềm triệu thứ hai: Có một giáo pháp “trung đạo” (vì cây mọc chính giữa lỗ rún), có tám nhánh - để giáo hóa chư thiên và nhân loại (Bát chánh đạo).

Điềm triệu thứ ba: Hội chúng cư sĩ (tóc đen mặc áo trắng) sẽ đến quy y, nương nhờ dưới chân ta, để tu tập.

Điềm triệu thứ tư: Những người có đức tin, đủ thành phần trong bốn giai cấp sẽ đến xuất gia tu tập; rồi cả bốn giai cấp đều được hòa tan, tẩy sạch trong biển pháp (màu trắng), chấm dứt kỳ thị.

Điềm triệu thứ năm: Nhiều người đến bố thí, cúng dường; nhưng khi thọ dụng bốn món vật dụng, ta sẽ không say mê, không dính mắc nó.

Sau khi giải mình năm điềm triệu, Siddhattha Gotama thấy lòng hân hoan, phi lạc. Vệ sinh cá nhân xong, chàng đi kinh hành một lát rồi xuống sông tắm.

Dòng nước ban mai mát lạnh, Siddhattha Gotama tiếp nhận từ làn da, từ lỗ chân lông cảm giác dễ chịu ấy. Tai chàng nghe được cả âm thanh lao xao của từng làn sóng nước... Mũi chàng ngửi được cả mùi hương của rong rêu,

của cả thiên nhiên hoang sơ... Ngũ quan và nhận thức đã trở nên tinh tế. Không thể rời bỏ thế giới hiện tượng, sự sống mà phải lắng nghe, cảm nhận hiện tượng, sự sống một cách trọn vẹn, sâu sắc... Từ cơ sở ấy, cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức cũng phải được lắng nghe một cách chân thực. Như dòng sông này, các giọt nước kế tục trôi chảy như thế nào thì cảm giác, tri giác, tâm hành và nhận thức của ta cũng trôi chảy như thế...

Lúc ngồi thiền dưới gốc cây, Siddhattha Gotama duy trì, tăng cường sự chú tâm và tỉnh giác để lắng nghe toàn thể thân, tâm cùng các đối tượng của chúng. Tất cả đều trôi chảy, tụ rồi tan, đến rồi đi liên tục, không gián cách. Không một cảm thọ, tri giác, tâm hành, nhận thức nào có thực tính, ngã tính... Cái mà Vệ-đà bảo là tiểu ngã (Atman, atta), là linh hồn thường tại đồng một thể với đại ngã vũ trụ (Mahātman) chợt rã tan như bong bóng nước... Tất cả chúng đều là vô ngã (anatta)... Sự thấy rõ bằng thực chứng, bằng quán chiếu tự thân này cho Siddhattha Gotama một phi lạc chưa từng thấy...

Khi nàng Sujātā và cô bé Puṇṇā mang lễ vật đến gốc cây cúng thần linh thì họ thấy một vị thần hào quang sáng rực đang tĩnh tại tọa thiền. Ngay cả cô bé Puṇṇā cũng cảm nhận khác lạ. Đây đúng là vị sa-môn gầy khô sắp chết đói mấy bữa trước - nhưng dường như đã hóa sanh thành một con người khác. Đúng là có thần linh rồi! Đúng là thần linh mới có dung sắc và hào quang như vậy.

Nàng Sujātā sai Puṇṇā sắp đặt lễ phẩm trên chiếc mâm vàng gồm cơm sữa và bánh trái khác, quỳ xuống, đội lên đầu rồi thành kính nói:

- Thưa ngài, thưa vị thọ thần uy linh! Con là Sujātā, ngài đã theo lời ước nguyện của con, ban cho con một tấm chồng đẹp đẽ, giàu sang và tốt bụng; lại còn ban cho con một bé trai có tướng mạo, dung sắc như một tiểu thiên thần. Vậy là

con đã hoàn toàn mãn nguyện. Hôm nay, con đến đây để tạ lễ, mong ngài chứng giám cho lòng thành của con...

Siddhattha Gotama xả thiên, mỉm cười nói:

- Ta chỉ là một sa-môn đang tầm đạo thôi, có phải là thần linh gì đâu, cô bé Punṇā biết kìa!

Cô bé Punṇā vẫn đang quỳ mọp bên chủ, bây giờ mới ngược đầu lên:

- Không, hôm nay ngài sa-môn đúng là thần linh. Bà chủ con và con đều thấy rõ như vậy.

Riêng nàng Sujātā thì vô cùng tri ân và xúc động, tự nghĩ: “Thần linh đã cảm ứng cho lòng thành của ta nên đã hóa thân nơi vị sa-môn thân tướng cao sang, quý phái này.”

Siddhattha Gotama tự nghĩ: “Tất cả đều có nhân và duyên. Ta hãy thọ nhận vì lợi ích cho nàng và cũng lợi ích cho cuộc chuyển hóa vĩ đại đang ở nơi ta”. Khi nàng Sujātā và cô bé Punṇā dâng nguyên cả mâm bằng vàng⁽¹⁾ cho trọn lễ ra về rồi, Siddhattha Gotama đứng trầm tư, quán tưởng giây lát... rồi chậm rãi từng bước một, ra bờ sông. Lượm một đám cỏ sạch, Siddhattha ngồi xếp bằng, vo tròn cơm sữa thành bốn mươi chín vắt to bằng trái thốt nốt. Chánh niệm, tỉnh giác, Siddhattha chú nguyện rồi độ thực hết bốn mươi chín vắt cơm ấy. Cầm mâm vàng, đứng lên, Siddhattha phát nguyện rằng:

“- Nếu dưới cội cây Assattha kia mà ta đắc thành quả vị Chánh Đẳng Giác thì xin mâm vàng này trôi ngược dòng sông. Bằng không thể đắc quả Phật thì mâm vàng này sẽ trôi xuôi.”

Nguyện xong, Siddhattha Gotama thấy mâm vàng ra giữa sông. Lạ lùng thay, chiếc mâm vàng như tấm thia lia

⁽¹⁾ Có tư liệu nói là vào năm 1972 có một phái đoàn khảo cổ đã đào bới ngôi nhà cũ của nàng Sujātā, phát hiện rất nhiều mâm vàng, mâm bạc, chén vàng, chén bạc...

bằng bằng trôi ngược nguồn, lên phía thượng lưu, khoảng chừng tám mươi hắc tay thì chìm xuống.

Ngay lúc ấy, trên thế gian thì không có chuyện gì, nhưng dưới thủy cung có chuyện lạ. Nguyên dưới cung điện của Long vương đã có ba chiếc mâm vàng của ba vị Phật quá khứ, đó là đức Phật Kakusandha, đức Phật Koṇāgamana, đức Phật Kassapa. Khi chiếc mâm vàng của Siddhattha Gotama chìm xuống, trôi về thủy cung, đụng phải ba chiếc mâm vàng trước, tiếng ngân vang lên. Long vương Kālānaga lúc ấy đang ngủ, nghe âm thanh của mâm vàng chạm nhau, thức dậy, mỉm cười nói rằng: “Chà! Mới hôm qua một vị Phật xuất hiện, hôm nay lại một vị Phật khác nữa ra đời!”

Siddhattha Gotama biết nguyện mình sẽ đạt, lòng hân hoan, thư thái; và còn biết rõ rằng: Sự chuyển hóa của mình, cái nhìn mới mẻ của mình về sự tu tập là chính xác, đúng đắn! Bước về cội cây Assattha, Siddhattha Gotama rất tự tin khi thấy mình đã chuẩn bị đầy đủ cho một cuộc hạ thủ công phu mà không còn sợ phải lầm lạc nữa.

Bắt chước cô bé Puṇṇā, Siddhattha Gotama đi bẻ lá quét dọn rồi ôm một ôm lá khác sắp xếp lên nhau để làm một chỗ ngồi. Khi đang hí hoáy với công việc, một cậu bé chăn bò đội một bó cỏ lớn đi ngang. Cậu ta dừng lại, tò mò nhìn một lát rồi nói:

- Này ông sa-môn! Đám lá ấy không thể trải chỗ ngồi được đâu, chỉ vài ba hôm là bằm dập, hư nát. Phải là cỏ này. Cỏ kusa này để lâu nó sẽ khô và bốc mùi thơm dễ chịu. Con biếu tặng ông sa-môn đây.

Nói xong, cậu bé chăn bò đặt bó cỏ xuống. Nó gồm có tám bó nhỏ đều đặn mà bề dài lại vừa khít, vuông vức một chỗ ngồi. Một lát, cậu bé chăn bò đã làm xong, trông rất đẹp đẽ. Siddhattha Gotama cất giọng thiện cảm:

- Cảm ơn bạn nhiều lắm!
- Dạ, không có chi.

- Bạn tên gì? Ở có xa đây không?

- Dạ, con tên là Sotthiya. Con thuộc giai cấp Sudra, ở cũng gần đây thôi!

- Sotthiya biểu cho ta bó cỏ quý này thì lấy gì để mang về nhà?

- Dạ, không sao, con sẽ kiếm bó khác. Chỉ có một con bò sữa què chân thôi mà!

Tuy chỉ là tấm nệm cỏ tầm thường làm tọa cụ, nhưng dưới con mắt nghiệp cảm của phi nhơn, chư thiên, ma vương thì đây là cả một bộ đoàn quý báu, tên là Ratanapallanka, cao mười bốn cùi tay, xung quanh đều được chạm khắc công phu, đính bảy báu - là phước báu trang nghiêm của ngài được tích lũy Pāramī từ vô lượng kiếp.

Lúc Sotthiya vừa đi khỏi, Siddhattha Gotama lên ngồi trên nệm cỏ, thấy êm ái và thoáng mát; ngài quay mặt về hướng đông, thấy khí và lực của mình thuận hợp với khí và lực của vũ trụ. Toàn thể tế bào, máu huyết như được tiếp thêm năng lượng. Nhiếp tâm thanh tĩnh, điều hòa hơi thở, Siddhattha Gotama phát lời đại nguyện:

“- Dù máu huyết khô cạn, dù chỉ còn gân, xương và da; ta quyết không rời khỏi nệm cỏ này nếu ta chưa đắc thành quả Phật”.

Siddhattha Gotama vừa phát nguyện xong thì không gian như chao đảo, quả địa cầu rung chuyển dữ dội. Tấm nệm cỏ tầm thường bây giờ đã biến thành bộ đoàn chiến thắng (aparājata panllanka) sừng sững, bất động như thách thức muôn ngàn bóng đêm của vô minh và si mê.

Vua trời Sakka, trong khi ấy, phải tức tốc rời khỏi ngai vàng, sai vị thiên Pañcasikha mang đàn beluva xuống nhân gian tấu nhạc cúng dường. Vua trời Suyāma ở cõi Yama và vua trời Santusita ở cõi Tusita hối hả bay xuống cầm quạt đứng hầu hai bên. Phạm thiên Sāhampati là bạn của ngài từ thời đức Phật Kassapa thì cầm chiếc lọng trắng, đứng trang

nghiêm, bất động... che mát cho Siddhattha Gotama. Còn Long vương Kālānaga thì dẫn nguyên một đoàn mỹ nữ, tung bùng, rộn rã hát lên một ca khúc chưa từng được nghe:

“- Hỡi người con ưu tú, tinh anh của vũ trụ
Hỡi đấng vương giả cao sang, quyền quý
Mà ngũ dục tối thượng của cuộc đời
Cũng không thể ràng buộc được.
Hỡi bậc bồ-tát vô tử!
Mà sức mạnh và ý chí kiên cường
Thắng xa một ngàn con chiến mã Sindhu vô địch
Thắng xa một ngàn con voi trắng thuần chủng, oai hùng.
Người đã tự mình vạch ra một lộ trình
Chưa hề có trên thế gian
Đã bắt đầu tìm kiếm, khám phá
Ý nghĩa và giá trị vĩnh cửu của cuộc sống
Lợi dưỡng - người đã từng lợi dưỡng tối thắng
Khổ hạnh - người đã từng khổ hạnh tối thượng
Người là sự kết tụ ánh sáng rực rỡ
Nóng ấm của mặt trời
Và ánh sáng dịu dàng, mát mẻ của mặt trăng
Người sẽ tìm ra con đường bất tử
Người sẽ tìm ra phương thuốc nhiệm màu cứu khổ cho muôn
triệu sinh linh

Hãy rọi ánh sáng trí tuệ, giải thoát
Cho chúng sanh trong đêm đen trường mộng
Muôn ngàn cõi đang rung động, hân hoan
Muôn triệu chúng sanh đang khao khát ánh đạo vàng”
Lúc tiếng hát lời ca của chúng long nữ vừa dứt thì tại cõi trời Vasavatti, Chúa ma vương hoảng hốt, dựng tóc gáy. Đúng là điềm triệu bất tường rồi. Cái ông Siddhattha Gotama sắp bước ra khỏi uy lực của ta. Ông ta đang muốn dùng ánh sáng bé mọn ấy để thách thức ta, muốn xuyên

thung bóng đêm sâu thẳm mà ta đã từng tung rải trên thế gian từ vô thi đến nay!?

Ác Ma thiên tỵ nghĩ:

“- Lợi dưỡng tối thượng không quyến rũ được ông ta. Chuyên luân Thánh vương ông ta cũng không màng. Tế thần lửa ông ta xem là mê tín. Khô hạnh tối thượng ông ta cũng từ bỏ. Bây giờ, Siddhattha Gotama đang ngồi tĩnh tọa trên chiếc bồ đoàn quý báu kia và phát lời đại nguyện bất thối. Ông ta muốn thoát khỏi quyền lực của ta thật rồi! Vậy hôm nay, ta phải dùng uy lực tối thắng, sức mạnh tối thắng để chiếm lấy cái bồ đoàn, hoặc đẩy bật ông ta ra khỏi bồ đoàn - thì đại nguyện kia sẽ không thành tựu”.

Thế rồi, Ác Ma thiên huy động toàn bộ thiên binh, thiên tướng, trang bị tất cả mọi loại vũ khí hình thù quái dị có tính năng kinh khiếp nhất, rầm rộ rời Tha hóa tỵ tại thiên, trực chỉ cõi trần, xuống khu rừng Uruvelā.

Ác Ma thiên đi đầu, cỡi voi Girimekhala, hóa ra ngàn cánh tay đều cầm khí giới, với khuôn mặt dữ tợn cùng với mười đạo binh, vây quanh cội cây Assattha kéo dài mười hai do-tuần, bên trên hư không dày đặc chín do-tuần. Chúng la hét vang rền, chấn động khắp các cõi⁽¹⁾.

Phạm thiên, Long vương, các vị thiên vương Sakka, thiên vương Suyāma, thiên vương Santusita đang đứng hầu xung quanh bồ đoàn, thoáng thấy Ác Ma thiên với thiên binh, thiên tướng, vũ khí hình thù quái dị, đặng đặng sát khí... bèn hội ý với nhau rất nhanh:

⁽¹⁾ 10 loại vũ khí của 10 đạo binh ma là tượng trưng cho 10 loại phiền não sau đây: Tham dục (kama), bất mãn (arati), đói khát (khupipasa), ái dục (taṇhā), hôn trầm - thuy miên (thīna, middha), sợ hãi (bhayā), hoài nghi (viccikiccha), phi báng, cố chấp (kukkha – thambha), lợi lộc, khen tặng, vinh dự, danh vọng (labha, siloka, sakkara, yasa), tỵ tán, hỷ tha (attukkamsanaparavambhana).

- Cả nội ma và ngoại ma đều ào ạt tấn công Siddhattha Gotama, chúng ta phải làm sao?

- Bậc vĩ đại phải chiến đấu đơn độc là lẽ tất nhiên. Chúng ta đi thôi!

Thế là họ trở về trú xứ của mình. Trong lúc ấy Ác Ma thiên dặn bảo thuộc hạ của mình: “Oai lực của Siddhattha Gotama rất phi thường, thế gian không có ai sánh được, các ngươi chớ khá xem thường. Vậy đừng có đại đột chiến đấu trực diện. Phải đánh lén hoặc đánh vào hướng sau lưng”.

Siddhattha Gotama suy nghĩ: “Những đạo quân ma vương phiền não sẽ tấn công ta. Nó sẽ tấn công toàn diện bằng những vũ khí cực kỳ lợi hại. Tại đây, ta chẳng có cha mẹ, bằng hữu hoặc bà con quyến thuộc. Tuy nhiên, các toán binh ma đâu biết rằng, cuộc chiến này ta không hề đơn độc. Ta đã có sẵn ba mươi pháp hành Pāramī. Chúng sẽ là những thuộc hạ thân tín mà ta đã dày công nuôi dưỡng trải qua vô số kiếp. Chúng chính là đội quân thiện chiến, bất khả chiến bại. Chúng sẽ bảo vệ ta một cách an toàn. Chúng sẽ vô hiệu hóa tức khắc các cuộc tấn công của ma quân.”

Nghĩ thế xong, Siddhattha Gotama trú định, huy động sức mạnh cuộn cuộn của năng lực Pāramī tạo nên sự kiên định, vững vàng như đỉnh núi chúa Sineru, chờ đợi sự tấn công của Ác Ma thiên.

Đầu tiên, Ác Ma thiên dùng vũ khí cuồng phong, mà sức mạnh của nó hung tợn hơn cả ngàn con tuấn mã... đồng loạt lao tới bô đoàn. Dù trận cuồng phong thật là kinh thiên động địa nhưng nó chợt tan biến, không hề lay động chéo y của Siddhattha Gotama.

Ác Ma thiên sửng sờ, kinh ngạc; tức giận quá, bèn sử dụng vũ khí nước lũ. Nó hóa phép làm một trận mưa lớn như thác đổ, xối xả xuống cội cây Assattha. Nhờ oai lực Pāramī, chẳng có một hạt nước nào rơi trúng vào ngài.

Ác Ma thiên phùng mang trợn mắt đến tóe máu, sử dụng vũ khí mưa đá than hồng, từng cục đá cháy đỏ hừng hực rơi liên miên bất tận xuống bồ đoàn. Và rồi, ô kìa! Những viên đá cháy đỏ chợt biến thành những đóa hồng hoa tươi thắm, nhẹ nhàng kết thành từng xâu, từng chuỗi... trông đẹp xiết bao!

Nộ khí xung thiên, Ác Ma thiên hóa hiện trận mưa vũ khí. Đây là những khí giới có răng cưa, có móc nhọn, có lưỡi bén, có tua tua móc... trăm trăm, ngàn ngàn như thế... dội xuống đầu Siddhattha Gotama! Ô! Kỳ lạ không, tất cả vũ khí quái dị ấy chợt biến thành những đóa hoa kim loại với hình tướng, sắc vẻ lạ lùng!

Bốc giận tợ thiên lôi giáng, Ác Ma thiên, hai mắt đỏ rực như hai chậu máu, sử dụng vũ khí mưa lửa. Thế là từng dòng mưa lửa đỏ rực cả vùng trời, đốt cháy cả không gian rồi ò ạt tuôn đổ xuống cội cây Assattha. Ô! Mưa lửa lại hóa thành những chùm hoa lửa đẹp vô cùng!

Ác Ma thiên dường như đã hóa cuồng, sử dụng luôn đồng loạt vũ khí mưa tro nóng, mưa cát cháy, vũ khí mưa bùn, vũ khí không gian tối đen mù mịt... nhưng rồi cũng vô ích. Tro nóng biến thành bột thơm. Cát cháy biến thành vật thơm. Bùn biến thành nước thơm. Còn không gian đâu có tối đen mù mịt - cội Assattha, bồ đoàn chiến thắng và Siddhattha Gotama vẫn sáng rõ như ánh trăng rằm.

Đã sử dụng hết chín loại vũ khí hung dữ, bạo tàn nhưng vẫn thất bại chua cay, vẫn không lay động Siddhattha Gotama, Ác Ma thiên tức giận quá, ra oai la mắng thuộc hạ:

- Các người sao đứng im sững như thế? Sao không cùng xông vào một lượt để đâm, chém, chặt, móc, cưa, xẻ ông ta ra? Sao không đuổi ông ta ra khỏi cái bồ đoàn bất trị ấy?

Ác Ma thiên hò hét đã khô hơi, rất cổ nhưng chẳng có ma nào dám xông đến gần vì oai lực của Siddhattha Gotama đã tạo nên một vòng đai vô hình, một tường thành Pāramī

kiên cố toát ra một năng lực làm cho chúng sợ hãi co rúm lại.

Chẳng biết sao hơn, Ác Ma thiên cưỡi voi Girimekhala, đến gần cội cây Assattha, mở lời tranh đoạt:

- Siddhattha Gotama! Người hãy mau mau rời khỏi cái bò đoàn kia vì nó là của ta!

Siddhattha Gotama bây giờ mới tạm rời xa năm sức mạnh nội tâm - tín, tấn, niệm, định, tuệ - chậm rãi nói:

- Nay Ác Ma thiên! Trên đời này ta chưa thấy ai ngu si, cuồng vọng và dai dẳng như người, cứ bám sát theo ta mãi! Và bây giờ, ta cũng chưa thấy ai trên đời nói ra lời cương từ, đoạt lý như người; loạn danh, loạn thực như người! Chiếc nệm cỏ này có được là do nhờ tám bó cỏ cứng dường của cậu bé chăn bò Sothiya; sau đó nó trở thành chiếc bò đoàn trang nghiêm, kỳ vĩ là do nhờ phước báu Pāramī sinh ra. Từ vô số kiếp, ta đã dày công tu tập các công hạnh, nhất là bố thí bậc thượng, bậc trung và bậc hạ - nên mới có được chiếc bò đoàn thù thắng này. Còn người, do tham vọng mù quáng, do muốn củng cố địa vị, quyền lực và hư danh mà đến đây muốn tranh đoạt với ta sao? Thật là ngông cuồng, xác láo! Hãy biến đi! Hãy tan vào bóng tối muôn đời vô tận ngu si và kiêu ngạo của người!

Ác Ma thiên làm lì không nói nữa, giận dữ rút vũ khí vòng sắt cực kỳ nguy hiểm ra. Đây là vũ khí thứ mười, vũ khí tối hậu, có năng lực khủng khiếp mà Ác Ma thiên chưa bao giờ dùng tới. Nếu chiếc vòng sắt này ném xuống đất thì mặt đất sẽ bị thiêu cháy, suốt mười hai năm không cây cỏ nào mọc được. Nếu vòng sắt này ném lên hư không thì suốt mười hai năm không có một giọt mưa nào rơi xuống. Nếu chiếc vòng sắt ném vào núi Sineru thì núi chúa sẽ bị cắt làm hai phần!

Với ý chí quyết thắng, vì muốn tiêu diệt Siddhattha Gotama và chiếc bò đoàn, Ác Ma thiên phủ đòn tối hậu,

quăng chiếc vòng sắt đến cội cây. Chiếc vòng sắt phát ra tiếng sấm sét vang rền giữa không gian...

Một số phạm thiên, chư thiên lo ngại cho sự an toàn sanh mạng của Siddhattha Gotama. Một số khác, tin vào phước báu và oai lực Pāramī của ngài, sẽ không có một loại vũ khí nào xâm hại được; và cuối cùng ngài sẽ chứng đạo quả Phật.

Quả thật vậy, niềm tin ấy là đúng. Siddhattha Gotama trú định, huy động toàn bộ sức mạnh Pāramī để đón nhận cơn phần nộ địa ngục của Ác Ma. Cuối cùng, chiếc vòng sắt đe dọa khủng khiếp kia chợt biến thành chiếc khăn hoa, bay lượn phát phối, như đến lau chùi chiếc bồ đoàn!

Vậy là Ác Ma thiên hoàn toàn thua cuộc, tuy nhiên, nó chẳng sượng sùng gì, vẫn tỏ ra ngang bướng, cứng đầu:

- Siddhattha Gotama! Hãy trả bồ đoàn ấy cho ta?

Do cảm ứng tâm linh và cũng do đức tin bất thối, Siddhattha Gotama chợt nói:

- Ta muốn người thua cuộc một cách tâm phục, khẩu phục. Nghe ta hỏi đây. Bồ đoàn này là của người thì lấy gì làm bằng chứng?

Ác Ma thiên đắc chí, cười ha hả:

- Tất cả thiên binh, thiên tướng này họ sẽ làm chứng cho ta.

Bọn ma quân nhao nhao lên:

- Đúng vậy, tất cả chúng tôi đồng làm chứng, chiếc bồ đoàn kia là sở hữu của thiên chúa chúng tôi.

Ác Ma thiên thấy mình thắng thế, cười to lên:

- Siddhattha Gotama nói là có ba mươi Pāramī... gì gì đó... nên bồ đoàn kia là sở hữu phước báu của mình. Vậy thì bây giờ, ai là kẻ làm chứng cho ngài đây?

Siddhattha Gotama vẫn an nhiên, trầm lặng, bởi ngài tin vào năng lực Pāramī của mình, tự nghĩ: “Trong thời gian gần đây, ta phát sanh niềm tin chắc thật là từ vô số kiếp, ta

đã tu tập tròn đủ Pāramī. Ta biết ta đã có sẵn năm đại thí và ba pháp hành.”⁽¹⁾ Nghĩ thế xong, Siddhattha Gotama bèn chỉ tay xuống đất, tuyên bố bằng lời chân thật:

- Ta có ba mươi Pāramī, đó là điều chắc thật. Riêng bố thí thì ta cũng đã tròn đủ năm đại thí. Tuy ở đây chẳng có chúng hữu tình nào làm chứng cho ta điều ấy. Nhưng còn có quả đất. Quả đất dẫu không có tâm thức, nhưng nó cũng có thể chấn động, rung động bảy lần để làm chứng cho lời nói chân thật của ta!

Lạ lùng thay, Siddhattha Gotama vừa dứt lời, lập tức quả đất chuyển mình dữ dội, rung động bảy lần, phát ra âm thanh ì ùng như bão nổi tự trong lòng địa cầu. Nước biển đột ngột như long vương quấy mình, sùng sục, ì ầm dâng lên cao, hất tung những quả núi sóng lên không gian. Mưa ào ào như trút, nước đổ xuống, nước tràn lên, tràn lên mãi...

Ác Ma thiên ngồi trên lưng voi Girimekhala cao to như ngọn đồi cũng phải chao đảo, ngã nghiêng... rồi dần dần bị ngập sâu trong nước, bị nước cuốn trôi phăng. Đến đây, mọi pháp lực của ma vương đã trở nên vô dụng; nó hoang mang, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, ném bỏ tất cả vũ khí, huy động tàn lực, thúc hối voi Girimekhala vọt khỏi dòng nước dữ, hót hải bay về cung trời Tha hóa tự tại không dám ngoảnh mặt nhìn lui. Quân ma khiếp đảm, vội vã quăng bỏ vũ khí, mặt nạ... hỗn loạn chạy trốn theo chân chủ soái.

Mười ngàn thế giới vui mừng, đồng thanh reo vang, âm thanh như hải triều âm, vang vọng khắp cả mấy tầng trời để tán thán, ca ngợi oai lực Pāramī bất khả chiến bại của Siddhattha Gotama.

⁽¹⁾ 5 đại bố thí là: Bố thí vợ, con, của cải, tứ chi, sanh mạng. 3 pháp hành là: Hành đem lại lợi ích cho thế gian, lợi ích cho quyền thuộc và lợi ích cho sau này thành tựu quả vị Phật.

Cuộc chiến đấu lạ lùng ở trên, chỉ có một mình Siddhattha Gotama, ở cõi người cùng thế giới chư thiên, phạm thiên hay biết. Cội cây Assattha vẫn an tĩnh. Trời đã ngả bóng về chiều. Chiếc bò đoàn vẫn điềm nhiên, bất động. Siddhattha Gotama suốt hai khắc giờ thiên định, lưu giữ cận định, soi chiếu nội tâm, thấy rõ toàn bộ ma quân phiền não ngủ ngầm từ vô lượng kiếp đến nay. Đã điếm mặt, chỉ tên từng phiền não một, thô tháo có, vi tế có. Như mặt trời rơi đến đâu thì sương tan đến đấy, cũng vậy, lúc trí tuệ bừng sáng, những kiết sử, tùy miên đều hiện rõ mặt mày. Chúng chẳng thể đeo mặt nạ, nguy trang, đánh lừa ai được nữa.

Mặt trời sắp lặn. Siddhattha Gotama ngắm nhìn quang cảnh một lát rồi trở lại lắng nghe dòng tâm đang trôi chảy an nhiên, tĩnh tại, trong sáng - Siddhattha biết mình sẽ đi trọn đêm nay để thực nghiệm bài toán tâm linh đã có cách giải. Lúc ấy là đêm mười bốn tháng tư Vesākha, Ấn Độ.

Một Vàng Nhật Nguyệt

Đêm. Dòng sông Nerañjarā lấp lánh ánh trăng. Gió thổi rì rào xuyên qua rừng cây trầm mặc. Hương hoa cỏ dịu dàng, thoang thoang giữa không gian. Siddhattha Gotama sau khi chiến thắng nội ngoại ma, ngài ngồi yên tĩnh theo dõi hơi thở với tâm và trí hoàn toàn tỉnh thức và thanh khiết...

Bây giờ, cả một khối thân tâm đã trở nên thuần nhất, được giác niệm lung linh soi chiếu; không thấy trong, không thấy ngoài, không thấy ngã, không thấy ngã sở; ngài chỉ thấy hơi gió vào ra, càng lúc càng nhẹ, càng mỏng... Rồi dần dần, làn gió ấy chợt trở nên trong vắt, sáng như ánh trăng rằm vừa ra khỏi sương mù... Siddhattha Gotama lần lượt đi vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên một cách dễ dàng, không có một gắng sức nào... Với năng lực của tâm định hoàn toàn vững chắc, kiên cố, Siddhattha Gotama xuống cận hành, sử dụng tâm và tứ hướng tâm đến tiền kiếp... Chỉ một sát-na sau, ngài lần lượt thấy rõ các kiếp sống quá khứ của mình. Từ một kiếp, hai kiếp... mười kiếp, hai mươi kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, kiếp quả đất, nhiều đại kiếp quả đất vô giới hạn... Ngài thấy rõ mỗi kiếp, với hình ảnh rõ ràng, với vóc dáng như vậy, dòng họ như vậy, tuổi

tên như vậy, y báo, chánh báo như vậy, khổ vui như vậy, nghiệp đến đây như vậy, nghiệp ra đi như vậy... Nhờ định tĩnh sâu xa, và cũng nhờ nội tâm đã lắng dứt mọi tùy miên kiết sử nên Siddhattha Gotama không hề khởi lên kinh cảm khi thấy mình từng mang lột nhiều kiếp thú như chó, ngựa, voi, chim, chuột... Còn làm cả dạ-xoa, a-tu-la, thọ thần, chư thiên, phạm thiên... cũng rất nhiều kiếp nữa. Nhưng nhiều nhất là làm người: thương gia, triệu phú, nông dân, tiểu phu, giáo sư, vua chúa, quan đại thần, quốc sư... Và vô lượng kiếp tu tập, xuất gia, hành các pháp ba-la-mật... Trong vô lượng vô biên kiếp sống ấy, ngài không tìm thấy đâu là con người thực của mình. Tất cả chúng đều do dòng nghiệp vẽ ra, tạo nên. Sự sinh, sự diệt trùng trùng, hóa thân trùng trùng, sâu bi khổ ưu não cũng trùng trùng... Tất cả chúng đều như từ sương khói mà hiện ra, từ sương khói mà diệt mất, dường như vô căn, vô cội nhưng chỉ có một dòng chảy, dòng chảy của sinh mệnh, nghiệp lực là liên li từ vô thủy đến vô chung... Tuy liên li nhưng không phải hằng hữu. Chúng chuyển biến, dịch hóa, thay đổi liên tục, mới mẻ liên tục... Chẳng có gì mất đi mà cũng chẳng có gì thường tại...

Siddhattha Gotama xả thiền, lúc ấy chỉ vừa qua canh một. Thế là ngài đã chứng đắc Túc mạng minh (Pubbenivāsānussatiññāṇa) khi mặt trăng từ hướng Đông mới lên đến đầu tàn cây Assattha. Mỉm nụ cười vi diệu như nụ hoa hàm tiếu ở trong tâm, rồi không để uổng phí một sát-na nào, Siddhattha Gotama lại nhiếp niệm đi vào tứ thiền sắc giới, kiên trú định; trở lại cận hành, dùng tâm và tứ, hướng tâm đến sự sanh tử của chúng sanh. Thế rồi, như cuốn phim quay nhân quả hiển hiện rõ ràng trong nội tâm, ngài thấy sự đi về, tới lui, thấp hèn, cao thượng, xấu đẹp, khổ vui của tất cả chúng sanh từ quá khứ, hiện tại hay vị lai. Nếu thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác thì rơi vào bốn cảnh khổ. Ngược lại, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện thì được

sanh thú cõi người, cõi trời nào đó tương ứng với hành nghiệp ấy. Tiếp tục đi sâu, đi xa, theo dõi dòng nghiệp của chúng sanh, Siddhattha Gotama còn thấy được tâm hướng của từng chúng sanh một, với quả báo vị lai xa xăm cho đến hằng sa sinh diệt của quả địa cầu! Vậy là tất cả tác nhân, quả báo tạo nên sanh thú của tất cả chúng sanh đều được ngài nhìn thấy rõ như các đường chỉ trong lòng bàn tay của mình. Như thế là vào cuối canh hai, khi mặt trăng vừa chênh xé cõi cây Assattha, Siddhattha Gotama chứng đắc Thiên nhãn minh (Dibbacakkhuññāṇa).

Trở lại tứ thiên, nuôi dưỡng phỉ lạc thâm sâu, vào an chỉ định, trở lại cận hành, dùng tuệ minh sát quán chiếu tự thân; ngài thấy rõ rằng, chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến ngũ trần (kāmasavakileśa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến những chấp thủ ta, của ta, người và chúng sanh (ditṭhāsavakileśa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến những dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu (bhavāsavakileśa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến si mê, vô minh (avijjāsavakileśa). Khởi chánh tư duy, Siddhattha Gotama tự nghĩ: Tất cả những phiền não ngủ ngầm, vi tế ấy chẳng có ai hay biết dấu loài người thông tuệ hoặc chư thiên, phạm thiên có nhiều năng lực. Cho chí những đạo sĩ tuyệt luân đắc bát thiên và ngũ thông như Kāḷadevīla cũng đành chịu. Hai vị đạo sư nổi danh về chứng đắc cùng với sự chấp thủ của họ cũng chỉ làm duyên nổi dài cho sự sanh tử, luân hồi vô tận mà thôi!

Thế rồi, với tuệ giác vô nhiễm, rạng ngời, trong sáng như pha lê, Siddhattha Gotama thấy rõ gốc nguồn căn cội của mọi khổ đau, phiền não là vô minh và ái dục. Nó tạo ra tất cả thế gian sinh tử. Vì vô minh, si mê, lầm lạc nên chúng sanh tạo tác các nghiệp trắng, nghiệp đen, nghiệp không trắng không đen. Duyên các nghiệp ấy, và cũng do năng lực của nghiệp ấy, một thức tâm tái sanh đi tìm kiếm

cảnh giới tương thích. Nó nương gá tinh cha và huyết mẹ để tượng thành một thai bào, ở đây có sự sống và ẩn tiềm dòng nghiệp riêng biệt của chính mình. Khổ vui, hèn sang, giàu nghèo, trí ngu, thọ yếu... kể cả di truyền, cá tính, thói quen, văn hóa, tín ngưỡng... đều được hạt giống ấy mang theo, bất ly, bất hoại để hình thành một chúng sanh mới, đời sống mới. Những danh tâm và sắc tướng với đầy đủ chủng nghiệp sẽ tượng hình nên mắt tai mũi lưỡi thân ý. Rồi, với thời gian, trong tương quan xúc đối với ngoại giới, chúng sẽ xuất hiện cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức. Cái gì vừa lòng, thích thú thì ôm nắm, níu giữ; cái gì không vừa ý, bất toại nguyện thì ghét bỏ, chối từ, phủ nhận. Tham sân khởi sanh để tạo tác những nghiệp hữu trong ba cõi, sáu đường. Rồi sanh, rồi già, rồi chết, rồi sầu, bi, khổ, ưu, não... như một vòng quay tất định không bao giờ ra khỏi. Vòng luân hồi luân quần loanh quanh ấy được kết nối với nhau bởi những chiếc khoen trong sợi xích sắt vĩ đại... Vào giữa canh ba, Siddhattha Gotama đã thấy rõ chúng. Muốn chấm dứt luân hồi sinh tử, khổ đau, phiền não thì phải biết tháo gỡ những chiếc khoen- mà chiếc khoen vô minh, si mê, lầm lạc là quan trọng nhất. Nếu sáng suốt, tỉnh giác, tỉnh thức, tuệ minh chiếu soi thì sẽ không có hành nghiệp, tạo tác nhân để mai sau gặt quả. Thức tìm kiếm tái sanh không còn thì ước vọng trở thành sẽ không có cơ hội nảy mầm. Và nếu không tham đắm, mê say các cảm thọ thì các chấp thủ làm sao hiện hữu được? Thủ không có thì hữu, tái sanh, già lão, sầu bi khổ ưu não sẽ rã tan như những hạt sương treo trên đầu nắng...

Khi thấy rõ toàn bộ sự vận hành duyên khởi ấy- tâm và tuệ của Siddhattha Gotama sáng trong như viên ngọc mani không tì vết. Ngài trú vào miền tĩnh lặng thâm sâu với sự hỷ hoan, lạc phúc như tràn đầy nội tâm và cả hư không giới. Như ai ăn người ấy no, như uống nước, nóng lạnh tự biết,

Siddhattha Gotama chứng nghiệm được điều mà thế gian chưa từng ai chứng nghiệm. Sự sinh, sự diệt của từng sát-na duyên khởi vô ngã tính giải thích toàn bộ khối khổ đau, nguyên nhân của nó, và con đường dập tắt mọi ảo tưởng, ảo giác của chúng hữu tình. Khi ảo tưởng, ảo giác không còn thì những sanh niệm trôi lăn sẽ tự động chấm dứt. Sự chấp thủ các uẩn, các hữu chợt rã tan như những đóm hoa, không thực hữu - khi có tuệ nhãn, trí thông, trí minh chiếu soi. Mọi tham muốn lằm lạc, sai với các định luật của nhiên giới, tâm giới, pháp giới sẽ không còn ảo ảnh đeo níu, mê đắm nữa. Tất cả đều được trả về nguyên trạng khi nó chưa từ biệt cố hương. Chưa bị vấy bẩn bởi bụi đỏ, bùn đen và cát tía. Trắng sáng. Hoa nở. Chim hót. Sương mù. Lá rơi. Suối chảy. Nhận biết. Lắng nghe. Cảm giác... Tất cả chúng đều hiện ra như chân như thực. Không cái gì bị che kín. Không cái gì bị mất đi. Không cái gì thường còn. Bất tử là vậy. Giá trị hằng cửu và ý nghĩa tối thắng của cuộc đời này phải được lập cước từ cái thấy biết toàn diện và chơn chánh ấy. Và đó là chánh kiến. Có cái thấy đúng ấy mới có cái suy nghĩ đúng - chánh tư duy. Có cái suy nghĩ đúng mới có nói năng đúng - chánh ngữ. Có nói năng đúng mới có hành động đúng - chánh nghiệp. Có hành động đúng mới có nuôi mạng đúng - chánh mạng. Có nuôi mạng đúng mới có nhiệt tâm, nỗ lực, tinh cần đúng - chánh tinh tấn. Có nỗ lực, tinh cần đúng mới có chú tâm, ghi nhận đúng - chánh niệm. Có chú tâm, ghi nhận đúng mới có được yên tĩnh, bình tĩnh, định tĩnh, tràm nhiên bất động trước mọi cơn gió bão của nội ngoại ma - chánh định. Đây là con đường. Là đạo lộ diệt tận khổ đau, phiền não. Là yếu chỉ, bí quyết giải thoát tất cả mọi bực, mọi lưu, mọi triền, mọi phược, mọi kiết, mọi sử... ngủ ngằm trong hố thẳm vô thức từ vô lượng kiếp. Là giáo pháp vô năng thắng. Là cái mà từ quá khứ, hiện tại, vị lai chưa có mặt trên cuộc đời...

Như vậy là cái thấy của Siddhattha Gotama đã ở ngoài sinh tử, đã vượt thoát sinh tử. Chẳng còn cái lưới nào bủa vây, nhốt kín tuệ giác của ngài được nữa. Sáng trong vắng vặc. Ngài mỉm cười như nụ hoa sen hàm tiếu. Hào quang từ nơi vầng trán của ngài chợt tỏa ra, vừa rực rỡ, ấm áp như tia nắng mặt trời, vừa dịu dàng mát mẻ như ánh sáng mặt trăng...

Thế là vào canh cuối, trăng sắp lặn, sao mai vừa mọc, tháng Vesākha, dưới cội cây Assattha, bên sông Nerañjarā, gần tụ lạc Uruvelā, Siddhattha Gotama đã chứng đắc quả vị Đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác; lúc ấy ngài vừa đúng ba mươi lăm tuổi...

Mười ngàn thế giới ngay sát-na ấy rung động dữ dội, quả đất dày bốn mươi do-tuần chao qua đảo lại như địa chấn. Giờ phút ấy đi vào vĩnh cửu. Chư thiên, phạm thiên hoan ca, vui mừng vì một đấng Toàn Giác đã xuất hiện trên thế gian. Giữa hư không, hoa trời tung bay và nhạc trời để cúng dường thời khắc linh thiêng và trọng đại này. Nếu ai có thiên nhĩ, sẽ nghe những lời đồng vọng tự lung chùng trời:

- Sādhu! Sādhu! Buddho uppanno! Sādhu! Sādhu! Buddho uppanno! (Lành thay! Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian rồi!)

Và cũng nhiệm mầu thay là những hiện tượng phi thường ở ngoài mọi định luật tâm giới và nhiên giới, chưa từng có trên thế gian, lại đồng lúc phát sanh một cách diệu kỳ. Đó là:

- Dẫu trái tiết, trái mùa nhưng muôn hoa đua nhau nở rộ và tỏa sắc, tỏa hương...

Mọi quả trái dù đắng, dù chua, dù chát chợt trở nên ngon, ngọt, thơm...

Những kẻ mù lòa, thông minh bẩm sinh, vui mừng vì đôi mắt bỗng trở nên sáng quắc, thấy rõ mọi vật xung quanh mình.

Những kẻ điếc lãng từ lúc chào đời chột nghe được mọi âm thanh..

Những kẻ bại liệt, từ nay có thể đi lại một cách dễ dàng...

Đặc biệt là tại địa ngục Lokantarika - cõi giới có từ quá báo của những chúng sanh dày sâu tà kiến, dù bảy mặt trời cũng không bao giờ rọi tới - hôm ấy, hào quang của đức Phật từ cõi Assattha xuyên qua những lớp bóng tối để chiếu soi tận ngục sâu âm u lạnh lẽo. Những chúng sanh này bỗng thấy được lẫn nhau.

Đức Phật Gotama, bây giờ chúng ta gọi ngài là thế, đang rọi ánh sáng để nhìn ngắm tự tâm nhưng đồng thời, ngài thấy biết luôn toàn bộ thế gian, thế giới. Thật bi mẫn, thương xót thay chúng sanh ngu muội. Chúng đã tạo tác những nhà tù thể xác rồi tự nhốt mình vào đấy, rồi khóc lóc, rồi sâu bi khổ ưu não. Ta cũng đã lang thang muôn triệu kiếp mới tìm ra khuôn mặt của kẻ tạo tác ấy. Nó chính là vô minh và ái dục. Chính nó đã tạo nên các uẩn, chòng chát từ lớp này đến lớp kia. Nói rõ và chi tiết hơn, người thợ, tên kiến trúc sư sinh tử xây cái nhà tù chính là ái dục (taṇhā - rāga), cái đòn dông chính là vô minh (vijjā). Còn toàn bộ cái sườn nhà là những ô nhiễm, phiền não (kilesa) như: Tham (lobha), sân (dosa), si (moha), ngã mạn (māna), tà kiến (micchādiṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā), tật (issā), hối (kukkucca), xan (macchariya), hôn trầm (thīna), thụy miên (middha), phóng dật (uddhacca), không biết hổ thẹn tội lỗi (ahirika), không biết ghê sợ tội lỗi (anottappa); rồi còn phi báng, cố chấp (mukkha-thambha), sợ hãi (bhaya), bạc ơn, phản phúc... Khi có định lực sung mãn, tuệ giác vàng vạc chiếu soi thì chúng hoàn toàn rã tan, rỗng không, vô tự tánh... Bất giác, đức Phật Gotama thốt lên một cảm hứng ngữ nội tâm trầm hùng, siêu thoát, có thể vang xa đến tận cùng vô lượng, vô biên thế giới:

“- Lang thang muôn kiếp luân hồi
Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà tù
Não phiền, đau khổ mịt mù
Vòng xoay, dòng chuyển thiên thu nhọc nhằn
Hỡi này anh thợ làm nhà!
Rui, mè, kèo, cột tiêu ma hết rồi
Đòn dông ái dục gãy đôi
Vô minh tạo tác muôn đời hoài công
Nhu Lai giải thoát sạch không
Niết-bàn vô lậu thông dong vĩnh hằng”⁽¹⁾

Đạo lớn đã tìm ra. Con đường bất tử đã được khai quang. Đức Phật Gotama xả thiền, rời cội cây Assattha, bây giờ được gọi là cây bồ-đề hoặc cây tuệ giác (bodhirukkha) lúc ấy phương đông trời vừa hừng sáng. Tràn đầy, sung mãn trạng thái giải thoát, ngài đi tới đi lui thọ hưởng hạnh phúc siêu thế. Gió ban mai nhẹ nhàng thổi, mát lạnh mang theo rất nhiều mùi thơm hương rừng cỏ nội. Ngài cảm nhận rất vẹn toàn, sâu sắc và tinh tế ngay cả những âm thanh cao thấp, gần xa của chim, của giun dế, của từng chiếc lá rơi khẽ. Mù sương bàng bạc lan kín cả mặt sông. Hoa đủ màu, đủ sắc từng chùm li ti chợt lay động, loang loáng nước. Dường như vạn vật xung quanh đều hiển hiện những niềm vui thầm lặng, nhiệm màu. Tất cả đều nhiệm màu dưới một ánh sáng khác lạ, mới mẻ. Có cái gì đổi mới, khoác lên cảnh vật một chiếc áo phiêu diêu, nhẹ nhàng, thanh khiết. Khổ đau không có mặt. Phiền não không có mặt. Nhưng cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức đều trôi chảy hòa bình, an lạc, trong

⁽¹⁾ Anekajāti samsāraṃ. Sandhāvissaṃ anibbisaṃ. Gahakāraṃ gavesanto. Dukkha jāti punappunaṃ. Gahakāraṃ! Diṭṭho’ si. Puna gehaṃ na kāhasi. Sabbā te phāsukā bhaggā. Gahakūṭaṃ visaṅkhitā. Visaṅkhāra gataṃ cittaṃ. Taṇhānaṃ khayam ajjhagā”

lành và vô nhiễm. Sự sống bây giờ được vận hành trong dòng chảy tinh khôi, trong lành và vô nhiễm ấy...

Suốt tuổi vị thành niên ưu tư, trăn trở, đến tuổi lập gia đình thấy mọi niềm vui, khoái lạc đều phù du, trống rỗng; tháng năm dài tìm cách giúp vua, cứu nước, đức Phật Gotama luôn cảm thấy mình làm cái việc của con dã tràng xe cát vì không giải mã được hồ thẳm của lòng người. Với ý chí kiên định, ngài thoát ly gia đình, vợ con, vương vị, quyết tìm ra con đường thoát khổ, giải trình giá trị và ý nghĩa vĩnh cửu cho nhân sinh. Suốt sáu năm dài đằng đẵng, nếm mật, nằm gai, chịu đựng sự khổ hạnh tối thượng, với nỗ lực siêu phàm, bây giờ lộ trình bất tử mở toang cánh cửa, đã được khai thông. Chưa có ai vĩ đại như ngài, chưa có ai kiêu dũng như ngài, và cũng chưa có ai cô độc như ngài. Cho chí những giây khắc khó khăn nhất, bên mình ngài cũng chẳng có ai, may nhờ những giọt sữa vi diệu của cô bé Punṇā. Có thể nói rằng, ngài đã nỗ lực tự mình, không nương nhờ ai mà cũng không có bất kỳ một vị thầy nào trên lộ trình khám phá sự thật⁽¹⁾ Tuy thế, chẳng phải ngài sáng tạo con đường, mà ngài chỉ tìm ra con đường xưa cũ, đã bị mù sương của vô lượng thời gian che khuất. Ngài chỉ là một con người, sinh ra và lớn lên như một con người, với xương thịt, ngũ quan, tình cảm, tinh thần cũng chỉ là một con người; nhưng nhờ tư duy có chiều sâu, biết giữ cảm xúc chừng mực, biết tra vấn và học hỏi, biết hoài nghi và biết trung thực; không dễ dàng chấp nhận những chân lý có sẵn, những lối mòn sơn son thếp vàng; dám đơn độc chiến đấu với cám dỗ, với truyền thống, với bản ngã cho đến lúc đứng trên đỉnh đầu sinh tử để ca khúc khai hoàn. Vậy ngài đúng là một vị Toàn Giác, một bậc Chánh Đẳng Giác do sự thấy biết chơn chánh và toàn

⁽¹⁾ Na me ācariyo atthi - một đạo sư, ta không có - ngài đã từng nói vậy..

diện. Ngài còn có khả năng truyền bá giáo pháp nên người ta tôn xưng ngài là bậc Chánh Biến Tri, là người phi thường (Acchariya manussa), là bậc làm chủ giáo pháp (Dhammassāmi - Pháp vương), là người ban bố pháp bất tử (Amatassa dātā), là người cho vật báu (Varado- vật báu chính là tâm từ bi thanh khiết nhất, trí tuệ sâu xa nhất và chân lý vi diệu nhất). Ngài còn được gọi Như Lai (Tathāgata - bậc đến như vậy), Ứng Cúng (Araham - xứng đáng được cung kính, tôn trọng, cúng dường), Minh Hạnh Túc (Vijjā-carana-sampanno - Trí vô thượng, Đức vô thượng), bậc Thiện Thệ (Sugato - khéo đi ra khỏi luân hồi), bậc Thế Gian Giải (Lokavidū - bậc thông suốt tam giới), Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu (Anuttaro Purisadammasārathi - bậc trượng phu vô thượng có khả năng chế ngự, nhiếp phục thân, khẩu ý mình và chúng sanh), Thiên Nhân Sư (Satthādevamanussānam - bậc thầy của chư thiên và nhân loại), Thế Tôn (Bhagavā - xứng đáng được xưng tán, tôn vinh), Phật (Buddho - bậc tỉnh giác, sáng suốt, tỉnh thức).

Thế là một vàng nhật nguyệt vừa xuất hiện trên thế gian. Lừng lững. Vàng vạc. Trí tuệ và từ bi. Còn soi sáng đêm ngày cho đến hết năm ngàn năm cùng nhân duyên với chúng sanh hữu trí.

Bốn Mươi Chín Ngày Sau Khi Thành Đạo

Giáo pháp vi diệu, sâu mầu vừa chứng đạt còn cần phải chiêm nghiệm nên đức Phật Gotama chưa vội đi đâu, ngài còn cần phải rà soát lại toàn bộ sự thấy biết ấy. Đây chính là thời gian mà ngài vừa thọ hưởng hạnh phúc siêu thế vừa làm cho hệ thống lại, chi tiết thêm cái kho tàng nội tâm vừa mới khám phá.

Tuần lễ thứ nhất, tại cội cây tuệ giác (Bodhirukkha), đức Phật Gotama trú tâm vào hơi thở và lát sau, ngài nhẹ nhàng đi vào tứ thiền; rời tứ thiền, ngài lên bốn tầng thiền vô sắc; rời phi tưởng, phi phi tưởng, hai sát na sau, ngài đi vào diệt thọ tướng định, yên lặng cảm giác và tri giác để nghỉ ngơi, tịnh dưỡng trong cõi Niết-bàn, thọ hưởng hạnh phúc siêu thế (Vimuttisukha). Bảy ngày qua đi nhưng thời gian chỉ như cái chớp mắt, đức Phật Gotama xả định Diệt thọ tướng, lần lượt xuống Phi tưởng phi phi tưởng, xuống Vô sở hữu... rồi trở lại sơ thiền... lên lại tứ thiền, xuống cận hành để chiếu soi, xem xét lại giáo pháp duyên khởi. Đây là một loại giáo pháp tế vi, sâu nhiệm, phải cần được khám phá một cách toàn diện và triệt để. Giáo pháp này rất mới mẻ, đi ngược với truyền thống ngàn xưa từ suối nguồn kinh điển Vệ-đà. Vậy muốn truyền bá cho nhân gian dễ thấy, dễ biết, dễ thuyết phục thì phải tỏ tường tận chân tơ kẽ tóc mỗi sát-

na tư tưởng, tâm niệm, trạng thái, cái tạo nên dòng chảy duyên khởi phức tạp ấy. Vô thường, vô ngã và dukkha cũng từ đây mà dấy sanh, mà nhận biết, mà chứng nghiệm. Thế là trong minh nhiên vắng lặng và trong suốt, đức Phật Gotama thấy rõ từng vòng khoen, dính trong nhau, tiếp lực cho nhau, tan hòa trong nhau; và, quá khứ, hiện tại, vị lai dường như không có gián cách, chẳng có kẽ hở nào. Tùy thuộc vô minh, hành sinh khởi. Tùy thuộc hành, thức sanh khởi. Tùy thuộc thức, danh sắc sanh khởi. Tùy thuộc danh sắc, lục nhập sanh khởi. Tùy thuộc lục nhập, xúc sanh khởi. Tùy thuộc xúc, các cảm thọ sanh khởi. Tùy thuộc cảm thọ, ái sanh khởi. Tùy thuộc ái, các thủ sanh khởi. Tùy thuộc thủ, các hữu sanh khởi. Rồi sanh, rồi già, rồi chết, rồi sầu bi khổ ưu não chi phối toàn bộ chúng hữu tình. Vòng luân hồi thế là đã lập định. Muốn chấm dứt vòng tái sanh luân chuyển rồi mù và kiên cố ấy, ngài đã tìm ra. Cứ gỡ một khoen là chúng sẽ đứt lìa, nhất là cái khoen vô minh. Chấm dứt vô minh thì hành chấm dứt. Chấm dứt hành thì thức chấm dứt. Chấm dứt thức thì danh sắc không thể sanh khởi. Không có danh sắc thì sẽ không có lục nhập. Chấm dứt lục nhập thì xúc chạm vào đâu. Không có xúc thì làm sao có ái. Không có ái thì thọ đoạn trừ. Không có thọ thì không có thủ. Không có thủ thì không có hữu. Không có hữu thì không có sanh. Với sự chấm dứt sanh thì già bệnh chết, và toàn bộ khổ đau khổ-sầu bi khổ ưu não - sẽ chấm dứt. Muốn tỏ tường hơn nữa, ngài quán sát chiều xuôi và chiều ngược vòng duyên khởi ấy nhiều lần. Chẳng có chỗ nào là không hiện ra một cách thông tỏ, minh bạch. “Khi nhân này có thì có quả này. Có sự phát sanh của nhân này thì có quả này phát sanh. Khi nhân này không có thì quả này không thể có mặt. Nếu nhân này chấm dứt thì quả này chấm dứt.” Đức Phật Gotama vào đêm cuối của tuần lễ thứ nhất ấy, ngài thốt lên câu kệ cảm hứng ngữ như một khúc ca khai hoàn:

“- Quả thật là như vậy, chân lý đã hiển hiện minh nhiên trước tuệ nhãn thâm sâu của ta. Bao nhiêu hoài nghi, tối tăm đã được vén mở, phủi sạch. Toàn bộ khối đau khổ ta đã tìm thấy nguyên nhân và ta đã tận diệt chúng không còn dư tàn.”

Tuần lễ thứ hai, lúc vầng dương vừa ló dạng, đức Phật Gotama xả thiền, bước ra xa chùng hai mươi tầm thốt nốt, hướng đông bắc, đứng nhìn cội cây ân nghĩa đã che sương đỡ nắng cho ngài suốt thời gian qua. Ngài biết là rồi ngài sẽ ra đi, già biệt người bạn vô tình này. Một cọng cỏ, một chiếc lá ở nơi đây đã cùng với ngài mà hiện hữu, đã cùng với ngài mà nói lên sự sống vô cùng; huống gì cội bồ-đề, cây tuệ giác này, là người bạn, là chứng nhân cho sự giác ngộ viên mãn và rốt ráo của ngài. Thế rồi, đức Phật Gotama đứng nhìn đăm đăm và bất động cội Bodhirukkha, không đôi oai nghi. Bảy lần nắng, bảy lần sương, bảy lần mặt trời mọc và lặn, bảy lần mặt trăng lên và xuống... ngài không chớp mắt, liên tục nuôi dưỡng những sát-na tâm tĩnh lặng, thanh bình. Ngài muốn để lại cho thế gian một bài học về hạnh tri ân.

Tuần lễ thứ ba, suốt nửa tháng, thấy đức Phật Gotama cứ luẩn quẩn loanh quanh tại cội bồ-đề, một số chư thiên hoài nghi không biết ngài đã thật sự chứng đắc đạo quả hay chưa? Và pháp giác ngộ của một bậc Chánh Đẳng Giác được nhiều vị trời có nhiều oai lực ca tụng, tán thán ấy ra sao? Thấy rõ tâm ý ấy, đức Phật Gotama đã dùng thần thông, tạo một con đường bằng ngọc (ratana camkamana) giữa hư không, từ chỗ ngài đứng đến cội bồ-đề, rồi đi kinh hành lui tới suốt cả bảy ngày trên ấy. Chưa thôi, ngài còn vận dụng một loại thần thông trao truyền tư tưởng cho số chư thiên ấy biết rằng, ngài còn có chín đức tánh vô thượng, mười tuệ lực viên mãn, bốn pháp vô úy siêu việt, bốn năng lực chở che bất hại, bốn trí biện thông vô ngại, bốn vô lượng tâm với chúng sanh, Ba Mươi Ba-la-mật tối thắng, tròn đủ sáu thông, tám minh, mười lăm hạnh và còn nhiều hơn thế nữa. Hiểu

xong, biết xong, thấy xong, số chư thiên ấy hoan hỷ tán thán không hết lời. Hoa mạn-thù tung bay phát phối.

Tuần lễ thứ tư, đức Phật Gotama dùng thần thông, kiến tạo một ngôi lầu bằng ngọc (ratanaghara) ở hướng Tây Bắc, tượng trưng cho ngôi lầu giáo pháp rồi ngài ngự ở trong ấy, quán chiếu, soi tỏ những trạng thái sanh diệt của những sát-na tâm. Những dòng tâm đi qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Những dòng tâm dục giới, sắc giới, vô sắc giới và siêu thế giới. Sự diễn tiến, vận hành của danh sắc từ thô đến tế. Tuệ soi đến đâu là ngài thấy rõ đến đấy. Chỉ cần hướng tâm, là ngài thấy rõ dòng tâm của cả con kiến, con ruồi, chim, thú dữ, kẻ đui mù, người điếc lãng, ngạ quỷ, chư thiên, địa tiên, a-tu-la. Ôi, quả thật là vi diệu, sâu nhiệm, ngại rằng có giảng nói cũng chẳng ai biết, ai thấy, ai tin! Các danh pháp sinh diệt nhanh quá, ngay một sát-na đã có ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt. Ngay một sắc pháp, có cái còn tế vi tợ hư không. Thế mà chính chúng, cái nhỏ nhiệm tưởng như không thấy ấy, nó là nhân, là duyên, tương hệ duyên phức tạp để tạo nên thế gian, thế giới, nhân sinh, hữu tình, vô lượng vô biên dòng chảy, những rừng thống khổ, những biển nước mắt! Thế là suốt bảy ngày, đức Phật Gotama đã phác thảo bố cục, nội dung, chi tiết toàn bộ tạng Abhidhamma. Thế rồi, ngài hình dung, sau này, tòa nhà lầu giáo pháp, phải lấy bốn niệm xứ làm nền móng, bốn cây cột vững chắc chính là bốn thần túc, vách tường phải được dựng lên, ngăn chặn bất thiện pháp - chính là Luật giới. Rủi, mè, đòn tay, các chi tiết phụ khác chính là tạng Kinh. Abhidhamma chính là nóc lầu. Trong khi tuệ đi sâu vào tâm để thấy những vi tế, phức tạp của những sát-na nhân duyên và duyên hệ (sau này là bộ Paṭṭhāna - tinh hoa của tạng Abhidhamma) cả thân và tâm đức Phật Gotama trở nên sáng trong và tinh khiết, tỏa ra vòng hào quang sáu màu, đó là xanh dương (nīla), vàng

(pīta), đỏ (lohita), trắng (odāta), cam (majjettha) và trộn lẫn năm màu thành màu thứ sáu (pabhassara).

Tuần lễ thứ năm, đức Phật Gotama bước qua hướng Đông của cội bồ-đề, tọa thiền dưới bóng cây Ajapālanigrodha, thọ hưởng hạnh phúc vô vi, giải thoát. Vào ngày cuối, có một người bà-la-môn ngã mạn (hukumkajātika) đi ngang, dừng lại hỏi:

- Này sa-môn! Ông hạ thủ công phu tu hành như vậy, nhưng có biết, đứng ở phương diện nào ta có thể trở thành thánh nhơn? Nói cách khác, có những điều kiện, nguyên nhân nào để trở thành bậc thánh nhơn?

Đức Phật Gotama đã trả lời bằng bài kệ:

“- Xa lánh mọi điều xấu xa, tội lỗi, không còn ngã mạn (hukumka), đã tịnh hóa mọi ô nhiễm, chế phục, điều ngự lục căn, thông suốt pháp học và chơn chánh, sống đời phạm hạnh thiêng liêng - người ấy được gọi là thánh nhơn. Vị ấy không còn tham sân, phóng dật dù ở đâu trên thế gian này!”⁽¹⁾

Nội dung pháp thoại như đọc được tâm hành của mình, sợ hãi quá, người bà-la-môn lủi mất.

Sau đó, còn một biến cố khác: Ba người con gái của Ma vương là Tanhā (tham ái), Arati (tật đố) và Rāga (dục ái) đã dùng đủ mọi cách để quyến rũ đức Phật Gotama nhưng thất bại.

Chuyện là, sau khi dẫn thiên binh, thiên tướng thảm bại trở về, Ma vương rầu rĩ. Siddhattha Gotama đã chiến thắng, có nghĩa là danh vọng, tiếng tăm, quyền uy của Ma vương từ nay sẽ bị suy giảm. Thấy Ma vương cứ thở vắn, than dài, không thiết gì đến những thú vui ngũ dục tối thượng của cõi

⁽¹⁾ Udāna

trời, ba người con gái tìm hỏi đầu đuôi tự sự. Sau khi hiểu rõ, họ đồng thanh cười phá lên. Nói rằng:

- Trên thế gian này, chẳng ai có thể thoát khỏi quyền uy của nữ giới; trái tim người đàn ông dầu sắt đá, dầu như làm chủ được mình, nhưng sẽ ngã gục bởi sắc đẹp thiên kiều bá mị, bởi tiếng nói hoa cười ngọc thốt, bởi mùi hương nữ tính quyến rũ. Phụ vương hãy giao nhiệm vụ ấy cho chúng con.

Ma vương dầu không còn tin tưởng gì lắm, do nghĩ đến ngũ dục tối thượng ở ba tòa Cung Vui, thái tử cũng không mê đắm nhưng chẳng có kế sách nào khác, đành phải gật đầu đồng thuận. Thế là ba cô thiên nữ, vốn đã sẵn có sắc đẹp mỹ diệu, vóc ngọc, dáng ngà, đào tơ, sen ngó chột biến hóa thành ba nữ vương sắc đẹp xứng đáng đội vương miện hoa hậu tam giới, dẫn theo một đoàn ca nữ, nhạc nữ, vũ nữ cùng những nhạc khí tối thượng, trong nháy mắt đã dập dờn xung quanh cội cây Ajapālanigrodha. Thế rồi đàn, sáo, kèn du dương trầm bổng trỗi lên. Tiếng hát lời ca ma mị, cuốn hút, đắm mê, đắm say tán dương ái tình, dục vọng thể xác đồng một loạt như những mũi tên hoa dụ dàng, tâm độc, phóng thẳng vào tim đức Phật Gotama. Chưa thôi, hòa theo tiếng nhạc là những vũ điệu mềm mại, uyển chuyển, lướt trôi, phơi phới, nhẹ bay những tấm xiêm lụa mỏng như mây, ẩn hiện những tòa thiên nhiên bông đảo lẳng lơ, khêu gợi. Tuy nhiên, đức Phật Gotama vẫn an nhiên, tràm nhiên, thanh tịnh, bất động. Thấy bọn thiên nữ không lay chuyển, rung động được người đàn ông trác việt, phi phàm, ba cô con gái nháy mắt với nhau đồng ra tay. Họ dùng thần lực biến hóa ra từng khung cảnh, từng kỷ niệm, từng giai đoạn tình tự và ân ái mặn nồng trước đây giữa thái tử và Yasodharā. Từ xiêm áo, màu sắc, nước da, suối tóc, khuôn mặt, vóc dáng, giọng nói, ánh mắt, gót sen, búp tay; tất cả đều y hệt công nương Yasodharā. Và ba đoạn, ba cảnh là ba Yasodharā thuở xưa: Tại cuộc thi hoa hậu, thi võ nghệ và tuần trăng mật. Lại còn

từng giọng bướm ong, lời chẵn gối, cứ thủ thủ thù thù như rót đường, rót mật vào tai. Ôi, biết bao nhiêu là mận nồng, xao xuyên do hương hoa, hương xiêm y, hương da, hương tóc, hương kỷ niệm, hương cả một cuộc đời thanh xuân, tươi trẻ như cơn mưa tình xối xả đổ xuống tâm trí, gợi nhắc những hoài niệm ngọt ngào hầu quyến rũ đức Phật Gotama. Ô, thật kinh khiếp thay là quyền lực vô địch của sắc thanh hương cõi trời! Tuy nhiên, chỉ như làn gió nhẹ xao qua cành lá, mặt phẳng tâm hồ của ngài chẳng gợn lên một tí nào, chẳng thể làm xao động được những sát na thâm sâu của đại định. Đức Phật Gotama mở mắt ra, mỉm nụ cười như đóa sen xanh rồi nói với các nữ ma:

- Vô lượng sắc đẹp mỹ miều, âm thanh khả ái, hương vị khả lạc, Như Lai đã chiến thắng, đã bước qua, đã giải thoát tất cả chúng rồi. Chẳng còn quyền lực nào trong tam giới có thể chỉ huy, sai khiến hoặc quyến rũ Như Lai được nữa. Khêu gọi bản năng tính dục là đòn phép tối thượng mà các người vừa biến hóa, chưng bày, trình diễn cũng không thể chinh phục được Như Lai. Đằng sau chúng là vị đắng, chua, chát, gai máu, dơ bẩn, độc dược, nước mắt, hận thù, địa ngục và ngạ quỷ. Chúng sanh cứ hối hả, hốt hải, triền miên nhảy vào chiếc lưới quý quái, xảo quyết của các người, bị các người trói chặt từ vô lượng kiếp rồi. Thôi, các người hãy tự tan biến đi! Hãy trở về với cái bầu bóng tối si mê và dục vọng vô tận, vô độ của các người, của ma chúa các người!

Lời nói chân thật có uy lực bất khả tử của đức Phật Gotama, nhiệm màu thay, chúng ma nữ, tức khắc tan vào bóng tối, trả lại khung cảnh thanh bình, trời quang, mây rạng. Lũ chim quanh rừng chọt cát tiếng hót líu lo, riu rít. Mấy chú nai con không biết ở đâu đến, nằm yên lặng gần bên, đưa những đôi mắt tròn, đen lay láy nhìn ngài với vô vàn sự triu mến và tin cậy.

Tuần lễ thứ sáu, đức Phật Gotama bước qua hướng Đông của cây Ajapālanigrodha, tọa thiền dưới bóng cây Muccalinda để chiêm cảm niềm vui siêu thế. Bất chợt, gió lạ thổi tới, càng lúc càng mạnh, mây đen vùn vủ kéo đến, sấm chớp đi đùng nổi lên, rồi một trận mưa xối xả tơi trời, tơi đất phủ dập núi rừng. Có chú rồng rất lớn ở một cái hồ sâu gần đấy, hằng đêm trông thấy hào quang lóng lánh sáu màu kỳ lạ của đức Phật Gotama, tò mò, ngạc nhiên tìm đến. Sau khi quan sát một hồi, chú rồng tự nghĩ: Vị này là ai mà tướng mạo oai phong, tươi đẹp, cao sang, quý phái tốt bụng như thế này? Chắc không phải là người! Vậy là thần, là chư thiên, phạm thiên chăng? Đức Phật Gotama biết được ý nghĩ của rồng, dùng thần thông, chỉ trong một vài niệm là trao gửi thông tin, cho rồng biết rõ ngài là Phật, đã tận diệt mọi khổ đau, phiền não, đã ở ngoài tam giới, hiện tại, luôn có những vị trời, quân của Tứ đại thiên vương (Cātummahārāja) túc trực, hầu hạ bên cạnh. Sung sướng, hạnh phúc quá, rồng tự nghĩ: Vậy đây là phước báu hy hữu của ta, ta phải dùng thần thông, chớ che cho ngài trong suốt thời gian mưa to gió lớn này. Nghĩ thế xong, rồng quấn quanh kim thân đức Phật Gotama bảy vòng, hóa ra bảy cái đầu như bảy cái tàn lọng vĩ đại, che kín, không để cho bất kỳ một hạt mưa nào xâm phạm, rơi đọng chéo y của ngài. Trận mưa thật là kinh hoàng và dai dẳng, suốt gần một tuần lễ mới dứt. Sau khi trời trong, mây tan, gió lặng, rồng gỡ mình ra, hóa thành một thanh niên, cung kính, năm vóc sát đất đánh lễ ngài. Đức Phật Gotama tán thán công đức của rồng, sau đó, nói một bài kệ:

“- Đã nghe, đã thấy chân lý, sống tri túc, ẩn dật là hạnh phúc. Biết thu thúc, có tâm lành tốt đối với mọi chúng sanh là hạnh phúc. Không luyến ái, vượt lên khỏi dục vọng tầm

thường là hạnh phúc. Phá được ngã chấp, ngã ái là hạnh phúc tối thượng”⁽¹⁾.

Tuần lễ thứ bảy, đức Phật Gotama bước đến phía bên phải cội cây Muccalinda, ngồi dưới tàn cây Rājāyatana, an nhập diệt thọ tướng định...

Thế là suốt bốn mươi chín ngày, đức Phật Gotama không ăn; ngài duy trì mạng sống, sức khỏe nhờ vào mâm vàng cơm sữa kỳ diệu bốn mươi chín vắt, bằng trái thốt nốt, của nàng Sujātā, con gái của triệu phú Senānī. Cơ thể của ngài tuy có gầy ốm nhưng thần sắc vẫn tươi rạng, thần khí vẫn sung mãn do được nuôi dưỡng bởi pháp lạc của thiền, pháp lạc của quả, pháp lạc của giải thoát. Thời gian này, đức Phật Gotama đã chiêm nghiệm, rà soát lại toàn bộ giáo pháp mà ngài đã kiếm tìm được, chứng ngộ được. Chúng vện toàn, châu biến, mỹ mãn chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối.

Tại nhân gian là vậy, nhưng ở thế giới tưởng như vô hình, chư thiên, phạm thiên vẫn theo dõi ngài, nhất là những vị có căn cơ sâu dày với thiện pháp, những vị đã từng tạo ba-la-mật cùng với ngài trong nhiều tiền kiếp xa xăm. Sốt sắng, nhiệt tình và nhiều tín tâm nhất chính là Tứ đại thiên vương và vua trời Sakka. Trong không gian thanh lặng, họ bảo vệ ngài rất chặt chẽ, nghiêm cẩn, chu đáo. Bởi vậy, thấy đức Phật Gotama xả thiền sau khi nhịn ăn suốt bốn mươi chín ngày, trời Sakka hóa thân thành một người chăn bò, tình cờ đi ngang, nghe ngao ca hát, rồi biếu tặng ngài một nắm trái ca-na chín vàng, bảo là sa-môn hãy ăn cho vui miệng. Đức Phật Gotama mỉm cười thọ nhận, ngài biết đây là trời Sakka; lại càng biết trong những trái ca-na kia, ông ta

⁽¹⁾ Từ Udāna: “Sukho viveko tuṭṭhassa sutadhammassa passato. Abyāpajjham sukham loke pānabhūtesu samyamo. Sukhā virāgalā loke kāmānaṃ samatikkamo. Asmimānassa yo vinayo etaṃ veparama sukho”.

đã thành tâm, cần trọng tâm đầy thực phẩm tinh tế, vi diệu của cõi trời để cúng dường. Ngài nói:

- Như Lai chúc phúc cho người. Thiện pháp càng gieo trồng thì quả trái mai hậu càng thịnh mãn, ngọt ngào hương sắc. Như Lai và người còn nhiều nhân duyên gặp gỡ.

Hôm sau, có hai vị thương gia, tên là Tapussa và Bhallika; họ là hai anh em ruột, với năm trăm cỗ xe hàng hóa, từ Ukkala trên đường đến sông Gaṅgā, theo lộ trình thiên lý trở lại quê nhà, đang dừng nghỉ dưới một cội cây gần đó. Có một vị thiên, kiếp trước là quyến thuộc của hai người ấy, nghĩ rằng: “Con đường thương mãi, con đường kiếm tiền làm giàu là niềm đam mê của họ. Giàu rồi thì muốn giàu thêm. Đây là cái hố tham không đáy. Miệt mài tích lũy của cải, bạc vàng là nắm mồ chôn biết bao tâm địa si ác của con người. Càng tích lũy thì càng ích kỷ, càng sa lầy vào những hành nghiệp xấu ác. Ta rất xót thương họ. Ta muốn giúp đỡ họ. Ta phải tạo duyên cho họ biết làm phước, cúng dường, biết gieo trồng thiện pháp - nhất là gieo vào đám ruộng đệ nhất thượng đẳng điền.”

Nghĩ là làm, vị thiên dùng thần lực làm cho cả năm trăm cỗ xe, mặc dầu được cột rịt kiên cố bởi năm trăm con bò kéo, tự dưng một ngàn bánh xe bị quay tròn, trong lúc xe vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Lạ lùng quá, ngạc nhiên quá, hai vị thương gia cùng những người giúp việc, chạy đến níu giữ xe lại. Vẫn không ăn thua, những bánh xe vẫn thản nhiên quay! Kinh dị, sợ hãi, tái mặt... họ đồng quỳ xuống lạy như tế sao, van vái thần trời, thần đất, thần cây xin tha cho họ, xin đừng trừng phạt họ nữa. Lúc này, vị thiên mới hiện thân ra với thân sắc cao sang, chói sáng, đứng giữa hư không, uy nghi, lẫm lẫm, đẹp một ngàn lần hơn vua chúa của cõi người. Vị thiên nói:

- Ta không làm hại hai vị đâu. Trong quá khứ, ta và hai vị có một lần là cùng chung huyết thống. Hiện tại, do chút

phước kiếp trước, ta sanh làm một vị trời nhỏ nhỏ. Ta muốn giúp hai vị biết hướng thiện quay đầu, trở về với thiện pháp để được lợi ích lâu dài...

Nói thế xong, vị thiên đưa tay chỉ về hướng cội cây Rājāyatana, nói rằng:

- Cách đây không bao xa, chỉ chừng một tầm cây cung, có một vị Phật, một bậc Chánh Đẳng Giác vừa ra đời. Đây là một bậc vô thượng mà chư thiên, Tứ đại thiên vương, Chúa chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, Phạm thiên... đều phải quy ngưỡng, cung kính, cúng dường. Thật là duyên lành hy hữu cho hai vị. Ngay bây giờ, hãy chuẩn bị bánh bột rang và mật ong⁽¹⁾ để đến dâng cúng cho ngài. Đã bốn mươi chín ngày, ngài không ăn. Vậy cúng dường vào lúc này là phước quả sẽ trở sanh như rừng, như biển...

Nói xong, vị thiên biến mất. Hai vị thương gia rùng mình, kinh cảm. Một vị trời nhỏ nhỏ mà năng lực, phước tướng như thế ấy, huông hồ... Với sự kính trọng vô biên và niềm hoan hỷ dạt dào, họ mang bánh sattū và madhu tìm đến cội cây vị thiên đã chỉ. Thấy vị sa-môn với tướng hảo quang minh, oai nghiêm mà dịu hiền, như mặt trăng và mặt trời cùng giao hòa với nhau mà lung linh tỏa rạng; cả hai cùng quỳ xuống, rồi thưa:

- Chúng con từ xa đến, nhờ có một vị thiên quyền thuộc chỉ bày; xin được thành kính cúng dường ngài chút vật thực mọn mảy; mong ngài hoan hỷ và bi mẫn thọ dụng để cho chúng con được lợi lạc dài lâu.

Đức Phật Gotama tự nghĩ: “Bây giờ ta không có bát, chẳng rõ các vị Phật quá khứ có khi nào thọ nhận vật thực bằng tay không?” Ngay khi ấy, đọc được tâm ý của ngài, Tứ đại thiên vương tức khắc vân tập, hiện nguyên hình, dâng

⁽¹⁾ Sattu và madhu - là lương thực mà khách lữ hành thường mang theo bên mình, thời bấy giờ.

cho ngài bốn cái bát bằng đá của cõi trời. Ngài nhận cả bốn cái bát, sau đó, dùng thần thông, nhập bốn cái làm một rồi thọ lãnh bánh bột rang và mật ong của hai vị thương gia.

Ngài độ thực xong, họ dâng nước và tắm rửa răng. Với vài lời ngắn gọn, đức Phật Gotama phúc chúc đến họ rồi giảng cho họ nghe biết Phật là gì, giác ngộ, giải thoát là gì; giáo pháp, tức là con đường thoát khổ ấy ra sao.

Hoan hỷ quá, hai người thương gia quỳ mọp xuống, nếm vóc sát đất, đồng thốt lên:

- Xin ngài cho chúng con được nương tựa, được gieo duyên với ngài cùng với giáo pháp thoát khổ ấy!

Đức Phật Gotama mỉm cười:

- Ủ, hai ông là hai người đầu tiên trong giáo pháp của Như Lai đây; vậy thì phải nói như thế này cho được đúng hơn: “Buddham, saranam gacchāmi. Dhammam saranam gacchāmi” (Tôi đi đến nương tựa nơi đức Phật. Tôi đi đến nương tựa nơi giáo pháp.)

Hai người thương gia y lời vập đầu đọc lại ba lần.

- Thế là hai ông trở thành đệ tử đầu tiên của Như Lai trên thế gian này đây.

Tapussa và Bhallika vòng tay, cúi đầu rồi thưa:

- Chúng con ở rất xa, là người nước ngoài, lần này về, không biết lúc nào trở lại Māgadha. Vậy xin ngài cho chúng con một vật gì đó để chúng con tưởng niệm, để hằng nhớ đến ngài và giáo pháp.

Đức Phật Gotama tiện tay đưa lên đầu, lấy mấy sợi tóc rồi trao cho hai người khách thương - có tám sợi - rồi nói:

- Các ông vậy là có đại nhân duyên. Mấy sợi tóc của Như Lai không phải đơn giản. Sau này, lúc Như Lai nhập

diệt rồi, ở xứ các ông sẽ thịnh hành giáo pháp diệt khổ nhiều ngàn năm⁽¹⁾.

Hai người thương gia vừa đi một lát, đức Phật Gotama ngồi suy nghiệm, có một số ý nghĩ nảy sanh:

- “Giới đức, hạnh đức ở nơi ta đã chu toàn, viên mãn. Định thế gian và thánh quả định, ta cũng chu toàn, viên mãn. Tuệ ba cõi và tuệ siêu thế, ta cũng đã tròn đầy và châu biến. Pháp giải thoát từ cạn vào sâu, từ trong ra ngoài ta đều cởi bỏ toàn diện, rộng không, chẳng có gì dính mắc. Vậy trên thế gian này có ai tối thượng hơn để ta có thể đến thân cận, học hỏi, lễ bái, cung kính và tôn trọng?”

Sau đó, đức Phật Gotama hướng tâm đưa tuệ vô biên nhìn khắp ba cõi bốn loài, mười phương thế giới, cảm thán, ngài thốt lên:

-“Thật cô độc làm sao! Ta đã nhìn khắp thế gian, thế giới mà ta không thấy ai trong cõi người và trời, sa-môn, bà-la-môn, ma vương, chư thiên hay phạm thiên có giới đức, giới hạnh, giới tạng (sīkhakkhanda) hơn ta để ta có thể đến để thân cận, học hỏi, để tỏ lòng tôn kính, lễ bái, sùng mộ!

Và ta cũng đã nhìn khắp thế gian, thế giới, khắp các cõi trời và người, nhưng không tìm thấy một sa-môn, bà-la-môn, ma vương, chư thiên, phạm thiên nào có định đức, định hạnh, định tạng (samādhikkhanda), có tuệ đức, tuệ hạnh, tuệ tạng (paññākkhanda), có giải thoát đức, giải thoát hạnh, giải thoát tạng (vimuttikkhanda) hơn ta để ta có thể đến để thân cận, học hỏi, để tỏ lòng tôn kính, lễ bái, sùng mộ!”

Rồi tư tưởng sau đây phát sanh đến ngài:

“- Vậy, giáo pháp, pháp báu, pháp tạng này (dhammakhanda) là tối thượng tôn, là vô năng thắng - hay

⁽¹⁾ Hai thương gia này là người Myanmar, 8 sợi tóc sau này được thờ tại đại tháp Shwedagon, hiện nay là bảo vật, là niềm hãnh diện và vinh quang của người Myanmar.

ta hãy tỏ lòng tôn kính, lễ bái, sùng mộ cái giáo pháp mà ta vừa chứng ngộ?”

Lúc ấy, phạm thiên Sāhampati, bạn thân của ngài từ thời đức Phật Kassapa, với thời gian chớp mắt, sử dụng thần thông, như viên lực sĩ duỗi cánh tay đã hiển hiện bên cội cây Rājāyatana, cung kính chấp tay rồi nói rằng:

- Quả thật vậy, thừa đức đạo sư vô song (satthā anuttaro), bậc thượng hơn vô tỉ, những bậc Ứng Cúng, những đức Chánh Đẳng Giác trong quá khứ đều tỏ ra tôn kính và sùng mộ giáo pháp này.

Những bậc Ứng Cúng, những đức Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai cũng tôn kính và sùng mộ giáo pháp này.

Vậy bậc đức Thế Tôn, cầu xin ngài cũng là bậc Ứng Cúng, đức Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, hãy tôn kính và sùng mộ giáo pháp ấy.

Phạm thiên Sāhampati còn nói thêm rằng: Những bậc Chánh Biến Tri trong quá khứ, vị lai và hiện tại, đã, đang và sẽ giúp cho nhiều người được thoát khổ, tất cả những vị ấy, đã, đang và sẽ tôn kính giáo pháp cao thượng. Đó vốn là đặc tánh, là phẩm hạnh, là diệu dụng của chư Phật ba đời. Vậy, sau này, ai muốn tìm lợi lạc cho mình và với ước nguyện được trưởng thành trong đời sống cao đẹp, tầm cầu giác ngộ, giải thoát, họ phải biết tôn kính giáo pháp vô song ấy.

Nói xong, thừa thỉnh xong những điều cần thiết, phạm thiên Sāhampati nhiễu ba vòng về phía hữu, quanh đức Phật Gotama, tỏ lòng tôn kính rồi biến mất giữa hư không.

Rời cội cây Rājāyatana, đức Phật Gotama kinh hành trở lại cội cây Ajapālanigrodha, an tịnh và ngồi xuống, những ý nghĩ khác lại dấy khởi:

- “Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ, quả thật là thậm thâm vi diệu, vắng lặng, cao siêu, tế nhị; lại ở ngoài phạm vi của lý luận, suy đoán, kiến thức và hiểu biết thường phàm nên rất khó thấy, khó biết, khó lãnh hội, ngoại trừ

những bậc thiện trí may ra mới thấu hiểu. Lại nữa, thế gian quen sống trong luyến ái, đam mê nhục dục ngũ trần thì làm sao nắm bắt được lý nhân quả tương quan, pháp tùy thuộc phát sanh, duyên hệ, duyên hệ duyên, vốn là giáo pháp cốt tủy, tinh yếu thường không thể để dành cho những đầu óc nông cạn, hời hợt, lười biếng, phóng dật, tối tăm và nhiều vọng tưởng. Và Niết-bàn nơi chấm dứt mọi hiện tượng phát sanh có điều kiện, hữu lậu, nơi từ bỏ mọi khát vọng, chỗ tiêu diệt mọi tham ái, luyến ái buộc ràng, cũng là một vấn đề ở ngoài tầm quyền của trí năng thường nghiệm, khó khăn vô cùng. Nếu Như Lai truyền dạy giáo pháp ấy thì chúng sanh sẽ không lãnh hội được. Thật là phí công vô ích! Thật là phí công vô ích!”

Lát sau, những tư tưởng sau đây lại phát sanh đến ngài, như là sự đúc kết của mọi bản khoản, do dự:

“- Quả vậy, Như Lai đã khó khăn, gian lao vất vả lắm mới chứng ngộ được giáo pháp này. Nhưng giáo pháp ấy sâu kín quá, tế nhị quá, người còn mang nặng tham ái và sân hận thật không dễ gì thấu triệt. Chúng sanh bị bao trùm trong si mê và ái dục, tâm trí bị che phủ bởi đám mây đen kịt thì làm sao thấy được ánh sáng chân lý? Giáo pháp này lại đi ngược dòng đời nữa thì làm sao mà phổ biến giữa cuộc đời? Vậy ta chưa thể lên đường truyền bá trong lúc này!”

Đọc được ý nghĩ của đức Thế Tôn, phạm thiên Sāhampati sợ rằng, nếu đức Phật quyết định không đi truyền bá giáo pháp, và, vì chúng sanh không nghe được pháp diệt khổ thì thế gian sẽ bị tiêu vong nên một lần nữa, xuất hiện, và thỉnh nguyện rằng:

- Xin thưa với đức Thế Tôn! Kính thỉnh nguyện ngài hãy lên đường truyền giáo. Cầu xin đức Đại Bi hãy gióng trống pháp bất tử! Nếu giáo pháp nhiệm màu không được tuyên dương thì tam giới sẽ bị bốc cháy, thế gian sẽ bị diệt vong. Có những chúng sanh dính ít nhiều bụi cát trong mắt,

nếu không nghe được giáo pháp sẽ phải bị trầm luân, sa đọa. Giáo pháp được thuyết giảng, người còn ít bụi cát sẽ dễ dàng thấu hiểu, sẽ chứng ngộ được chân lý cao siêu, vô thượng ấy.

Thấy đức Phật vẫn trầm ngâm, yên lặng, phạm thiên Sāhampati lại cung kính vập đầu, tha thiết, khẩn khoản:

- Xin đức Thế Tôn hãy vén tay mở rộng cửa vô sanh bất tử! Giáo pháp vô song được tuyên thuyết bởi một đấng hoàn toàn trong sạch; giáo pháp cao thượng được diễn giảng bởi một bậc có trí tuệ thâm viển sẽ đánh bại hàng trăm, hàng ngàn tà thuyết hý luận, hý ngôn do những giáo chủ, tà sư huênh hoang múa môi, múa lưỡi khắp cõi châu Diêm-phù-đề.

Hỡi bậc đại thiện trí! Hỡi đấng Toàn Giác! Xin đức Thiện Thế hãy cho phép chúng sanh được nghe một loại giáo pháp tinh thuần, vô nhiễm mà ngài đã chứng ngộ được trải qua vô lượng kiếp với vô lượng ý chí huân tu công hạnh. Hiện ngài đang đứng trên đỉnh tối cao của tòa lâu đài pháp bảo siêu việt và huy hoàng ấy. Xin đấng Thoát Khổ hãy nhìn xuống chúng sanh đang chìm đắm trong đêm đen mộng trường tăm tối, đang ngập chìm trong biển khổ, đang bị cuốn lôi triền miên trong dòng bộc lưu của hoạn nạn, tai ương, tật nguyên, máu lệ của vòng trầm luân tử sinh bi thống.

Ngài là bậc trí nhân, là đấng hiền nhân, là người minh triết; ngài còn là bậc chiến thắng vĩ đại, là người đã ở ngoài, ở cao và ở trên mọi quyền lực của ma vương, đã hoàn toàn tháo gỡ mọi trói buộc, mọi xích xiềng, lưới võng của dục, của triền, của phược. Xin ngài hãy hoan hỷ đứng lên và châu du hoàng pháp khắp thế gian. Xin ngài hãy giống trống pháp bất tử! Xin đức Thế Tôn bi mẫn ban rải cam lồ pháp vũ!

Đức Phật Gotama chậm rãi, điềm đạm nói với vị phạm thiên nhiều trí tuệ và giàu tâm lượng, hiểu rằng: “Giáo pháp quá sâu mầu, vi diệu, tinh tế; lại thuộc phạm trù trực giác

thâm chúng - nên thật khó cho chúng sanh lãnh hội bằng trí năng suy lý. Còn nữa, giáo pháp lại đi ngược dòng đời, ngược dòng tham ái - thì làm sao thuyết giảng lọt tai, lọt trí thế gian, khi chúng sanh vốn xem hạnh phúc là sự thỏa mãn dục trần. Như lai quyết định chưa truyền bá!”.

Thấy đức Đại Giác vẫn giữ tâm đại định không lay chuyển, phạm thiên Sāhampati lại vập đầu cung thỉnh lần thứ hai, lần thứ ba. Đức Phật Gotama mỉm nụ tiểu sanh tâm, tự nghĩ: “Tín ngưỡng bà-la-môn xem vị phạm thiên là thượng đế, là bậc hóa sanh chủ, là đáng tối thượng tôn, vô năng thắng; bây giờ, vị phạm thiên này, bạn cũ của ta, đã vì giáo pháp, vì chúng sanh mà thừa thỉnh ba lần đúng với truyền thống chư Phật ba đời, làm cho ta cũng phải xúc động chánh pháp!”

Lặng lẽ, tịnh định dùng thiên nhãn quan sát thế gian, đức Phật Gotama thấy rõ rằng: “Chúng sanh có rất nhiều giống loại, nhiều căn cơ, nhiều tâm trí, nhiều trình độ dị đồng, sai khác. Có chúng sanh nhiều bụi cát trong mắt, có chúng sanh ít bụi cát trong mắt. Có kẻ thông minh, sáng suốt, có kẻ ngu tối, u mê. Bẩm tánh người này tốt, hiền; cá tính người kia xấu, ác. Loại người này sáng dạ, dễ dạy; loại người kia cứng đầu, ương bướng khó dạy. Còn một số khác, có lẽ là thành phần tốt nhất, do họ đã thấy hiểm họa của tham dục và sân ác trong dòng chảy của ô uế ngũ trần nên đã tìm cách tu tập bằng cách này hay cách khác, bằng tín ngưỡng này hay tôn giáo kia. Ngược lại, có rất đông chúng sanh đầy đặc vô minh, ngu si và tà kiến thì quả thật không thể dù một triệu mặt trời chân lý cũng khó có thể dọi sáng đến tâm trí dày sâu, đầy đặc tối tăm của họ.” Cũng tự nhiên và đúng với lẽ thường tình thôi - Đức Thế Tôn nghĩ tiếp - Hãy nhìn cái đầm sen kia! Biết bao nhiêu là sen xanh, sen đỏ, sen trắng, sen vàng, sen hồng, sen tía nằm xen kẽ nhau, lẫn lộn trong nhau. Cây nào cũng mọc từ bùn, vươn ra khỏi

bùn, vượt lên khỏi mặt nước rồi cho hoa hữu sắc hữu hương. Tuy nhiên, có cây đang còn ở trong bùn, chui rúc trong bùn; có cây vừa ra khỏi bùn, vươn mầm ở đáy hồ, sống thẳm lặng dưới đáy hồ; có cây đang ở trong nước, cố vươn lên khỏi mặt nước để đón nhận ánh sáng mặt trời; có cây đã ở trên mặt nước, bung những tàn lá to, xanh biếc, dập dờn trên mặt nước, đón nắng đón sương rồi bung những đóa hoa tinh khôi, kiêu diễm phụng hiến hương sắc cho thế gian mà chẳng dính một chút bùn nhơ.”

Chiêm nghiệm như thế xong, liên tưởng như thế xong, đức Phật Gotama tuyên bố như giọng sư vương giữa bình minh của kỷ nguyên mới:

- Cửa vô sanh bất diệt đã mở cho muôn loại chúng sanh. Ai có tai để nghe, có mắt để thấy, có trí để thấu hiểu - hãy đặt trọn vẹn niềm tin tưởng.

Thế là đức Phật Gotama quyết định lên đường chuyên bánh xe pháp. Lúc ấy đã gần cuối mùa hạ, sắp đến mùa mưa, ngày mồng năm tháng sáu, năm năm trăm tám mươi tám (năm Dậu) trước Tây lịch kỷ nguyên.

Giống Trông Pháp Bát Tử

Khắp nơi nắng hạn, khí trời hanh hao. Những cơn lốc khô xả lá rác và tung bụi mịn mù...Chỉ còn non tháng nữa là mùa mưa đến, sông suối sẽ tràn bờ, những con đường đất sẽ lầy lội, ngập lụt trở ngại cho việc bộ hành từ phương này sang phương khác. Thời gian thuận tiện cho việc đi lại cũng chẳng còn mấy ngày nữa; ngài phải lên đường chuyển bánh xe pháp. Đức Phật hướng mặt về phía đông nam kinh thành Rājagaha, tự nghĩ: “Ai là người đầu tiên khả dĩ có trí tuệ để nghe Như Lai giảng nói giáo pháp thậm thâm vi diệu này? Ai là người có thể lãnh hội mau chóng một loại giáo pháp đi ngược dòng đời? Có thể là Ālāra Kālāma chăng? Vị đạo sư đã tận tâm chỉ dẫn cho ta những nấc thiền đầu tiên này là bậc thiện trí thức, nhiều kiến văn, căn cơ thông tuệ, đã lâu rồi sống không nhiễm bụi đời, chỉ còn rất ít bụi cát trong mắt...Hay là ta sẽ tuyên giảng giáo pháp hy hữu, sâu màu này cho đạo sư, là người đầu tiên, nghe được và tức khắc thấu hiểu giáo pháp bát tử của Như Lai?”

Một vị trời có năng lực đọc được ý nghĩ của đức Phật, hiện ra, chấp tay thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn, đạo sư Ālāra Kālāma đã từ bỏ cõi đời cách nay vừa đúng bảy ngày”. Đức Phật liền hướng tâm đến, ngài xác nhận đúng là như vậy rồi nghĩ đến đạo sư Uddaka Rāmaputta. Vị trời cũng cho ngài biết là đấng đạo sư ấy cũng đã từ trần đêm

hôm trước. Sau khi đức Phật hướng tâm để biết rõ sự thật, ngài lại nghĩ đến năm người bạn đồng tu. Là những đạo sĩ rất mực tinh tấn, đã từng theo sát bên ngài, ưu ái, quan tâm săn sóc hầu hạ ngài rất chu đáo. Họ là những người có trí, ít bụi cát trong mắt, lại đã khổ công và tha thiết tâm cầu con đường thoát khổ. Chỉ vì tưởng ngài trở lại đời sống lợi dưỡng nên họ đã bỏ đi với sự hiểu lầm đáng tiếc. Đức Phật liền hướng tâm và biết họ đang ở tại Vườn Nai (Migadāya) - Isipatana - cách Bārāṇasī chừng một do-tuần; thế là ngài lại chuẩn bị một cuộc bộ hành quay ngược về hướng Tây Bắc khá gian lao vất vả.

Đến Bārāṇasī có hai con đường. Một là hướng lên phía bắc đi dọc theo sông Gaṅgā mãi về phía tây, theo đường giao thông thương mại, dễ đi, nhưng rất xa, ước chừng hai mươi lăm do tuần. Lối thứ hai, đi dọc theo dãy núi Gayā, qua các đồng ruộng, thôn làng, ao chuôm, đầm lầy... thì ước chừng chỉ mười lăm do-tuần (bây giờ thực tế là 230 km), phải mất trên mười ngày bộ hành. Đức Phật chọn lộ trình gần. Do đã quá quen thuộc với đời sống khổ hạnh, lại nữa, ngài thường trú cận định để nuôi dưỡng phỉ lạc nên thân tâm thường mát mẻ, dễ dàng chịu đựng cái nắng nóng khắc nghiệt lúc thời tiết giao mùa.

Khi đang chậm rãi bước đi ven theo dãy núi Gayā thì đức Phật gặp một du sĩ thuộc phái Ājivika, tên là Upaka trên đường ngược chiều. Gặp ngài, Upaka nhìn sững, tự nghĩ: Ông sa-môn này rất cao lớn, phương phi, chẳng phải gầy, chẳng phải mập, mà đầy đặn. Y áo chẳng phải cũ, chẳng phải mới nhưng sạch sẽ, thanh sáng và dịu hòa. Tất cả cái gì ở nơi ông ta đều toát ra cái vừa phải, cái chừng mực nhưng đẹp, uy nghi và gợi cảm một cách lạ lùng! Thế rồi, Upaka bước tới, bước lui nhìn ngắm mê mải. Có một thứ ánh sáng sáu màu khi đậm, khi nhạt, khi loang rộng như hòa lẫn giữa hư không, lúc thì thu nhỏ lại; rồi chợt rực rỡ, tỏa hắt ra, lung

linh, chập chờn, chập chờn một lát thì yên lặng, phẳng lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng. Đến gần hơn tí nữa thì Upaka hoàn toàn bị nhiếp phục bởi sự trầm tĩnh, ổn định, an lạc toát ra từ đôi mắt, từ bước đi. Có một sự khôn ngoan vượt ngoài thế giới, sự minh triết sáng ngời, một trí tuệ siêu đẳng ở ẩn đâu đó, không chỉ nơi vùng trán bát ngát thông minh, mà còn có thể ở cả nơi từng sợi tóc, lông mi, từng ngón tay, móng tay và cả ngón chân nữa... Người này, đáng này, vị sa-môn trẻ tuổi đẹp trai này chắc chắn không phải là người, là... phạm thiên chăng? Nghĩ vậy nên Upaka bước gần lại, cất tiếng chào:

- Chào bạn thân mến! Bạn đẹp quá, đẹp lạ lùng – Upaka mở lời tán thưởng rồi tiếp - Lục căn của bạn an ổn và thanh tịnh làm sao! Ô, không phải, nói vậy cũng chưa đúng! Nó làm cho sự an ổn và thanh tịnh cũng bị nhiếp phục! Hào quang sáu màu từ nơi bạn làm cho một vị đại phạm thiên cũng phải ganh tỵ. Nước da của bạn chói ngời như mạ vàng ròng. Chắc sức khỏe của bạn dồi dào lắm? Chẳng hay bạn tên chi? Bạn ở đâu? Xuất gia với ai? Đấng đạo sư của bạn là vị nào? Bạn tin tưởng vào giáo pháp nào?

Đức Phật hướng tâm, biết vị du sĩ này chưa có duyên bây giờ nhưng lại có duyên mai sau, nên ngài muốn gieo một hạt giống:

- Nay Upakājivika! Đức Phật gọi đích danh chàng và kèm theo cả tên giáo phái làm cho Upaka lạnh người – Như Lai là kẻ đã vô nhiễm giữa trần cảnh, đã đoạn tận ác pháp, đã tịch tịnh, vô dục, đã bước ra khỏi mọi chấp trước ở bản thân và thế gian điên đảo kiến. Như Lai đã chiến thắng tam giới, chứng đạo quả Vô thượng Bồ-đề thì còn ai là thầy của Như Lai nữa? Giữa chúng nhân loại, chư thiên, phạm thiên, Như Lai đứng một mình, là thầy của họ. Nay Như Lai đang trên đường về Vườn Nai, tại Isipatana, gần Bārāṇasī để quay bánh xe pháp, giống tiếng trống bắt tử cho chúng sanh tỉnh

giấc mộng trường.

Upaka nghĩ rằng: Vị đạo sĩ này ăn nói dễ nghe, dễ thương đến vậy? Chà, cái óc và cái lỗ tai của ta nó được hỷ lạc làm sao! Bèn nói:

- Mong rằng sự việc sẽ như bạn nói. Bạn thật xứng đáng được gọi là bậc Chiến thắng bất diệt!

- Này Upaka! Kẻ giải thoát ra khỏi mọi trói buộc trần gian xứng đáng được gọi như vậy. Kẻ mà ma quân, phiền não không còn tìm thấy dấu vết, xứng đáng được gọi như vậy. Các đấng Như Lai thường được danh xưng là Tối thượng tôn, Vô năng thắng, là bậc Chiến thắng bất tử, Chiến thắng vô tận, vô hạn định!

Upaka gật đầu lia lịa:

- Thật đúng như vậy! Thật đúng như vậy! Thôi, này bạn của ta, chào bạn sức khỏe!

Sau khi tán thán và chào hỏi như vậy xong, Upaka không dừng lại nơi giáo pháp của đức Tôn Sư, ông ta cúi đầu, quay lưng, rẽ sang một lối khác, đi thẳng!

(Ai thoáng nghe câu chuyện này sẽ tưởng đây là sự thất bại đầu tiên trên đường hoằng pháp của đức Phật Gotama; nhưng chỉ riêng ngài mới biết rằng, ngài đã gieo một hạt giống, và hạt giống này sáu bảy năm sau mới trở quả! Hiện Upaka đang mê đắm cô con gái của người thợ săn, sau, nên vợ chồng, có một đứa con. Do đời sống gia đình bị khổ vì ràng buộc, khổ vì cơm áo, khổ vì túi nhục; Upaka nhớ đến người bạn Chiến thắng bất diệt của mình, lặn lội tìm đến Kỳ viên tịnh xá, xuất gia, đắc quả A-la-hán. Và vợ của chàng cũng xuất gia, đắc thánh quả).

Hoàn toàn thản nhiên, như không có chuyện gì, đức Phật chậm rãi tiếp tục lộ trình. Thế rồi, ngài đã đến khu Vườn Nai tươi xanh mát mẻ sau hơn mười lăm ngày dầm sương dãi nắng.

Giáo Hoá Năm Người Bạn Đồng Tu

Sau khi từ bỏ người bạn lớn, đức Gotama, năm anh em đạo sĩ Koṇḍañña về Vườn Nai tại Isipatana, tiếp tục duy trì đời sống khổ hạnh nhưng họ vẫn không quên ngài. Họ rất tiếc là đức Gotama, thần tượng của họ đã trở về đời sống lợi dưỡng, thiếu kiên trì, thiếu quyết tâm đi trọn con đường. Thiếu vắng đức Gotama, mất niềm tin nơi đức Gotama, họ quả thật là bơ vơ, không biết tìm ai trên cuộc đời này để nương tựa nữa.

Hôm kia, một người đi khát thực chút ít rồi sốt thành năm phần, mỗi phần chỉ bằng nửa nắm tay; họ thanh thản thọ dụng dưới cội cây, sau đó xuống ao tắm rửa, nghỉ ngơi một lát cho khô ráo rồi ngồi thiền định thường lệ vào buổi chiều. Lúc đang chuẩn bị tản mát mỗi người mỗi nơi thì Koṇḍañña thoáng thấy một hình dáng quen thuộc đang chậm rãi đi vào khu vườn. Màu y vàng nổi bật giữa rừng cây xanh càng lúc càng hiện rõ. Và với dáng đi thong dong, tự tại, trầm tĩnh như chúa sơn lâm kia thì còn ai xa lạ nữa! Ông đã nhận ra ngài. Koṇḍañña khẽ nói với các đạo sĩ:

- Nay các bạn! Ông Gotama đang đi đến chỗ chúng ta. Kẻ thiếu cố gắng, không chịu bền chí con đường khổ hạnh, bỏ cuộc nửa chừng vì ham muốn lợi dưỡng kia thật không xứng đáng để cho chúng ta niềm nở đón tiếp hoặc cung kính

chào hỏi. Chẳng nên rước bát và y. Cũng chẳng cần phải mời nước uống. Nếu ông ta có đến thì chỉ nên dọn một chỗ ngồi, vậy là lịch sự lắm rồi!

Nói thì nói thế với khuôn mặt lạnh tanh, nhưng mà khi đức Phật Gotama đến, với phong thái, uy nghi và cốt cách thoát tục của ngài toát ra một năng lực phi phàm khiến cho họ không còn tự chủ được. Tất cả như đồng loạt: người tiếp bát và y, người múc nước rửa chân, người dọn chỗ ngồi nơi sạch sẽ, cao ráo... Một vài đạo sĩ cất lời chào hỏi xen lẫn trong nhau:

- Hiền giả bấy lâu nay có mạnh khỏe không?
- Thầy Gotama đi đường xa có mệt lắm không?
- Hiền hữu Siddhattha khát thực có dễ dàng chăng?

Đức Phật nghĩ là nên mở lời khuyên cáo:

- Nay các vị, từ rày về sau không nên gọi Như Lai bằng họ, bằng tên hay bằng những danh từ như hiền giả, hiền hữu (Āvuso) nữa. Như Lai hiện nay đã đắc quả Chánh Đẳng Giác; là một vị Phật, là một đức Thế Tôn, là một bậc Toàn Giác. Như Lai đến đây là để tuyên giảng giáo pháp bất tử đến cho các vị. Với những người có trí thì họ có thể chứng ngộ bằng trí tuệ trực giác ngay chính trong kiếp sống hiện tại này; và họ sẽ thọ hưởng được hạnh phúc siêu thế, thiêng liêng và trong sạch.

Đạo sĩ Koṇḍañña không tin điều đó, ông nói:

- Quả vị Phật, quả vị Chánh Đẳng Giác là cao quý tột cùng cho những thiện gia nam tử cần cầu xuất ly gia đình thế tục. Nó là cái gì vô cùng thánh hạnh và vô cùng thiêng liêng. Do thế, quả vị ấy không có phần cho người thiếu tinh tấn, yếu đuối, bị ma vương cám dỗ để rơi vào đời sống lợi dưỡng thấp hèn.

Đức Phật lại cố gắng giải minh sự hiểu lầm trước đây:

- Nay các vị! Như Lai chưa bao giờ trở lại đời sống lợi dưỡng. Như Lai chỉ độ thực một cách chùng mực, trung đạo.

Và Như Lai đã không ngừng cố gắng, tinh tấn, quyết tâm sau khi các vị ra đi. Nhờ vậy, hiện nay, Như Lai đã đắc quả vị Phật, quả vị Chánh Đẳng Giác, đây là sự thật. Như Lai là người đã tìm ra một loại giáo pháp không đi qua con đường của lý trí nhận thức hoặc suy luận, mà bằng chính trực giác của kinh nghiệm tâm linh tu chứng. Vì nghĩ rằng, giáo pháp bất tử thiêng liêng ấy, nếu được tuyên giảng thì kẻ trí sau khi chú tâm, lắng nghe cũng có thể chứng ngộ được nên Như Lai mới đến đây.

Bốn đạo sĩ khác cũng không tin:

- Trước đây, thầy Gotama có một đời sống khổ hạnh vô cùng nghiêm túc, có một kỷ luật bền gan sắt thép, có một sự tinh tấn tối thượng, có một ý chí và quyết tâm như kim cương chẻ đá; vậy mà không thành tựu được trí tuệ siêu phàm, chưa đạt được cái gì xứng đáng là cao cả. Sau này, trở về với những bát sữa với lợi dưỡng tối thượng, những mâm quả trái cây đầy ắp, những giấc ngủ ngon, những cuộc trò chuyện vô bổ... lại tuyên bố đắc đạo quả Vô Thượng, ngang hàng với chư Phật hay sao?

Đức Phật Gotama đã nhẫn nại trình bày sự thật lần thứ hai, lần thứ ba nhưng năm người bạn đồng tu vẫn giữ nguyên thành kiến và sự cố chấp cố hữu, ngài bèn nghiêm nghị hỏi:

- Này các vị! Từ trước đến nay, các vị đã từng nghe Như Lai nói điều không đúng sự thật lần nào chưa?

Họ đều gật đầu đáp:

- Điều ấy thì đúng, thầy Gotama nói điều gì thì điều ấy đều y cứ vào sự thật.

- Và các vị đã có lần nào nghe Như Lai nói về sự chứng đắc, nói về quả vị Phật, nói về sự tuyên giảng giáo pháp Vô sanh Bất tử như hôm nay hay chưa?

- Quả thật là chưa hề!

Sau khi xác nhận điều ấy, họ bất giác nhìn ngấm dung

mạo, thái độ cử chỉ của đức Thế Tôn; ở đây dường như có sự định tĩnh của núi Tu-di, sự trầm lặng khôn dò của đáy biển sâu toát ra năng lượng sung mãn, đầy tràn của bậc giác ngộ. Lại còn hào quang sáu màu từng đôi một lung linh chớp chờn như thực như hư, rồi trong suốt, tỏa ra một thứ ánh sáng vừa rực rỡ vừa dịu dàng như mẹ của mặt trời, mặt trăng vậy! Thấy tướng có thể biết được tâm, đạo sĩ Koṇḍañña vốn là nhà tướng pháp thông tuệ biết rõ điều ấy hơn ai hết, ông giật mình, quỳ xuống và sụp lạy:

- Chúng tôi quả thật là ngu muội, xin ngài bi mẫn xá tội và ngài hãy tuyên giảng giáo pháp sâu màu ấy!

Cả bốn đạo sĩ cùng quỳ xuống với năm vóc sát đất vô cùng tôn kính và nhu thuận.

Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappa-Vattana Sutta)

Đề cho năm vị đạo sĩ thay đổi oai nghi, lựa thế ngồi cho thoải mái, đức Phật cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, bắt đầu thời pháp đầu tiên:

- Nay các vị! Có hai cực đoan (antā) mà người cần cầu xuất ly vô thượng (pabbajitana) cần phải xa lánh, không nên hành trì. Đây là hai cực đoan gì? Một là đắm mình vào dục lạc thế gian, sống đời lợi dưỡng, ái luyến, mê si nhục dục ngũ trần (kāmasukha-līnuyoga) Nó là cái thấp hèn, hạ liệt (anariya), thô lậu, phạm tục; không xứng với phẩm hạnh của bậc thánh nhân. Hai là kiên trì, nỗ lực tu tập khổ hạnh ép xác (attakilamathānuyoga); đây là sự hành trì vô ích, vô bổ, chỉ chuốc lấy đau khổ, chỉ mang lại sự chết mà không đem đến giải thoát, chắm dứt phiền não được.

Nay các vị! Như Lai đã tránh xa hai cực đoan lợi dưỡng và khổ hạnh ấy; vì lợi dưỡng làm cho thân trở lì, tâm si độn; nó chính là lực kéo, là vật cản sự tiến bộ và thăng hoa tinh thần; còn khổ hạnh thì tự bào mòn sự sống, làm cho tinh thần và trí lực đều giảm suy! Từ bỏ hai cực đoan sai lầm ấy, Như Lai đã tìm ra con đường giữa, trung đạo (majjhimā paṭipāda). Đây mới chính là con đường xứng đáng của bậc thánh nhân; nó phát sanh tuệ nhãn (cakkhukaraṇī), phát sanh tuệ trí (ñānakaraṇī), dẫn đến sự an tịnh phiền não (upasamāya), dẫn đến thắng trí (abhiññāya), dẫn đến Niết-

bàn.

Này các vị! Có một con đường không đi theo sự khích động của dục vọng thân xác (lợi dưỡng), không đi theo sự triệt tiêu những nhu cầu bình thường, tự nhiên, cần yếu của thân xác (khổ hạnh); đây là trung đạo. Còn được gọi là bát chánh đạo, con đường có tám nhánh: Chánh kiến (sammādiṭṭhi), chánh tư duy (sammāsaṅkappa), chánh ngữ (sammāvācā), chánh nghiệp (sammākammanta), chánh mạng (sammā-ājīva), chánh tinh tấn (sammāvāyāma), chánh niệm (sammāsati), chánh định (sammā samādhi). Lộ trình trung đạo này sẽ vén mở cho ta thấu triệt Bốn Sự Thật vĩnh cửu của đời sống, là Tứ Diệu Đế, Tứ Thánh đế dẫn đến Bốn Thánh đạo, Bốn Thánh quả, chứng ngộ mục đích rốt ráo, tối hậu của sa-môn hạnh là giải thoát, Niết-bàn.

Đức Phật vừa mới nhập đề bằng giọng nói trầm ấm vi diệu, bằng lời, tiếng, câu cú trong sáng, chuẩn xác, bằng những ý tưởng và danh từ hoàn toàn mới lạ; cả năm vị đạo sĩ vốn có căn cơ sắc bén, thông tuệ nên biết rõ đây đúng là ngôn ngữ của bậc đạt ngộ, của người đã tìm ra sự thật; chúng chưa hề có trong bất kỳ một hệ thống tư tưởng triết học, tôn giáo nào xưa cũng như nay!

Thấy cả năm đạo sĩ đều chăm chú, nhất tâm vào thời pháp, đức Phật đi vào nội dung trọng yếu:

- Này các vị! Tứ Thánh đế, Tứ Diệu Đế, Bốn Sự Thật vi diệu ấy là gì mà chúng ta cần phải thấu triệt? Thấu triệt chính là thấy rõ, liễu thông, giác hiểu cái chân lý rốt ráo, cái sự thật tột cùng, cái chân đế cao diệu (ariya-sacca) mà nếu hành trì nghiêm túc, đúng đắn sẽ thành tựu được mục đích xuất trần ly cấu, vô cùng xứng đáng với phẩm hạnh cao cả của những thiện gia nam tử ở trên đời này.

Này các vị! Thứ nhất là chân lý cao diệu về sự khổ (dukkha-ariya-sacca, Khổ thánh đế). Khái quát là có tám cái khổ phủ trùm lên toàn thể thế gian, chi phối toàn bộ đời sống

của chúng hữu tình; đây là: Khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ vì bất toại nguyện, khổ vì sống chung với những người mình ghét hoặc không ưa thích, khổ vì phải sống xa lìa những người mình yêu thương; và cuối cùng là khổ bởi vì chấp ngã, thủ trước, mê đắm cái thân tâm ngũ uẩn này!

Này các vị! Thứ hai là chân lý cao diệu về nguyên nhân, nguồn gốc của sự khổ (dukkha-samudaya-ariya-sacca, Khổ Tập thánh đế). Như Lai đã tìm ra gốc nguồn của vô vàn khổ đau sai khác ấy chính là ái (tañhā); do ái chủ mưu, do ái chủ động, do ái dẫn dắt, do ái sai sử, do ái kết buộc, do ái điều hành. Ái là nguyên nhân dẫn dắt tái sanh (ponobbhavika). Ái kết hợp với tâm tham muốn, khao khát, bám víu, thỏa thích, say đắm hoan lạc nơi các đối tượng chiếm hữu hoặc thỏa mãn các mục đích hư tiểu, phù phiếm trong đời sống. Nói rộng hơn, khi ái đeo níu, tham đắm dục lạc vật chất trong sáu cảnh trần thì được gọi là dục ái (kāma-tañhā). Khi ái cảm thấy dục lạc lục trần ấy cũng chưa đủ, muốn nó thường còn mãi với mình, đi đôi với thường kiến hoặc tham đắm thiên hữu sắc, trời sắc giới thì được gọi là hữu ái (bhava-tañhā). Khi ái thỏa mãn lục trần với tâm lý muốn hưởng mau, hưởng vội, sợ chết là hết, đi đôi với đoạn kiến, hoặc tham đắm thiên vô sắc, cõi trời vô sắc thì được gọi là phi hữu ái (vibhava-tañhā).

Này các vị! Thứ ba là chân lý cao diệu về sự diệt khổ (dukkha-nirodha-ariya-sacca, Khổ Diệt thánh đế). Là nơi làm cho yên lặng, chấm dứt, tận diệt các ái, tận diệt mọi nguyên nhân sanh khổ, đoạn tuyệt các khổ; nơi mà mọi ái tham, ái luyến, ái chấp phát sanh chìm đắm, trói buộc, trầm luân không còn dư tàn; nơi mà ngôi nhà ngũ uẩn đã được tháo rời; ngã ái, ngã kiến, ngã chấp, ngã thủ không còn bản ngã kiên cố để sở y; nơi không còn gì để luyến ái, dính mắc nữa; và đó chính là giải thoát, Niết-bàn: Mục tiêu tối hậu của

sa-môn hạnh.

Này các vị! Pháp hành dẫn đến giải thoát, dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn; chân lý cao diệu về con đường dẫn đến sự diệt khổ (dukkha-nirodha-gāminī-paṭipadā-ariya-sacca, khổ diệt đạo thánh đế) này chính là thánh đạo hợp đủ tám chi phần: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bát thánh đạo ấy là sự thật vi diệu mà chư vị thánh nhân đã chứng ngộ, còn được gọi là Đạo thánh đế, hôm nay, Như Lai sẽ tuyên thuyết cho các vị nghe!

Này các vị! Tuệ nhãn (pañña-cakkhu) thấy rõ khổ thánh đế đã phát sanh trong Như Lai; tuệ trí (ñāṇa) thấy rõ thực tánh Khổ Thánh đế đã phát sanh trong Như Lai; tuệ giác (pañña) thấy rõ tất cả khổ đã phát sanh trong Như Lai; tuệ minh (vijjā) thấy rõ, thấu suốt toàn bộ khổ thánh đế đã phát sanh trong Như Lai; ánh sáng trí tuệ (āloka) xua vệt bóng tối của màn vô minh che ám khổ thánh đế đã phát sanh trong Như Lai. Tất cả pháp thuộc Khổ Thánh đế ấy, trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã phát sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Tất cả các pháp ở trong tam giới, cái được cấu tạo, kết hợp, hữu vi dầu sắc pháp hay danh pháp, ngoại trừ tham ái; chúng đều là Khổ Thánh đế. Và Khổ Thánh đế ấy cần phải hiểu biết, cần phải nhận thức, cần phải liễu tri một cách rõ ráo.

Này các vị! Tuệ nhãn thấy rõ ái là nhân sanh khổ là Khổ Tập thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ trí thấy rõ thực tánh ba loại ái đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ giác thấy rõ một trăm lẻ tám loại ái đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ minh thấu suốt mọi nhân sanh khổ thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; ánh sáng trí tuệ xua vệt bóng tối của màn vô minh che ám Khổ Tập thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai. Tất cả các loại ái thuộc Khổ Tập thánh đế ấy, trước đây, khi

chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã khởi sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân như thật tuyên bố rằng: Tất cả các loại ái trong tam giới đều là nhân sanh khổ, là Khổ Tập thánh đế. Và Khổ Tập thánh đế ấy cần phải chiêm nghiệm, cần phải thấy rõ, cần phải hiện quán, cần phải minh sát.

Này các vị! Tuệ nhãn thấy rõ Niết-bàn là nơi diệt tận tất cả các khổ, là Khổ Diệt thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ trí thấy rõ Niết-bàn là nơi an vui, tịnh lạc vượt ngoài tương đối, tương đãi, nhị nguyên; tuệ giác thấy rõ hữu dư Niết-bàn, vô dư Niết-bàn đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ minh thấu suốt Niết-bàn là nơi Khổ Diệt thánh đế đã khởi sanh đến Như Lai; ánh sáng trí tuệ xua vệt bóng tối của màn vô minh che ám Khổ diệt thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai. Tất cả đức tánh, đặc tánh, thực tánh của Niết-bàn ấy, trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã khởi sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Khổ Diệt thánh đế là Niết-bàn, là an vui tuyệt đối, là thực tại như thực, ở ngoài thời gian... Và Khổ Diệt thánh đế ấy cần phải có trực giác liễu tri, chứng nghiệm, chứng đạt không qua ngữ ngôn, khái niệm và lý trí suy luận.

Này các vị! Tuệ nhãn thấy rõ Bát thánh đạo là pháp hành, là pháp tu tập dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn, là Khổ Diệt Đạo thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ trí thấy rõ thực tánh Bát thánh đạo đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ giác thấy rõ mỗi chi pháp trong bát thánh đạo một cách chi li, mạch lạc đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ minh thấu suốt Bát thánh đạo một cách tỏ tường, minh nhiên đã khởi sanh trong Như Lai; ánh sáng trí tuệ xua vệt bóng tối của màn vô minh che ám Khổ Diệt Đạo thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai. Tất cả tám chi phần, tám nhánh của con đường dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn ấy là Trung đạo, là Bát chánh đạo,

trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã khởi sinh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Khổ Diệt Đạo thánh đế chính là Bát thánh đạo, là con đường Trung đạo có tám nhánh; là lộ trình dẫn đến sự chấm dứt tái sinh, luân hồi, đoạn tận tất cả khổ đau trong ba cõi, sáu đường. Và Khổ Diệt Đạo thánh đế không phải để mà trang điểm kiến thức, không phải để mà tích lũy hiểu biết, không phải để mà huyền thuyên giảng nói; nó phải được liễu tri đề tu tập, miên mật hành trì, tinh cần, công phu, tinh niệm, giác niệm trong từng oai nghi, trong mỗi hơi thở.

Này các vị! Như Lai đã thấy rõ tất cả chúng, đã thấu suốt tất cả chúng, đã tu tập, đã thực hành để liễu triệt tất cả pháp cần phải liễu triệt, đã chứng đắc tất cả pháp cần phải chứng đắc. Như Lai như thực liễu tri rằng, khi nào trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh, chân thật tánh của các pháp một cách hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh, vô nhiễm theo ba cấp bậc, ba giác độ tuệ luân, có nghĩa là tuệ học, tuệ hành và tuệ thành trong Tứ thánh đế thành mười hai thể loại trí tuệ, hợp thành một thấy biết toàn diện và chơn chánh, chưa khởi sinh trong Như Lai, thì cho đến lúc ấy, Như Lai chưa dám xác nhận, chưa dám tuyên bố rằng là Như Lai đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác (anuttaro-sammāsambuddho) trước các hàng sa-môn, bà-la-môn, nhân loại, chư thiên, ma vương và phạm thiên trong thế gian, thế giới này!

Thấy cả năm vị đạo sĩ chú tâm cao độ nghe pháp, nghe từng lời pháp như sợ rơi mất những giọt cam lồ tịnh thủy, đức Phật biết vậy nên ngài đã kết luận thời pháp bằng giọng nói trầm hùng, mạnh mẽ, khí và lực tuôn chảy dạt dào như hải triều âm va đập giữa ghềnh đá:

- Này các vị! Nhưng nay thì tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh, ánh sáng trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh các pháp một cách hoàn toàn trong sáng, vô nhiễm, thanh tịnh bởi tri

kiến tuyệt đối như thực theo ba bậc tuệ luân trong Tứ Thánh để thành mười hai thể loại trí tuệ đã khởi sanh trong Như Lai rồi, Như Lai mới mạnh dạn xác nhận và tuyên bố rằng: Như Lai đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác trước các hàng sa-môn, bà-la-môn, nhân loại, chư thiên, ma vương, phạm thiên trong thế gian, thế giới này! Và như thế là do trí tuệ hiện quán, minh sát, thấy rõ, biết rõ A-la-hán thánh đạo quả đã phát sanh đến Như Lai; tâm của Như Lai đã hoàn toàn giải thoát tất cả mọi phiền não một cách vững chắc, bất động, chẳng có gì lay chuyển được, chẳng có gì có thể làm cho hư mất. Và đây là kiếp chót, là kiếp cuối cùng của Như Lai, không còn tái sanh luân hồi nữa.

Đức Phật thuyết xong bài pháp Chuyển pháp luân (dhammacakkappavattana, vận chuyển bánh xe chân lý) này xong, năm vị đạo sĩ khổ hạnh vô cùng hoan hỷ một loại giáo pháp chưa từng được nghe. Riêng đạo sĩ Koṇḍañña chứng được Pháp nhãn (dhammacakkhu) xuất trần ly cấu, tức là đã đoạn lìa được một số bụi bặm phiền não, an trú quả vị Tu-đà-hoàn, ông đã thấy chánh chơn, như chân như thật rằng: Pháp hành nào có sanh thì pháp hành ấy có diệt (yamkiñcisamudaya dhammaṃsabbamtaṃniroddhadhammaṃ).

Chư thiên trên địa cầu nghe được thời pháp vô thượng, đồng thanh tán dương ca ngợi rằng: Hôm nay, trong Vườn Nai, tại Isipatana, gần thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn đã gióng trống chuyển một bài pháp vô cùng vi diệu; chưa từng có một sa-môn, bà-la-môn, thiên thần, ma vương, phạm thiên hay bất kỳ ai trên thế gian này có thể tuyên giảng được. Nghe như vậy, chư thiên cõi Tứ đại thiên vương, Đạo-lợi, Dạ-ma, Đâu-xuất, Hóa Lạc cũng đồng tán dương, ca ngợi không hết lời. Chư vị phạm thiên ở các cảnh trời sắc giới cùng một lòng xưng tán như vậy. Ngay lúc ấy, ngay sát-na ấy, lời tán dương ca tụng xuyên thấu cõi Sắc cứu cánh thiên;

mười ngàn thế giới đều rung chuyển, rung động. Ánh hào quang của đức Chánh Đẳng Giác thù thắng và oai lực hơn hào quang của chư thiên, phạm thiên cộng lại, tỏa rộng vô biên, chiếu diệu, sáng soi ngời ngời cùng khắp thế gian, thế giới.

Đạo sĩ Koṇḍañña đã thấu suốt, thấy rõ, biết rõ căn bản Tứ Thánh đế, diệt tận mọi hoài nghi, chỉ còn tin Phật, tin Pháp chứ không còn tin tưởng vào nơi nào khác nữa.

Vô cùng tri ân và vô cùng xúc động, đạo sĩ Koṇḍañña quỳ năm vóc sát đất:

- Xin đức Thế Tôn cho đệ tử được thọ giới tỳ-khưu và cho đệ tử được nương tựa.

Đức Phật mỉm nụ cười chánh pháp:

- Hãy lại đây, này tỳ-khưu! Như Lai xác nhận là ông đã trở thành tỳ-khưu! Giáo pháp mà Như Lai đã khéo tuyên giảng, ông hãy cố gắng thọ trì, tinh tấn thực hành, hãy sống đời phạm hạnh thanh tịnh để đoạn tận khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi (Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brāhmacariyaṃ sammā dukkhassa antaki riyāya).

Thế là đạo sĩ Koṇḍañña từ đây được gọi là Aññāsi Koṇḍañña (A-nhã Kiền-trần-như, Kiền-trần-như đã chứng ngộ), là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo hội của đức Tôn Sư. Hôm đó là đúng vào chiều tối rằm tháng sáu, năm Dậu, được hai tháng kể từ sau khi đức Phật thành đạo dưới cội bồ-đề.

Đêm ấy, trăng sáng vàng vạc, không khí mát lành, đức Phật ngồi trên một tảng đá giữa Vườn Nai, trú định Diệt thọ tưởng để nghỉ ngơi sau nhiều ngày bộ hành lao nhọc và suốt cả buổi chiều tỏa hơi, tỏa khí giảng pháp cho năm ông đạo sĩ. Khuya, đức Phật trở lại cận định, khởi tâm và tứ, suy nghĩ như sau:

“- Chúng sanh ít bụi cát có thể thấu hiểu được giáo pháp này. Ông Koṇḍañña đã thấy pháp, dòng tâm sẽ từ từ, thuận thứ mà đi vào đạo lộ nhờ ông là kẻ có trí, chỉ cần cái đại

cương, khái quát là ông có thể nắm bắt được. Nhưng các vị kia thì cần phải giảng giải nhiều lần, với nhiều ví dụ cụ thể họ mới lần tìm được ngữ nghĩa sâu rộng, hiểu pháp và thấy pháp được”.

Hôm kia, sau khi Koṇḍañña, Mahānāma và Assaji đi khát thực để cung cấp thực phẩm cho mọi người, đức Phật căn kẽ giảng giải rộng rãi thời pháp cho Vappa và Bhaddiya. Cuối buổi giảng, cả hai vị đạo sĩ đắc Pháp nhãn, Nhập lưu, được đức Phật xác nhận họ đã là tỳ-khuru. Hôm sau nữa, lúc Koṇḍañña, Vappa và Bhaddiya đi khát thực thì đức Phật lại giảng sâu rộng cho Mahānāma và Assaji nghe. Xế trưa thì cả hai đạo sĩ đều đắc quả Tu-đà-hoàn, đức Phật lại chứng nhận thụ giới thêm cho hai vị tỳ-khuru nữa.

Thế đến ngày hai mươi tháng Āsālha, cả năm vị tỳ-khuru đã mặc y áo tươm tất, tóc râu sạch sẽ bởi họ đã từ bỏ sự hành trì khổ hạnh và cả hình thức khổ hạnh. Họ đều đã có đức tin bất thoái, và đang lần hồi bước những bước vững chắc trên đạo lộ bất tử.

Từ ngày hai mươi cho đến cuối tháng, thời tiết bắt đầu chuyển mưa, vì bây giờ đã là mùa Vassāna, họ bận rộn làm cho mình những cốc lá và đặc biệt làm cho đức Thế Tôn một cốc lá tương đối tốt, tươm tất và ấm cúng. Những khi trời quang mây tạnh, trước đây đủ năm vị tỳ-khuru đầu tiên, là những hạt giống bất hoại để gieo trồng chánh pháp trên toàn cõi Diêm-phù-đề, đức Phật lại dùng tuệ phân tích, triển khai rộng rãi và chi li một số tư tưởng giáo pháp dường như đang còn quá mới mẻ đối với họ. Ngài đã chịu khó đi lại từ khổ đế, sự thật, chân lý về khổ, tuy nó đơn giản chỉ có bát khổ là sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội, thủ ngũ uẩn nhưng đâu phải ai cũng dễ dàng thông suốt. Sự thật về khổ này không phải chỉ hiểu qua danh từ, ngữ nghĩa mà còn cần phải thấy rõ cụ thể ở chính nơi thân tâm mình, sự sống của mình trong tương quan xúc

đôi và trải nghiệm. Sanh, cái khổ sanh (jāti-dukkha), đầu tiên là cái khổ trong thai bào, khổ từ lúc tượng hình, khổ phải chịu đựng tối tăm, dơ ứ; khổ vì cay, vì nóng, vì nóng, vì lạnh, vì nhầy nhụa, vì hôi hám, vì các cử động, vì sự biến đổi thất thường của tâm lý người mẹ. Khổ sanh, ngay chỉ niệm tái sanh, tìm kiếm cảnh giới, tìm cách đầu thai vào cái quen thuộc, vào cái mà mình ái luyện, mình thích, mình say đắm đã là khổ rồi! Chính khởi từ cái sanh niệm này mà nó dẫn dắt chúng sanh trôi lăn khắp ba cõi, sáu đường rồi chịu đựng vô lượng hoạn nạn, nghịch cảnh, máu, nước mắt, tai ương và thống khổ!..

- Xin đức Thế Tôn, vì lòng bi mẫn – Koṇḍañña thừa bạch - giảng nói rộng rãi và chi tiết về khổ sanh cho chúng đệ tử được hiểu một cách thấu đáo, tận tường mọi ngõ ngách chi ly của nó?

- Này chư tỳ-khưu, hãy nghe đây, Như Lai sẽ giảng theo yêu cầu ấy. Sanh, ở đây chỉ giới hạn kể từ khi các sắc chất được sinh ra từ sát-na kiết sanh thức (danh) kết hợp với tinh cha huyết mẹ (sắc). Nó là cái hạt mầm, cái chủng tử trong bất kỳ cảnh giới hữu tình nào. Cái thực thể chúng sanh đầu tiên ấy ở trong thai bào không phải đẹp đẽ như ở trong hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen trắng mà phải được hiểu như con dòi sinh ra trong xác cá ươn, trong đồng phân thối. Thực thể ấy nó nằm ở phía dưới chỗ chứa đồ ăn (bao tử), phía trên chỗ sẽ xuất chất thải (hậu môn), nằm kẹt giữa bụng và cột sống, rất chật chội, tối tăm, bần thủ; phải chịu đựng các luồng gió hôi hám đủ thứ mùi đáng tởm. Suốt chín tháng mười ngày, cái thực thể chúng sanh ấy phải trải qua vô lượng thống khổ, bị sức nóng như lửa đốt bởi chất hỏa trong bụng mẹ mà không co duỗi, nhúc nhích được. Ngoài ra, khi bà mẹ di chuyển tới lui, nằm ngồi đi đứng, nhất là lúc bị vấp té thì nó chịu đựng vô cùng đau đớn như bị kéo giật, tung ngược tung xuôi, đảo qua đảo lại như con rắn ở trong tay

người xiếc rần. Khi bà mẹ uống nước lạnh, nó cảm thấy tê buốt như ở trong địa ngục băng giá. Khi bà mẹ ăn uống vật nóng, nó như bị chìm ngập trong trận mưa than lửa. Khi bà mẹ ăn uống chất mặn, chất chua thì nó như bị ngâm chìm trong nước muối dầm! Đây là những nỗi khổ cùng cực khi trú trong thai bào mà chúng thai sinh nào cũng phải bị gánh chịu.

Này chư tỳ-khuru! Khổ trong thai bào là vậy. Khi ra khỏi thai bào, nó phải chịu cái khổ chúc đầu ngược xuống bởi sức mạnh của gió nghiệp; bị tống ra khỏi cái hang tối tăm chật hẹp, thật là kinh khiếp như phải chui qua cái lỗ nhỏ rồi bị nghiền nghiền giữa hai vách đá, đau đớn tột cùng. Thế rồi, hài nhi vừa ra khỏi bụng mẹ, cái thân thể của nó mỏng manh, nhạy cảm nên khi được bông ẵm, được tắm rửa lau chùi, nó cảm thấy đau đớn như bị kim đâm, dao cắt...

Một vị tỳ-khuru bất giác thốt lên: “Ồ, sự thật này thật là kinh khiếp”

Đức Thế Tôn kết luận:

-Ừ, khổ sanh là vậy, này chư tỳ-khuru! Từ khổ sanh ấy nó đi suốt quá trình cái được gọi là sự sống. Rồi vô lượng nỗi khổ trên cuộc đời cũng từ cái khổ sanh ấy mà ra. Nó là căn đề của mọi nỗi khổ nên Như Lai khi tuyên giảng về Khổ đế, Như Lai đặt khổ sanh lên đầu tiên như là điều kiện quyết định duyên sanh các khổ.

Rồi khổ già (jarā-dukkha)? Đức Thế Tôn tiếp tục - Già, hàm chỉ làn da nhăn nheo, co rúm lại như quả mướp đắng phơi khô; mái tóc xanh mơn thưở nào bây giờ như tro than lấm tẩm hoặc bạc phếch; đôi mắt biếc thắm thời trai trẻ chỉ còn là cái hố ghèn, lờ mờ đục trắng không thấy gì. Rồi còn hàm răng chỉ còn như tro xỉ, đau nhức, sâu đục mà rơi rụng lả lả. Tai thì bắt đầu điếc lảng, nghễnh ngãng. Chiếc lưng bây giờ cong gập như cái đòn giàn xay. Chân tay lập cập, run rẩy, đau cốt, nhức xương, ăn ngủ không được, lú lẫn, nói

trước quên sau. Nói cách khác già lão là đặc tính của hữu vi, nó chỉ cho các căn bị suy yếu, hư hoại, sức lực giảm mòn, tuổi trẻ biến tan, trí nhớ bị phá sản, trí tuệ sút kém. Khái quát, nó là toàn bộ sự lụi tàn, hủy hoại, già úa của từng phân tử, nguyên tử, tế bào; vô thường, lão suy từng sắc chất, huyết tố, từng năng lực, khí lực của chúng hữu tình. Khi cái thân già, kéo theo cái tâm già; đôi khi không chỉ khổ ở nơi thân mà còn duyên sanh khổ ở nơi tâm là sầu, bi, ưu, não nữa.

Về bệnh, về khổ bệnh (byādhī-dukka) chúng là cả hằng trăm loại bệnh, hằng ngàn loại bệnh khi mang thân xác hữu vi. Chúng có từ ngũ cốc, hoa quả, rau trái, các loài động vật trong vườn nhà, trong rừng, trên trời, dưới sông biển ao hồ; chúng đến từ trong nước, trong không khí; chúng đồng sanh, duyên khởi với các cư dân, cộng đồng tại các thị tứ đang phát triển; chúng còn do ăn nhiều, ngủ nhiều, làm việc nhiều, suy nghĩ nhiều; chúng còn do thời tiết nắng mưa, nóng lạnh thất thường; và cuối cùng, chỉ cần khí huyết đảo lộn, tứ đại bất hòa cũng đủ cho ta thấy rõ cái khổ bệnh của thân. Trong tứ đại, chỉ cần một đại thịnh, hay một đại suy đã sinh bệnh rồi. Bệnh có từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Ở nơi thân thì có bệnh ở nơi da, nơi răng, nơi thịt, nơi gân, nơi xương, nơi tủy, nơi thận, nơi tim, nơi gan, nơi hoành cách mô, nơi lá lách, nơi phổi, nơi ruột non, ruột già, bao tử. Cũng có bệnh do não, do mật, do đàm, do nước tiểu, do máu, do mỡ, trong khớp xương, trong tủy sống. Có bệnh chữa được, có bệnh không thể chữa được. Và dường như cứ mỗi mười năm, mỗi trăm năm, con người phải đối diện với những căn bệnh mới; nó tăng trưởng theo sự sinh hoạt vật chất thịnh mãn của con người. Nói tóm lại, có thân là bị chi phối bởi các định luật của vũ trụ; đó là phải chịu ảnh hưởng của ngày đêm, nắng mưa, nóng lạnh, mặt trời, mặt trăng, các lực, các khí, các nghiệp tương tác trong vạn hữu. Có thân là

có bệnh, và bệnh nào cũng khó chịu, đau đớn, thống khổ cả.

Còn chết, về khổ chết (maraṇa-dukkha) cũng tương tự vậy, trăm cái chết, ngàn cách chết sẽ chờ đợi để tước đi sanh mạng của chúng sinh. Chết do đói quá, chết do no quá, chết do nước, do lửa, do lũ, do bão, do tai nạn, do ốm đau, do vũ khí, do độc chất; chết do thiếu máu, do dư máu, do mật, do đàm, do khí, do tim, do gan, do thận. Tóm lại là chết do hết tuổi thọ, chết do nghiệp, chết do bởi hằng trăm loại nghiệp, chết do hết phước báo hoặc do hằng trăm lý do khác nhau. Chúng đến từ bên ngoài hay từ bên trong thân thể, và sớm trưa chiều tối, ngày đêm lúc nào bóng dáng của tử thần cũng lảng vảng với lưỡi hái trên tay. Nói cách khác, chết là đặc tính tự nhiên của pháp hữu vi. Nó cắt đứt mạng căn. Nó biểu hiện sự vắng mặt trong các sanh thú. Nó làm rơi rụng khỏi kiếp sống; ung thối, rữa nát mọi sinh mệnh.

Tất cả khổ chết ấy, quả thật là đáng sợ, nhưng chúng chỉ là cái khổ thô tháo, khổ thuộc về vật chất; chúng hữu tình từ giai đoạn sanh đến tử còn bị chi phối bởi những nỗi khổ thuộc về tinh thần nữa, đó sâu, bi, ưu, não.

Rồi đức Thế Tôn còn chịu khó, cặn kẽ nói về sâu, về khổ sâu (soka-dukkha), đặc tính của sâu, tác dụng của sâu lên toàn bộ thân tâm. Sâu được hiện ra bên ngoài là cái buồn bã, là cái rầu rĩ, là cái sâu muộn, là cái héo úa, xanh tái của làn da mặt; nhưng bên trong là sự mệt mỏi, chán chường của các tâm sở. Nó còn là sự đốt cháy âm ỉ, liên li; tuy không bốc thành lửa ngọn nhưng làm cho con tim héo úa, gan ruột như bị xào nấu trong chảo với lửa riu riu ở bên dưới.

Bi, khổ bi (parideva-dukkha) được biểu lộ bên ngoài là khóc than, rên rỉ, kể lể... Là cái khổ cao hơn sâu một bậc. Lửa bị nung đốt bên trong cũng mạnh hơn nên nó làm cho tim gan khô cháy, làm cho môi khô, cổ rát, lưỡi đắng.

Ưu, khổ ưu (domanassa-dukkha), là cái khổ đã len sâu, thấm đẫm ở trong tâm hồn. Là sự bức bách, thống khổ đã

cao hơn bi một bậc. Nó làm cho sự lo buồn, lo nghĩ cứ như là thốn đau, nhức nhối tận tâm can. Ai bị nanh vuốt của ưu tóm lấy do bị lửa nung đốt bên trong thì kẻ đó than khóc, bứt tóc bứt tai, đấm ngực, lăn qua lộn lại, vật vã, đờn đau ê chề không kiểm soát mình được nữa.

Não, khổ não (upāyāsa-dukkha), đây là sự khổ đã đến chỗ cao độ, đã đến chỗ thất vọng, tuyệt vọng hoàn toàn. Tuy không còn biểu hiện lộ liễu ở bên ngoài như ưu, bi nhưng nó tương tự như sau khi xào nấu, tim gan ruột đã teo tóp, khô quắp lại. Nếu sầu, bi, ưu, não đi chung với nhau, kết hợp với nhau hoặc đồng sanh thì dễ dẫn đến uống thuốc độc, treo cổ, cắt mạch máu hoặc tự sát với con dao!

Sầu bi ưu não ở trên đôi khi còn do kết hợp với cầu bất đắc khổ (yampicchaṃ na labhati tampi dukhaṃ), tức là mong muốn, mong cầu (icchaṃ), ước nguyện cái gì đó mà không được, không thành (na labhati) nên sinh ra khổ. Càng sống, càng lớn khôn, càng trải nghiệm cho đến khi kẻ bên nắm mồ, con người mới thấm thía rằng: Cuộc đời là cái gì chung thân bất nghịch ý, bất như ý, bất toại nguyện! Không có một nhu cầu thỏa mãn nào, qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể làm cho con người vừa lòng, toại nguyện; chúng luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, không được vừa ý; do vậy thúc hối chúng đi tìm để thỏa mãn nữa. Nhục dục ngũ trần thì càng uống, càng khát và rồi càng tầm cầu thỏa mãn càng đối diện với hư vô, bị hư vô nuốt chửng hay bị hư vô thiêu cháy! Ngay chính các mục tiêu, ước mơ, lý tưởng khởi từ tình yêu, sự nghiệp, tiền bạc, danh vọng, địa vị... chúng chỉ là cái rỗng không, bất toàn; ngay cả khi có nó, lúc thành tựu được, lúc nắm bắt được thì chúng không phải thế, chúng là cái khác, chúng còn ở trước mặt, còn ở trước tầm tay với! Điều này là sự thực, là chân lý nên bất toại nguyện khổ chi phối toàn bộ nhân loại, chư thiên, phạm thiên không chừa một ai! Ái biệt ly khổ (piye hi vippayogo dukkho), tức là người và vật mà

mình thương yêu, vừa lòng (piya) thì phải bị chia biệt, lìa xa (vippayoga), sinh ra loại khổ này. Thế là biết bao nhiêu yêu thương, triu mến, luyến ái bị chặn bít, bị cắt đứt, bị ngại duyên làm cho ta bị tổn thương, sầu muộn, đau khổ. Nó còn có nghĩa là bị tách rời, đoạn tuyệt cái gì đáng thích, đáng ưa. Nó làm ta mất liên lạc với thế giới và môi trường thương yêu quen thuộc. Nó còn là sự mất cha, mất mẹ, mất vợ, mất chồng, mất con, mất cháu, mất thầy, mất bạn, mất tài sản, mất sự nghiệp.

Oán tăng hội khổ (appiyehi sampayogo dukkho), tức là người mà mình thù oán, mình ghét, mình không ưa, không vừa lòng (appiya) thì phải thường gần gũi, tiếp xúc, thân cận (sampayoga) mà sinh ra khổ này. Thế là biết bao nhiêu là bực bội, khó chịu, oán ghét có thể đưa đến hận thù cứ đốt lửa âm ỉ trong lòng.

Nói tóm lại, thủ ngũ uẩn khổ (pañcupādānak khandhā-dukkhā) là khi có sắc thân này, có cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức; và nhất là bám víu vào nó, chấp thủ nó, ái luyến nó, nhận nó là ta, là của ta thì vô lượng thống khổ sẽ duyên sinh, khởi sinh đến trùng trùng, bất khả hủy diệt. Toàn bộ ấy là sự thật về khổ, là Khổ đế, chi phối các chúng hữu tình.

Như vị lương y siêu việt, sau khi xem bệnh chứng, muốn chẩn trị có hiệu quả phải tìm cho ra căn do, nguyên nhân, nguồn gốc của bệnh; cũng vậy, đức Phật lại cặn kẽ trình bày về gốc nguồn phát sanh Khổ đế chính là ái!

Đức Phật dạy:

- Đây chư tỳ-khưu! Ái chính là Khổ Tập đế! Ở đâu, lúc nào, phạm vị nào, hoạt dụng nào cũng có ái. Nó có từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nó có từ sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nó có từ quá khứ, hiện tại, vị lai. Nó có từ cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Nó có cái thô, có cái tế, có cái thanh, có cái trực, có cái gần, có cái xa, có cái thấy được, có cái không

thấy được. Ở đâu, lúc nào, phạm vi nào, hoạt dụng nào mà có phát sanh vừa lòng, ưa thích, thích thú, yêu mến, yêu thương, thích khoái rồi đưa đến mê say, chìm đắm, mong được thỏa mãn, hỷ đắc thì nơi ấy có ái! Lại còn có ái ít người thấy là mong mình trẻ mãi, xuân mãi, sức khỏe mãi; những sở hữu cả vật chất và tinh thần của mình đều được thường tồn, kiên cố, bất hoại; rồi còn mong linh hồn của mình được trường cửu! Đôi khi cảm thấy hạnh phúc trần gian phù du, bọt bèo quá, họ muốn tu hành để sống đời trường xuân, bất lão ở các cõi trời có dục vật chất được phóng đại tốt cùng! Có trường hợp ngược lại, là sợ mình chết là hết nên tìm cách hưởng mau, hưởng vội, tìm đủ mọi cách để thỏa mãn tận cùng không kể đến lẽ phải, đạo đức, tình người và tình sanh loại! Ôi, ái tràn ngập ba cõi, bốn loài! Ái là đầu mối, là cộng sinh với tham lam, sân hận, si mê. Ái được thì tham; ái không được thì sân rồi từ đó phát sanh cả một rừng tâm lý hỗn mang, sân si gai chông lùm bụi của tật của đổ, của bất mãn, của phản bội, vô ơn, bạc bẽo, chán chường, kiêu ngạo, hồng hách, máu lửa, chiến tranh, hận thù phủ trùm lên hoàn vũ, lên sinh mệnh các giống hữu tình.

Và rồi này chư tỳ-khưu! Ái diệt là Niết-bàn. Niết-bàn là Khổ Diệt đế! Ái diệt là nguội tắt tham sân. Ái diệt là sự chấp thủ ngũ uẩn không còn nữa. Ái diệt là căn nhà bản ngã được công phu xây dựng từ vô lượng kiếp bị phá tan; bao nhiêu cột, kèo, rui, mè, đòn tay, đòn dông, tường vách, mái lợp... bị trí tuệ giải thoát đốt cháy không còn dư tàn. Thế rồi, niềm vui siêu thế hiện ra. Vô lượng bệnh khổ không còn nữa. Sinh tử trầm luân trong ba cõi, sáu đường không còn nữa. Tuy nhiên, Niết-bàn không nằm trong lý trí, tư duy, suy luận, ngữ ngôn, khái niệm; nó phải được thực chứng; nó phải được thấy ngay, thấy thẳng bởi tuệ giác vô vi, vô nhiễm. Đây là chân lý tối hậu, là sự thực tối hậu không còn bị chi

phối bởi thể giới hữu vi hạn cuộc, không còn bị quy định bởi thời gian và các phạm trù ước lệ nữa. Nó siêu xuất ba cõi. Tạm gọi nó là cái phúc lạc thâm sâu, tuyệt đối, không thể nghĩ bàn!

Thời pháp giảng đến ngang đây thì hôm đó trời đã quá khuya, năm vị tân tỳ-khưu thừa thỉnh đức Phật nghỉ ngơi. Thời pháp đã được đức Thế Tôn phân tích chi ly, cặn kẽ như thế nhưng cứ vẫn tồn đọng trong tâm trí các vị tân tỳ-khưu nhiều câu hỏi, nhất là Niết-bàn. Đêm đó dường như cả năm vị không ngủ nghỉ, cứ mãi làm thâm trò chuyện. Và đây là những câu hỏi tồn nghi:

- Niết-bàn không nghĩ suy được, không lý giải được thì nó có phải là phi hữu như lông rùa, sừng thỏ?

- Niết-bàn vắng mặt ngũ uẩn, như vậy thì nó còn gì, hư vô chăng?

- Đặc tính của Niết-bàn là sự hủy diệt chăng? Nó hủy diệt cấu uế, hủy diệt tham sân si, hủy diệt các sanh thú vì nó không còn tái sanh?

- Niết-bàn không phải hữu vi nên nó là phi sở tạo?

- Niết-bàn không do tạo tác, không có già chết, vậy nó thường trụ chăng?

Koṇḍañña nói nhỏ với các bạn:

- Những câu hỏi ấy hay lắm, nhưng bài pháp đức Thế Tôn chưa giảng xong, chúng ta đừng làm phiền đến ngài. Hãy kham nhẫn chờ đợi!

Những ngày sau đó, lúc thì ngoài trời, lúc thì trong am cốc, đức Phật lại tiếp tục triển khai rộng rãi bài pháp Tứ Thánh đế:

- Niết-bàn như đã trình bày, chắc chắn là còn điếm chưa được sáng tỏ. Chưa được sáng tỏ nên có sự nghi ngờ, nghi hoặc là lẽ dĩ nhiên. Chỗ đến là như vậy, mục đích của sa-môn hạnh là như vậy; nhưng còn lộ trình đi đến đó nữa, con đường hành trì tức là đạo lộ dẫn đến Niết-bàn.

Sau đó, đức Phật đưa ra bản đồ tâm linh, lộ trình trung đạo như đã khái quát dẫn lược, là Đạo đế! Lại một lần nữa, đức Phật chi ly trình bày ngữ nghĩa từng danh từ một. Con đường Bát chánh khởi đầu bằng chánh kiến, cái thấy chơn chánh, cái thấy viên dung, tròn trặn, trong suốt, như chân, như thực: Cái thấy Tứ Thánh đế. Nói cách khác, chánh kiến là cái thấy chưa bị méo mó, sai lệch hay bị khúc xạ bởi lý trí, tư duy, các trạng thái tâm lý hay tình cảm chủ quan: cái thấy đúng như thực tướng! Chánh kiến ấy là chánh kiến siêu thế, vô lậu và không có sanh y dành cho bậc vô học. Cũng có một loại chánh kiến khác nữa. Đây là thấy rõ thiện, bất thiện, khổ báo, phước báo, nhân quả, kiếp này, kiếp kia, luân hồi tử sanh... Nó thuộc tại thế, hữu lậu, còn sanh y dành cho bậc hữu học. Cả hai loại chánh kiến trên đều loại trừ tà kiến, loại trừ thường kiến, đoạn kiến; loại trừ kiến kiết phược, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến điên đảo của tất cả sáu mươi hai tà kiến trên thế gian! Khi có được cái chánh kiến ấy rồi mới có được chánh tư duy tức là suy nghĩ đúng, suy nghĩ chơn chánh! Đây là do nhờ cái thấy đúng dẫn đến suy nghĩ đúng chứ không phải có một cái chánh để suy nghĩ! Và, nếu có một cái chánh để hành trì thì cái chánh ấy cũng trở thành cái bị chấp thủ, trở thành cái bóng của ái, của ngã, của kiến. Chánh tư duy phải cần được hiểu là nó thuộc phạm trù đức lý, đạo hạnh. Muốn biết cái chánh ấy là gì thì chỉ cần xa lìa dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy. Xa lìa dục tư duy có nghĩa là đừng suy nghĩ về sắc thanh hương vị xúc, phải hướng đến sự khước từ, xa lánh, xuất ly chúng (nekkhamma-saṅkappa); nhờ vậy, vị ngã, tham dục, tham ái không có cơ hội nảy mầm! Xa lìa sân tư duy cũng có nghĩa tương tự, là đừng có suy nghĩ đến chuyện nóng nảy, ganh ghét, bực tức; khi mà các thuộc tính của sân này được làm cho dịu, cho mát đi thì ta có được trạng thái tâm vô sân (avyāpāda-saṅkappa, tư duy vô sân) rất gần gũi với tâm từ.

Cái tư duy thứ ba, xa lìa hại tư duy tức là đừng có nghĩ đến chuyện ác ý hại người hoặc nuôi dưỡng niệm hung bạo. Nói cách khác, khi ấy là ta đã có được vô hại tư duy (avihimsā-saṅkappa), hỗ trợ thêm cho vô sân ở trên để có được một đầu óc minh mẫn, sáng suốt, một cái tâm trong trẻo, mát lành. Từ cái tâm ấy, cái trí ấy mà tư duy thì tư duy nào cũng thiện, cũng lành, cũng tốt, cũng đẹp, cũng thanh lương, cũng cao thượng, cũng ưu thắng cả! Chánh tư duy dẫn đến chánh ngữ, lời nói chơn chánh, lời nói đúng với sự thực, như thực! Chánh ngữ còn nội hàm: lời nói ấy phải y cứ trên cái thật, cái sự thật (chân); lời nói ấy phải lành, tốt, thiện ích (thiện); lời nói ấy phải dễ nghe, dễ hoan hỷ cái lỗ tai (mỹ). Ba yếu tố ấy mà thiếu một thì xem như chánh ngữ còn bất toàn, chưa trọn vẹn. Với nội dung tốt đẹp, tuyệt bích của chánh ngữ, như vậy thì lời nói nào cũng đem đến lợi ích cho mình và cho người. Nói lời đầy đủ như vậy thì vô hình trung, đã loại trừ lời nói dối, nói sai sự thật, nói vu oan, vu cáo, nói lời độc ác, hung dữ, phỉ báng, nhiếc móc, nhục mạ; cũng tránh nói lời hai lưỡi, đâm thọc, dẹt găm thù hoa, nói trơn như mỡ, nói ngọt như đường hoặc thêm mắm, thêm muối, thêm gia vị cho bùi tai; phải tránh nói lời cộc cằn, thô lỗ, nói lời đâm bị thóc, thọc bị gạo; cần tránh nói lời tục tĩu vô duyên, nói lời phù phiếm, rỗng tuếch làm kẻ trí nhàm tai. Tóm tắt là cấm dối vọng, ác khẩu, ý ngữ, phù phiếm. Chánh ngữ dẫn đến chánh nghiệp, tức là nghiệp hành chơn chánh, thân chơn chánh. Thân chơn chánh hoặc thiện thân hành tức là thân không làm điều tà vạy, bất chánh, điều ác, điều mà thế gian chê trách; tức là cấm sát, đạo và dâm. Thứ nhất là không sát sanh hại người, hại vật, biết tôn trọng sự sống của các loài hữu tình, ngay cả vô tình như cây cỏ cũng không nên chặt phá, đốt bỏ một cách bừa bãi. Thứ hai là chẳng nên trộm cắp, khoét tường, nạy tủ lấy tài sản, của cải, vật có giá trị hay không có giá trị thuộc sở hữu của người khác. Thứ ba là

cấm tuyệt tà dâm, tà hạnh, rủ rê, dụ dỗ chung chạ với vợ con người; riêng bậc xuất gia thì phải sống đời phạm hạnh thanh tịnh. Còn nữa, chánh nghiệp dẫn đến chánh mạng, nuôi mạng chơn chánh, tức là tránh xa cách nuôi sống tà mạng do thân và khẩu. Có cái thân là phải nuôi dưỡng nó; cho nó ăn cơm, mặc áo, cho nó uống thuốc khi bệnh, cho nó cái chỗ để nó ngủ nghỉ, tránh nắng mưa, nóng lạnh, rắn rít, muỗi mòng... Đời sống các tộc người thuộc các bộ lạc sơ khai, nhu cầu ít nên các phương tiện vật chất để sinh sống khá đơn giản. Khi các thôn ấp, làng xóm được thành lập thì những đòi hỏi về tiện ích, tiện nghi cứ tăng lên mãi; và đời sống với những nhu cầu về ăn, mặc, ở, thuốc men càng phức tạp, càng rối rắm. Con người do những tầm cầu, săn tìm vật chất, của cải đã bắt đầu nhúng tay vào cái ác, nhu cầu ngày càng nhiều thì cái ác càng tăng. Cái ác càng tăng thì những thói hư, tật xấu, gian tham, ích kỷ, lường gạt, xảo quyệt, sân độc, hung bạo... cứ thế mà tự do mọc rễ, đâm chồi. Tại các thành phố, thị tứ phát triển thì vấn đề nuôi mạng đã trở nên đa dạng, phong phú, nhiều chiều. Nhu cầu vật chất, phương tiện ăn ở, sinh hoạt càng đòi hỏi đáp ứng thì các nghề nghiệp bất chánh thi nhau mọc lên như nấm. Do vậy, những bậc thiện trí, những kẻ hiền đức xưa và nay, trước hiện trạng xã hội và con người sa lầy, mê đắm dục vật chất như thế đã biết tự ngăn giữ mình, khuyến hóa mình phải tránh xa các nghề nghiệp được xem là tà mạng như sau: nghề sát sanh hại vật, nghề buôn bán vũ khí, nghề đao thớt, bán mua các loài động vật, nghề bán mua các loại độc dược, nghề chung cất, bán mua rượu men, rượu nấu... Nuôi dưỡng cái thân, cung chiều cái thân, ái luyến cái thân càng nhiều thì ác nghiệp càng lớn. Một thiện gia nam tử sống giữa cuộc đời thật khó giữ cho bàn tay mình thanh sạch; ít nhiều phải bị dính bùn, nhuốm bụi. Riêng bậc xuất gia do nhu cầu đơn giản, chỉ có chiếc mỏ (bình bát), đôi cánh (tam y), mà thông dong biển rộng

sông dài. Họ ăn vừa đủ, mặc vừa đủ, ngủ đâu cũng được, thuốc men thì có nước tiểu, phân bò, rễ củ đó đây. Tứ sự càng dị giản thì đời sa-môn hạnh càng thanh nhàn, vô sự. Nghề nghiệp nuôi mạng chơn chánh của sa-môn là ăn vật thực người ta cho, người ta cúng dường; mặc y áo do vải lượm, do người ta quăng bỏ ở nghĩa địa, giữa rừng, góc chợ, ven đường. Thuốc men hoặc chỗ ngủ nghỉ cũng tương tự vậy, cái gì người ta chưa cho, chưa trao tận tay với thành ý mà mình tự ý lấy dùng, sử dụng, chiếm hữu hoặc nói ướm, nói lời gợi ý thì đây chính là tà mạng!

Khi mà đã có kiến, tư duy như ngọn đèn thấp sáng tâm và trí rồi thì ngữ, nghiệp, mạng là giai đoạn hoàn thiện thân, khẩu, hoàn thiện đức hạnh bản thân. Khi bản thân đã chính đính, nghiêm túc, mẫu mực rồi, ta còn cần phải cố gắng, tích cực nuôi dưỡng tâm ý thiện lương, lánh xa ác niệm, và đây là chánh tinh tấn, nỗ lực chơn chánh. Trong tâm ta có cái mầm ác và có cái mầm thiện. Mầm ác thì đừng cho nó nhú lên, nếu đã nhú lên rồi thì quyết tâm cắt bỏ, đào bứng nó đi. Mầm thiện thì chăm chăm, khéo léo, cố gắng làm cho nó nhú ra, nếu đã nhú ra rồi thì nâng niu, săn sóc, tích cực thêm phân thêm nước cho nó mau phát triển tỏa thành cây xanh, bóng mát! Nói cách khác, chánh tinh tấn là một công phu quyết liệt để loại trừ những trạng thái tâm lý xấu, ác; và nuôi dưỡng, trưởng dưỡng những trạng thái tâm lý lành, tốt! Đơn giản chỉ có vậy nhưng mà nhiều khê, vất vả vô cùng nên đi trước nó đã có kiến, tư duy, ngữ nghiệp, mạng hỗ trợ, thêm sức mạnh, tạo môi trường thuận lợi. Và, có lẽ, như vậy cũng chưa đủ nên sau chánh tinh tấn là chánh niệm, chú tâm chơn chánh, chú tâm theo dõi bốn chỗ thường duyên sanh các pháp bên trong lẫn bên ngoài: Ấy là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp, tức là Tứ niệm xứ! Phiền não, khổ đau cũng ở đây, mà an tịnh, Niết-bàn cũng ở đây! Công phu thanh lọc mọi bụi bặm, mọi ô nhiễm thân tâm, thấy rõ thực

tướng các pháp phải được bắt đầu từ đây, chánh niệm, tức là chú tâm theo dõi, ghi nhận mọi động tịnh, mọi tác động đến từ sắc thân, các cảm thọ, các trạng thái tâm cùng với đối tượng danh pháp, sắc pháp. Chánh niệm giúp ta không lơ là, không quên, không thất niệm, làm cho tâm được an lập, kiên trú để hỗ trợ cho chánh định...

Đức Phật giảng đến đây, lúc đang nghỉ hơi, tỳ-khuru Bhaddiya hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Niệm thân chính là niệm cái sắc thân này, từ hơi thở vô ra, các oai nghi đi đứng nằm ngồi và cả ba mươi hai thể trược hay còn gì khác nữa?

- Đúng vậy, này Bhaddiya, nhưng còn nữa - Đức Phật nói - kể cả tứ đại cấu thành, kể cả khi quán tưởng các hình dạng tử thi tan rã dần dần nơi nghĩa địa.

Tỳ-khuru Assaji hỏi:

- Xin đức Thế Tôn giảng rõ thêm về niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp cho chúng đệ tử dễ lãnh hội?

- Niệm thọ tức là tất cả mọi cảm thọ khổ lạc xả hỷ ưu đều phải chú tâm ghi nhận một cách trung thực. Một cảm giác nảy sinh, nó sẽ tác động toàn bộ tâm sinh lý, cảm giác ấy nó khó chịu (khổ), dễ chịu (lạc), trung tính (xả), hân hoan (hỷ) hay bức bối (ưu) đều được ghi nhận một cách như thực, đừng giảm trừ nó, đừng không chế nó mà cũng đừng thỏa hiệp. Nó đến như thế nào, nó an trú như thế nào, nó ra đi như thế nào đúng với định luật sinh diệt, đừng bị xác lập hay bị quy định bởi các tâm lý chủ quan! Phải lấy như chân như thực, như thực tánh mà quán niệm! Niệm tâm thì chú tâm ghi nhận tất cả mọi trạng thái tâm lý xảy ra nơi tâm: tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si; kể cả tâm dục giới, sắc giới, vô sắc giới; kể cả tâm có giải thoát phiền não hay tâm chưa được giải thoát phiền não. Niệm pháp thì phức tạp hơn, vì nội hàm pháp rất lớn rộng. Tuy nhiên, ta chỉ khu biệt, giới hạn những pháp thuộc đối tượng của tâm trên lộ trình tu tập.

Khi tu tập, ta sẽ thấy rõ những pháp che lấp, chướng ngại như sự mệt mỏi, bất hoại của các tâm sở (thīna, hôn trầm), sự đã dươi, buồn ngủ của thân (middha, thụy miên), nghi nan, ngờ vực về thiện pháp, pháp hành (nghi, vicikicchā); nóng nảy, bực bội, khó chịu (sân, vyāpāda), lay động, phóng dật (trạo cử, uddhacca) hoặc ăn năn hối hận (hối quá, kukkucca); và tham muốn nhục dục (dục lạc, kāmachanda). Lúc tu thiền định thì năm pháp che lấp, chướng ngại ấy sẽ được đối trị, làm cho yên lặng do nhờ sự xuất hiện của năm thiền chi; ấy là tầm (vitakka), tứ (vicāra), phi (pīti), lạc (sukha) và nhất tâm (ekaggatā). Đây là những pháp cần được ghi nhận. Ngoài ra, năm uẩn, mười hai nhân duyên, bảy giác chi... đều là pháp phải quán niệm, ghi nhận một cách trung thực.

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy là trong niệm có định? Mahānāma hỏi.

- Niệm hỗ trợ cho định, niệm dẫn đến định, trong niệm có định; và niệm như thực tánh còn dẫn đến tuệ nữa - Đức Phật lại ân cần giải thích – Tuy nhiên, điều ấy Như Lai lại để dành một dịp khác. Còn rất nhiều pháp ẩn tiềm trong bài giảng cô đọng ở trên, muốn hiểu cho tận tường, thấu đáo, thông tỏ, Như Lai phải liễu giải nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, thậm chí cả trăm năm, ngại rằng cũng không nói hết!

Nghe vậy cả năm vị tân tỳ-khuru lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Họ thấy rằng, đức Phật dường như có cả một kho tàng; càng giảng càng thấy rộng và sâu, càng giảng, họ càng nghe những điều mới lạ; và quan trọng nhất là tâm họ càng an tịnh, trí họ càng sáng tỏ. Đúng là pháp màu vi diệu, đúng là pháp màu bất tử. Họ nghe mà như uống từng chữ, từng lời: ngọt, thanh, thù thắng, mênh mông và sâu nhiệm!

- Nay chư tỳ-khuru! Còn chánh định nữa! Định thì các vị đã từng tu tập, từng chứng đắc, dù thấp hay cao theo tôn

giáo truyền thống, các vị đã biết rõ rồi. Định tối thượng nhất trong tam giới là định vô sở hữu và định phi phi tướng từ hai bậc đạo sư Ālāra Kālāmagotta và Uddaka Rāmaputta thì Như Lai cũng đã từng chứng đắc, nhưng tại sao Như Lai lại bỏ đi? Như Lai bỏ đi vì chúng không đưa đến tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh, giác ngộ, giải thoát. Các định ấy còn ở trong sinh tử. Cả hai vị đạo sư còn dính mắc, không chịu lìa bỏ, còn chấp thủ, còn sở hữu xả và nhất tâm, còn an trú trạng thái phúc lạc thâm sâu của xả và nhất tâm ấy nên Như Lai bảo đây không phải là chánh định. Còn kiến chấp và ngã chấp, còn thỏa hiệp với sinh tử thì không phải chánh định. Trước các vị là những vị tỳ-khuru đầu tiên trong giáo pháp bất tử này, Như Lai tuyên bố rằng: Chỉ có định xuất thế, chỉ có định của các vị đắc tứ thánh, tứ quả có đối tượng là Niết-bàn thì định ấy mới là định chơn chánh, là chánh định!

Cả năm vị tỳ-khuru đều ớn lạnh, rùng mình, nổi gai ốc! Hóa ra các định mà họ an trú bấy lâu nay không phải là chánh định, vậy là tà định chăng? Một sự đảo lộn tri kiến như thế đã làm cho họ bàng hoàng, run sợ!

Chợt Koṇḍañña hỏi một câu rất xác đáng:

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy thì có một định khác, định giải thoát mà ngài đã an trú từng đêm?

Đức Phật mỉm nụ tiểu sanh tâm, đáp rằng:

- Không có cái gọi là định giải thoát ấy, này Koṇḍañña! Thấy cả năm vị đều rơi vào sự bối rối, ngờ ngác, đức Phật bèn mở nút – Khi tâm giải thoát, khi tuệ giải thoát trú vào định nào thì định ấy đều được gọi là định giải thoát, các vị cứ như thế mà lập tri!

Cả năm vị đồng thở phào, nhẹ nhõm. Họ quá tâm đắc vào thời pháp, quá tri ân về sự giảng giải tận tình của đức Thế Tôn nên họ đồng sụp quỳ xuống lạy tạ và rơm rớm nước mắt.

Tối hôm kia, tỳ-khuru Koṇḍañña có lẽ do nhiều suy nghĩ

bởi thời pháp nên đã đặt câu hỏi:

- Trong khi giảng về Tứ thánh đế, đức Thế Tôn nhấn mạnh tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh; nhưng đạo lộ dẫn đến Niết-bàn, là Bát thánh đạo, Bát chánh đạo, con đường Trung đạo để tu tập, không thấy nói đến chánh tuệ, không thấy một tuệ nào được đề cập? Chỉ có niệm đưa đến định?

Đức Phật vừa lòng với câu hỏi vô cùng:

- Koṇḍañña, ông là bậc trí, đặt câu hỏi như ngón trỏ chỉ thẳng vào cái cơ yếu, cái căn đề. Đúng vậy, câu hỏi của ông chính là những vấn đề mà Như Lai định tuyên thuyết hôm nay.

Này chư tỳ-khuru! Sau khi trình bày về khổ, Như Lai nói nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường dẫn đến sự diệt khổ. Con đường ấy, lộ trình Bát chánh, Như Lai cũng đã giảng giải khái quát và chi tiết, nhưng không có chánh tuệ! Các thời pháp hôm trước, Như Lai đề cập chánh kiến như là yếu tố đầu tiên rồi cuối cùng mới dẫn đến chánh định. Thứ tự ấy là đúng, vì thấy đúng thì tất cả đều đúng, nếu thấy sai thì tất cả đều sai! Tuy nhiên, đây chỉ là phương pháp giả lập. Nếu có người hỏi rằng, làm sao, mới nghe giáo pháp, mới tu tập mà có được chánh kiến cao cả, vô thượng, trong sáng và vô nhiễm ấy? Câu hỏi rất hay, rất xác đáng. Muốn có chánh kiến ấy thì phải có chánh định, định tâm chân chánh, giải thoát! Muốn có định tâm chơn chánh, giải thoát thì phải có chánh niệm, ghi nhận các pháp đúng như thực tướng. Muốn có chánh niệm như thực ấy thì phải có ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh. Và muốn có ngữ, nghiệp, mạng chơn chánh như thế thì phải cần có kiến và tư duy chơn chánh dẫn dắt. Hóa ra là nó đi vòng tròn. Vòng tròn cũng không chính xác, phải nói là tương quan, tương tác. Tương quan, tương tác cũng không chính xác mà nó đồng sinh. Nếu có tuệ minh sát nhìn ngắm thì ngay trong sát-na của đạo lộ thì tâm tuệ viên dung, có chánh kiến soi chiếu, tuệ tâm sở thì tất cả mọi chánh kia

đều có mặt. Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ tại thế thì tạm thời có giả lập thứ tự trước sau.

Này chư tỳ-khuru! Vì giả lập nên nói có tám nhánh, tám đạo chi. Vì khi nói kiến và tư duy là đề mà tu tập trí - tuệ. Nói ngữ, nghiệp, mạng là đề mà tu tập thân, khẩu - giới. Nói niệm, định là đề mà tu tập tâm - định. Còn chánh tinh tấn thì tùy lúc, tùy khi nó hỗ trợ cho kiến, tư duy, hỗ trợ cho ngữ, nghiệp, mạng, hỗ trợ cho niệm, định. Thân, tâm, trí có giới, định, tuệ an lập và đều cần sự nỗ lực chơn chánh của tấn. Nhưng thân, tâm, trí là vận hành tương tác, bất ly; giới, định, tuệ cũng như thế. Có cái này tất có cái kia, nó duyên khởi. Gọi Bát thánh đạo là chỉ cái viên dung, tròn đầy trong tâm của bậc thánh. Gọi Bát chánh đạo là chỉ cho những sa-môn đang trên đường, đang trong từng giây khắc hoàn thiện bản thân, đang tu tập giới, tu tập định, tu tập tuệ.

Này chư tỳ-khuru! Như Lai từng nói là niệm dẫn đến định mà niệm cũng dẫn đến tuệ vì Tứ niệm xứ vừa thành tựu các định sắc giới vừa có khả năng dẫn đến tuệ giải thoát. Tứ niệm xứ viên mãn, chánh niệm viên mãn thì cần định có định, cần tuệ có tuệ. Khi ấy, chánh định lại dẫn đến chánh kiến, chánh kiến chính là chánh tuệ vậy. Và chánh tuệ này, tùy lúc, tùy khi, tùy công năng, cấp độ, tùy hoạt dụng còn được gọi là trạch pháp giác chi, tuệ như ý túc, tuệ căn, tuệ lực, tuệ tâm sở. Chánh tư duy chính là tầm tâm sở trong thiền chi; khi còn thuộc thế gian thì nó gồm ba loại tầm viển ly là tầm ly dục, tầm ly sân, tầm ly hại sẽ thành tựu được ba tâm riêng biệt là vô tham, từ và bi; nhưng ở trong đạo lộ xuất thế, chúng chỉ là một do đoạn tận dục tham, sân và hại. Chánh ngữ bao gồm bốn thiện ngữ nghiệp là đủ rồi. Chánh nghiệp bao gồm ba thiện thân hành là đủ rồi. Chánh mạng được hiển lộ một đời sống thiếu dục, tri túc là đủ rồi. Ngữ, nghiệp, mạng còn được gọi là ba tiết chế tâm sở là giới hạnh được bậc trí ưa thích, tán dương, nó thường được củng cố

nhờ tín căn và tín lực. Chánh tinh tấn hỗ trợ cho bất cứ đâu cần đến, như đã nói, nó gồm tứ chánh cần, tấn tâm sở, tấn căn, tấn lực và tinh tấn giác chi. Chánh niệm bao gồm tứ niệm xứ, niệm tâm sở, niệm căn, niệm lực và niệm giác chi. Chánh định bao gồm các định có tâm, có tứ vì còn sử dụng để quán, nhất tâm tâm sở, định căn, định lực, còn kể chung luôn hỷ, an, định, xả của giác chi.

Và này chư tỳ-khuru! Nếu Bát chánh đạo, Bát đạo chi không được hiểu rõ, không được thấy rõ, không được hành trì đúng như Như Lai đã giảng giải thì có thể bị rơi vào bát tà đạo: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; rồi chúng sẽ đưa đến tà tuệ và tà giải thoát!

Đến ngang đây, các vị tỳ-khuru dường như đồng thanh nói:

- Chúng đệ tử rợn ngợp về giáo pháp này. Kể về chi tiết, mạch lạc thì chúng riêng lẻ như từng cái cá biệt; nhưng chúng lại lẫn trong nhau, tan hòa trong nhau khó phân ra biên giới một cách rạch ròi! Bạch đức Thế Tôn, như vậy là đủ rồi, như vậy là quá dư thừa để cho chúng đệ tử có thể có thời gian lãnh hội thấu đáo. Chúng đệ tử còn cần phải suy gẫm, chiêm nghiệm từ trong mỗi động thái, cử chỉ, oai nghi, từng hơi thở, từng khởi sanh của tâm niệm. Giáo pháp này, quả thật, không phải tìm sự hợp lý trong suy luận mà phải hiện quán để chứng thực, chứng nghiệm, bạch đức Thế Tôn!

- Lành thay, các ông đã hiểu, đã thấy một phần nào. Như Lai hy vọng rằng, chỉ ít hôm nữa thôi, các ông không những thông tỏ toàn vẹn đạo lộ xuất thế, mà còn chấm dứt tất cả mọi nghi nan về chuyện Niết-bàn là phi hữu, hư vô, thường trụ hay phi sở tạo!

Cả năm vị tỳ-khuru đồng giạt mình, lông tóc dựng ngược: Đúng là sự thấy biết bất khả tư nghì của bậc Chánh Đẳng Giác!

Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhana Sutta)

Lộc Uyển, Vườn Nai, địa thế xinh tươi, mát mẻ, trong lành như một ốc đảo thanh bình. Có những tàn me cổ thụ, có những gốc cây Sāla sừng sững, có những cội Assattha uy nghi, đường bệ, có những hàng xoài rậm rạp, chúng vừa tỏa bóng mát vừa thanh lọc môi trường nên lúc nào cũng cảm giác không khí trong trẻo, không một hạt bụi. Miền tụ lạc thanh mậu này, Isipatana (Chư tiên đọa xứ) cách thành phố Bārāṇasī chỉ non một do-tuần (bây giờ là 11 km), là nơi cư dân đông đúc, sinh hoạt bán mua và cả sinh hoạt tôn giáo rất là sầm uất và rộn rịp.

Cứ mỗi buổi sáng, vệ sinh, thiền định, kinh hành xong, đợi mặt trời vừa rạng ở chân trời là những vị tỳ-khưu thay phiên nhau để đi trì bình khát thực; riêng đức Phật thì họ cúc cung, tận tụy cúng dường. Do đã hiểu con đường trung đạo, tri túc thiếu dục là chính, họ không còn ăn vật thực cỡ bằng nắm tay nữa, phải đủ chất để nuôi dưỡng cái thân mà tu tập. Bước chân thông dong, nhàn nhã đã đưa họ đến những thôn làng trù phú, đôi khi đi vào thành phố. Vật thực luôn đầy đủ, đủ cả lượng, đủ cả chất. Tuy nhiên, theo ý của vị trưởng lão, tỳ-khưu Koṇḍañña thì tránh đi vào thành phố, vì đây là thành phố của bà-la-môn giáo. Tín đồ của bà-la-môn giáo ở

đây khá cực đoan, nếu họ thấy một loại tu sĩ áo vàng, tóc râu sạch sẽ, khác tu sĩ của họ thì họ thường tỏ thái độ khinh ghét, miệt thị, nói lời bất nhã, đôi khi lại trở ngại cho việc khát thực. Chẳng phải sợ hãi gì, nhưng tránh sự va chạm hoặc hiểu lầm không cần thiết khi đang ở giai đoạn chiêm nghiệm giáo pháp bất tử, còn mới mẻ đối với họ quá. Niềm tin thì ai cũng đã vững vàng; nhưng khi chưa trang bị đủ kiến văn thì lúc ăn nói, giao tiếp, xúc đối khó tránh khỏi những phát ngôn bất cập, thiên cận có hại cho uy tín của đức Tôn Sư.

Qua chỉ hơn mười ngày sau khi ăn uống, sinh hoạt trung đạo trở lại, họ đều đã có da có thịt, trông đã khá hơn những năm tháng khổ hạnh. Nhờ tiết độ, nhờ hỷ lạc, vị nào trông cũng có khí sắc với những cặp mắt đều long lanh sáng. Khi dừng chân nghỉ ngơi, tránh mưa hoặc tránh bụi bùn do cả đoàn xe ngựa, xe bò thồ hàng tấp nập trên đường, họ thảo luận với nhau.

Mahānāma nói:

- Đức Phật khi còn là thái tử nổi tiếng về sở học, ba tập phê-đà và mười tám môn học nghệ chẳng có gì là không uyên bác. Y dược cũng vậy. Ngài trình bày Tứ Diệu Đế như cách nói của một vị lương y. Bệnh này, nguyên nhân của bệnh này, muốn cho lành, muốn chấm dứt bệnh này thì phải uống thuốc như thế này!

Vappa phụ họa:

- Đúng thế! Có nhiều cách lập luận rút ra từ đó cũng hay lắm! Này nhé, đói nè, nguyên nhân của đói là do mất mùa nè, muốn sung túc, đầy đủ, khỏi đói là phải biết cần mẫn, chăm lo nông vụ và mưa nắng thuận hòa nè!

Bhaddiya tỏ ra biết triển khai vấn đề:

- Tuyệt! Nhưng cũng còn rất nhiều cách nói khác nữa. Ngu si này, nguyên nhân của ngu si là do không nghe, không học hỏi; muốn sáng suốt, thông tuệ thì phải biết học

hỏi, thực hành giáo pháp!

Ngoài ra, đôi lúc họ thảo luận đến những điểm trong bài kinh Chuyển pháp luân, những chỗ khó lãnh hội ở Diệt đế và Đạo đế. Chiều tối đến, nếu Koṇḍañña không trả lời được thì họ hỏi đức Phật, và lúc nào thì ngài cũng sẵn sàng. Đức Phật đã chuẩn bị, sẵn sàng để giảng một thời pháp quan trọng nữa. Thời pháp này hoàn toàn ngược lại truyền thống tôn giáo cũ. Và từ xưa đến nay, chưa hề có một ý tưởng, một luận điểm nào như thế được nêu lên. Dường như sau khi chứng ngộ dưới cội bồ-đề, từ trung tâm điểm của tuệ giác, giáo pháp cứ từ đó mà tỏa ra, không nói theo ai, không lập lại những kiến thức cũ mòn, đức Phật biết rõ như vậy.

Hôm kia, một buổi chiều tạnh ráo, đứng vào ngày ba mươi tháng Āsālha, biết là cả năm vị tỳ-khuru đã chuẩn bị sẵn sàng tâm và trí, đức Phật gọi họ đến, quây quần dưới cội cây Assattha to lớn nhất trong vườn, rồi bắt đầu buổi thuyết pháp:

- Nay chư vị tỳ-khuru! Đây là thời pháp vô cùng quan trọng, được Như Lai gọi là Vô ngã tướng. Mấy hôm trước, Như Lai có nói khái quát về Tứ niệm xứ, tức là niệm thân, thọ, tâm, pháp; nay Như Lai muốn triển khai đề tài ấy theo một chiều hướng khác, cách nói khác, cũng xoay quanh những chi tiết như thực liên hệ đến thân và tâm này. Với những người có trí, nghe xong tức thấu hiểu, nghe xong tất có thể giải thoát mọi triền, mọi phược, mọi bặc, mọi lưu, mọi cấu, mọi uế... Chư vị hãy cố gắng lắng nghe!

- Dạ, thưa vâng, bạch đức Tôn Sư!

- Cái tạo nên thân tâm chúng ta, nếu nhìn ngắm, minh sát cho kỹ thì thân ấy là sắc thân (rūpa, sắc) này; còn cái gọi là tâm, hay danh thì gồm có cảm giác (vedanā, thọ), tri giác (saññā, tưởng), tâm hành (saṅkhāra, hành) và nhận thức (viññāṇa).

Đầu tiên hãy quan sát cái sắc (rūpa), tức là cái thân có

da, có thịt này; có khi nào chư vị đặt vấn đề, nó chính là ta (atta, ngã) hay không phải ta (anatta, vô ngã)?

Koṇḍañña đáp:

- Theo thói quen thì thân này, cái sắc này là tôi, là của tôi, trong ấy nó có một cái ngã, bạch đức Thế Tôn!

- Thói quen ấy có đúng không, này Koṇḍañña? Nếu sắc này là tôi, là của tôi, là tự ngã của tôi thì tôi hoàn toàn có quyền làm chủ nó, sở hữu nó?

- Đúng vậy, thưa đức Tôn Sư!

- Có phải như một vị vua, sở hữu quốc độ, sở hữu thần dân; và có quyền bắt mọi người, từ quan lại đến thứ dân phải làm như thế này, phải làm như thế kia; nếu không làm thì vua sẽ răn đe, trừng phạt theo nặng, nhẹ tội chúng?

- Bạch, đúng vậy, là quan niệm của phần đông!

- Này Koṇḍañña! Nếu sắc thân này là ta, là của ta như ông vua sở hữu thần dân và quốc độ, thì giả dụ như khi cái thân này ốm bệnh, đau nhức; và vì ta có quyền nên ta có thể bảo cái thân này đừng ốm bệnh, đừng đau nhức, có được không, hử Koṇḍañña?

Koṇḍañña im lặng, lúng túng không trả lời được.

- Khi cái thân này suy yếu, già lão; vì nó là ta, là của ta nên ta có quyền bảo: “Cái thân, mày đừng suy yếu, đừng già lão” được không, hử Koṇḍañña?

- Chẳng có quyền, chẳng chỉ bảo gì được, bạch đức Thế Tôn!

- Vì ta là chủ, nên ta có quyền bảo rằng, sắc thân của ta phải như thế này, sắc thân của ta đừng như thế kia?

- Chịu! Bạch đức Tôn Sư!

Im lặng giây lát, đức Phật nói:

- Vậy thì ta không có quyền gì cả đối với sắc thân này? Nó già, nó yếu, nó bệnh gì ta cũng chịu thôi?

- Thưa, đúng! Ta chịu thôi!

- Vậy thì tại sao mọi người thường lập ngôn: Sắc này là

ta, là của ta, là tự ngã của ta?

- Lập ngôn ấy không đúng với sự thật rồi!

- Vậy, phải nói đúng với sự thật, với như thật là: Sắc không phải ta, chẳng phải của ta, chẳng phải tự ngã của ta?

- Thưa, đúng như vậy!

Đức Phật chọt cao giọng:

- Này chư tỳ-khưu! Không những chỉ có sắc này, mà bất cứ sắc nào trong quá khứ, hiện tại, vị lai, sắc bên trong hay bên ngoài, sắc thô tháo hay vi tế, sắc hạ liệt hay cao sang, sắc gần hay sắc xa, tất cả sắc ấy đều không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta!

Điều này quả là mới mẻ đối với cả năm vị tỳ-khưu nên họ chỉ cúi đầu lắng nghe rất chăm chú và nghiêm túc.

Đức Phật giảng tiếp:

- Các cảm giác, cảm thọ cũng tương tự thế, này chư tỳ-khưu! Khi ta khó chịu, tê ngứa hoặc đau nhức (khô) ta cũng không làm chủ được, ta cũng không thể bảo nó đừng ngứa, đừng tê, đừng đau nhức! Khi có những cảm thọ dễ chịu, hân hoan, thích thú (lạc) ta cũng không thể bảo: Mày cứ ở lại đây, đừng có ra đi, đừng có diệt mất, vì thật ra, nó ở hay đi là tùy theo nó, ta chẳng có quyền gì cả!

- Chúng đệ tử hiểu rồi, vì các cảm thọ cũng không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta!

- Cho chí cảm thọ quá khứ, hiện tại, vị lai; cảm thọ thô tháo hay vi tế, cảm thọ bên trong hay bên ngoài, gần hay xa, hạ liệt hay cao sang; tất cả chúng đều không là ta, là của ta, là tự ngã của ta!

Konḍañña chọt nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử hiểu rồi! Nếu sắc, thọ là vậy thì tưởng (tri giác), hành (tâm hành) và thức (nhận thức) cũng đều phải được minh sát cho phù hợp với chân lý như thế. Nghĩa là tất cả chúng, ngũ uẩn đều không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta (etaṃ mama, eso'ham'asmi, eso

me attā'ti)!

- Đúng vậy! Đức Phật nhẹ nhẹ gật đầu – Cái mà ta tri giác, cảm biết vật này, vật kia, màu sắc ra sao, hình dáng như thế nào hoặc khi ta tưởng tượng cái này, chuyện nọ ở hiện tại, quá khứ hay vị lai; tất cả chúng đều đến rồi đi theo định luật duyên khởi, tri giác ấy, quả thật không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta. Các trạng thái tâm, tâm hành cũng tương tự như dòng sông, chúng có được do các giọt nước kế tục trôi chảy; tâm này diệt thì tâm kia sinh. Tham, sân, si, mạn, nghi, tật, xan, hôi... hoặc niệm, bi, hỷ, tư, tuệ... thương, ghét, hổ thẹn, không hổ thẹn, lúc tốt lúc xấu, lúc nóng, lúc mát, lúc nhẹ nhàng... cứ kế tục nhau, chẳng có cái ta nào, cái ngã nào ở đáy cả! Rồi cho chí cái biết của con mắt, lỗ tai... cái biết, cái nhận thức của ý thức, ghi nhận, kinh nghiệm, so sánh, phân biệt, lưu giữ sự việc, khái niệm, thiện hay bất thiện chúng đến rồi đi, duyên sanh rồi diệt, quá khứ, hiện tại, vị lai, xa hay gần, cao hay thấp, hèn hay sang, thô hay tế, cõi này hay cõi kia đều không có ngã, không có ngã sở!

Vậy này chư tỳ-khưu! Khi mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấy là không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta thì có hợp lý không, đúng với sự thật không khi chúng ta thường nói rằng: Thân tôi già, tôi đau nhức, tôi tri giác, tôi quyết định, tôi nhận thức?

- Quả thật là không có cái tôi ấy, bạch đức Tôn Sư!

- Này chư tỳ-khưu! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chỉ là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chúng là năm bộ phận riêng lẻ, năm dòng sông trôi chảy, kết hợp nên cái gọi là chúng sanh, một hữu tình, chẳng có cái ta nào, cái ngã nào (atta, atman) ở đáy cả, có phải thế chăng? Còn nữa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều trôi chảy, thay đổi, biến dịch; vậy thì chúng là thường (nicca) hay vô thường (anicca)?

- Thưa, rõ ràng là chúng vô thường!

- Đã là vô thường thì tất cả chúng đều là dukkha,

dukkha không chỉ là khổ theo nghĩa thông tục mà còn bao hàm tất cả khổ, khi chúng: Có đó rồi không đó, bất toàn, rỗng không, chẳng an lập được, không nắm bắt được mà cũng chẳng thể thủ đắc dù một sắc tướng, một bóng hình, một cảm giác, một trạng thái tâm, một ý nghĩ, một tư tưởng, một ước mơ, một mục đích, một lý tưởng! Chúng như ảo ảnh giữa sa mạc, như bọt nước, như ảo giác, như giấc mộng đêm qua, như trò huyền thuật...

Lại nữa, trên sự thiết lập, định vị tạm thời giữa không gian, vì chẳng có cái ngã nào, cái tự tính, cái thực thể nào nên gọi là vô ngã; trong sự trôi chảy miên tồn không gián cách của thời gian, cái gì cũng thay đổi, biến dịch, không giữ được bất di, bất động, một trạng thái dù qua một sát-na nên gọi chúng là vô thường. Vì vô ngã, vô thường nên chúng là dukkha; đây là sự thật, là chân lý khi chúng ta tu tập nội quán để thấy rõ thực tướng của ngũ uẩn, của sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Konḍañña chợt hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Khi giảng Chuyên pháp luân, nói về Tứ thánh đế, đầu tiên là Khổ đế, ngài có nói đến Bát khổ; và ngũ thủ uẩn khổ là cái bao hàm, cái rột ráo gói gọn nơi cái thân tâm này. Hôm nay, đức Thế Tôn cũng dẫn đến sự tu tập nội quán để thấy rõ thực tướng của ngũ uẩn ấy: Tất cả chúng là vô ngã, vô thường nên chúng là dukkha! Vậy thì tất cả các pháp, nội và ngoại, nhỏ như vi trần, lớn như sơn hà đại địa, chúng có nằm trong hệ luận ấy chẳng?

- Hệ luận ấy không thiết lập! Phải có ngoại trừ, giới hạn, này Konḍañña! Tại sao vậy? Thiên nhiên ngoại vật, sông núi, nắng mưa, ngày đêm, xuân hạ thu đông, chúng cũng không có tự tính, không có thực tính, là vô ngã tính, chúng cũng thay đổi, cũng biến dịch, là vô thường nhưng chúng không phải dukkha. Lá xanh, lá vàng; trăng mọc, trăng lặn; hoa nở, hoa tàn; khói thành mây, mây thành mưa; tất cả

chúng đều vô ngã, vô thường nhưng không phải dukkha. Vô ngã, vô thường của thiên nhiên ngoại vật, của vạn hữu ấy là chân lý tất yếu, không có nó thì một hạt vi trần cũng không tồn tại, nhưng ở đây dukkha không hiện khởi.

Này chư tỳ-khưu! Giáo pháp vô ngã tướng của Như Lai được thiết lập là để mà tu tập, để nhìn vào bên trong, nội quán, minh sát để chấm dứt dukkha. Từ lâu, các tư tưởng truyền thống cũng như quan niệm của phần đông đều cho rằng, có một cái ngã, một thực hữu, một tự tánh, một linh hồn ở nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức này, nơi ngũ uẩn này. Từ nhận thức sai lầm ấy, biết bao nhiêu là đau thương, thống khổ, trầm luân, tử sinh cũng khởi từ cái ngã và ngã sở ấy cả.

Này chư tỳ-khưu! Hãy nội quán mà xem! Một cảm thọ dễ chịu, khó chịu; một đối tượng mình thương, ghét, yêu, hận... các trạng thái thay đổi tâm lý thất thường, vô ngã tính, biến dịch ấy, vô ngã, vô thường mới đưa đến dukkha. Nguyên nhân của tất cả dukkha ấy là do Ái. Ái diệt là Niết-bàn. Tu tập theo Bát chánh, nhìn thấy rõ ngũ uẩn như thực tướng thì toàn bộ dukkha không tồn tại, gọi là khổ diệt đạo thánh đế!

- Bạch đức Thế Tôn! Thấy rõ sắc như thực tướng, thọ như thực tướng... hay là thấy rõ sắc uẩn như thực tướng, thọ uẩn như thực tướng? Nó giống nhau ra sao, khác nhau ra sao? Koṇḍañña hỏi.

- Ủ, câu hỏi này trở thẳng vào vấn đề - Đức Phật khen ngợi - Sắc như thực tướng là sắc không có uẩn, thọ như thực tướng là thọ không có uẩn. Chính uẩn là cái che lấp, chất chồng lên sắc mà thành sắc uẩn. Chính uẩn là cái che lấp, chất chồng lên thọ mà thành thọ uẩn...

- Xin đức Thế Tôn đưa ví dụ để cho chúng đệ tử có thể lãnh hội được điểm trọng yếu này - Vappa nói.

- Một đối tượng, một sắc tướng, ví dụ một người khi mình thương hay ghét (ái) họ thì mình đã che lấp (uẩn) cái

thực tướng ấy rồi, đã biến thành sắc uẩn rồi! Nghe một tiếng nói, khi mình thương thì âm thanh đó hay, dễ chịu; nhưng khi mình ghét người ấy thì âm thanh kia trở nên khó chịu, bức bối. Tại sao vậy? Vì các cảm thọ ấy đã bị che lấp (uẩn) do thương hay ghét (ái), đã biến thành thọ uẩn rồi!

Này chư tỳ-khưu! Chính do uẩn, do ái ấy mà sinh các khổ. Đã vậy còn chưa đủ, còn chấp rằng sắc uẩn ấy là ta, là của ta, thọ uẩn ấy là ta, là của ta... Và chính ngũ thủ uẩn ấy là nguyên nhân bao hàm tất cả khổ mà những người tu tập nội quán, minh sát cần phải thấy rõ!

Này chư tỳ-khưu! Với tuệ quán, tuệ minh, tuệ như thực, Như Lai đã nhìn ra chân tướng, thấy rõ ngũ uẩn ấy không phải ta, không phải của ta, chẳng phải tự ngã của ta. Nay thì các bậc thánh Thanh Văn, đệ tử của Như Lai cũng phải biết nhàm chán sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Khi nhàm chán như vậy thì tâm không còn đắm mê, tham muốn, ái luyến trong ngũ uẩn ấy nữa. Và khi mà không còn dục, ái, tham thì thoát ly mọi ràng buộc, trói buộc, dính mắc. Tâm được tràm nhiên giải thoát. Khi đã giải thoát thì vị ấy biết mình đã giải thoát, dòng sinh tử chấm dứt, đời sống phạm hạnh đã được thành tựu, mọi phận sự đã được làm xong, biết rõ từ nay không còn tái sinh luân hồi nữa!

Đức Phật thuyết giáo pháp vô ngã tướng xong, năm vị tỳ-khưu đồng quý xuống sụp lạy, vô cùng hoan hỷ. Tâm và trí họ đã trở nên sáng suốt, thanh tịnh, đã viễn ly mọi nhiễm ô, đã lìa thoát mọi chấp thủ ngũ uẩn. Họ đã đắc quả vị A-la-hán, đã giải thoát, đã thấy rõ Niết-bàn!

Ngay giây phút ấy, quả địa cầu rung động; và chư thiên, phạm thiên các cõi đã tán thán, ca tụng; làm chứng nhân cho rằng là đã có năm vị tỳ-khưu, năm bậc thánh A-la-hán đã xuất sinh trên châu Diêm-phù-đề này! Là những Thánh đệ tử, được xem là nền tảng vững chắc cho giáo hội đầu tiên của đức Tôn Sư vậy.

MÙA AN CƯ ĐẦU TIÊN
(Năm 587 trước TL)

Hoá Độ Công Tử Yasa Cùng Với Bạn Hữu

Mới một vài trận mưa đầu mùa mà đây đó đã trở nên lầy lội, ướt át. Đức Phật bàn tính với năm vị tỳ-khưu là phải sửa sang, tu bổ cốc liêu, đường kinh hành để có thể an cư ở đây khi chưa tìm ra địa điểm thích hợp hơn. Nhờ đã quen với đời sống khổ hạnh nên họ xem những công việc này chỉ như sự nghỉ ngơi, tịnh dưỡng. Họ đi kiếm cây, kiếm lá. Và cũng may là nhờ có bọn trẻ chăn bò vui vẻ đến giúp sức. Mấy hôm sau, các mái lá và vách lá đã được ken dày có thể ngăn được mưa lớn và gió lớn; ngoài ra, họ còn bện được một số tọa cụ bằng cỏ, và làm thêm giường cây... Trong am lá của đức Phật, bây giờ đã khá rộng rãi, đã có đầy đủ giường, tọa cụ, nền đất được lót cây khá sạch sẽ. Khi đang làm thì mấy đứa trẻ mang đến những ghè đất nung đựng nước, to có, nhỏ có đem tặng cho mấy vị sa-môn. Thế là, bên chái hiên trái, họ hì hục lấy đá lót nền, đặt ghè nước để làm chỗ rửa chân cho đức Thế Tôn. Họ còn làm những đường kinh hành khá rộng rãi giữa các hàng cây. Có những tảng đá tự nhiên chỗ này chỗ kia thì họ sửa sang, quét dọn để làm chỗ hành thiền giữa trời. Tất cả trông đã có dáng vẻ tiện nghi của một khu rừng an cư lý tưởng. Khung cảnh càng có vẻ yên ổn và thanh bình hơn khi những chú nai lớn nhỏ đủ sắc màu nhón như gặm cỏ hoặc tò mò đưa mắt tròn to nhìn những những

con người vô hại.

Ngày tháng từ từ trôi qua. Các vị tân tỳ-khưu, các bậc thánh A-la-hán vẫn thay phiên nhau đi trì bình khát thực, sống, chiêm nghiệm giáo pháp đã được học, đồng thời an trú lạc về thiền, lạc về quả. Vài ba hôm, các vị lại mang về những tấm vải tương đối còn tốt. Họ giặt phơi, kiếm rế và củ để nhuộm trở thành màu hoại sắc. Cái nào trông có vẻ tốt nhất, họ dâng đến đức Phật. Họ còn chịu khó cắt, nhuộm những tấm vải nhỏ khác để quàng vào người những khi muốn tắm giữa trời mưa.

Konḍañña nói với các bạn đồng tu:

- Chúng ta như được thoát xác, trở thành những con người mới. Đạo lớn đã thấy rồi, việc cần làm đã làm xong rồi. Giáo pháp của đức Thế Tôn như một mặt trời, chiếu rọi vào mấy ngàn năm u tối của các giáo phái truyền thống. Mai này, một số kẻ trí trên thế gian sẽ tìm đến tu học, đây là sự thật không cần phải tiên tri. Vậy thì những y cũ, bát cũ đã xả ra, chúng ta phải giặt giũ, xông khói, nhuộm lại để dành cho bạn hữu đến sau!

Thế là họ tất bật công việc khi đang còn một số ngày nắng ráo.

Đức Phật dường như để dành hết thì giờ cho việc ngồi thiền và kinh hành. Tuy nhiên, ít ai biết rằng, ngài thường trở lại cận định, sử dụng tâm và tứ, hướng tâm, sắp đặt lại nền tảng của giáo pháp, chia làm ba thời kỳ: Sơ thiện, trung thiện và hậu thiện. Sơ thiện là căn cơ ban đầu dành cho tất cả những người đang tu tập, không kể người hay trời. Trung thiện để dành cho những căn cơ đã thấy pháp, đã Nhập lưu. Và hậu thiện dành cho những vị thánh đã đắc quả A-la-hán. Đức Phật đã dùng tuệ phương tiện để thiết lập một số bài giáo pháp thích hợp với ba giai đoạn ấy. Đối với sơ thiện thì nói về bố thí, trì giới, phước báu các cảnh trời; nuôi dưỡng đức tin và các bốn phạm tại thế, các đức lý trần gian,

tùy thuộc các vai trò, chỗ đứng trong xã hội. Đối với trung thiện, ngoài các bài pháp nền tảng ở sơ thiện, căn cơ này còn cần phải học hỏi và tu tập về thiền định và tuệ quán để làm cho yên lặng hoặc cắt đứt thêm một số kiết sử buộc ràng. Hậu thiện là bậc vô học, không còn học cách thức để đoạn trừ phiền não nữa nhưng họ sẽ là những cánh chim trời tự do, sau này bay lượn khắp nơi để tùy duyên hóa độ chúng sanh. Vậy cái mà họ cần học, là phải thuần thực, rành rẽ cách thức đi đứng, nói năng, cách thọ dụng tứ sự, cách nói pháp, giảng đạo... Nói cách khác, hậu thiện phải thể hiện được đời sống thiếu dục, tri túc và các trí phương tiện khác. Còn có một sự thực là, không phải ai cũng giảng pháp, thuyết pháp được. Và như vậy, mỗi vị vô học sẽ giáo hóa chúng sanh bằng chính đời sống giải thoát, bằng chính giới hạnh, thiền định, đức độ, tứ vô lượng tâm hoặc bằng chính cái học pháp mà họ đã thành tựu. Tuy nhiên, các cái gọi là phương tiện trí này rất nguy hiểm. Cái gì cũng phương tiện cả, và, các giáo phái chủ, giáo phái sư thường vận dụng phương tiện để mưu cầu danh vọng và lợi dưỡng cho bản thân họ. Cứu cánh biện minh cho phương tiện, và do vậy, các phương tiện được thực hiện khó phân biệt chính tà, thiện ác. Biên giới này rất mong manh. Các đệ tử của Như Lai, sau này xuống đời, Như Lai phải thiết lập tiêu chuẩn cho ranh vực này khi vận dụng trí phương tiện độ sinh. Đó là: Các phương tiện phải lợi mình, lợi người; lợi mình là làm cho mình muội lực tham sân si, hướng đến giác ngộ, giải thoát; và lợi người cũng phải đặt mục tiêu như thế.

Đức Phật còn cần phải trải qua thời gian dài nữa, dùng trí phân tích để triển khai từng điểm một, từng chữ, từng câu một từ hai bài pháp quan trọng là Chuyên pháp luân và Vô ngã tướng. Cả năm vị đạo sĩ tân tỳ-khưu đều là dòng dõi danh gia bà-la-môn, sở văn, sở học đều vững chắc, thế mà đã phải rất nhiều ngày mới lãnh hội được giáo pháp, hướng

gì đại chúng có trình độ giới hạn, thấp thỏi, đôi khi lại thiếu trí, ít học hoặc chẳng có chút sở học nào! Giai cấp sát-đế-ly như vua chúa, hoàng gia, quý tộc, tướng lĩnh, chiến sĩ thường có học, có trình độ kiến thức dễ tiếp thu, dễ giáo hóa; nhưng chiến sĩ thì cũng như người dân bình thường mà thôi. Giai cấp bà-la-môn thì bây giờ đã sa sút, ngoại trừ các giáo chủ, giáo sĩ xuất gia, các danh gia vọng tộc, các gia đình bà-la-môn làm chủ những trang trại rộng lớn, giàu có thì con em họ được học hành chu đáo; còn đa phần giáo dân thuộc tập cấp này cũng nghèo khổ, cũng thất học. Giai cấp vệ-xá gồm thương gia, các ngành nghề trong xã hội thì bây giờ họ đã vươn lên: Làm chủ ngân khố, làm chủ tịch các nghiệp đoàn, làm chủ một ngành nghề, những đại thương gia nắm huyết mạch kinh tế xã hội. Họ đã nghiêm nhiên bước chân vào giới quý tộc để làm quan đại thần, cố vấn kinh tế cho các tông, các trấn và cả triều đình. Một số gia đình giàu có thuộc thành phần giai cấp này đều có thuê các gia sư bà-la-môn dạy học tại tư gia nên kiến thức, sở học của con em họ cũng tương đương giới sát-đế-ly. Giới lao động thợ thuyền các ngành nghề khác thì đa phần nghèo đói và thất học. Giai cấp thủ-đà-la làm các công việc lao động chân tay vất vả, nặng nhọc thì hoàn toàn tối tăm. Còn giới chiêm-đà-la, nô lệ, không thuộc giai cấp nào thì ở ngoài rìa xã hội, đời sống của họ được xem như chung thân khổ sai, làm những công việc dơ ւế rồi còn bị xã hội coi khinh, phỉ nhổ, chà đạp còn tệ hơn súc vật. Thành phần này, mặc dầu họ thua các giai cấp trên về mọi phương diện, nhưng nếu hữu duyên, có căn cơ từ kiếp trước cũng có thể giúp một số người nào đó uống được những giọt nước trong lành của giáo pháp. Nói tóm lại, bất kể thành phần nào, nếu hữu duyên thì có thể tế độ trước, bằng vô duyên thì không thể. Vậy, cương yếu giáo pháp thì không thay đổi, nhưng tùy theo trình độ, căn cơ của chúng sanh để vận dụng giáo pháp cho thích hợp.

Bārānasī trước đây vốn là một giang cảng, là nơi tàu thuyền buôn bán từ phía bắc và phía tây sông Gaṅgā đổ vào; lại là nơi hợp lưu của hai con sông Varuṇā và Asī sau trở thành tên của thành phố. Kể từ thời cổ đại, Bārānasī đã là một thành phố kinh tế và thương mại sầm uất, thịnh vượng. Nơi đây vốn nổi tiếng các loại gỗ tốt, vải vóc phong phú, tơ lụa tinh xảo, hàng gấm dày dệt chen những sợi chỉ vàng, vàng thật, được giới sang trọng, giàu có trong và ngoài lục địa ưa chuộng. Khi đời sống của lớp thị dân trở nên có của ăn của để thì nó kéo theo sự phát triển của tôn giáo, xuất hiện một số ngành nghề kỹ nghệ và những mặt hàng kinh doanh khác. Các giáo phái bà-la-môn chọn đất thịnh vượng này làm thủ phủ; thế là điện đài, đèn miếu, am thất mọc lên như nấm. Các cơ sở kinh doanh liên hệ đến tôn giáo được dịp phát triển. Các thợ gốm, thợ đúc đồng sản xuất các loại bình lớn nhỏ để đựng nước thiêng soma dùng trong các lễ thánh tẩy, rảy nước. Việc buôn bán các loại trầm hương (chiên-đàn), hương nhu, hương hồi cùng một số nhiên liệu tương thích để đáp ứng cho việc tế thần lửa, thần sông, thần núi, thần gốc đa cùng mấy triệu vị thần khác đua nhau phát triển rất là thuận lợi, vui vẻ. Các lễ hiến tế súc vật, trái quả, hỏa thiêu bên bờ sông Gaṅgā không thể thiếu hoa; và thợ làm tràng hoa bắt đầu được xem như một nghề có thu nhập cao! Những người làm củi, chất đốt để hỏa thiêu lại có công ăn việc làm! Và ôi thôi, nào là các dịch vụ liên hệ đến các tế sư, tế đàn, hỏa táng, khách hành hương kéo theo xe ngựa, tàu thuyền đưa đón, các nhà nghỉ, nhà trọ, người hướng dẫn, ăn uống... có dịp đua nhau phục vụ! Có tiền, có bạc, có khách lữ hành làm ăn lui tới, có tiểu gia, có đại gia, tất là có tửu điếm, thanh lâu, có rượu chè bài bạc, có gái làng chơi và có hưởng thụ xa hoa, trụy lạc.

Bối cảnh hiện thực khái quát Bārānasī là như thế. Ở đây có một đại thương gia hào phú. Có lẽ ông là chủ của một

nghiệp đoàn buôn bán tơ lụa có mỗi giao thương rộng rãi với những đoàn lạc đà, theo con đường thương mại đến tận Ai Cập, Ả Rập, Hy Lạp, các xứ Tây Vực và sang cả tận Trung Hoa. Công tử Yasa là con trai duy nhất của vị cự phú, được gia đình xem như ngọc, như ngà, được cưng chiều từ thuở ấu thơ. Biết bao nhiêu là thầy giáo bà-la-môn làm gia sư chăm lo rèn cặp cho công tử được nên người. Công tử muốn gì được nấy. Đến tuổi trưởng thành, Yasa được người cha cự phú thương yêu, kiến lập cho ba tòa cung điện thích hợp với ba mùa tương tự thái tử Siddhattha vậy. Ngoài người vợ chính môn đăng hộ đối, giàu có, đẹp người, đẹp tính, Yasa luôn được doanh vây quanh mình hàng chục hầu thiếp trẻ trung, sen ngó, hàng chục ca nhi mỹ nữ phục vụ giải trí, rượu trà, đàn ca hát xướng, vũ điệu nghệ thuật, yến tiệc linh đình...

Sống đời hưởng thụ đế vương như thế nhưng Yasa thường không được vui, chàng luôn ưu tư và sầu muộn. Hôm kia, nửa đêm thức giấc, sau cuộc truy hoan mệt mỏi, nhìn đám hầu thiếp và vũ công, ca nhi xiêm áo trễ tràng, phấn hương nhễ nhại, nằm ngủ li bì, thở ngáy, nước dãi... trông như một đồng thịt ướp thật đáng ghê tởm. Sợ hãi, chán ngán và kinh tởm tột cùng, Yasa không kịp thay áo ngủ, chỉ xỏ vôi chân vào đôi hài nhưng thiếu chỉ vàng, mở cửa trốn đi như trốn một ám ảnh xấu xa, một ngục tù hôi tanh, bản thủ. Yasa bước đi như bước trong cơn mê, miệng không ngớt lảm nhảm: “Ôi! khốn nạn thay cho tôi! Bi khổ thay cho tôi! Đọa đày thay cho tôi! Ghê sợ thay cho tôi! Bản thủ thay cho tôi!” Yasa cứ mãi miết lảm nhảm và cứ bước đi không định hướng. Đêm ấy, trời âm u nhưng khô ráo, sao tỏ mờ mờ, bước chân vô định của Yasa dẫn chàng đến Lộc Uyển khi vừa rạng sáng.

Hạnh phúc và duyên lành thay cho Yasa, vào cuối canh ba, tâm trạng rối ren, chán chường và những bước chân lang

thang của Yasa lọt vào tầm võng lưới hướng tâm của Đức Phật; và ngài còn thấy rõ, chàng là một duyên lành không những cho bản thân mình mà còn trợ duyên cho những bước đi của giáo pháp vào buổi đầu.

Đức Phật, lúc ấy, đang ở cuối con đường kinh hành, nghe tiếng ta thán lảm nhảm của Yasa, thấy rõ tâm lý thống khổ cùng cực của Yasa, ngài dùng thần thông, khẽ đưa âm thanh của tiếng nói, xuyên thẳng vào tâm vào trí của Yasa như một luồng sáng giữa đêm sâu đen kịt, như một giọt nước trong veo và ngọt lành giữa sa mạc; lại còn như lời mẹ nói với con đầy bao dung và từ ái:

- Này Yasa! Này con! Ở nơi này không có khốn nạn, không có bi khổ, không có đọa đày, không có điều gì đáng phải ghê sợ và điều gì bản thủ phải xa lánh! Này Yasa! Này con! Hãy đến đây, và hãy ngồi xuống đây, Như Lai sẽ nói chuyện với con!

Như một hồi chuông tỉnh thức, Yasa bàng hoàng như vừa rời khỏi một giấc mê dài. Ra khỏi rừng cây, xa xa thấp thoáng bóng một vị sa-môn giữa sương mù. Yasa nhè nhẹ cởi đôi hài, quăng bỏ bên vệ đường rồi đi chân đất, dè dặt lần bước tới... Đức Phật mỉm cười chỉ tay vào một tảng đá:

- Hãy ngồi xuống đây, Yasa, rồi con sẽ được nếm thưởng hương vị của sự an lành, thanh tịnh và những niềm vui vô nhiễm.

Rồi bằng giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, với trí tuệ phương tiện dịu dàng, phong phú, quảng bác và sâu nhiệm, đức Phật từ từ, từng câu, từng chữ, từng ngữ nghĩa dìu dắt tâm và trí Yasa bước vào cõi pháp xán lạn và quang vinh. Ban đầu, ngài nói về sự nguy hiểm của đời sống trác táng, chúng sẽ làm cho cơ thể bị hủy hoại, sinh lực tiêu mòn, và tâm trí, theo đó cũng trở nên dần dần, mất dần sự nhạy bén, linh hoạt. Đắm mình trong đời sống dục lạc chỉ đem đến sự nhàm chán, ghê tởm; nhưng may mắn cho ai đã thoát ra khỏi

vững lầy dơ ứ ấy. Bản chất của đời sống là dukkha, nó có hai mặt: Khổ đau và lạc thú, xấu và tốt, nước mắt và nụ cười. Nhưng chúng thường lẫn trong nhau, ở trong nhau, tan hòa trong nhau; và đôi khi là hai phạm trù đối lập. Nếu ta nỗ lực săn tìm lạc thú qua mắt tai mũi lưỡi thân ý thì ta sẽ đối diện với đau khổ trùng trùng. Có một đôi mắt xanh, trong suốt nó nhìn ngắm mọi sự mọi vật vượt xa và vượt trên khổ lạc, hai mặt của bản chất đời sống ấy. Nó thanh bình và vô nhiễm. Hãy để tâm và trí tinh thức để giao đổi, tiếp xúc với vạn hữu thì thực tại mới mẻ, màu nhiệm ấy hiện ra. Và rồi hãy nhìn xem: trời đất, sương mù, sông núi, cỏ cây... tất cả đều an bình và vô sự. Tất cả chúng đều trọn vẹn như chúng đang là. Chim ca, hoa nở, lá vàng, lá xanh, trăng mọc, trăng lặn... đều tuyệt bích và đại toàn. Khi tâm hồn ta u ám và buồn chán thì mọi sự mọi vật đều u ám và buồn chán. Khi tâm hồn ta trong lành và vui vẻ thì mọi sự mọi vật đều trong lành và vui vẻ. Tâm và cảnh ấy tương duyên, tương tác. Tùy thuộc cách nhìn mà thực tại như thị sẽ biến thành mặt này hay mặt kia. Đừng chìm đắm hoặc chán nản ở bên này mà cùng đừng thao thức, mơ ước phía bên kia. Bên nào cũng là sự thay đổi, biến dịch, hóa trang của dukkha cả. Là kẻ trí, là bậc thức giả thì phải đứng trên đỉnh cao ngàn tầm cây thốt nốt, bước ra khỏi sự cương tỏa bít bùng, mê hồn trận của vòng lưới māyā ấy. Khi sống trong thế giới tương quan, đi bằng đôi chân đất hữu hạn của mình, bao giờ sự duyên sanh khổ, lạc vẫn là điều tất yếu. Rồi khổ đến, ta bị khổ cuốn đi; lạc đến, ta bị lạc cuốn đi. Và đây là tử sanh, là ma vương, là sâu bi ưu não. Như Lai có một tấm bản đồ, có một con đường để thoát ra khỏi mê hồn trận ấy, ra khỏi lưới māyā ấy, ra khỏi nơi thống khổ điều linh ấy, này con, này Yasa! Con có muốn nghe không?

Là bậc trí, nghe xong tức khắc hiểu, Yasa tin chắc là có con đường ấy, bèn quỳ xuống, vui mừng, rung rung, sụp lạy;

chàng ôm bàn chân bụi của đức Thế Tôn, cất lời khẩn thiết, muốn nghe con đường bát tử...

Lúc ấy, trời lất rắt mưa, đức Phật dẫn Yasa đi về hương thất của ngài. Cả năm vị thánh tỳ-khưu hay chuyện cũng đến hầu xung quanh và để nghe pháp. Đức Phật thấy tâm hồn của Yasa đã ổn định nên ngài từ từ, ân cần từng bước một, sử dụng phương tiện thuận thứ, giảng nói về bố thí, trì giới... là lộ trình sơ tu cho những cư sĩ tại gia để ly thoát bốn cảnh giới bất hạnh...

Hôm nay có thêm một vị khách nên bốn vị thánh tăng, đúng lúc, đánh lễ đức Phật, rời hương phòng, lên đường trì bình khát thực. Đức Phật lại giảng tiếp về thời pháp. Khi biết tâm và trí của Yasa đã sẵn sàng, đức Phật nói tóm tắt Tứ Diệu Đế, chỉ nhấn mạnh Đạo đế, con đường ly thoát mọi khổ ách.

Thế là, như hằng triệu đêm hư vô, tâm tối được vén mở, Yasa dường như thật sự được mở mắt. Một bầu trời quang rạng, tinh khôi, trong lành chợt được trải rộng ra từ sau cánh cửa vô minh. Trong đồng bùn dơ uế, hôi hám và bản chạt của cõi đời tục lụy, đang từ từ, khiêm tốn, e ấp nở ra một đóa sen vô nhiễm. Yasa đã đắc Pháp nhãn, đã có lòng tịnh tín, bất động với con đường, đã xuôi vào dòng chảy thanh bình, an lạc. Vừa tri ân, vừa xúc động, Yasa quỳ mọp ôm bàn chân của đức Phật, nghẹn ngào không nói nên lời.

Trưa đến, bốn vị thánh đi bát về, lựa chọn những vật thực ngon nhất, họ mang đến, dâng cúng cho đức Thế Tôn. Sau khi giữ lại phần mình, họ cũng trân trọng dâng cúng cho vị trưởng lão tôn kính, ngài Koṇḍañña, và một phần phải lẽ cho ông công tử giàu sang quý phái. Yasa cảm động quá, đồng thời có một niềm vui mới mẻ tràn ngập tâm hồn làm cho chàng chỉ biết trào nước mắt. Lạ lùng quá là những thức ăn này! Đây là thức ăn của các bậc thánh nhân, thức ăn có được bởi những gót chân trần vô nhiễm, bởi sự tinh lọc của

những năm tháng dài tu tập đã ưu ái chia sẻ cho, nên chàng thọ dụng rất cẩn trọng. Mấy mươi năm sống trong giàu sang nhung lụa, mọi thức ăn, thức uống cầu kỳ, quý hiếm trên rừng, dưới biển đầy đủ dưỡng chất và mỹ vị, không có gì Yasa chưa từng thọ dụng, thế nhưng, chàng đã chán ngán chúng. Còn ở đây, chỉ với những thức ăn tầm thường này mà sao nó ngon thế! Và khi nhìn đức Phật và các vị sa-môn ngồi kiết già, với bình bát trước mặt, đầu hơi cúi xuống, mấy ngón tay của bàn tay phải vo tròn thức ăn, cẩn trọng, nhịp nhàng, uyển chuyển như những ngón tay của nhạc công nắm vuốt điều luyện trên những sợi dây đàn, chẳng có động tác nào là thiếu, thừa, chẳng có cử chỉ nào là không giác niệm, Yasa mới hiểu biết và cảm nhận được thêm rằng, giáo pháp và con người là một. Đức Phật và các vị thánh sa-môn này đã thể hiện được lý tưởng rốt ráo của Vệ-đà, là điều mà chưa vị thánh bà-la-môn nào làm được: Hòa đồng tiểu ngã vào đại ngã! Tuy nhiên, đại ngã ở đây không phải là vũ trụ nhất thể siêu hình, không phải là thượng đế hữu ngã toàn năng, không phải là năng lực huyền bí siêu linh mà nó hiện thực, cụ thể và có sự sống nhân văn hơn thế! Ở nơi các ngài: Hiểu và thấy, trí và giác, tri và hành, thân và tâm... đều được thấp sáng trong một niệm hiện tiền tỉnh thức, viên dung và nhất thể! Là một thanh niên có sở học vững chắc, Yasa chỉ nhìn ngắm, tư duy là có thể hiểu thêm, thấy thêm một tầng nữa của giáo pháp: Cái tiềm ẩn bên trong mà hiển bật ra bên ngoài!

Trong lúc ấy, tại tòa trang viện giàu sang bậc nhất ở thành phố Bārāṇasī, cha mẹ Yasa hốt hoảng khi thấy Yasa mất tích. Bà mẹ là người phát hiện đầu tiên khi lên lầu thăm con trai, bà đau khổ tột cùng, đầu bù tóc rối, hốt hải chạy tới chạy lui, nước mắt nước mũi dầm dề. Người cha hay tin cũng bàng hoàng cả người, nhưng ông đã sớm tỉnh táo, suy nghĩ rằng: Mỹ nữ, tiệc tùng, tử sắc, ca vũ... đối với con trai

ta, từ lâu, dường như nó nhàm chán rồi. Ta thấy trong đôi mắt nó là sự mệt mỏi, lờ đờ. Ta không thấy nó có được một nụ cười thật sự vui vẻ. Nó hay thở dài. Dáng đi của nó không còn nhanh nhẹn, toát ra cái sức sống thanh xuân nữa. Và nó cũng hay nhìn ra xa đâu đó ở cuối chân trời...

Ông bảo với gia nhân, hằng chục người đang châu chực xung quanh đợi ông sai bảo:

- Các người hãy tản mác ra xa thành phố, đi tìm kiếm trong các khu rừng ở ngoại ô, chắc chắn công tử của các người đang lang thang đâu đó giữa núi đồi, giữa thiên nhiên tịch lặng...

Nói xong, các gia nhân lên những con ngựa khỏe lao vút đi; và chính ông cũng tất tả lên đường. Do linh tính mách bảo, ông leo xe hai ngựa tiến lên về phía Isipatana. Tại chỗ ngựa không còn đi được, ông đi bộ lần theo con đường mòn để đến Lộc Uyển. Khá trưa, người quản gia lanh lẹ, phi ngựa ngược chiều, trên tay cầm đôi hài nhung thêu chỉ vàng:

- Là đôi hài của công tử, thưa chủ, con đã tìm thấy trong rừng tu của các sa-môn khổ hạnh!

Người quản gia dẫn đường. Buổi trưa, khu rừng tĩnh lặng, chỉ nghe tiếng lá xào xạc, mấy chú nai hồn nhiên gặm cỏ, thỉnh thoảng rơi xuống vài tròng chim hót líu lo. Ông trưởng giả cảm nghe tâm hồn mình yên ổn trở lại. Theo con đường mòn, họ lần đến chiếc cốc lá có vẻ lớn rộng nhất, nằm giữa hai cội Assattha cổ thụ tàn lá xanh um, mát mẻ. Đức Phật đã đứng bên cửa, thân phụ Yasa cúi chào ngài, đưa đôi hài ra và thăm hỏi tin tức về con trai của mình. Đức Phật đã biết chuyện này và ngài đang có ý chờ đợi. Yasa đang ngồi bên cạnh, nhưng đức Phật đã sử dụng thần thông che giấu đi rồi nói rằng:

- Hãy bình tĩnh và hãy ngồi xuống đây, ông trưởng giả! Rồi ông sẽ tìm thấy con trai yêu quý của mình!

Xiết đôi vui mừng, ông trưởng giả cung kính chấp tay xá

chào rồi lặng lẽ ngồi xuống. Đức Phật bắt đầu vào chuyện. Ngài nói rằng, không ai là không đau khổ, không ai là không sầu muộn. Ông trưởng giả giàu sang tột đỉnh, ngồi trên đồng châu ngọc, bạc vàng, của cải, tài sản nhưng để gì có được giây phút thanh bình, hạnh phúc, có phải thế không? Đêm ngày ông sống trong lo sợ. Lo sợ bị mất cắp, lo sợ nạn nước lửa, lo sợ kẻ phản bội, lo sợ và nghi kỵ cả kẻ ăn người ở, lo sợ thuế má và các tâm lý thất thường của vua quan, không biết họ sẽ bị vu oan, vu cáo, vu chụp và tịch thu gia sản lúc nào! Bây giờ, đứa con trai duy nhất, cung chiều, thương yêu, cung chiều như trứng để đầu đẳng lại làm cho ông hụt hẫng, sầu muộn... là tại vì sao, nguyên nhân bởi đâu hử ông trưởng giả?

Đức Phật, như một vầng trăng sáng, từ từ nói, và ông trưởng giả thì chăm chú lắng nghe. Thỉnh thoảng, ông lại ngược nhìn đức Phật: Ô, vị này, không phải là người đâu, lại càng không phải những du sĩ lang thang khát thực nhan nhản trong thành phố. Từ cách phục sức y áo, râu tóc đến cung cách, cử chỉ, ngôn ngữ đều toát ra cái thanh sáng, cao đẹp và an bình một cách lạ lùng! Lại nữa, ông ta như nhìn xuyên thấu, thấy rõ cả những tâm sự, ý niệm lao xao của ta nữa! Ô, ông ta đã nói đúng làm sao! Ta không có hạnh phúc, ấy là điều chắc thật, nhưng ngay chính cả vợ con, ta cũng không dám nói điều ấy! Ta đối diện với cô đơn và hư vô của chính mình.

Đức Phật đọc được ý nghĩ của ông trưởng giả, nên ngài từ từ khai mở. Khởi từ những dukkha hiện tại, đức Phật giảng nói đến con đường khả dĩ được thanh bình và an lạc hơn, cái gì tạo nên những trạng thái tâm lý thanh lương, nhẹ nhàng và mát mẻ. Thế là đức Phật chỉ nói sơ một chút về Khổ đế, sau đó giảng thêm những pháp thuận thứ, nhưng đã triển khai cách khác, hợp với căn cơ, trình độ và hoàn cảnh cụ thể của ông trưởng giả hơn!

Nghe xong thời pháp, nhờ có trí, ông trưởng giả đặc quả Tu-đà-hoàn, Pháp nhãn, ông sung sướng quá. Lần đầu tiên trong đời, ông cảm nghiệm sâu sắc sự biến chuyển lạ lùng của con người ông, từ cách nhìn về bản thân và cuộc đời, cho đến các quan niệm vui khổ giữa thế gian. Quả thật ông đã được chuyển hóa. Ý nghĩa về thời pháp của đức Thế Tôn như cơn mưa rào mát mẻ đã xối sạch một phần đau khổ và phiền muộn ở trong ông.

- Như Lai là người tỉnh thức, là người giác ngộ - Đức Phật chậm rãi nói - Là người mà không phải người, cũng chẳng phải thuộc nhóm những du sĩ lang thang, ta bà khắp thành phố quê hương của ông. Giáo pháp mà Như Lai giảng nói không ở trong truyền thống tôn giáo quen thuộc. Là con đường mà Như Lai đã tự tìm ra. Như Lai đã giải thoát tất cả mọi phiền não; đã thông tỏ, thấu suốt tất cả mọi tâm, mọi cảnh, mọi nhân, mọi quả, mọi tánh, mọi tướng, mọi duyên, mọi báo của tất cả chúng sanh trong ba cõi sáu đường. Như Lai là Phật, phải hiểu đúng như thế!

Ông trưởng giả lạnh người khi thấy đức Phật đọc được tâm ý của mình, bèn tỏ ra quy thuận:

- Bạch đức Tôn Sư! Nhờ hồng ân của ngài cùng với thời pháp vi diệu, con đã rất mát mẻ tâm hồn và đã thấy đường để đi. Ngài đã dựng lại ngay ngắn các đồ vật đã bị lật đổ. Ngài đã chỉ trở cho con thấy những cái gì đã bị giấu kín. Ngài đã chỉ lối đưa đường cho những người lạc bước. Ngài đã cầm ngọn đèn rọi sáng trong đêm tối để cho ai có mắt có thể trông thấy. Xin cho con được nương tựa nơi đức Thế Tôn và nương tựa nơi Giáo pháp ấy!

- Còn nữa, này ông trưởng giả - Đức Phật nói - Ông phải còn cần nương tựa nơi Tăng đoàn thánh hạnh của Như Lai nữa!

Cả năm vị thánh A-la-hán không biết từ đâu đã ngồi oai nghi, trang nghiêm, thanh tịnh xung quanh đức Phật. Sợ hãi

quá, ông quỳ xuống, sụp lạy. Đức Phật bèn hướng dẫn cho ông trưởng giả cách đọc quy y. Và ông đã trở thành vị thiện nam thứ ba⁽¹⁾, và là cận sự nam (upāsaka) đầu tiên quy y Tam Bảo trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Bây giờ, ông trưởng giả mới sực nhớ là ông đến đây để tìm tông tích của người con trai! Đức Phật biết điều ấy, ngài thâu lại thần thông thì công tử Yasa đang ngồi bên cạnh! Gặp lại con, ông mừng mừng tủi tủi. Mà sao lạ, tâm hồn ông đã thay đổi. Và nhìn nét mặt an lành, thanh thản của Yasa, ông chợt hiểu là con trai ông còn thay đổi sâu sắc hơn cả ông. Và chỉ có đức Phật và chư vị thánh tăng mới biết rõ là vị công tử kia đã đắc quả A-la-hán sau khi nghe thời pháp mà đức Phật giảng nói cận kề cho ông trưởng giả.

- Nay con! Ông trưởng giả nói - Mẹ con đang đau khổ lắm. Con hãy trở về “để cho mẹ con đời sống”!

Yasa chợt đưa mắt nhìn đức Phật, hiểu ý Yasa muốn xuất gia nên ngài đỡ lời:

- Nay ông trưởng giả! Ông là người đã thấy pháp, đã quy y Tam Bảo, đã trở thành một cận sự nam, bây giờ ông hãy suy nghĩ đi! Yasa, con trai ông, bây giờ đã là một vị thánh, một bậc A-la-hán, một người đã vĩnh viễn cắt lìa mọi ô nhiễm, phiền não, sống đời giải thoát, viễn ly các dục, các hữu. Một con người như vậy thì có thể nào trở lại với đời sống đoan vạy bởi dục lạc của trần thế? Như một con chim đã sổ lồng, có khi nào nó muốn chui trở lại vào trong cái lồng! Như kẻ đã ra khỏi tù, có bao giờ muốn trở lại chốn lao tù? Như con thú đã vùng vẫy ra khỏi cái bẫy của người thợ săn lại muốn trở lại nằm trong cái bẫy? Hãy trả lời đi và Yasa sẽ vâng theo tri kiến và chủ ý của ông!

Đưa mắt lặng lẽ nhìn đức Phật, năm vị thánh tăng và

⁽¹⁾ Hai vị thương gia Miến Điện là hai cư sĩ đầu tiên quy y Nhị Bảo!

Yasa nữa, ông trưởng giả cảm nhận được cả một không gian an bình, thanh tịnh và siêu thoát; lại nữa, giáo pháp ông vừa được thọ hưởng mà dư vị của nó còn tràn đầy, thấm đẫm tâm và trí, ông hiểu rất sâu sắc rằng là Yasa đã chọn lựa đúng, bèn cúi gập đầu xuống:

- Bạch đức Thế Tôn! Con trai của đệ tử đã bước vào đạo lộ trong sạch rồi, không thể nào thích thú trở lại trong vũng bùn dơ ứ nữa. Đệ tử đã thấy. Vậy thì ngay ngày mai, xin cung thỉnh đức Thế Tôn, có chư Tăng và Yasa theo hầu đến nhà đệ tử để cho đệ tử có dịp đặt bát cúng dường buổi ngộ trai!

Đức Phật nhận lời trong im lặng. Đám gia nhân của ông trưởng giả ngồi đứng lố nhố đầy đặc ở bên ngoài. Họ dìu ông trưởng giả, có vẻ không còn sàu muộn nữa trở về nhà, còn Yasa thì ở lại với nhóm sa-môn khổ hạnh, họ không hiểu tại sao, nhưng không dám hỏi.

Đợi mọi người đi khuất, Yasa quỳ năm vóc sát đất, dưới chân đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Hãy cho con được sống trong Tăng đoàn thánh hạnh!

Ngồi lại trong tư thế kiết-già, đức Phật chứng minh rằng là Yasa đã là vị tỳ-khưu, rồi ân cần nhắc nhở rằng: Bây giờ con hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng trong sạch vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người! Quay qua Koṇḍañña, đức Phật nói:

- Phàm mạo, tăng tướng, y bát, cách mặc y, mang bát, tứ oai nghi, cách trì bình khát thực của Yasa, bây giờ là phần việc của ông, do ông và huynh đệ sắp đặt, hướng dẫn!

Thế rồi, sáng hôm sau, sáu vị tỳ-khưu thánh tăng A-la-hán tháp tùng đức Phật, thông dong, nhân nhả đi đến Bārāṇasī, vào trang viện gia đình của Yasa, tại trung tâm thành phố. Tướng mạo, phong cách của đức Phật cùng sáu vị thánh tăng, Yasa theo sau đều thuộc thành phần trí thức, tóc

râu sạch sẽ, y áo thơm tất, lại còn được thu thúc thanh tịnh, trang nghiêm nữa, là hình ảnh mới lạ, lần đầu tiên tại thủ phủ của tôn giáo bà-la-môn này! Người ta không ngót xôn xao, bàn tán. Người ta tụ họp từng nhóm nhỏ, lặng lẽ nhìn, tò mò hoặc đưa tay chỉ trỏ. Có lẽ là họ phát hiện Yasa, vị công tử giàu sang, con nhà cự phú nổi tiếng ăn chơi cũng ở trong đoàn sa-môn!

Những tấm thảm nhung đỏ được trải từ ngoài cửa, có nước rửa chân. Gia nhân đứng hầu ăn mặc đồng phục màu mè như lễ hội. Vào nhà, chỗ ngồi đâu đó được thu xếp chu đáo, cẩn trọng, sang trọng. Cha mẹ của Yasa và bà vợ chính của Yasa đích thân quỳ lạy, nghênh tiếp, sắp đặt, hầu soạn lễ phẩm, thực phẩm. Thỉnh thoảng, họ lại ngừng tay, chăm chú nhìn Yasa với tình cảm buồn vui xen trộn phức tạp.

Nước rửa tay đựng trong những chiếc bình bằng vàng. Khăn lau tay là gấm lụa thượng hạng tẩm hương chiên-đàn. Thực phẩm cứng mềm thượng vị công phu và cầu kỳ. Họ dâng vào bát cho đức Phật và chư vị tỳ-khưu. Các ngài thọ dụng trong lặng lẽ.

Quán cơ duyên, thời pháp sau đó của đức Phật cũng đưa hai vị phu nhân vào quả vị Nhập lưu, tịnh tín bất động tâm nên việc xuất gia của công tử Yasa lại trở thành hỷ sự trong gia đình. Và hai bà cũng xin được quy y Tam Bảo, trở thành hai cận sự nữ (upāsikā) đầu tiên trong giáo hội của đức Phật.

Ít hôm sau, sự kiện Yasa xuất gia, đi theo đoàn sa-môn một tôn giáo lạ, có một vị Phật vừa mới ra đời, xuất thân là một thái tử tạo nên một chấn động lớn làm cho cả thành phố Bārāṇasī xôn xao, dư luận bàn tán sâu rộng nhất là trong thành phần trí thức. Một thanh niên có một gia sản cự phú, sống trong giàu sang nhung lụa, có cả ba tòa biệt điện, kẻ hầu người hạ, hưởng thọ dục lạc như một vị tiểu vương thế mà phát tay bỏ đi sống đời không cửa, không nhà! Giáo lý ấy chắc hẳn có một sức thu hút mãnh liệt? Giáo lý ấy chắc

hắn có một tư tưởng phi thường? Giáo lý ấy ở trong truyền thống hay ở ngoài truyền thống? Những nghi vấn ấy tạo nên sự tò mò, cuốn hút bốn vị công tử các gia đình thương gia danh giá, giàu sang khác: Đó là Vimāla, Subāhu, Puṇṇāji và Gavampati là bạn thân của Yasa tìm đến Lộc Uyển để hỏi đạo. Rồi sau thời pháp vi diệu, cả bốn công tử đều đắc quả A-la-hán, thọ giới tỳ-khưu, theo chân đoàn sa-môn khát sĩ không trở về thăm gia đình nữa! Chưa hết, năm mươi thân hữu khác của năm vị đều là thành phần ưu tú, trí thức ở rải rác trong thành phố và các vùng phụ cận, nghe tin lạ lùng, kẻ sau, người trước tìm đến, rồi họ cũng đắc quả A-la-hán, trở thành tỳ-khưu chẳng màng đời sống ngũ dục, gia đình và sự nghiệp thế gian!

**Những Bài Pháp Quan Trọng
Tại Lộc Uyển
Dành Cho Thành Phần Ưu Tú**

Có lẽ duyên ở Bārāṇasī vậy là vừa đủ. Bây giờ còn là mùa mưa, nước sông Gaṅgā dâng cao, tràn bờ, việc đi khát thực bắt đầu khó khăn, lều xá tạm cư cần phải làm thêm cho đủ chỗ sáu mươi người, đức Phật bàn tính với năm vị trưởng lão để sắp xếp, cắt đặt công việc ăn ở. Tuy nhiên, chỉ ít hôm sau là mọi công việc lại trở nên dễ dàng. Các gia đình thương gia, thân quyến và gia nhân của các vị công tử tìm đến. Sau khi thấy không thuyết phục được con em của mình, chủ của mình, mà ngược lại, họ bị thuyết phục nên đã tự động cho người mua vật liệu, ra tay làm cốc liêu chỗ này, chỗ kia cho các ngài! Rồi vấn đề thiếu y, thiếu bát và những vật dụng cần thiết, các gia đình dâng cúng đầy đủ cả.

Thời gian ở đây, những lúc trời tạnh ráo, đức Phật cho Koṇḍañña triệu tập Tăng chúng để giảng những thời pháp quan trọng. Mặc dầu các vị, hội chúng độc thân trí thức và quý phái, thành phần tinh ba của xã hội đã là bậc A-la-hán cả; nhưng những chi tiết pháp và luật áp dụng vào đời sống thì họ còn cần phải học hỏi nhiều.

Đức Phật giảng một bài pháp liên hệ đến việc hướng tâm đúng, tức là như lý tác ý (yoniso-manasikāra) ở trong mọi thời, ở trong mọi lúc. Hướng tâm giống như bánh lái của

một con thuyền, bánh lái hướng về phương nào thì con thuyền sẽ đi theo hướng ấy. Cũng vậy, hướng tâm sai lệch, phi như lý tác ý (ayonisa-manasikāra) thì toàn bộ thân tâm sẽ sai lệch, mọi cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức đều phải bị lệch lạc. Như Lai cũng nhờ vào sự hướng tâm đúng đắn, chân thực này, là yếu tố quyết định để đắc quả Chánh Đẳng Giác. Sau này, lúc du hành giữa cõi ta-bà, lúc thuyết pháp độ sinh, các thầy tỳ-khuru phải thường tỉnh thức, giác niệm điều ấy và cũng thường chỉ giáo cho mọi người như thế.

Bài pháp thứ hai, đức Phật tuyên bố, hiện nay, ngài và hội chúng tỳ-khuru ở đây đều đã thoát khỏi mọi kiết sử buộc ràng ở cõi người cũng như cõi trời; đã không còn dính mắc bất kỳ một lưới võng nào của dục hữu, dục tham, dục ái dù thô tháo hay tế vi. Cuối thời pháp, có một số câu hỏi liên hệ về nhân và quả, tâm và cảnh của các cõi, đức Phật đã cặn kẽ mở rộng nhãn quan và kiến văn cho chư đệ tử bằng cách sử dụng thần thông cho họ thấy ngay trước mắt các cảnh giới từ Địa ngục cho đến Tha hóa tự tại thiên cùng nhân quả nghiệp báo của chúng. Riêng các cảnh giới thuộc thiên định, sắc và vô sắc, đức Phật dạy nên tu thiên định, năm vị trưởng lão sẽ hướng dẫn cho họ, sẽ tức khắc thấy ngay các cảnh giới ấy trong tâm của mình.

Bài pháp thứ ba, đức Phật kể câu chuyện về một người thợ đóng bánh xe, làm hai bánh xe cho đức vua Pacetana thời xưa. Một bánh xe, người thợ cẩn thận, chú tâm, công phu làm trong sáu tháng ròng rã. Qua bánh xe thứ hai, do sự đốc thúc của nhà vua nên ông đã nóng nảy, vội vã chỉ làm trong sáu ngày thì xong. Khi chiếc xe được cỡi ngọc, dát vàng, rèm châu, sáo bạc lấp lánh sang trọng, do đôi ngựa thuần chủng kéo đi, chưa được nửa do-tuần, chiếc xe đã gãy ngã, sụp đổ. Khi quan sát, bánh xe thứ nhất vẫn kiên cố, vững chắc; bánh xe thứ hai có nhiều khuyết điểm ở vành,

nan, trục nên bị đứt lìa hoặc gãy vụn. Cũng vậy, này các thầy tỳ-khưu! Các thầy tuy đã đoạn lìa phiền não, nhưng những tiền khiên tật, nghiệp, thói quen xấu được huân tập lâu đời vẫn còn hiển lộ đâu đó qua thân, khẩu, ý chưa được kiểm soát một cách chặt chẽ. Những khuyết điểm, những khuyết tật này cũng cần phải chỉnh sửa trong thời gian dài mới ổn cố và toàn vẹn được. Nếu không, các thầy sẽ bị ngã nhào, không phải ngã nhào trên hành trình giải thoát mà ngã nhào ra khỏi phạm mao tăng tướng phạm hạnh vốn với thân khẩu ý toàn bích, không có một khiếm khuyết nào! Thế là đức Phật phải giảng nói rất kỹ về ngũ, nghiệp, mạng, ba tiết chế tâm sở cùng một số luật nghi, tế hạnh như là đời sống bất ly của một sa-môn trong giáo đoàn tỉnh thức, làm mẫu mực cho tứ chúng sau này y chỉ.

Cuối thời pháp thứ ba, có những câu hỏi liên hệ đến truyền thống tôn giáo cũ, hiện đang đóng đô và phát triển rầm rộ ở thành phố Bārāṇasī, quê hương của họ.

Về lãnh vực này, Yasa và bạn hữu, những người ở trong lòng hiện tượng và vụ việc đã trình tự, thay phiên nhau phác họa bối cảnh vừa khái quát vừa chi tiết rất là rõ ràng, mạch lạc. Họ nói rằng, Bārāṇasī là lãnh địa, là linh địa của tri thức Vệ-đà và Upanishad, tư tưởng nhân quả, tái sinh, luân hồi có đề cập thông qua nhưng bị chìm mất bởi bàn tay của các vị thần linh với sự thưởng phạt bất minh, tùy tiện. Ai cầu nguyện nhiều, tế lễ trâu, bò, cừu, dê hậu hĩ thì sớm được lên hầu hạ bên chân của các thần. Ai không tin, phỉ báng thánh thần hoặc lễ lạt có vẻ coi thường thì xem chừng bị đày xuống hỏa ngục! Cả một tập đoàn bà-la-môn chuyên nghiệp nắm độc quyền thần linh ở trong tay nên tha hồ bày ra các loại tế đàn: tiểu tế, trung tế, đại tế! Chưa thôi, việc gì cũng phát sanh lẽ cả. Từ việc sinh đẻ, cưới hỏi, hỏa táng, cuộc đất, hướng nhà, ốm bệnh, bán buôn, đi buôn, đi xa, lên thuyền, lên ngựa, làm nhà, lạc thành, đầu tháng, cuối tháng,

giữa tháng... tất tần tật đều có lễ, có các thầy bà-la-môn chủ trì, phán lệnh, truyền lệnh, rảy nước thiêng, đọc thần chú, bùa chú, pháp thuật... Rồi hiến tế thần nước, thần lửa và hàng trăm vị thần khác biết bao nhiêu là của cải, tài sản, đầu súc vật! Vì ai cũng muốn lên thiên đàng nên các thầy bà-la-môn bày ra việc bán mua ấy để kiếm lợi nhuận béo bở, sống vinh thân phì gia, vợ con đùm đê, hưởng thọ đục lạt mà ít đổ mồ hôi lại còn được ăn trên ngai trước nữa! Thành phố Bārānasī, chưa có một nghề nào khỏe khoắn nhưng sang trọng, thịnh vượng và phát đạt bằng nghề thầy tu!

Thế rồi, đức Phật trình bày những tri kiến của đạo giải thoát: Như Lai không bao giờ muốn thành lập một tôn giáo mới. Ở trong truyền thống hoặc ở ngoài truyền thống, Như Lai đều không quan tâm. Vấn đề của Như Lai là con người, sự nhận chân như thực về con người cùng những tồn tại đau khổ của nó. Như Lai không bàn về tư tưởng, nhân tình, nhân văn, nhân bản đi liền với các nấc thang giá trị đã được con người định giá, xác lập, thiết lập có tính ước lệ từ ngàn xưa đến nay. Cái con người bằng xương bằng thịt cùng với cảm xúc, tư tưởng, tâm hồn, nhận thức ấy, tại sao lại lúc vui, lúc buồn, lúc hỷ, lúc lạc, lúc khát vọng, lúc bạo tàn... rồi đem đến đau khổ cho mình và cho người khác. Như Lai khảo sát con người ấy, thấy sâu bi khổ ưu não nơi con người ấy rồi tìm cách tốt nhất để pha chế một phương thuốc thoát khổ. Sự diệt khổ đã được tìm thấy. Giác ngộ, giải thoát đã được tìm thấy. Nay Như Lai đi khắp nơi để giảng nói về đạo lộ bất tử ấy. Chỉ đơn giản như vậy thôi. Giáo pháp của Như Lai không có một vị thần linh nào, không có tế lễ, tắm nước sông Gangā để tẩy sạch tội lỗi, hay rảy nước phép, nước thánh để tiêu trừ tai ương, hoạn nạn; không có bùa thuật huyền bí, không giết hàng trăm ngàn súc vật tế thần lửa, thần Kālī hoặc tế vị thượng đẳng thần nào để xin xỏ một cái gì. Không có giáng tội, ban phúc, không có bán mua, hứa

hẹn kiếp này và kiếp kia. Lại càng không thành lập một đảng cấp hoặc một tổ chức quyền uy linh thiêng hoặc thế tục nào cả. Chẳng tuyên truyền quảng bá cho một lý tưởng nào. Giáo pháp của Như Lai và các sa-môn của Như Lai thực hành theo trung đạo, thiếu dục và tri túc, đi xin ăn cửa mọi nhà, hoàn toàn vô sản và bần hàn, sống đời yếm ly và giải thoát tất cả những hệ lụy, phiền não của cuộc đời. Vô ngã, khiêm nhu, vắng lặng và trong sạch là đời sống của Như Lai và giáo hội của Như Lai.

Hội chúng trí thức lãnh hội rất nhanh nội dung tinh túy của bài pháp. Tuy nhiên, có vị muốn hỏi cho rõ ràng hơn:

- Bạch đức Thế Tôn! Tắm nước sông Gaṅgā chỉ rửa sạch bụi bần, chứ không thể tẩy sạch các tội lỗi, các bà-la-môn thông thái cũng nói như vậy; nhưng họ còn nói rằng: Chỉ có lễ “thánh tẩy thiêng liêng” với những nghi lễ nghiêm túc, đúng đắn, kính thành mới mang đến hiệu quả rửa sạch tội lỗi do con người phạm tội gây nên!

Đức Phật bác bỏ quan niệm ấy, nói rằng, ác nghiệp và tội lỗi do chính ta tạo bằng thân, khẩu hay ý; vậy thì muốn hết tội, hết nghiệp để có được đời sống trong sạch, thì phải biết thanh tịnh hóa thân khẩu và ý! Chẳng có thần linh nào tham dự ở đây cả!

Vị khác lại nói:

- Còn tục thờ thần lửa nữa, bạch đức Tôn Sư! Tập tục tế đàn lửa thiêng có từ kinh Vệ-đà, các bà-la-môn chuyên nghiệp tuân thủ và thực hành rất bài bản. Họ nói rằng, lễ nghi thờ cúng càng nhiều đầu và máu súc vật thì thần Agni mới mang phước quả ấy lên thiên giới để chứng minh cho lòng thành của gia chủ. Một số khác, nhất là quần chúng giáo đồ ngu muội lại tin tưởng ngây ngô rằng, lửa thiêng sẽ đốt cháy hết tội lỗi đối với ai thành kính thờ thần lửa; còn những lễ hỏa thiêu bên bờ sông linh thánh, có chủ tế, có tế vật, có cầu nguyện thì linh hồn người chết mới được siêu

sanh! Nay nhờ đức Thế Tôn vén mở, chúng đệ tử mới hiểu đây là trò ma mị của tập cấp tu sĩ chủ tế bà-la-môn buôn thần bán thánh!

Một vị khác nữa:

- Bạch đức Thế Tôn! Tắm rửa tội ở sông Gaṅgā, chúng ta chỉ thương xót cho đám dân cuồng tín đại khờ, dẫu sao họ cũng chưa làm hại ai! Thờ thần lửa cũng vậy, ít ra là họ cũng biết sợ hãi tội lỗi mà ngăn ngừa được một số việc ác. Cả hai hình thức tín ngưỡng trên có thể châm chước. Nhưng một đôi nơi tế người sống, và nơi nào cũng giết hại hàng ngàn, hàng vạn súc vật thì quả là tổn thương đến lòng trắc ẩn và lẽ công bằng của sự sống!

Đức Phật nhẹ nhàng gật đầu:

- Các thầy đã hiểu đúng giáo pháp của Như Lai! Không ai có thể mua chuộc hoặc hối lộ vị thần linh nào để tẩy rửa ác nghiệp của mình; cũng không thể dùng sanh mạng của sinh linh vô tội để hiến tế cho mục đích tín ngưỡng mù quáng của mình. Động vật, súc vật các loại, bò bay máy cưa đều là chúng sanh, do nghiệp, do hậu quả của ác nghiệp mà noãn thai thấp hóa vào thân xác chúng sinh hạ đẳng. Mai này, trả xong nghiệp quả, chúng cũng có thể trở lại thân người hoặc tái sanh vào các cảnh giới khác. Giáo pháp của Như Lai xem sự sống là bình đẳng, phải có lòng thương yêu, bi mẫn đối với tất cả chúng sanh, không phân biệt.

Đức Phật kết luận:

- Tất cả cái gọi hình thức, lễ nghi, cầu khẩn, tế tự cùng mọi cấm giới theo tập tục, phong tục, tập quán của truyền thống, của xã hội, của tín ngưỡng tôn giáo... chỉ có tính cách ràng buộc nhau trong những trật tự ngây ngô và niềm tin quy ước cuồng tín, thường tạo thêm gánh nặng và đau khổ cho nhau trong vô minh, kéo dài luân hồi sinh tử không bao giờ đưa đến giác ngộ, giải thoát. Đối với Như Lai, đây là kiệt sử, là giới cấm thủ, ngăn bít sự thăng hoa tinh thần, tiến bộ tâm

linh. Một bậc thánh Tu-đà-hoàn, một vị Nhập lưu cũng đã cắt đứt được ba sợi dây trói buộc, đó là thân kiến, hoài nghi và giới cầm thủ, các thầy biết rõ như vậy chứ?

Không có gì minh nhiên, minh triết hơn thế nữa. Ngoài tâm giải thoát, tuệ giải thoát, đức Phật còn tuần tự khai mở nhãn quan và kiến văn phong phú, đa diện cho chư vị thánh tăng dần dần biết vận dụng phương tiện trí trên con đường hoằng pháp lợi sinh.

Giáo pháp được giảng nói kỹ càng như thế mà đức Phật vẫn chưa yên tâm, ngài còn cắt đặt thành từng nhóm nhỏ, bảo Koṇḍañña phân công cho Bhaddiya, Mahānāma, Vappa và Assajī hướng dẫn cận kề để cho định của họ càng thâm sâu và tuệ càng sắc bén thêm nữa. Trong lúc đó, đức Phật lại còn bận rộn vì những phái đoàn học chúng cư sĩ: Họ đến vì đủ mọi lý do, nhưng phần đông, sau khi nghe pháp, đã trở thành hai hàng cận sự nam nữ.

Hãy Ra Đi Như Những Cánh Chim Trời Tự Do

Những lều tre, mái lá lau sậy cũng chống đỡ nổi qua suốt mùa mưa khắc nghiệt. Cuối tháng chín, mực nước các sông hồ đã rút xuống, các lồi đi đây đó đã tạm thời khô ráo. Nhờ thời tiết chuyển mùa mà không gian trở nên xanh sạch đẹp, trong lành và mát mẻ. Hội chúng trí thức của đức Phật nhờ thấm nhuần giáo pháp, tâm mát, sung mãn niềm vui siêu thế nên tâm hồn phơi phới, thanh thoát, đôi vị thốt lên những cảm hứng ngữ xuất thân, những câu kệ thơ thanh bình, vi diệu.

Biết đã đến thời củng cố thêm phương tiện trí trên con đường hoằng pháp nhiều khê mai hậu; đức Phật lại cho tụ họp hội chúng, thuyết thêm hai thời pháp quan trọng nữa, nội dung nhắm đến bốn phận và trách nhiệm của mỗi thành viên. Nhờ đều là thành phần ưu tú, thông minh cả nên họ nắm bắt rất nhanh. Đoạn tóm tắt, đức Phật cất giọng hùng hồn, mạnh mẽ như tiếng sấm giõng giữa trời mưa:

- Này các thầy tỳ-khưu! Như Lai và các thầy đã thoát khỏi tất cả mọi trói buộc, dầu ở cảnh người, cảnh trời dục, sắc hay vô sắc. Bây giờ, tất cả chúng ta hãy ra đi như những cánh chim trời tự do!

Hãy ra đi! Hãy bay qua sông dài biển rộng! Hãy lên đường vì lợi ích vì sự an lạc cho phần đông! Vì lòng từ bi,

hãy mang lại sự tốt đẹp, sự lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Mỗi người hãy đi mỗi ngã, đừng đi chung một đường! Hãy tùy duyên mà hoằng dương, truyền bá chánh pháp! Hãy tùy căn cơ mà thuyết giáo độ sinh. Giáo pháp của Như Lai các thầy đã uống được giọt nước đầu nguồn rồi. Giáo pháp ấy toàn hảo ở đoạn đầu (sơ thiện), toàn hảo ở đoạn giữa (trung thiện), toàn hảo ở đoạn cuối (hậu thiện) và toàn hảo cả ý nghĩa và văn cú nữa. Hãy công bố đời sống phạm hạnh thiêng liêng vừa toàn thiện vừa trong sạch. Có những chúng sanh còn vướng ít bụi cát trong mắt, nếu không nghe được giáo pháp sẽ bị đọa lạc một cách đáng thương xót; nhưng nếu họ nghe được, họ sẽ thấu hiểu, thấy rõ và sẽ được giải thoát.

Này các thầy tỳ-khuru! Khi các thầy ra đi mỗi người mỗi phương thì Như Lai cũng ra đi. Như Lai sẽ đi về hướng Uruvelā, đến làng Senānī thăm lại các gia đình ân nhân thí chủ, lại có duyên hóa độ cho nhiều người, sau đó sẽ đến Māgadha, thủ đô Rājagaha thăm đức vua Bimbisāra như lời hứa thưở trước.

Hãy ra đi! Này các thầy tỳ-khuru! Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí! Hãy truyền dạy giáo pháp nhiệm mầu và bất tử! Hãy mang lại sự tốt đẹp và mùa xuân an lành cho nhân thế. Làm được như vậy là các thầy đã hoàn tất bổn phận và nhiệm vụ của những Như Lai sứ giả trên cõi đời nhiều khổ ít vui này!

Như vậy là đức Phật đã gọi đi bốn phương sáu mươi vị thánh tăng A-la-hán, như là những sứ giả đầu tiên với tâm với tuệ giải thoát toàn bích nhất, không chừa lại bên mình một ai cả. Hội chúng bây giờ mới thấy rõ thêm là từ rày họ phải tự lực, đơn thân độc mã trên lộ trình vô định. Họ phải chiêm nghiệm đời sống thánh thiện của những sa-môn khát sĩ, đầu chân chân đất, không hành lý, tư lương, tứ cố vô thân, hoàn toàn chỉ biết nương tựa nơi chính mình.

Trưởng lão Koṇḍañña chợt nêu một câu hỏi rất xác đáng:

- Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp trong sáng, lành mạnh và thiết thực này sẽ chuyển hóa và biến cải rất nhiều người thuộc nhiều giai cấp khác nhau. Vậy khi hóa độ được họ, đức Thế Tôn thì ở xa, chúng đệ tử phải làm như thế nào để cho hai hàng cận sự nam nữ quy y? Lại có trường hợp thọ giới xuất gia sa-di, xuất gia tỳ-khưu thì chúng đệ tử phải làm sao?

Đức Phật mỉm cười:

- Khi khuyên các thầy ra đi khắp bốn phương trời để hoằng hóa là Như Lai đã âm thầm để cho mỗi người được toàn quyền quyết định về điều ấy. Như Lai được tự do mà các thầy cũng được tự do kia mà!

Koṇḍañña cúi đầu lĩnh ý rồi thưa bạch:

- Đệ tử hiểu! Nhưng ở đây sẽ có nghi thức nào để phân biệt cách thọ trì của hai hàng cư sĩ áo trắng, tiểu giới xuất gia sa-di (pabbajā) và đại giới xuất gia tỳ-khưu (upasampadā)?

- Chẳng cần thiết đưa ra các nghi thức khác nhau, nhất là vào lúc này! Chỉ cần họ có tịnh tín (hoặc có thêm giới, thí) đối với hai hàng cận sự, vào buổi đầu. Chỉ cần có tịnh tín (hoặc có thêm giới, thí) đối với hàng xuất gia, vào buổi đầu. Phải quán căn duyên của họ mà tùy nghi, này Koṇḍañña!

- Vậy thì chúng đệ tử sẽ thực hiện như thế này: Đối với cư sĩ, đối với ai có lòng tin trong sạch vào giáo pháp này, chúng đệ tử sẽ cho họ chấp tay và quỳ bên chân vị tỳ-khưu truyền giới, đọc ba lần: Buddhamaṃ saranamaṃ gacchāmi! Dhammaṃ saranamaṃ gacchāmi! Sanghamaṃ saranamaṃ gacchāmi!

Đức Phật gật đầu. Koṇḍañña thưa tiếp:

- Đối với lễ xuất gia sa-di, tỳ-khưu, chúng đệ tử sẽ cho họ cạo sạch râu tóc, mang bát (đất nung hoặc gỗ), đắp y nội và ngoại màu vàng hoại sắc, chừa vai trái, đánh lễ, chấp tay

cung kính trước vị tỳ-khưu truyền giới rồi cũng đọc ba lần Tam quy như trên!

Đức Phật lại gật. Koṇḍañña có vẻ suy nghĩ một lát:

- Khắp nơi, đâu cũng là đất, là lãnh cư của sáu phái bà-la-môn truyền thống; và nghe đâu, bây giờ cũng thịnh hành sáu phái khác ở ngoài truyền thống nữa. Sẽ có những cuộc chống đối, nhục mạ, thách thức hay tranh luận xảy ra trên lộ trình hành hóa gian nan. Chúng đệ tử học vấn ít ỏi, kiến văn hẹp hòi, lại chưa trang bị môn học lý luận, nếu gặp những tay biện sĩ lang thang, những luận sư học vấn sâu rộng, miệng lưỡi khéo giỏi, xảo ngôn thì chúng đệ tử phải làm sao để đối phó?

Điều quan tâm của Koṇḍañña rất là thiết thực. Đức Phật chọt một hai sát-na vào đại định, một hai sát-na sau, xuất định, trở lại cận định, phóng hào quang sáu màu từng đôi một phủ quanh người, quanh cội cây Assattha rồi tỏa rộng ra không gian. Cả sáu mươi vị A-la-hán cũng ngồi yên lặng như đại định, chiêm ngưỡng vẻ đẹp tương dụng của một bậc Chánh Đẳng Giác. Một lát, thu lại hào quang, đức Phật nhìn khắp chúng đệ tử một vòng, rồi cất giọng điềm đạm, nghiêm từ dạy bảo:

- Người và pháp là Một. Các thầy ai cũng có hào quang tỏa ra bên ngoài cả. Ấy là sự thực chứng bên trong, tỏ lộ ra ngoài bằng ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh, bằng oai nghi, luật giới, bằng thiếu dục, tri túc, bằng vô sản bản hàn, bằng không dính mắc bất kỳ ô nhiễm nào từ ngoại giới cũng như nội tâm. Vậy đối với những ai phỉ báng, nhục mạ, các thầy đã có áo giáp nhẫn nhục và từ bi! Đối với ai muốn tranh luận thì hãy nói với họ rằng: Thế gian tranh luận với Như Lai, với đệ tử Như Lai; Như Lai và đệ tử của Như Lai không tranh luận với thế gian. Và nếu họ cứ muốn miệng lưỡi đấu khẩu thì nói với họ rằng: Giáo pháp của Như Lai là để học hỏi, tu tập, thực hành; là để dành cho tuệ giác, trực giác tâm linh

chứng nghiệm ở bên trong, chứ không phải là ở bên ngoài kiến thức, miệng lưỡi, trí thức, lý trí và luận thức đa biện! Nếu những khi cần nói, các thầy cứ nói, không ngại ngừng gì cả! Vì sao vậy? Vì chúng ta có thể biết tất cả hoặc biết một, hai phần giáo pháp, tư tưởng của họ; nhưng giáo pháp, tư tưởng, đạo lộ tu tập của Như Lai hiện có trong tâm và tuệ của các thầy thì họ không biết gì cả!

Hội chúng thánh tăng thế là đã thông suốt. Họ đã biết phải làm gì, đã biết phải đối phó ra sao trên bước đường đời đầy chông gai và bụi bặm.

Đức Phật chợt phóng một hào quang sáng trắng từ đỉnh trán, nói một câu cuối để tiễn đưa chúng đệ tử lên đường:

- Các thầy phải ghi nhớ ý tưởng cầm nang này mà xử sự: “Hãy im lặng như Chánh pháp! Hãy nói năng như Chánh pháp”.

Đây là vào năm năm trăm tám mươi bảy trước Kỷ nguyên, nhằm ngày mười sáu tháng mười Âm lịch, đức Phật đã an cư mùa mưa đầu tiên, sau đó ngài cùng với sáu mươi vị thánh tăng tuần tự trước sau rời Lộc Uyển, tụ lạc Isipatana rồi tản mác khắp bốn phương trời vì sứ mạng thiêng liêng, cao cả. Có ai biết rằng, những dấu chân đầu tiên này, là những dấu chân vĩ đại nhất trong lịch sử tôn giáo, tư tưởng, lịch sử văn hóa và văn minh của nhân loại.

Hóa Độ Nhóm Vương Tử Ham Chơi

Đứng trước chiếc cốc lá xinh xắn do các vị tỳ-khuru dày công dụng lợp, đức Phật đưa mắt nhìn quanh. Suốt bốn tháng an cư mùa mưa ở đây, với rừng cây này, với những chú nai này, con đường kinh hành này đã trở nên thân thuộc. Sa-môn sống đời không cửa, không nhà, nếu ở lâu dưới một gốc cây quá ba đêm cũng có thể phát sanh quỵên luyến ngoại trừ các vị đã chấm dứt lậu hoặc. Giới luật mai hậu cho tăng chúng chắc phải chế định học giới này!

Lộc Uyển đã vắng lặng, chỉ còn một số ít vị rời chân muện. Đức Phật nhắm hướng đông nam cất bước. Ra khỏi khu rừng, không gian thoáng đãng, ánh nắng trong lành, gió mát rung rinh đầu cây ngọn cỏ. Con đường đất đỏ dài xa hút tầm mắt đã khô ráo, tấp nập bộ hành, xe ngựa lui tới. Sau mùa mưa, nước sông hồ còn đầy, rừng núi tươi xanh và ruộng đồng mạ non phới phới. Đây là khoảng thời gian dễ chịu nhất trong năm, một hai tháng tới tiết trời còn âm áp, rất thuận lợi cho chư vị sa môn ta-bà đây đó.

Xế trưa, đức Phật bước qua chiếc cầu ván chông chênh, nhắm hướng một xóm nhà nằm khuất sau lùm tre để trì bình khát thực. Đã lâu quá, đức Phật mới đi xin ăn vì tại Lộc Uyển, các vị tỳ-khuru thay nhau dâng cúng. Điều này cũng hợp pháp và luật vì ngài quá bận rộn giảng pháp, dạy pháp

cho chúng đệ tử. Xóm cư dân ở nơi đây cũng thuần thành; và có lẽ họ đã nghe danh các vị sa-môn ở Vườn Nai nên họ đặt bát rất hậu hĩ và rất kính thành. Ngoài ra, chính đức Phật đôi khi không biết: Dong mạo của ngài đẹp quá, khí sắc của ngài tươi rạng quá; ai cúng dường đến ngài cũng cảm thấy niềm hoan hỷ lâng lâng có đến nửa ngày!

Cũng lâu quá mới được ở một mình, đức Phật bỏ đường lớn, đi vào con đường nhỏ dẫn đến khu rừng Kappāsīya bây giờ là cả một rừng hoa: Từng chùm, từng chùm hoa Kadamba màu cam nghệ rực rỡ như ửng lên nền trời. Vào bên trong, khu rừng rất thoáng đãng, xác hoa như dẹt thảm; và kìa, mấy con suối trong vắt giao nhau như mấy con rắn lượn từ thác nước trắng xóa trườn qua những tảng đá xanh đen ngoạn mục. Đức Phật ngồi nghỉ một lát, hít thở khí trời trong lành, thơm hương rồi thanh thản độ thực. Trong ngoài đều vắng lặng, thanh bình.

Rửa bát, úp bát vào trên một tảng đá cạnh suối, đức Phật đi kinh hành một lát rồi ngồi thiền định nghỉ ngơi. Chợt một bầy chim cất cánh rần rật rồi một toán người ồn ả bên kia cánh rừng đi sang. Họ đều là thanh niên trẻ trung, phục sức sang trọng, quý phái cả nam lẫn nữ, có cả một số trẻ em, bọn gia nhân hầu hạ, mang theo lều trại, các loại nhạc cụ cùng thức ăn vật uống.

Thấy một sa-môn tĩnh tại ngồi dưới gốc cây, một thanh niên tách đoàn bước tới, lễ độ chấp tay hỏi:

- Thưa ngài sa-môn! Ngài có thấy một cô gái, một kỹ nữ, đi ngang qua đây không?

Đức Phật ngồi đây là ngài cố ý chờ đợi nhân duyên này. Họ là ba mươi vị vương tử, là hoàng thân là con của các bà thứ phi của đức vua Mahākosala, đều là hoàng đệ của đức vua Pāsenadi nước Kosala, thủ đô là Sāvatti. Đức vua Pāsenadi xuất thân xuất sắc tại đại học Takkaṣilā, có tài, có đức; sau khi lên ngôi đã đối xử với các hoàng đệ rất tốt, ai

cũng có lãnh địa, tài sản, chức vị tại triều đình hay các tổng trấn. Ông vua anh của họ không có chỗ nào để chê! Cả đức và tài của ông ta trùm lấp tất cả nên sinh ra độc đoán, chuyên quyền. Các vị hoàng thân cảm thấy sở tài, sở học của mình không biết dùng vào đâu nên sinh ra buồn chán. Thỉnh thoảng, họ lại gặp nhau, ngoạn du sông núi, rong chơi đây đó, tìm vui nơi khách điểm, lữ đình, tửu quán, lời ca tiếng nhạc để giải khuây. Thế là những cỗ xe sang trọng rời Sāvatti, theo con đường bộ hành thương mại ghé thăm những nơi nổi tiếng. Lần này, đã cùng với vợ con chơi chán ở Bārāṇasī, thành phố ăn chơi xa xỉ, họ ghé thăm khu rừng này. Trong bọn, có một vị hoàng thân còn trẻ, chưa có vợ nên dẫn theo một cô kỹ nữ. Trưa nay, lúc mọi người đang nghỉ ngơi đây đó giữa rừng hoa, cô kỹ nữ cuồn tất cả vàng bạc, tư trang rồi trốn đi mất... Họ chia nhau đi tìm, đến ngang đây thì gặp đức Phật.

Quán nhân duyên những vị vương tử này có trình độ học thức, ít bụi cát trong mắt, có thể thấu hiểu giáo pháp nhanh chóng; lại nữa, họ là những nhân tố, những hạt giống quan trọng để sau này dễ dàng đến hoàng pháp tại đế quốc này, cảm hóa đức vua Pāsenadi, triều đình và nhân dân của ông ta. Giáo pháp nếu muốn vững mạnh để phát triển thì cần những ông vua có quyền lực ủng hộ, tốt nhất là trở thành một cận sự nam!

Vì nhân là vậy, duyên là vậy, nên khi vị hoàng thân hỏi tìm tông tích người kỹ nữ, đức Phật bèn sử dụng tâm từ bao phủ tất thấy mọi người rồi chậm rãi, ung dung, mỉm cười nói:

- Nay hỏi chư vị vương tử lá ngọc cành vàng! Chư vị nghĩ thế nào? Hãy trả lời cho Như Lai xem nào? Đi tìm một cô con gái có tâm địa xấu xa là tốt hơn, hay đi tìm chính mình, tìm cho ra con người thực của mình tốt hơn?

Nhìn tướng mạo như rồng, như phượng của vị sa-môn

trẻ, ngài mới ba mươi sáu tuổi, nụ cười tỏa sáng, thể ngồi tự tại, phong cách điềm đạm, ngôn lời có cánh có lửa; lại dường như còn bị thu hút bởi một từ lực mát mẻ nữa nên họ từ từ, lặng lẽ, bất giác đưa mắt nhìn nhau rồi ngồi xuống ở xung quanh, cũng rất lặng lẽ! Cả đời, họ chưa nghe ở đâu, học hỏi ở đâu một câu nói lạ lùng như thế: Đi tìm con người thực của mình!

Một vị hoàng thân có vẻ niên trưởng, có kiến thức sâu rộng, từ tốn thưa rằng:

- Triết học Vệ-đà và cả Upanishad đều xem thế giới này là māyā, là huyền hóa, chẳng có cái gì là thực cả! Vậy thì xin dám thưa ngài đại sa-môn! Có thể tìm ra cái thực, cái con người thực của mình được chăng?

Đức Phật từ ái đưa mắt một vòng, biết với câu hỏi như vậy, mọi người theo dõi yên lặng và chăm chú như vậy thì hội chúng này đã sẵn sàng, sẵn sàng có tai để nghe, sẵn sàng có trí để thấu hiểu, ngài bèn thả thêm một câu hỏi nữa:

- Quả thật là chư vị có biết chắc, có nắm rõ về tư tưởng māyā ấy, cái huyền hóa, không thực ấy? Hãy giảng giải cho Như Lai được mở rộng kiến văn xem nào?

Cái cách nhìn, cách nói, cách hỏi của đức Phật tuy rất khiêm tốn, nhưng biểu lộ sự chững chạc, toát ra phong cách của một bậc thầy uyên bác, già dặn trên học trường lý luận như đang đối thoại với học trò của mình! Hội chúng này đều trí thức và đa văn nên họ hiểu, họ mỉm cười nhẹ. Một vị hoàng thân chột cời chiếc hoàng bào lót chỗ ngồi, cất giọng sang sảng:

- Biết rõ chứ, biết chắc chứ, thưa ngài sa-môn! Ở đây, chúng tôi hơn một nửa đều xuất thân từ đại học Takkaṣilā, đầu bộ môn chuyên ngành là trị quốc, an dân nhưng cũng trang bị chu đáo tất thảy mọi triết học cổ đại và đương thời; và māyā là tư tưởng xuyên suốt, là sợi chỉ đỏ nối liền mọi giáo phái truyền thống; nó cũng là nhận thức luận của mọi tư

biện chính quy nhất!

Vị khác tiếp lời:

- Xin cho tôi được bổ túc có tính kinh viện thêm một chút. Māyā là thực tại toàn bộ nhưng nó không phải nhất nguyên, không phải nhị nguyên. Mặc dầu cái trò biến ảo của nó phân làm hai mặt, nửa thực nửa hư, nửa có nửa không, nhưng không xác lập được cái gì là thực, cái gì là hư, cái gì là có, cái gì là không! Và, Upanishad, tập đại thành của những tư tưởng đi sau đã từ cái māyā quái gở này mà lập ra triết học bất nhị!

Đức Phật lắng nghe, rất chăm chú lắng nghe. Đến ngang đây, ngài lại hỏi nữa:

- Chư vị đã có được một nền tảng giáo dục vững chắc, sở học vững chắc, trình bày và lập ngôn đều rất chính xác và rõ ràng. Cảm ơn chư vị, Như Lai đã lãnh hội rồi. Tuy nhiên, Như Lai còn thắc mắc. Vậy thì khi tiếp thu rất là chính thống tư tưởng māyā ấy, triết học bất nhị ấy thì chư vị sẽ sống ra sao? Nghĩa là sẽ thu xếp đời mình như thế nào? Ý Như Lai nói là nó có giúp cho đời sống của chư vị có ý nghĩa? An lành và hạnh phúc hơn?

Đức Phật nghe xào xạc đầu đó vài hơi thở dài. Cả hội chúng chột im lặng, im lặng như đối diện với hư vô, như một đêm đông băng giá, không một tiếng thở của đất, không một nách lá, một hạt vỏ nào cựa mình... Giữa không gian thình lạng ấy, ngài lại còn đưa thêm câu hỏi nữa, như có ý đẩy tư duy của những chàng trai trẻ này vào chỗ bế tắc:

- Hoặc nói cách khác, sau nhận thức luận là triết lý hành động! Như Lai còn chưa hiểu một điều: Không biết Vệ-đà và Upanishad có đưa ra một con đường nào, một lộ trình tu tập nào để bước ra khỏi cái māyā ấy, cái bất nhị ấy?

- Có đấy, thưa ngài đại sa-môn! Một vị khác có vẻ ưu tư đáp – Ôi! Có quá nhiều con đường: thánh ca, tán tụng, tế lễ, cầu nguyện, thần chú, pháp thuật; rồi còn cách thức tẩy ứ

tâm hồn, các giai đoạn Yoga, điều tức, điều khí; tụng đọc “aum, aum” linh thiêng, trống rỗng tâm ý để thể nhập vào đấng Ishvāra, đấng Rāma, đấng Brāhman... Nghĩa là càng học hỏi càng rối rắm, tối tăm làm cho mù mịt tâm trí đi, thôi thì tất thấy xin giao phó cho thượng đế, giao phó cho các thượng đẳng thần...

Đức Phật lại hỏi tiếp:

- Hóa ra vẫn không giải quyết được vấn đề của con người, với những tồn tại của hiện thực: Lo âu, ưu tư, khát vọng, sợ sệt, ganh ghét, thất vọng, buồn chán, sầu muộn...?

Một người đáp:

- Không giải quyết được vì đây là chân lý, là māyā! Tất cả thế giới này là bất toàn, rỗng không, nước mắt, niềm vui, khổ lạc, già chết! Không có một ước mơ, một lý tưởng nào có thể thực hiện và nắm bắt được ở trong tay. Vì chúng thực mà hư, chúng hiện rồi mất. Thế giới xung quanh ta cũng thế: Ruồi muỗi, sâu bọ, cỏ cây... chúng sinh rồi để mà diệt, chúng diệt rồi để mà sinh! Ảo hóa cả. Kiếp người, vạn kiếp người, cho chí quả đất, trăng sao, sông núi cũng bị bào mòn, hư sụp, rồi cũng bị chìm mất vô tăm trong sự vận hành của đại hóa. Con người có ý nghĩa gì với những ưu tư, sầu muộn, thao thức trăn trở của hần, có ích gì? Vô nghĩa thôi!

Đức Phật nghĩ thầm: “Họ ở chỗ cao sang. Trí thức, kiến văn của họ còn hơn cả Yasa! Danh vọng, quyền uy, tập cấp, địa vị, gia sản, dục lạc... đều đứng đầu xã hội, thế nhưng họ chỉ muốn rong chơi cho qua ngày đoạn tháng do nỗi buồn tâm linh và bất lực trước thế giới māyā nghiệt ngã. Họ đã thấy rõ dukkha một cách rất sâu sắc nên ta rất dễ đưa họ bước vào dòng...”

- Này chư vị vương tử! Đức Phật bắt đầu thời pháp mà giống như tâm sự - Không dấu gì chư vị, Như Lai trước đây là thái tử Siddhattha, dòng tộc Sākya, thành phố Kapilavatthu, một nước nhỏ bên cạnh Kosala, là chư hầu của

quý quốc đây! Như Lai cũng từng có ba tòa cung điện, có một đời sống vương giả như chư vị vậy. Nhưng suốt tuổi thanh xuân, Như Lai không tìm thấy niềm vui chân thực, không ngọt ngào thức, ưu tư và trăn trở. Chính những tư duy màu xám của chư vị vừa rồi cũng là tư duy bị quan của Như Lai một thời! Chúng ta bị lưới māyā ấy bủa vây. Chúng ta bị thế giới māyā ấy nuốt chửng! Tuy nhiên, chính cái ngày có con trai đầu lòng, cái ngày đăng quang vương vị, Như Lai đã từ bỏ tất cả để lên đường, xuất gia làm một lang thang khát sĩ du phương tầm đạo. Như Lai không đầu hàng māyā! Thế rồi, suốt sáu năm tầm thầy học đạo, lang thang khổ hạnh, và khổ hạnh đến tận cùng, Như Lai vẫn chưa tìm ra chìa khóa để mở cánh cửa māyā. Chính khi gần chết, chính giây phút kề bên lưới hái của tử thân, tại dãy núi Gayā, Như Lai đã tỉnh thức, đã tìm ra được lộ trình Trung đạo. Rồi đêm ấy, đêm trăng tròn tháng Vesākha, cách đây chừng nửa năm, tại cội cây Assattha, bên sông Nerañjarā, gần tụ lạc Uruvelā, Như Lai đã chiến thắng nội giới cũng như ngoại giới, cởi bỏ tất cả mọi xiềng xích của māyā, lưới buộc của māyā, bước ra khỏi tử sinh: Giác ngộ và giải thoát trọn vẹn! Như Lai biết mình đã đắc quả Chánh Đẳng Giác, đã trở thành một vị Phật...

Vì muốn cảm hóa hội chúng trí thức này, nên nói đến ngang đây, đức Phật lại sử dụng thần thông, một loại hào quang sáng trắng bao phủ khắp thân mình, như ngồi trong mặt trời, mặt trăng rồi nói tiếp:

- Cái mà tư tưởng truyền thống rút ra hệ luận được gọi là māyā ấy thì Như Lai gọi là dukkha! Và Như Lai đã có một công thức sau đây: Māyā, nguyên nhân của māyā, sự chấm dứt māyā, và con đường dẫn đến sự chấm dứt māyā! Nếu chư vị vương tử muốn nghe thì Như Lai sẽ giảng nói!

Bằng cách như vậy, xảo diệu như vậy, thiện thuyết như vậy, đức Phật từ từ, chậm rãi giảng nói Tứ Diệu Đế một

cách khác làm cho ba mươi vị hoàng thân thâm đắm hương vị của pháp màu, hỷ lạc dâng đầy từng chân tơ kẽ tóc, len tận từng ngõ ngách của tế bào, tâm niệm. Họ đã chứng quả Tu-đà-hoàn, Nhập lưu, mọi nghi nan tiêu sạch, một chân trời rộng mở, thanh sáng và cao đẹp.

Suốt buổi chiều, đức Phật lại thuyết thêm, căn kẽ về con đường, căn kẽ cả những chi tiết. Ngài cũng mở rộng cho họ thấy rõ các cõi cùng nhân quả nghiệp báo của chúng sanh ở đây. Càng nghe, càng thấy, họ càng thâm tín đức Phật và giáo pháp. Vị niên trưởng đắc quả A-na-hàm, thêm hai mươi tám vị nữa đắc quả Tu-đà-hàm; riêng vị trẻ nhất cặp bồ cô kỹ nữ không tiến bộ thêm!

Khi cả ba mươi vị vương tử đồng xin xuất gia, đức Phật chấp thuận, nhưng ngài bảo là phải giải quyết cho ổn thỏa vấn đề vợ con. Họ đồng ý. Rồi suốt đêm, không biết họ đã thuyết phục như thế nào, cắt đặt công việc như thế nào, mà sáng ngày, những người hầu đã mang xe ngựa đến, đưa vợ con họ về Sāvatti - đồng thời, họ chuẩn bị y bát đâu đó đầy đủ cả!

Với râu tóc sạch sẽ, với chiếc bát sắt đen tuyền, với màu y vàng đất, cả ba mươi vị vương tử dường như đã thoát xác, đã biến thành ba mươi vị sa-môn với phẩm mạo, tăng tướng đẹp đẽ, tươi sáng. Quỳ bên chân Phật, sau khi đọc xong ba lần Tam quy, cả ba mươi vị đồng đắc quả A-la-hán.

Ở lại khu rừng Kappāsīya thêm mấy hôm nữa, đức đức Phật lại ân cần tứ giáo các vị thánh tăng bốn bài pháp quan trọng nữa, sau đó, khuyên họ ra đi, đến miền Pāvāya, thuộc lãnh thổ Kosala để hoằng hóa lợi sanh. Ba mươi vị sa-môn này, sau được gọi là nhóm tỳ-khưu Pāvāya. Thế là giáo hội độc thân của đức Tôn Sư lại có thêm ba mươi nhân tố ưu tú nữa, thành chín mươi vị sứ giả truyền giáo lỗi lạc.

**Về Thăm Lại
Cội Cây Giác Ngộ
Và Dòng Sông Linh Thiêng**

Chừng mười hôm sau, đức Phật đã về đến rừng khổ hạnh. Ngài nhìn nhĩ nhìn ngắm cảnh vật. Cây cối sau mùa mưa nó xanh thắm, tươi đẹp lạ thường. Con đường đi qua cội cây Bodhirukkha (Assattha cũ) bị một dòng nước từ núi Gayā đổ xuống, xé rách một đoạn lớn, đức Phật đành phải đi tắt qua ngã xóm làng. Hương lộ này, ngài đã đi lại lắm lần, nhà cửa, người vật vẫn như cũ. Bò, dê vẫn lác đác đây đó giữa đồng ruộng, bên nương vườn, ven lộ và cả trong sân, sát bên cửa mọi nhà! Thanh bình, yên ổn, lam lũ và đói nghèo xen lẫn trong nhau!

Đến một điền trang to lớn, có lẽ là giàu sang nhất ở trong thôn, đức Phật dừng chân lại: Phải ghé thăm gia chủ triệu phú Senānī, bà Sujātā và cô bé Punṇā, những vị ân nhân với những bát sữa kỳ diệu giúp ta sống lại để thành tựu đạo giác ngộ.

Đức Phật được cả nhà ra đón tiếp nồng hậu. Ông triệu phú người đầy đà, cao lớn, da đỏ hây hây, có nụ cười hào sảng và rộng mở, đích thân chuẩn bị chỗ ngồi và tiếp trà nước. Bà Sujātā bé chú bé trai hồng hào, bụng bẫm, ngồi nơi chiếc ghế thấp, nụ cười tươi rạng, xởi lởi:

- Chú chó nhỏ đây, thưa ngài sa-môn! Nhờ ngài mà gia

đình chúng con được hạnh phúc như nguyện. Xin ngài sa-môn ban phúc lành cho cháu!

Cô bé Punṇā từ nhà trong, chạy ra, mang cho cháu bé một bình sữa; nó nhìn đức Phật không chớp mắt! Nó vô tư, dí dỏm:

- Ông sa-môn bây giờ trông còn đẹp hơn vị thần linh thuở trước nữa. Nhưng hôm nay, nghe người trong làng đồn với nhau, bảo ông sa-môn đã thành Phật rồi! Phật là cái gì nhỉ? Có bằng thần, bằng thánh không?

Mọi người cười xòa. Gia nhân nam nữ mấy chục người ở trong điền trang ít khi thấy được một khát sĩ quý phái, từ hòa như vậy cũng xúm xít ở xung quanh. Cậu bé chặn bò Sotthiya, người tặng tám bó cỏ cùng với ba bốn đứa bạn, không biết hay tin từ lúc nào, cũng đứng thập thò ở ngoài cổng trước. Ông triệu phú Senānī hiểu ý, vẫy tay rồi bảo gia nhân mở cổng, cho phép các chú bé vào chơi! Đức Phật không biết, vì ngài không hướng tâm, chứ tin đồn về ngài, về thần thông, về pháp lực, về hào quang trong đêm thành đạo, cả về sau này ở Lộc Uyển, ở Bārāṇasī được mọi người truyền tụng, ca ngợi khắp nơi, tràn qua xóm, qua làng, qua khắp các thị trấn, thành phố, nước này sang nước khác. Và nhất là: Một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác đã ra đời!

Sử dụng làn khí mát mẻ của tâm từ, đức Phật ban rải đến mọi người, sau đó, ngài thuyết một thời pháp, nói về bố thí, trì giới, hạnh phúc các cảnh trời, an trí họ nơi Tam quy rồi trở về cội cây Bodhirukkha lúc trời nhá nhem tối. Sotthiya và ba chú bé đi theo, nói là ông Phật nói hay quá, chúng muốn nghe thêm nữa! Và đức Phật lại hoan hỷ kể cho chúng nghe những câu chuyện cổ xưa, truyện tích Jataka, nói về nhân quả nghiệp báo, làm cho chúng rất thỏa thích. Niềm tin phát khởi, chúng muốn đi theo ngài, để được hầu hạ và được nghe pháp! Đức Phật có hứa khả, nhưng ngài bảo là bây giờ chưa phải lúc, đợi một thời gian nữa, ngài sẽ cho đi theo

giáo đoàn!

Đêm ấy vào những ngày cuối tháng mười, trời không trăng, đức Phật ngồi quang định suốt đêm, lấy hào quang tự thân soi sáng cả một vùng. Chư thiên, địa tiên, thọ thần ở xung quanh, tìm đến chiêm ngưỡng, tỏ lòng tôn kính và xin được nghe pháp. Đức Phật thấy giáo pháp của ngài có duyên, không những với cõi người, mà còn với cõi rồng, dạ-xoa, a-tu-la, các cõi trời dục giới, cõi trời phạm thiên sắc giới nữa. Chỉ có cõi trời Vô tướng hữu tình, cõi Vô sắc giới, cõi Địa ngục vô gián là không có duyên mà thôi! Vì nghĩ vậy nên ngài đã ưu ái ban cho họ một thời pháp, nội dung nói rằng, cảnh giới mà chư vị đang sống, là quả phước rất nhỏ từ quá khứ, hết sức mạnh của phước bảo trì, quý vị cũng phải bị đọa lạc vào các cảnh giới đau khổ. Lại nữa, phước của chư vị tuy hơn cõi người, nhưng về trí, về tuệ, về các lãnh vực ba-la-mật khác, coi chừng, chư vị khó có thể so bì! Vậy hãy tu tập. Cõi của các vị không thuận lợi bằng cõi người để tu tập các công đức, nhưng quý vị cũng có thể dùng năng lực của mình để hộ trì cho giáo pháp, hộ trì cho những người hiền lương, hộ trì cho làng mạc thôn xóm, hộ trì cho những người cận sự nam nữ hai hàng. Đây là những việc làm hiện nay lợi lạc cho chư vị vậy!

Bọn trẻ hóa ra không chịu về, suốt đêm chúng thỏa thích, sung sướng nằm dưới chân đức Phật, nằm trong ánh sáng hào quang yên ổn và ấm cúng của ngài!

Sáng ngày, chim cất giọng hót líu lo, râm ran, đức Phật đi kinh hành dọc bên sông Nerañjarā, đến chỗ đám cỏ độ com sữa và quăng mâm vàng, ngài ngồi xuống, nghĩ đến công hạnh của chư Phật quá khứ. “Vùng đất này, con sông linh thiêng này đã có ba vị Phật xuất hiện, rồi theo định luật sinh diệt, tất cả đều tàn rụi, chỉ có những chúng sanh hữu duyên với giáo pháp mới nếm được hương vị bất tử. Nay Như Lai là vị Phật thứ tư, cũng miền đất này, cũng con sông

này, cũng có duyên rất lớn với giáo pháp của Như Lai!”

Đức Phật đứng dậy, ngược nhìn trời, nhìn mây, lắng nghe gió, ngài biết sẽ còn một vài trận mưa lớn nữa, sau đó, thời tiết sẽ chuyển mùa, sang đông, nhưng vài tháng tới còn dễ chịu. Bọn trẻ lại xúm xít sau lưng, chúng nói:

- Bạch ngài sa-môn, bạch Phật...

- Ừ, các con cứ gọi Như Lai là Phật như mọi người trong làng vậy!

- Bên kia sông, lác đác trong mấy khu rừng ở Uruvelā, ba bốn tháng nay có rất đông đạo sĩ đến dựng lều trại để ở. Nhưng họ không giống với ngài. Họ bện tóc, đa phần mặc áo vỏ cây và tu hạnh rất khắc khổ!

Đức Phật mỉm cười:

- Họ ngâm mình dưới nước sông lạnh và họ còn tế thần lửa nữa, phải không?

Bọn trẻ ngạc nhiên, trố mắt nhìn. Đức Phật trở lại cội cây, lấy y bát rồi đi vào làng. Hôm nay, gia đình triệu phú Senānī có thỉnh mời đặt bát nhưng đức Phật đã từ chối, vì ngài muốn đi hóa duyên khắp cả mấy thôn làng. Rồi từng buổi sáng, từng buổi sáng, hình bóng trang nghiêm và thanh tịnh của đức Phật đã gieo vào lòng dân chúng một sự tín mộ sâu xa. Từng buổi chiều, đôi khi cả đêm đến, bên từng bó đuốc bập bùng, đức Phật lại thuyết pháp, giảng đạo cho từng nhóm người, đặt họ vào Tam quy, trở thành hai hàng cận sự nam nữ. Bây giờ họ đã biết, đây đúng là một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác!

Hôm kia, biết là đúng thời, đức Phật rời cội cây Bodhirukkha, lên bè vượt sông, đập qua hướng bắc, chênh đông đi vào địa giới của các vị đạo sĩ bện tóc.

Nhiếp Hóa Anh Em Đạo Sĩ Kassapa

Dòng họ Kassapa có ba anh em cùng xuất gia theo giáo phái truyền thống. Họ để tóc dài, thắt lại thành bím, tu khổ hạnh (jaṭila) và thờ thần lửa (thần Agni). Đều là trí thức, tu tập nghiêm túc được nhiều người kính mộ nên họ được nổi tiếng nhiều phương, ai cũng có nhiều học chúng đệ tử. Người anh trưởng vì ở trong khu rừng thuộc tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa) nên gọi là Uruvelā-Kassapa, ông có năm trăm đệ tử. Vị kế dựng đạo tràng ở ven sông (nadī) nên gọi là Nadī-Kassapa, ông có ba trăm đệ tử. Người em út thì chọn sườn núi Gayā, thiết lập cơ sở học tu nên gọi Gayā-Kassapa, ông có hai trăm đệ tử. Uruvelā-Kassapa rất uy tín, được hai em hết lòng quy thuận; và chúng đệ tử, tín đồ sùng mộ như mộ vị thần! Từ khi họ đến đây, chưa được nửa năm mà quần chúng trong vùng, kể cả các thôn làng phụ cận thủ đô Rājagaha lũ lượt tìm đến để nghe giảng pháp và tổ chức nhiều cuộc tế lễ. Thế là hàng quán, lều trại, các dịch vụ liên hệ lễ nghi tôn giáo được dịp dựng lên lối nhỏ ven đường, trông đông vui, ồn ào, phức tạp.

Đức Phật hỏi thăm đường, tìm đến am thất của đạo sĩ trưởng Uruvelā-Kassapa khi trời vừa tối. Đạo sĩ trưởng tuổi đã già nhưng trông quắc thước và rắn rỏi; ông quàng một tấm y da thú được vá bằng nhiều mảnh, râu lấm tấm bạc và bím tóc được cột lại sườn sẽ thả dài phía sau. Thấy một vị

sa-môn khí sắc sáng rực, dong mạo quý phái, cốt cách uy nghiêm, biết không phải là một đạo sĩ du phương tầm thường nên trong lòng vừa nể ngại, vừa kính mến, vừa nghĩ cách làm thế nào để tiếp đón cho lịch thiệp, trước khi chưa hiểu lý do!

Đức Phật biểu tỏ phong cách của một bậc đạo sư nên chào hỏi lễ độ, vừa phải đối với một người lớn tuổi hơn. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa ân cần chỉ cho chàng sa-môn trẻ tuổi rửa chân nơi ghè nước rồi mời vào liêu thất, bên cạnh đống lửa ấm để đàm đạo. Đã hơn canh giờ, ngồi trên hai tấm nệm cỏ, trong không gian ấm cúng và tịch lặng, câu chuyện vẫn còn tiếp diễn giữa hai bậc thức giả. Ba vị đệ tử lớn của đạo sĩ trưởng, ngồi hầu bên sau, cũng say sưa lắng nghe!

Đức Phật khá ngạc nhiên về tầm kiến văn sâu rộng của vị đạo sĩ trưởng về ba tập Vệ-đà, về sáu phái trong truyền thống và một số giáo phái khác ngoài truyền thống vừa khai đàn lập thuyết mới đây! Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa lại càng ngạc nhiên hơn nữa về kiến thức thông tuệ, trí năng uyên bác của người trẻ tuổi: Những điều đạo sĩ biết thì ông ta cũng biết, mà lại biết sâu biết rộng hơn nữa kìa! Và còn biết bao nhiêu là kiến thức được rút ra từ cái kho kinh viện, hàn lâm vừa được giải mã qua cái ngôn ngữ trí năng, biện tài, người trẻ tuổi đã làm cho ông rợn ngợp! Mà dường như vị sa-môn kia còn chưa nói hết, còn tìm cách giữ thể diện cho ông trước mấy người đệ tử nữa! Vậy là, sau cuộc đàm đạo, ông bàng hoàng cả người, tâm và trí dường như mất hết khí lực. Ông vừa tiếp chuyện với một người có kiến thức bậc thầy!

Thấy đã khuya, đức Phật xin cáo lui, nói rằng:

- Phía bên bìa rừng, có một hỏa viện, nơi tế thần lửa, xin tôn giả cho phép tôi được tá túc ở đây một đêm!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đáp rất thành thật:

- Xin hiền giả cứ ở lại đây. Bên trong hỏa viện hiện có

một con rắn cực lớn (rồng), rất nguy hiểm, không ai dám vào. Mấy ngày hôm nay, chúng tôi phải làm lễ tế thần ở ngoài trời!

Đức Phật mỉm cười, bảo là không sao, vì đã có cách làm cho rắn thần không thể làm hại được! Đạo sĩ trưởng đàn phải chấp thuận nhưng cứ dậm đi dậm lại rất kỹ càng.

Tiền khách đi xong, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tọa thiền một lúc, nhưng ông đã không trú tâm được; nằm nghỉ nghiêng lưng một lát, tâm trí ông cứ mãi lao xao: Cuộc đối thoại vừa rồi với đức Phật đã làm cho ông bối rối! Tự nghĩ. Người này không biết xuất thân từ đâu mà làm cho ta mười phần e ngại. Sự hiểu biết bấy nay của ta, cứ tưởng là trùm lấp thiên hạ. Hóa ra, tri thức của ta còn khá nhiều chỗ khuyết tật. Ngay kinh Vệ-đà, một số chương mục trong Rig-veda, Yaju-veda, Samā-veda, Attha-veda, chàng tuổi trẻ còn chỉ rõ cho ta những ý nghĩa nằm trong thánh ca ẩn tiềm những tư tưởng thâm uyên. Đáng thẹn nhất là những Mantra ở trong Samā-veda (gồm 1549 bài thánh ca, hiến tế thần Agni) mà ta thường sử dụng đọc tụng trong các buổi cầu nguyện, các buổi tế lễ lớn nhỏ là sở trường, sở đắc bấy lâu của ta, vị sa môn kia cũng chỉ ra những chỗ nghi là nguy tạo hoặc trước tác thù dệt nhằm mục đích lợi quyền thế tục của người đi sau, mà ta cũng không phản biện được, vì nó đúng quá! Ôi! Rồi nào là triết hệ Navāya, môn luận lý học phát nguyên từ đâu để cho sáng tỏ Gotama lập thuyết? Người tuổi trẻ nói rằng, nó chỉ là sự kế thừa mấy ngàn năm trước của thời tiền Vệ-đà, muốn sử dụng phương pháp lý luận qua năm giai đoạn: Sự thực, nhân, đại tiền đề, tiểu tiền đề, kết như là công cụ chính đáng để mang đến sự lợi ích thực tiễn cho tri thức và tư tưởng hoạt dụng. Nhưng ngày nay thì sao? Ngày nay thì tiện ích của nó là để cho người ta đấu khẩu với nhau, chỉ trích những lỗi lầm lập thuyết của nhau, hạ bệ nhau để gây tiếng vang, tạo địa vị độc tôn trên luận trường! Và ngay

chính Navāya nguyên thủy, dù lý luận hay cách mấy, giá trị tri thức và tư tưởng có được xác lập thì để mà làm gì? Trái đất vẫn quay, tham sân si vẫn còn đây, và sầu bi khổ ưu vẫn tồn tại hiện thực trong lòng người! Ô, cái vị sa-môn ưu tú, đáng mến kia đã nói đúng quá! Còn triết hệ Vivesikā, thắng luận, người sáng lập là Kanada, người trẻ tuổi cũng chỉ ra được những sai lầm khá nghiêm trọng, nhất là cái cực vi nguyên tử và chân không, là hai yếu tố tạo nên vạn hữu. Người trẻ tuổi này đã nói rất dí dỏm rằng: Cái năng lực mù quáng, vô tri của một phần triệu hạt bụi cộng với cái chân không mà nó có thể tạo ra cuộc đàm đạo của chúng ta hôm nay nhỉ? Rồi khi không giải thích được sự trật tự của thế giới này, ông sáng tỏ lại viện dẫn đến thượng đế siêu năng điều hành! Triết hệ Samkhyā, số luận, do Kapila lập thuyết, có thể nói là đặc đầy tri thức, chủ trương chấm dứt mọi đau khổ nhân sinh, rất ư là ngon lành; nhưng lý luận của ông ta lại rơi vào siêu hình mù mờ, duy tâm, duy vật, duy linh lẫn lộn với nhau. Tuy nhiên, hệ thống tư tưởng của ông rất uyên bác, có lẽ là uyên bác nhất trong các trào lưu triết học đương thời. Nhưng càng giải thích, càng thấy rõ cái māyā huyền hóa; và rồi, con đường, lối thoát cũng chỉ biết hòa tan vào bản thể siêu hình, cái nhất thể thường tại, bất biến! Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nhớ lại, chợt mỉm cười rồi hồi ức tiếp. Khi đề cập đến triết hệ Mīmāṃsā, nhĩ-mạn-sai, người trẻ tuổi đã khẳng định rằng: Jāminī, vị giáo chủ đã không bàn đến triết lý vớ vẩn, chỉ chú trọng và tuân thủ nghiêm ngặt các hình thức tế lễ, cầu nguyện, bùa chú, bí thuật mà thôi! Điều này thì ông cũng biết rồi, nhưng vị sa-môn này đã kết luận về học thuyết ấy rất ấn tượng: Nó không phải là một hệ tư tưởng. Nó chỉ phản kháng lý trí, đầu óc con người chật hẹp, giới hạn mà hay kiêu căng tự mãn; cái bầu tham dục, bản năng động vật vô độ của con người, không tự biết mà thường hay huênh hoang mở miệng là chân lý và thánh đức!

Ông Jāminī dạy như thế rồi khuyên chúng đồ tể lễ, tể lễ và cầu nguyện đi thôi! Còn hai triết hệ sau cùng là Yoga (Du-già) và Vedantā (Vệ-đàn-đà) thì người trẻ tuổi hẹn dịp khác, có lẽ là ngại đụng chạm đến một vài quan điểm tu tập của phái khổ hạnh bện tóc của ta! Vị sa-môn này thông minh, tế nhị và sâu sắc lắm! Tuy nhiên, vị sa-môn trí thức này cũng đã cùng với ta, mỉm cười cho cái bọn chủ trương vô hành kiến (Akiriyādiṭṭhi), vô nhân kiến (Ahetukadiṭṭhi), hư vô kiến (Natthikadiṭṭhi), hoặc ngụy biện, duy vật, vô thần ngây thơ và thô thiển đang nhan nhản khắp Rājagaha, Vesālī, Bārāṇasī... Mà thôi, dầu sao, ông ta cũng quá trẻ, còn ta thì đã đắc quả A-la-hán rồi, tranh luận làm gì, chấp kiến để làm gì!

Về đến hỏa viện, khẽ đưa mắt nhìn vào bên trong, đức Phật thấy chính giữa thờ một vị thần biểu tượng với những họa tiết không rõ hình thù. Xung quanh và trước mặt hỏa thần là những chùm đèn, bó đèn to nhỏ đủ kiểu đủ dáng không biết bằng chất đốt gì mà cháy sáng nghi ngút. Nhiều cái kệ lớn và nhỏ, chung nhiều loại quả phẩm còn tươi; những tấm vải sặc sỡ đủ màu, viết vẽ nguệch ngoạc bằng mực than các mẫu bùa chú, có lẽ ở trong Attha-veda, một loại mật ngữ, chon ngôn gì đầy treo la liệt ở khắp nơi! Những chùm đèn, bó đèn hắt ra một khoảng sáng. Đức Phật cảm nhận mùi tanh từ trong các kệ thờ thoảng ra, chắc chú rắn lớn nằm trong đó cho ấm áp! Bình tĩnh như không, đức Phật xếp y ngoại làm bốn, trải ra giữa chỗ thoáng, ngồi xuống rồi trú định tâm từ.

Một lát, quả nhiên, con rắn rất lớn bò ra, phun phè phè cái nọc đỏ hồng về phía đức Phật, chưa thôi, nó lại còn phun lửa và khói mù mịt! Đức Phật vẫn ngồi yên, làn khí tâm từ như một bức tường thành pha-lê bao quanh ngài như một quả cầu, bất khả xâm phạm. Khói, lửa, nọc độc và sự hung tợn của rắn càng lúc càng yếu đi, nó thấy năng lực của nó bị

chìm hút vào chỗ rỗng không; và cơ thể nó càng lúc càng rã rời. Bây giờ đức Phật mới nói chuyện:

- Nay con! Trước đây do nghiệp ác nên con bị đọa làm thân súc sanh, tanh tươi và dơ dáy. Mang thân súc sanh, thống khổ, đọa đày như thế mà con cũng không tự biết, lại còn sử dụng khói lửa, nọc độc muốn làm hại cả Như Lai nữa! Như Lai là một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác, trên thế gian này, người, trời, phạm thiên, ma vương, chẳng ai có năng lực làm hại Như Lai được cả! Hãy quay đầu hướng thiện đi con, và hãy sống đời vô hại, Như Lai sẽ làm chứng cho!

Rắn lạng lẽ gục đầu xuống, có vẻ quy phục, đức Phật đưa tay xoa đầu rắn, sử dụng thần thông, biến chú rắn lớn thành con rắn nhỏ, bỏ vào bình bát rồi ngai ngời tịnh dưỡng trong an lạc của thiền định. Canh ba, đức Phật nằm nghiêng lưng một lát, sau đó ngồi quán căn duyên của đạo sĩ, ngai nở nụ cười sanh tâm lạng lẽ: Bụi cát trong mắt, trong tâm trí còn rất ít nên ông ta cứ tưởng mình đã đắc quả A-la-hán! Muốn hóa độ thầy trò họ, chỉ cần nhiếp phục Uruvelā-Kassapa là đủ, nhưng phải mất nhiều ngày, phải sử dụng khá nhiều sở tri, sở học, giáo pháp và cả thần thông!

Sáng ngày, vừa bước ra khỏi hỏa viện, đức Phật thấy đạo sĩ Uruvelā-Kassapa và nhóm chúng đồ đứng đầy cả sân trước. Họ ái ngại, lo sợ ngài đã bị rắn thần giết hại rồi! Khi thấy vị sa-môn trẻ vô sự, họ mỉm cười, thờ phào nhẹ nhõm!

Đức Phật tỏ vẻ cảm kích:

- Cảm ơn chư vị đã quan tâm! Chú rồng ấy khá hung dữ nhưng bây giờ đã hiền lành rồi, đã vô hại rồi! Chư vị hãy xem đây!

Nói xong, đức Phật thò tay vào bình bát, bắt con rắn nhỏ bỏ xuống bên chân, thả lại thần thông. Mọi người trở mắt nhìn. Con rắn nhỏ từ từ lớn ra, hoàn lại thân cũ, to bằng hai cột nhà, dài hơn cả năm đòn gánh, cúi đầu xuống và nằm

khoanh tròn lễ độ dưới chân đức Phật. Ngài nói với rắn:

- Thôi! Quê nhà ở đâu thì con hãy trở về đấy, nơi này không phải chỗ của con. Sống đời vô hại thì kiếp sau thoát lốt súc sanh. Bây giờ hãy đi đi!

Con ròng ngoan ngoãn lặng lẽ bò vào rừng, lát sau, mất hút. Mọi người nín thở chứng kiến sự việc hy hữu và thần lực kinh dị của vị sa-môn. Riêng đạo sĩ Uruvelā-Kassapa cũng cảm phục lắm, cũng tán thán không hết lời, nhưng trong bụng lại nghĩ: Dầu sao, người tuổi trẻ này cũng chưa đắc quả A-la-hán!

Một vị Chánh Đẳng Giác, qua vô lượng ba-la-mật dày sâu, nếu hướng tâm thì việc gì cũng biết cả; nhưng ngài độ lượng, kham nhẫn và từ bi quyết sẽ đưa ông ta vào chánh pháp.

Mặc dầu được đạo sĩ tha thiết mời thọ thực vào buổi trưa những đức Phật tìm cách từ chối, nói rằng, ngài chỉ muốn đi bát gieo duyên ở trong làng, sau đó xin được nghỉ ngơi ở khu rừng bên cạnh.

Đúng như dự đoán của đức Phật, buổi trưa sau khi độ thực, đang đi kinh hành thì đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tìm đến. Rồi họ ngồi đàm đạo dưới cội cây.

Uruvelā-Kassapa nói:

- Tôi hôm qua, tôi biết là hiền giả có ngại ngừng cái gì đó, nên đã không đề cập hai triết hệ Yoga và Vedantā! Phải chăng hiền giả sợ đụng chạm đến pháp môn tu tập hiện nay của chúng tôi?

Đức Phật im lặng.

- Quả thật, chúng tôi thờ thần Agni, các thánh ca, tế ca đều được rút từ Attha-veda; nền tảng tư tưởng thì trung thành với Vedantā; còn lộ trình tu tập thì dựa theo tám giai đoạn của Yoga. Chúng tôi đã sống đời khổ hạnh theo từng cấp độ vừa phải, chỉ thọ nhận một chút ít cần thiết về y áo, thuốc men; chỗ ngủ nghỉ, ngồi nằm thì tự làm lấy; vật thực

thì đôi khi thọ nhận sự cúng dường khiêm tốn, đi trì bình khát thực là chính. Chúng tôi không đi đến chỗ giàu sang, vương giả. Chúng tôi không nhận bất kỳ tiền bạc, đất đai, ruộng vườn, gia súc của kẻ thế dưng cúng...

Đức Phật vẫn im lặng.

- Chúng tôi biết nguồn gốc của mọi đau khổ là do dục vọng. Vậy nên mỗi hành giả yogi phải khép mình nghiêm túc trong giới luật để tẩy uế thân khẩu ý. Có người giữ giới luật bậc thánh, ngoài bất tổn hại đến con kiến, cọng cỏ, còn triệt tiêu một phần, hai phần nhu cầu của thân xác, nhằm không chế dục vọng hay triệt tiêu cả dục vọng. Một số khác, sử dụng một số thể hatha-yoga để cho khí huyết điều hòa, thân tâm mạnh khỏe; sau đó, chú trọng điều tức, theo dõi hơi thở, kiểm soát hơi thở, đến lúc, nếu cần, ngưng dứt luôn cả hơi thở. Cũng có thể, chúng tôi niệm “aum” để đi vào định, ly thoát mọi cảm giác, tư tưởng để đạt được trạng thái vong ngã, nếm thưởng hương vị giải thoát khi tiểu ngã hòa đồng, hợp nhất, nhất thể với đại ngã! Bây giờ, tôi với vũ trụ đã là một. Tôi đã làm xong những việc cần làm, thưa hiền giả!

Đức Phật biết là đạo sĩ ám chỉ mình đã đắc quả A-la-hán, nên chỉ nhẹ nhẹ gật đầu:

- Vâng! Tôi biết tôn giả có một đời sống tu hành nghiêm túc như thế. Tôi rất kính trọng!

- Thế còn phương diện khác?

Đức Phật nghĩ, bây giờ là phải thời nên nói:

- Các phương diện khác thì còn cần phải bàn lại, thưa tôn giả! Thứ nhất là tế thần lửa, thứ hai là giới luật của bậc thánh, thứ ba là định giải thoát, hòa đồng tiểu ngã vào đại ngã!

- Hóa ra các điểm quan trọng như thế, kinh viện chính thống như thế mà còn cần phải bàn lại ư? Đạo sĩ chột cất cao giọng, có vẻ ngạc nhiên lắm - Vậy xin hiền giả được cho nghe tôn ý?

Đức Phật vẫn điềm điềm, hỏi lại:

- Tôn giả quan niệm như thế nào về lửa, rồi còn nghĩ rằng, lửa có thể giúp linh hồn được siêu thoát?

Rồi đức Phật lắng nghe, rất chăm chú lắng nghe. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đã tuần tự nói, lửa là sự sống, nguyên ủy của sự sống, gốc nguồn của sự sống. Con người thường tự hào là khám phá ra lửa mà họ không biết rằng đức Brāhman đã cho thần Agni xuống trần gian, từ đó, con người mới dùng lửa để sưởi ấm, để thắp sáng, để nấu ăn, để nung chảy sắt thép làm vật dụng trong sinh hoạt, để đời sống càng sinh sôi nảy nở, càng trở nên tiện nghi, văn minh. Lúc chết đi, thần Agni còn ưu ái thiêu cháy cái xác thân dơ uế, tẩy rửa mọi tội lỗi để đưa linh hồn trong sạch trở lại với thiên giới. Điều ấy là tín ngưỡng thiêng liêng có từ ngàn xưa, không phải là quan niệm của tôi, hiền giả phải rõ như thế!

Đức Phật không thừa nhận cũng không phủ nhận, chỉ đưa ra tri kiến của mình:

- Thừa, tôi biết rất rõ. Tuy nhiên, giả dụ như tôi nói rằng, không chỉ có lửa, mà đất, nước, gió cũng đều là nguyên ủy của sự sống, bản chất của vạn hữu cả! Lửa không thể tự có một mình, và lửa cũng không phải là cái duy nhất đầu tiên. Tôn giả hãy xem: hai thanh củi khô, chà sát lên nhau, sinh lửa; hai viên đá cứng đánh mãi vào nhau, sinh lửa. Nếu không có củi khô, không có viên đá, không có ý niệm của người tạo lửa thì không thể có lửa! Tôn giả hãy nhìn rộng, nhìn sâu, suy lý chút nữa xem, rồi ta sẽ rùng mình bởi mỗi nhân duyên chằng chịt của nó. Thanh củi kia cũng không tự có nếu không có rừng cây, nắng mưa, ngày đêm, sự hủy hoại của thời gian và sự nung nóng của mặt trời. Rừng cây từ đâu có, nếu nó không có đất, nước, lửa (sức nóng) và gió (sự rung chuyển, chuyển động). Còn viên đá kia cũng tương tự thế, nó là đất, là thời gian, là sức ép, sự vỡ ra của nham thạch, nó là xác động, thực vật cả triệu năm. Minh triết hơn:

Trong hạt bụi, trong làn sương, trong giọt nước, trong đốm lửa, trong chiếc lá, trong cành hoa... chúng đều đầy đủ đất, nước, lửa, gió, thừa tôn giả, chúng lẫn trong nhau, tan trong nhau, hòa trong nhau nhưng yếu tố nào giữ nguyên cá biệt tính của yếu tố này.

- Nhưng rõ ràng là lửa bốc lên và linh hồn của con người cũng được bốc lên bởi lửa! Đạo sĩ chăm chú hỏi.

Đức Phật, mỉm cười:

- Không chỉ lửa bốc lên mà đất, nước, gió gặp duyên bốc lên thì chúng cũng bốc lên!

- Hiền giả nói sao nghe lạ kỳ!

- Không lạ kỳ đâu, mà nó là sự thật. Hãy quan sát một làn khói mà xem! Trong làn lửa khói bốc lên ấy, có lẫn lộn bụi, tàn tro, ấy là đất! Trong ấy có sự chuyển động, rung động, ấy là gió! Trong ấy có hơi nước, bụi nước, ấy là nước!

- Cái chuyện ấy rất lạ lùng mà đúng là như vậy - Đạo sĩ ngẫm ngợi một lát - Vậy thì cho xin được nghe về cá biệt tính của chúng?

- Vâng! Đức Phật phân tích - Đất có đặc tính cứng và mềm, nó chiếm chỗ trong không gian; nước có đặc tính ướt và liên kết, làm cho dính liền các sắc tố lại với nhau; lửa có đặc tính nóng và lạnh làm nhuần nhuyễn mọi vật; gió có đặc tính rung động, chuyển động tạo sự lưu thông, vận động cho vạn hữu.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa là bậc trí, nghe xong, nín lặng, nhưng cũng còn cố vót vát bởi định tín sâu dày trong ông:

- Cả một nghìn năm trăm bốn mươi chín bài tế ca, thánh ca tế thần lửa đều có nội dung chung nhất, đây là thần lửa đốt cháy tất thảy mọi dơ uế để cho linh hồn được siêu sanh, chẳng lẽ lại sai?

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy thì tôn giả khổ hạnh diệt dục, giữ giới luật thượng, trung, hạ của bậc thánh, trang bị vững chắc tư tưởng

Vedantā và niệm “aum” linh thánh để đạt giải thoát làm gì nhỉ? Chỉ cần “một mồi lửa” là xong ngay!

Đạo sĩ rùng mình lạnh gáy.

Trời đã chạng vạng tối, cả hai đứng dậy. Đạo sĩ cố ý mời đức Phật ngủ tại am thất của mình, nhưng ngài lại từ chối nữa, chỉ xin được tá túc tại hỏa viện như đêm trước. Một đêm lặng lẽ suy nghĩ, chắc đạo sĩ sẽ thấy nền tảng tu tập của mình đã bị lung lay!

Đêm thứ hai, tại hỏa viện, như lệ thường, đức Phật trú an lạc về thiền, an lạc về quả. Khuya, Tứ đại thiên vương đến đánh lễ Phật, nghe pháp, sau đó đứng hầu bốn góc, hào quang sáng rực xung quanh hỏa viện. Họ muốn đóng góp một chút uy lực, như là một công đức nhỏ bé để đức Phật dễ dàng thấu phục nhóm đạo sĩ tóc bện!

Quả nhiên, cả rừng đạo sĩ lao xao, bàn tán; họ không biết ánh sáng kỳ lạ từ đâu có, lại ở từ hỏa viện tỏa ra, nơi vị sa-môn trẻ đang tạm cư! Trời vừa sáng, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa cùng với những vị đệ tử lớn lại đến vấn an, tỏ vẻ thắc mắc hào quang đêm qua.

Đức Phật nói thật:

- Đây là bốn ông trời bốn cõi xuống thăm, hỏi đạo, sau đó họ chơi trò trẻ con là hý vọng thần oai đây mà!

Họ thất kinh. Họ biết vị sa-môn này không nói dối. Tuy nhiên, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa vẫn thản nhiên, tự nghĩ: Ông ta oai lực thật đấy, nhưng dấu sao vẫn chưa đắc quả A-la-hán!

Hôm ấy, đức Phật cũng không nhận lời mời ngộ trai, ngài lại đi khất thực trong làng, trưa về nơi một chiếc hồ bên sườn núi có phong cảnh rất đẹp để nghỉ ngơi. Đức Phật ở đâu cũng không thoát khỏi tầm mắt của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa, ông ta lại tìm đến. Bây giờ, họ lại ngồi đàm đạo trên một tảng đá ven hồ có hoa sen, hoa súng.

Đạo sĩ tiếp tục câu chuyện hôm qua:

- Thú thật, đêm qua tôi trần trọc mãi về chuyện lửa. Hiền giả nói rất đúng. Đức tin của tôi về thần Agni đã bị bào mòn, xơ cứng, bây giờ chỉ còn là vật chất, làm tôi liên tưởng đến ý nghĩa biểu tượng của triết học. Chợt nhớ lại hôm đầu tiên, hiền giả đã đặt vấn đề khả nghi của một số tế ca, thánh ca ở trong Attha-veda là ngụ ý tạo của các tế sư bà-la-môn do lợi quyền thế tục. Và tôi chợt hiểu. Khắp nơi nhan nhản bọn buôn thần bán thánh, hàng ngàn súc vật bị hy sinh một cách đau xót; tiền bạc, sản vật chạy vào túi bọn tà sư bóc lột nhân danh thần thánh, có thần thánh chở che! Ôi! Cái hiện thực trần trụi, duy vật và duy linh đánh tráo phương tiện thật là đáng khinh bỉ! Chúng sống vinh hoa dục lạc trên sự cuồng tín ngu dại của đám dân đen. Tôi đã rất thấm thía bài học này, xin cảm ơn hiền giả!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tỏ vẻ rất xúc động. Đức Phật ân cần nắm tay ông:

- Tôi có may mắn đọc được một số kinh văn thời tiền Vệ-đà từ một ngôn ngữ cổ xưa. Tập tục thờ thần lửa ở đó như tri tạ các đấng thiêng liêng cho họ lửa để qua được các mùa đông băng giá khởi từ các giống dân miền bắc địa cầu. Một trong số các sắc tộc ấy có giống dân Aryan, không chỉ họ tràn xuống xứ sở chúng ta, mà còn tràn qua Hy Lạp, Ba Tư, Ả Rập. Trong cuộc thiên di và xáo trộn văn hóa và tín ngưỡng ấy, tục thờ thần lửa của Vệ-đà xen lẫn với Bái hỏa giáo của Ba Tư, tục thờ ma quỷ thánh thần của các tộc sơ khai làm cho chúng ta ngày nay không còn biết đâu chân đâu ngụ! Chúng lại còn để thêm bùa chú, bí thuật, pháp thuật, huyền thuật để giải ách trừ tà, tiêu nạn, tiêu bệnh, tiêu tật, tiêu chướng, tiêu tai, buôn may, bán đắt, con cháu sum suê, bổng lộc hoành tài; rồi tiểu tế, trung tế, đại tế; rồi tung hứng trên các điện đài linh thiêng! Không những tôn giả mà toàn thể châu Diêm-phù-đề bị đầu độc một cách tai hại! Hãy bước ra khỏi ngay cái đám mê hồn trận ma quỷ ấy thôi, thưa

tôn giả!

Đạo sĩ xiết bao cảm kích! Chẳng có gì rõ ràng hơn thế nữa!

Biết đầu óc của đạo sĩ với nhiều ý nghĩ đang lao xao, đức Phật dìu ông mấy bước đến cạnh mép hồ.

- Tôn giả hãy nhìn xem! Đức Phật đưa tay chỉ - Những bông sen bông súng kia chúng đẹp dường bao! Chúng mọc từ bùn nhơ cả đấy, lại còn tỏa sắc hương, phụng hiến cho cảnh vật, cho nhân gian mà chẳng cần lợi quyền nào, một đền đáp nào, một nhân danh nào! Một cành sen, một nhụy sen, chúng gồm đủ đất nước lửa gió! Ô, nói vậy cũng chưa đủ! Phải nói là hàm tàng ở trong, chúng có đầy đủ: Thiên hà, mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú, nắng mưa, ngày đêm, sáng chiều, quá khứ, hiện tại, vị lai, mây mù, khói sương, các từ, các lực giữa vạn hữu... cộng thêm cái thấy, cái suy nghĩ của tôi và tôn giả nữa! Thiếu một hạt bụi, một giọt sương, một ý niệm của chúng ta về chúng, chúng không hiện hữu!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa rúng động cả toàn thân.

Đức Phật biết, ngài nói:

- Trời đã chiều rồi, tôn giả hãy về đi. Tối nay, tôi cũng xin nghỉ tại hỏa viện!

Đêm thứ ba ở hỏa viện, Thiên chủ Sakka xuống đánh lễ đức Phật, nghe pháp rồi lại đứng hầu trọn đêm. Hơn ai hết, nhờ thiên nhãn, Đế-Thích biết là bốn phạm mình phải biểu tỏ uy lực để đức Đạo Sư nhiếp phục cho kỳ được đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nên đã phóng hào quang sáng hơn, lớn rộng hơn hào quang của Tứ thiên vương cộng lại!

Đêm ấy, cả khoảng rừng sáng rực, ánh sáng vừa trong vừa dịu làm cho cả mấy trăm đạo sĩ không ngủ được, họ thao thức bàn tán. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa dăm dăm đưa mắt nhìn, quan sát rất kỹ, tự nghĩ: “Nếu hôm qua là Tứ đại thiên vương thì hôm nay, vị này oai lực còn lớn hơn nhiều. Vậy vị sa-môn trẻ, quý khách của ta, quả thật đã chứng được

cái gì chẳng? Chiều hôm vừa rồi, cái hiểu biết của ông ta, quả thật là siêu đẳng, nếu là người thì ông ta học ở đâu? Hơn năm mươi năm học hỏi, tu tập, kiến thức của ta, đối với ông, chỉ như trò con trẻ!” Đạo sĩ thở dài.

Sáng ngày, khi được hỏi, đức Phật bảo, đấy là oai lực của thiên chủ Sakka, chúa cõi trời Ba Mươi Ba như không có chuyện gì xảy ra. Sau đó, nhận lời mời trưa nay sẽ ghé am thất của đạo sĩ, nhưng ngài vẫn ôm bát ra đi.

Đọc theo bờ bắc sông Nerañjarā, chừng một do-tuần, sát sườn núi có những cốc liêu của nhóm đạo sĩ, đều là đệ tử của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa, nghe nói họ giữ giới luật bậc trung và khổ hạnh bậc trung! Đức Phật tìm một chỗ ngồi thuận lợi. Dưới sông, có khoảng chừng mười đạo sĩ đang ngâm mình dưới nước lạnh, hai tay chấp lại và lâm râm cầu nguyện. Có lẽ họ ngâm mình từ hừng đông, khi mặt trời vừa rạng ở chân trời. Đức Phật khởi tâm bi mẫn, muốn cứu thoát họ ra khỏi sự hành hạ thân xác một cách vô ích như thế, nên cứ nhẫn nại ngồi chờ đến gần trưa!

Khi họ lập cập, run rẩy bước lên bờ rồi quây quần bên đống lửa ấm, đức Phật bước lại rồi ngồi xuống một bên. Nhóm đạo sĩ này đã nghe danh tràn tai về vị sa-môn trẻ. Chính thầy họ đã tiếp đón như một thượng khách. Và suốt mấy đêm nay, họ chiêm ngưỡng ánh sáng hào quang linh thiêng tỏa ra nơi góc rừng hỏa viện. Để tỏ lòng kính trọng, họ dạt ra và chừa một chỗ cho ngài.

Đức Phật nói:

- Tôi chỉ ghé thăm, và hơi tò mò không biết chư vị ngâm mình dưới nước như vậy là để làm gì?

- Để tẩy uế tội lỗi! Một vị đáp - Chắc hiền giả cũng biết như vậy mà!

- Quả thật là có biết nhưng chưa thật biết! Đức Phật mỉm cười - Vì rằng, trước đây tôi cũng đã từng tắm sông, nhưng cảm thấy tham sân, phiền não, khổ ưu ở trong lòng có rửa

sạch được chút nào đâu!

Nhóm đạo sĩ đưa mắt nhìn nhau. Chợt có một vị nói:

- Có lẽ là do hiền giả chưa cầu nguyện!
- Chư vị cầu nguyện như thế nào?

Họ đáp như thuộc bài:

- Cầu nguyện các thượng đẳng thần Brāhmā, Vishnu hoặc các vị cao hơn như Rāma, Brāhman; nếu không thì chỉ cần đọc thánh âm “aum, aum” một cách chí thành và khẩn thiết!

- Tôi hiểu! Đức Phật gật đầu - Vậy thì đến nay, chắc chư vị đã sạch hết tội lỗi rồi cả chứ?

Nhìn họ cúi đầu và im lặng, đức Phật biết họ có đức tính thành thật, rất dễ khai hóa.

- Nay chư vị! Đức Phật tiện tay nắm một viên đá - Với viên đá này, tôi sẽ đặt lên mặt nước, và tôi nhờ chư vị cầu nguyện các vị thần thượng đẳng để cho viên đá này được nổi, không thể chìm nhé?

Nói xong, đức Phật nhóm đứng dậy. Các vị đạo sĩ ngăn lại:

- Hiền giả không cần phải thí nghiệm. Viên đá nặng, bỏ xuống nước là chìm, đây là sự thật, chẳng có sự cầu nguyện nào có thể thay đổi được tính chất ấy. Các thượng đẳng thần không có liên hệ gì đến chuyện này!

- Cũng vậy, nay chư vị! Tội lỗi trong tâm chúng ta cũng như viên đá ấy, nó trọc, nó đục, nó nặng, mệnh chung, cái nặng ấy lôi chúng ta đi xuống các cảnh giới đau khổ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, chẳng có vị thần nào có khả năng làm cho tội lỗi chúng ta được nhẹ đi cả!

- Hoàn toàn đúng! Một vị chợt nói lớn - Hèn gì bao nhiêu năm qua, cái nóng nảy, cái ngu si tham ăn tham ngủ của tôi có bớt được chút nào đâu!

Đức Phật lại tiện tay cầm chiếc lá, với ánh mắt từ bi, với giọng nói hiền hòa:

- Chiếc lá này, hoặc bông gòn hoặc dầu thắp cũng tương tự vậy! Bản chất nó nhẹ, sẽ nổi trên mặt nước. Cho dù một trăm đạo sĩ, một ngàn đạo sĩ, cầu nguyện trăm năm, cầu nguyện ngàn năm thì chúng cũng không thể chìm xuống mặt nước được, có phải thế không? Đức Phật đưa mắt có vẻ quan tâm, rồi nói tiếp với giọng lớn nhưng vẫn từ ái, ôn nhu - Sống trên cõi đời này, nếu ta có tâm hướng thiện, biết xa điều ác, biết làm việc lành thì tâm của ta sẽ không có hối hận, bứt rứt, ăn năn; do vậy sẽ trong sáng, thanh thản, nhẹ nhàng. Cái tâm trong sáng, thanh thản, nhẹ nhàng ấy, vì trong, vì thanh, vì nhẹ nên nó sẽ bay lên, đưa ta đến những cảnh giới an lành, mát mẻ: Cõi người và các cảnh trời là điều tất yếu thôi, đúng với định luật tự nhiên thôi, có phải vậy không chư vị? Dầu có cả triệu đạo sĩ cầu nguyện cho ta đi xuống, ta cũng không thể đi xuống được, có phải thế chăng?

- Hiểu rồi, thấy rồi! Ôi! Kỳ diệu làm sao là trí tuệ của hiền giả! Chúng tôi đã được vén lớp mây mù, đã có con mắt để nhìn thấy ánh sáng! Hạnh phúc làm sao! Xin vô cùng tri ân và xin được cúi đầu đánh lễ gót chân bụi của đức Đạo Sư!

Họ đồng quỳ sụp xuống, năm vóc sát đất. Khi họ ngừng đầu lên thì đức Phật đã không còn ở đấy nữa, ngài đã dùng thần thông, và đã có mặt ở vùng núi Himalaya đang ở trong sương mù và khí đá buốt lạnh. Chừng hơn tháng nữa, tuyết băng mới phủ dày những cánh rừng này nên một số trái cây lạ lùng vẫn còn tìm được. Đức Phật nhàn tản dạo bộ đến một gốc sung, trái chín ngọt như mật ong, chim dơi ăn xả đầy. Sau khi dùng vừa đủ no để thay đổi khẩu vị, đức Phật đi kiếm một số trái cây lạ, bỏ đầy bát, rồi ngài cũng dùng thần thông, có mặt ngay ở am thất của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa như lời hứa.

Đạo sĩ ân cần nắm tay đức Phật mời vào chỗ ngồi đã

được soạn sẵn. Người đệ tử lớn dâng cho đức Phật một bát vật thực. Đức Phật thọ nhận xong, để bên chân, đưa bát trái cây của mình, rồi nói chuyện với đạo sĩ Uruvelā-Kassapa:

- Tôi cũng có một ít trái cây, tôn giả hãy dùng thử cho vui!

Nhìn trái cây có hình dáng và màu sắc lạ, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa ngạc nhiên hỏi:

- Mấy quốc độ xung quanh đây không có loại trái cây này! Hiền giả đi khát thực ở đâu? Rồi ngần ngừ một lát – Có phải ở Tuyết sơn chăng?

Đức Phật mỉm cười rồi nhẹ gật đầu.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tán thán:

- Oai lực của hiền giả thật là kinh sợ! Đi và về Himalaya chỉ bằng cái nháy mắt!

- Hơn cả nháy mắt nữa, bạch đức thầy khả kính! Một người chợt tiếp lời – Ngài sa-môn đây suốt cả buổi sáng đã nhẫn nại, từ bi thuyết pháp, dạy đạo cho chúng đệ tử ở bờ sông! Vừa tức khắc chia tay, chúng đệ tử cũng tức khắc đến đây, muốn kể chuyện lại với đức thầy nhưng ngài sa-môn đã hiển lộ thần oai, biến mất giữa hư không, lên khát thực tận Himalaya cách xa vạn trùng mây, lại về đây trước cả chúng đệ tử, có kỳ lạ không chứ? Đúng là thần thánh chứ không phải người nữa!

Một lát, kẻ trước người sau tìm đến đông đủ. Họ lao xao một lúc rồi yên lặng.

Đức Phật chỉ dùng một chút vật thực lấy lệ rồi tránh lên rừng để thầy trò họ nói chuyện với nhau cho tự nhiên.

Đi kinh hành giữa rừng cây chừng nửa khắc, đức Phật ngồi lại nơi tảng đá ven đường mòn, nghĩ đến căn và duyên của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa! Căn thì căn trí và tín, ta đã khơi mở cho ông một phần nào, nhưng duyên thì chưa đủ. Chính đời sống đạo đức, trong sạch của ông ta dễ phát sanh ảo tưởng mình đã đắc quả A-la-hán! “Ảo tưởng” ấy quá mạnh

thì khó đối trị! Trí có công năng vén mở. Tuệ soi sáng và cắt đứt. Chỉ khi nào ông ta có đủ tuệ minh, toàn vẹn vấn đề mới được giải quyết! Tuy nhiên, ta sẽ từ từ phân tích sự sai lầm trong quan niệm giới luật bậc thánh của ông, sự sai lầm trong định giải thoát của ông; ta phải phá vỡ cả hai triết hệ Yoga và Vedantā đã ăn sâu trong xương tủy vị đạo sư khả kính này!

Thế rồi, cuộc đàm đạo buổi chiều, đức Phật bắt đầu quyền biến, rất nhu, được gọi là văn pháp:

- Các hành giả Yogi thường có một trí thức khả kính, có một đời sống giới luật nghiêm túc, có một lộ trình tu tập mạch lạc, rõ ràng! Trong sáu phái truyền thống, nếu giữ lại một thì tôi chọn Yoga!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa rất hồ hởi, nhưng dè dặt chưa biết vị sa-môn uyên bác, biện tài này sẽ dẫn đi đến đâu, chỉ hỏi:

- Vậy còn Vedantā? Nó vừa là tập đại thành của Vedā và Upanishad, lại còn phát triển nó nữa? Cả một rừng tư tưởng!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Tuy cả rừng tư tưởng, nhưng chỉ cần tóm tắt trong ba chữ: Māyā, Atman (Atta), Brāhman là đủ!

Đạo sĩ yên lặng hồi lâu rồi chột gật đầu: “Đúng vậy! Thật là chính xác!” Đức Phật nói tiếp:

- Yoga thu nhận rừng tư tưởng của Vedantā rồi lập ra tám con đường để dành cho nhiều căn cơ khác nhau mà chính tôn giả đã tiếp thu được ba trong tám con đường ấy!

- Xin cho được nghe!

- Một là Hattha-yoga, điều vận cơ bắp. Ban đầu là vậy, nhưng càng về sau lại muốn điều tức, vận khí, khai mở các huyết đạo để hy vọng linh thông với bản ngã vũ trụ, có phải vậy không, thưa tôn giả?

- Vâng! Đạo sĩ gật đầu – Tôi và một số đệ tử của tôi đã thực nghiệm con đường này!

- Hai là trầm tư về thượng đế, về bản thể siêu linh; và cũng nhờ nhất tâm nên đôi khi có ảo tưởng rất hiện thực: Mình và thượng đế đã là một rồi!

- Con đường này chẳng khác bao nhiêu con đường chiêm ngưỡng và thờ phượng. Nếu chỉ trầm tư, tưởng tượng mà không có định thì chỉ là ảo tưởng và ảo giác! Tôi biết rất rõ!

- Thứ ba là khổ hạnh, triệt tiêu nhu cầu thân xác! Tôn giả và chúng đệ tử chỉ áp dụng một nửa của khổ hạnh cực đoan này, có phải vậy chăng?

- Đúng vậy! Đạo sĩ nhẹ nhẹ gật đầu – Chúng tôi chỉ thực hành một chừng mực nào đó để ngăn giữ nhưng ham muốn dục lạc!

- Thứ tư là tọa thị bất động, giữ yên thân, khẩu (cùm chân, cột tay, tịnh khẩu) không cho nó có cơ hội tạo nghiệp; còn ý thì chịu đựng muỗi mòng, nắng mưa, sương gió... nhẫn nại tất cả ngoại cảnh trái ý, nghịch lòng (ngồi suốt đêm suốt ngày giữa trời nắng, gió, mưa, tuyết) - Đức Phật nói tiếp – Tôn giả không đi con đường này! Cả thứ năm là giảm thiểu hơi thở, nín thở (thở qua lỗ tai, qua lỗ chân lông) tôn giả khinh chê cách nín thở này! Thứ sáu là bế tọa tất cả mọi giác quan, làm cho chúng mù đi, tê liệt đi, không còn khả năng khả ý, khả lạc các đối tượng ngoại giới, tôn giả đã không đi theo khổ hạnh cực đoan này! Thứ bảy là niệm các đề mục, niệm tên các vị thần, niệm “aum” linh thánh, chỉ chừng hai phần ba học trò của tôn giả là có chú niệm! Thứ tám là tịnh hóa nội tâm bằng các nấc thiền cổ truyền rồi thể nhập vào bản thể vũ trụ, atman hòa tan vào brāhman; và dường như ai ở đây cũng đang thực hành con đường này!

- Đúng là có tám con đường ấy! Đạo sĩ nói – Và cũng chính xác là tôi đã đúc kết, cô đọng lại chỉ còn ba, là đủ! Hiền giả đã có tuệ tổng hợp và tuệ phân tích rất sắc bén, không ai bì được! Tuy nhiên, hiền giả hãy nói luôn những

điêm còn ngăn ngại?

- Vâng, tôi sẽ bắt đầu đây, thưa tôn giả - Đức Phật nói – Tôn giả đã đúc gom tất cả mọi loại khổ hạnh, tất cả mọi kỷ luật ép xác, kiểm soát thân, khẩu, ý bằng cái gọi là giới luật của bậc thánh qua ba cấp độ thượng, trung, hạ. Xin thưa rằng, cả ba cấp độ giới luật ấy có thể ngăn bớt nghiệp ác, làm cho ta có thể tốt hơn - chứ không thể trở thành bậc thánh được. Bậc thánh thứ nhất, mới vào dòng, cũng cần phải có tuệ giác để cắt đứt ba sợi dây ràng buộc là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ! Giới luật của chư vị nếu cần cầu nghiêm túc, chính ý, chính tâm thì chỉ có khả năng đưa đến định, không thể phát sanh tuệ được, huống nữa, mọi hình thức tế tự, lễ nghi, tụng ca, tế ca, thánh ca, giới cấm của chư vị lại rơi vào giới cấm thủ, là một trong ba trở ngại ngăn chư vị bước vào dòng thì làm thế nào có định chơn chính, có tuệ chơn chính được! Còn nữa, ảo kiến về cái ngã, thân kiến và mọi hoài nghi về pháp, về con đường ở nơi tôn giả vẫn còn y nguyên, có nghĩa là chưa sợi dây nào bị cắt đứt cả! Đây là sai lầm về cái gọi là giới luật bậc thánh của tôn giả!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nín lặng. Trời lạnh mà ông toát mồ hôi!

Đức Phật biết cái gì xảy ra trong tâm và trí của ông ta, nhưng ngài hẹn vào dịp khác.

Đêm thứ tư tại hỏa viện, phạm thiên Sahampati xuống hầu thăm, đánh lễ đức Phật; rồi dùng oai lực của mình làm cho hào quang vi diệu tỏa sáng cả một vùng trời. Hào quang này, của ai mà oai lực còn lớn hơn cả thiên chủ Sakka? Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đã rúng động thật sự. Vị sa-môn này là ai, đã đắc quả bậc thánh nào, đã đắc quả A-la-hán chưa? Nếu không, tại sao ông ta chỉ ra từng sợi dây ràng buộc rõ ràng như thế?

Cuộc đàm đạo vào buổi chiều lai được tiếp tục.

- Giới luật của tôn giả là tốt, tâm định của tôn giả là tốt –

Đức Phật mở đầu - nhưng chúng trở nên sai lầm, sẽ không đưa đến giác ngộ, giải thoát là vì kinh điển, vì truyền thống; nói rõ hơn là sai lầm bởi Veda, Vedantā và Upanishad! Cái mà tôi đã tóm tắt từ hôm qua: Là mājā, atta, brāhman!

- Xin cho được nghe! Đạo sĩ có vẽ thành khăn - Điều này có thể làm bủn rủn kinh điển và làm cho các tượng thần toát mồ hôi. Nhưng găm lại, hiền giả chưa nói một câu nào, một lời nào để tôi có thể phản bác được, trái lại, đã khai thông cho tôi nhiều vấn đề lắm!

- Xin cảm ơn tôn giả đã thật lòng - Đức Phật nói – Bây giờ chúng ta hãy tiếp tục về chuyện đất, nước, lửa, gió ngày hôm kia! Như vậy là một giọt nước cũng đầy đủ yếu tính của vũ trụ, một hạt bụi cũng hàm tàng vạn hữu ở bên trong! Một vật tự có, chúng ta không thể quan niệm được, có phải vậy không, thưa tôn giả?

Đạo sĩ có vẽ ngăn ngừa:

- Vậy thì nguyên lý của trời đất, thực thể tuyệt đối Brāhman, không phải ngài đã tự có rồi sinh thành vạn hữu hay sao?

- Brāhman là có thực nhưng không phải là thực thể tuyệt đối, ngài cũng chỉ là một chúng sanh! Hào quang đêm qua là oai lực của vị ấy, là Đại Brāhman Sahampati, bạn cũ của tôi từ thời đức Phật Kassapa, trùng họ với tôn giả đấy!

Đạo sĩ sừng sốt một hồi rồi hỏi tiếp:

- Vậy thì các vị thượng đẳng thần: Brāhmā - thần sáng tạo, Viṣṇu - thần bảo tồn và Śiva - thần hủy diệt cũng không có nữa hay sao?

- Vẫn có đấy! Đức Phật mỉm cười – Nhưng không phải hiểu theo nghĩa tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn toàn phải được hiểu theo nghĩa triết học! Khi mà hiểu theo nghĩa triết học thì thần sáng tạo chính là sự sinh khởi, thần bảo tồn chính là sự an trú, thần hủy diệt chính là sự tàn rụi, diệt mất. Ba giai đoạn sinh, trụ, diệt là định luật chung của vạn hữu, là cái gì

tất yếu! Một mầm cỏ, một chiếc lá, một nụ măng... cũng sinh, trụ và diệt! Một quả đất, một tinh cầu, một thiên hà... cũng sinh trụ và diệt! Nhưng chúng ta phải cảm ơn ân sủng của thượng đế đã cho thế gian thế giới các vị thần ấy!

- Tại sao? Đạo sĩ chột hỏi.

- Vì nhờ các vị thần ấy mà đám cỏ sinh trưởng, lớn lên xanh biếc để cho trâu, bò, dê sinh sống, cho sữa đến mọi nhà. Nụ măng lớn lên thành tre, thành rừng tre để chúng ta làm nhà cửa, vật dụng sinh hoạt. Nhờ sinh, nhờ diệt của vạn hữu mà có thời gian, nắng mưa, ngày đêm, xuân hạ thu đông; núi sông và cả cơm bánh trần gian cho mọi người nữa... Vậy, sinh, trụ, diệt là định luật trường cửu, là luật tắc chi phối, tương tác để duyên sinh trùng trùng thế gian vạn tượng! Như thế, một vật tự có, tự tồn tại, tự sinh rồi sinh thành, sinh hóa muôn vật là cái gì không thể quan niệm được, có phải vậy không, thưa tôn giả?

Im lặng một lát, đức Phật chỉ tay ra dòng sông:

- Nước cuồn cuộn trôi chảy này, nó có từ đâu, tôn giả? Suốt bốn tháng nắng nóng, biết bao nhiêu lượng nước ở sông hồ, đất đai, cây cối bị mặt trời thiêu đốt; nước ấy bị diệt, bốc hơi thành khói, thành mây; mây ấy gặp lạnh, nó diệt, nó đông lại thành nước trở lại! Định luật sinh trụ diệt, như vậy là còn kéo theo sự luân hồi tất yếu của vạn hữu nữa, thưa tôn giả!

- Nó tất yếu, tất nó là định mệnh, vậy chúng ta không thể thoát ra? Đạo sĩ hỏi, đăm chiêu.

- Ta không cần thoát ra - Đức Phật nói – Sinh diệt và luân hồi của vạn hữu là sự vận hành tự nhiên của pháp giới, nó không đưa đến dukkha; chính sự sinh diệt, luân hồi của tư tưởng, của tâm niệm chúng ta mới biến thế giới ấy thành māyā, thành dukkha rồi trở thành vấn đề attā, brāhman của Vedantā đấy, thưa tôn giả!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa bàng hoàng. Có cái gì như lóe

sáng. Ông định cất tiếng hỏi nhưng đức Phật đã đứng dậy, ngài nói:

- Chính tôn giả phải tự tìm kiếm câu trả lời!

Đêm đó, hỏa viện bốc cháy, không biết lý do tại sao. Mọi người tỏ ý thương xót vị sa-môn có nhiều oai lực. Trong nhóm đạo sĩ khổ hạnh ngâm mình dưới nước, có người bật khóc. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa hốt hải cho người chữa lửa và tìm kiếm thử thi hài của người tuổi trẻ đáng kính, nhưng tìm hoài không thấy. Có người thấy bóng dáng của đức Phật trên rừng, ngài có nhắn lại là ngài vô sự, khỏi lo cho ngài; và hôm nay ngài sẽ đi khát thực ở một miền xa.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa thở phào, chợt một ý nghĩ lóe lên trong ông: “Hôm nay là ngày tế lễ lớn của đạo thân lửa. Các tín đồ khắp nơi, không những quanh vùng mà cả Māgadha và Aṅgā cũng sẽ đổ xô về đây! Ta lại còn có buổi giảng pháp. Máy hôm nay ta cảm thấy lo ngại, một là do ta đã thấy được việc tế thân lửa là vô ích; hai là kiến thức của ta rất giới hạn, nhiều khuyết lõm, ông ta sẽ cười chê! Vậy, có lẽ vị sa-môn ngại ta cần cái, khó xử nên đã tìm cách tránh đi? Ông ta quả thật đã đọc được sự khó xử của ta! Chắc chắn ông ta đã đắc tha tâm thông, và lời xử sự ấy tế nhị vô cùng vậy!”

Hôm ấy, đức Phật đi trì bình khát thực ở Bắc cu-lu châu, nghỉ ngơi tại ao lưu ly Anotatta, phạm vi lãnh thổ của Tứ đại thiên vương, suy nghĩ đến lộ trình hoằng hóa sắp tới, cần nhiều phương tiện trí như thế nào. Riêng đạo sĩ già thì tâm trí đã sắp chín muồi, chỉ cần một vài tác động nữa là sẽ nhiếp phục được; và cả ba anh em cùng với giáo chung của họ là lực lượng quan trọng cho chánh pháp, cho sự phát triển mai hậu.

Nghĩ thế xong, đức Phật sử dụng thần thông bay qua đảo Sư Tử. Và tại Đại long lâm viên (Mahānāga), ngài đã hoá độ cho rất nhiều Dạ-xoa thọ trì quy giới.

Cuộc tế lễ hằng năm với hằng ngàn tín đồ, với lễ vật, lễ phẩm cao như núi của đạo thần lửa chấm dứt, trời mưa tầm tã, gió bão dữ dội, nước sông dâng lên rất nhanh, tràn bờ, ngập lụt cả mấy cánh đồng. Một số cốc liêu của các đạo sĩ ở gần bờ bị nước cuốn trôi; một số khác thì xiêu vẹo, sụp đổ. Đức Phật ở trong một hang đá suốt hai ngày, ngài không ăn, chỉ ngồi hưởng lạc về thiền, lạc về quả. Mưa bão dứt, đức Phật đi quanh một vòng, thăm các thôn làng, thấy họ không hư hại gì nhiều, biết họ đã quen với bão lũ, biết họ đã chuẩn bị trong khi thời tiết thay đổi đột ngột cuối mùa. Các đạo sĩ thì có vẻ tự tại, ai dựng lại am cốc thì dựng, ai không dựng lại thì thôi. Đức Phật ghé thăm đạo sĩ Uruvelā-Kassapa khi trời đã chiều tối. Am thất của ông, chúng đệ tử đã sửa sang lại.

Đạo sĩ ngắm nhìn phong thái tự tại và sắc mặt quang rạng của đức Phật, ngạc nhiên hỏi:

- Hiền giả đi đâu mấy hôm nay, ai cũng lo lắng cho ngài cả! Mà sao trông hiền giả như từ ở cõi trời nào mà trở về?

- Một bữa, tôi vui chân đi khát thực ở Bắc cu-lu châu, nghỉ ở ao trời Anotatta; qua chơi đảo Sư Tử; còn hai hôm tôi ở trong hang đá gần đây thôi!

Đạo sĩ mời vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn, bắt đầu vấn đạo:

- Tôi đã thấy rõ sự vô ích của việc tế thần lửa, tôi đã thấy sự giới hạn của các giới luật và khổ hạnh đang thọ trì, tôi cũng đã nhìn ra ý nghĩa triết học của các thượng đẳng thần, sự sinh diệt và luân hồi tất yếu của vạn hữu; nhưng mà những từ mājā, dukkha, atta, brāhman liên hệ với nhau như thế nào, quả thật là tôi chưa nắm vững!

Đức Phật biết đây là cuộc đàm đạo cuối cùng để đưa đạo sĩ vào dòng chánh pháp nên ngài chuyển lên một cung bậc thang âm vi diệu:

- Nay tôn giả! Hỏa thịnh cục bộ ở một nơi, làm cho hỏa

viện bốc cháy! Phong và thủy thịnh ở một miền, làm cho bão lụt xảy ra. Trong tứ đại của đất trời, nếu chúng bất hòa là sinh ra nạn đất, nạn nước, nạn gió, nạn lửa, điều đó thì chắc tôn giả đã thấu hiểu rồi! Con người cũng tương tự vậy. Nếu tổng cộng có một ngàn một trăm hai mươi thứ bệnh như Veda nói thì trong đó có một ngàn bệnh là do đất thịnh, nước thịnh, lửa thịnh, gió thịnh. Số còn lại là do bệnh nghiệp, nghiệp do từ kiếp trước còn dư sót. Như vậy là già, bệnh, tử của chúng sanh muôn loài là định luật tự nhiên của pháp giới, không loại trừ một ai, một vi sinh vật, một chúng sanh nào trong ba cõi, bốn loài dù là một phạm thiên, một đại Brāhman! Tôn giả hãy chiêm nghiệm xem tôi nói thế có đúng với sự thật không?

- Thưa, hoàn toàn đúng với chân lý!

- Như thế, vấn đề đã được giới hạn lại, chỉ còn bệnh nghiệp! Nghiệp ở nơi thân thì có từ thân khẩu. Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh thì bệnh tật, ốm đau, ngũ quan khuyết tật, yếu thọ, chết dữ; thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh thì thiếu bệnh, thiếu tật, mạnh khỏe, ngũ quan kiện toàn, tốt đẹp và trường thọ! Vậy muốn tu tập thì phải sử dụng ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh; nói cách khác là phải giữ gìn, thu thúc thân khẩu và trì bình khát thực nuôi mạng chân chánh, có một đời sống thiểu dục, tri túc là đủ, chứ cần gì khổ hạnh này, khổ hạnh kia, có phải vậy không tôn giả?

- Đúng vậy, có một đời sống chừng mực, tiết độ trong tứ sự thì nó không những hỗ trợ cho ngữ nghiệp mạng trở nên trong lành, thiện lương, cao cả, phạm hạnh, mà còn làm cho khí huyết lưu thông, tứ đại điều hòa, an ổn. Tôi cũng từng biết như thế và từng sống như thế mấy chục năm nay, thưa hiền giả!

- Vậy vấn đề còn lại của chúng ta là bệnh tâm, là sầu bi khổ ưu não, cái mà tôi gọi là dukkha đấy, thưa tôn giả!

- Cái mà Vedantā nói là māyā thì nó có liên quan gì đến

dukkha?

- Thế giới vạn hữu xung quanh ta, vũ trụ, trăng sao, núi sông, xuân hạ thu đông, nắng mưa, ngày đêm, muôn đời vẫn vậy, nó luôn bất toàn, không có thực tính, rỗng không, vô thường biến dịch! Con người vì không thấy rõ như thực ấy, do vô minh, do khát vọng, do dục vọng tầm cầu nên cứ muốn đi tìm cái đại toàn, cái bản thể tự tại, cái nhất nguyên tuyệt đối, cái chân ngã thường trụ, cái chân thường bất diệt nên đã biến cái thế giới như thực ấy thành m \ddot{a} y \ddot{a} , thành dukkha! Đây là nói đến các tôn giáo, tín ngưỡng trên châu Diêm-phù-đề, nói đến những sứ giả tâm linh, những hành giả lên đường hướng thiện và hướng thượng! Riêng đối với chúng sanh thấp thỏi, hạ liệt, do muốn thỏa mãn các dục nên đã chạy bắt những lý tưởng, những ước mơ sai với định luật, nhân quả nghiệp báo; tìm kiếm danh vọng, địa vị, quyền lực, lợi dưỡng sai với định luật nhân quả nghiệp báo rồi tạo nên muôn trùng khổ đau tại thế, lôi kéo theo chiến tranh, máu lửa, hận thù, thủ đoạn, giết giành, gian xảo, oan trái, làm than, đổ ky, ganh ghét, phản bội, bạc tình, vong ân bội nghĩa...

- Tôi hiểu rồi, tôi hiểu rồi hiền giả! Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa gặt đầu liên tục - Chúng muốn biến thế gian bên ngoài sao cho hợp với bầu vô minh và dục vọng vô độ của chúng, nên cái như thực, định luật tự nhiên của nhiên giới, chợt trở thành m \ddot{a} y \ddot{a} huyền hóa, phản ánh thành dukkha ở bên trong, cái mà hiền giả gọi là bệnh tâm: Sâu bi khổ ưu não!

- Chính thị! Đức Phật rất hoan hỷ sự lãnh hội của đạo sĩ, nói tiếp – Cái hoa đẹp, muốn nó thường tồn, đẹp mãi; muốn không được trở thành dukkha! Tuổi trẻ thanh xuân chóng qua, tiếc rẻ; đã già rồi mà vẫn còn muốn trẻ, muốn đẹp mãi; muốn không được trở thành dukkha! Một lý tưởng, một ước mơ, một hoàn cảnh, một hiện tượng từ lục căn với lục trần

tương quan phát sanh nó đưa đến bất như ý, bất toại nguyện cũng đều là thuộc tính của dukkha cả!

Và gốc nguồn của tất cả dukkha chính là ngũ uẩn, chính là chấp thủ ngũ uẩn; nghĩa là chấp thủ sai lầm sắc thân, chấp thủ sai lầm cảm thọ, chấp thủ sai lầm tâm hành, chấp thủ sai lầm về thức tri!

Và thế rồi, đức Phật cận kề, tận tình bảo đạo sĩ nhắm mắt lại, quán chiếu nội tâm, lắng nghe thử sự trôi chảy, sinh, trụ, diệt của mỗi sắc, của mỗi cảm thọ, của mỗi tri giác, của mỗi trạng thái tâm lý, của mỗi thức tri! Rồi đức Phật tự để cho đạo sĩ thấy rõ rằng: Thân và tâm chúng vận hành tương quan, tác động duyên khởi; mỗi cảm thọ, mỗi tri giác, mỗi tâm lý, mỗi thức tri đều trôi chảy liên li, kế tiếp nhau như những giọt nước kế tục tạo cho ta ảo giác có một dòng sông! Ở đó không có một thực tính, một tự thể, một ngã tính nào cả! Vì vô thường nên vô ngã, đây là sự thực có thể chứng nghiệm ngay chính trong lòng mình, chứ không phải cận cợt trên bề mặt của nhận thức! Ai thấy rõ vô thường vô ngã thì bước ra khỏi thế giới māyā, chấm dứt dukkha, nghĩa là chấm dứt toàn bộ phiền não, khổ đau trên đời này!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa chột mỉm cười:

- Quả thật chẳng có cái ngã tính nào ở nơi thân tâm này; cho đến sự tập hợp của sắc thọ tưởng hành thức nó cũng trôi chảy trong dòng trôi chảy, sinh diệt, tương quan, tương tác; có cái này thì có cái kia, không có cái này thì không có cái kia, chẳng có đâu là cái chủ thể, cái yoni như trong thức giác Upanishad đã nói! Chẳng có một linh hồn, một tiểu ngã (atta) nào tồn tại, thừa hiên giả!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy còn đức Brāhman chí tôn, đấng hóa sinh muôn loài? Cấp độ cuối cùng của thiên định là hòa tan tiểu ngã vào đại ngã thì sao nhỉ?

- Tiểu ngã không thực hữu, không tự tính còn đại ngã

chính là các luật tắc của vũ trụ, hòa tan vào đây mà làm gì! Thừa hiền giả, vấn đề còn lại là dukkha, là sầu bi khổ ưu não mà thôi!

- Hãy nhìn xem, hãy quán chiếu mà xem! Khi tuệ như thực - chánh kiến, chánh tư duy - nhìn ngắm sắc thọ tưởng hành thức như thực, đừng cho uẩn nào chồng chất lên đây cả thì sầu bi khổ ưu não có có mặt không, tôn giả?

- Thừa không! Đạo sĩ đáp – Nhưng nếu chúng có mặt?

- Hãy dùng chánh niệm, chánh định ghi nhận chúng, nó sẽ yên lặng, sầu bi khổ ưu não sẽ không quấy nhiễu nữa; và sau đó sẽ phát sanh kiến và tư duy chơn chánh. Định như thực năng sinh tuệ như thực là vậy!

Thế là đức Phật đã giảng nói Tứ Diệu Đế theo kiểu khác, ban đầu là tháo gỡ những tri kiến cũ, sau đó là hé lộ cho đạo sĩ thấy rõ dukkha, nguyên nhân của dukkha, cuối cùng là phô bày đạo lộ Bát chánh một cách rất thiện xảo vậy.

Tâm, tuệ bừng sáng, vô minh diệt, minh hiện, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa như thức tỉnh sau một triệu kiếp đặc đầy hư vô, chỉ trong mấy sát-na, ông đắc luôn quả vị A-la-hán và các thần thông; ông quỳ năm vóc sát đất, đánh lễ đức Phật với sự tri ân dạt dào:

- Với kiến thức siêu quần bạt tụy, với biện giải minh nhiên vô ngại, với trí tuệ quảng bác vô tỉ, với thần thông vô biên siêu thế, ngài đúng là một vị Phật, một đức Như Lai Thế Tôn, một bậc Chánh Đẳng Giác muôn triệu năm mới có một lần! Đệ tử bây giờ mới biết rõ, thấy rõ như vậy! Xin đức Thế Tôn cho đệ tử được sám hối bởi những mạo phạm vô ý hoặc do ngu si không thấy, không biết trước đây!

Đức Phật cứ để tự nhiên cho đạo sĩ Uruvelā-Kassapa quỳ lạy; ngài mỉm nụ tiểu sinh tâm rồi sử dụng liên tiếp ba loại hào quang để nhiếp phục luôn hội chúng quanh đây. Đầu tiên là hào quang sáng diệu, thanh trong như phạm thiên Sahampati nhưng lớn rộng hơn nhiều, bao trùm cả khu rừng.

Tiếp theo, hào quang kia chợt chuyển màu, lung linh sáu sắc, chập chờn chuyển động, uốn lượn như sáu con giao long. Cuối cùng, hào quang thu nhỏ lại dần dần, rút lui về am thất, bao tròn xung quanh ngài như một quả cầu pha-lê rồi nằm yên mãi như thế.

- Nay Kassapa-Uruvelā! Như Lai là Phật, là bậc Chánh Đẳng Giác, điều đó ông đã biết rồi; và ông cũng đã là một vị A-la-hán có thần thông! Vậy thì hãy hướng tâm để biết một số kiếp trước đây của Như Lai, biết về cuộc đời và hành trạng của Như Lai trong kiếp này, sau này sẽ có lợi cho giáo pháp trên đường hoằng hóa!

Vâng mệnh, đạo sĩ bèn hướng tâm (đức Phật hỗ trợ thêm năng lực) quả là thấy rõ từ thời đức Phật Dīpaṅkara, đạo sĩ Sumedha được thọ ký ra sao, tu tập công hạnh ba-la-mật trải qua hai mươi bốn vị Chánh Đẳng Giác thế nào. Kiếp cuối cùng làm người với năm đại thí, lên cõi trời Tusita, giáng sanh cõi người làm thái tử con vua Suddhodana, hoàng hậu Mahāmāyā. Lớn lên, sở học, sở tài, kết hôn với công chúa Yasodharā, hài nhi mới sinh Rāhula, xuất gia tầm đạo, sáu năm khổ hạnh rồi giác ngộ giải thoát nhờ pháp hành trung đạo tại cội cây Assattha bên kia bờ nam con sông Nerañjarā; thứ đến, suốt bốn mươi chín ngày ngài không ăn, quanh quần bên cội Bodhirukha để hoàn thiện giáo pháp, phạm thiên Sahampati thỉnh ngài lên đường chuyển pháp, độ cho năm bạn đồng tu Koṇḍañña, Yasa cùng năm mươi lăm thân hữu tại Lộc Uyển... mỗi mỗi đều hiện rõ như trong lòng bàn tay của ông!

Thấy xong, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa xin xuất gia tỳ-khưu. Đức Phật bảo ông đọc ba lần Tam quy như là nghi thức, sau đó nói rằng, ông đã là một vị tỳ-khưu chơn chính, giáo pháp trong tâm ông đã có đủ, hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng để đem đến hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Khi đức Phật và vị tân A-la-hán bước ra hiên thì đèn đuốc sáng rực cả một rừng, mấy trăm đạo sĩ đứng ngồi lố nhố. Chính oai lực thần thông phóng ba loại hào quang của đức Phật đã hấp dẫn họ đến đây. Ba vị đệ tử lớn còn kể thầm cho họ nghe rằng, thầy của họ, hôm nay mới biết vị sa-môn kia là một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác; thầy đã quỳ lạy sát chân ngài, xin quy y, thọ tỳ-khưu giới, xưng mình là đệ tử... Và dường như không ai ngạc nhiên cả: Người mà Tứ đại thiên vương, Đế-thích thiên chủ, Đại phạm thiên xuống hầu suốt đêm thì nhất định là bậc tối cao hơn rồi! Hơn nữa, từ lâu, họ kính ngưỡng, xem thầy họ như vị thần; thầy họ mà cải giáo theo thì dĩ nhiên việc làm ấy là đúng rồi!

Biết ý thầy và trò họ sẽ còn nói chuyện với nhau, đức Phật đi lên hang đá nghỉ đêm. Trưa, khát thực ở một làng xa, độ ngộ xong, đức Phật xuống am thất của đạo sĩ, ông ta cho biết là đồ chúng đã sẵn sàng, đã chuẩn bị quy y và thọ giới tỳ-khưu theo chánh pháp. Đức Phật tỏ vẻ khen ngợi rồi bàn với đạo sĩ về việc cạo sạch râu tóc và chuẩn bị y bát cho hội chúng; làm thế nào để chư vị tỳ-khưu sơ tu toát ra một tầng tướng trang nghiêm, thanh tịnh, biểu tượng trung đạo chứ không thể để họ lôi thôi, lếch thếch như những hình ảnh các đạo sĩ khổ hạnh trước đây!

Tôn giả Uruvelā-Kassapa nói:

- Đệ tử hiền và đã chuẩn bị một phần theo tinh thần mà đức Thế Tôn vừa giáo giới. Trong cuộc lễ tế thần vừa rồi, mấy ngàn giáo đồ dâng cúng lễ phẩm, trong đó có khá nhiều vải dành cho hội chúng vào mùa rét lạnh sắp tới. Đệ tử đã cho chia phần, cho nhuộm màu vàng hoại sắc giống như chín mươi vị A-la-hán đang đi hoằng hóa bốn phương vậy!

Đức Phật gật đầu:

- Tốt, ông rất chu đáo, đã biết được ý của Như Lai; vậy lúc nào xong xuôi, hãy cho tụ hội một nơi rộng rãi, thoáng đãng, Như Lai sẽ làm lễ thọ giới cho họ!

Thế là một cuộc thay đổi vĩ đại, một sự chuyển hóa vĩ đại, một cuộc thọ giới tỳ-khưu vĩ đại xảy ra ở bờ bắc sông Nerañjarā: Năm trăm đạo sĩ râu tóc sạch sẽ, mặc y màu vàng hoại sắc được đức Phật cho làm lễ xuất gia tỳ-khưu. Họ đồng quỳ xuống bên sau tân tỳ-khưu Uruvelā-Kassapa đọc ba lần câu Tam quy vang động cả một vùng sông nước, khí thế bốc chín tầng mây:

“-Buddham saranam gacchāmi. Dhammam saranam gacchāmi. Saṅgham saranam gacchāmi”.

(Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Phật. Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Pháp. Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Tăng).

Chỉ có đức Phật và Uruvelā-Kassapa mới nghe thấy được chư thiên trong vùng hoan hỷ ca ngợi và tung rải hoa trời phát phối...

Đức Phật bàn với Uruvelā-Kassapa lựa chọn chừng vài mươi tỳ-khưu có trình độ để ngài giảng những giáo pháp căn bản, những hành trì căn bản cũng như những luật nghi cần thiết của đời sống sa-môn hạnh. Hội chúng tuân lệnh răm rắp. Uruvelā-Kassapa và ba người đệ tử trưởng quả là những người có khả năng lãnh đạo và khả năng tổ chức. Họ đã tự động chia nhóm, phân tổ rồi truyền đạt có hiệu quả những lời dạy của đức Phật về đời sống trung đạo, hướng đến giác ngộ, giải thoát như thế nào.

Đạo tràng của đạo sĩ Nadī-Kassapa và đồ chúng ở về phía hạ lưu, một hôm trông thấy những chùm tóc bện, y áo bằng vỏ cây, da thú, một số vật dụng tế thần lửa trôi bồng bênh trên sông - tưởng đạo tràng của ông anh của mình gặp nạn nên hồi hải, bươn bả lên xem. Ngạc nhiên xiết bao: Cả rừng người đều đã đổi khác! Cuộc đàm đạo sau đó xảy ra giữa hai anh em, và Nadī-Kassapa cùng ba trăm chúng đệ tử đồng thuận cải giáo. Ông em thứ ba là Gayā-Kassapa cùng với hai trăm đồ chúng, sự việc cũng tương tự như thế. Vậy là

chỉ sau mấy hôm, đức Phật đã nhiếp hóa trọn vẹn ba anh em nhà Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ trở thành một ngàn lẻ ba vị tỳ-khuru!

Hôm kia, dẫn đầu là đức Phật, ba anh em Kassapa, sau đó là một ngàn vị tỳ-khuru mặc y màu lõi mít lẫn lộn với màu vàng đất, râu tóc sạch sẽ, thứ tự, trang nghiêm tản mạn khắp các thôn làng để trị bình khát thực. Hình ảnh ấy tạo một ấn tượng rất mạnh, rất đẹp trong lòng quần chúng. Trưa, tất cả thanh tịnh, lặng lẽ ngồi độ thực tại vùng đồi Gayāsīsa (Tượng Đầu sơn).

Hôm ấy, trời trong, mây nhẹ, đức Phật lựa ngồi trên một tảng đá cao có thể bao quát hội chúng, có ba anh em Kassapa ngồi hầu bên cạnh, ngài đã hiển uy sư vương để thuyết pháp với âm giọng trầm hùng như tiếng hải triều, như sấm giông giữa trời mưa:

- Này các thầy tỳ-khuru! Các thầy có thấy chằng, tất cả đều đang bị bốc cháy, tất cả đều đang bị thiêu đốt! Cái gì đang bị thiêu đốt, cái gì đang bị bốc cháy, các thầy có biết không? Hãy nghe đây! Mắt đang nằm trong lửa, mắt đang bị bốc cháy! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều đang nằm trong lửa, chúng cũng bị bốc cháy! Nghĩa là cả sáu loại giác quan đều đang bị bốc cháy! Các đối tượng của chúng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đang nằm trong lửa, cũng bị bốc cháy! Rồi cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm, cái suy nghĩ đang nằm trong lửa, cũng bị bốc cháy! Lục căn, lục trần, lục thức đều ở trong lửa, đều đang bị thiêu đốt và bốc cháy! Vậy thì lửa ấy ở đâu, do từ đâu có?

Này các thầy tỳ-khuru! Chúng bị bốc cháy bởi lửa tham dục, lửa sân hận, lửa si mê; rồi chúng bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng!

Này các thầy tỳ-khuru! Tất cả mọi cảm thọ đều đang bị bốc cháy! Các cảm thọ đi qua mắt, qua tai, qua mũi, qua

lưỡi, qua thân, qua ý cũng đều bị bốc cháy. Dù là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ hay cảm thọ xả, chúng cũng đang bị bốc cháy! Lửa cháy bởi đâu? Cũng tương tự vậy! Chúng bốc cháy bởi lửa tham dục, lửa sân hận, lửa si mê; rồi chúng bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng!

Này các thầy tỳ-khưu! Là đệ tử thuần thành của bậc thánh nhân, là sa-môn đi theo giáo đoàn thanh tịnh, các thầy đừng để bị bốc cháy theo với các ngọn lửa tham dục, sân hận, si mê trong lòng mình; đừng để bị bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng! Vậy thì phải làm như thế nào, tu tập như thế nào, hành trì như thế nào để khỏi bị bốc cháy?

Này các thầy tỳ-khưu! Hãy nhận rõ như thực như chân điều này: Khi lục căn tiếp xúc với lục trần liền phát sanh các cảm thọ! Khi có các cảm thọ là các ngọn lửa bắt đầu âm ỉ để bốc cháy! Vậy phải tự hiểu, tự chiêm nghiệm, tự thức tri để nhàm chán, viễn ly các ái lúc xúc đối với ngoại cảnh, với lục trần. Nói cách khác, phải nhàm chán, viễn ly sắc thanh hương vị xúc pháp do khả ái, khả ý, khả lạc bởi chúng sẽ làm cho toàn bộ thân tâm bị bốc cháy. Và khi làm như thế, các thầy sẽ vắng lặng, buông xả, cắt lìa mọi tham dục, mọi sân hận, mọi si mê kéo theo sự chấm dứt sanh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng. Tâm và trí của các thầy một khi đã tận diệt mọi ô nhiễm, sẽ nếm thưởng hương vị của giáo pháp bất tử, của niềm vui siêu thế. Như vậy là các thầy đã viên mãn đời sống thiêng liêng phạm hạnh của bậc thánh nhân, đã làm xong những việc cần phải làm, không còn trở lại cuộc luân hồi tái sanh thống khổ nữa!

Đức Phật thuyết xong thời pháp “Tất cả đều bị bốc

cháy” (Āditta-pariyāya) thì cả hội chúng một ngàn lẻ hai vị tỳ-khưu đều đắc quả A-la-hán! Cả vùng sông nước, núi đồi miền Gayāsīsa hôm ấy cũng chợt trở nên vắng lặng, thiêng liêng và thanh khiết một cách lạ lùng!

Suốt mấy tháng liên tiếp sau thời pháp lịch sử ấy, đức Phật ở lại Gayāsīsa, khi ở hang động này, khi sang hang động khác để tĩnh cư; thời gian còn lại, ngài tuần tự giảng nói các giai đoạn sơ thiện, trung thiện và hậu thiện để giáo huấn hội chúng. Cả chân trời giáo pháp sâu và rộng được tuần tự mở ra trước tầm mắt họ, thuận lợi cho việc tuyên dương hoằng hóa sau này!

MỤC LỤC

Vương Quốc Cổ Xưa	7
Tại Cung Trời Tusita.....	20
Đại Bồ-Tát Đản Sanh.....	24
Lời Tiên Tri Của Đạo Sĩ Asita.....	30
Lễ Quán Đỉnh.....	39
Lễ Hạ Điền ⁰	44
Con Đường Học Vấn	50
Tuổi Thơ Và Tình Thương Của Thái Tử	63
Ngọc Vàng	75
Thi Tài Võ Nghệ	85
Trong Cung Vui Và Những Dự Thảo	101
Đêm Khuya Nghe Gió Thở Dài	119
Tấm Lòng Với Cuộc Đời	130
Ba Giác Mộng Của Nàng Yasodharā.....	138
Ý Nghĩa Và Giá Trị Cuộc Sống.....	148
Bốn Vị Sứ Giả.....	156
Giác Mộng Của Đức Vua Suddhodana.....	186
Ra Đi Lúc Hoàng Thành Say Ngủ	198
Gót Khát Sĩ Lang Thang	219
Vị Đạo Sư Đầu Tiên.....	232
Gặp Gỡ Đức Vua Seniya Bimbisāra	245
Vị Đạo Sư Thứ Hai	261
Rừng Khổ Hạnh	270
Tám Nệm Cỏ Kusa.....	287
Một Vàng Nhật Nguyệt.....	303
Bốn Mươi Chín Ngày Sau Khi Thành Đạo.....	313
Giống Trống Pháp Bất Tử.....	331
Giáo Hoá Năm Người Bạn Đồng Tu	335
Kinh Chuyên Pháp Luân	339
Kinh Vô Ngã Tướng	366
MÙA AN CƯ ĐẦU TIÊN.....	375

Hoá Độ Công Tử Yasa Cùng Với Bạn Hữu	376
Những Bài Pháp Quan Trọng Tại Lộc Uyển.....	393
Hãy Ra Đi Như Những Cánh Chim Trời Tự Do	400
Hoá Độ Nhóm Vương Tử Ham Chơi	405
Về Thăm Lại Cội Cây Giác Ngộ	413
Nhiếp Hoá Anh Em Đạo Sĩ Kassapa.....	417

NHÀ XUẤT BẢN...

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :

**Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn
Quán**

Sửa bản in :

In quyển, khổ 14 x 20.5 cm tạiSố
đăng ký KHXB: Quyết định xuất bản số:
....., cấp ngày In xong và nộp
lưu chiểu
